



DẤU ẨN VÕ VĂN KIỆT THỜI KỲ ĐỔI MỚI

(Tuyển chọn tài liệu lưu trữ)

CỤC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC
TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA III



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

DẤU ẤN VÕ VĂN KIỆT THỜI KỲ ĐỔI MỚI

(Tuyển chọn tài liệu lưu trữ)



Chịu trách nhiệm xuất bản

GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. Phạm Minh Tuấn

Chịu trách nhiệm nội dung

PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
ThS. Phạm Thị Thinh

Biên tập nội dung: **ThS. Bùi Thị Ánh Hồng**

ThS. Hoàng Thị Thu Hường

ThS. Trần Minh Ngọc

ThS. Đỗ Phương Mai

Phạm Thị Thu Phương

Trình bày bìa: **Đường Hồng Mai**

Chép bản vi tính: **Hoàng Minh Tám**

Đọc sách m u: **Trần Minh Ngọc - Huỳnh Thanh Mộng**

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội, ĐT: 080 49221, Fax: 080 49222, Email: suthat@nxbctqg.vn

Website: www.nxbctqg.org.vn, Sách điện tử: www.stbook.vn, www.thuvienicoso.vn

DẤU ẨN
VŨ VĂN KIỆT
THỜI KỲ ĐỔI MỚI

(Tuyển chọn tài liệu lưu trữ)

CỤC VĂN THƯ VÀ LUU TRỮ NHÀ NƯỚC
TRUNG TÂM LUU TRỮ QUỐC GIA III

Dấu ấn
VÔ VĂN KIỆT
THỜI KỲ ĐỔI MỚI

(Tuyển chọn tài liệu lưu trữ)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2022

CHỊU TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ
Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước
Trung tâm Lưu trữ quốc gia III

BAN BIÊN SOẠN

ĐẶNG THANH TÙNG
PHẠM THỊ THỊNH
TRẦN VIỆT HOA
BÙI THỊ ÁNH HỒNG
HOÀNG THỊ THU HƯƠNG
NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP
LÊ THỊ LÝ
NGUYỄN THỊ HƯƠNG
NGUYỄN THỊ NHU QUỲNH
TRẦN THỊ HOÀN
TRẦN THỊ NHUNG
LƯƠNG THỊ HỒNG MINH
NGUYỄN THỊ SƠN
TRẦN THỊ DUNG
NGUYỄN THỊ KIM CHI



Đồng chí VÕ VĂN KIỆT
(1922 - 2008)

LỜI GIỚI THIỆU

Dồng chí Võ Văn Kiệt - người con ưu tú của quê hương Vĩnh Long - nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta; người chiến sĩ cách mạng kiên trung, suốt đời phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân.

Gần 70 năm hoạt động cách mạng vô cùng phong phú và sôi nổi, từ khi còn lăn lộn với phong trào cách mạng ở quê hương Vĩnh Long, ở Tây Nam Bộ, Sài Gòn - Gia Định rồi Thành phố Hồ Chí Minh, cho đến khi giữ cương vị Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, cuộc đời của đồng chí Võ Văn Kiệt gắn liền với những chặng đường đấu tranh hào hùng, oanh liệt, vẻ vang của Đảng và nhân dân ta, có nhiều đóng góp lớn, cung toàn Đảng, toàn dân vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên.

Với tầm tư duy chiến lược, sắc sảo, nhạy bén, sáng tạo, với quyết tâm đổi mới, quyết đoán, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, tác phong sâu sát, gắn bó máu thịt với nhân dân, luôn tìm tòi, trăn trở, bám sát thực tiễn cách mạng, đồng chí Võ Văn Kiệt đã đóng góp xứng đáng vào quá trình hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối đổi mới đất nước. Đồng chí đã cùng các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước ta lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân tiến hành công cuộc đổi mới, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cải thiện đời sống nhân dân, tăng cường xây dựng hệ thống chính trị, giữ vững quốc phòng - an ninh, không ngừng mở rộng quan hệ



đổi ngoại, nâng cao vị thế đất nước ta trên trường quốc tế. Nhiều công trình lớn như Thủy điện Trị An, khai phá Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên, đường dây tải điện 500 kV Bắc - Nam, đường Bắc Thăng Long - Nội Bài, Nhà máy lọc dầu Dung Quất... đã gắn liền với tên tuổi, dấu ấn của đồng chí Võ Văn Kiệt, khẳng định tầm nhìn, bản lĩnh của người lãnh đạo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Xuất bản cuốn sách **Dấu ấn Võ Văn Kiệt thời kỳ đổi mới** vào dịp kỷ niệm 100 năm Ngày sinh đồng chí Võ Văn Kiệt (23/11/1922 - 23/11/2022) là một việc làm rất có ý nghĩa, góp phần tri ân công lao của đồng chí Võ Văn Kiệt với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc ta. Trong cuốn sách này, các bài viết, bài phát biểu, ý kiến chỉ đạo, lãnh đạo, quyết định... của đồng chí Võ Văn Kiệt đều mang đậm dấu ấn của đồng chí đối với các ngành, lĩnh vực, địa phương, lực lượng xã hội, phản ánh tư tưởng, tình cảm, trách nhiệm của một người lãnh đạo hết lòng vì sự lớn mạnh của đất nước, vì hạnh phúc của nhân dân, cùng tư duy mẫn tiệp, nhạy bén, khơi dậy và phát huy sức mạnh toàn dân đồng lòng, chung sức tiến hành công cuộc đổi mới. Cuốn sách là nguồn tư liệu quý, giúp cho bạn đọc, nhất là đội ngũ cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ hôm nay thấu hiểu hơn cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của đồng chí Võ Văn Kiệt - một học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2022



VÕ VĂN THUỞNG

Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư

LỜI NÓI ĐẦU

Đồng chí Võ Văn Kiệt (sinh ngày 23/11/1922, mất ngày 11/6/2008), tên thật là Phan Văn Hòa, bí danh Sáu Dân, là một tấm gương mẫu mực, nhà lãnh đạo tài năng, có uy tín lớn của Đảng và Nhà nước ta. Sinh ra trên vùng đất giàu truyền thống của quê hương Vĩnh Long, đồng chí Võ Văn Kiệt sớm tham gia phong trào cách mạng. Năm 17 tuổi, đồng chí được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương; tham gia khởi nghĩa Nam Kỳ, đấu tranh giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Trong suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, đồng chí Võ Văn Kiệt giữ nhiều cương vị công tác quan trọng tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ, Sài Gòn - Gia Định, Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam. Đồng chí luôn thể hiện tinh thần cách mạng tiến công, năng động và sáng tạo trong việc tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng.

Đất nước thống nhất, đồng chí Võ Văn Kiệt giữ nhiều trọng trách như: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng - Thủ tướng Chính phủ. Trên những cương vị được giao, đồng chí Võ Văn Kiệt đã có nhiều đóng góp quan trọng, cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thực hiện đường lối đổi mới đất nước với những thắng lợi to lớn. Với tầm nhìn xa trông rộng



và tư duy nhạy bén, đồng chí Võ Văn Kiệt đã có nhiều quyết sách quan trọng, cùng tập thể lãnh đạo Đảng và Nhà nước đưa đất nước ta vượt qua giai đoạn khó khăn, khủng hoảng và từng bước vươn lên đạt nhiều thành tựu trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Tên tuổi của đồng chí Võ Văn Kiệt gắn liền với những công trình, những dự án lớn trên khắp mọi vùng miền của Tổ quốc như thủy điện Trị An, khai phá Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên, đường dây tải điện 500 kV Bắc - Nam, công trình xa lộ Bắc - Nam, đường Bắc Thăng Long - Nội Bài, Nhà máy lọc dầu Dung Quất và phát triển ngành dầu khí, viễn thông, hàng không, các tổng công ty lớn của Nhà nước, các trường đại học quốc gia, các khu công nghệ cao, Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam...

Trong thời gian đảm nhận trọng trách người đứng đầu Chính phủ, tâm huyết, tài năng và sức lao động của đồng chí Võ Văn Kiệt được phát huy cao độ. Bằng sự mẫn cảm chính trị, tầm tư duy chiến lược, quyết đoán và sự nặng lòng với đất nước, với nhân dân, đồng chí luôn có mặt ở những nơi thực tiễn cuộc sống đòi hỏi; lắng nghe, tìm hiểu thực tiễn từ cơ sở, nắm bắt kịp thời những kinh nghiệm quý báu để tìm ra giải pháp, từng bước tháo gỡ những vướng mắc, khắc phục hạn chế, mang lại những kết quả nổi bật.

Để ghi lại những dấu ấn nổi bật và công lao to lớn của đồng chí Võ Văn Kiệt trong những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nhân kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của ông (23/11/1922 - 23/11/2022), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật phối hợp với Trung tâm Lưu trữ quốc gia III thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước xuất bản cuốn sách **Dấu ấn Võ Văn Kiệt thời kỳ đổi mới (Tuyển chọn tài liệu lưu trữ)**. Cuốn sách tuyển chọn các tài liệu lưu trữ phản ánh những dấu mốc quan trọng từ thực tiễn



chỉ đạo của đồng chí Võ Văn Kiệt trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, ngoại giao. Các bài viết, bài phát biểu, thư, điện... của đồng chí Võ Văn Kiệt thể hiện rõ tư duy đổi mới cùng những quyết định lớn, những ý kiến chỉ đạo của đồng chí đối với tất cả các ngành, lĩnh vực, địa phương, lực lượng xã hội, bao quát hầu như mọi vấn đề cấp thiết của đất nước, phản ánh tầm nhìn chiến lược, tư duy nhạy bén của đồng chí nhằm khơi dậy và phát huy tiềm lực, khả năng của các vùng, miền chung sức, đồng lòng tiến hành công cuộc đổi mới thắng lợi.

Cuốn sách là sự tri ân của các thế hệ hiện nay đối với những công lao, đóng góp của đồng chí Võ Văn Kiệt trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, đồng thời góp phần giáo dục truyền thống cách mạng, tinh thần yêu nước, tư duy đổi mới, sáng tạo của thế hệ trẻ trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay; giúp các nhà lãnh đạo, quản lý đúc rút kinh nghiệm, vận dụng vào quá trình lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ cách mạng, góp công sức của mình cùng toàn Đảng, toàn dân xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thịnh vượng, dân chủ, công bằng, văn minh.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 10 năm 2022

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
TRUNG TÂM LUU TRỮ QUỐC GIA III -
CỤC VĂN THƯ VÀ LUU TRỮ NHÀ NƯỚC

Phần I

DÂU ÂM
VÕ VĂN KIỆT
TRONG LĨNH VỰC KINH TẾ



PHÁT BIỂU KẾT LUẬN
HỘI NGHỊ BÀN VIỆC THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT SỐ 31-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 31/HĐBT CỦA HỘI ĐỒNG
BỘ TRƯỞNG VỚI CÁC TỈNH NAM BỘ

Ngày 30, 31 tháng 3 năm 1986

Hội nghị đã nghiên cứu Nghị quyết số 31/HĐBT ngày 28/3/1986 của Hội đồng Bộ trưởng “Về những chủ trương, biện pháp cấp bách để triển khai thực hiện Nghị quyết số 31-NQ/TW của Bộ Chính trị”. Các đồng chí cũng đã nghe ý kiến của các đồng chí lãnh đạo các ngành về các biện pháp cấp bách để phục vụ việc triển khai Nghị quyết: vật tư, lương thực, xây dựng, lâm nghiệp, nông nghiệp, giao thông, vật giá, nội thương, ngoại thương,...

Điều rất đáng mừng là Hội nghị chúng ta hoàn toàn nhất trí với Nghị quyết 31 của Bộ Chính trị cũng như Nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng, nhận thức sâu sắc rằng đây là những chủ trương, biện pháp cực kỳ quan trọng, có ý nghĩa đặc biệt, khẩn cấp, là trung tâm đột xuất, các việc khác phải kết hợp chặt chẽ với công tác trung tâm đột xuất này. Đây là yêu cầu của Đảng và Nhà nước và cũng là nguyện vọng bức thiết của nhân dân mà chúng ta nhất thiết phải đáp ứng. Tiếp nhận ý kiến của các cuộc họp trưng cầu ý kiến các địa phương về bản dự thảo (tại Thành phố Hồ Chí Minh, Quy Nhơn và phía Bắc đầu tháng 3 vừa qua),



Nghị quyết số 31/HĐBT ngày 28/3/1986 của Hội đồng Bộ trưởng đã đề ra những chủ trương, biện pháp cụ thể nhằm quán triệt đầy đủ Nghị quyết số 31-NQ/TW của Bộ Chính trị và vận dụng phù hợp với tình hình đang diễn biến ở các địa phương. Vì vậy, các đồng chí ở các địa phương cũng như các ngành, trong khi phát biểu, đều biểu thị sự nhất trí cao, với quyết tâm thực hiện một cách có trách nhiệm các nghị quyết trên của Bộ Chính trị và của Hội đồng Bộ trưởng. Đó chính là kết quả lớn nhất của Hội nghị chúng ta.

Để kết luận hội nghị, tôi xin phát biểu một số ý kiến, nhấn mạnh thêm một số vấn đề sau đây:

1. Về vật tư, hàng hóa phục vụ sản xuất và mua lương thực, nông sản

Cũng như trong các cuộc hội nghị trước, chúng ta đã nhấn mạnh: phải coi sản xuất là gốc, giải quyết thật tốt các vật tư cho sản xuất, trước mắt là cho vụ lúa hè thu, đồng thời không chỉ lo vật tư cho cây lương thực mà phải lo cả vật tư cho các cây công nghiệp (ví dụ như mía đường) và cho sản xuất hàng tiêu dùng. Trong khi nguồn vật tư còn rất hạn chế, phải tập trung cao độ cho các nhu cầu cấp bách nhất, đặc biệt là các vật tư (như ximăng, gỗ...) có thể dùng để đưa vào hợp đồng hai chiều phục vụ sản xuất và thu mua lương thực, hàng xuất khẩu. Trung ương đang bàn việc sắp xếp lại xây dựng cơ bản, bảo đảm các công trình trọng điểm, đền, hoãn một số công trình phi sản xuất để dành ra một số vật liệu xây dựng. Ở các địa phương cũng cần làm như vậy, dù rằng một số nơi, cơ quan làm việc, nhà ở của công nhân, viên chức còn quá thiếu thốn; các đồng chí cũng nên ráng chịu khổ thêm 1 - 2 năm nữa, để dồn vật liệu xây dựng cho các nhu cầu bức thiết hiện nay, đó là để



phục vụ sản xuất nông nghiệp và mua lương thực, nông sản, cây công nghiệp và hàng xuất khẩu. Sau hội nghị này, đề nghị các địa phương soát xét lại việc xây dựng cơ bản của địa phương cho thật chặt chẽ, theo tinh thần đó.

Vừa qua, để thực hiện Nghị quyết 31-NQ/TW của Bộ Chính trị, Hội đồng Bộ trưởng đã quyết định giao cho Bộ Lương thực một quỹ vật tư (mà các đồng chí đã biết, gồm có xăng dầu, ximăng, sắt thép, khung kho, tấm lợp,...) để đưa vào hợp đồng hai chiều thu mua thóc. Quỹ vật tư này được trích:

Một là, trong quỹ vật tư dành để thu đổi 2,7 triệu tấn lương thực mà Nhà nước đã phân bổ từ đầu năm cho các địa phương trong kế hoạch năm 1986 (như ximăng, gỗ, dầu lửa, vải...).

Hai là, điều động thêm trong quỹ vật tư bán lẻ trước đây định dành ra bán theo giá cao (xăng dầu, tấm lợp, sắt xây dựng...).

Bộ Lương thực cần bàn ngay với các bộ có trách nhiệm và Bộ Giao thông vận tải phân bổ ngay và công bố cho các tỉnh biết: số lượng từng loại vật tư, sẽ lấy ở đâu, vào thời gian nào (trong tháng 4/1986 và quý II/1986). Theo tôi, hợp lý nhất là Bộ Lương thực nên nắm kế hoạch phân phối cho thu mua từng nơi thật cụ thể, còn vật tư mua lương thực thì nên giao thẳng cho địa phương tương ứng với số lương thực cần mua. Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) chịu trách nhiệm điều hành thực hiện, chịu trách nhiệm quyết toán số vật tư nhận được. Các bộ có trách nhiệm cần chỉ đạo các cơ quan cung ứng vật tư trực thuộc thực hiện nghiêm chỉnh việc cung ứng vật tư theo kế hoạch được phân bổ (kể cả cho sản xuất và mua các loại nông sản, thực phẩm và cây công nghiệp khác). Trên cơ sở đó, các tỉnh ký kết hợp đồng ngay và phân bổ cho các huyện để kịp đưa vào mùa lương thực vụ đông xuân, hè thu và phục vụ vụ mùa tới.



Điều cần nhấn mạnh là chúng ta hết sức cố gắng có vật tư, hàng hóa để mở rộng hợp đồng hai chiều, thu hẹp đến mức thấp nhất diện mua bằng tiền, theo giá thỏa thuận. Tập trung sức giải quyết tốt vấn đề vật tư là một điều kiện cơ bản để nắm hàng vào tay Nhà nước. Đồng ý với đồng chí Phong (Đồng Tháp) là chi tiền mặt để mua thóc thì không sợ lạm phát, nhưng lúc này, số tiền lưu hành ngoài xã hội đã quá lớn, chúng ta giảm bớt phát hành chừng nào càng đỡ khó khăn chừng nấy. Phải rà lại và điều chỉnh kế hoạch phân phối vật tư, lương thực cho một số nơi (như Đồng Nai, Bến Tre...) để bổ sung cho hợp lý hơn. Và phải làm xong sớm các thủ tục giao nhận vật tư (đến 15/4 là cùng), không thể để các tỉnh ngồi chờ các ngành trung ương ký hợp đồng, gây chậm trễ cho các tỉnh trong việc thực hiện kế hoạch (Đồng Nai định tuyên bố hoàn thành kế hoạch vào ngày 31/3, nếu như trong 10 ngày nữa các bộ không ký hợp đồng với tỉnh). Tôi đề nghị: Bộ nào ký hợp đồng chậm tháng nào, tỉnh cứ chia ra mà trừ lùi kế hoạch theo thời gian tương ứng, và bộ đó phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng Bộ trưởng.

Tại hội nghị này, các đồng chí lãnh đạo các ngành phụ trách cung ứng vật tư đều hứa hẹn sẽ cố gắng thực hiện cho được “5 đúng”, nếu vì điều kiện nào đó mà chưa thực hiện được điểm nào thì cũng nói rõ với bên hợp đồng. Đây là điều hết sức quan trọng để Nhà nước nắm được lương thực và nông sản - điều kiện tiên quyết để ổn định giá cả, ổn định thị trường. Phải cam kết một cách nghiêm chỉnh, sòng phẳng với dân; kiên quyết khắc phục mọi tiêu cực, trước hết là về giá bán vật tư, nếu làm sai hợp đồng thì phải bồi thường, để người sản xuất yên tâm.

Tôi muốn nhắc lại một điều cực kỳ quan trọng: phải đưa vật tư, hàng hóa đến tận người sản xuất, người tiêu dùng. Thông qua



các hợp tác xã mua bán (cơ cấu tổ chức các hợp tác xã nông - công - thương - tín) mà đưa hàng hóa đến tận tay người tiêu dùng, đó là một biện pháp rất tốt để thực hiện sự liên minh giữa công nhân với nông dân, kể cả trong sản xuất và trong phân phối lưu thông. Điều này đòi hỏi sự chuyển biến rất mạnh mẽ của ngành nội thương, không nên chỉ chăm lo mở các “trung tâm thương nghiệp” lớn, dồn hàng cho các nơi đó mà xem nhẹ đối tượng quan trọng bậc nhất hiện nay là nông dân sản xuất lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp, hàng xuất khẩu... Phải xây dựng cho được quan hệ tin cậy giữa Nhà nước với nông dân, vận dụng linh hoạt các phương thức “mua sau, bán trước” hoặc “mua trước, bán sau”, có thể có bà con nông dân có nhu cầu, nhưng số lương thực, nông sản bán cho Nhà nước khi chưa đủ số tiền để mua, thì ta có thể bán chịu vụ này, vụ sau sẽ trả; hoặc ngược lại, Nhà nước mua chịu của bà con, ghi nợ lại và coi khoản đó như nông dân giữ tiết kiệm, Nhà nước trả lãi theo quy định... Trong khi vật tư, hàng hóa đưa về chưa đủ, chưa kịp, có thể kéo dài thời vụ thu mua, và cần bàn với bà con nông dân giữ nông sản lại để bán cho Nhà nước (không để cho tư thương tranh mua với Nhà nước). Cùng với các biện pháp kinh tế, cần vận dụng đồng bộ các biện pháp giáo dục, và khi cần thiết, phải vận dụng các biện pháp hành chính một cách thích hợp (nhất là đối với lương thực, phải thực hiện việc nhà nước độc quyền kinh doanh).

2. Về giá cả

Như nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng đã nhấn mạnh, vấn đề cấp bách nhất hiện nay là phải bằng mọi biện pháp đấu tranh bình ổn vật giá, kiểm soát và chi phối giá cả thị trường xã hội, lập lại trật tự và đề cao kỷ luật về giá, chặn đứng tình trạng giá lên cao, kéo giá thị trường tự do xuống.



Chúng ta nhận thức rằng giá cả là một lĩnh vực cực kỳ quan trọng cả về kinh tế và xã hội, song cũng hết sức phức tạp, vì nó thể hiện một cách tổng hợp các mối quan hệ lớn của nền kinh tế, do đó phải tính toán hết sức tỉ mỉ, phù hợp với thực tế của sản xuất và phân phối lưu thông trong từng thời gian, ở từng khu vực, nhằm *từng bước hình thành một mặt bằng giá* có tác dụng thúc đẩy sản xuất, mở rộng lưu thông, bảo đảm làm ăn có năng suất, chất lượng, hiệu quả và từ đó từng bước ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Như vậy, việc hình thành một hệ thống các loại giá phù hợp với đặc điểm nước ta phải là *một quá trình*, không thể giản đơn, nồng vội. Trước mắt, để ổn định giá cả, cần nhấn mạnh một số vấn đề sau đây:

a) *Về giá cả cung ứng vật tư*

Yêu cầu hàng đầu hiện nay là giữ cho được giá mua thóc (giá chuẩn), cái khung giá mua thóc ở từng vùng đã quy định. Các đồng chí ở địa phương đều cho rằng hiện nay giá đó được nông dân chấp nhận, với điều kiện là có vật tư. Vì vậy, về vật tư, trước hết, phải theo đúng giá của cơ quan có thẩm quyền quy định và tại địa điểm được ghi trong bản quyết định giá, cụ thể là tại cửa hàng cung ứng vật tư của huyện. Cơ quan vận tải phải cố gắng bảo đảm vận chuyển đến địa điểm, theo hợp đồng đã ký kết, không để các đơn vị tiêu thụ phải đi vận chuyển lối. Nếu gặp trường hợp khó khăn mà đơn vị tiêu thụ phải đi vận chuyển lối vật tư thì cơ quan cung ứng phải trừ vào giá giao các chi phí vận chuyển (bao gồm phí bốc xếp, phí vận chuyển, hao hụt...) theo giá cước vận tải Nhà nước quy định. Hoan nghênh đồng chí Khai (Bộ Giao thông vận tải) đã biểu thị quyết tâm của ngành bảo đảm các nhu cầu vận chuyển được phân công với các tỉnh Nam Bộ. Như trên tôi đã nói, thực hiện được đúng giá và đúng theo địa điểm



giao nhận vật tư cũng đã là điều rất đáng phán khởi và lấy lại được lòng tin giữa trên dưới và giữa Nhà nước với nông dân - điều mà các ngành trung ương phải nỗ lực rất lớn để thực hiện. Các cơ quan cung ứng vật tư phải đi vào hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Phân vật tư, hàng hóa đưa vào hợp đồng hai chiều phải được bán một giá thống nhất (bao gồm nguồn của Trung ương và nguồn của địa phương). Trường hợp vật tư của địa phương tự nhập phải bán theo giá của Trung ương quy định (là loại vật tư cơ bản, thuộc quyền Trung ương định giá) mà bị lỗ, thì sẽ được bù lại bằng một số biện pháp, trong đó có các biện pháp như:

- Quy định tỷ lệ kết toán nội bộ hoặc tỷ lệ giá thanh toán theo từng nhóm hàng cho thích hợp.
- Lập quỹ thu bù chênh lệch ngoại thương để bù cho các loại vật tư nhập về mà giá cao hơn giá bán ra trong nước.

Ủy ban Vật giá Nhà nước nên nghiên cứu thêm các biện pháp bù lỗ khác một cách nhanh chóng và thích hợp.

Riêng đối với thuốc trừ sâu, tốt nhất là mở rộng mạng lưới bảo hiểm cây trồng, vừa sử dụng thuốc một cách hợp lý, đúng theo nhu cầu trừ sâu ở từng vùng, từng thời gian, vừa tiết kiệm được thuốc, song ở nơi chưa có tổ chức bảo hiểm, phải bán trực tiếp cho người có yêu cầu thì phải quản lý chặt chẽ, tránh việc mua đi bán lại, và theo nguyên tắc không bù lỗ.

Còn đối với sản phẩm trong hợp đồng hai chiều mà Trung ương điều đi, thì giải quyết như sau:

- Phân sản phẩm Trung ương có vật tư, hàng hóa đổi lưu, thì Trung ương điều đi theo giá hợp đồng hai chiều.
- Ngoài ra, Trung ương điều đi theo giá thỏa thuận.



b) Về giá bán hàng tiêu dùng và dịch vụ

Theo tinh thần Nghị quyết của Bộ Chính trị và của Hội đồng Bộ trưởng, về bán giá lẻ hàng tiêu dùng và dịch vụ có ba loại:

- Loại hàng tiêu dùng và dịch vụ theo chính sách, như: thuốc bệnh, giấy viết học sinh, cước vận tải hành khách... đã công bố, nay vẫn giữ giá, không có gì thay đổi.

- Loại lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu, trong đó có những giá thuộc thẩm quyền của Hội đồng Bộ trưởng quyết định mà chưa quyết định thì nay quyết định và công bố; có một số ít mặt hàng đã quyết định, nhưng nay xét thấy cần điều chỉnh thì điều chỉnh cho hợp lý hơn.

Thuộc loại hàng tiêu dùng thiết yếu này, có hàng bán cho công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang và người ăn theo, phải bán đúng giá chỉ đạo trong từng khu vực. Một hàng bán có định lượng và không định lượng là căn cứ vào nhu cầu và khả năng cung ứng ở mỗi địa phương, do ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quy định cho thích hợp. Đồng thời, Bộ Tài chính và Bộ Nội thương phải nghiên cứu cách bán hàng để bảo đảm đưa hàng hóa đến tay công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang đúng giá quy định, thuận tiện cho người mua và quản lý được người bán, tránh sơ hở lợi dụng.

Đối với loại hàng tiêu dùng thiết yếu, đưa vào hợp đồng hai chiêu bán theo yêu cầu chính đáng và hợp lý của nông dân: Phải theo giá quy định và nhất là phải đưa đến tận tay người sản xuất có bán nông sản cho Nhà nước và có yêu cầu tiêu dùng loại hàng đó, tránh việc họ tập trung vào yêu cầu những hàng tiêu dùng có giá trị cao để bán lại, ăn chênh lệch giá. Có đồng chí ở Tây Ninh đề nghị xem lại có nên cung ứng mặt hàng thiết yếu theo giá chỉ đạo của Nhà nước cho những người có quan hệ kinh tế với



Nhà nước không? Phải thấy rằng, đây thực chất là một điều kiện bảo đảm giá thành sản xuất không bị nâng lên, trên cơ sở bảo đảm giá công khai không bị biến động vì giá thị trường tự do tác động vào. Không phải là bao cấp. Một số nơi yêu cầu nhập thêm dầu hôi và bán thêm cho nhân dân, ngoài phần do Trung ương đưa về; đó là rất cần thiết trong sinh hoạt của nhân dân (kèm theo đèn măngxông dùng dầu hôi).

- Loại hàng bán theo giá kinh doanh thương nghiệp: căn cứ tình hình cung cầu và giá cả diễn biến trên thị trường để định giá bán lẻ một cách linh hoạt, với tinh thần đấu tranh kéo giá thị trường xuống.

c) Về vấn đề một giá và hai giá

Căn cứ Nghị quyết của Bộ Chính trị và của Hội đồng Bộ trưởng, ở những nơi có điều kiện về quỹ hàng hóa, cung cầu không bị mất cân đối lớn, thị trường, giá cả tương đối ổn định, thì thi hành cơ chế một giá theo giá chỉ đạo của Nhà nước. Ở những nơi chưa đủ các điều kiện nói trên thì tạm thời áp dụng cơ chế hai giá. Nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng đã quy định: cung ứng một số ít mặt hàng thiết yếu theo định lượng cho cán bộ và công nhân, viên chức theo giá chỉ đạo của Nhà nước (được giữ ổn định trong từng thời gian, trong từng khu vực), nếu cơ quan thương nghiệp cung ứng các mặt hàng này mà bị lỗ, thì sẽ được ngân sách nhà nước bù lỗ.

Còn đối với các đối tượng khác thì bán theo giá kinh doanh thương nghiệp.

Đối với lực lượng vũ trang, phải bằng mọi cách bảo đảm cung cấp hiện vật.

Tôi nói thêm một chút về vấn đề phân phối hàng hóa trong tình hình hiện nay. Khi cung cầu, tiền hàng mất cân đối, người



tiêu dùng không muốn giữ tiền... thì chúng ta cần có phương thức phân phối hàng hóa thích hợp, bên cạnh các biện pháp khác (như giá, hợp đồng hai chiều...), cần phải đưa lưu thông hàng hóa vào tổ chức và phân phối hàng hóa thông qua mạng lưới thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán; nhất là trong lúc khó khăn này, phải cố gắng bảo đảm phân phối công bằng, hợp lý. Đồng thời, phải kiên quyết đấu tranh với bọn gom, vét hàng, trừng trị đích đáng bọn đầu cơ, buôn lậu, tăng cường quản lý và thu hẹp dân thị trường tự do. Trên cơ sở đó, Nhà nước làm chủ thị trường, chi phối giá cả.

3. Vẽ xuất, nhập khẩu

Chúng ta khuyến khích thật mạnh các ngành, các địa phương, các cơ sở phát triển sản xuất các mặt hàng xuất khẩu, song phải nhận rằng hiện nay tình trạng tranh mua, tranh bán hàng xuất khẩu đã trở nên cực kỳ hỗn loạn, đòi hỏi phải chấm dứt. Dứt khoát phải đi vào trật tự, kỷ cương, không thể vì lợi ích cục bộ, bản vị mà phá giá thu mua, phá giá đồng tiền của ta một cách tệ hại nhất như hiện nay (nhất là đối với một số mặt hàng như tôm, tiêu, cà phê...). Nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng đã xác định: địa phương nào sản xuất mặt hàng gì thì có trách nhiệm và quyền quản lý việc tổ chức thu mua và xuất khẩu loại hàng đó; các nơi khác đến, phải có hợp đồng liên kết kinh tế và chịu sự quản lý của địa phương sở tại. Nếu muốn xuất khẩu một mặt hàng không do địa phương mình sản xuất thì phải chứng minh nguồn gốc của hàng đó bằng các văn bản liên kết kinh tế với nơi sản xuất.

Điều có ý nghĩa cực kỳ quan trọng là các địa phương phải bảo đảm cho được các chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh được giao - đó là



nguồn hàng để Trung ương bảo đảm cam kết với các nước anh em, để có thể nhập khẩu các vật tư, hàng hóa cho nhu cầu chung của cả nước. Bộ Ngoại thương chỉ được cấp giấy phép xuất khẩu cho các tỉnh sản xuất hàng xuất khẩu trên cơ sở cam kết bảo đảm hoàn thành nghĩa vụ giao sản phẩm cho Trung ương đủ theo chỉ tiêu kế hoạch.

Về các mặt hàng xuất khẩu, nhiều địa phương yêu cầu được xuất gạo để có tiền nhập phân bón, thuốc trừ sâu... Tôi nghĩ rằng đã phải xuất đến gạo là sự bất đắc dĩ, là cùng cực, không còn cách nào khác, bởi vì gạo là thứ sản phẩm quý, đất nước ta chưa phải đã dồi dào, mà hiện nay giá gạo trên thị trường quốc tế đang xuống. Nếu các đồng chí có thừa, thì các đồng chí hãy bán thêm cho Trung ương, để Trung ương trang trải cho nhu cầu chung, các đồng chí cần nhập thứ gì thì Trung ương cố gắng đáp ứng. Đối với ngô cũng vậy, nên dành một phần cho chăn nuôi, cho xuất khẩu một phần. Các địa phương có dư ngô (như Đồng Nai) có thể liên kết với Thành phố Hồ Chí Minh, đưa ngô cho Thành phố làm thức ăn gia súc và Thành phố đưa lại địa phương những hàng cần thiết. Đối với săn lát, có thể khuyến khích xuất khẩu, ngoài phần cần thiết dành cho chăn nuôi.

Như vậy, mặt hàng cần khuyến khích mạnh xuất khẩu chính là các loại sản phẩm cây công nghiệp, các loại thủy, hải sản. Nếu cần thiết, thậm chí có thể bớt nghĩa vụ về sản phẩm cây công nghiệp đối với Trung ương để xuất khẩu, nhập phân bón, thuốc trừ sâu về phục vụ sản xuất lương thực.

Về nhập khẩu, ngoài vật tư cho sản xuất, hướng chung là nhập những loại hàng tiêu dùng thiết yếu đáp ứng nhu cầu của đồng đảo người sản xuất. Nghị quyết 31 của Hội đồng Bộ trưởng đã nâng lên mức tối đa là 30% trong kim ngạch nhập khẩu của



các địa phương. Vận dụng tinh thần Nghị quyết 9 của Trung ương, Nghị quyết 31 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 287 và Nghị quyết này của Hội đồng Bộ trưởng, có thể phân ra mấy loại hàng nhập như sau:

Một là, ngừng nhập khẩu các hàng tiêu dùng cao cấp như video, cátxét, tivi màu, xe honda cúp và nói rõ với những người sản xuất thật sự có yêu cầu tiêu dùng hãy ráng chịu khó một vài năm, khi nào kinh tế ta khá lên thì hãy xài cũng không sao.

Hai là, có một số mặt hàng xét cần thiết phải nhập khẩu nhưng phải rất hạn chế như bột ngọt (năm 1985 các địa phương nhập tới 12.000 tấn), dùng ngoại tệ để nhập thuốc trừ sâu.

Năm nay, để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, có thể nhập một số rất hạn chế, nhưng phải tổ chức việc cung ứng đến người sản xuất, không thể bán đi bán lại lấy chênh lệch giá hoặc chạy vào các dịch vụ ăn uống lâng phí, kể cả ăn uống quốc doanh.

Ba là, đối với những mặt hàng trong nước đã sản xuất được, hãy còn dư công suất, thì các tỉnh nên liên kết, liên doanh với Thành phố Hồ Chí Minh, với các bộ, nhập khẩu các linh kiện, phụ tùng để sản xuất (như quạt máy, bình thủy, radio,...). Cũng với tinh thần ấy, có thể nhập một số phụ tùng xe để bán cho nhân dân, nhằm duy trì và sử dụng các loại xe đã nhập từ các năm trước.

Bốn là, một số có thể nhập của thị trường xã hội chủ nghĩa thì nên nhập ở thị trường này, không nên nhập từ thị trường tư bản, như xe con du lịch, xe vận tải...

Ngay sau hội nghị này, Bộ Ngoại thương sẽ xem xét danh mục hàng xuất, nhập của từng địa phương và cho phép xuất nhập theo tinh thần nói trên để các đồng chí kịp thời triển khai cho kịp thời vụ. Tỷ lệ 30% là tính chung cả năm, còn riêng từng chuyến hàng, tỷ lệ này Bộ Ngoại thương sẽ cùng xem xét kỹ với



từng địa phương. Từ nay, Bộ Ngoại thương cần quản lý chặt chẽ việc cấp giấy phép xuất nhập khẩu và khẩn trương giải quyết đề nghị của các địa phương. Hoan nghênh anh Tu (Bộ Ngoại thương) đã hứa trước hội nghị là sẽ trả lời trong 3 ngày.

4. Một số vấn đề khác

Trên đây, tôi đã nhấn mạnh và nói rõ thêm một số nội dung của Nghị quyết 31 của Hội đồng Bộ trưởng mà các đồng chí có đề cập khi phát biểu ý kiến. Rồi đây, các ngành trung ương sẽ ban hành các văn bản cụ thể hóa nghị quyết này để hướng dẫn các địa phương thực hiện. Dưới đây, tôi xin nhắc thêm một số vấn đề khác.

a) Về tiền, phải cố gắng đẩy mạnh công cuộc vận động gửi tiền tiết kiệm, tìm mọi biện pháp thu hút tiền về. Đã có sự đổi mới về lãi suất, có mức bảo hiểm... các địa phương tích cực thực hiện theo hướng đó, một cách hết sức sáng tạo trong các biện pháp vận động các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các cơ quan phải chấp hành nghiêm ngặt chế độ tiền mặt đã quy định.

b) Về quan hệ hợp tác giữa các tỉnh trong khu vực và giữa các tỉnh với Thành phố Hồ Chí Minh, như tôi đã nói nhiều lần, mối quan hệ giữa các địa phương trong khu vực có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, cả trong sản xuất và phân phối lưu thông, trong cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh, quản lý thị trường và giá cả. Phải chặn ngay việc các quận, huyện tùy tiện tranh mua, tranh bán. Mọi việc liên kết đều phải được đưa vào kế hoạch của tỉnh, thành phố; các quận, huyện chỉ là cơ quan thực hiện. Phải nhấn mạnh lại: đây là sự liên kết, hợp tác xã hội chủ nghĩa.

Riêng với Thành phố Hồ Chí Minh, hiện nay đang có khó khăn về cung ứng gạo, thịt lợn. Đã đến lúc Thành phố phải nghiên cứu một số chương trình để giải quyết từng mặt hàng thiết yếu một



cách dài hơi hơn, bảo đảm ổn định, vững chắc. Nên nghiên cứu việc Bộ Lương thực chịu trách nhiệm toàn bộ việc cung ứng lương thực, Bộ Nội thương chịu trách nhiệm cung ứng heo cho Thành phố theo chỉ tiêu kế hoạch, thay vì Thành phố phải tự lo liệu mua từ các tỉnh về như hiện nay.

Khả năng sản xuất hàng tiêu dùng của Thành phố còn khá lớn (kể cả các xí nghiệp trung ương). Phải liên kết với các địa phương, tính toán nhu cầu cụ thể của các địa phương cho trước mắt và lâu dài, qua đó mà đặt kế hoạch bổ sung, hoàn chỉnh máy móc, thiết bị; các địa phương nhập các vật tư cần thiết để trao đổi với Thành phố lấy sản phẩm, hoặc dùng liên doanh liên kết để đầu tư mở rộng sản xuất.

Cuối cùng, tôi muốn nhấn mạnh thêm một ý về công việc của chúng ta trong thời gian này. Tình hình đang rất khẩn trương, phải tập trung lực lượng giải quyết dứt điểm những công việc cấp bách. Đương nhiên, có nhiều khó khăn, vì vậy phải có tác phong mới, lề lối làm việc mới, phải chịu khó gấp 5 - 10 lần thì mới giải quyết được vấn đề.

Cách làm việc của chúng ta nhất thiết phải được đổi mới: tích cực, khẩn trương và năng động hơn. Ngay trong hội nghị này, có một số việc để đã lâu chưa được giải quyết, nay các đồng chí phụ trách ngồi lại với nhau, cùng nhau bàn bạc giải quyết ngay được. Đó là một ví dụ sinh động. Cách làm việc của chúng ta như bình thường đã không phù hợp với tình hình bình thường; nay tình hình không bình thường mà vẫn giữ cách làm việc như bình thường thì lại càng không phù hợp.

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phóng Thủ tướng Võ Văn Kiệt, hồ sơ số 20.

PHÁT BIỂU KẾT LUẬN
HỘI NGHỊ BÀN VIỆC THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT SỐ 31-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 31/HĐBT CỦA HỘI ĐỒNG
BỘ TRƯỞNG VỚI CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG
BẮC BỘ VÀ BẮC TRUNG BỘ

Họp tại Hà Nội, ngày 09, 10 tháng 4 năm 1986

Hội nghị họp lần này đã biểu thị sự nhất trí cao đối với Nghị quyết số 31/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, nêu quyết tâm thực hiện thật tốt Nghị quyết này, bảo đảm quán triệt Nghị quyết số 31-NQ/TW của Bộ Chính trị, giải quyết những vấn đề cấp bách về giá, lương, tiền, tạo điều kiện từng bước ổn định tình hình kinh tế và đời sống nhân dân.

Các đồng chí đại biểu các tỉnh đã phát biểu ý kiến, nêu lên các việc đã làm, từ sau khi có Nghị quyết của Bộ Chính trị và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng, nêu lên kiến nghị với Trung ương. Một số ngành trung ương (nông nghiệp, vật giá, kế hoạch, tài chính, ngân hàng, nội vụ) cũng đã phát biểu ý kiến, giải đáp một số yêu cầu của địa phương.

Điều tôi muốn nhấn mạnh là: việc thực hiện Nghị quyết của Đảng và Nhà nước là một sự phấn đấu nỗ lực đặc biệt, đòi hỏi tinh thần và phuơng pháp đặc biệt, khác ngày thường, chỉ có như vậy mới đáp ứng được đòi hỏi rất cấp bách, khẩn trương của tình hình.



Mong các ngành, các địa phương đều quán triệt tinh thần ấy; đã có chuyển biến, cần chuyển biến hơn nữa theo nhịp độ khẩn trương của công việc.

Dưới đây, tôi xin phát biểu một số ý kiến để kết luận hội nghị.

1. Vấn đề cung ứng vật tư cho sản xuất và thu mua lương thực và nông sản

Như nghị quyết của Bộ Chính trị và của Hội đồng Bộ trưởng đã nhấn mạnh, phải đặc biệt coi trọng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kể cả nông nghiệp, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.

Một số địa phương có nêu kiến nghị về các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất và thu mua (như vè lạc, thuốc lá, mía...), Ủy ban Kế hoạch Nhà nước sẽ xem xét và cùng các ngành giải quyết cụ thể; song đây là những cây công nghiệp đặc biệt quan trọng, đề nghị các địa phương cố gắng phấn đấu đến mức cao nhất để bảo đảm diện tích và sản lượng.

Nghị quyết số 31/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng đã nêu ra những biện pháp có tính chất cấp bách để cố gắng tăng thêm vật tư cung ứng cho sản xuất và thu mua lương thực và nông sản. Đề nghị các địa phương cùng các ngành thực hiện với tinh thần khẩn trương nhất.

Trong các biện pháp có việc giảm vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Đúng đây là hạ sách, như có đồng chí nói, song cũng là một biện pháp cấp bách, đặc biệt phải thực hiện. Trước đây, khi xây dựng kế hoạch năm 1986, yêu cầu của các ngành và các địa phương về đầu tư xây dựng cơ bản công là 54 tỉ đồng, trong đó riêng các địa phương là 19 tỉ đồng; sau đó, cân đối các mặt, chỉ bảo đảm 20 tỉ đồng. Đến nay, phải giảm bớt, để dành một số vật liệu xây dựng trao đổi với nông dân lấy lương thực, nông sản.



Đề nghị các địa phương soát xét kỹ các công trình, cũng với tinh thần đặc biệt, việc gì chưa thật cấp bách thì cũng nên cố gắng chịu đựng thêm 1 - 2 năm.

Về cung ứng vật tư, có một số điểm cần lưu ý:

a) Yêu cầu là phải thực hiện 5 đúng: số lượng, chất lượng, địa điểm, thời gian và giá chỉ đạo của Nhà nước. Nếu vì lý do khách quan mà không bảo đảm giao đúng thời gian và số lượng thì cần thông báo kịp thời cho các hộ tiêu thụ để cùng nhau khắc phục.

Vật tư phải giao tại địa điểm ghi trong bảng giá. Nếu vì trường hợp các cơ sở phải đi vận chuyển vật tư (được phân phối theo kế hoạch) từ xa về, thì cơ quan cung ứng vật tư phải trừ vào giá giao những chi phí vận chuyển (bao gồm: phí bốc xếp, phí vận chuyển, hao hụt trong vận chuyển...) theo giá cước Nhà nước quy định.

Bộ Xây dựng vừa qua đã ban hành quy định tạm thời mức chiết khấu vật tư ximăng bao từ các nhà máy về đến từng tỉnh, thành phố, đặc khu, và được áp dụng từ ngày 01/10/1985, để các địa phương tự vận chuyển ximăng được tính bằng giá bán buôn vật tư trừ lùi chiết khấu đã được quy định. Đối với ximăng rời, Ủy ban Vật giá Nhà nước và Bộ Xây dựng cần tính toán trừ các chi phí về bao, về đóng gói...

Đối với vật tư khác, Ủy ban Vật giá Nhà nước và các bộ có trách nhiệm cung ứng vật tư cần tính toán một cách hợp lý về những chi phí cần thiết đối với vật tư mà cơ sở tiêu thụ phải tự đi vận chuyển từ xa về.

b) Về mặt bảo đảm giá vật tư

- Nếu là loại vật tư cơ bản do Trung ương thống nhất chỉ đạo giá thì bán theo giá Hội đồng Bộ trưởng quy định (dù là các vật tư do địa phương tự nhập bằng nguồn ngoại tệ tự có, hoặc tự sản xuất, khai thác ở trong nước).



Nếu giá vật tư của địa phương nhập hoặc tự khai thác lại cao hơn giá Hội đồng Bộ trưởng quy định, thì được bù lỗ để bảo đảm giữ quan hệ tỷ giá công - nông nghiệp hoặc đã được xác định hợp lý, ổn định giá thành sản xuất; và bảo đảm cho người nhập khẩu, người sản xuất đủ chi phí hợp lý và có lãi thỏa đáng. Cách bù lỗ vật tư do địa phương nhập khẩu:

+ Xác định tỷ giá kết toán nội bộ, các tỷ giá thanh toán theo nhóm hàng xuất khẩu và nhập khẩu.

+ Lập quỹ thu bù chênh lệch ngoại thương.

+ Cũng có thể dùng ngay các vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất ra hàng hóa, bán lấy một phần lãi, bù vào lỗ này.

Bộ Tài chính, Ủy ban Vật giá Nhà nước và các ngành có trách nhiệm cần nghiên cứu sớm các cách bù lỗ khác đối với vật tư do địa phương tự khai thác mà bán theo giá Hội đồng Bộ trưởng quy định.

- Nếu là loại vật tư quan trọng nhưng không do Trung ương thống nhất chỉ đạo giá, thì các bộ, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định, đảm bảo cho sản xuất và kinh doanh có hiệu quả. Ủy ban Vật giá Nhà nước chỉ đạo hướng dẫn khung giá.

c) Các bộ phải trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch nhà nước, ký kết hợp đồng ngay với các tỉnh, thành phố. Không nên để địa phương trông chờ. Các tỉnh và thành phố, trên cơ sở hợp đồng ký kết với các bộ, cùng với các vật tư, hàng hóa tự khai thác trong nước hay nhập khẩu, tiến hành ký kết các hợp đồng với các quận, huyện, các cơ sở kinh tế trong tỉnh...

d) Một vấn đề rất nhức nhối trong chúng ta là làm sao chống các hiện tượng tiêu cực trong việc cung ứng vật tư. Làm sao giảm được các phí tiêu cực, tiến tới xóa bỏ hẳn phí tiêu cực.



Đề nghị Ủy ban Thanh tra Nhà nước, Bộ Nội vụ phối hợp với nhau, bàn cách chống các hiện tượng này; ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố cũng cần kết hợp chặt chẽ trong công tác này. Đặc biệt là các bộ chủ quản phải chịu trách nhiệm kiểm tra chặt chẽ các tổ chức cung ứng vật tư của bộ mình.

2. Vấn đề hợp đồng kinh tế hai chiều giữa Nhà nước với nông dân

Rất hoan nghênh là các tỉnh, thành phố đều nhất trí phương thức này. Thực tế chứng tỏ đây là phương thức thích hợp, tập trung được càng nhiều vật tư, hàng hóa đưa vào hợp đồng hai chiều, càng tốt; trên cơ sở đó, thu hẹp diện mua theo giá thỏa thuận. Tuy nhiên, trong tình hình hàng hóa ít, lại muốn thu hẹp diện tích bằng tiền, đó là khó khăn thật sự, nhưng phải phấn đấu.

Trong hoàn cảnh hiện nay, có thể phải áp dụng cả 3 cách như một số tỉnh đã làm:

- Ứng vật tư trước, lấy sản phẩm sau.
- Đưa vật tư, hàng hóa đến đâu, nhận hàng hóa đến đấy.
- Nhận hàng hóa trước, giao vật tư, nguyên liệu sau...

Dù cách nào, cơ bản là giữ được sự tin cậy giữa nông dân với Nhà nước, thể hiện tính công bằng trong việc thực hiện hợp đồng kinh tế, nhưng trách nhiệm trước hết phải là cơ quan nhà nước ký kết hợp đồng, với mục đích chủ yếu là thúc đẩy sản xuất phát triển, nắm chắc nguồn hàng, bình ổn giá cả, đấu tranh cải tạo và quản lý thị trường.

Việc mở rộng hợp đồng hai chiều phải dựa chủ yếu vào các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp (ở phía Nam là các tập đoàn sản xuất), nhằm bảo đảm:

- Không phải là hàng đổi hàng tương ứng một cách máy móc;



- Không để xảy ra tình trạng người thừa, người thiếu;
- Không để người nông dân trở thành người đi buôn, v.v..

Hội đồng Bộ trưởng đã có Quyết định số 187 về hợp đồng kinh tế hai chiều. Trước tình hình mới, các ngành có trách nhiệm cần nghiên cứu bổ sung hoặc sửa đổi trình Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng xem xét và quyết định.

3. Vấn đề giá

- Nhiệm vụ cấp bách nhất hiện nay là bằng mọi biện pháp đấu tranh bình ổn vật giá, kiểm soát và chi phối giá cả thị trường xã hội, lập lại trật tự và đề cao kỷ luật giá; chặn đứng tình trạng giá lên cao đột biến; kiên quyết đấu tranh kéo giá thị trường tự do xuống, không được bị động chạy theo giá thị trường tự do. Phải hình thành một thể trận liên minh giữa các tỉnh, thành phố trong vùng để giữ giá.

- Đồng ý với các đồng chí là phải tập trung để chặn đứng tình trạng giá lên cao đột biến ở các thị trường trọng điểm: Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng. Trước mắt, có vấn đề hết sức cấp bách là các tỉnh cần hết sức giúp đỡ Hà Nội về thịt lợn (Thái Bình, Hà Nam Ninh, Hải Hưng).

- Có chặn đứng được không?

Vấn đề cơ bản là cung ứng được vật tư, hàng hóa theo năm; giữ được giá cả các mặt hàng thiết yếu, trước hết là giá lúa.

Ở Tiền Giang, vừa qua Ủy ban nhân dân tỉnh đã đề nghị nếu đến ngày 05/4/1986 không có vật tư đưa về thì sẽ mua thóc theo giá 5 đồng/kg bằng tiền. Nhưng sau khi các bộ có trách nhiệm cung ứng vật tư, Bộ Ngoại thương làm việc với Tiền Giang, và Tiền Giang đưa một số vật tư, hàng hóa theo đúng giá của Nhà nước quy định (200 tấn大米, 370 tấn ximăng), thì giá thị trường đã chững lại. Các hợp tác xã mua bán trong tỉnh không chờ giá,



ghìm hàng nữa, mà tung số hàng trong kho ra bán, nâng doanh số cao hơn tuần trước 50%, thì việc thu mua lương thực, cơm dùa, heo cũng tăng hơn. Tuy chỉ là biến chuyển bước đầu, nhưng từ đây cũng rút ra kinh nghiệm tốt để chúng ta quyết tâm hơn.

Vừa qua, mới làm việc một bước với Thành phố Hà Nội. Còn đang gõ dần dần tiếp. Nếu các tỉnh đều có tinh thần hỗ trợ cho Hà Nội thì Hà Nội có thể bình ổn vật giá, chặn đứng giá lên cao, và tạo điều kiện thuận lợi cho các tỉnh.

Sắp tới, Hội đồng Bộ trưởng sẽ ban hành một số giá: giá một số tư liệu sản xuất, một số giá bán lẻ... các quyết định về giá này, trước khi ban hành, đã được trao đổi và các địa phương góp ý kiến. Yêu cầu các địa phương nghiêm chỉnh chấp hành các giá Nhà nước đã ban hành.

Một vấn đề rất quan trọng nữa để chặn được tình trạng giá lên cao là: Chấm dứt tranh mua, tranh bán trên một địa bàn sản xuất, chấm dứt tình trạng liên kết, liên doanh không theo đúng kế hoạch, đúng nguyên tắc (mà có đồng chí gọi là “một sự buôn chuyển hiện đại”).

Nghị quyết số 31/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng đã quy định: địa phương nào sản xuất loại hàng gì (không chỉ hàng xuất khẩu), thì có trách nhiệm và quyền quản lý việc tổ chức thu mua và giao nộp sản phẩm (theo hợp đồng đã ký kết) các loại hàng đó: các ngành, các địa phương khác có hợp đồng liên kết với địa phương sản xuất hàng đó, nếu đến mua, thì phải chịu sự quản lý và kiểm soát về nguồn hàng, địa bàn mua, giá cả và phương thức mua, bán của chính quyền địa phương sở tại cấp tỉnh và huyện.

Trên cơ sở đó mà lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trong phân phối lưu thông:

- Chấm dứt các cơ quan không có các chức năng mua bán cũng ra mua bán, kiểm chênh lệch giá.



- Cơ quan, đơn vị có chức năng kinh doanh, phải chấp hành đúng theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Việc liên doanh, liên kết của các địa phương (từ huyện trở lên) và cơ sở phải được đưa vào kế hoạch. Các ủy ban nhân dân tỉnh phải chỉ đạo các huyện, các cơ sở kinh tế trong tỉnh về vấn đề này; chấm dứt tình trạng hàng hóa chạy loanh quanh, làm rối thị trường, có lợi cho bọn đầu cơ, buôn lậu, đồng thời tiếp tục cải tạo thương nghiệp tư doanh và quản lý thị trường, chống đầu cơ, buôn lậu. Về vấn đề này, anh Diệm đã trình bày, đề nghị các đồng chí lưu ý thực hiện tốt các biện pháp đã đề ra cho thời gian tới.

Đó là những biện pháp cần tiến hành đồng bộ để đấu tranh bình ổn giá cả, chặn đứng tình trạng giá lên cao, kéo giá thị trường tự do xuống.

Về một số giá: giá mua sản phẩm cây công nghiệp và chính sách đối với cây công nghiệp, Ủy ban Vật giá Nhà nước sẽ ghi nhận ý kiến của các tỉnh trong cuộc họp này, nghiên cứu sớm trình Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng xem xét và quyết định.

4. Về các mặt hàng bán theo định lượng

a) Bán mấy mặt hàng (gạo, thịt, đường, chất đốt, hay nước chấm): tùy theo yêu cầu của địa phương, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quy định bán mặt hàng gì và mấy mặt hàng cho phù hợp, đương nhiên, không nên quá nhiều.

b) Bán theo giá nào?

Bán theo giá Nhà nước chỉ đạo:

- Ở nơi nào có điều kiện về quỹ hàng hóa, cung cầu không bị mất cân đối lớn, thị trường, giá cả tương đối ổn định, thì bán một giá theo giá chỉ đạo của Nhà nước.



- Ở những nơi nào không có các điều kiện như trên thì bán hai giá:

+ Bán cho các công nhân, viên chức và các đối tượng chính sách đã được quy định, theo giá Nhà nước chỉ đạo. Nếu vì bán theo giá này mà cơ quan kinh doanh các mặt hàng này bị lỗ thì ngân sách nhà nước bù lỗ, theo tinh thần: đối tượng thuộc Trung ương quản lý thì do ngân sách trung ương bù lỗ; đối tượng thuộc địa phương quản lý thì ngân sách địa phương bù lỗ.

+ Còn các đối tượng khác: bán theo giá kinh doanh thương nghiệp, Ủy ban Vật giá Nhà nước cần nghiên cứu, hướng dẫn khung giá này cho phù hợp với từng khu vực.

+ Ở nơi nào bán một giá theo giá kinh doanh thương nghiệp theo giá cao, gọi là “bám sát giá thị trường” thì ngân sách nhà nước (Trung ương và địa phương) không bù lỗ.

Đối với lực lượng vũ trang, bằng mọi cách bảo đảm cung cấp bằng hiện vật. Giá thanh toán là giá Nhà nước chỉ đạo. Về cách thanh toán, theo đề nghị của một số địa phương, bộ (qua Bộ Quốc phòng hay qua địa phương), đề nghị Bộ Tài chính cùng các cơ quan có trách nhiệm nghiên cứu để thuận tiện cho các ngành và địa phương.

5. Về các mặt hàng nhà nước thống nhất quản lý và độc quyền kinh doanh

Các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị và của Hội đồng Bộ trưởng đều nhấn mạnh Nhà nước phải thống nhất quản lý, độc quyền kinh doanh lương thực, vật tư cơ bản và các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu. Chúng ta cố gắng làm cho được: lương thực (thóc, gạo, bột mì, ngô, sắn lát khô), thịt lợn



và trâu bò, thuốc lá, rượu, bia, các vật tư chiến lược (xăng dầu, sắt thép, phân đạm, thuốc trừ sâu, hóa chất cơ bản, ximăng...). Nay chỉ còn lại mấy mặt hàng: vải, xe đạp và phụ tùng, một số đồng chí còn băn khoăn. Vậy mức nên là:

Về vải: vải nội và quần áo may sẵn: còn một số ít vải ngoại (do những người đi lao động, học tập ở nước ngoài đưa về, thì thương nghiệp quốc doanh cố gắng tổ chức mạng lưới để thu mua hoặc dùng hình thức ký gửi). Không nên để tư thương kinh doanh các mặt hàng này nữa.

Về xe đạp và phụ tùng: Vấn đề này gắn liền với việc sắp xếp lại sản xuất ngành xe đạp. Nhưng để bảo đảm việc cung cấp cho nhân dân, thì thương nghiệp quốc doanh cần vươn lên nắm trọn nguồn hàng các phụ tùng chủ yếu: khung, xích, líp, xăm, lốp, vành, bi... không để tư thương buôn bán các loại này, từ đó mà đấu tranh chống đầu cơ, buôn lậu, gắt chặt với chống tiêu cực trong các ngành kinh tế, chống địch phá hoại.

6. Về các vấn đề tài chính, ngân sách, tiền tệ, tín dụng

Trước mắt, chấp hành như nghị quyết đã quy định. Các vấn đề các đồng chí đã tham gia, các ngành tiếp nhận và nghiên cứu quy định sớm.

Nhân đây, cũng nhắc các bộ, các ngành ở Trung ương cần sớm ra các văn bản hướng dẫn thi hành, không để các địa phương phải trông chờ, rồi vì yêu cầu thúc bách của tình hình, mà địa phương phải tự quy định. Chúng ta phải có tác phong mới, lề lối làm việc mới trong tình hình đặc biệt hiện nay.

Sau cuộc họp này, các bộ, nhất là các bộ cung ứng vật tư cần làm việc ngay với các địa phương, các ngành có liên quan với



nhau để đáp ứng kịp cho nhu cầu sản xuất và đời sống. Các bộ, các ngành trung ương, các địa phương cần quan tâm đúng mức đối với Thủ đô Hà Nội trong tình hình hiện nay. Hà Nội cũng tự lực vươn lên khắc phục khó khăn, liên kết liên doanh với các tỉnh theo kế hoạch, theo đúng mục đích và nguyên tắc của Trung ương đề ra.

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phông Thủ tướng Võ Văn Kiệt, hồ sơ số 20.

PHÁT BIỂU KẾT LUẬN
HỘI NGHỊ CÁC TỈNH DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG
VÀ TÂY NGUYÊN VỀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT SỐ 31-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 31/HĐBT CỦA HỘI ĐỒNG
BỘ TRƯỞNG HỌP TẠI NGHĨA BÌNH

Ngày 11, 12 tháng 4 năm 1986

I- Thay mặt Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, tôi hoan nghênh các tỉnh đã nhanh chóng triển khai công việc ngay từ sau khi có Nghị quyết số 31-NQ/TW của Bộ Chính trị và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng.

Tôi xin nhấn mạnh lại tính chất của các biện pháp đề ra lần này: đây là những biện pháp cấp bách trong tình hình không bình thường. Không thể đòi hỏi giải quyết ngay những vấn đề cơ bản, hoàn chỉnh, vì hai lẽ:

Một là, tình hình đang rất cấp bách; phải chặn đứng ngay giá cả đang biến động, thị trường đang rối ren, nhằm mục tiêu cấp bách là ổn định tình hình, tạo một không khí thuận lợi tiến vào Đại hội Đảng - các cấp và Đại hội toàn quốc lần thứ VI.

Hai là, những vấn đề cơ bản, hoàn chỉnh, tuy hết sức cần thiết nhưng phải được nghiên cứu một cách thận trọng, không thể nóng vội.

Do đó, vấn đề đặt ra hiện nay là phải nhanh chóng ổn định tình hình, lập lại một trật tự tương đối hợp lý, để phân phối



lưu thông tiến hành thuận lợi, trên cơ sở đó, từng bước bố trí lại, thiết kế lại những khâu trong lĩnh vực phân phối lưu thông.

II- Sau đây, tôi xin phát biểu một số vấn đề cụ thể với các đồng chí.

1. Đối với sản xuất

Nghị quyết số 31-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 31/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng đã đặt rõ vấn đề: bằng mọi cách, huy động tối đa lực lượng vật tư, nguyên liệu hiện có của tất cả các ngành, các địa phương, các cơ sở sản xuất, kinh doanh để phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp. Đặc biệt chú ý đẩy mạnh sản xuất lương thực và những mặt hàng tiêu dùng thiết yếu cho đời sống nhân dân.

a) Yêu cầu bức xúc hiện nay là cung ứng phân bón, thuốc trừ sâu, ximăng và các vật tư, nguyên liệu khác cho sản xuất. Nhưng nguồn vật tư nhập về trong quý I/1986 lại thấp: sắt thép 20%; xăng dầu 25%; xút, sôđa: chưa có. Hiện còn đọng ở các nước Đông Âu trên vài chục vạn tấn hàng với trị giá khoảng dăm chục triệu rúp, do chưa có ngoại tệ thuê tàu chuyên chở. Ngoại tệ tư bản thiếu, không đủ nhập phân bón, thuốc trừ sâu, nhập bao cho ximăng, cho phân lân... Chúng ta không có dự trữ; tồn kho lại rất mỏng.

- Trong tình hình đặc biệt này, để đẩy mạnh sản xuất, một mặt chúng ta phải đẩy mạnh khai thác các vật tư, nguyên liệu trong nước, thay thế các loại phải nhập khẩu, mặt khác chúng ta cũng phải áp dụng các biện pháp đặc biệt cấp bách để bổ sung nguồn cung ứng vật tư:

- + Rút từ quỹ hàng tiêu dùng đang bán giá cao;
- + Huy động các loại vật tư tồn đọng chưa dùng đến, đưa vào sản xuất (cả xí nghiệp trung ương và xí nghiệp địa phương).



Thực hiện tốt các kế hoạch nhập khẩu từ các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là Liên Xô, đồng thời tranh thủ xuất nhập khẩu sang thị trường tư bản để nhập bối sung kịp thời một số phân bón, thuốc trừ sâu...

+ Sử dụng tốt nguồn ngoại tệ tư bản hiện có của các ngành, các địa phương, đồng thời tìm nguồn vay thêm ngoại tệ.

+ Các địa phương trên cơ sở cam kết bảo đảm huy động và giao nộp đủ sản phẩm cho Trung ương theo chỉ tiêu kế hoạch nhà nước, được xuất khẩu một số mặt hàng nông sản, hải sản, lâm sản... để nhập vật tư, nguyên liệu cho sản xuất và hàng tiêu dùng thiết yếu cho người sản xuất (tối đa là 30% số ngoại tệ thu được của địa phương).

+ Ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật; giảm định mức tiêu hao vật tư trên một đơn vị sản phẩm.

+ Tiết kiệm một cách nghiêm ngặt đi đôi với kiên quyết đấu tranh chống ăn cắp, mất mát vật tư và các hiện tượng tiêu cực khác trong mọi khâu, mọi lĩnh vực (cung ứng vận chuyển, bảo quản, sản xuất).

+ Giảm bớt xây dựng cơ bản, giãn, hoãn hoặc đình chỉ thi công các công trình chưa cần thiết, nhất là các công trình phi sản xuất, để rút ra được một số vật liệu xây dựng (ximăng, sắt xây dựng, tấm lợp, gạch ngói...) đưa vào thu mua nông sản.

+ Giảm tối thiểu hoặc đình chỉ hẳn trong một, hai năm việc mua sắm trang bị cho cơ quan nhà nước, đoàn thể, để dành số này thu mua nông sản hoặc bán thu tiền về.

Ngoài các biện pháp trên, các địa phương các cơ sở còn có thể tìm thêm các biện pháp khác để tạo nguồn bối sung vật tư, nguyên liệu cho sản xuất.



Trong tình hình hiện nay, tìm thêm và đưa thêm được vật tư, nguyên liệu vào sản xuất và thu mua nông sản..., là biện pháp thiết thực để giữ giá thành sản phẩm, giảm khối lượng tiền tung ra thị trường, và giữ hệ thống giá Nhà nước đã quy định. Từ đó, củng cố dần giá trị đồng tiền.

Chúng ta cũng có đề xuất với bạn cho chúng ta nhập bổ sung một số hàng tiêu dùng và nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu dùng. Nhưng vấn đề này cũng có khó khăn.

Vì vậy, chúng ta cần thông cảm với khó khăn của đất nước lúc này để cùng nhau khắc phục.

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cần soát xét lại các nguồn vật tư có thể có trong năm 1986, điều chỉnh việc cung ứng, tập trung cho các sản phẩm chủ yếu, các cơ sở trọng điểm, các địa phương trọng điểm.

Nếu địa phương nào có điều kiện tự lo các vật tư, nguyên liệu để tiếp tục sản xuất, thì Trung ương coi như các địa phương cân đối hộ ngành trung ương. Khi Trung ương điều sản phẩm đi, thì phân sản phẩm tương ứng với vật tư, nguyên liệu Trung ương đưa về sẽ tính theo giá giao do Nhà nước chỉ đạo; phần còn lại sẽ tính theo giá thỏa thuận. Các ngành phải cùng địa phương ký ngay hợp đồng. Đối với vật tư đã phân bổ cho ngành mà đến nay ngành chưa phân bổ cho các địa phương, thì Bộ Vật tư, trên cơ sở nắm tình hình nhu cầu của sản xuất và thu mua đổi với từng loại cây con, tạm ứng ngay cho các địa phương, để kịp thời vụ, nhất là những nơi sản xuất tập trung. Chủ tịch tỉnh và ủy ban nhân dân phải chịu trách nhiệm cung ứng đúng theo kế hoạch nhà nước.

Khó khăn trước mắt đối với chúng ta là thiếu nhiều thuốc trừ sâu, đang ảnh hưởng lớn đến sản xuất lương thực, cây công nghiệp và nông sản xuất khẩu; trước mắt, địa phương nào có



ngoại tệ, vay được thì chủ động nhập ngay để đảm bảo an toàn cho cây trồng. Trung ương sẽ thanh toán sau cho các đồng chí.

b) Về vấn đề “5 đúng” trong cung ứng vật tư: Chúng ta phải gõ đầu và tìm cách thực hiện. Trước mắt, các ngành cung ứng vật tư phải cố gắng phấn đấu bảo đảm hai đúng, ba đúng rồi tiến đến bốn đúng, năm đúng.

Các tỉnh Tây Nguyên đang gặp khó khăn lớn trong vấn đề được cung ứng vật tư theo giá Nhà nước quy định, vì địa phương phải tự đi vận chuyển lấy vật tư quá xa. Các ngành cung ứng vật tư cần bàn bạc với Bộ Giao thông vận tải để bảo đảm cung ứng vật tư tại địa điểm quy định trong bảng giá. Nếu để cơ sở phải tự đi vận chuyển từ xa, thì cơ quan cung ứng phải trừ lùi giá giao các chi phí vận tải (bao gồm chi phí bốc xếp, phí vận chuyển, hao hụt trong vận chuyển...) hợp lý và hợp lệ (như đồng chí Phan Văn Tiệm, quyền Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá Nhà nước đã trình bày). Phải chống cho được các hiện tượng tiêu cực, các phí “lót tay”.

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cùng các ngành có liên quan nghiên cứu việc tập trung đầu mối quản lý và cung ứng vật tư, hiện đang quá phân tán.

c) Đối với loại vật tư do địa phương tự khai thác hoặc nhập khẩu, nếu vì phải bán theo giá của Trung ương quy định mà bị lỗ thì có thể bù lỗ bằng nhiều cách, như đồng chí Phan Văn Tiệm đã trình bày với các đồng chí. Ủy ban Vật giá Nhà nước cần sớm cùng Bộ Tài chính ra văn bản hướng dẫn vấn đề này.

2. Về vấn đề nắm nguồn hàng và phân phối hàng

Lực lượng hàng hóa nắm trong tay Nhà nước đang rất mỏng. Phải hết sức quan tâm nắm hàng, cả hàng nông sản (trước hết là lương thực) và hàng công nghiệp. Kết hợp việc giáo dục tinh thần



yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, vận động, thuyết phục, với việc ký kết hợp đồng kinh tế hai chiều với người sản xuất (tập thể và cá thể). Vận dụng linh hoạt các hình thức “bán trước, mua sau” hoặc “mua trước, bán sau”, trên cơ sở tin cậy lẫn nhau, thắt chặt mối quan hệ công nông liên minh.

Hợp đồng kinh tế hai chiều là một biện pháp vừa thúc đẩy sản xuất phát triển, vừa lưu thông hàng hóa một cách có kế hoạch, bảo đảm cho người sản xuất yên tâm; không phải là hình thức hàng đổi hàng, cũng không phải là hình thức kê hàng, độn hàng để giữ giá.

Cho nên phải mở rộng hợp đồng kinh tế hai chiều, thu hẹp diện mua bán theo giá thỏa thuận bằng tiền.

Qua hợp đồng kinh tế hai chiều mà đưa hàng đến tay người tiêu dùng; bán theo yêu cầu chính đáng và hợp lý cho người sản xuất, thông qua mạng lưới hợp tác xã hoặc liên tập đoàn sản xuất với cơ cấu nông, công, thương, tín ở nông thôn.

Đối với thành thị, cũng phải tổ chức mạng lưới phân phối trực tiếp đến người tiêu dùng.

Trong tình hình hàng hóa có hạn, cần tăng cường tuyên truyền giải thích để mọi người cùng tự giác góp sức với Nhà nước khắc phục các khó khăn.

Phải đưa việc liên doanh, liên kết vào kế hoạch. Các quận, huyện đi liên doanh, liên kết với các quận, huyện hoặc địa phương khác ngoài tỉnh, phải được sự đồng ý của ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

Chấm dứt tình trạng tranh mua, tranh bán. Địa phương nào sản xuất loại hàng gì thì có quyền và trách nhiệm quản lý việc tổ chức, thu mua và tiêu thụ sản phẩm đó theo kế hoạch trên giao; các tổ chức sản xuất, kinh doanh thuộc các ngành muốn được



nhận hàng hóa trực tiếp tại nơi sản xuất cũng phải có kế hoạch và hợp đồng với địa phương và phải chịu sự quản lý, kiểm soát về nguồn hàng, địa bàn mua, giá cả, phương thức mua bán của chính quyền địa phương sở tại cấp tỉnh và huyện (nhất là đối với các mặt hàng xuất khẩu có giá trị: tiêu, cà phê, tôm, trầm, săn lát khô...).

Các ủy ban nhân dân địa phương phải phát huy và làm tốt chức năng quản lý hành chính trên địa bàn lãnh thổ, ngăn chặn những đơn vị địa phương vi phạm kỷ luật về quản lý thị trường, về giá cả, nhất là trong thời vụ thu hoạch sản phẩm xuất khẩu có giá trị, ở một số vùng trọng điểm (vùng sản xuất tập trung hồ tiêu, cà phê, trầm hương...). Phải thống nhất hành động trong khu vực, coi đây là một biện pháp cực kỳ quan trọng để lập lại trật tự về thị trường và giá cả.

3. Về giá cả

Vấn đề lớn hiện nay là mặt bằng giá cả đang còn rất gồ ghề và đang biến động. Đúng ra, phải nghiên cứu, điều chỉnh để hình thành một mặt bằng giá mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội nước ta trong chặng đường hiện nay. Song đây là việc phức tạp vì giá cả là một vấn đề tổng hợp, phản ánh các mối quan hệ lớn trong nền kinh tế quốc dân. Hình thành một mặt bằng giá mới, không thể giản đơn, nóng vội.

Trong tình hình trước mắt, không thể để cho giá cả đột biến, mà phải chặn đứng lại, đấu tranh kéo giá thị trường tự do xuống; tiến hành điều chỉnh từng bước một cách hết sức thận trọng, cho phù hợp với tình hình sản xuất và phân phối lưu thông. Chúng ta lấy giá lúa làm chuẩn, tức là lấy đó làm chỗ dựa để sắp đặt các mối quan hệ tỷ giá công - nông theo giá lúa; do đó phải phấn đấu



giữ cho được giá thu mua lúa do Bộ Chính trị đã quyết định và các khung giá thu mua lúa do Hội đồng Bộ trưởng quyết định cho vụ mùa và vụ đông xuân 1985 - 1986 ở từng khu vực. Đưa vật tư hàng hóa vào hợp đồng hai chiều với một giá mà Nhà nước buộc phải tự ép xuống cũng là nhầm giữ cho được giá lúa.

Về một số giá cụ thể, đồng chí Phan Văn Tiêm đã trình bày với các đồng chí, tôi chỉ nói thêm về một số ít mặt hàng thiết yếu bán bảo hiểm theo định lượng để bảo đảm một phần tiền lương thực tế cho công nhân, viên chức, trong lúc này:

- Mặt hàng: Tùy theo từng địa phương, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quy định cho thích hợp: gạo, thịt, đường, nước chấm, chất đốt. Có thể là một, hai hay ba mặt hàng, song cũng không nên nhiều quá sức chịu đựng của ngân sách nhà nước nếu phải bù lỗ. Cũng không nhất thiết địa phương nào cũng bán định lượng như nhau và mặt hàng như nhau.

Bán theo giá nào?

Nghị quyết số 31/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng đã chỉ rõ: Ở những nơi có điều kiện về quỹ hàng và thị trường tương đối ổn định thì thi hành cơ chế một giá theo giá chỉ đạo của Nhà nước.

Ở những nơi mà tình hình cung - cầu đang căng thẳng, giá cả thị trường đang biến động mạnh thì trước mắt tạm thời áp dụng cơ chế hai giá:

Giá cung ứng theo định lượng (quy định một cách giản đơn, không phải như chế độ tem phiếu trước kia) cho công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang và những người có quan hệ hợp đồng kinh tế với Nhà nước, theo giá chỉ đạo của Nhà nước do cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương quyết định và được giữ ổn định trong từng thời gian, từng khu vực. Nếu với giá bán này, cơ quan kinh doanh thương nghiệp thực tế bị lỗ, thì sẽ được ngân sách



nàu nước bù lỗ. Nói một cách cụ thể hơn, ngân sách trung ương bù lỗ cho các đối tượng do Trung ương quản lý; ngân sách địa phương bù lỗ cho các đối tượng do địa phương quản lý. Nếu địa phương nào bán theo giá kinh doanh thương nghiệp thì ngân sách nhà nước (Trung ương và địa phương) không bù lỗ.

Giá kinh doanh thương nghiệp bán cho các đối tượng khác. Dù bán một giá hay hai giá, cũng phải có sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp có thẩm quyền.

Đối với các lực lượng vũ trang, phải phấn đấu bảo đảm cung cấp hiện vật.

4. Về xuất nhập khẩu

a) Chúng ta đều đã rõ ý nghĩa cực kỳ quan trọng của xuất khẩu. Các tỉnh trong khu vực duyên hải miền Trung và Tây Nguyên, có những mặt hàng xuất khẩu có giá trị, có thể xuất thêm, ngoài nghĩa vụ đã giao trong chỉ tiêu kế hoạch. Đề nghị cố gắng giao thêm cho Trung ương để Trung ương có thể bảo đảm thật tốt nghĩa vụ đã cam kết với các nước anh em. Ví dụ:

Bình Trị Thiên: kế hoạch giao 150 tấn tiêu, có thể mua thêm 50 tấn nữa.

Quảng Nam - Đà Nẵng: kế hoạch giao 300 tấn quế, có thể thêm 50 tấn, kế hoạch giao 5 tấn tơ tằm, nên thêm 10 tấn.

Nghĩa Bình: kế hoạch 250 tấn quế, có thể thêm 50 tấn. Ngoài ra, có thể thêm gỗ, xơ dừa; và tổ chức chế biến thịt bò để xuất cho Liên Xô.

Phú Khánh: có thể khai thác thêm các loại đặc sản như cá ngựa, cá chình, trầm kýt...

Thuận Hải: có thể thêm hạt điều xuất cho Ấn Độ vì ta cần trả nợ cũ và vay thêm...



Đăk Lăk, Lâm Đồng đều có thể huy động thêm cà phê (kế hoạch giao Đăk Lăk 4.000 tấn, Lâm Đồng 700 tấn, mới chỉ bằng 70 - 80% sản lượng).

b) Về các mặt hàng nhập khẩu, trong lần họp trước, tôi đã nêu lên những nguyên tắc chung, đề nghị các tỉnh làm đơn hàng để Bộ Ngoại thương cấp giấy phép cụ thể.

5. Về tiếp tục cải tạo công thương nghiệp tư doanh và quản lý thị trường, chống đầu cơ, buôn lậu

Thời gian gần đây, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa có phần bị buông lơi, nay cần phải tiếp tục đẩy mạnh công tác này, gắn liền với việc chống các hiện tượng tiêu cực trong nội bộ kinh tế xã hội chủ nghĩa với công tác chống địch phá hoại. Chúng ta phải hết sức đề cao cảnh giác; bọn địch đang lợi dụng mọi sơ hở, thiếu sót của ta để tăng cường phá hoại ta.

Tiếp tục tổ chức và sắp xếp lại thị trường; thực hiện Nhà nước thống nhất quản lý, độc quyền kinh doanh lương thực, các vật tư chiến lược và hàng tiêu dùng thiết yếu, trước hết là lương thực, thịt, thuốc lá, bia, rượu, tân dược, vải...

Phú Khánh có đề nghị lập 1 trạm kiểm soát liên ngành cố định trên đường 21. Các ngành có trách nhiệm (Ban Chỉ đạo Quản lý thị trường Trung ương, Bộ Nội vụ, Bộ Nội thương...) nghiên cứu và trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định sớm.

6. Các vấn đề khác

Tài chính, ngân sách, tiền tệ, tín dụng: các ngành tài chính và ngân hàng tiếp nhận các ý kiến của Hội nghị tham góp nghiên cứu, bổ sung các quy định hiện hành, trình Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng xem xét và quyết định.



Triển khai Nghị quyết số 31-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 31/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng là một công tác trung tâm đột xuất trong cả năm 1986, đặc biệt là trong 6 tháng trước mắt. Các đồng chí về báo cáo với Thường vụ Tỉnh ủy, với Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh rồi khẩn trương thực hiện các chủ trương và biện pháp cấp bách đã được quy định trong các nghị quyết trên. Điều quyết định thắng lợi là sự nhất trí cao từ trên xuống dưới. Chúng ta nói và làm theo nghị quyết, các địa phương cần phát huy các thế mạnh của mình, để cùng nhau khắc phục khó khăn, sớm đưa tình hình trở lại bình thường.

Chúc các đồng chí đạt nhiều thắng lợi trong việc thực hiện các nghị quyết của Trung ương Đảng và Chính phủ.

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Thủ tướng Võ Văn Kiệt, hồ sơ số 20.

**PHÁT BIỂU
KẾT LUẬN HỘI NGHỊ
CÁC TỈNH NAM BỘ BÀN VIỆC TIẾP TỤC
ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
SỐ 31/HĐBT CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Ngày 01, 02 tháng 5 năm 1986

Hội nghị chúng ta có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng trong một tháng qua; bàn việc tiếp tục đẩy mạnh trong thời gian tới.

Hội nghị đã tiến hành với tinh thần xem xét thực tế, ngoài những việc làm được còn nêu hết các khó khăn tồn tại để bàn các biện pháp khắc phục. Do đó, kết quả lớn của hội nghị là chúng ta đã nắm chắc hơn diễn biến của tình hình, khẳng định các chủ trương của Bộ Chính trị và Hội đồng Bộ trưởng và thống nhất ý kiến về các biện pháp trong thời gian tới.

Để kết luận hội nghị, tôi xin phát biểu ý kiến về 3 vấn đề sau đây:

1. Đánh giá tình hình.
2. Một số điểm cần nhấn mạnh thêm về tư tưởng chỉ đạo.
3. Những việc cần làm tiếp.



I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 31/HĐBT CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG TRONG MỘT THÁNG QUA

A. Đối với sản xuất

1. Đã tập trung thêm vật tư đưa vào sản xuất và thu mua

a) Ngoài chỉ tiêu về vật tư mà kế hoạch nhà nước đã phân bổ, đã điều động bổ sung một số vật tư, hàng hóa.

- Bộ Lâm nghiệp đã cải tiến việc cung ứng, quy định cho những địa phương tiêu thụ được trực tiếp ký kết và nhận gỗ thằng ở những tỉnh có rừng theo kế hoạch phân bổ; đồng thời tổ chức chiến dịch vận chuyển gỗ, cố gắng xong trước mùa mưa.

- Bộ Vật tư quy định một số điểm cải tiến cung ứng vật tư (đơn vị tiêu thụ được chọn đơn vị cung ứng và địa điểm giao); công ty vật tư tỉnh được nhận đại lý mua bán các vật tư khác do tỉnh giao; điều chỉnh lại mức chiết khấu lưu thông vật tư.

- Bộ Xây dựng có một số quy định mới về mức chiết khấu lưu thông ximăng đối với từng nơi; quy định chi phí được thanh toán về đóng bao đối với ximăng.

b) Bộ Ngoại thương đã tích cực giải quyết các yêu cầu của địa phương tranh thủ nhập khẩu bổ sung vật tư và một số đã về (phân bón, ximăng).

c) Một số địa phương giảm, hoãn xây dựng cơ bản, rút ra được một số vật tư...

Tuy vậy, triển khai còn chậm, không kịp thời vụ sản xuất và thu mua.

- Phân bón và thuốc trừ sâu còn thiếu nhiều (riêng phân bón mới đạt 35% yêu cầu cho vụ hè thu và mùa sớm).



- Địa phương còn lo ngại thiếu hàng và thực hiện 5 đúng; giá cả chưa bảo đảm đúng; mất mát hư hao trong vận chuyển còn nhiều.

2. Các địa phương đều có chú trọng cải tiến quản lý trong các xí nghiệp công nghiệp, giảm bớt số nhân viên gián tiếp. Trung ương đã ban hành nghị quyết (dự thảo) về bảo đảm quyền chủ động sản xuất kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở. Chắc rằng những việc này sẽ có tác dụng tốt đẩy mạnh sản xuất và phân phối lưu thông trong thời gian tới.

B. Về nắm hàng và phân phối hàng

1. Nhìn chung, các tỉnh có tích cực chỉ đạo lập lại trật tự kinh doanh trên thị trường, cố gắng *nắm hàng lương thực, nông sản, hàng công nghiệp tiêu dùng*, giảm bớt tình trạng tranh mua, tranh bán.

Đã cố gắng tập trung lực lượng cung ứng các mặt hàng thiết yếu cho công nhân viên chức, lực lượng vũ trang, đưa vào phân phối có tổ chức, theo định lượng.

Tuy vậy, *nắm hàng tiêu thủ công* còn nhiều khó khăn (như Thành phố Hồ Chí Minh, hàng tư sản tự tiêu của tiểu thủ công nghiệp chiếm đến 20 - 30% khối lượng sản xuất).

Mức nắm hàng lương thực, thực phẩm còn quá thấp, nổi bật là thóc, thịt heo, đường.

Trong việc *phân phối hàng công nghiệp* về cho nông dân cũng còn những trường hợp hàng chưa đến người tiêu dùng theo giá Nhà nước quy định; nông dân phải mua với giá cao hơn nhiều (kể cả phân bón, thuốc trừ sâu, ximăng, đồ nhôm, v.v.).

Quản lý thị trường bị buông lỏng: ở một số nơi, thị trường thịt lợn bị bỏ trống; thương nghiệp xã hội chủ nghĩa không có hàng



bán tham gia quản lý thị trường; tiểu thương phát triển; buôn lậu, đầu cơ chưa giảm.

2. Về xuất nhập khẩu, đã chấn chỉnh một bước việc mua hàng xuất khẩu, giảm được một phần tranh mua, tranh bán. Giá hàng sản phẩm xuất khẩu (tôm, tiêu...) đã có chiều hướng giảm xuống.

Đã nhập khẩu bổ sung một số hàng về và đã đưa một số vào sản xuất, thu mua.

3. Về giá cả, đã một bước kìm được giá trong thị trường có tổ chức, nhờ vậy, đã hạn chế một phần được giá thị trường tự do (ví dụ: giá thị trường tự do còn tăng, nhưng tốc độ chậm lại: trước đây mỗi tháng tăng 25 - 30%, nay tháng 4 so với tháng 3/1986 còn 16%).

Nhưng xu hướng giá cả vẫn còn lên; giá một số mặt hàng thiết yếu vẫn lên cao trong tháng 4 như: lương thực, thịt lợn, đường, bột ngọt, ximăng...

4. Về tài chính, ngân hàng: các địa phương đều có ý thức tăng thu, giảm chi, nhưng vẫn còn mất cân đối lớn: thất thu thuế công thương còn nhiều; thu thuế nông nghiệp còn quá chậm (đến 20/4 mới thu được 30% mức thuế vụ đông xuân); thu nợ cũ chưa được quan tâm đúng mức.

Do đó, bội chi ngân sách và tiền mặt đang còn rất lớn: quý I/1986, các tỉnh miền Nam bội chi bằng 62% cả nước. Riêng tháng 4, đã bội chi bằng 75% kế hoạch của cả quý II/1986.

Các biện pháp về thu tiền mặt chưa được triển khai mạnh: thu tiền mặt từ bán hàng rất thấp; biện pháp về huy động tiền mặt như bảo hiểm tiền gửi tiết kiệm mới triển khai, một số địa phương thấy là chưa đủ mức bảo hiểm, chưa mang lại kết quả bao nhiêu; về công trái chưa triển khai; các đơn vị giữ tiền "tọa chí" quá mức (ở Thành phố Hồ Chí Minh, kiểm tra 1.040 đơn vị



trung ương và địa phương, số tiền mặt do các đơn vị giữ lại để chi lên tới trên 2 tỉ trong tổng số tiền mặt chi ra là trên 3 tỉ); các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt cũng chưa được tích cực áp dụng.

Nhìn chung lại, thời gian còn ngắn, cung cách làm việc còn nhiều trực trặc, bộ máy chuyển động chưa đồng bộ, ăn khớp... Chúng ta đạt được một số kết quả bước đầu, đó là điều đáng khích lệ. Hoan nghênh sự cố gắng chung của các địa phương và các ngành; mỗi cố gắng trong lúc này đều rất có ý nghĩa đối với tình hình chung hiện nay.

Song, khó khăn còn nhiều; đặc biệt là về giá cả, thị trường đang có những diễn biến phức tạp và chưa ổn định.

II- MỘT SỐ ĐIỂM CẦN NHẤN MẠNH THÊM VỀ TƯ TUỞNG CHỈ ĐẠO

Chúng ta khẳng định Nghị quyết Trung ương 8 cùng với các Nghị quyết số 28-NQ/TW, số 31-NQ/TW của Bộ Chính trị và các nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng đã khẳng định tư tưởng chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ta trong việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Trong quá trình thực hiện, chúng ta tiếp tục quán triệt thêm từng bước các nghị quyết của Đảng, nhất trí kết luận cuộc hội nghị lần trước (ngày 30 - 31/3/1986, cũng tại đây); đó là sự vận dụng nghị quyết trong tình hình cụ thể. Qua thực tiễn chỉ đạo thực hiện, chúng ta khẳng định 4 điểm:

Một là, nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng đã cụ thể hóa nghị quyết của Bộ Chính trị.

Hai là, không chủ trương kéo tất cả các giá trở lại giá quy định thi hành từ ngày 01/10/1985, bởi vì lúc đó cũng mới chỉ quy định một số giá, mặt bằng còn rất gồ ghề, tình hình cung cầu ngày nay đã khác lúc đó...



Ba là, tuy vậy, phải phán đấu giũ một số giá như giá cung ứng vật tư cơ bản, giá mua thóc, bởi vì nếu không neo chặt các loại đó thì các giá khác sẽ bung ra hết.

Bốn là, trong thực tế, khi ban hành tiếp các giá thuộc thẩm quyền Hội đồng Bộ trưởng, đã có xem xét tình hình thực tế mà định mức giá một cách thích hợp (ví dụ giá chuẩn của 1 mét vải trước định 9 đồng, trong thực tế các địa phương đều bán 16 đồng, đến 20 đồng, nay quy định 14 đồng, tức là kéo giá đã hình thành xuống một mức).

Có một số đồng chí có ý kiến là: đồng ý các quan hệ tỷ giá giữa nông sản phẩm và công nghiệp phẩm và lấy giá mua thóc làm chuẩn, song lại muốn xem lại *mức giá mua thóc*. Đây là vấn đề hết sức quan trọng. Vừa qua, sở dĩ phải chốt giá mua thóc là vì phải lấy đó là chỗ dựa mà tính toán các tỷ giá, các mức giá khác; nếu giá mua thóc thay đổi, tức là thay đổi toàn bộ mặt bằng giá; điều này cần được bàn kỹ.

Tuy vậy, cũng cần có thời gian bình tĩnh lại, tính lại giá thành lúa (cũng như các loại nông sản khác) để xác định một *mặt bằng giá mới hợp lý hơn*. Việc này cần nghiên cứu một cách thận trọng, toàn diện, vì giá là biểu hiện tổng hợp các mối quan hệ lớn về kinh tế - xã hội.

Về vấn đề này, trong bài kết luận hội nghị ngày 30/3/1985 tại đây, tôi đã có đề cập (bài kết luận này đã gửi đến các đồng chí).

Đến nay, qua thực tế, chúng ta tiếp tục khẳng định quyết tâm thực hiện đúng đắn Nghị quyết số 31-NQ/TW của Bộ Chính trị là: “đấu tranh bình ổn vật giá, kiểm soát và chi phối giá cả trên thị trường xã hội, chặn đứng tình trạng giá lên cao đột biến, không bị động chạy theo thị trường tự do”.



Muốn vậy, phải tiếp tục thực hiện *các chủ trương và biện pháp đặc biệt, cấp bách* như các Nghị quyết số 31 của Bộ Chính trị và Hội đồng Bộ trưởng đã quyết định.

Cân nhẫn mạnh rằng: trong tình hình hiện nay, phải cố gắng *chịu khó, chịu khổ*, có những biện pháp *giao thời, quá độ*. Nếu không chấp nhận những biện pháp cần thiết, song có khó khăn, muốn dùng các biện pháp bình thường, làm ăn thoái mái, dễ dãi, thì không thể ổn định được tình hình.

Dưới đây tôi sẽ đi sâu vào một số việc cụ thể cần làm tiếp.

III- NHỮNG VIỆC CẦN LÀM TIẾP

A. Đối với sản xuất

- Tiếp tục cản đối vật tư trên từng địa bàn; Trung ương và địa phương cùng lo. Các tỉnh ký ngay hợp đồng theo kế hoạch đã phân bổ; trong đó ghi rõ: số lượng, lấy ở đâu, và thời gian lấy.

Các ngành trung ương có quỹ vật tư, hàng hóa thu mua lương thực, nông sản, thực phẩm, hàng xuất khẩu, cần tập trung giao cho tỉnh; chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tùy thời vụ của từng loại nông sản mà đưa vật tư vào thu mua, vào đầu tư cho sản xuất.

- Tập trung vật tư cho thu mua *lương thực, sản phẩm chủ yếu, vùng sản xuất* tập trung (qua hợp đồng 2 chiều) trong đó có một phần tiền mặt.

- Chú ý cung cấp vật tư *cho tiêu, thủ công nghiệp*.

- Dành một phần vật tư bán lẻ cho nhu cầu của người tiêu dùng theo giá quy định.

Trong trường hợp Trung ương lo chưa kịp (ví dụ thuốc trừ sâu) mà địa phương có ngoại tệ, ứng ra nhập để bảo đảm gấp các nhu cầu, thì Trung ương sẽ:



- + Trả lại địa phương sau.
- + Khi điều hàng đi, thì phần có vật tư của Trung ương, sẽ tính theo giá chỉ đạo; phần còn lại, tính theo giá thỏa thuận.
- + Hoặc Trung ương xét giảm bớt phần giao nộp sản phẩm của địa phương cho Trung ương.

Các địa phương mạnh dạn nhận ứng trước lương thực, nông sản và trả vật tư sau cho nông dân.

B. Về nắm hàng và phân phối hàng

1. Cân xử lý linh hoạt các biện pháp để nắm hàng: qua hợp đồng 2 chiều và mua theo giá thỏa thuận.

Hợp đồng 2 chiều: có mặt tích cực, nhưng cũng có mặt tiêu cực, như các đồng chí phát biểu. Hợp đồng 2 chiều là một hình thức trao đổi hàng hóa giữa Nhà nước với nông dân một cách có kế hoạch, có tổ chức về sản xuất cũng như về phân phối lưu thông, trước hết là nhằm hướng dẫn, giúp đỡ nông dân sản xuất theo kế hoạch nhà nước. Do đó, hợp đồng hai chiều phải bắt đầu ngay từ khâu sản xuất, không phải là đợi đến khi thu mua mới ký hợp đồng để mua. Cách làm như hiện nay rất dễ dẫn đến hiểu như là “hàng đổi hàng”, “kê giá, độn giá” để mua lương thực và các loại nông sản. Trong thực tế, người nông dân cũng tính toán đến giá cả các loại vật tư, hàng hóa trong hợp đồng để cân nhắc khi bán lương thực, nông sản cho Nhà nước.

Đáng chú ý là:

- Hàng của ta không đủ.
- Vật tư đưa vào hợp đồng 2 chiều tập trung quá mức sẽ ảnh hưởng đến phần vật tư cho sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp.



- Không đủ lượng hàng hóa tiêu dùng để bán bình thường trên thị trường.

Do vậy, một mặt tích cực đưa vào hợp đồng, mặt khác mua theo giá thỏa thuận.

- *Về giá mua lúa:* Một số địa phương kiến nghị điều chỉnh lại giá thu mua lúa theo giá thỏa thuận khoảng từ 4 đồng - 4 đồng 50 - 5 đồng.

Tôi cho là hợp lý, vì với mức ấy mới bảo đảm được chi phí sản xuất hợp lý và 40% lãi cho người sản xuất. Song hiện nay vẫn phải *ráng giữ*, đợi xin ý kiến của Bộ Chính trị.

Giá mua heo: cần tính toán để vừa mua được heo cho nhu cầu hiện nay vừa phải duy trì đàn heo. Do vậy:

- *Một mặt*, tích cực đầu tư thức ăn, đổi lưu vật tư, hàng tiêu dùng.

- *Mặt khác*, mua theo giá thỏa thuận theo các đồng chí tính toán, thì:

+ Ở các tỉnh sông Hậu, mua 30 - 32 đồng.

+ Ở các tỉnh vùng giữa, mua 32 - 35 đồng.

+ Ở các tỉnh sông Tiền, mua 35 - 38 đồng.

Như vậy, giá giao về Thành phố Hồ Chí Minh loại 80 kg trở lên sẽ bình quân khoảng 40 đồng/kg. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa cố gắng tính toán kinh doanh để bù đắp phần bán cho cán bộ, nếu có bị hụt phần nào thì bù (Thành phố hứa sẽ tự bù đắp được, không phải xin ngân sách nhà nước bù).

Giá mua đường kết tinh: Đường hiện nay đang rất cảng thẳng. Kế hoạch mua 1986 là 4 vạn rưỡi tấn, qua 4 tháng mới mua được 1.600 tấn. Dự tính có thể mua khoảng 1 vạn rưỡi đến 2 vạn tấn nữa (tập trung ở các tỉnh Nghĩa Bình, Phú Khánh, Bến Tre, Hậu Giang, Tây Ninh). Cũng phải giải quyết bằng hai cách:



- Một mặt, đối lưu bằng hàng hai chiều: urê, sắt, thép, xăng dầu, dầu hôi, gỗ...

- Mặt khác, mua theo giá thỏa thuận. Có thể mua đường kết tinh 28 - 32 đồng/kg (có hỗ trợ một số hàng tiêu dùng). Giá giao sẽ vào khoảng 32 - 34 đồng và khi bán có thể bán 2 giá: cho cán bộ, lực lượng vũ trang 18 đồng/kg và giá kinh doanh thương nghiệp khoảng 40 đồng/kg đường cát kết tinh loại 1.

Nếu các đồng chí đồng ý với giá đó thì chúng ta sẽ cùng chịu trách nhiệm tập thể và thực hiện ngay. Điều cần nhấn mạnh là phải quản lý chặt chẽ thị trường, nếu không thì với giá đó cũng khó mua, nhất là đối với mặt hàng thời vụ, như đường.

Một số đồng chí lo ngại rằng mua theo giá thỏa thuận, phải phát hành thêm tiền. Không phải, đây là hàng kinh doanh luân chuyển nhanh (kể cả lợn, đường), chi ra và thu tiền về nhanh.

Như Tiền Giang đề nghị: đồng ý giao toàn bộ quỹ vật tư, hàng hóa để thu mua cho tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chủ động điều hòa cho việc mua các loại hàng hóa một cách linh hoạt. (Ví dụ: hàng tiêu dùng để mua lợn, có thể bán theo giá kinh doanh, rồi mua lợn theo giá thỏa thuận).

Ngoài ra, xin các đồng chí chú ý tích cực chuẩn bị vật tư, hàng hóa cho việc mua các loại đậu, đỗ... trong thời vụ sắp tới.

2. Về phân phối hàng

Phân ba quỹ và xác định giá với phương thức bán thích hợp với từng loại quỹ:

- Quỹ hàng hóa cho công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang: cố gắng đảm bảo theo định lượng đã công bố, ổn định giá bán lẻ trong một thời gian nhất định, theo giá Nhà nước chỉ đạo. Đối với các lực lượng vũ trang, bảo đảm hiện vật. Đối với lương thực: không nên rút tiêu chuẩn định lượng trong lúc này. Bán hàng bảo hiểm, không phải bao cấp.



- Quỹ vật tư, hàng hóa cho hợp đồng hai chiều.
- Quỹ hàng hóa bán theo giá kinh doanh thương nghiệp: theo giá mua được bán được, đấu tranh kéo giá thị trường tự do rơi xuống.

Chú ý thêm hàng cho Vũng Tàu.

3. Về cải tạo và quản lý thị trường

- Các địa phương cần tiếp tục đẩy mạnh công tác này: để bảo đảm *tiền lương thực tế* cho công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang.
- Sông Bé đề nghị lập trạm kiểm soát ở Bù Đăng; Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng sẽ quyết định cụ thể sau khi Bộ Nội vụ và Ban Quản lý thị trường Trung ương có ý kiến.

Cần nói rõ: giảm trạm kiểm soát không cần thiết, song phải tăng cường nghiệp vụ quản lý tận gốc, còn trên đường vận chuyển thì vẫn phải có những biện pháp quản lý chặt, đồng thời tránh gây khó khăn, phiền phức cho lưu thông hàng hóa.

C. Về giá

1. Chấp hành các quyết định giá của Trung ương đã ban hành: giữ giá *lúa chuẩn* do Bộ Chính trị quy định và các khung giá mua lúa trong hợp đồng hai chiều do Hội đồng Bộ trưởng quy định cho từng khu vực.

Về giá mua *lúa thỏa thuận*: các đồng chí đề nghị điều chỉnh; Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng sẽ xem xét và có quyết định thích hợp.

2. Thực hiện việc công bố giá theo đúng Chỉ thị số 111/CT ngày 25/4/1986 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

3. Một giá hay hai giá

- Nếu bán một giá theo giá kinh doanh thương nghiệp thì phải chỉ đạo cơ quan kinh doanh mặt hàng đó lấy phần chênh



lệch giữa giá kinh doanh thương nghiệp với giá chỉ đạo nhà nước để bù trực tiếp cho các đối tượng được cung cấp theo định lượng và theo giá chỉ đạo của Nhà nước trên địa bàn lãnh thổ (kể cả của Trung ương và địa phương), ngân sách nhà nước trung ương và địa phương không cấp bù.

- Nơi nào cung cầu còn căng thẳng, giá cả thị trường đang biến động mạnh thì có thể tạm thời áp dụng cơ chế hai giá đối với những mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu:

+ Giá bán theo định lượng cho công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang, những người có quan hệ hợp đồng kinh tế hai chiều với Nhà nước, và các đối tượng chính sách.

+ Giá kinh doanh thương nghiệp bán cho các đối tượng khác (giá này được định trên cơ sở giá thỏa thuận mua ngoài hợp đồng).

4. Ngoài ra, có một số vấn đề cụ thể về giá

- Về giá bán lẻ gạo ở Thành phố Hồ Chí Minh: Bộ Lương thực cần giao lương thực cho Thành phố đúng cơ cấu huy động ở các địa phương, để Thành phố có thể bán gạo *giá cao ở mức 6 đồng/50kg* mà không bị lỗ, xem lại giá bán gạo 8 đồng.

- Ủy ban Vật giá Nhà nước nghiên cứu điều chỉnh ngay *giá muối* ở Vũng Tàu - Côn Đảo.

- Ủy ban Vật giá Nhà nước và Bộ Nội thương cần hướng dẫn ngay *giá kinh doanh thương nghiệp* đối với các mặt hàng.

D. Về tài chính, ngân sách

- Đẩy mạnh thu thuế nông nghiệp, thuế công thương nghiệp. Một số tỉnh đang còn khê đọng thuế nông nghiệp: cần mở một đợt vận động nội thuế cho Nhà nước:

- Về 60% thuế điều tiết cho địa phương: đây là phần để lập ngân sách *bằng tiền*, còn thóc thì *phải giao cho Trung ương*; địa



phương không được giữ lại thóc thuế. Hội đồng Bộ trưởng sẽ quy định giá thanh toán cho địa phương.

- Bộ Tài chính cần thanh toán cho các lực lượng vũ trang về các khoản nợ đã phát sinh trong 1985 và mới phát sinh theo chế độ trong năm 1986.

E. Về ngân hàng, tiền tệ

- Các tỉnh cần tự cân đối thu chi tiền mặt; nếu có khó khăn, Trung ương hỗ trợ.

- Đối với các địa phương có nhiều hàng hóa cần thu mua, Thành phố Hồ Chí Minh cần nhiều tiền mặt, Ngân hàng Nhà nước cần bàn bạc với các tỉnh và thành phố để đảm bảo tiền chi lương, chi cho thu mua hàng hóa; đồng thời đẩy mạnh hàng bán ra, thu tiền về.

- Tiếp tục nghiên cứu việc bảo hiểm (có hiệu lực) giá trị đồng tiền và lãi suất tiền gửi tiết kiệm. Lúc này yêu cầu rút tiền mặt, giảm áp lực của đồng tiền đang lưu thông, trở nên hết sức cấp bách. Như các đồng chí Tiền Giang đề nghị, với công nhân, viên chức thì lấy gạo bảo hiểm; đối với nông dân, lấy thóc làm bảo hiểm, đến khi rút tiền ra, cũng phải mua được số lượng thóc như khi gửi. Còn lãi suất sẽ nghiên cứu thêm.

- Ngoài ra phải xác định mức tọa chi cho hợp lý, vừa tạo thuận lợi cho các đơn vị sản xuất kinh doanh, vừa giữ được kỷ luật quản lý tiền mặt.

*

* * *

Cuối cùng, xin nhắc thêm một số vấn đề về chỉ đạo thực hiện.

- Để kịp thời điều hành việc cung ứng vật tư, hàng hóa cho các tỉnh, như nhiều đồng chí đề nghị, nay xin quyết định rõ thành



phân tổ chức điều hành gồm có các ngành kế hoạch, vật tư, lâm nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, lương thực và Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng, do đồng chí Bẩy Máy phụ trách.

- Ở các địa phương, cần chỉ đạo một cách tập trung hơn nữa, dồn sức cho các nhiệm vụ chủ yếu. Trước mắt, tập trung mua thóc, thịt lợn, đường. Đề cao kỷ luật giá cả, kỷ luật giao nộp hàng hóa theo kế hoạch.

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Thủ tướng Võ Văn Kiệt, hồ sơ số 20.

PHÁT BIỂU
TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VI
CỦA ĐẢNG VỀ PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU
CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
TRONG 5 NĂM 1986 - 1990

Ngày 15 tháng 12 năm 1986

Thưa các đồng chí,

Trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, Đại hội lần thứ VI của Đảng đánh dấu một bước chuyển hướng và đổi mới quan trọng trong sự lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực. Trong lĩnh vực kinh tế, đó là chuyển hướng về bố trí cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, đổi mới các chính sách kinh tế và cơ chế quản lý, nhằm khai thác mọi tiềm năng của đất nước, giải phóng năng lực sản xuất, tăng nhanh sản phẩm xã hội, thực hiện mục tiêu ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đánh giá những thành tựu đạt được trong 5 năm qua, kiểm điểm những mặt yếu kém, phân tích những sai lầm, khuyết điểm, để ra mục tiêu và nhiệm vụ kinh tế, xã hội cho những năm còn lại của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Báo cáo này trình bày những phương hướng và mục tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế, xã hội trong 5 năm 1986 - 1990, để chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch 5 năm 1986 - 1990.



Bước vào 5 năm này, bên cạnh những thành tựu quan trọng về phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật..., tình hình kinh tế - xã hội nước ta đang còn có khó khăn lớn trên nhiều mặt. Sản xuất tuy có tăng, nhưng tăng chậm so với yêu cầu và khả năng thực tế. Một số chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch 5 năm 1981 - 1985 không đạt. Hàng triệu lao động chưa có việc làm. Tài nguyên chưa được khai thác tốt. Công suất máy móc, thiết bị sử dụng ở mức thấp. Phân phối, lưu thông rối ren kéo dài, của cải xã hội bị lãng phí nghiêm trọng. Những mất cân đối lớn trong nền kinh tế chưa giảm bớt, có mặt lại gay gắt hơn. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chậm được củng cố. Đời sống công nhân, cán bộ và nhân dân lao động còn nhiều khó khăn. Tiêu cực trong xã hội có những biểu hiện nghiêm trọng.

Trong khó khăn chung, đã xuất hiện những nhân tố tích cực mới. Qua thử nghiệm, tìm tòi, ở một số ngành, địa phương và cơ sở đã nảy nở những mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, khai thác các khả năng để phát triển sản xuất, khắc phục khó khăn trong đời sống. Những mô hình đó được tổng kết sđc góp phần xác định nội dung cụ thể của phuong thức làm ăn mới. Trình độ của đồng đảo cán bộ về nhận thức và vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng, nắm bắt và đi sâu vào thực tiễn được nâng lên. Qua việc lập sơ đồ phát triển và phân bố lực lượng sản xuất, lập quy hoạch tổng thể của các huyện, chúng ta hiểu rõ hơn tiềm năng của đất nước để đề ra phương hướng khai thác các tiềm năng đó trong thời gian tới. Hàng trăm công trình lớn, nhiều công trình vừa và nhỏ được xây dựng trong thời gian qua, tuy có những mặt chưa hợp lý, song là những cơ sở vật chất - kỹ thuật rất quan trọng. Đội ngũ công nhân lành nghề và cán bộ khoa học kỹ thuật đã được đào tạo không ít. Nhiều kết quả



nghiên cứu khoa học, kỹ thuật đã được kết luận. Những cái đó là vốn quý giúp chúng ta giải quyết các nhiệm vụ kinh tế, xã hội đặt ra trước mắt.

Một nhân tố rất quan trọng là chúng ta luôn luôn nhận được sự hợp tác và giúp đỡ to lớn, chí tình, có hiệu quả của Liên Xô và các nước anh em khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, ngày càng đi vào chiều sâu với quy mô sẽ được mở rộng hơn trong 5 năm tới và những năm tiếp theo.

Những quan điểm và chủ trương mới về kinh tế - xã hội do Đại hội lần này của Đảng quyết định sẽ chỉ rõ con đường đưa nền kinh tế nước ta ra khỏi khó khăn trước mắt và vững bước tiến lên.

Trước những đòi hỏi to lớn, bức xúc của công cuộc cải tạo và phát triển kinh tế, của đời sống nhân dân, nhất thiết Đảng ta phải vươn lên ngang tầm yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ, thống nhất ý chí và hành động với quyết tâm, nỗ lực và sáng tạo mới. Một mặt, chúng ta phải nhận rõ những nhân tố thuận lợi để phát huy tối mức tối đa; mặt khác, phải thấy hết khó khăn trong những năm trước mắt để xác định các chủ trương và biện pháp phù hợp, bố trí bước đi tích cực nhưng vững chắc. Đất nước ta còn nhiều tiềm năng chưa được khai thác, điều đó đã rõ ràng. Song, muốn khai thác được các tiềm năng đó, ngoài việc xác định đúng phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế, đổi mới cơ chế và tổ chức quản lý, phải có vốn đầu tư, vật tư, năng lượng... mà hiện nay và trong thời gian tới vẫn rất có hạn. Việc khắc phục sai lầm về điều chỉnh giá, lương, tiền, việc kiện toàn bộ máy quản lý và xây dựng cơ chế quản lý mới một cách đồng bộ, tuy cấp bách, nhưng cũng đòi hỏi nhiều thời gian và công sức. Đó là điều cần thấy trước.



Thưa các đồng chí,

Báo cáo chính trị đã xác định các mục tiêu chủ yếu về kinh tế, xã hội cho những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là: sản xuất đủ tiêu dùng và có tích luỹ; bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm phát triển sản xuất; xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; tạo ra chuyển biến tốt về mặt xã hội; bảo đảm nhu cầu cung cố quốc phòng và an ninh, tất cả nhằm ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo.

Thực hiện những mục tiêu đó, phải kết hợp đồng bộ cả ba mặt: sắp xếp, cải tạo và phát triển với những nội dung cụ thể phù hợp với đặc điểm của từng ngành, từng địa phương và cơ sở. Như vậy, ổn định không phải là hạn chế các hoạt động kinh tế, mà là một quá trình vận động tiến lên, vừa phát triển, vừa điều chỉnh các quan hệ tỷ lệ của nền kinh tế quốc dân.

Vấn đề lớn nhất hiện nay là sắp xếp, bố trí lại cơ cấu và bước đi của nền kinh tế phù hợp với phương hướng, mục tiêu của những năm trước mắt, phù hợp với khả năng thực tế của nước ta và sự phân công, hợp tác quốc tế, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển ổn định, vững chắc, với nhịp độ nhanh. Trong những năm tới, chúng ta thật sự lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Công nghiệp nặng, trong bước này, hướng trước hết và chủ yếu vào phục vụ nông nghiệp, công nghiệp nhẹ với quy mô và trình độ kỹ thuật thích hợp.

Theo hướng đó, nhất thiết phải *sắp xếp lại các cơ sở sản xuất hiện có, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư, bố trí hợp lý quan hệ giữa*



tích luỹ và tiêu dùng, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế, trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo, nhằm khai thác mọi khả năng phát triển sản xuất, nhất là sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp và mở mang dịch vụ.

Chúng ta khẳng định một nhân tố tăng trưởng kinh tế cực kỳ quan trọng là *ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và kỹ thuật*, nhất là những thành tựu về sinh học, về giống cây trồng và vật nuôi, về đổi mới công nghệ và ứng dụng kỹ thuật tiến bộ, nhằm tiêu hao ít năng lượng, nguyên liệu, tạo ra các vật liệu mới, sản phẩm mới từ nguyên liệu trong nước, nâng cao chất lượng sản phẩm...

Tiết kiệm là chính sách lớn phải được thực hiện trong tất cả các hoạt động sản xuất, xây dựng và tiêu dùng xã hội. Chống xa hoa lãng phí, phô trương, hình thức trong bộ máy quản lý nhà nước các cấp và hợp tác xã. Nêu cao lối sống giản dị, lành mạnh, dùng hàng trong nước sản xuất, không chạy theo những thị hiếu tiêu dùng vượt quá khả năng của nền kinh tế.

Để tháo gỡ khó khăn, tạo ra động lực mới, phải *đổi mới cơ chế quản lý kinh tế* với nội dung chủ yếu là xóa bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, sửa đổi các chính sách đòn bẩy kinh tế, hình thành cơ chế kế hoạch hóa theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; thiết lập trật tự, kỷ cương. Khâu quyết định là *bố trí đúng cán bộ*, kiện toàn bộ máy quản lý, đổi mới phong cách và lề lối làm việc phù hợp với yêu cầu đổi mới cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý.

Đi đôi với công cuộc cải tạo và phát triển kinh tế, chúng ta phải triển khai tích cực, kiên quyết và bền bỉ các hoạt động *về phát triển xã hội*, xây dựng nền văn hóa mới và con người mới,



chống các hiện tượng tiêu cực, nhất là tệ tham nhũng, hối lộ, đầu cơ, trục lợi, thiết lập công bằng xã hội.

Trong khi thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, xã hội, chúng ta luôn luôn coi trọng *bảo đảm các nhu cầu cung cấp quốc phòng và an ninh*, trước hết là nhu cầu thường xuyên về đời sống và các hoạt động khác của lực lượng vũ trang; *tổ chức tốt hơn hoạt động sản xuất, xây dựng kinh tế của quân đội*, góp phần xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho quốc phòng và kinh tế, tự bảo đảm một phần nhu cầu của lực lượng vũ trang, góp thêm hàng hóa cho tiêu dùng xã hội và xuất khẩu.

Dưới đây, xin trình bày một số phương hướng và mục tiêu chủ yếu.

I- BA CHƯƠNG TRÌNH LỚN: LUÔNG THỰC - THỰC PHẨM, HÀNG TIÊU DÙNG, HÀNG XUẤT KHẨU

Thưa các đồng chí,

Báo cáo chính trị đề ra ba chương trình kinh tế lớn: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Ba chương trình này liên quan chặt chẽ với nhau, là cơ sở và tiền đề cho nhau. Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng là những điều kiện vật chất quan trọng nhất để ổn định tình hình kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân; xuất khẩu là một yếu tố có ý nghĩa quyết định để thực hiện hai chương trình đó và các hoạt động kinh tế khác. Ba chương trình lớn là cốt lõi của nhiệm vụ kinh tế, xã hội trong 5 năm 1986 - 1990, không những có ý nghĩa sống còn trong tình hình trước mắt, mà còn là những điều kiện ban đầu không thể thiếu được để triển khai công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo. Để thực hiện ba chương trình đó, cần động viên và tập trung cao độ mọi khả năng của nền



kinh tế quốc dân. Các ngành công nghiệp nặng, giao thông vận tải, các ngành kinh tế, văn hóa, xã hội khác cũng như tất cả các địa phương đều phải dồn mọi lực lượng vật chất, sự lãnh đạo và chỉ đạo trước hết cho ba chương trình này, kiên quyết đinh, hoãn những nhu cầu khác chưa thật cấp bách. Phục vụ và bảo đảm thắng lợi cho ba chương trình là tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển lâu dài của tất cả các ngành và các địa phương trong cả nước.

1. Lương thực - thực phẩm

Trong bước đi hiện nay, nền nông nghiệp nhiệt đới nước ta chứa đựng những tiềm năng to lớn và có vị trí cực kỳ quan trọng. Chính vì vậy, giải phóng năng lực sản xuất, trước hết và chủ yếu là giải phóng năng lực sản xuất của hàng chục triệu lao động với hàng triệu hécta đất đai trong nền nông nghiệp nhiệt đới này.

Những năm qua, nông nghiệp nước ta đã có chuyển biến, đạt được một số thành tựu quan trọng, nhất là về sản xuất lương thực và tạo ra một số vùng chuyên canh cây công nghiệp. Tuy nhiên, sản lượng lương thực tăng không đều và chưa vững chắc; diện tích cây công nghiệp tăng chậm, nhất là cây công nghiệp ngắn ngày; chưa gắn việc phát triển nông, lâm, ngư nghiệp với công nghiệp chế biến; lao động, đất đai, rừng, biển chưa được sử dụng tốt... Đó là do nhận thức về nông nghiệp chưa toàn diện, trong đó lương thực, thực phẩm là trọng tâm số một, chưa được thấu suốt đầy đủ. Đầu tư và nhất là các chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp chưa được giải quyết thỏa đáng. Hiện nay, chúng ta còn khoảng 2 triệu hécta đất nông nghiệp chưa được khai thác, hệ số sử dụng ruộng đất còn thấp, 8 triệu hécta đất trống đồi trọc chưa được phủ xanh, hàng chục vạn hécta mặt nước có



khả năng nuôi trồng thủy sản cùng với vùng biển rộng lớn có tiềm năng kinh tế phong phú, có nhiều ngư trường quan trọng chưa được khai thác tốt, hàng triệu lao động có khả năng mở mang ngành nghề chưa được sử dụng hết. Trong 5 năm 1986 - 1990, chúng ta tập trung cho mục tiêu số một là sản xuất lương thực và thực phẩm, đồng thời ra sức mở mang cây công nghiệp, nhất là cây công nghiệp ngắn ngày, đi liền với xây dựng đồng bộ công nghiệp chế biến, phát triển mạnh các ngành nghề, gắn lao động với đất đai, rừng, biển, nhằm khai thác đến mức cao nhất những tiềm năng đó.

Nhiệm vụ đặt ra là phải đạt cho được mục tiêu bảo đảm nhu cầu ăn của toàn xã hội và bước đầu có dự trữ. Vấn đề lương thực phải được giải quyết một cách toàn diện, từ sản xuất, chế biến đến phân phối và tiêu dùng, gắn việc bố trí cơ cấu lương thực với việc cải tiến cơ cấu và nâng cao chất lượng bữa ăn phù hợp với đặc điểm từng vùng. Phải dựa vào việc khai thác thế mạnh của từng địa phương đồng bằng, trung du, miền núi, ven biển một cách hợp lý nhất, vừa tăng sản xuất lương thực tại chỗ, vừa tạo ra các nguồn sản phẩm khác để trao đổi lấy lương thực, kể cả thông qua xuất nhập khẩu. Gắn với việc giải quyết lương thực, nhất thiết phải giảm mạnh tỷ lệ tăng dân số.

Phấn đấu năm 1990 sản xuất 22 - 23 triệu tấn lương thực (quy thóc), bình quân mỗi năm trong 5 năm đạt 20 - 20,5 triệu tấn, tăng 3 - 3,5 triệu tấn so với mức bình quân hằng năm trong 5 năm trước.

Hướng chủ yếu đổi với lúa là thâm canh, tăng vụ và mở thêm diện tích ở những nơi có điều kiện (nhưng cần chú ý không được phá rừng). Tình hình năng suất không đồng đều giữa các vùng và ngay trong một địa phương nói lên khả năng thâm canh



còn rất lớn. Vòng quay ruộng đất hiện nay còn quá thấp chứng minh tâm quan trọng, tính bức xúc và hiệu quả của tăng vụ. Trong những năm tối, chúng ta kiên quyết tập trung các điều kiện vật chất cho các vùng trọng điểm về lương thực hàng hóa. Cân xác định rằng đồng bằng sông Cửu Long là trọng điểm lúa hàng hóa lớn nhất của cả nước; đồng bằng sông Hồng là trọng điểm sản xuất lúa của miền Bắc, có ý nghĩa quyết định đáp ứng nhu cầu của khu vực; các vùng khác cũng có những trọng điểm lúa của mình.

Nhấn mạnh cây lúa, nhưng tuyệt nhiên chúng ta không coi nhẹ màu. Những năm gần đây, diện tích và sản lượng màu giảm sút là một khuyết điểm cần được khắc phục. Mỗi vùng, căn cứ vào điều kiện cụ thể của mình, cần xây dựng một cơ cấu cây màu thích hợp, bao gồm ngô, khoai lang, sắn, khoai tây và các cây có bột khác, trong đó chú trọng cây ngô. Đi đôi với phát triển sản xuất, phải tổ chức tốt việc thu mua và chế biến, dùng màu phổ biến trong cơ cấu bữa ăn.

Để thực hiện mục tiêu lương thực nói trên, cần áp dụng hàng loạt biện pháp đồng bộ. Trước hết, phải nói tới ruộng đất. Những năm qua, chúng ta đã để giảm sút hàng chục vạn hécta đất lúa tốt. Đó là một tình hình không thể kéo dài. Phải hoàn chỉnh quy hoạch sử dụng đất đai, làm tốt công tác quản lý ruộng đất, nhất là ở cơ sở và đối với đất lúa. Chú trọng các biện pháp tổng hợp để vừa tăng độ phì của đất, vừa tăng hệ số sử dụng ruộng đất, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long là nơi mà hệ số này còn rất thấp.

Thủy lợi là biện pháp hàng đầu, cần được phát động thành phong trào quần chúng rộng khắp, kết hợp với sự đầu tư đúng mức của Nhà nước. Trong 5 năm này, hoàn thành đồng bộ các công trình thủy lợi, tập trung vào những công trình phát huy



ngay hiệu quả, nhất là mở mang thủy lợi nhỏ để khai thác tối đa công suất của công trình lớn và vừa đã được xây dựng. Xây dựng mới một số công trình để phục vụ ngay cho việc tăng vụ, chuyển vụ và khai hoang mở rộng diện tích. Ở đồng bằng Bắc Bộ, chú trọng củng cố hệ thống đê, kè, cống; duy trì và phát triển thêm các trạm bơm điện; thu hẹp một phần diện tích thường bị ngập úng của lúa mùa. Ở đồng bằng sông Cửu Long, ngoài các công trình đầu mối, chú trọng củng cố và phát triển hệ thống thủy lợi nội đồng. Mở rộng diện tích được tưới, tiêu chủ động, trước hết ở các vùng lúa cao sản. Công tác phòng, chống bão lụt cần được đặc biệt chú ý, để hạn chế các thiệt hại, bảo vệ tốt tính mạng và tài sản của nhân dân.

Trong các biện pháp đồng bộ, những năm tới, phân bón nổi lên như là một yếu tố quyết định năng suất và thâm canh, một yêu cầu gay gắt mà chúng ta phải tập trung sức giải quyết. Có chính sách khuyến khích đẩy mạnh phong trào làm phân chuồng, phân xanh và các loại phân hữu cơ khác, bảo đảm một phần đáng kể nhu cầu phân bón. Mở rộng sản xuất phân lân, vôi, phốtphorít. Dành ngoại tệ để nhập đủ phân bón. Nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón bằng các biện pháp kỹ thuật tiến bộ là một khả năng thực tế cần được áp dụng rộng rãi.

Những năm qua, sâu bệnh đã gây cho sản xuất nông nghiệp không ít tổn thất. Làm tốt công tác dự báo phát hiện sâu bệnh, có biện pháp chủ động phòng trừ tổng hợp, kết hợp biện pháp sinh học với hóa học, là nhiệm vụ thường xuyên của các cơ quan quản lý nông nghiệp và bà con nông dân. Tổ chức tốt dịch vụ bảo hiểm cây trồng trên từng địa bàn; việc nhập đủ và kịp thời thuốc trừ sâu phải được ưu tiên giải quyết.



Tình trạng thiếu sức kéo, thậm chí phải dùng sức người cuốc đất, đang đặt ra cho chúng ta yêu cầu bức xúc cần giải quyết, nhất là ở những vùng tăng vụ, mở rộng diện tích. Trước hết, cần khuyến khích phát triển chăn nuôi trâu, bò cày kéo, mở rộng giao lưu trâu, bò để điều hòa sức kéo giữa các vùng. Đồng thời, cố gắng sản xuất và nhập thêm máy kéo, và quan trọng nhất là cải tiến ngay tổ chức, cơ chế sử dụng máy kéo, có sự điều chỉnh hợp lý để tận dụng máy kéo với công suất cao hơn. Thực hiện việc bán máy kéo nhỏ cho hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp đi đôi với đào tạo thợ, cung ứng phụ tùng sửa chữa. Dứt khoát không để thiếu công cụ thường, công cụ cải tiến với chất lượng tốt trang bị cho lao động nông nghiệp.

Thực tiễn ở nhiều vùng cho thấy cơ cấu giống và giống mới đi liền với cơ cấu vụ hợp lý góp phần quan trọng vào năng suất cây trồng và tính ổn định của mùa màng. Vấn đề đặt ra là tổ chức cho được hệ thống giống từ Trung ương đến cơ sở, có chính sách khuyến khích hợp tác xã nhân nhanh giống mới đã được hướng dẫn sử dụng cho từng vùng.

Nhằm giảm bớt mức độ hao hao và mất mát lương thực hiện còn rất lớn, giữ gìn phẩm chất và tăng giá trị sản phẩm, cần chú trọng xây dựng đồng bộ hệ thống bảo quản và chế biến, tổ chức vận chuyển kịp thời lương thực.

Chấn chỉnh hệ thống cung ứng vật tư và dịch vụ, phục vụ kịp thời và có hiệu quả cho cơ sở sản xuất, khắc phục mọi sự phiền hà và làm thất thoát vật tư Nhà nước. Thực hiện một hệ thống các chính sách thật sự khuyến khích sản xuất lương thực. Hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động. Bảo đảm vật tư cần thiết cùng với ổn định mức khoán hợp lý để tạo điều kiện cho người sản xuất nhận khoán và tự đầu tư



thêm để vượt mức khoán. Miễn thuế nông nghiệp trong một thời gian để khuyến khích những nơi tăng vụ hoặc mở thêm diện tích. Ngoài nghĩa vụ thuế, các quan hệ kinh tế giữa Nhà nước và hợp tác xã đều thông qua các hợp đồng mua và bán do các tổ chức kinh doanh Nhà nước đảm nhiệm theo nguyên tắc bình đẳng, ngang giá. Ngoài phần hợp đồng có vật tư bảo đảm, cần thực hiện mua bán theo giá thật sự thỏa thuận.

Nhằm tăng chất lượng bữa ăn hàng ngày và cải tiến dần cơ cấu bữa ăn, việc sản xuất thực phẩm cũng phải được coi trọng như sản xuất lương thực. Chúng ta có nhiều khả năng phát triển toàn diện các nguồn thực phẩm động vật và thực vật phong phú, đa dạng trên khắp các miền đất nước. Trước hết, phải đẩy mạnh chăn nuôi, tăng đáng kể đàn gia súc, gia cầm, chú ý các loại không dùng hoặc ít dùng lương thực. Hết sức khuyến khích chăn nuôi gia đình; khôi phục và phát triển chăn nuôi quốc doanh và tập thể ở những nơi có điều kiện. Muốn vậy, phải giải quyết tốt các khâu giống, thức ăn và phòng chống dịch bệnh. Nhà nước chỉ đạo chặt cả ba khâu này, chú ý tăng nguồn thức ăn gia súc qua chế biến. Chính sách tạo giống cho chăn nuôi cũng phải được coi trọng và khuyến khích đúng mức như tạo giống cho sản xuất lương thực.

Rau, đậu các loại, cây có dầu, cây ăn quả là nguồn thực phẩm mà ở đâu cũng có điều kiện phát triển. Xung quanh các thành phố, khu công nghiệp, nhất là Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, khu mỏ Quảng Ninh, phải tập trung đầu tư đồng bộ để sớm hình thành vành đai thực phẩm, đồng thời khuyến khích các địa phương, các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và người sản xuất cá thể đưa rau, quả, thịt, cá... vào bán trong thành phố. Các nông trường, lâm trường, các đơn vị quân đội đều phải tổ chức chăn nuôi



và trồng cây thực phẩm bằng mọi hình thức để tự giải quyết một phần hoặc toàn bộ nhu cầu tại chỗ.

Thủy hải sản là một nguồn thực phẩm không những quan trọng cho nhu cầu tiêu dùng mà còn là một nguồn hàng xuất khẩu lớn rất có giá trị. Đây là một tiềm năng lớn và cũng là một khả năng thực tế. Ở những nơi có mặt nước, phải tổ chức nuôi cá, tôm và các thủy sản khác, kết hợp với chăn nuôi gia súc, gia cầm, áp dụng rộng rãi mô hình “vườn - ao - chuồng”, đặc biệt là tôm nuôi mà chúng ta cần đầu tư để tận lực phát triển. Sắp xếp hợp lý lực lượng lao động ngư nghiệp, khuyến khích nhân dân phát triển nuôi, trồng và đánh bắt thủy sản, mở mang ngành nghề vùng ven biển. Nhà nước đầu tư tăng thêm phương tiện, sửa chữa, khôi phục tàu thuyền và công cụ đánh bắt, xây dựng bến bãi và cơ sở hậu cần. Ngư trường vùng biển tây nam nước ta là ngư trường trọng điểm, có ý nghĩa lớn về kinh tế và quốc phòng, an ninh. Nhà nước Trung ương có trách nhiệm đầu tư và tổ chức việc liên kết giữa các địa phương trong việc đánh bắt, nuôi trồng; đồng thời cần có quy chế bảo vệ nguồn lợi hải sản ở vùng này. Các cơ sở quốc doanh làm tốt nhiệm vụ hướng dẫn kỹ thuật, chỉ đạo việc chuyển ngư trường theo thời vụ, tổ chức tốt việc thu mua, bảo quản và chế biến thủy sản. Bảo đảm đủ lương thực, hàng tiêu dùng thiết yếu cho ngư dân; định giá mua hợp lý để khuyến khích người lao động sản xuất, chấm dứt tình trạng tranh mua, tranh bán thủy sản.

Chương trình lương thực - thực phẩm không thể tách rời phát triển nông nghiệp toàn diện. Ngoài những cây, con phục vụ trực tiếp nhu cầu thực phẩm như đã nói trên, chúng ta khuyến khích phát triển mạnh trồng cây công nghiệp, trồng rừng để khai thác những tiềm năng to lớn của nền nông nghiệp nhiệt đới theo thế



mạnh của từng vùng, tạo ra nguồn sản phẩm hàng hóa để trao đổi lấy lương thực, khắc phục khuynh hướng giải quyết lương thực theo lối khép kín, đồng thời tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và nhất là tăng nhanh những sản phẩm có giá trị xuất khẩu. Phát triển cây công nghiệp, bảo vệ vốn rừng và trồng rừng còn là lĩnh vực có khả năng thu hút rất nhiều lao động, giải quyết việc làm trong điều kiện nước ta hiện nay.

Những năm tới, bằng việc đổi mới mạnh mẽ các chính sách thu mua, giá cả, cơ chế đầu tư và cung ứng vật tư, lương thực..., chúng ta ưu tiên phát triển cây công nghiệp ngắn ngày, tập trung vào các cây lạc, đỗ tương, mía, thuốc lá, đay, cói... Chú trọng đầu tư cho các vùng chuyên canh, kể cả hình thức tín dụng cho hợp tác xã và kinh tế gia đình; mở rộng trồng xen, trồng gối vụ, trên cả diện tích cây dài ngày mà khả năng còn rất lớn. Chúng ta còn nhiều đất trồng cây công nghiệp dài ngày, nhất là những cây có giá trị như cà phê, chè, cao su, dừa, hồ tiêu...; đây là một đối tượng thu hút nhiều lao động và mở mang hợp tác quốc tế. Trong các cơ sở quốc doanh, trước hết đầu tư thâm canh những diện tích hiện có, để tăng nhanh sản lượng khai thác. Đối với cây trồng mới, phải lấy chất lượng và sản lượng cuối cùng làm mục tiêu phấn đấu, trồng đến đâu thâm canh đến đó, khắc phục khuynh hướng chạy theo diện tích. Trong tình hình nguồn vốn có hạn, phải tạo vốn bằng phương thức kinh doanh tổng hợp “lấy ngắn nuôi dài”, thực hiện liên kết quốc doanh, tập thể, gia đình, cá thể, tư nhân, nhằm tận dụng lao động và đất đai, khuyến khích kinh tế gia đình trồng các cây có giá trị.

Rừng tiếp tục bị tàn phá, tỷ lệ che phủ đã tụt xuống đến mức quá thấp như hiện nay đang là một nguy cơ lớn. Vì vậy, vấn đề lớn nhất của lâm nghiệp là xây dựng và bảo vệ vốn rừng hiện có,



làm cho vốn rừng không ngừng tăng lên, thực hiện các biện pháp toàn diện, nhằm chấm dứt nạn phá rừng, cháy rừng. Phân công, phân cấp quản lý để rừng nào cũng có người chịu trách nhiệm bảo vệ và trông mới, và được hưởng lợi ích tương ứng với công sức đóng góp. Coi trọng công tác định canh, định cư, giúp số đồng bào còn du canh, du cư có đời sống ổn định và tham gia tích cực vào việc bảo vệ và trông rừng. Đầu tư thích đáng cho việc tu bổ và bảo vệ rừng, trông rừng vùng cao, rừng đầu nguồn, nhất là đối với các loại cây làm nguyên liệu giấy, gỗ trụ mỏ, cây lấy củi. Giao đất trông rừng cho hợp tác xã và gia đình, cho các đơn vị kinh tế trông cây theo quy hoạch và có chính sách lợi ích thỏa đáng; phát động rộng rãi phong trào trông cây phủ xanh đồi trọc, trông cây ở thành phố và khắp các vùng nông thôn, trông cây ven biển, trông cây lấy củi, thực hiện lâm - nông kết hợp để phát triển đa dạng kinh tế ở các vùng. Quân đội có nhiệm vụ hết sức quan trọng trong việc bảo vệ rừng và trông cây gây rừng.

Trong 5 năm này, phải có kế hoạch xây dựng, cải tạo một phần rừng tự nhiên thành rừng kinh tế; bảo đảm vật tư kỹ thuật cho yêu cầu khai thác gỗ. Trong việc khai thác, cần đề cao kỷ luật, giữ đúng quy trình kỹ thuật, có tính tới cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường sống. Nhà nước thống nhất quản lý nguyên liệu gỗ và việc chế biến gỗ, phát triển các cơ sở chế biến tại rừng nhằm tận dụng gỗ càng, ngọn mà hiện đang còn lãng phí lớn.

2. Hàng tiêu dùng

Phát triển sản xuất hàng tiêu dùng là một chương trình lớn, không chỉ có ý nghĩa cấp bách trước mắt, mà còn có ý nghĩa lâu dài và cơ bản. Đó là điều kiện để bảo đảm các nhu cầu đời sống hằng ngày của nhân dân, giải quyết việc làm cho hàng triệu người lao động, tạo nguồn tích luỹ và nguồn xuất khẩu quan trọng.



Năm năm qua, sản xuất hàng tiêu dùng có mức phát triển, tuy nhiên còn chậm, nhiều mặt hàng thông thường vẫn khan hiếm, chất lượng hàng tiêu dùng giảm sút đã gây lãng phí lớn về vật tư và gây ra sự bất bình chính đáng trong nhân dân. Trong khi đó, nhiều tiềm năng chưa được khai thác, nhất là lực lượng tiểu, thủ công nghiệp và các nguồn nguyên liệu trong nước. Sắp tới, phải bằng mọi cách giải phóng năng lực to lớn này để đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng trong các ngành, các thành phần kinh tế, với mọi hình thức tổ chức, quy mô và trình độ kỹ thuật. Phải bảo đảm sản xuất nhiều loại hàng tiêu dùng cho nhiều nhu cầu đa dạng của xã hội, phù hợp với từng vùng, từng lứa tuổi, không để thiếu những hàng tiêu dùng thông thường. Việc tăng sản lượng phải đi liền với việc bảo đảm chất lượng, không ngừng đổi mới quy cách, bảo đảm kỹ thuật và mỹ thuật của sản phẩm.

Ưu tiên các điều kiện vật chất để tận dụng công suất của các xí nghiệp hiện có, nhất là các xí nghiệp lớn có năng suất, hiệu quả. Đối với các cơ sở sản xuất đã được xây dựng nhiều năm, máy móc thiết bị đã quá cũ kỹ, hư hỏng, cần từng bước đổi mới kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu về số lượng, chủng loại và chất lượng sản phẩm. Bằng phương thức bán hoặc cho vay tín dụng, trang bị thêm máy móc, thiết bị cho tiểu, thủ công nghiệp. Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hà Nội là những trọng điểm sản xuất hàng tiêu dùng của cả nước cần được tập trung đầu tư; Hải Phòng, Đà Nẵng và một số thành phố khác cũng có những thế mạnh cần được chú ý phát huy.

Để phát triển hàng tiêu dùng, điều có ý nghĩa quyết định là nguyên liệu và chính sách nguyên liệu. Phương hướng chủ yếu là tận lực khai thác các nguồn nguyên liệu trong nước, đồng thời ưu tiên dành ngoại tệ để nhập khẩu những nguyên liệu cần



phải nhập. Đối với nguyên liệu từ nông nghiệp, cần bảo đảm đủ diện tích chuyên canh phục vụ các nhà máy chế biến, thực hiện việc liên kết chặt chẽ và trực tiếp giữa nhà máy với vùng nguyên liệu bằng các hợp đồng kinh tế, bảo đảm lợi ích hợp lý của cả hai bên. Giá mua cần được sửa đổi theo hướng khuyến khích người sản xuất nguyên liệu; khuyến khích đúng mức đối với những nguyên liệu có chất lượng cao. Đối với nguyên liệu từ khoáng sản, cần tăng cường đầu tư, phân công, phân cấp hợp lý để đẩy mạnh việc khai thác, nhất là các mỏ nhỏ; đồng thời phát triển những cơ sở hóa chất thông thường.

Cần thấy rằng hiện nay lực lượng tiểu, thủ công nghiệp đang sản xuất khoảng một nửa khối lượng hàng tiêu dùng và còn nhiều khả năng thu hút hàng triệu lao động. Cần xóa bỏ ngay những chính sách, chế độ đang gò bó lực lượng này, bao gồm hợp tác xã, tổ sản xuất, kinh tế gia đình, cá thể, tư nhân. Trước hết, phải dành một phần thích đáng nguyên liệu, năng lượng và tổ chức tốt việc cung ứng đến cơ sở sản xuất; chuyển mạnh sang phương thức bán nguyên liệu, mua sản phẩm theo hợp đồng. Giá gia công cần được sửa đổi để thật sự khuyến khích sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và đổi mới mặt hàng; bảo đảm lương thực cho người sản xuất, cải tiến chính sách thuế đối với tiểu, thủ công nghiệp theo hướng khuyến khích các ngành, nghề cần phát triển. Đặc biệt khuyến khích và tạo mọi điều kiện để phát triển các nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống, sử dụng và đai ngộ tốt các nghệ nhân, đồng thời đào tạo, bồi dưỡng lực lượng kế thừa, không để mai một những ngành, nghề đã có từ lâu đời trong nhân dân.

Cùng với phát triển sản xuất, phải thực hiện một chính sách tiêu dùng hợp lý, tiết kiệm. Một mặt, chúng ta ra sức phát triển hàng tiêu dùng với chất lượng và kỹ thuật ngày càng được nâng



cao, phù hợp với yêu cầu và xu thế phát triển của tiêu dùng xã hội. Mặt khác, nhân dân ta, nhất là cán bộ, đảng viên cần tự giác dùng hàng trong nước, thực hiện đúng chính sách của Đảng và Nhà nước là khuyến khích và bảo vệ sản xuất, xác định tiêu dùng phù hợp với khả năng thực tế của nền kinh tế hiện nay.

Với phương hướng nêu trên, trong 5 năm tới, đưa nhịp độ tăng bình quân hằng năm của sản xuất hàng tiêu dùng lên 13 - 15%. Chúng ta đặc biệt coi trọng đẩy mạnh sản xuất vải, bảo đảm ở mức cần thiết các mặt hàng dệt khác; tăng nhanh sản lượng giấy, bảo đảm đủ giấy viết và giấy in sách giáo khoa. Tăng sản xuất các loại thuốc chữa bệnh thông thường; thường xuyên kiểm tra, quản lý thị trường, nghiêm trị việc sản xuất thuốc giả. Cùng với việc bảo đảm đủ nguyên liệu cho các nhà máy đường quốc doanh, các hợp tác xã, các huyện có điều kiện đều trồng mía và phát triển các cơ sở chế biến nhỏ, để tự giải quyết đủ nhu cầu tại chỗ về đường, mật các loại. Chè, rau, quả hộp, bia, các loại nước giải khát... được bố trí sản xuất hợp lý, vừa hiện đại vừa thủ công, nhằm tạo ra một khối lượng lớn hàng hóa có chất lượng tốt, bảo đảm nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Riêng về thuốc lá, trước hết phải cung ứng đủ nguyên liệu cho các nhà máy quốc doanh trung ương khai thác hết công suất; sắp xếp lại các cơ sở sản xuất, khắc phục tình trạng phát triển tràn lan hiện nay. Trong việc sản xuất thực phẩm, phải quản lý chặt chẽ chất lượng và tiêu chuẩn vệ sinh.

Các loại hàng kim khí tiêu dùng như xe đạp, quạt máy, máy khâu, đồng hồ, lắp ráp máy thu thanh, máy thu hình... cần được sắp xếp, mở rộng sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm. Xà phòng, bột giặt là những hàng tiêu dùng không thể thiếu, cần được bảo đảm đủ nguyên liệu cho sản xuất và quản lý chặt chẽ chất lượng.



3. Xuất khẩu

Là mũi nhọn có ý nghĩa quyết định đối với nhiều mục tiêu kinh tế trong 5 năm này, đồng thời cũng là khâu chủ yếu của toàn bộ các quan hệ kinh tế đối ngoại, xuất khẩu phải trở thành mối quan tâm hàng đầu của tất cả các ngành, các cấp; trong thời gian tới, nhất thiết phải đạt được sự chuyển biến xứng đáng với tầm quan trọng và khả năng thực tế của nó. Nhiệm vụ đặt ra là tăng nhanh khối lượng xuất khẩu, đáp ứng được nhu cầu nhập khẩu, khắc phục cung cách làm ăn ít hiệu quả, tình trạng phân tán, lộn xộn, gây thiệt hại cả ở thị trường trong nước lẫn nước ngoài. Mức xuất khẩu phải tăng khoảng 70% so với 5 năm trước, dựa vào các mặt hàng chính là nông sản và nông sản chế biến, hàng công nghiệp nhẹ và tiêu, thủ công nghiệp, thủy sản. Mức xuất khẩu nói trên, tuy là tối thiểu, không thể lùi hơn nữa, nhưng không nên nghĩ rằng chúng ta có thể đạt được một cách dễ dàng. Vì vậy, cần thực hiện những biện pháp tích cực và có hiệu quả.

Trước hết, cần xây dựng một quy hoạch dài hạn và một kế hoạch cụ thể cho từng thời kỳ về sản xuất các mặt hàng xuất khẩu. Trên cơ sở đó, có đầu tư đủ mức, bảo đảm quỹ vật tư cần thiết cho sản xuất, chú trọng các vùng sản xuất tập trung, các mặt hàng chủ lực. Khuyến khích thỏa đáng đối với người trực tiếp sản xuất hàng xuất khẩu, như cung ứng đủ lương thực và hàng tiêu dùng cần thiết, có giá mua hợp lý, khen thưởng hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch giao hàng xuất khẩu, nhất là khen thưởng về chất lượng hàng hóa. Giá mua phải thống nhất theo phẩm cấp của từng mặt hàng, cho cả tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Trước mắt, cần sửa ngay và điều chỉnh kịp thời tỷ giá hàng giao xuất khẩu để bảo đảm lợi ích của người sản



xuất và các địa phương có nhiều cố gắng giao hàng xuất khẩu cho Trung ương.

Để khắc phục tình trạng tranh mua, tranh bán, thiết lập trật tự, kỷ cương trong lĩnh vực ngoại thương, cần tổ chức lại công tác xuất nhập khẩu một cách hợp lý, nhất là đối với các mặt hàng và nhóm hàng quan trọng. Giảm bớt các khâu trung gian, khắc phục tệ cửa quyền, tùy tiện, xâm phạm lợi ích của người trực tiếp sản xuất hàng xuất khẩu. Cơ sở làm hàng xuất khẩu phải được thông tin kịp thời về thị trường và giá cả, được tiếp xúc với người tiêu thụ để kịp thời cải tiến mặt hàng, nâng cao quy cách và chất lượng hàng hóa phù hợp với yêu cầu khách hàng.

Chúng ta hoan nghênh những tổ chức kinh tế của nước ngoài quan hệ trực tiếp với các tổ chức kinh tế Việt Nam để mở rộng quy mô hợp tác, thỏa mãn lợi ích của cả hai bên, theo chính sách và luật pháp của Nhà nước ta.

Đi đôi với đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa, chúng ta hết sức coi trọng và tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển các hoạt động thu ngoại tệ như du lịch, kiều hối, cung ứng tàu biển, dịch vụ hàng không... Xóa bỏ ngay những chế độ, thể lệ, những thủ tục phiền hà đang gò bó, hạn chế những hoạt động này.

Một hướng khác là tổ chức trên quy mô lớn việc làm gia công hàng xuất khẩu, mở rộng việc đưa lao động và chuyên gia đi làm việc ở các nước bằng nhiều hình thức thích hợp, coi đó là một bộ phận hữu cơ của chương trình lao động nói chung của toàn xã hội, của từng ngành, từng địa phương. Để làm việc này, bảo đảm hiệu quả không chỉ về kinh tế mà cả về xã hội, cần cải tổ căn bản các hoạt động hiện hành, từ việc tuyển chọn ở trong nước, tổ chức quản lý ở nước ngoài cho đến việc sử dụng lao động sau khi họ ở nước ngoài về. Điều có ý nghĩa quyết định là tổ chức bộ máy và



đội ngũ cán bộ quản lý, nhất là cán bộ quản lý lao động ở nước ngoài. Xóa bỏ tiêu cực trong lĩnh vực này, trước hết phải xóa bỏ tiêu cực trong đội ngũ cán bộ quản lý. Đối với anh chị em đi lao động ở nước ngoài, cùng với việc bảo đảm lợi ích thích đáng, cần giáo dục về nghĩa vụ và trách nhiệm đối với công cuộc xây dựng đất nước.

Trong 5 năm này, việc nhập khẩu phải theo hướng tạo điều kiện thực hiện đầy đủ ba chương trình kinh tế lớn, khai thác tốt hơn tiềm năng lao động, đất đai và công suất thiết bị hiện có. Trước yêu cầu rất lớn về nhập khẩu, phải đẩy mạnh xuất khẩu sang cả hai khu vực xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, trước hết là bảo đảm các cam kết quốc tế.

Trong việc sử dụng ngoại tệ do xuất khẩu mang lại, ưu tiên dành phần cần thiết để đầu tư trở lại cho sản xuất để bù đắp được chi phí sản xuất và có phần tái sản xuất mở rộng nguồn hàng xuất khẩu, và để nhập những vật tư thiết yếu đáp ứng nhu cầu chung của cả nước và trang trải những món nợ đến hạn.

Nghiên cứu ban hành thuế xuất, nhập khẩu nhằm thể hiện chính sách đối với các mặt hàng, thiết lập trật tự và kỷ cương trong lĩnh vực ngoại thương.

Các quan hệ kinh tế đối ngoại phải thúc đẩy sự gắn bó ngày càng chặt chẽ giữa nước ta với cộng đồng xã hội chủ nghĩa, trước hết với Liên Xô, thể hiện ngày càng rõ sự tham gia của nước ta vào quá trình phân công lao động quốc tế và liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa, vừa mở rộng quy mô trao đổi hàng hóa, vừa đẩy mạnh phân công, hợp tác sản xuất. Xây dựng chương trình hợp tác dài hạn với các nước trong Hội đồng Tương trợ kinh tế, để chủ động tranh thủ nhiều hơn nữa sự hợp tác và giúp đỡ của các nước anh em và nâng cao hiệu quả của kinh tế đối ngoại.



Trong toàn bộ quan hệ kinh tế với nước ngoài, chúng ta luôn luôn nắm vững phương châm cơ bản là không ngừng mở rộng sự hợp tác toàn diện với Liên Xô trên tất cả các lĩnh vực và bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, cũng phải bảo đảm thực hiện đúng các cam kết về giao hàng xuất khẩu. Từng bước hình thành và củng cố sự gắn bó lâu dài không chỉ ở cấp trung ương mà cả giữa các ngành, các đơn vị sản xuất và các địa phương của hai nước.

Chúng ta đặc biệt chú trọng phát triển quan hệ hợp tác kinh tế, văn hóa giữa nước ta và hai nước láng giềng anh em Lào, Campuchia, nhằm khai thác khả năng của mỗi nước bổ sung cho nhau, làm cho mỗi nước và ba nước ngày càng phát triển và vững mạnh. Căn cứ vào mục tiêu chiến lược của mỗi đảng, phôi hợp xây dựng các chương trình hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, tiến tới có sự liên kết kinh tế theo một chiến lược chung. Việc hợp tác kinh tế giữa ba nước phải theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi, có ưu tiên ưu đãi cho nhau, và phải có những chính sách, phương thức thích hợp, bảo đảm hiệu quả thiết thực. Trong 5 năm này, thực hiện việc phối hợp kế hoạch giữa ba nước, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, phát triển giao thông vận tải; đồng thời tiếp tục giúp bạn về công tác điều tra cơ bản, đào tạo cán bộ, trao đổi chuyên gia...

Đặt nền tảng của chiến lược kinh tế đổi ngoại vào sự gắn bó với cộng đồng xã hội chủ nghĩa, trước hết với Liên Xô, đồng thời chúng ta phấn đấu để có những quan hệ ngày càng năng động hơn về kinh tế và khoa học kỹ thuật với các khu vực khác trên thế giới. Ngoài hoạt động xuất, nhập khẩu, với những chính sách và thể chế mới, chúng ta sẽ mở thêm quan hệ hợp tác với nhiều



nước đang phát triển, với một số nước hoặc tổ chức tư nhân trong thế giới tư bản chủ nghĩa.

Sự đóng góp của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài về kinh tế và khoa học kỹ thuật là một nhân tố quan trọng và hiện thực, thể hiện tình cảm gắn bó của đồng bào với quê hương, đất nước. Cần sửa những cơ chế, chính sách không hợp lý để đồng bào có điều kiện thật sự tham gia tích cực vào công cuộc xây dựng Tổ quốc.

Làm tốt những việc nêu trên là một bước chuẩn bị để trong những kế hoạch sau, mở rộng và nâng cao hơn nữa hiệu quả của sự hợp tác quốc tế, làm cho nước ta tham gia sâu hơn vào quá trình phân công và liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa, theo hướng khai thác tốt hơn những tiềm năng của nước ta với sự hỗ trợ mạnh mẽ về vốn và kỹ thuật của các nước anh em, bạn bè, nhằm đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa của nước ta và tăng thêm sức mạnh của cả cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện thắng lợi các chủ trương của Đảng về quan hệ kinh tế đối ngoại, chúng ta ý thức sâu sắc rằng làm ăn tốt, khai thác mọi khả năng ở trong nước là tiền đề, điều kiện quyết định để mở mang quan hệ kinh tế với nước ngoài. Phải bằng mọi cách ra sức cải tiến sản xuất kinh doanh, phát huy tính năng động, nhanh nhạy để thích ứng kịp thời với những đòi hỏi ngày càng cao của thị trường bên ngoài về số lượng và chất lượng hàng hóa, về thời gian và giá cả trao đổi. Cần nhấn mạnh rằng, việc thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế là trách nhiệm và danh dự của Nhà nước ta mà tất cả các ngành, các cấp và người làm hàng xuất khẩu đều có nghĩa vụ bảo đảm. Chỉ bằng cách đó, chúng ta mới giữ vững được sự tín nhiệm quốc tế và có điều kiện mở rộng hơn nữa quan hệ kinh tế với nước ngoài.



II- CÔNG NGHIỆP NẶNG VÀ KẾT CẤU HẠ TẦNG

Để thực hiện ba chương trình kinh tế lớn nói trên, tạo tiền đề đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo, cần phát triển một số ngành công nghiệp nặng và kết cấu hạ tầng cần thiết phù hợp với khả năng trước mắt. Đó là năng lượng, một số cơ sở cơ khí và nguyên, vật liệu, giao thông vận tải và thông tin bưu điện - những cơ sở vật chất - kỹ thuật tối thiểu trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Như vậy là ngay từ đầu, chúng ta kết hợp chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, bao gồm công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng, để từng bước hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý. Bằng cách đó, khắc phục khuyết điểm tách rời công nghiệp với nông nghiệp, hướng công nghiệp nặng phục vụ thiết thực và có hiệu quả cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, khắc phục từng bước sự lạc hậu của kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông vận tải trong nền kinh tế nước ta.

Kinh nghiệm thực tế nhiều năm qua cho thấy, trong bước đầu công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, vai trò của năng lượng cực kỳ quan trọng, quyết định nhịp độ phát triển của toàn bộ nền kinh tế. Trong những năm trước mắt, xuất phát từ điều kiện tài nguyên và khả năng các mặt, chúng ta tập trung sức phát triển than, điện và dầu khí, đồng thời tranh thủ sử dụng thêm các nguồn và dạng năng lượng khác như khí mêtan, trấu, sức gió, năng lượng mặt trời.

Than là nhiên liệu chủ yếu không chỉ 5 năm này, mà cả một thời gian dài. Việc khai thác than phải nhầm theo hai hướng. Đối với những mỏ ở khu vực Quảng Ninh, cần tổ chức lại sản xuất và cải tiến mạnh quản lý; giải quyết những khâu không đồng bộ



trong dây chuyền sản xuất của từng mỏ; bảo đảm đủ thiết bị, vật tư; đặc biệt là cung ứng kịp thời và ổn định lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng thiết yếu cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của công nhân khu mỏ. Hoàn thành xây dựng một số mỏ quan trọng và khởi công xây dựng một số mỏ mới; cải tạo hệ thống sàng rửa để bảo đảm chất lượng than; xây dựng xong các tuyến đường sắt trong khu mỏ. Đi đôi với hướng chủ yếu nói trên, cần quan tâm khai thác các mỏ than nhỏ tại các địa phương, nhất là đối với nguồn than bùn có trữ lượng khá. Để làm việc này, phải có đầu tư của cả trung ương và địa phương, có chính sách giá hợp lý để khuyến khích sử dụng than địa phương.

Trong những năm qua, chúng ta đã dành nhiều vốn đầu tư để xây dựng các công trình quan trọng về *điện lực*. Trong 5 năm tới, vẫn phải tiếp tục đầu tư mạnh để tạo ra một bước chuyển biến đáng kể trong cân đối năng lượng. Đối với miền Bắc, với việc hoàn thành xây dựng nhà máy nhiệt điện Phả Lại, lắp đặt một số tổ máy của thủy điện Hòa Bình, nguồn điện sẽ bảo đảm đủ nhu cầu và có một phần dành cho các tỉnh miền Trung. Ngoài nguồn điện từ miền Bắc vào, việc tìm biện pháp bổ sung để bảo đảm điện cho các tỉnh Khu V và Tây Nguyên là nhiệm vụ cấp bách của ngành điện. Một mặt, đẩy nhanh xây dựng những cơ sở điện mới đã được xác định, mặt khác, tăng thêm dầu và phụ tùng để sử dụng tốt hơn những cơ sở điện hiện có. Ở miền Nam, tập trung các điều kiện vật chất để bảo đảm hoàn thành xây dựng thủy điện Trị An và thủy điện Dray H'linh. Một hướng quan trọng khác là bằng khả năng của trung ương và địa phương, Nhà nước và nhân dân, ra sức xây dựng nhiều trạm thủy điện nhỏ ở các vùng, nhất là ở Tây Nguyên và miền núi phía Bắc để giải quyết nguồn điện tại chỗ, đáp ứng nguyện vọng thiết tha của đồng bào



các dân tộc. Đi đôi với nguồn, cần xây dựng kịp thời và đồng bộ các hệ thống lưới điện, từ cao thế đến trung thế và hạ thế. Hoàn thành cải tạo lưới điện Hà Nội, Hải Phòng; tăng thêm nguồn điện và lưới điện cho đồng bằng sông Cửu Long; tiến hành chuẩn bị cải tạo lưới điện Thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố khác khi có điều kiện. Cải tiến việc phân phối và sử dụng điện, nhằm trước hết bảo đảm một cách ổn định nhu cầu của các trọng điểm về kinh tế và xã hội. Đồng thời, phải tích cực chuẩn bị cho thời kỳ sau năm 1990 xây dựng những công trình đã được quy hoạch như: Yaly, Sông Hinh, Thác Mơ, Đắc Nga 3...

Đẩy mạnh thăm dò và khai thác dầu khí ở thềm lục địa phía nam, để đến năm 1990 đạt sản lượng dầu thô đáng kể; có phương án sử dụng tốt lượng khí khai thác được cùng với dầu. Khởi công xây dựng nhà máy lọc dầu với công suất đợt I là 3 triệu tấn/năm. Xúc tiến việc thăm dò dầu khí ở thềm lục địa ở phía bắc.

Nhanh chóng khắc phục tình trạng phân tán của ngành cơ khí bằng cách sắp xếp, tổ chức lại sản xuất trong cả nước trên cơ sở quy hoạch, phân công, hiệp tác giữa các lực lượng cơ khí để đáp ứng những nhu cầu cấp bách về sửa chữa và trang bị công cụ, một phần máy móc, thiết bị và phụ tùng thông thường cho các ngành, các địa phương, trước hết là sản xuất nông cụ, máy kéo và máy nông nghiệp theo sau máy kéo, máy bơm thủy lợi các loại, bơm thuốc trừ sâu; thiết bị chế biến nông sản cỡ vừa và nhỏ, v.v.. Phấn đấu hoàn thành xây dựng một số nhà máy cơ khí; tiến hành đầu tư chiêu sâu và đồng bộ hóa cho một số nhà máy quan trọng. Thực hiện chương trình hợp tác với các nước hội viên Hội đồng Tương trợ kinh tế về sửa chữa tàu biển và sản xuất một số sản phẩm cơ khí. Khởi công xây dựng nhà máy phụ tùng ôtô, máy kéo vào cuối kỳ kế hoạch.



Phát triển công nghiệp nguyên liệu và vật liệu là một yêu cầu quan trọng để bảo đảm nhu cầu của nền kinh tế quốc dân. Dựa vào nguồn tài nguyên đa dạng, bằng những biện pháp kỹ thuật tiến bộ, những hình thức và quy mô thích hợp, ra sức phấn đấu tăng khả năng sản xuất trong nước để đáp ứng một phần nhu cầu. Về *gang thép*, tận dụng các cơ sở hiện có, phát huy tốt năng lực các lò điện, phát triển các loại thép hợp kim với công suất nhỏ, các loại hợp kim bột, ferô. Nghiên cứu công nghệ luyện kim phù hợp với điều kiện tài nguyên và khả năng kinh tế nước ta. Về *kim loại màu*, khai thác tốt các mỏ thiếc hiện có, hoàn thành xây dựng đợt I Liên hiệp thiếc Quỳ Hợp, mở rộng diện khai thác thiếc sa khoáng quy mô nhỏ bằng kỹ thuật thủ công và nửa cơ giới. Theo kế hoạch hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh thăm dò địa chất các mỏ bôxít miền Nam, hoàn thành luận chứng kinh tế - kỹ thuật và chuẩn bị khai thác vào kế hoạch sau. Xây dựng và đưa vào vận hành xí nghiệp khai thác và tuyển luyện chì, kẽm; nghiên cứu khai thác quặng đồng và tổ chức tuyển luyện với quy mô nhỏ. Xúc tiến việc hợp tác với các nước trong Hội đồng Tương trợ kinh tế về khai thác và sử dụng đất hiếm.

Về *phân bón hóa học*, huy động hết công suất và cải tạo một phần nhà máy supe lân Lâm Thao, phát triển sản xuất phân lân nung chảy, phốtphorít. Hoàn thành khôi phục mỏ apatít Lào Cai và tiếp tục xây dựng nhà máy làm giàu quặng. Tích cực khai thác pyrit trong nước để tăng thêm nguyên liệu cho sản xuất phân lân. Chuẩn bị xây dựng nhà máy phân đạm lớn bằng khí thiên nhiên ở miền Nam. Sử dụng tốt các cơ sở xút hiện có, mở rộng và xây dựng một số cơ sở xút nhỏ, phát triển sản xuất đất đèn bằng thiết bị trong nước. Đầu tư kỹ thuật để nâng chất lượng săm lốp cao su các loại, băng tải, sản phẩm cao su kỹ thuật.



Với nguồn vật liệu phong phú, dồi dào ở các địa phương, phải huy động các nguồn vốn, sử dụng lao động, bằng mọi hình thức, phát triển mạnh sản xuất các loại vật liệu xây dựng phục vụ nhu cầu của Nhà nước và có thêm nguồn hàng bán cho nhân dân, nhất là nông dân. *Ximăng* là loại vật liệu đang có nhu cầu lớn và bức thiết; chúng ta lại đã có nhiều cơ sở chưa sử dụng hết công suất. Vì vậy, cần đầu tư để đồng bộ hóa các nhà máy Hoàng Thạch, Bỉm Sơn, hoàn thành xây dựng nhà máy Hà Tiên, bảo đảm các vật tư kỹ thuật thiết yếu, để tăng nhanh sản xuất, sử dụng công suất đến mức tối đa. Khai thác các nguồn than địa phương để sản xuất gạch ngói. Tận dụng công suất các nhà máy kính ở miền Nam; hoàn thành xây dựng nhà máy kính Đáp Cầu; khai thác đá ốp trang trí. Đặc biệt chú ý đầu tư để khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn vật liệu xây dựng ở đồng bằng sông Cửu Long, đáp ứng tốt hơn nhu cầu bức xúc về xây dựng ở vùng này.

Trong khi thực hiện những nhiệm vụ quan trọng trên đây, cần xúc tiến chuẩn bị điều kiện để xây dựng một số công trình công nghiệp nặng trong kế hoạch sau.

Tăng cường công tác *điều tra, thăm dò địa chất và khoáng sản*, làm cho công tác này đáp ứng được yêu cầu phát triển của các ngành kinh tế quốc dân. Bên cạnh việc chuẩn bị cho các công trình lớn về công nghiệp nặng, trong những năm trước mắt, đẩy mạnh điều tra phục vụ cho việc khai thác các loại khoáng sản với quy mô nhỏ, chú trọng các nguyên liệu phục vụ sản xuất nông nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Dựa việc quản lý tài nguyên khoáng sản vào nền nếp.

Là một khâu quan trọng nhất của kết cấu hạ tầng, *giao thông vận tải* đáng lẽ phải đi trước một bước để đáp ứng yêu cầu phát



triển của nền kinh tế quốc dân, nhưng nhiều năm qua, chúng ta chưa chú ý đúng mức, nên việc vận chuyển hàng hóa có nhiều khó khăn, việc đi lại của nhân dân có nhiều phiền hà, trắc trở. Những năm trước mắt, phải phấn đấu khắc phục một bước sự lạc hậu trong lĩnh vực này. Cùng với việc đầu tư có trọng điểm, phải sắp xếp, tổ chức lại các ngành vận tải, phối hợp tốt giữa các ngành, giữa Trung ương và địa phương. Phải vận chuyển hết và kịp thời các mặt hàng chủ yếu, hàng xuất nhập khẩu, vận tải phục vụ biên giới và giao lưu bắc - nam, vận tải cho hai nước bạn Lào và Campuchia.

Phù hợp với điều kiện địa lý và tình hình thực tế hiện nay, chúng ta ưu tiên phát triển vận tải đường thủy, tăng tỷ trọng vận tải đường sắt, sắp xếp hợp lý vận tải đường bộ theo hướng tăng năng lực vận tải công cộng, tận dụng vận tải thô sơ. Trong tổ chức vận tải, chú ý áp dụng vận trù học và thực hiện liên vận giữa các phương tiện vận tải, giữa Trung ương và địa phương; tăng tỷ lệ đi thẳng, giảm số lần bốc xếp, phát triển vận tải hai chiều; giải quyết tốt dự trữ chân hàng.

Về giao thông, trước mắt, chủ yếu là đầu tư khôi phục và bảo dưỡng đường sá, cầu cống, động viên khả năng của Nhà nước và nhân dân mở mang giao thông nông thôn, đặc biệt ở miền núi và đồng bằng sông Cửu Long. Củng cố các cầu để bảo đảm thông xe an toàn, xây dựng thêm một số cầu mới. Củng cố đường sắt Hà Nội - Lào Cai, đường sắt Bắc - Nam, mở rộng một số cảng, chú trọng hơn nữa nạo vét lòng sông và cửa biển.

Nâng cao chất lượng thông tin bưu điện, xây dựng tuyến viba băng rộng Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh, củng cố và mở rộng thông tin với nước ngoài, mạng thông tin nội hạt của Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Tổ chức quản lý sử dụng



mạng thông tin quốc gia và các mạng thông tin chuyên dụng của các ngành một cách hợp lý hơn.

III- GIÁ CẢ, THƯƠNG NGHIỆP, TÀI CHÍNH, TIỀN TỆ

Tình hình giá cả, tài chính, tiền tệ tiếp tục biến động phức tạp là do hàng loạt nguyên nhân mà Báo cáo chính trị đã phân tích. Tình hình này đang được khẩn trương xử lý theo các quyết định của Đảng và Nhà nước. Cần thi hành các biện pháp đồng bộ về bố trí sản xuất, nắm hàng, cải tạo và quản lý thị trường, về giá cả, tiền lương, tài chính, tiền tệ. Ở đây, chỉ trình bày một số chủ trương lớn về giá cả, thương nghiệp, tài chính và tiền tệ trong 5 năm này.

Trước hết, phải giảm nhịp độ tăng giá, tiến tới ổn định giá cả. Mọi biện pháp giải quyết phải tập trung vào khâu then chốt là giảm tốc độ lạm phát, thu hẹp mứt cân đối giữa khối lượng hàng hóa và tiền tệ lưu thông. Một mặt, giải phóng mọi năng lực sản xuất, tập trung sức đẩy mạnh sản xuất một số mặt hàng thiết yếu đang khan hiếm và một số mặt hàng có nguồn thu lớn cho ngân sách, đồng thời, mở rộng giao lưu hàng hóa, bãi bỏ việc ngăn sông cấm chợ, chia cắt thị trường, để tăng nhanh khối lượng hàng hóa lưu thông. Mặt khác, Nhà nước phải quản lý chặt chẽ vật tư, hàng hóa do kinh tế quốc doanh sản xuất và nhập khẩu, có chính sách giá và phương thức mua bán hợp lý để nắm được hàng, nắm được tiền, điều chỉnh khối lượng tiền trong lưu thông, tăng thu, giảm chi, hạn chế nghiêm ngặt đi đến chấm dứt việc phát hành tiền để chi ngân sách. Trung ương cần phân cấp định giá và quản lý giá phù hợp với tình hình. Đối với giá bán vật tư cho khu vực kinh tế quốc doanh, cần nghiên cứu sửa đổi từng bước, từng phần bất hợp lý, tính toán kỹ để không gây xáo động. Đối với giá vật tư



nông nghiệp, cần xác định hợp lý, để tạo điều kiện cho Nhà nước cung ứng được đầy đủ, kịp thời cho nông dân mà không bị thất thoát ở những khâu trung gian. Đồng thời, theo đó mà xác định tương ứng giá mua lương thực và nông sản trong hợp đồng kinh tế. Để nắm được phần lớn hàng lương thực và nông sản hàng hóa, Nhà nước dùng vật tư nông nghiệp và các dịch vụ kỹ thuật để mua theo hợp đồng với hệ thống giá vật tư và giá nông sản nói trên. Phần lương thực và nông sản còn lại của hợp tác xã và nông dân sau khi nộp thuế và bán theo hợp đồng kinh tế, Nhà nước sẽ mua theo giá thỏa thuận. Tích cực loại trừ tệ ăn cắp, đầu cơ và làm thất thoát vật tư nhà nước đưa ra thị trường tự do.

Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải được tăng cường về số lượng và chất lượng, đổi mới phương thức kinh doanh, vươn lên làm chủ thị trường và giá cả. Mạng lưới hợp tác xã mua bán phải được mở rộng để làm chủ thị trường nông thôn, bán phần lớn hàng công nghiệp tiêu dùng thiết yếu cho nông dân. Xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa; sắp xếp, tổ chức lại tiểu thương, chuyển một phần sang lĩnh vực sản xuất và dịch vụ.

Đối với giá bán lẻ hàng tiêu dùng, cần tích cực tạo điều kiện bán theo giá kinh doanh thương nghiệp. Giá kinh doanh thương nghiệp được xây dựng theo nguyên tắc bảo đảm cho xí nghiệp có lãi, Nhà nước có tích luỹ, giữ được mối quan hệ hợp lý giữa công nghiệp và nông nghiệp, điều tiết cung cầu, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chi phối được thị trường xã hội. Trong tình hình cụ thể hiện nay, ở những nơi, những lúc nhất định, đối với một số ít hàng thiết yếu mà cung cầu căng thẳng, giá cả biến động mạnh, thì tạm thời áp dụng chính sách bán hai giá.

Tiền lương của công nhân, viên chức phải được điều chỉnh tương ứng với hệ thống giá và mức giá đã hình thành trong thực tế.



Nhà nước cần bảo đảm có đủ quỹ hàng hóa bán bình thường cho người hưởng lương. Trong tình hình quỹ hàng của Nhà nước chưa đủ và giá cả chưa ổn định, phải có phương thức bán thích hợp, bảo đảm cho người hưởng lương mua được hàng hóa cần thiết.

Nghiên cứu và ban hành chính sách tài chính quốc gia thống nhất phù hợp với đặc điểm nước ta, giải quyết đúng đắn việc phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân. Nhà nước Trung ương định lại chế độ phân cấp quản lý thu chi ngân sách cho hợp lý. Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, tăng cường quản lý thị trường, có chính sách khuyến khích đúng mức để tăng mạnh nguồn thu từ nội bộ nền kinh tế, chống thất thu. Mặt khác, phải căn cứ vào nguồn thu mà bố trí chi, không chi vượt quá khả năng thu của ngân sách; triệt để tiết kiệm chi tiêu về mọi mặt. Bằng phương thức kế hoạch hóa gián tiếp, thúc đẩy xí nghiệp phấn đấu giảm giá thành, tăng tích luỹ cho Nhà nước. Trên cơ sở giá bán lẻ kinh doanh thương nghiệp được xác định hợp lý mà định giá bán buôn phù hợp, để Nhà nước thu tích luỹ tập trung ở khâu sản xuất.

Để bảo đảm được nguồn thu tài chính, Nhà nước tăng cường quản lý thống nhất vật tư, kể cả nguồn nhập khẩu và sản xuất trong nước. Cải tổ hệ thống cung ứng vật tư, có biện pháp kiên quyết chống thất thoát vật tư và hàng hóa. Các đơn vị quốc doanh không được tùy tiện mua bán các loại vật tư do Nhà nước thống nhất quản lý. Cấm tư nhân buôn bán vật tư nhà nước. Thực hiện thu thuế công thương nghiệp theo đúng thời giá; không khoan nhượng đối với những hộ không chấp hành, cố tình không nộp đủ thuế. Xúc tiến nghiên cứu và có sự điều chỉnh hợp lý đối với các loại thuế nông nghiệp, thuế vườn, thuế thủy sản... Mau chóng củng cố tổ chức ngành thuế, loại trừ số nhân viên tiêu cực; thực hiện hệ thống song trùng lãnh đạo.



Thực hiện thường xuyên chế độ thanh tra tài chính, xử lý nghiêm theo pháp luật để nhanh chóng thiết lập trật tự, kỷ cương về tài chính, phát động quần chúng kiểm soát, giám sát để chống tệ tham nhũng, lãng phí.

Cân nhắc mạnh rằng: một nguyên nhân quan trọng của tình hình giá cả leo thang từng tháng là lạm phát đã đến mức trầm trọng mà chúng ta phải có biện pháp tích cực và đồng bộ để khắc phục. Trước hết, phải tăng cường quản lý tiền mặt. Đối với tiền thu từ bán hàng, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các đơn vị dịch vụ chỉ được giữ tiền mặt theo mức quy định bảo đảm yêu cầu của sản xuất kinh doanh. Thực hiện kiểm tra, kiểm soát thường xuyên và xử lý nghiêm khắc để loại trừ tệ giữ tiền mặt vượt mức quy định trong cơ quan và xí nghiệp. Về phần mình, ngân hàng phải cải tiến các hoạt động nghiệp vụ, đáp ứng kịp thời các yêu cầu hợp lý của các cơ sở, khắc phục mọi hiện tượng cửa quyền, gây phiền hà, tiêu cực.

Quản lý chặt chẽ vốn tín dụng; ngân hàng chỉ cho vay thêm vốn lưu động sau khi đã kiểm tra mục đích kinh doanh và thật sự thiếu vốn. Việc cho vay đầu tư xây dựng cơ bản chỉ thực hiện trên cơ sở nguồn vốn đã huy động được, có vật tư bảo đảm và có hiệu quả rõ rệt. Mở rộng hoạt động của hợp tác xã tín dụng, để huy động nguồn vốn nhàn rỗi trong nhân dân phục vụ phát triển sản xuất và lưu thông. Đẩy mạnh huy động tiền tiết kiệm trên cơ sở bảo hiểm giá trị tiền gửi bằng hiện vật và có lãi suất thích hợp. Ngân hàng mở rộng việc thanh toán bằng chuyển khoản với phương thức thuận lợi để phục vụ tốt cho sản xuất và lưu thông. Trên cơ sở đó, lập lại vị trí của ngân hàng là trung tâm thanh toán.

Chuyển biến được tình hình giá cả, tài chính, tiền tệ là một vấn đề phức tạp và khó khăn. Nhưng đây là một đòi hỏi vô cùng



bức xúc của tình hình. Các cấp, các ngành đều phải ra sức khôi phục kỷ cương, nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành đúng những quy định của Đảng và Nhà nước, để sớm tạo ra những chuyển biến có ý nghĩa trên lĩnh vực nóng bỏng này, thiết thực góp phần ổn định sản xuất và phân phối, lưu thông, ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân.

IV- KHOA HỌC - KỸ THUẬT

Trong những năm qua, hoạt động khoa học và kỹ thuật đã có những thành tựu mới đáng kể, nhất là trong nông nghiệp, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu bức thiết của nền kinh tế, hiệu quả hoạt động khoa học và kỹ thuật chưa cao. Đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật đã có bước trưởng thành, nhưng tổ chức còn phân tán, chưa thật sự gắn hoạt động khoa học, kỹ thuật với thực tiễn sản xuất. Đầu tư và bảo đảm các điều kiện vật chất cho khoa học, kỹ thuật chưa đúng mức, thiếu các chính sách khuyến khích đội ngũ khoa học, kỹ thuật lắn lộn với sản xuất, tìm tòi các biện pháp để giải quyết những khó khăn của nền kinh tế.

Khoa học, kỹ thuật là một động lực thúc đẩy phát triển kinh tế và xã hội. Trong những năm tới, phải vận dụng khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật trong việc nghiên cứu chiến lược phát triển kinh tế, xã hội, trong việc xác định các chủ trương, chính sách, trong tổ chức quản lý kinh tế và xã hội. Đặc biệt cần tập trung lực lượng khoa học kỹ thuật của cả nước nghiên cứu và nhanh chóng áp dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật phục vụ ba chương trình lớn lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Bằng các biện pháp khoa học và kỹ thuật tổng hợp, tạo ra và phổ cập các loại giống cây trồng và vật nuôi mới có năng suất cao, các biện pháp thú y và bảo vệ



thực vật có hiệu quả; nâng cao hiệu suất sử dụng phân bón; tưới tiêu khoa học, cải tạo và tăng độ màu mỡ của đất; giảm tỷ lệ hao hao trong vận chuyển và chế biến lương thực; nghiên cứu và phổ biến hệ canh tác phù hợp với điều kiện sinh thái từng vùng, chú ý đến hệ canh tác khô trên vùng gò đồi, núi thấp. Bằng các giải pháp tiến bộ kỹ thuật, nâng hệ số sử dụng có ích nguyên liệu, vật liệu, giảm tỷ lệ tiêu hao năng lượng; nghiên cứu và mở rộng áp dụng công nghệ tiên tiến trong khai thác, chế biến các nguồn tài nguyên phong phú của đất nước, nhằm thay thế một phần vật tư nhập khẩu, sử dụng tốt phế liệu, phế phẩm. Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật và kiểm tra chất lượng sản phẩm, nhất là hàng xuất khẩu và các công trình xây dựng. Thể chế hóa và thi hành nghiêm ngặt chế độ giám định công nghệ trong quá trình chuẩn bị đầu tư, nhất là đối với công trình nhập thiết bị toàn bộ của nước ngoài.

Tham gia nghiên cứu các chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học - kỹ thuật của các thành viên Hội đồng Tương trợ kinh tế, nhằm tận dụng những thành tựu mới về khoa học, kỹ thuật, để giải quyết tốt hơn những nhiệm vụ cấp bách trước mắt. Tiếp tục mở rộng và có biện pháp nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác hợp tác khoa học, kỹ thuật với nước ngoài, gắn hợp tác khoa học, kỹ thuật với hợp tác kinh tế.

Phát huy vai trò của các ngành khoa học xã hội tham gia đặc lực vào công tác lý luận của Đảng, góp phần xây dựng Cương lĩnh về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong thời kỳ quá độ, làm sáng tỏ các vấn đề lý luận về vận dụng các quy luật kinh tế vào điều kiện cụ thể của nước ta, về cơ cấu kinh tế, sử dụng các thành phần kinh tế, đặc biệt là về quản lý kinh tế, quản lý xã hội.



Sắp xếp lại và kiện toàn các cơ quan nghiên cứu, sáp nhập những viện nghiên cứu có chức năng trùng lặp hoặc hoạt động kém hiệu quả, kiện toàn một cách đồng bộ một số viện đầu ngành quan trọng. Hình thành một số trung tâm khoa học - kỹ thuật tổng hợp ở một số vùng kinh tế quan trọng như đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên... Chú trọng khâu đưa kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, tăng cường các bộ phận sản xuất thử cho các cơ quan nghiên cứu - triển khai.

Thực hiện các chính sách khuyến khích, tạo điều kiện và giải quyết quyền lợi thích đáng để phát huy trí tuệ và tài năng của đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật hiện có, được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau, đều là vốn quý, là những tri thức xã hội chủ nghĩa, làm cho anh chị em hứng thú đi về cơ sở sản xuất để thực hiện công việc nghiên cứu của mình, khắc phục tình trạng cán bộ khoa học, kỹ thuật tập trung nhiều ở các cơ quan trung ương, thành phố, tỉnh, trong khi ở cơ sở đang cần và còn rất thiếu. Nghiên cứu ban hành các chính sách thật sự khuyến khích các sáng kiến, sáng chế, động viên hơn nữa lao động sáng tạo.

Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và quản lý khoa học, kỹ thuật là vấn đề có ý nghĩa quyết định trong việc đưa nhanh tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Trong khi tiếp tục hoàn thiện phương thức hoạt động theo chương trình, cần mở rộng phương thức hợp đồng với những hình thức và phương pháp đa dạng, linh hoạt, nhằm kết hợp các tổ chức kinh tế và các cơ quan khoa học, phát huy quyền chủ động của các tổ chức đó dưới sự hướng dẫn của một kế hoạch thống nhất. Cơ chế và chính sách quản lý của chúng ta phải làm cho các tổ chức kinh tế, đặc biệt là cơ sở sản xuất đòi hỏi ứng dụng những thành tựu khoa học và



tiến bộ kỹ thuật, đồng thời các tổ chức đó phải đáp ứng những yêu cầu cần thiết của hoạt động khoa học và kỹ thuật.

Các cấp ủy đảng và chính quyền, từ Trung ương đến cơ sở phải coi trọng lãnh đạo công tác khoa học và kỹ thuật, đề xuất yêu cầu, có đầu tư và bảo đảm các điều kiện cần thiết cho hoạt động khoa học, kỹ thuật. Chú trọng đẩy mạnh phong trào quần chúng phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, kết hợp chặt chẽ giữa cán bộ khoa học với cơ sở sản xuất và người sản xuất.

V- CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI VÀ ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN

Trước mắt, chúng ta quan tâm không chỉ các vấn đề sản xuất và kinh tế mà mỗi người chúng ta còn day dứt hàng ngày bởi nhiều vấn đề xã hội gay gắt. Vì vậy, hơn bao giờ hết, chúng ta phải luôn luôn kết hợp chặt chẽ kinh tế với xã hội, xã hội với kinh tế. Mục tiêu ổn định tình hình, giải phóng năng lực sản xuất không chỉ là phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật mới mà còn là giải quyết các vấn đề xã hội, từ công ăn, việc làm đến đời sống vật chất và văn hóa, bồi dưỡng sức dân, xây dựng các quan hệ xã hội tốt đẹp, lối sống lành mạnh, thực hiện công bằng xã hội, với ý thức người lao động là lực lượng sản xuất lớn nhất, là chủ thể của xã hội.

Trong những năm tới, tạo thêm việc làm, sử dụng tốt lực lượng lao động xã hội, kế hoạch hóa phát triển dân số là những yêu cầu kinh tế - xã hội cực kỳ quan trọng. Nhiệm vụ đặt ra là giảm cho được tỷ lệ tăng dân số, giải quyết công việc làm với mức cố gắng lớn nhất, thực hiện phân bố lại lao động, gắn lao động với khai thác đất đai, phát triển ngành, nghề, vận động định canh, định cư, tinh giản biên chế hành chính nhà nước, nhằm phát



triển sản xuất, tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất xã hội.

Tình hình kinh tế - xã hội của đất nước đòi hỏi giảm tỷ lệ phát triển dân số từ 2,2% hiện nay xuống 1,7% vào năm 1990. Phải thực hiện đồng bộ các biện pháp như: đầu tư xây dựng các cơ sở dịch vụ y tế xã, các trung tâm hướng dẫn sinh đẻ ở huyện, đồng thời sửa đổi và ban hành các chính sách có liên quan nhằm bảo đảm được kế hoạch phát triển dân số. Phải gây thành ý thức xã hội rộng khắp về thực hiện kế hoạch hóa gia đình; đảng viên và đoàn viên thanh niên phải gương mẫu đi đầu thực hiện.

Trên cơ sở sắp xếp và tổ chức lại sản xuất và công tác, bố trí cho những người đang làm việc có đủ việc làm, có điều kiện làm việc với năng suất cao. Chế độ tiền lương, các thang lương, bậc lương phải được sửa đổi và bổ sung nhằm thực hiện tốt nguyên tắc phân phối theo lao động; mức lương phải được điều chỉnh tương ứng với mức giá hình thành trong thực tế. Đối với lao động xã hội, phải bằng mọi cách, giải quyết việc làm cho phần lớn số lao động mới tăng, nhất là thanh niên và học sinh. Sớm ban hành *Luật nghĩa vụ lao động* đối với thanh niên.

Yêu cầu cấp bách là sắp xếp lại và tinh giản bộ máy quản lý hành chính nhà nước, đặc biệt là giảm hẳn các tổ chức trung gian, như cục, vụ, phòng, ban, chuyển sang cách làm việc trực tiếp theo lối chuyên gia. Bộ máy các ủy ban nhân dân địa phương, kể cả tỉnh, thành phố và huyện, cũng phải tổ chức lại gọn và tinh, đủ năng lực quản lý trên lãnh thổ.

Theo hướng sử dụng các thành phần kinh tế, ban hành các chính sách mở đường cho người lao động tự tạo việc làm bằng mọi hình thức, với quy mô và trình độ thích hợp, kể cả hình thức thuê mướn nhân công theo đúng luật pháp Nhà nước.



Ở các thành phố của nước ta, đang còn hàng chục vạn người lao động chưa có việc làm, trong số đó, nhiều người có trình độ văn hóa, có hiểu biết kỹ thuật. Chúng ta phải phát huy thế mạnh của họ, hướng vào khu vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và gia công hàng xuất khẩu, phát triển kinh tế gia đình. Đồng thời, gắn với quy hoạch phân bố lại lao động, đưa một bộ phận ra ngoại thành xây dựng vành đai thực phẩm, đưa đi các vùng kinh tế mới; tổ chức các đội lao động nghĩa vụ của thanh niên phục vụ các công trình trọng điểm.

Số lao động tăng thêm ở nông thôn trước hết được sử dụng vào việc đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, khai hoang, trồng rừng, nuôi cá và phát triển ngành, nghề. Nhà nước khuyến khích phát triển kinh tế gia đình, kinh tế vườn theo quy hoạch, thực hiện các chính sách khuyến khích như cho vay vốn, cung cấp giống và tạo các điều kiện thuận lợi về thị trường và giá cả để tiêu thụ sản phẩm.

Tình hình phân bố không đồng đều lao động và dân cư giữa các vùng đang đặt ra cho chúng ta một nhiệm vụ to lớn là phân bố lại lao động và dân cư trên quy mô từng vùng và cả nước. Ở những nơi thừa lao động nhưng thiếu đất, như đồng bằng Bắc Bộ, một mặt, sử dụng hết những diện tích đất đai còn hoang hóa, đổi trọc và phát triển ngành, nghề; mặt khác, đưa một bộ phận dân cư đi các vùng kinh tế mới, chủ yếu là vào Tây Nguyên. Ở những vùng thừa lao động, nhưng còn đất, như các tỉnh Khu IV, ven biển miền Trung, trung du miền Bắc thì chủ yếu là thực hiện việc phân bố lại lao động trong phạm vi tỉnh, huyện, để đến cuối 5 năm này, cơ bản sử dụng hết đất đai và lao động trong khu vực. Những vùng nhiều đất, nhưng thiếu lao động (miền núi phía bắc, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ), vừa phải giải quyết những vấn đề lao động trong



nội bộ vùng, vừa chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đón nhận lao động và dân cư các nơi khác đến. Ở miền Đông Nam Bộ, việc bổ sung lao động gắn với việc phát triển cây công nghiệp dài ngày. Ở đồng bằng sông Cửu Long, nơi còn nhiều đất đai phì nhiêu chưa được khai phá, chủ yếu là điều hòa lao động trong nội bộ vùng, có tiếp nhận một phần lao động từ nơi khác đến.

Du canh, du cư vốn là một di sản của lịch sử, đã kéo dài tình trạng lạc hậu và nghèo khổ của đồng bào các dân tộc, làm tiêu hao vốn rừng quốc gia. Đây không chỉ là vấn đề kinh tế, xã hội quan trọng, mà còn là vấn đề an ninh và quốc phòng. Vì vậy, trong những năm tới, đi đôi với việc phân bố lao động, cần đầu tư thỏa đáng về lương thực, vật tư, tiền vốn để thực hiện định canh, định cư được phần lớn số đồng bào còn du canh, du cư ở các vùng, chủ yếu là ở các tỉnh miền núi Tây Nguyên.

Như Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xác định, ổn định và cải thiện đời sống là mục tiêu hàng đầu của những năm sắp tới.

Nhiệm vụ hết sức quan trọng của tất cả các ngành, các cấp là bảo đảm được mức cần thiết và ổn định của nhân dân về lương thực và thực phẩm chủ yếu như cá, thịt, rau, nước chấm, dầu thực vật, đường mật... Đối với Hà Nội, khu mỏ Quảng Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh, các công trường xây dựng lớn..., phải tạo cho được vành đai thực phẩm đáp ứng phần lớn nhu cầu tại chỗ. Trên từng địa bàn ở nông thôn, chú ý điều hòa để bảo đảm lương thực cho những nơi còn thiếu như vùng trồng cây công nghiệp, làm hàng xuất khẩu, vùng gặp thiên tai mất mùa. Khắc phục tình trạng ở một số nơi bình quân chung về lương thực thì cao, nhưng vẫn còn một bộ phận dân cư thiếu ăn, làm cho tình hình xã hội thiếu ổn định.



Cơ cấu bữa ăn phải được cải tiến phù hợp với điều kiện từng vùng, tăng thêm chất đạm, chất béo để bữa ăn có thêm dinh dưỡng, bổ sung màu và các loại rau, đậu. Đối với miền núi và Tây Nguyên, ngoài việc phát triển trồng trọt, chăn nuôi để có nguồn thực phẩm tại chỗ, phải được cung ứng đủ muối, có thêm các loại thực phẩm khô đã qua chế biến. Đối với lực lượng vũ trang, nhất thiết không được để thiếu lương thực và thực phẩm khô, đồng thời, xác định một số vùng và địa phương trực tiếp có trách nhiệm sản xuất và cung ứng những thực phẩm đó cho lực lượng vũ trang, thực hiện hậu cần tại chỗ. Bảo đảm có sữa, đường cho trẻ sơ sinh và người ốm, có thêm thịt, đường... cho công nhân làm việc nặng nhọc và độc hại. Công tác bảo hộ lao động trên các công trường, trong các nhà máy, hầm mỏ phải được thật sự quan tâm.

Từ mức bình quân đầu người quá thấp hiện nay, phấn đấu để tăng dần vải mặc, phù hợp với tính chất lao động của từng ngành, nghề và điều kiện khí hậu của từng vùng, chú ý các vùng dân tộc. Không để thiếu các loại hàng cần thiết khác như quần áo dệt kim, chăn màn, bít tất, nilông che mưa, quần áo bảo hộ lao động. Ngoài việc đẩy mạnh trồng bông ở những nơi có điều kiện, cần phát triển trồng dâu, nuôi tằm và các cây có sợi khác để có thêm vải phù hợp với tập quán địa phương, có hàng xuất khẩu để nhập nguyên liệu, giải quyết thêm vải mặc cho nhân dân.

Thuốc chữa bệnh đang là một vấn đề xã hội gay gắt. Năm năm tới, phải tăng quỹ thuốc thông thường, thuốc kháng sinh, thuốc chống dịch, thanh toán dân các bệnh sốt rét, bạch hầu, bại liệt, ho gà, sởi... Mạng lưới y tế cơ sở, nơi hằng ngày trực tiếp chăm sóc sức khoẻ của người lao động phải được củng cố và chỉnh chỉnh. Những xã chưa có trạm y tế và nhà hộ sinh, những huyện chưa có bệnh viện thì phải xây dựng. Các chính sách bảo đảm



quyền lợi cho cán bộ y tế ở các tuyến, nhất là ở xã, phải được sửa đổi, bổ sung để anh chị em yên tâm làm việc và nâng cao ý thức phục vụ người bệnh. Khôi phục và tăng thêm số giường bệnh, chủ yếu cho tuyến cơ sở và một số nơi đang quá thiêng ở thành phố, thị trấn, khu công nghiệp; tu bổ và thay đổi dần trang bị cho các bệnh viện lớn. Mỗi xã có vườn dược liệu gắn liền với trạm y tế để phục vụ tại chỗ. Dành một diện tích cần thiết để trồng dược liệu tập trung phục vụ nhu cầu cả nước.

Cải thiện điều kiện vệ sinh ở các thành phố như giải quyết vấn đề cống rãnh, bãi rác, cấp nước sinh hoạt..., ở nông thôn chú ý xây dựng hố xí, giếng nước, nhà tắm hợp vệ sinh, đặc biệt đối với đồng bằng sông Cửu Long, cần có biện pháp giữ sạch nguồn nước.

Đẩy mạnh phong trào tập luyện thể dục, thể thao trong mọi lứa tuổi, nhất là trong thanh niên, học sinh.

Nhà ở cũng đang là một vấn đề cấp bách ở một số vùng. Ngoài số vốn tập trung của Nhà nước, cần huy động vốn tự có của các cơ sở sản xuất và của nhân dân nhằm giảm bớt khó khăn về nhà ở, nhất là tại Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh... Trong 5 năm 1986 - 1990, chú trọng xây thêm nhà ở cho Hà Nội, các khu công nghiệp, nông trường, lâm trường, thanh toán một phần quan trọng tình trạng nhà ổ chuột do chế độ cũ để lại ở Thành phố Hồ Chí Minh và một số nơi khác. Trong quỹ vật tư của Nhà nước, hàng năm phải dành một số vật liệu để nhân dân xây dựng nhà cửa. Vùng đồng bằng sông Cửu Long phải có kiểu nhà phù hợp với điều kiện khí hậu và hết sức tận dụng vật liệu thông dụng ở địa phương, tận lực khai thác các nguồn than bùn để nung gạch ngói, vôi làm vật liệu xây dựng. Ở những vùng ven biển thường có bão lớn, cần có các kiểu nhà có khả năng hạn chế



tác hại của thiên tai; Nhà nước cố gắng cung ứng một phần vật liệu cần thiết để nhân dân làm nhà vững chắc hơn.

Dầu thấp sáng là một nhu cầu không thể để thiếu kéo dài như hiện nay ở các vùng nông thôn, nhất là miền núi, Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long; vấn đề này cần được giải quyết để bảo đảm ánh sáng trong sinh hoạt của nhân dân.

Để cải thiện điều kiện đi lại, cần tăng thêm phương tiện vận chuyển công cộng ở các thành phố, chủ yếu là xe buýt, xe lam. Đẩy mạnh sản xuất xe đạp và phụ tùng với chất lượng tốt hơn, dành nhiều xe đạp bán cho nhân dân nông thôn. Ở đồng bằng sông Cửu Long, chú trọng tu sửa đường sá, làm thêm đường mới, nạo vét kênh lạch, tăng phương tiện đi lại đường bộ và đường thủy. Cần nhấn mạnh rằng, việc tăng cường quản lý, nâng cao ý thức phục vụ của nhân viên ngành vận tải, khắc phục tình trạng gây phiền hà cho hành khách không chỉ nhằm giảm bớt khó khăn trong đi lại của nhân dân, mà còn góp phần làm lành mạnh sinh hoạt xã hội.

Sự nghiệp văn hóa, giáo dục phải được tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng. Hiện nay, còn một số trẻ em ở lứa tuổi đi học phổ thông cơ sở chưa đến trường; vì vậy, bảo đảm cho trẻ em đến tuổi được đi học là trách nhiệm chung của ngành giáo dục, của các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương tạo điều kiện về trường sở, giáo viên, phương tiện giảng dạy và học tập. Đặc biệt quan tâm bồi dưỡng nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm và có chính sách bảo đảm đời sống cho đội ngũ giáo viên.

Phát triển giáo dục mầm non, chú trọng chất lượng nuôi, dạy trẻ em. Phấn đấu hoàn thành về cơ bản phổ cập giáo dục cấp I, hạ tỷ lệ lưu ban, bỏ học. Tiếp tục thực hiện cải cách giáo dục với nội dung thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế về dạy và học,



từ đó củng cố chất lượng giảng dạy và học tập. Đối với giáo dục phổ thông trung học, cải tiến nội dung chương trình theo mục tiêu đào tạo mới, nhất là chú trọng giáo dục kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp và dạy nghề. Kế hoạch phát triển phổ thông trung học phải gắn với kế hoạch đào tạo cán bộ và công nhân lành nghề cho địa phương và cả nước.

Đối với giáo dục chuyên nghiệp, cải tiến việc tuyển sinh theo hướng gắn chặt đào tạo với phân bố, sử dụng. Thực hiện hình thức thi tuyển quốc gia cho nhu cầu phát triển của Nhà nước và hình thức chọn, cử người ở các địa phương vào học các ngành nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp nhẹ, sư phạm, kinh tế, y tế... để bảo đảm nhu cầu cán bộ của các địa phương; chú ý đào tạo cán bộ trung học chuyên nghiệp, nhất là cho đồng bằng sông Cửu Long và miền núi. Cải thiện điều kiện sinh sống của học sinh nội trú để có sức khoẻ học tập. Mở thêm các lớp chuyên tu, tại chức.

Để đáp ứng nhu cầu của một số đông người lao động, cần quan tâm củng cố và phát triển bổ túc văn hóa, nhất là trong các công, nông, lâm trường và khu công nghiệp.

Hệ thống các trường dạy nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học phải sớm được sắp xếp lại cho hợp lý, để tạo điều kiện củng cố và nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học. Việc đóng góp của các tổ chức kinh tế tập thể và của nhân dân vào việc xây dựng cơ sở vật chất cho ngành giáo dục theo phong châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” cần được quy định rõ ràng thành chế độ, vừa để huy động hợp lý sự đóng góp của nhân dân, vừa tránh mọi sự lạm dụng.

Phát triển các hoạt động văn hóa, thông tin đang là một nhu cầu lớn trong đời sống nhân dân. Phải tăng nhiều lượng xuất bản sách và một số loại báo hàng ngày quan trọng, bảo đảm đủ sách



giáo khoa cho học sinh. Phấn đấu để các xã và các huyện đều có đài và trạm truyền thanh; cung ứng đủ số pin cần thiết cho các vùng nông thôn để nghe đài. Tạo điều kiện mở rộng mạng lưới truyền hình. Cố gắng bảo đảm các điều kiện vật chất, kỹ thuật để đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, văn nghệ, công tác bảo tồn, bảo tàng.

Công tác bảo trợ xã hội đối với toàn dân phải được tiến hành theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”; trước mắt, sắp xếp lại và phát triển các công trình sự nghiệp bảo trợ xã hội, vận dụng đúng đắn các chính sách phù hợp với từng vùng và tình hình kinh tế - xã hội của đất nước. Tổ chức đảng và chính quyền các cấp có trách nhiệm chăm sóc chu đáo đời sống vật chất và tinh thần của những người nghỉ hưu, những gia đình có công với cách mạng. Chú trọng tạo điều kiện phát huy vai trò của cán bộ về hưu trong việc giáo dục và bồi dưỡng thế hệ trẻ. Nuôi dưỡng tốt thương binh, bệnh binh nặng; thực hiện đầy đủ chính sách đối với thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ, nhất là những thân nhân liệt sĩ neo đơn; chăm sóc trẻ mồ côi, người tàn tật, người già cô đơn. Những việc trên đây, trong thời gian vừa qua, có những địa phương làm chưa tốt; đây là một khuyết điểm cần được khắc phục.

VI- ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG HƯỚNG VÀ CƠ CẤU ĐẦU TƯ

Trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế ở nước ta, yêu cầu về vốn đầu tư luôn luôn được đặt ra một cách gay gắt. Những năm tới, một mặt, phải tranh thủ các nguồn vốn bên ngoài với mức cao nhất; mặt khác, ở trong nước, bằng những chủ trương và chính sách mới, chúng ta phát huy hơn nữa mọi khả năng về



nguồn vốn của tất cả các ngành, các địa phương và cơ sở, của các thành phần kinh tế. Nguồn vốn ấy phải được khai thác từ những thế mạnh hiện có của nền kinh tế là nông, lâm, ngư nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp hiện chiếm khoảng 60% tổng sản phẩm xã hội; từ việc ứng dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật; từ việc triệt để tiết kiệm, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm... Trong tất cả các ngành, các lĩnh vực, lao động được giải phóng trở thành người chủ thật sự của quá trình sản xuất kinh doanh, sẽ vươn lên với sức sáng tạo mới. Đó là nguồn vốn quan trọng và quyết định nhất.

Tuy nhiên, đối với chúng ta hiện nay, vấn đề không chỉ là tạo ra nguồn vốn mà điều đặc biệt quan trọng là sử dụng và quản lý tốt nguồn vốn để có hiệu quả lớn nhất. Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản trong những năm qua đã cho ta nhiều bài học sâu sắc. Đó là việc xây dựng tràn lan, thiếu tập trung; công trình dở dang quá nhiều và càng kéo dài thì vật liệu xây dựng càng mất mát, lãng phí càng lớn. Trong khi chưa đủ trường học cho các cháu, còn thiếu chỗ chữa bệnh cho người ốm, có nơi đã dành vật tư, tiền vốn để xây dựng trụ sở cơ quan, nhà hát, khách sạn, cửa hàng, sân vận động... Những công trình này không phải là không cần thiết, song phải cân nhắc nhu cầu trước, sau, tập trung vào những nhu cầu cấp bách nhất. Trước mắt, để thực hiện chủ trương điều chỉnh kinh tế, bố trí lại cơ cấu đầu tư trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân, phải bố trí vốn tập trung cho ba chương trình kinh tế lớn, nhất thiết không thể dàn đều. Điều khó khăn lớn là chúng ta đã nhất trí về chủ trương chung, nhưng khi bố trí cụ thể, xử lý các công trình thì không ít ngành và địa phương vẫn có xu hướng không muốn điều chỉnh. Cần nhấn mạnh rằng việc tăng, giảm tỷ lệ đầu tư cho một ngành,



một địa phương phải đặt trong tổng thể vốn đầu tư chung của cả nước. Trong khi nguồn vốn có hạn, các ngành và các địa phương phải nắm vững quan điểm cơ bản của Báo cáo chính trị mà chủ động bố trí lại cơ cấu đầu tư của ngành mình, địa phương mình.

Trong nông nghiệp, phải tập trung cho sản xuất lương thực, thực phẩm là trọng tâm số một, bảo đảm nhu cầu đầu tư cho thủy lợi, cho bảo quản và chế biến lương thực, thực phẩm, đầu tư cho cây công nghiệp ngắn ngày. Đối với cây dài ngày, cần xem xét kỹ thị trường và hiệu quả, để có chủ trương đầu tư đúng cho cà phê, chè, dừa, cao su...

Trong công nghiệp hàng tiêu dùng, chú trọng đầu tư chi tiêu sâu và đồng bộ hóa để tăng mức sử dụng công suất, xây dựng thêm một số xí nghiệp chế biến đường, chè, dừa dừa...; bảo đảm đủ cơ sở để mở rộng gia công hàng xuất khẩu cho Liên Xô và các nước khác.

Trong công nghiệp nặng, ưu tiên đầu tư cho những công trình có khả năng huy động vào sản xuất trong kỳ kế hoạch như các công trình năng lượng, phân bón, cơ khí...

Trong giao thông vận tải, coi trọng việc củng cố đường sắt Bắc - Nam, các đoạn đường sắt đi vào các khu công nghiệp, các cảng sông, cảng biển và giải quyết một số yêu cầu cấp bách trên các tuyến quan trọng.

Trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, trước hết đầu tư để duy trì những cơ sở hiện có, và xây dựng mới ở những nơi thật cần thiết.

Trong những năm tối, một mặt, chúng ta phần đầu có tích luỹ và tăng dần tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế để tăng thêm vốn đầu tư; mặt khác, hết sức tranh thủ và sử dụng có hiệu quả vốn bên ngoài, sớm chấm dứt việc dùng vốn bên ngoài và vốn khấu hao cơ bản vào tiêu dùng.



Với khả năng vốn đầu tư của 5 năm tới, không thể không kiên quyết thu gọn danh mục công trình xây dựng trên hạn ngạch cũng như dưới hạn ngạch, của trung ương cũng như của địa phương. Những công trình cần thiết phải xây dựng cũng phải giảm bớt khối lượng những hạng mục chưa thật cấp bách, xem xét giảm hẳn các chi phí xây dựng cơ bản khác, tập trung vốn cho những hạng mục chính. Phải rà soát lại những công trình chuẩn bị khởi công, để có sự lựa chọn đúng đắn; giãn tiến độ hoặc đình xây dựng những công trình chưa thật cấp bách hoặc xây dựng xong sử dụng không có hiệu quả.

Cùng với điều chỉnh phương hướng và cơ cấu đầu tư, việc đổi mới cơ chế đầu tư là đặc biệt quan trọng nhằm nâng cao trách nhiệm trong chủ trương đầu tư, ràng buộc trách nhiệm và lợi ích vật chất của chủ đầu tư với hiệu quả đầu tư. Thiết lập trật tự về kế hoạch hóa và quản lý đầu tư đối với mọi nguồn vốn và mọi loại công trình. Các ngành ngân hàng và tài chính phải phát huy chức năng kiểm tra việc sử dụng vốn đầu tư. Đó là những nội dung chủ yếu của cơ chế mới cần nghiên cứu áp dụng để bảo đảm hạ giá thành, nhất là nâng cao chất lượng công trình xây dựng.

VII- ĐỔI MỚI CƠ CHẾ KẾ HOẠCH HÓA

Để bảo đảm thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, xã hội trong 5 năm này, cần đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, coi đây là một động lực mạnh mẽ làm chuyển biến tình hình kinh tế - xã hội, thúc đẩy và tạo điều kiện cho các nhân tố mới phát triển. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương đã xác định phương hướng và nội dung chủ yếu về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Theo phương hướng đó, công tác kế hoạch hóa phải được đổi mới cả về nội dung và phương pháp.



Nội dung kế hoạch phải thể hiện đúng các quan điểm của Đảng về bối trí cơ cấu kinh tế, giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác các tiềm năng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế, để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, trước hết và quan trọng hơn cả là bảo đảm thực hiện ba chương trình kinh tế lớn. Kế hoạch phải gắn chặt và vận dụng nhuần nhuyễn các chính sách đòn bẩy kinh tế, hướng về cơ sở và người lao động, trực tiếp khuyến khích thỏa đáng các hoạt động sản xuất, kinh doanh của họ, cắt bỏ những khâu trung gian không cần thiết, loại trừ những sự xâm phạm của các cấp quản lý bên trên đối với lợi ích chính đáng của người trực tiếp sản xuất.

Một nhiệm vụ rất quan trọng là xây dựng tốt kế hoạch 5 năm 1986 - 1990, kế hoạch hằng năm và triển khai ngay việc nghiên cứu chiến lược kinh tế, xã hội, tổng sơ đồ phát triển và phân bố lực lượng sản xuất và kế hoạch dài hạn.

Nhằm khắc phục một bước rõ rệt bệnh tập trung quan liêu, bao cấp trong kế hoạch hóa, cơ chế kế hoạch hóa phải được xây dựng theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, phân biệt rõ và kết hợp tốt chức năng quản lý hành chính - kinh tế của các cơ quan nhà nước trung ương và địa phương với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở; phải vận dụng đúng đắn và rộng rãi quan hệ hàng hóa - tiền tệ, quan hệ thị trường trong công tác kế hoạch hóa.

Kế hoạch cấp trung ương quyết định phương hướng chủ yếu, cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, các mục tiêu then chốt, các công trình trọng điểm, các sản phẩm chủ yếu trực tiếp chi phối các cân đối lớn của nền kinh tế quốc dân. Các bộ cùng Ủy ban Kế hoạch



Nhà nước phối hợp xây dựng tốt kế hoạch ngành, nhất là các ngành kinh tế - kỹ thuật then chốt phải có quy hoạch phát triển dài hạn và kế hoạch 5 năm. Các bộ phải làm tốt chức năng quản lý hành chính - kinh tế nhà nước đối với ngành trong cả nước, không can thiệp vào nhiệm vụ quản lý sản xuất, kinh doanh cụ thể của các đơn vị kinh tế cơ sở.

Kế hoạch địa phương (tỉnh - thành phố, quận - huyện) là kế hoạch toàn diện về kinh tế, xã hội trên địa bàn lãnh thổ, bao gồm phần kế hoạch của các cơ sở do địa phương trực tiếp quản lý và một bộ phận kế hoạch của các cơ sở trung ương trên địa bàn lãnh thổ. Theo phương hướng và những chỉ tiêu lớn của kế hoạch nhà nước, ủy ban nhân dân địa phương có quyền chủ động bố trí kế hoạch và cân đối toàn diện phân kinh tế, xã hội do địa phương trực tiếp quản lý và tổng hợp các phần kế hoạch có liên quan của các cơ sở trung ương.

Về quan hệ giữa Trung ương và địa phương, cần thực hiện một cơ chế quản lý thể hiện rõ sự gắn bó chặt chẽ giữa trách nhiệm và quyền hạn, nghĩa vụ và lợi ích. Trung ương giao cho địa phương một số chỉ tiêu chủ yếu như: số lượng và chất lượng nông, lâm, thủy sản, sản phẩm công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp, kể cả sản phẩm xuất khẩu mà địa phương cần giao cho Trung ương để bảo đảm nhu cầu chung của cả nước trong 5 năm và hằng năm; thuế và các khoản điều tiết cho ngân sách trung ương; lao động mà địa phương cung cấp cho Trung ương và chỉ tiêu về phân bổ lao động; vốn, vật tư, máy móc, thiết bị, hàng tiêu dùng mà trung ương cung ứng cho địa phương, v.v.. Các chỉ tiêu đó được giao ổn định cho địa phương từng năm trong 5 năm. Các sản phẩm ngoài mức chỉ tiêu này thuộc quyền chi phối của địa phương; Trung ương muốn nắn thêm thì cần có chính sách



khuyến khích thỏa đáng (qua giá cả hoặc cung ứng thêm vật tư, hàng hóa...). Đây cũng là cơ chế cần áp dụng trong quan hệ giữa tỉnh (thành phố) với huyện (quận).

Kế hoạch của các đơn vị cơ sở phải toàn diện, bao gồm các mặt sản xuất, kỹ thuật, tài chính và xã hội trên cơ sở quyền chủ động sản xuất, kinh doanh, quyền tự chủ tài chính của cơ sở phù hợp với Nghị quyết 306 (dự thảo) của Bộ Chính trị. Trước hết, phải phát huy đầy đủ các nguồn khả năng tại chỗ để cân đối kế hoạch đến mức tối đa, bảo đảm xây dựng kế hoạch từ cơ sở lên một cách tích cực, vững chắc. Kế hoạch của đơn vị kinh tế quốc doanh phải dựa vào sự hướng dẫn của cấp trên, bảo đảm các chỉ tiêu pháp lệnh do cấp trên giao, song đồng thời phải nắm vững nhu cầu của thị trường trong nước và ngoài nước, thông qua các hợp đồng kinh tế mà bảo đảm gắn sản xuất với tiêu thụ. Các hoạt động liên kết đều được phản ánh đầy đủ trong kế hoạch của các cấp. Hợp đồng kinh tế phải thật sự trở thành công cụ pháp lý có hiệu lực để xây dựng và thực hiện kế hoạch theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta khẳng định rằng: các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp, căn cứ vào điều kiện kinh tế, xã hội của mình cũng như theo phương hướng, quy hoạch và kế hoạch của cả nước, của tỉnh và huyện, căn cứ vào nhu cầu trao đổi sản phẩm với Nhà nước và nhu cầu tiêu dùng của xã hội, hoàn toàn có quyền quyết định việc bố trí cơ cấu sản xuất và kế hoạch kinh tế, xã hội của mình. Ngoài nghĩa vụ thuế, các quan hệ kinh tế giữa Nhà nước và hợp tác xã đều thông qua các hợp đồng mua và bán do các tổ chức kinh doanh của Nhà nước đảm nhiệm theo nguyên tắc bình đẳng, ngang giá và thật sự thỏa thuận. Ngoài các hàng hóa bán cho Nhà nước theo hợp đồng và theo giá thỏa thuận, các hợp tác



xã có quyền liên kết để trao đổi sản phẩm, hoặc trực tiếp tiêu thụ các sản phẩm hàng hóa trên thị trường.

Đối với các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp, Nhà nước thông báo những yêu cầu về sản phẩm chủ yếu để cơ sở có căn cứ xây dựng kế hoạch, tìm khách hàng ký hợp đồng. Điều quan trọng là phải thực hiện các chính sách về cung ứng vật tư, nguyên liệu, năng lượng, lương thực... có tác dụng khuyến khích rõ rệt việc sản xuất hàng tiêu dùng theo quy hoạch và phân công sản xuất. Quan hệ giữa Nhà nước và các hợp tác xã được thực hiện thông qua các hợp đồng kinh tế bán nguyên liệu, mua sản phẩm với giá cả thỏa thuận; phân sản phẩm hàng hóa làm thêm bằng các nguyên liệu tự kiếm hoặc bằng tiết kiệm phải được khuyến khích thỏa đáng.

Đối với những sản phẩm chủ yếu của nền kinh tế do cơ sở quốc doanh sản xuất, Nhà nước giao nhiệm vụ sản xuất và phân phối cho các cơ sở sản xuất và tiêu thụ. Các cơ sở này dựa vào chỉ tiêu kế hoạch tiến hành ký hợp đồng thực hiện.

Đối với các loại vật tư kỹ thuật, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cùng các bộ lập cân đối trình Hội đồng Bộ trưởng xét duyệt và giao nhiệm vụ cho cơ quan cung ứng, cho các bộ và các địa phương. Việc sử dụng vật tư phải đúng mục tiêu kế hoạch, không được dùng vật tư nhà nước cung ứng để liên kết, bán lấy chênh lệch giá hoặc dùng vào mục đích khác. Thực hiện nghiêm túc việc quyết toán vật tư. Để xóa bỏ bao cấp và thực hiện hạch toán kinh tế đúng, Nhà nước thực hiện nguyên tắc mua, bán vật tư với giá cả hợp lý, theo kế hoạch, theo hợp đồng kinh tế và theo định mức kinh tế - kỹ thuật.

Các nguồn vốn đầu tư đều phải được phản ánh trong kế hoạch và được cân đối với nguồn vật tư và lực lượng xây dựng; vốn đầu



tư của ngân sách trung ương sẽ tập trung cho các công trình trọng điểm và các mục tiêu lớn của nền kinh tế quốc dân. Các công trình địa phương, chủ yếu dùng vốn tự có và vốn ngân sách địa phương. Trung ương chỉ trợ cấp vốn cho một số tỉnh, thành phố còn nhiều khó khăn. Các công trình đầu tư chiều sâu, đồng bộ hóa của các đơn vị cơ sở thì chủ yếu dùng vốn tự có.

Về xuất nhập khẩu, cần xác định danh mục và số lượng những mặt hàng thống nhất xuất khẩu, để bảo đảm các cam kết quốc tế, coi đó là chỉ tiêu pháp lệnh Nhà nước. Trung ương bảo đảm cân đối các điều kiện để các ngành, các địa phương và cơ sở thực hiện kế hoạch sản xuất và giao hàng xuất khẩu. Kế hoạch xuất khẩu cần được cân đối ở từng cấp với những nguồn vật chất cần thiết tùy theo khả năng và điều kiện ở từng cấp. Trung ương chịu trách nhiệm và nắm chắc những cân đối chủ yếu thuộc những sản phẩm trọng điểm. Kế hoạch nhập khẩu của tất cả các cấp phải được xét duyệt chặt chẽ và kịp thời, bảo đảm các yêu cầu theo thứ tự ưu tiên, nhằm sử dụng ngoại tệ một cách tiết kiệm và có hiệu quả.

Thưa các đồng chí,

Trên đây là những phương hướng, mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế, xã hội trong 5 năm 1986 - 1990. Những phương hướng, mục tiêu đó thể hiện các quan điểm của Đảng về chuyển hướng cơ cấu kinh tế và điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư, về cải tạo xã hội chủ nghĩa và đổi mới cơ chế quản lý phù hợp với đặc điểm nước ta trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Các mục tiêu đề ra đã được tính toán một bước, dựa trên các khả năng trong nước và ngoài nước đã được xác định cho đến nay.



Đồng thời, cũng đã nêu ra những biện pháp tích cực nhằm khai thác và phát huy mọi khả năng hiện có và sẽ được tăng thêm trong 5 năm, chủ yếu là sắp xếp lại sản xuất, điều chỉnh cơ cấu đầu tư, vận dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật, sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế, thực hành tiết kiệm triệt để, đổi mới cơ chế quản lý, v.v.. Trong các mục tiêu, đã có sự kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế.

Thực hiện được những phương hướng, mục tiêu nói trên, đến năm 1990, nền kinh tế và xã hội nước ta sẽ có những chuyển biến đáng kể. Hằng năm thu nhập quốc dân sản xuất sẽ tăng bình quân 6 - 7%. Với 22 - 23 triệu tấn lương thực năm 1990, không những tạm đủ cho tiêu dùng, mà bắt đầu có dự trữ. Với sự phát triển của than, điện và dầu khí, cân đối năng lượng sẽ được cải thiện một bước. Hàng tiêu dùng đáp ứng được những nhu cầu thiết yếu của nhân dân, chủ yếu là những mặt hàng thông thường sản xuất bằng nguyên liệu trong nước.

Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và củng cố quan hệ sản xuất mới được thực hiện theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng, kinh tế xã hội chủ nghĩa bao gồm quốc doanh và tập thể sẽ giữ vị trí quyết định trong nền kinh tế. Các thành phần kinh tế khác được cải tạo và sử dụng bằng nhiều hình thức kinh tế quá độ trong sự liên kết với các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Thị trường và giá cả được quản lý chặt chẽ. Đó là một sự chuyển biến quan trọng, sẽ góp phần giải phóng và khai thác mọi khả năng để phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý.

Trên cơ sở phát triển mạnh sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa, sẽ mở ra triển vọng mới là sản xuất đủ cho tiêu dùng ở mức tối thiểu, bước đầu có tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế.



Trong 5 năm 1986 - 1990, mặc dù số dân sẽ tăng thêm khoảng 6 triệu người, nhưng một số mức tiêu dùng về lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng thiết yếu tính bình quân đầu người vẫn tăng hơn những năm 1981 - 1985. Cùng với các biện pháp tích cực trên lĩnh vực phân phối, lưu thông được thực hiện có kết quả, đời sống nhân dân lao động sẽ được ổn định dần và có phần cải thiện. Điều quan trọng là công bằng xã hội được thiết lập từng bước, trật tự, kỷ cương ngày càng được bảo đảm.

Đó là những mục tiêu tuy còn thấp so với yêu cầu và phải phấn đấu rất mạnh mới đạt được, song là những mục tiêu nhất thiết phải đạt. Chỉ có như vậy, mới thực hiện được mục tiêu tổng quát là về cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, chuẩn bị tiền đề cho bước phát triển đi lên trong những năm sau.

Cuộc sống đang diễn biến hết sức phức tạp, song cũng rất sinh động. Trong điều kiện khó khăn chung của nền kinh tế, chúng ta đã và đang có nhiều địa phương, ngành và nhất là cơ sở làm ăn năng động, sáng tạo, rút ra được những bài học kinh nghiệm quý báu. Đó là sức sáng tạo của nhân dân lao động, một khi nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được thật sự phát huy, thể hiện trong thực tế chứ không chỉ là một khẩu hiệu thì sẽ nảy nở những biện pháp hay, tạo ra sức bật mới. Rất rõ ràng, chúng ta nói nhiều nhưng cũng chưa phải đã nói hết về những tiêu cực, hư hỏng, đó chính là sự thật cần vạch ra để thấy sâu sắc hơn và có quyết tâm khắc phục; song mặt khác, phải khẳng định những nhân tố mới đang phát triển từ lao động và cuộc sống - những nhân tố mới đem lại niềm tin mới. Nhân dân lao động, đông đảo cán bộ, đảng viên đã được rèn luyện, thử thách, là những nhân tố tích cực, là chỗ dựa để khắc phục yếu kém, trì trệ, tiếp tục tiến lên. Đảng ta đã có bài học “lấy dân làm gốc”; trải qua các thời kỳ



chiến đấu, cũng như hiện nay, những địa phương, những ngành và cơ sở nào biết dựa vào dân, tin vào quần chúng, thì rõ ràng là từng bước vượt qua được khó khăn, đạt được nhiều thành tựu. Bài học đó phải được vận dụng xuyên suốt quá trình xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Thưa các đồng chí,

Những giải pháp kinh tế mà chúng ta đang và sẽ tiến hành là nhằm phát huy những khả năng thực tế, trong đó có những khả năng rất hiện thực. Để xoay chuyển tình hình đang diễn biến phức tạp hiện nay, cần tiến hành kiên quyết và nhất quán các biện pháp đặc biệt quan trọng sau đây:

Một là, toàn Đảng nhất trí khẳng định mạnh mẽ và dứt khoát chuyển hướng nền kinh tế theo một cơ cấu phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội trong chặng đường đầu tiên, bố trí vật tư, tiền vốn, kể cả vốn bên trong và vốn ngoài vào các sản phẩm chủ yếu và công trình then chốt, với cách làm vững chắc và có hiệu quả.

Hai là, trên cơ sở đó, có sự đổi mới thật sự cách mạng trong lĩnh vực tổ chức và quản lý kinh tế, tổ chức bộ máy và cán bộ; đặc biệt là lựa chọn và bố trí đúng cán bộ, kịp thời thay đổi những cán bộ không thích ứng với cơ chế quản lý mới, đi đôi với đổi mới phong cách và lề lối làm việc...

Ba là, đấu tranh xóa bỏ tập trung quan liêu bao cấp; thiết lập bằng được trật tự, kỷ cương trong các hoạt động kinh tế, xã hội, trong sinh hoạt Đảng và Nhà nước, thực hiện đúng nguyên tắc “mọi đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật Đảng”, “mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật”. Nghiêm trị những kẻ tham nhũng, đầu cơ trực lợi.



Để thực hiện những biện pháp đó, phải tiến hành cuộc vận động có ý nghĩa cực kỳ quan trọng là làm trong sạch và nâng cao súc chiến đấu, năng lực lãnh đạo của Đảng; làm trong sạch và nâng cao hiệu lực của bộ máy nhà nước; chống tiêu cực, hư hỏng trong xã hội, làm lành mạnh các quan hệ xã hội và thực hiện công bằng xã hội trên các lĩnh vực.

Kết quả của những giải pháp, của cuộc vận động nói trên, cuối cùng, phải tạo ra cho được phong trào cách mạng của quần chúng. Làm như vậy, chính là để thực hiện những lời căn dặn thiêng liêng của Bác Hồ vĩ đại mà toàn Đảng và toàn dân ta sẽ kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của Người vào năm 1990 - năm kết thúc kế hoạch 5 năm này.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.47, tr.481-541.

BÁO CÁO
TẠI KỲ HỌP THỨ 2, QUỐC HỘI KHÓA VIII
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1986 - 1990
và năm 1988

Ngày 23 tháng 12 năm 1987

Phần thứ nhất

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH TẾ,
XÃ HỘI TRONG HAI NĂM 1986 - 1987**

Dưới đây là tình hình cụ thể của một số lĩnh vực chủ yếu trong hai năm qua:

1. Sản xuất nông nghiệp có những tiến bộ về phát triển cây công nghiệp như lạc, đỗ tương, đay, trồng mới cây công nghiệp dài ngày (cao su, cà phê); các chính sách mới về huy động các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế gia đình, cá thể, tư nhân đã có tác dụng bước đầu trong việc phát triển trồng cà phê, hồ tiêu, chăn nuôi bò, nuôi tôm, v.v. ở một số vùng. Đáng chú ý là những chuyển biến mới trong cơ cấu mùa vụ, như tăng vụ hè thu ở miền Nam, miền Trung, phát triển lúa mùa sớm và vụ đông ở miền Bắc. Một số địa phương đã cải tiến một bước cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến người lao động thực sự tạo khả năng trong việc gắn bó người nông dân với kết quả sản xuất.

Nhưng nhìn chung, tình hình nông nghiệp hai năm qua phát triển chậm, chưa đủ ổn định. Giá trị sản lượng nông nghiệp



năm 1986 chỉ bằng năm 1985, nhưng năm 1987 giảm 2% so với năm 1986 và bình quân 2 năm giảm 0,7%. Sản lượng lương thực 3 năm 1985 - 1987 chỉ xoay quanh 18 triệu tấn, trong khi dân số mỗi năm tăng thêm trên 1 triệu người, làm cho sản lượng lương thực bình quân đầu người từ 304 kg năm 1985 giảm còn 280 kg năm 1987. Nguyên liệu nông sản cho công nghiệp chế biến không bảo đảm, thậm chí giảm như mía, thuốc lá,...

Nguyên nhân của tình hình trên, về khía cạnh quan là do thiên tai nặng diễn ra liên tiếp trong 2 năm, nhưng chủ yếu là do yếu tố chủ quan: bố trí kế hoạch vẫn theo nếp cũ, chưa đầu tư thỏa đáng cho mặt trận hàng đầu là sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là cho sản xuất lương thực, không bảo đảm các điều kiện vật chất cho sản xuất, chỉ tiêu kế hoạch vẫn mang nặng tính bao cấp, phân bổ từ trên xuống.

Để tương ứng với sản lượng lương thực theo kế hoạch, năm 1987 cần có 1,6 triệu tấn phân đạm quy tiêu chuẩn, ngoài số nhập của Liên Xô, đã biết trước thiếu 40 vạn tấn phải nhập từ các nước khác, nhưng Hội đồng Bộ trưởng và các cơ quan có liên quan chưa có biện pháp nhập ngay từ đầu, nhiều địa phương thiếu phân bón. Cũng tương tự như vậy, đã để mất hàng chục vạn tấn lương thực vụ xuân ở miền Bắc do thiếu thuốc trừ sâu. Các chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nhất là chính sách giá mua bán lương thực, nông sản và vật tư, hàng hóa giữa Nhà nước với nông dân chưa trên cơ sở thuận mua, vừa bán mà còn gò ép; quan hệ phân phối thu nhập trong nội bộ hợp tác xã còn nhiều mắc mussy làm cho nông dân kém phấn khởi trong sản xuất. Có thể nói một cách tổng quát là, việc phát triển nông nghiệp trong hai năm qua, ngoài tác động có mức độ



của các ngành Trung ương, chủ yếu là do tính năng động ở địa phương và cơ sở, phát huy tác dụng rộng rãi của kinh tế tư nhân, kinh tế gia đình, kinh tế tập thể.

2. Sản xuất công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp

Trong hai năm qua, khả năng vật tư, năng lượng, nguyên liệu tăng không nhiều (mỗi năm khoảng vài ba phần trăm), các ngành, các địa phương, đặc biệt là nhiều cơ sở vẫn tiếp tục cố gắng duy trì và phát triển sản xuất bằng nhiều hình thức: liên doanh, liên kết kinh tế, áp dụng tiến bộ kỹ thuật... Nhiều địa phương đã có các biện pháp khuyến khích các thành phần kinh tế mở rộng sản xuất (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Quảng Nam - Đà Nẵng...). Giá trị sản lượng công nghiệp năm 1986 tăng 7,3% so với 1985 và năm 1987 tăng 6,7% so với năm 1986, bình quân 2 năm tăng gần 7%; trong đó công nghiệp hàng tiêu dùng tăng 8%. Một số sản phẩm như điện, than, thép, động cơ điện, biến thế điện, máy nông nghiệp, bơm thủy lợi, bơm thuốc trừ sâu, các loại phương tiện vận tải, v.v. đạt kế hoạch. Một số mặt hàng tiêu dùng tăng khá như khăn mặt, vải nhựa đi mưa, thuốc chữa bệnh,...

Song điều đáng quan tâm là chất lượng nhiều mặt hàng kém hơn trước; năng suất, chất lượng và hiệu quả giảm sút phổ biến. Trong các ngành công nghiệp nặng, việc đầu tư chi tiêu sâu và đồng bộ chưa được chú ý đúng mức nên chưa phát huy hết năng lực sản xuất. Tiềm năng trong công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, đặc biệt trong lĩnh vực tiểu, thủ công nghiệp, tư nhân, gia đình chưa được khai thác tốt, cơ chế bao cấp vừa gây ra ỷ lại, vừa trói buộc sự năng động của các cơ sở, kể cả quốc doanh và tập thể,



chưa đầu tư đúng mức cho các vùng nguyên liệu tập trung, các cơ sở khai thác nguyên liệu trong nước. Thiếu các chính sách để gắn các vùng nguyên liệu với cơ sở chế biến, bảo đảm lợi ích hợp lý giữa cơ sở sản xuất nông nghiệp với công nghiệp, giá cả chưa thỏa đáng.

Việc bố trí kế hoạch vẫn còn phân tâm, chưa hướng vào việc sắp xếp sản xuất, chưa chú trọng nâng cao chất lượng và hiệu quả, các điều kiện vật chất không bảo đảm cân đối. Trong việc giải quyết nguyên liệu cho công nghiệp, hàng năm, đòi hỏi tối thiểu phải có 1/3 nhập từ thị trường tư bản, nhưng do không quản lý được nguồn ngoại tệ của cả nước nên năm 1987 chỉ giải quyết được 45% yêu cầu kế hoạch.

3. Ngành giao thông vận tải đã có cố gắng trong việc vận chuyển một số mặt hàng chủ yếu trên một số tuyến chủ yếu, phục vụ ba chương trình kinh tế. Nhưng nhìn chung, giao thông vận tải vẫn là khâu yếu của nền kinh tế, mà nguyên nhân chính là do đầu tư chưa đúng mức, cộng với cơ chế bao cấp cho toàn xã hội, ngành giao thông vận tải không những bị lỗ mà khấu hao cơ bản không đủ để duy tu, bảo dưỡng, cơ sở vật chất kỹ thuật ngày một xuống cấp nghiêm trọng.

4. Xuất khẩu và kinh tế đối ngoại

Quan hệ kinh tế giữa nước ta với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em được tiếp tục mở rộng theo hướng đi vào hợp tác sản xuất. Đây là một bước phát triển cả về chất lượng và quy mô, là điều kiện thuận lợi để nước ta tham gia tích cực vào sự phân công lao động quốc tế.

Kim ngạch *xuất khẩu* 2 năm qua tăng bình quân hàng năm 10,3%. Nhưng một số mặt hàng xuất khẩu sang các nước xã hội



chủ nghĩa đạt thấp; chương trình hợp tác sản xuất với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa triển khai chậm. Việc tính toán hiệu quả xuất khẩu chưa chặt chẽ, còn nhiều khâu trung gian, nhiều khoản chi phí bất hợp lý, mặt khác, do giá cả và tỷ giá chưa thích hợp dẫn đến tình trạng càng xuất nhiều càng lỗ nhiều. Các hoạt động kiểu hối du lịch và các dịch vụ khác thu ngoại tệ chưa có tiến bộ đáng kể do nhiều vướng mắc trong cơ chế chính sách chậm được sửa đổi. Tình trạng tranh mua hàng xuất khẩu tôm, cà phê, hạt tiêu vẫn chưa được triệt để ngăn chặn.

5. Về xây dựng cơ bản, đã sắp xếp lại một bước các công trình xây dựng, tập trung vốn và các điều kiện vật chất cho những mục tiêu chủ yếu, bảo đảm tiến độ thi công một số công trình trọng điểm như thủy điện Hòa Bình, Trị An, dầu khí, thủy lợi Thạch Nham, apatít Lào Cai,... Việc bố trí lại cơ cấu đầu tư ở các ngành và địa phương đã được chú ý hơn trước, tập trung hơn cho nông nghiệp, đầu tư chiều sâu và đồng bộ hóa sản xuất.

Điều đáng quan tâm là, trong 2 năm qua khối lượng đầu tư xây dựng cơ bản thấp hơn năm 1985, không những không tạo điều kiện cho việc thu hút thêm lao động mà còn làm cho số lao động xây dựng cơ bản dôi ra khoảng 40% và hạn chế nhiều yêu cầu rất cơ bản của nền kinh tế và tạo cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các ngành sản xuất, đặc biệt là các cơ sở y tế, giáo dục tiếp tục bị xuống cấp.

6. Phân phôi lưu thông

Đã đổi mới việc kiểm soát trên các trực đường giao thông, sửa đổi một số giá cho phù hợp hơn với thực tế; chuyển một bước hoạt động của các ngành nội thương, ngân hàng, lương thực sang kinh doanh; điều chỉnh lãi suất tín dụng, thực hiện một số biện pháp



tăng thu cho ngân sách; kiểm kê tồn kho vật tư và hàng hóa, v.v.. Tuy vậy, những chuyển biến trên lĩnh vực phân phôi lưu thông chưa cơ bản và chưa vững chắc. Ngân sách, tiền mặt vẫn tiếp tục bội chi ở mức cao. Giá cả tiếp tục biến động. Mức động viên thu nhập quốc dân, nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước, ngày càng giảm. Thuế thương nghiệp thất thu khá phổ biến và nghiêm trọng cả về số hộ và doanh số.

Khuyết điểm trong chỉ đạo là có những chủ trương không dứt khoát theo hướng hạch toán kinh doanh (như neo giá quá lâu, định tỷ giá giữa ngoại tệ và đồng Việt Nam quá thấp), hoặc có thiếu sót về chủ trương cụ thể, gây khó khăn cho sản xuất - kinh doanh, như chậm bổ sung vốn lưu động cho xí nghiệp phù hợp với giá mới, cách tính lương mới làm tăng tính chất bình quân trong lương, giảm thu nhập thực tế của một số bộ phận người lương thấp; khống chế cứng nhắc mức bội chi ngân sách và bội chi tiền mặt, nặng về phương pháp hành chính, gây ra căng thẳng về tiền, không kịp thời đáp ứng nhu cầu tiền mặt rất cần thiết cho sản xuất và mua hàng kịp thời vụ.

7. Trong các lĩnh vực khoa học - kỹ thuật

Việc nghiên cứu các đề tài khoa học - kỹ thuật được tiếp tục, nhiều kỹ thuật tiến bộ đã được đưa vào sản xuất, nhất là nông nghiệp, chứng tỏ khoa học - kỹ thuật có tác dụng tích cực đối với sản xuất và đời sống. Tuy nhiên việc nghiên cứu chưa tập trung, chưa thật gắn với yêu cầu của sản xuất và đời sống, các tiến bộ kỹ thuật chưa được ứng dụng nhanh chóng và phổ biến đại trà. Nhiều kết quả nghiên cứu chưa đủ căn cứ cho việc xây dựng luận chứng kinh tế - kỹ thuật để đầu tư và áp dụng, phổ biến; cơ chế quản lý khoa học - kỹ thuật chưa được đổi mới.



8. Lao động, dân số và các lĩnh vực xã hội

- Mấy năm nay dân số vẫn phát triển với nhịp độ cao (trên 2%) vượt quá sức chịu đựng của nền kinh tế, dẫn đến mức sản xuất bình quân đầu người tiếp tục giảm sút. Công tác kế hoạch hóa gia đình chưa được chỉ đạo chặt chẽ từ trên xuống dưới. Áp lực về giải quyết công ăn việc làm cho người lao động ngày càng tăng, gây thêm tình hình không ổn định của xã hội. Các chính sách về điều dân đi vùng kinh tế mới chưa đồng bộ, có mặt chưa hợp lý, chưa bảo đảm đủ lương thực, vật tư, tiền vốn cho việc xây dựng cơ sở vật chất ban đầu nên việc điều dân đi ngoài tỉnh gặp nhiều khó khăn. Trong khu vực nhà nước, việc thực hiện chủ trương tinh giản bộ máy quản lý nhà nước ở các ngành, các cấp và giảm biên chế gián tiếp trong sản xuất chưa có chuyển biến.

Ngành giáo dục phổ thông đã cố gắng thực hiện cải cách giáo dục đến lớp 7, bước đầu áp dụng có kết quả giáo dục lao động tổng hợp, hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông cho học sinh. Song đáng quan tâm là chất lượng giáo dục ở cả ba cấp tiếp tục giảm sút, số học sinh lưu ban, bỏ học vẫn chiếm tỷ lệ cao, nạn mù chữ ở một số vùng đang có xu hướng phát triển. Việc thực hiện phô cập cấp I trong độ tuổi khó khăn. Trường, lớp học thiếu thốn, vừa không phát triển kịp yêu cầu, vừa xuống cấp nhanh. Sách giáo khoa và đồ dùng giảng dạy và học tập vẫn thiếu; đời sống giáo viên còn nhiều khó khăn; ở một số nơi, vẫn còn giáo viên bỏ nghề.

Chất lượng đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và công nhân học nghề chưa có chuyển biến đáng kể.

Các hoạt động văn hóa, thông tin, triển lãm, thư viện, phát thanh, truyền hình, v.v. đã hướng vào việc tuyên truyền, giải thích Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, các nghị quyết 2, 3 của



Trung ương và các chủ trương của Nhà nước. Báo chí, đài phát thanh, truyền hình ở Trung ương và các địa phương có những đóng góp vào cuộc vận động đổi mới tổ chức và quản lý, đổi mới phong cách đấu tranh chống tệ tham nhũng, ức hiếp quần chúng và tiêu cực trong xã hội, động viên lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm.

Ngành y tế đã cố gắng trong công tác điều trị và chữa bệnh cho nhân dân với nhiều hình thức kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền, chữa bệnh tại nhà. Tuy vậy, công tác phòng và chống dịch yếu, một số loại bệnh tăng so với năm 1986. Các bệnh truyền nhiễm vẫn phát sinh rải rác ở nhiều địa phương, đặc biệt là bệnh sốt rét phát triển ở một số tỉnh miền núi.

Điều đáng quan tâm là cơ sở vật chất trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội, nhất là các bệnh viện, trường học, các di tích lịch sử, v.v. ngày càng xuống cấp; trong khi vốn đầu tư của Nhà nước có hạn, nhưng việc xây dựng không hợp lý và xây dựng lãng phí của địa phương còn nhiều, và cũng chưa có biện pháp huy động các nguồn vốn của nhân dân để duy trì, bảo dưỡng, tái tạo.

Nhìn chung, trong năm qua, các ngành, các cấp đã bắt đầu chuyển hướng các mặt hoạt động theo nội dung đổi mới của Đại hội VI và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Sự tích cực, chủ động của các ngành, các địa phương, các cơ sở và sự nỗ lực phấn đấu của nhân dân đã tạo ra những nhân tố tích cực mới và kinh nghiệm để trong những năm tới chuyển mạnh hơn các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu quả kinh tế.

Tuy vậy, nhịp độ phát triển sản xuất nông, công nghiệp còn chậm, thu nhập quốc dân tính bình quân theo đầu người giảm sút; lương thực vẫn thường xuyên căng thẳng; sản xuất không



đủ tiêu dùng, còn phải ăn vào vốn vay nước ngoài. Đến nay, vẫn chưa tạo ra được tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân; thu ngân sách không đủ chi, vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước giảm. Hiệu quả sản xuất, kinh doanh rất thấp, tài sản xã hội chủ nghĩa bị lãng phí, mất mát quá lớn. Tình hình phân phối lưu thông vẫn còn rối ren; phân phối không công bằng, lưu thông chưa thật thông suốt; quản lý và cải tạo thị trường bị buông lỏng; đồng tiền tiếp tục mất giá, vật giá tăng cao. Số người không có việc làm tăng thêm; đời sống của nhân dân lao động, trước hết là của người ăn lương và lực lượng vũ trang rất khó khăn, có nơi, có bộ phận gay gắt thêm. Tiêu cực xã hội phát triển.

Nói chung, những chuyển biến, tiến bộ, nhân tố tích cực mới chỉ có tính chất bộ phận và ở bước đầu, tình hình kinh tế, xã hội vẫn đang tiếp tục diễn biến xấu.

Tình hình trên đây có những nguyên nhân chủ quan và khách quan sâu xa mà Đại hội VI đã phân tích. Hai năm qua, tình hình cung - cầu càng mất cân đối nghiêm trọng thêm trên nhiều mặt. Song về chỉ đạo điều hành của Hội đồng Bộ trưởng, đã có những khuyết điểm sau đây:

- Về bố trí kế hoạch, tuy đã chú ý tập trung vật tư, tiền vốn cho các sản phẩm trọng yếu, các công trình trọng điểm, nhưng vẫn chưa bảo đảm vững chắc các điều kiện thực hiện; chưa giải quyết dứt khoát các vấn đề giá và tỷ giá, nên các cân đối ngoại tệ, vật tư, nhất là cân đối ngân sách, cân đối vốn đầu tư, v.v. chưa thật vững chắc. Nói chung, công tác kế hoạch hóa còn mang nặng tính tập trung quan liêu bao cấp, chưa tạo thuận lợi cho các ngành, các cấp thực hiện sắp xếp sản xuất và đi vào hạch toán kinh doanh, chậm xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách đồng bộ gắn liền với cân đối kế hoạch.



- Chưa kịp sắp xếp và tổ chức lại nền kinh tế theo hướng tập trung cho ba chương trình kinh tế, nhất là cho mặt trận hàng đầu là nông nghiệp; các chủ trương và biện pháp đề ra chưa đủ đồng bộ để giải quyết cho được vấn đề lương thực là vấn đề nóng bỏng, gay gắt nhất.

- Trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện, đã không tập trung sức vào việc đổi mới chính sách với nông dân và các thành phần kinh tế khác ngoài quốc doanh, chuyển các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện phát triển mạnh sản xuất, tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả. Việc cụ thể hóa, thể chế hóa các giải pháp về giá, lương, tài chính, tiền tệ chưa nhằm mục đích trước hết thúc đẩy và tạo thuận lợi cho sản xuất hàng hóa phát triển theo hướng hạch toán, kinh doanh lại làm chậm, có mặt thiếu tính toán chu đáo, có biện pháp còn nửa vời...

- Chưa gắn chặt việc đổi mới cơ chế quản lý với mở rộng dân chủ và đề cao pháp chế xã hội chủ nghĩa. Vẫn còn tình trạng tập trung chưa đúng mức, mà dân chủ cũng chưa được phát huy cao; kỷ cương, kỷ luật khắc phục chậm đã hạn chế kết quả thực hiện các nghị quyết của Đảng và chủ trương của Nhà nước.

- Công tác tổ chức và cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước. Công tác tư tưởng chưa góp phần đắc lực thúc đẩy việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, xây dựng đã đề ra. Trong công cuộc đổi mới hiện nay, trở ngại chính vẫn là tư tưởng bảo thủ, trì trệ, do dự trong việc chuyển các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh, trong việc đổi mới tổ chức và quản lý, đồng thời cũng xuất hiện tư tưởng nóng vội cần được khắc phục. Một số vấn đề có ý nghĩa quan trọng về lý luận và thực tiễn, nhất là một số chủ



trương cự thể để xử lý các vấn đề phân phối lưu thông chưa đủ thời gian bàn bạc thảo luận nhất trí trong khi tình hình có nhiều khó khăn, phức tạp. Việc mở rộng dân chủ và đề cao kỷ luật trong việc chấp hành các nghị quyết cũng chưa đầy đủ, nên đã đưa lại những hậu quả tiêu cực trong việc giải quyết nhiều vấn đề cụ thể quan trọng.

Với trách nhiệm của cơ quan điều hành thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, xã hội mà Quốc hội giao phó, Hội đồng Bộ trưởng trong phiên họp cuối năm vừa qua đã kiểm điểm nghiêm túc trách nhiệm của mình đối với những khuyết điểm nói trên. Chúng tôi cũng đã đề ra các biện pháp cụ thể để đổi mới cơ bản trong công tác chỉ đạo và điều hành, nhằm nhanh chóng tạo ra bước phát triển mới của các hoạt động kinh tế và xã hội trong năm tới.

Phân thứ hai

NHIỆM VỤ, MỤC TIÊU VÀ BIỆN PHÁP CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH KINH TẾ, XÃ HỘI 5 NĂM 1986 - 1990, TRONG BA NĂM CÒN LẠI VÀ NĂM 1988

Thưa các đồng chí đại biểu Quốc hội,

Đại hội lần thứ VI của Đảng đã vạch ra nhiệm vụ bao trùm của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là “đảm bảo ổn định mọi mặt tình hình kinh tế, xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo”. Xuất phát từ nhiệm vụ bao trùm đó, Đại hội VI cũng đã xác định *năm mục tiêu cụ thể về kinh tế, xã hội cho những năm còn lại của chặng đường đầu tiên*: sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy, bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm phát triển sản xuất; xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới phù hợp với tính chất và trình độ



phát triển của lực lượng sản xuất; tạo ra chuyển biến tốt về mặt xã hội; bảo đảm nhu cầu cung cấp quốc phòng và an ninh. Năm mục tiêu nói trên là một tổng thể gắn bó với nhau, bao quát từ đời sống xã hội đến sản xuất, từ lực lượng sản xuất đến quan hệ sản xuất, từ kinh tế đến quốc phòng.

Đại hội lần thứ VI của Đảng cũng đã xác định các phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1986 - 1990.

Từ tình hình thực hiện hai năm qua, đối chiếu với những mục tiêu đó, nhiệm vụ ba năm tới còn rất nặng nề; còn nhiều vấn đề kinh tế, sản xuất cấp bách phải được giải quyết.

Bước vào năm 1988, tuy các điều kiện vật chất chưa có thêm nhiều, song có những nhân tố mới quan trọng giúp chúng ta vượt qua khó khăn thực hiện nhiệm vụ. Đó là các Nghị quyết Trung ương 2, 3, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 4 đã định hướng rõ ràng, dứt khoát cho nhiều chính sách kinh tế, xã hội nhằm giải phóng các năng lực sản xuất, tăng nhanh sản phẩm cho xã hội. Quan trọng nhất là xác định mối quan hệ giữa Nhà nước với nông dân, quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp quốc doanh, các chính sách đối với kinh tế gia đình, cá thể và tư nhân, các biện pháp giải quyết vấn đề giá, lương, tiền, tạo cơ sở cho sự thống nhất ý chí và hành động, cho việc bố trí kế hoạch. Hướng mới về hợp tác sản xuất với Liên Xô và các nước trong Hội đồng Tương trợ kinh tế sẽ tạo ra khả năng mới, việc hợp tác với các nước khác cũng sẽ có thêm cơ sở pháp lý để mở rộng khi Quốc hội kỳ họp này thông qua luật đầu tư của người nước ngoài tại nước ta. Việc sắp xếp lại tổ chức, cán bộ, thực hiện cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ sản xuất, nhất định sẽ có tác động tốt đến tình hình kinh tế - xã hội.



Trong ba năm (1988 - 1990), phải phấn đấu thực hiện bằng được mục tiêu *ổn định một bước quan trọng tình hình kinh tế, xã hội*, chuẩn bị điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, xã hội trong các năm sau.

Để thực hiện mục tiêu này, phải gấp rút ban hành các cơ chế chính sách nhằm giải phóng mọi năng lực sản xuất, phát triển mạnh sản xuất hàng hóa của các thành phần kinh tế trước hết tập trung cho ba chương trình kinh tế, đặc biệt là chương trình lương thực - thực phẩm; chuyển các hoạt động sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu quả kinh tế; đổi mới tổ chức và cán bộ.

Nội dung kế hoạch kinh tế, xã hội trong ba năm tới phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

Một là, giải quyết nhu cầu cơ bản về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và những nhu cầu bức thiết khác về đời sống của nhân dân lao động. Tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu, bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế, mở rộng các quan hệ kinh tế với nước ngoài. Đồng thời, tiếp tục phát triển một số ngành công nghiệp nặng then chốt và giao thông vận tải nhằm phục vụ cho các nhiệm vụ trên.

Hai là, kiên quyết chuyển các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa theo những bước đi vững chắc, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, phân phối lại hợp lý thu nhập quốc dân, ổn định dần tình hình phân phối lưu thông, từng bước tạo được tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân, bảo đảm tốt hơn đời sống nhân dân lao động và hạn chế đến mức thấp nhất tỷ lệ lạm phát.

Ba là, nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể; phát huy mọi tiềm năng của các thành phần



kinh tế khác trong sản xuất và phục vụ đời sống gắn với tổ chức lại và quản lý tốt nền kinh tế, tăng cường quản lý thị trường và tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa đổi mới thương nghiệp tư nhân.

Bốn là, tạo thêm việc làm cho người lao động, thực hiện một bước quan trọng việc ổn định và lành mạnh hóa *sinh hoạt xã hội*, bảo đảm an ninh, trật tự và an toàn xây dựng, khắc phục các hiện tượng tiêu cực, xây dựng cuộc sống lành mạnh, văn minh và công bằng xã hội.

Năm là, đáp ứng nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh.

Sáu là, chuẩn bị cho kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội 1991 - 1995.

Năm 1988 là năm có vị trí và có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc thực hiện những mục tiêu của 3 năm còn lại của kế hoạch 5 năm 1986 - 1990, phải thực hiện *những nhiệm vụ chủ yếu* sau đây:

- Giải quyết tốt hơn vấn đề *lương thực - thực phẩm; tăng hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu*; triển khai có hiệu quả các chương trình hợp tác kinh tế với Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa anh em và mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại với các nước khác.

- *Có chuyển biến rõ rệt trên mặt trận phân phôi - lưu thông*, giảm nhịp độ tăng giá, tỷ lệ bội chi ngân sách, tỷ lệ bội chi tiền mặt và giảm bớt khó khăn về đời sống của người hưởng lương.

- Chuyển nhanh hoạt động của các đơn vị kinh tế quốc doanh và tập thể sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, *bảo đảm sản xuất, kinh doanh có năng suất, chất lượng, hiệu quả*, phát huy những khả năng tích cực của các thành phần kinh tế khác trong sản xuất, dịch vụ gắn với sắp xếp và tổ chức lại nền kinh tế.

- Đẩy mạnh các hoạt động *khoa học - kỹ thuật* và đưa kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất, kinh doanh.



- Giải quyết ngay một số vấn đề có tính chất cấp bách về *giáo dục, y tế và văn hóa*, cả về cơ sở vật chất, cơ chế chính sách và chất lượng hoạt động.

- *Sắp xếp lại một bước quan trọng bộ máy Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng* từ Trung ương đến huyện; nâng cao hiệu lực của bộ máy, thu gọn cơ quan quản lý nhà nước và tinh giản biên chế; chấn chỉnh gấp các tổ chức sản xuất, kinh doanh; bố trí lại cán bộ, nhất là cán bộ ở các vị trí then chốt của từng cấp và từng tổ chức.

- Gắn việc giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội với *đẩy mạnh cuộc vận động trong Đảng, trong bộ máy nhà nước và ngoài xã hội*, mở rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, củng cố niềm tin và thúc đẩy hành động cách mạng của các tầng lớp nhân dân, thiết lập trật tự kỷ cương trong hoạt động kinh tế, xã hội.

Trong tất cả các nhiệm vụ trên, một vấn đề cần nhấn mạnh là, cùng với việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, chúng ta rất coi trọng các nhiệm vụ về xã hội, với nhận thức sâu sắc rằng kinh tế và xã hội gắn bó chặt chẽ, tác động lẫn nhau hết sức mật thiết. Và đây cũng là một lĩnh vực mà nhiều năm nay, Hội đồng Bộ trưởng và các ngành, các cấp chưa thật sự quan tâm đúng mức.

Theo hướng đó, chúng ta phải hết sức chăm lo *tạo việc làm cho hàng triệu lao động* hiện chưa có việc làm ổn định, thật sự phát huy tiềm năng to lớn của nguồn lao động dồi dào của nước ta. Việc sử dụng khả năng của tất cả các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh không chỉ có ý nghĩa tạo thêm nguồn sản phẩm cho xã hội mà trước hết là nhằm tận lực thu hút lực lượng lao động vào các ngành nghề, khai thác đất đai trong từng địa phương và ở các vùng kinh tế mới. Chúng ta cũng cần mở rộng đầu tư (bằng



nguồn vốn trong nước và nước ngoài) nhất là xây dựng các kết cấu hạ tầng (giao thông vận tải), các khu chế xuất, tăng các hoạt động dịch vụ, trong đó, chú trọng tranh thủ kỹ thuật hiện đại, đồng thời, sử dụng được nhiều lao động. Việc hợp tác lao động với nước ngoài là cần thiết, song phải kiện toàn tổ chức quản lý và chủ yếu là hợp tác theo ngành kinh tế - kỹ thuật vừa bảo đảm đào tạo tay nghề và thuận lợi cho việc bố trí việc làm theo ngành nghề khi họ trở về nước.

Cùng với việc giải quyết việc làm là các *hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế*, những lĩnh vực liên quan chặt chẽ đến đời sống của người lao động. Nhất thiết phải chăm sóc tốt hơn đời sống của cán bộ công nhân viên khu vực này, trước hết là y tế và giáo dục; đồng thời cũng phải dành phần vốn thích đáng để các cơ sở thuộc các ngành ấy không tiếp tục xuống cấp như hiện nay. Cùng với sự đầu tư của Trung ương, phải phát huy khả năng của địa phương, của nhân dân trong sự nghiệp cực kỳ quan trọng này.

Để triển khai các nhiệm vụ kinh tế, xã hội trong 3 năm tới, một trong những khó khăn lớn nhất của ta hiện nay là thiếu nguồn vốn. Cùng với việc giải phóng các năng lực sản xuất, khai thác tiềm năng của tất cả các thành phần kinh tế tập thể, cá thể, tư nhân, chúng ta phải *thu hút hơn nữa các nguồn vốn từ bên ngoài*, kể cả các nước xã hội chủ nghĩa anh em và các nước khác. Đó không chỉ là vốn, mà còn là kỹ thuật hiện đại và kinh nghiệm quản lý để giúp chúng ta có thể tiến nhanh. Sau khi Quốc hội thông qua luật đầu tư, phải ban hành các văn bản pháp quy đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện luật đầu tư.

Dưới đây, xin trình bày những nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu của các ngành kinh tế, xã hội trong các năm 1988 - 1990 và năm 1988.



I- VỀ BA CHƯƠNG TRÌNH KINH TẾ TRONG BA NĂM 1988 - 1990

Đại hội VI của Đảng đề ra ba chương trình kinh tế và coi đó là cốt lõi của nhiệm vụ kinh tế, xã hội trong 5 năm 1986 - 1990. Trước mắt, chúng ta phải xác định những vấn đề chủ yếu của các chương trình kinh tế trong phạm vi ba năm tới, nhằm thực hiện bằng được các mục tiêu của Đại hội VI. Cùng với thực hiện các mục tiêu kinh tế, xã hội trong các năm 1988 - 1990, chúng ta sẽ hoàn chỉnh các chương trình đó.

Điều quan trọng cần nhấn mạnh là trong quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở chặng đường đầu tiên, 3 chương trình kinh tế phải được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với các ngành Công nghiệp nặng và Giao thông vận tải, giữa kinh tế và xã hội; kinh tế với khoa học - kỹ thuật; kinh tế với cơ chế quản lý và các chính sách.

A- Về lương thực - thực phẩm

Lương thực là một vấn đề nóng bỏng gay gắt, ảnh hưởng lớn đến nhiều hoạt động kinh tế, đến đời sống nhân dân, đến mục tiêu “ổn định tình hình”. Phải giải quyết đồng bộ vấn đề lương thực từ sản xuất đến phân phối và lưu thông, tiêu dùng lương thực, trước hết là thực hiện các chính sách thật sự khuyến khích người sản xuất. Năm 1988, đạt cho được 19 triệu tấn lương thực và năm 1990: 22 triệu tấn. Đây là yêu cầu cấp bách và thực tế cũng cho thấy mục tiêu đó là hoàn toàn có khả năng hiện thực.

1. Bố trí lại địa bàn sản xuất

Trong khi bảo đảm các điều kiện cần thiết cho tất cả các vùng sản xuất lương thực, sẽ tập trung hơn vật tư, vốn đầu tư cho



đồng bằng sông Cửu Long, vùng trọng điểm lúa lớn nhất của cả nước, cho đồng bằng sông Hồng và các vùng lúa cao sản của các tỉnh khác, để sản xuất có hiệu quả cao và tăng nhanh nguồn lương thực hàng hóa. Ở những nơi không có điều kiện sản xuất lương thực hoặc sản xuất lương thực không có hiệu quả, thì mạnh dạn chuyển hướng trồng những loại cây có hiệu quả nhất, tạo ra những sản phẩm khác để trao đổi lương thực.

Đồng bằng Nam Bộ chú trọng thâm canh tăng vụ đông xuân, hè thu và vụ mùa cao sản. Đồng bằng Bắc Bộ chú trọng thâm canh vụ xuân, phát triển mạnh lúa mùa sớm và vụ đông, đặc biệt là ngô và khoai tây. Các tỉnh miền Trung vừa phải thâm canh tăng năng suất lúa, vừa phát triển mạnh các loại hoa màu. Các tỉnh miền núi chủ yếu thâm canh trên diện tích đã có, thu hẹp dần diện tích lúa nương.

Cùng với lúa, phát triển mạnh màu lương thực ở tất cả các vùng, nhất là trung du, miền núi theo hướng thâm canh và mở rộng diện tích.

2. Tập trung đầy đủ hơn các điều kiện vật chất cho sản xuất là nhân tố quyết định thắng lợi của sản xuất lương thực

Trong nhiều năm qua, công tác *thủy lợi* đã đóng góp nhiều cho sản xuất lương thực, nhưng để tăng vụ, mở rộng diện tích chủ động tưới tiêu, nâng trình độ thâm canh, thủy lợi vẫn là biện pháp hàng đầu. Năm 1988, nguồn vốn của Trung ương tập trung chủ yếu cho những công trình đầu mối lớn và hỗ trợ một phần cho những địa phương thiếu vốn đầu tư. Các địa phương phải hạn chế, giảm tối đa những công trình chưa thật cấp bách, đồng thời huy động sức lao động của nhân dân, tập trung vốn cho thủy lợi.



Nhà nước sẽ dành một phần vật liệu xây dựng cho việc làm cống, bọng, kênh mương nội đồng.

Về phân bón, mấy năm qua khuyết điểm của chúng ta là biết thiếu phân đậm nhưng chưa có biện pháp cân đối vững chắc và cung ứng kịp thời. Mặt khác, chưa tận dụng tốt nguồn phân chuồng và các loại phân hữu cơ khác sẵn có ở địa phương. Trong kế hoạch 1988 và các năm sau, việc hoàn thiện cơ chế khoán, xóa bao cấp trong hợp tác xã là tiền đề thuận lợi để đẩy mạnh sản xuất phân chuồng, phân xanh và các loại phân hữu cơ khác nhằm bảo đảm ít nhất 30% nhu cầu phân bón. Về phân đậm, nguồn lớn nhất vẫn là từ Liên Xô và bảo đảm cung ứng theo thời vụ, song vẫn cần nhập khẩu thêm của thị trường khác. Để giải quyết vấn đề này, Trung ương chịu trách nhiệm nhập đủ, từng bước có gối đầu, bảo đảm kịp cho từng mùa vụ. Điều quan trọng hơn là cải tiến cách cung ứng để đưa đủ phân đến người sản xuất.

Về thuốc trừ sâu, Trung ương lo liệu đủ ngoại tệ để nhập và bán cho nông dân theo giá kinh doanh.

Việc cung ứng phân bón và vật tư nông nghiệp nói chung sẽ giao cho các tổng công ty phụ trách ngành hàng để ký hợp đồng bán vật tư, mua sản phẩm trên nguyên tắc thỏa thuận.

Đối với súc kéo, trong kế hoạch đã cân đối xăng dầu và phụ tùng cho máy kéo. Đi đôi với cung ứng thêm máy, phụ tùng, phải cải tiến phương thức sử dụng để nâng công suất sử dụng máy kéo. Mở rộng việc bán máy kéo và các loại máy nông nghiệp cho hợp tác xã, tập đoàn sản xuất theo phương thức kinh doanh.

Để phát triển trâu bò cày kéo, cần khuyến khích chăn nuôi gia đình, nhất là ở miền núi, khuyến khích tự do lưu thông trâu bò cày kéo để điều hòa sức kéo giữa các vùng, để chăn nuôi trâu bò cày kéo thành một ngành kinh doanh quan trọng của bà con



miền núi. Ở các vùng đồng bằng, cần xem xét lại việc tập thể hóa trâu bò cày kéo, chuyển thành trâu bò gia đình, đồng thời, hợp tác xã có cơ chế đúng để bảo đảm sức kéo cho những gia đình không có trâu bò.

3. Về ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, chủ yếu tập trung vào mấy vấn đề sau đây:

- Trung ương và các địa phương xây dựng hệ thống giống, bảo đảm công tác lai tạo giống và đưa vào sản xuất đại trà những giống lúa có năng suất cao, chịu sâu bệnh, chua mặn, các giống mới về ngô, khoai tây đã được kết luận.

- Ngành nông nghiệp cùng cơ quan khoa học có biện pháp phổ biến rộng rãi các biện pháp kỹ thuật trong việc dùng phân bón và thuốc trừ sâu, để nâng cao hiệu quả sử dụng và tiết kiệm.

4. Thực hiện kinh doanh lương thực

Với nguồn lương thực sản xuất theo kế hoạch, nếu tiếp tục duy trì chế độ bao cấp trong cung ứng lương thực, thì không thể nào giải quyết được cân đối lương thực, tình trạng thường xuyên căng thẳng là không tránh khỏi. Chuyển sang kinh doanh lương thực là nhằm đạt ba yêu cầu: tiết kiệm lương thực; giảm chi phí hao hụt, xóa bù lỗ ngân sách; thúc đẩy chế biến lương thực và thay đổi dần cơ cấu bữa ăn. Thực hiện việc điều hòa lương thực trên địa bàn huyện, trong phạm vi tỉnh, trong từng vùng; các vùng trọng điểm lương thực hàng hóa tập trung điều hòa cho các thành phố, khu công nghiệp.

Tổ chức kinh doanh lương thực dùng phương thức mua trong hợp đồng và ngoài hợp đồng theo giá thỏa thuận để nắm đại bộ phận lương thực hàng hóa trong xã hội và thông qua phương thức



kinh doanh để bán cho công nhân, viên chức và các đối tượng phi nông nghiệp khác. Thóc thuế được sử dụng để bảo đảm nhu cầu của lực lượng vũ trang và tăng thêm dự trữ quốc gia.

5. Đổi mới chính sách đối với nông nghiệp và nông dân

Xí nghiệp nông nghiệp quốc doanh phải thật sự chuyển sang hạch toán kinh doanh có hiệu quả. Ruộng đất không sử dụng và sử dụng không có hiệu quả phải giao lại cho hợp tác xã, tập đoàn và nhân dân sản xuất. Các cơ sở kinh doanh không có hiệu quả đã kéo dài mà không có triển vọng khắc phục phải dứt khoát chuyển sang các hình thức sở hữu khác thích hợp.

Ngoài thuế là nghĩa vụ bắt buộc, mọi quan hệ mua bán giữa các tổ chức kinh tế nhà nước với nông dân đều phải theo đúng nguyên tắc thuận mua, vừa bán, thật sự bình đẳng; xóa bỏ các khoản “phụ thu lạm bở” của bất cứ ngành nào và cấp nào đối với nông dân. Việc huy động sức dân vào các công trình phúc lợi xã hội là cần thiết, song không được huy động bằng sản phẩm, làm thiệt hại đến thu nhập chính đáng của nông dân. Các hình thức huy động sức dân phải được Hội đồng nhân dân các cấp xem xét và quyết định.

Sớm xác định lại mức thuế đối với vùng cây lương thực và ổn định đến năm 1990 nhằm để nông dân an tâm đẩy mạnh sản xuất, sửa lại mức thuế đối với cây lâu năm, thuế vườn cây ăn quả...; khuyến khích thỏa đáng tăng vụ, mở thêm diện tích.

Trong công tác quản lý hợp tác xã, phải hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến người lao động, cải tiến công tác hạch toán và phân phối thu nhập theo hướng xóa bỏ bao cấp; có thể dùng hình thức động viên xã viên đóng thêm cổ phần và thực hiện phân phối một phần sản phẩm và giá trị làm ra theo



cổ phần để có thêm vốn sản xuất; khuyến khích các hộ xã viên bỏ vốn, bỏ sức lao động để thâm canh, tăng năng suất. Ở những nơi có diện tích bình quân đầu người cao, có thể giao cho những hộ có nhiều lao động, có vốn và trình độ thâm canh nhiều diện tích hơn. Những nơi đất nhiều, người ít có thể giao đất sử dụng lâu dài theo quy hoạch và kế hoạch nhà nước, công nhận quyền thừa kế hoa lợi trong thời gian đó.

Cây công nghiệp: khuyến khích các thành phần cá thể, tư nhân, gia đình xã viên và công nhân viên chức ở nông thôn bỏ vốn, bỏ sức lao động để phát triển cây công nghiệp, nhất là trồng cà phê, hồ tiêu, dừa, chè, cao su, trồng rừng... Nhà nước tập trung đầu tư để từng bước hình thành những vùng chuyên canh có sản lượng hàng hóa lớn, ổn định, chất lượng cao phù hợp với nhu cầu thị trường thế giới.

Từ nay, Nhà nước không giao chỉ tiêu pháp lệnh cho vùng cây công nghiệp thuộc khu vực tập thể và cá thể, mà dựa trên quy hoạch và định hướng của kế hoạch nhà nước, chính quyền các cấp hướng dẫn các nhà máy chế biến trực tiếp ký hợp đồng với nông dân theo sự thỏa thuận giữa người mua và người bán về số lượng và chất lượng, về thời gian và giá cả, tạo nên sự liên kết tự nguyện, bảo đảm lợi ích của nhà máy và nông dân. Quan hệ giữa nhà máy giấy và các vùng nguyên liệu, giữa ngành than và các vùng gỗ trụ mỏ cũng thực hiện theo nguyên tắc này. Ở những nơi có điều kiện, sẽ tổ chức các liên hiệp nông - công nghiệp bao gồm cơ sở chế biến và vùng nguyên liệu hạch toán thống nhất cùng chịu trách nhiệm về lỗ, lãi.

Trong việc thực hiện hiệp định hợp tác với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác về trồng cao su, cà phê, chè, dừa, rau quả... Nhà nước giao toàn bộ vật tư, thiết bị, hàng hóa hợp tác



cho các tổng công ty, liên hiệp xí nghiệp phụ trách ngành hàng để các tổ chức này ký kết hợp đồng với tổ chức kinh doanh của địa phương. Các tổng công ty và liên hiệp xí nghiệp chủ động bố trí kế hoạch, tổ chức liên kết giữa quốc doanh, tập thể và tư nhân, cá thể, nhằm bảo đảm thực hiện có hiệu quả các điều đã cam kết với nước ngoài và làm nghĩa vụ với Nhà nước trên cơ sở hạch toán kinh tế, tự chịu trách nhiệm về lỗ, lãi và trả nợ.

Chăn nuôi: Hướng chính là phát triển chăn nuôi gia đình. Tổ chức và khuyến khích việc giao lưu trâu bò; người sản xuất được tự do đưa sản phẩm chăn nuôi vào bán tại các thành phố, khu công nghiệp. Củng cố các trung tâm giống, các cơ sở quốc doanh bò sữa và thịt ở những nơi có điều kiện, bảo đảm kinh doanh có lãi. Khuyến khích các gia đình nuôi bò sữa ở các vùng đai thực phẩm. Xây dựng các vùng chăn nuôi xuất khẩu gắn với phát triển cơ sở chế biến.

Thủy sản: Những năm qua, ngành thủy sản đã bước đầu thực hiện có kết quả cơ chế mới, trong những năm tới, chuyển toàn bộ ngành Thủy sản sang hạch toán kinh doanh; sửa đổi và bổ sung ngay các chính sách đối với ngư dân, bảo đảm cho người sản xuất có lãi. Việc xây dựng quan hệ sản xuất mới trong thủy sản phải nhằm mục đích phát triển mạnh sản xuất và đạt hiệu quả kinh tế cao, tránh gò ép, mệnh lệnh.

Thực hiện các chính sách hết sức rộng rãi, khuyến khích các thành phần kinh tế bỏ vốn đầu tư sản xuất, kinh doanh các nguồn lợi biển và ven biển, bằng các hình thức liên doanh, liên kết và mở rộng hợp tác với bên ngoài, đặc biệt là *nuôi tôm xuất khẩu*. Các tổ chức kinh doanh của ngành và địa phương phải thực hiện tốt nhiệm vụ hậu cần, dịch vụ chế biến thủy sản, tạo ra



ngày càng nhiều sản phẩm có chất lượng. Năm 1988, khai thác 91 vạn tấn thủy sản trở lên, ít nhất là tăng 5% so với năm 1987.

Lâm nghiệp: Nhiệm vụ hàng đầu của lâm nghiệp là bảo vệ vốn rừng hiện có, giữ cho rừng được tái sinh, đồng thời tích cực trồng mới, từng bước phủ xanh đồi trọc. Để bảo đảm nhiệm vụ này, cần có đầu tư thích đáng của Nhà nước, song quan trọng hơn là thay đổi cơ bản cơ chế quản lý rừng theo hướng xóa bao cấp, thực hiện hạch toán kinh doanh với phương châm “lấy rừng phát triển rừng”. Một khác, thiết lập bằng được trật tự, kỷ cương trong quản lý rừng: hoàn thành việc giao đất giao rừng chủ yếu là cho các hộ nhân dân, để bất cứ rừng nào cũng có người làm chủ với trách nhiệm và lợi ích cụ thể một cách ổn định, lâu dài, có quyền thừa kế. Phải thực hiện triệt để Pháp lệnh bảo vệ rừng, nghiêm trị theo đúng pháp luật những cá nhân, những tổ chức không có chức năng vào rừng chặt phá bừa bãi. Xử lý nghiêm, quy trách nhiệm cụ thể đối với những vụ cháy rừng.

Hết sức coi trọng và có các biện pháp chính sách cụ thể, thực hiện định canh, định cư, kết hợp với trồng rừng và bảo vệ rừng.

Đối với các vùng trồng rừng nguyên liệu tập trung như nguyên liệu giấy, gỗ trụ mỏ, phải sớm ban hành quy chế về mối quan hệ trực tiếp giữa đơn vị trồng rừng và đơn vị sử dụng nguyên liệu trên cơ sở hợp đồng kinh tế, bảo đảm đôi bên cùng có lợi.

Về khai thác và cung ứng gỗ, để tránh tình trạng khai thác không bảo đảm, giao nộp gỗ không đủ diễn ra trong nhiều năm, từ năm 1988, toàn bộ vật tư, thiết bị cho khai thác gỗ giao cho ngành lâm nghiệp chi phối, bảo đảm cung ứng gỗ theo kế hoạch và chịu trách nhiệm quyết toán đầy đủ với Nhà nước.

Diện tích trồng rừng do vốn đầu tư tập trung của Nhà nước năm 1988: khoảng 14 vạn ha, năm 1990: 16 vạn ha; giữ mức khai



thác gỗ năm 1988: 1,4 triệu m³ và năm 1990: 1,5 triệu m³ (không kể phần nhân dân được khai thác theo sự hướng dẫn của ngành lâm nghiệp).

B- Hàng tiêu dùng

Mục tiêu đặt ra trong năm 1988 là đưa giá trị sản lượng công nghiệp hàng tiêu dùng tăng 12,5% so với năm 1987 và trong 3 năm tới bảo đảm tốc độ tăng bình quân hàng năm 13 - 15% như Nghị quyết Đại hội VI. Mục tiêu này không chỉ ở chỗ bảo đảm nhu cầu đời sống xã hội mà còn góp phần quan trọng cho cân đối tiền - hàng, ổn định tiền tệ, giá cả, bảo đảm tiền lương thực tế cho công nhân viên chức.

Đi đôi với việc thực hiện các hiệp định về gia công, hợp tác sản xuất với nước ngoài, hướng ưu tiên là sản xuất những mặt hàng thiết yếu, những sản phẩm có nguồn thu lớn cho ngân sách, những mặt hàng có yêu cầu trao đổi với nông dân, không để thiếu những hàng tiêu dùng thông thường. Đồng thời trong khi vật tư, nguyên liệu của Nhà nước còn hạn chế, cần tập trung vào những xí nghiệp có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, trước hết là các cơ sở ở Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là những địa bàn trọng điểm sản xuất hàng tiêu dùng của cả nước.

Việc tăng sản lượng nhất thiết phải đi liền với việc bảo đảm chất lượng sản phẩm. Đối với những mặt hàng quan trọng phải có sự xác nhận chất lượng của cơ quan quản lý khoa học mới được bố trí kế hoạch sản xuất. Chính sách giá mua bán phải có sự phân biệt rõ rệt về phẩm cấp sản phẩm nhằm khuyến khích hàng tốt, hàng đẹp. Không ngừng đổi mới quy cách thiết kế, mẫu mã, bảo đảm kỹ thuật và mỹ thuật của sản phẩm, hợp thời trang và giảm giá thành để có khả năng bảo đảm nhu cầu tiêu dùng,



ngăn chặn hàng nhập khẩu. Muốn vậy, cần mở rộng hình thức đấu thầu, ký kết hợp đồng giữa đơn vị sản xuất và tổ chức kinh doanh, theo thị hiếu, nhu cầu của thị trường mà bố trí sản xuất.

Dưới đây là một số biện pháp và chính sách lớn:

- Phát huy tiềm năng của mọi thành phần kinh tế để làm hàng tiêu dùng, các xí nghiệp quốc doanh sản xuất hàng tiêu dùng phải chuyển sang hạch toán kinh doanh bảo đảm có lãi, tăng tích lũy cho Nhà nước; những xí nghiệp kinh doanh không có hiệu quả, không có khả năng cung cấp phải giải thể hoặc chuyển sang hình thức sở hữu khác.

Đối xử bình đẳng với tất cả các thành phần kinh tế, thực hiện thống nhất về thuế suất, lãi suất tín dụng, giải quyết sòng phẳng việc mua vật tư, bán sản phẩm theo nguyên tắc kinh doanh, xóa bỏ mọi định kiến hẹp hòi và những quy định mang tính chất phân biệt đối xử, để giải phóng mọi năng lực sản xuất của tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề ở khắp mọi nơi.

- Đầu tư chiều sâu để tận dụng năng lực sản xuất của tất cả các xí nghiệp, kể cả xí nghiệp công nghiệp nặng, công nghiệp quốc phòng và các cơ sở kinh tế, văn hóa khác, để làm thêm hàng tiêu dùng; tích cực tạo nguồn nguyên liệu để huy động công suất các xí nghiệp công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm từ 50% hiện nay lên 80 - 85% năm 1990; những xí nghiệp quan trọng phải đạt ngay tỷ lệ này từ năm 1988.

- Để bảo đảm *nguyên liệu* cho sản xuất hàng tiêu dùng, phải áp dụng đồng thời nhiều biện pháp: đẩy mạnh sản xuất và khai thác các nguồn nguyên liệu trong nước bằng cơ chế đầu tư và chính sách khuyến khích, dành ngoại tệ để nhập khẩu nguyên liệu nước ngoài; áp dụng các tiến bộ kỹ thuật; tận dụng phế liệu, các loại nguyên liệu thứ cấp... Đối với nguyên liệu từ nông, lâm,



thủy sản, điều có tính quyết định là bảo đảm quan hệ sòng phẳng bình đẳng giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa sản xuất và chế biến; thực hiện việc ký kết hợp đồng trực tiếp giữa cơ sở công nghiệp hoặc thương nghiệp với cơ sở nông, lâm, ngư nghiệp về đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật, bán vật tư, lương thực và mua nguyên liệu; thực hiện rộng rãi việc gia công sản xuất hoặc hợp tác sản xuất với nước ngoài (nơi có điều kiện nên tổ chức các khu chế xuất), coi đây là một phương hướng cực kỳ quan trọng trong nhiều năm tới. Nhiệm vụ của các cơ quan kinh tế đổi ngoại là phát hiện thị trường, tìm kiếm khách hàng và quan trọng hơn là tạo điều kiện cho người sản xuất được tiếp cận khách hàng quốc tế, tự chịu trách nhiệm về ký kết hợp đồng và hiệu quả kinh doanh. Nhà nước cho phép các xí nghiệp được vay ngoại tệ trong và ngoài nước để nhập nguyên liệu ngoài phần Nhà nước cản đối và bảo đảm trả bằng xuất khẩu hoặc ngoại tệ. Khuyến khích Việt kiều đầu tư nguyên liệu, thiết bị cho sản xuất hàng tiêu dùng bằng nhiều hình thức khác nhau trên nguyên tắc bảo đảm đúng lợi ích của họ.

C- Xuất khẩu và kinh tế đổi ngoại

Về xuất khẩu: Theo hiệp định thương mại dài hạn đã ký với các nước và những thỏa thuận mới gần đây thì kim ngạch xuất khẩu của thời kỳ 1986 - 1990 gấp 2 lần so với 5 năm 1981 - 1985. Hai năm qua mới xuất được khoảng 1/4. Năm 1988, xuất tăng 17,6% so với năm 1987.

Phải khắc phục ngay tình trạng một số mặt hàng xuất khẩu đã ký kết mà chất lượng, mẫu mã không được cải tiến, không thích hợp với thị hiếu của người tiêu dùng... Phải đổi mới cơ chế theo hướng các tổ chức kinh doanh mua hàng xuất khẩu theo giá



thực bán trên thị trường có lãnh đạo và bán lại vật tư, hàng hóa cũng theo giá thực trên thị trường, tạo nên mối quan hệ tương ứng về giá trị. Bằng cách đó, vừa xóa bỏ được việc mua bán ngoại tệ ở trong nước, hạn chế và đi đến xóa bù lỗ xuất khẩu, vừa tập trung được nguồn hàng để bảo đảm cam kết. Một nhiệm vụ quan trọng là tổ chức lại sản xuất hàng xuất khẩu, tập trung vốn và vật tư vào những mặt hàng có hiệu quả cao, vào những vùng chuyên canh, những mặt hàng xuất khẩu quan trọng; mặt khác sắp xếp lại các tổ chức xuất, nhập khẩu nhằm thu gọn đầu mối, chấm dứt tình trạng tranh mua, tranh bán, mua và bán đều phải thông qua hợp đồng kinh tế.

Phải đổi mới cơ chế quản lý và sử dụng ngoại tệ, vừa bảo đảm các nhu cầu chung của các nước, vừa bảo đảm quyền sử dụng ngoại tệ của các tổ chức kinh doanh cho mục đích phát triển sản xuất. Hướng chung là thực hiện cơ chế mua bán ngoại tệ tại Ngân hàng Nhà nước; dành ngoại tệ để chủ yếu nhập vật tư, thiết bị.

Ban hành thuế xuất, nhập khẩu nhằm bảo hộ sản xuất trong nước khuyến khích xuất sang các nước xã hội chủ nghĩa, hạn chế nhập hàng xa xỉ, khuyến khích nhập tư liệu sản xuất.

Về hợp tác kinh tế với nước ngoài: Việc mở rộng hợp tác kinh tế, tích cực tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế, tranh thủ vốn, kỹ thuật để khai thác tiềm năng của đất nước có ý nghĩa quan trọng. Phải thực hiện theo quy hoạch và kế hoạch, bảo đảm chính sách và sự chỉ đạo thống nhất, có phân cấp quyền hạn và trách nhiệm thích hợp cho các ngành, các cấp, các cơ sở. Thực hiện cơ chế hợp tác mới, tranh thủ hợp tác sản xuất trực tiếp giữa các ngành và cơ sở.

Nắm vững chủ trương chiến lược là ưu tiên mở rộng hợp tác với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa trong Hội đồng



Tương trợ kinh tế; tăng cường quan hệ hợp tác dài hạn với Lào và Campuchia bằng những hình thức thích hợp và có hiệu quả; tranh thủ mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế với các nước khác và tổ chức quốc tế theo Luật đầu tư.

Tăng cường cơ sở vật chất, đơn giản các thủ tục, nâng cao chất lượng phục vụ, v.v. để mở rộng các dịch vụ kinh doanh thu ngoại tệ như du lịch, kiều hối, hàng không, vận tải biển, cung ứng tàu biển, bưu điện, văn hóa phẩm...

Để bảo đảm thực hiện được các nhiệm vụ nói trên, điều rất quan trọng là phải sửa đổi các thủ tục giao dịch, nhất là sớm đổi mới hoạt động của các ngành hải quan, nội vụ.

II- PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP NĂNG VÀ KẾT CẤU HẠ TẦNG

Đây là những lĩnh vực rất quan trọng của nền kinh tế nhưng chưa bảo đảm được ở mức tối thiểu cần thiết về năng lượng, nguyên liệu, vật tư, thiết bị phụ tùng cho các ngành, các địa phương và cơ sở và cũng chính vì vậy đã hạn chế khả năng phục vụ ba chương trình kinh tế, nhất là chương trình lương thực - thực phẩm. Đó là một thực tế khách quan mà chúng ta chưa thể khắc phục trong thời gian ngắn, nó chỉ có thể giải quyết từng bước trong suốt quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Nhiệm vụ đặt ra trong những năm tới là tận dụng các cơ sở và năng lực hiện có bằng cách đầu tư chiều sâu, cải tạo thiết bị, xây dựng mới những cơ sở thật cấp thiết mà khả năng vốn đầu tư cho phép; mở rộng nhiều hình thức hợp tác quốc tế, nhất là lĩnh vực luyện kim, cơ khí, điện tử; đưa các cơ sở công nghiệp nặng chuyển sang hạch toán kinh doanh với những hình thức và bước đi thích hợp với từng ngành, từng cơ sở.



Về năng lượng:

Tiếp tục tập trung đầu tư để năm 1989, huy động toàn bộ 4 tổ máy của thủy điện Trị An, năm 1990, huy động 3 tổ máy của thủy điện Hòa Bình. Để đồng bộ với nguồn điện, phải hoàn thành xây dựng đường dây 220 kV và các trạm biến thế. Hoàn thành cải tạo lưới điện Hà Nội, Hải Phòng và tiến hành cải tạo lưới điện Thành phố Hồ Chí Minh. Sản lượng điện năm 1988 là 6,7 tỉ kWh, năm 1990 là 8,3 tỉ kWh.

Hoàn thành xây dựng một số mỏ than quan trọng, cải tạo các nhà sàng Cửa Ông, Hồng Gai, để nâng chất lượng than, tiến tới bỏ việc sàng than tại mỏ. Sản lượng than năm 1988 là 6,8 triệu tấn, năm 1990 là 7,5 triệu tấn. Tăng khối lượng đầu tư cho dầu khí năm 1988 gấp đôi năm 1987.

Với nguồn năng lượng còn hạn chế, trước mắt phải phân phối cho các đối tượng ưu tiên và sử dụng tiết kiệm điện năm 1990 sẽ được cải thiện rõ rệt ở Bắc Bộ và Nam Bộ. Nhưng ở miền Trung còn nhiều khó khăn, sẽ bổ sung các cụm điện, hoàn thành xây dựng đường dây cao thế Vinh - Đà Nẵng vào năm 1990, đẩy mạnh thi công thủy điện An Điêm, Vĩnh Sơn.

Tích cực chuẩn bị để xây dựng thủy điện Hàm Thuận, Sông Hinh, Yali; nghiên cứu và triển khai sớm việc sử dụng nguồn khí ở miền Nam và miền Bắc vào sản xuất phân đạm với quy mô thích hợp. Xúc tiến xây dựng và khai thác các mỏ than nhỏ ở các địa phương, các trạm thủy điện nhỏ ở các vùng. Tranh thủ sử dụng các nguồn và dạng năng lượng khác như bức xạ mặt trời, sức gió, khí mêtan...

Về cơ khí, điện tử:

Sắp xếp lại sản xuất cơ khí, quan tâm đặc biệt về chất lượng và hiệu quả. Ưu tiên vật tư, nguyên liệu cho các sản phẩm và cơ



sở sản xuất trọng điểm; bảo đảm yêu cầu cấp bách về sửa chữa và trang bị công cụ, máy móc, thiết bị và phụ tùng thông thường cho các ngành, các địa phương. Tăng sản xuất các loại công cụ thường, công cụ cải tiến, bơm thuốc trừ sâu, thiết bị chế biến nông sản, các loại phương tiện phục vụ giao thông vận tải.

Mở rộng hợp tác sản xuất cơ khí, điện tử với các nước trong Hội đồng Tương trợ kinh tế, tranh thủ vốn và kỹ thuật của các nước khác để bổ sung cho ngành cơ khí và điện tử.

Giá trị sản lượng cơ khí năm 1988 tăng 11% so với năm 1987 và bình quân 3 năm 1988 - 1990 tăng 13%.

Công nghiệp nguyên liệu và vật liệu:

Đầu tư chi tiêu sâu cho liên hiệp gang thép Thái Nguyên và liên hiệp cán thép miền Nam, phát huy tốt năng lực các lò điện để tăng thép đúc các loại, nâng sản lượng các loại thép chất lượng. Bổ sung thiết bị và tổ chức sửa chữa các thiết bị hiện có để khai thác tốt công suất 2 mỏ thiếc Tĩnh Túc và Sơn Dương. Hoàn thành xây dựng liên hiệp thiếc Quỳ Hợp. Triển khai nghiên cứu và chuẩn bị khai thác bôxcít, đất hiếm để có thể tiến hành trong kế hoạch 5 năm sau.

Đưa sản lượng phân lân các loại năm 1988, lên 45 vạn tấn và năm 1990: 60 vạn tấn. Mở rộng nhà máy super phốt phát Lâm Thao lên 50 vạn tấn và chuẩn bị để năm 1990, mở rộng lên 1 triệu tấn. Hoàn thành cơ bản việc xây dựng khu mỏ apatít và nhà máy tuyển quặng vào cuối năm 1990. Tăng mức sản xuất một số loại hóa chất chủ yếu khác để đáp ứng nhu cầu của sản xuất và xây dựng.

Hoàn thành xây dựng đồng bộ các nhà máy ximăng Hoàng Thạch, Bỉm Sơn; hoàn chỉnh việc mở rộng nhà máy ximăng Hà Tiên, đồng thời, huy động các cơ sở sản xuất ximăng nhỏ ở các



ngành và địa phương. Sản lượng ximăng năm 1988: 1,8 triệu tấn và năm 1990: 2,6 triệu tấn.

Chú trọng phát triển gạch ngói cả trong khu vực quốc doanh và tiểu, thủ công nghiệp. Phát triển hơn nữa các loại vật liệu xây dựng khác như đá chẻ, vật liệu không nung, v.v. ở tất cả các địa phương. Hoàn thành xây dựng và đưa vào sản xuất nhà máy kính Đáp Cầu vào giữa năm 1989.

Về giao thông vận tải, bưu điện:

Ba năm tới, để đáp ứng nhu cầu của các ngành đòi hỏi khối lượng vận tải tăng bình quân hàng năm 6 - 7%. Vấn đề quan trọng hàng đầu là đi đôi với việc tăng đầu tư của Nhà nước, phải sửa đổi cơ chế chính sách đối với ngành giao thông vận tải đúng với tính chất là một ngành sản xuất vật chất, thực hiện cơ chế hạch toán kinh doanh, từng bước xóa bỏ bao cấp, không bù lỗ, tiến tới có lãi.

Sắp xếp lại mạng lưới vận tải ô tô hợp lý trên từng khu vực và trong cả nước theo hướng tăng năng lực vận tải công cộng. Phân công, phân cấp giữa Trung ương và địa phương trong việc vận tải hàng hóa liên tỉnh, tăng vận tải hai chiều. Dựa các tiến bộ kỹ thuật vào vận tải, xếp dỡ để tăng năng suất, giảm tiêu hao nhiên liệu. Ban hành các chính sách khuyến khích phát triển mạnh vận tải thô sơ ở huyện, xã và ngoại ô thành phố. Củng cố một số tuyến quốc lộ quan trọng. Nhà nước hỗ trợ vốn cho các tỉnh miền núi để tu sửa và mở thêm đường ở những nơi cần thiết.

Đưa nhanh vào sử dụng các tuyến đường sắt phục vụ vận chuyển than cho ximăng, cho nhà máy điện. Củng cố tuyến đường sắt phía tây để vận chuyển apatít. Tiếp tục củng cố đường sắt Thống Nhất. Ngay trong năm 1988, cải tạo những đoạn đường



sắt xung yếu, sửa chữa những đoạn hư hỏng nặng, trang bị thêm thiết bị bốc dỡ.

- Bảo đảm vốn và xăng dầu để nạo vét luồng lạch ở các cảng Hải Phòng, Cửa Lò và một số cửa biển, cửa sông quan trọng. Phát triển vận tải sông, chuyển mạnh sang vận tải sông ở những nơi có điều kiện, bảo đảm đưa những loại hàng có khối lượng lớn như than, ximăng, lương thực, v.v. về các khu vực tập kết để tiết kiệm xăng dầu. Đưa hàng thẳng lên Hà Tuyên, Hòa Bình, Việt Trì, v.v. bằng đường sông. Hoàn thiện các cảng sông Việt Trì, Hà Nội, Cần Thơ, Mỹ Tho, v.v. nạo vét luồng lạch, tăng thiết bị bốc dỡ, để giảm nhanh thời gian quay vòng phương tiện.

- Sửa lại giá cước, kể cả vận tải hàng hóa và vận tải hành khách; ban hành sớm chế độ thu phí giao thông thủy, bộ, để có thêm vốn duy tu, bảo dưỡng, chặn đứng tình trạng xuống cấp của cơ sở vật chất kỹ thuật.

Về thông tin bưu điện, chú trọng nâng cao chất lượng, đưa giá trị nghiệp vụ bưu điện tăng bình quân hàng năm 5 - 7%. Hoàn thành xây dựng trạm mặt đất Intelsat, các tổng đài nội hạt, tiếp tục xây dựng viba băng rộng do Liên Xô giúp.

III- ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Trong những năm tới, phải động viên cao hơn các nguồn vốn trong nước, huy động khả năng của các thành phần kinh tế để tăng vốn đầu tư. Mặt khác, phải sử dụng và quản lý chặt các nguồn vốn đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng trước mắt, đồng thời chuẩn bị tốt cho việc xây dựng trong 5 năm sau.

Năm 1988, bố trí khối lượng xây dựng cơ bản bằng mức năm 1987; trong hai năm 1989 - 1990, mỗi năm sẽ tăng 8 - 10% và bố trí theo hướng sau đây:



- Đầu tư trực tiếp cho ba chương trình kinh tế chiếm gần 70% tổng vốn đầu tư, trong đó cho sản xuất lương thực, thực phẩm 36%. Bảo đảm tiến độ thi công các *công trình trọng điểm nhà nước*, trước hết là các công trình cho nhanh sản phẩm và huy động ngay trong kỳ kế hoạch: thủy điện Hòa Bình, Trị An, dây dẫn điện vào Đà Nẵng, thủy điện An Đìêm, Vĩnh Sơn, apatít Lào Cai mở rộng, các mỏ than, các công trình thuộc khu dầu khí Vũng Tàu, các cầu Việt Trì, Bến Thủ và một số tuyến đường sắt quan trọng...

- Tăng tỷ trọng đầu tư cho các ngành văn hóa xã hội nhằm giải quyết các yêu cầu rất bức xúc của năm 1988 và các năm sau, đồng thời huy động vốn của địa phương, vốn tự có của cơ sở, vốn của nhân dân kết hợp để bảo vệ, giữ gìn các công trình văn hóa, di tích lịch sử, các trường học và cơ sở y tế.

- Trong 3 năm, xây dựng 30 vạn m² nhà ở, riêng năm 1988 khoảng 8 vạn m²; cố gắng giải tỏa nhà “ổ chuột” ở Thành phố Hồ Chí Minh, quan tâm giải quyết nhà ở cho Hà Nội. Nhà nước đầu tư kết hợp với vốn tự có để giải quyết nhà ở trong các nông, lâm trường. Dành một số vật tư bán cho dân sửa chữa nhà cửa, xây nhà mới, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long.

Bố trí như trên, vốn đầu tư cho công trình chuyển tiếp, công trình đầu tư chiều sâu và đồng bộ hóa chiếm khoảng 90%, khởi công mới chiếm 10%; các ngành, các địa phương cần thu gọn công trình xây dựng cơ bản, tận dụng các cơ sở cũ, xác định đúng quy mô công trình mới, tập trung vốn, vật tư cho những công trình quan trọng nhất. Triệt để tiết kiệm (ít nhất 10% trong thiết kế và thi công).

Thực hiện việc đổi mới kế hoạch hóa đầu tư, năm 1988 Trung ương chỉ bố trí cụ thể khoảng 60% tổng vốn đầu tư cho các công



trình trọng điểm của Nhà nước và một số công trình quan trọng, còn lại giao cho các Bộ, tổng cục, các địa phương tự bố trí công trình cụ thể theo phương hướng, nhiệm vụ và thứ tự ưu tiên. Các ngành, các địa phương bằng mọi cách huy động thêm vốn như vốn hợp tác, vốn của người Việt Nam sống ở nước ngoài để đầu tư mở rộng sản xuất. Bằng những chính sách khuyến khích và luật pháp, bảo đảm cho mọi người trong xã hội tự nguyện và an tâm mang hết tài sản ra đầu tư mở rộng sản xuất một cách lâu dài, vừa ích nước, vừa lợi nhà.

IV- VỀ PHÂN PHỐI LƯU THÔNG

Ba năm tới, thay đổi một cách cơ bản tình trạng nóng bỏng và rối ren kéo dài trong lĩnh vực này là một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng. Thực hiện những mục tiêu và định hướng của các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2, thứ 3, thứ 4 của Trung ương, trong năm 1988 chuyển các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa bằng những bước đi tích cực, vững chắc trên cơ sở những phương án đồng bộ, nhằm tiến tới ổn định một bước quan trọng tình hình phân phối lưu thông. Điều quan trọng bậc nhất và tiêu chuẩn chủ yếu để đánh giá các biện pháp, chính sách về phân phối lưu thông là phải nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả.

1. Về giá

Chuyển nền kinh tế sang hạch toán kinh doanh, nhất thiết phải sửa đổi các loại giá và tỷ giá, không thể để tình trạng giá và tỷ giá không phù hợp như hiện nay. Từ năm 1988, áp dụng phổ biến giá thỏa thuận trong quan hệ mua, bán vật tư, sản phẩm giữa Nhà nước với các cơ sở và người sản xuất; áp dụng sớm và phổ biến cơ chế một giá kinh doanh đối với mọi loại vật tư, hàng hóa.



Cải tiến cơ chế định giá và phân cấp quản lý giá, bảo đảm Trung ương quản lý được giá những vật tư, hàng hóa và dịch vụ trọng yếu nhất của nền kinh tế quốc dân.

Để thúc đẩy các xí nghiệp đổi mới quản lý, phải từng bước thực hiện tính đúng, tính đủ giá vật tư, nguyên liệu, năng lượng và xử lý giá tiêu thụ một cách hợp lý, loại bỏ những chi phí bất hợp lý, bảo đảm cho các xí nghiệp sản xuất kinh doanh có lãi và không gây biến động đến các loại giá đã hình thành trên thị trường.

Đối với lương thực, Hội đồng Bộ trưởng hướng dẫn giá mua, bán trên cơ sở thực hiện kinh doanh lương thực, bảo đảm cho người sản xuất lương thực có lãi thỏa đáng, nhất thiết không được ép cấp, ép giá với người sản xuất, đồng thời giá bán lương thực phải bảo đảm quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng.

Tỷ giá giữa đồng tiền Việt Nam với đồng rúp, đồng đô la và các ngoại tệ khác cũng phải được xác định lại, tạo điều kiện xác định nhiều loại giá vật tư, nguyên liệu, v.v. để thật sự xóa bỏ bao cấp qua giá, xóa bỏ từng bước bù lỗ xuất nhập khẩu.

2. Về tài chính

Ngay từ năm 1988, phần đầu hạ thấp tỷ lệ bội chi ngân sách trên cơ sở tăng thu theo đúng chính sách, chống thất thu, hạn chế, tiến tới xóa bỏ phát hành cho nhu cầu chi về tiêu dùng. Thay đổi dần cơ cấu ngân sách theo hướng phục vụ xây dựng và phát triển kinh tế; thúc đẩy và tạo điều kiện để chuyển nền kinh tế sang hạch toán kinh doanh, phản ánh tình trạng sản xuất, kinh doanh một cách chân thật, chấm dứt tình trạng “lãi giả, lỗ thật”.

Ban hành ngay từ đầu 1988 chế độ phân cấp ngân sách nhà nước theo nguyên tắc thực hiện việc điều hành thống nhất hệ



thống ngân sách nhà nước trong phạm vi cả nước, trên cơ sở phân biệt và kết hợp tốt chức năng quản lý kinh doanh, bảo đảm lợi ích giữa Nhà nước, địa phương và cơ sở, thực hiện một chính sách thu chi thống nhất.

3. Tiền tệ

Phấn đấu giảm dần tỷ lệ bội chi tiền mặt, khẩn trương chuyển ngân hàng sang kinh doanh, mở thêm ngân hàng nông nghiệp (bao gồm cả lâm, ngư nghiệp), ngân hàng công nghiệp, để thực hiện tốt chức năng kinh doanh tiền tệ, tăng vòng quay đồng tiền. Cải tiến phương thức thanh toán, mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt, vừa tăng cường quản lý tiền mặt, vừa bảo đảm nhu cầu tiền tệ cho sản xuất, kinh doanh. Ngân hàng bảo đảm nhu cầu vốn vay bằng nguồn vốn huy động, về cơ bản không dùng tiền phát hành để cho vay.

4. Tiền lương

Hệ thống tiền lương của ta hiện nay còn nhiều nhược điểm, từ chế độ lương đến thang, bậc lương đều mang nặng tính bao cấp, bình quân. Nó đang dung dưỡng cho lối làm ăn tùy tiện, lười biếng, không thúc đẩy năng suất, chất lượng, hiệu quả. Phải khẩn trương nghiên cứu cải tiến một cách cơ bản chế độ và hệ thống tiền lương, theo hướng phân phối theo lao động, tạo điều kiện đi vào hạch toán kinh doanh.

Trước mắt, bảo đảm thu nhập thực tế của người hưởng lương trên cơ sở phát triển sản xuất, tăng ngân sách lao động, tăng hiệu quả kinh tế, hiệu quả công tác và tích cực giản biên chế. Loại bỏ những bất hợp lý mới phát sinh, khôi phục phụ cấp thâm niên cho một số ngành nghề; tách phụ cấp chức vụ ra khỏi lương



cơ bản; có một số khoản phụ cấp cho một số đối tượng như y sĩ, bác sĩ, giáo viên, văn nghệ sĩ, nhà khoa học, v.v. tách chính sách xã hội ra khỏi chính sách lương, thực hiện trích lập quỹ bảo hiểm xã hội.

Đối với khu vực sản xuất, kinh doanh, gắn tiền lương với năng suất lao động và hiệu quả kinh tế; làm thí điểm và tiến tới thực hiện chế độ xí nghiệp chịu trách nhiệm trả lương trên cơ sở thu nhập của xí nghiệp. Những xí nghiệp sản xuất - kinh doanh có hiệu quả và người lao động làm việc có năng suất cao phải có thu nhập cao. Nhà nước không khống chế mức thu nhập tối đa và có những biện pháp điều tiết những thu nhập cao; ngược lại, những xí nghiệp và người lao động làm ăn kém, thì thu nhập thấp, đó cũng là công bằng xã hội.

Đối với khu vực hành chính, tiền lương phải bảo đảm tái sản xuất sức lao động; dựa trên cơ sở kiên quyết tinh giản biên chế, tăng thu cho ngân sách và triệt để tiết kiệm chi tiêu hành chính mà từng bước nâng mức lương thực tế.

5. Lưu thông vật tư, hàng hóa

Việc cung ứng vật tư phải ưu tiên cho 3 chương trình kinh tế, cho các sản phẩm chủ yếu, cơ sở sản xuất trọng điểm và công trình xây dựng trọng điểm. Tất cả các khâu thuộc mọi lĩnh vực đều phải tiết kiệm 5 - 10% vật tư, năng lượng, v.v. và được thể hiện ngay trong chỉ tiêu kế hoạch nhà nước. Tổ chức chặt chẽ việc quyết toán vật tư, buộc các cơ quan sử dụng phải sắp xếp lại sản xuất để sử dụng có hiệu quả theo mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch. Từ nay, giao chỉ tiêu pháp lệnh về các loại vật tư do Nhà nước quản lý cho cơ quan kinh doanh vật tư, đồng thời thông báo hạn mức cho cơ quan sử dụng để hai bên chủ động ký kết hợp đồng



kinh tế, gắn hợp đồng bán vật tư với hợp đồng bán sản phẩm. Chấn chỉnh tổ chức kinh doanh vật tư, bớt trung gian, bớt đầu mối, đưa thẳng vật tư đến đơn vị và người sử dụng.

Chuyển hoạt động nội thương sang kinh doanh, chấm dứt các hoạt động theo lối phân phối hàng hóa của cơ chế bao cấp. Xóa bỏ tình trạng hàng hóa lưu thông qua nhiều khâu trung gian, nhiều đầu mối, chia cắt theo cấp quản lý hành chính. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, bằng những biện pháp và phương thức thích hợp đối với từng loại hàng, từng địa bàn và thành phần kinh tế, vươn lên kinh doanh đại bộ phận hàng hóa thuộc nhiều nguồn khác nhau trong xã hội (chứ không chỉ đóng khung trong số hàng hóa của nhà nước trung ương), phấn đấu mua tận gốc, bán tận ngọn, chủ động điều tiết cung cầu.

Chấn chỉnh và củng cố hợp tác xã mua bán thực sự là một tổ chức kinh tế, xã hội của tập thể nhân dân lao động, đại lý mua bán cho quốc doanh; loại bỏ tư sản thương nghiệp, sắp xếp và sử dụng hợp lý tiểu thương; trùng trị nghiêm khắc bọn đầu cơ, buôn lậu, sản xuất và tiêu thụ hàng giả. Các cơ quan, đơn vị không có chức năng buôn bán phải chấm dứt ngay kinh doanh thương nghiệp; các địa phương kiểm tra ngay việc này từ tháng 01 năm 1988.

Năm 1988, chủ yếu bằng phương pháp kinh doanh kết hợp với biện pháp hành chính, Nhà nước nắm đại bộ phận bán buôn, thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán chiếm 70 - 75% và năm 1990, chiếm 80 - 85% doanh số bán lẻ trên thị trường xã hội.

V- KHOA HỌC - KỸ THUẬT

Từ năm 1988, sẽ sửa đổi cơ chế quản lý khoa học - kỹ thuật theo hướng:

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh đi vào hạch toán kinh doanh tất yếu cần khoa học - kỹ thuật; đây là tiền đề cực kỳ quan trọng



để tiếp nhận các tiến bộ khoa học - kỹ thuật. Các hoạt động khoa học kỹ thuật phải gắn với sản xuất, giải quyết những vấn đề do sản xuất đặt ra.

- Chuyển các cơ sở khoa học từng bước bước sang kinh doanh, xóa bao cấp; kinh phí nghiên cứu khoa học và thu nhập của cán bộ khoa học phải dựa phần lớn vào kết quả ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật.

- Sắp xếp lại các viện nghiên cứu theo hướng gắn với đơn vị sản xuất kinh doanh.

Trong 3 năm 1988 - 1990, hướng lực lượng khoa học - kỹ thuật vào giải quyết những vấn đề chủ yếu sau đây:

1. Góp phần giải quyết vững chắc mục tiêu sản xuất lương thực, thực phẩm bằng các biện pháp khoa học - kỹ thuật tổng hợp, để tạo ra và sử dụng các giống cây trồng và vật nuôi có năng suất cao, sử dụng có hiệu quả đất nông nghiệp; giảm mức tổn thất lương thực; cải tiến cơ cấu bữa ăn. Hoàn thiện và ứng dụng các công nghệ chế biến thức ăn gia súc, chất kích thích sinh trưởng cây trồng, vật nuôi, các loại thuốc trừ sâu, v.v. trước hết ở các vùng trọng điểm lúa và các vùng đai thực phẩm.

2. Phục hồi máy móc, thiết bị, cải tiến và đổi mới kỹ thuật công nghệ, nâng cao hệ số sử dụng năng lực sản xuất công nghiệp, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Triển khai rộng rãi trong sản xuất những kỹ thuật tiến bộ, nhằm tiết kiệm nguyên, vật liệu và năng lượng, nâng cao hệ số sử dụng kim loại và hiệu quả sử dụng phân bón; giảm tổn thất điện năng trên lưới, giảm mức tổn thất nguyên liệu trong khai thác và chất đốt trong sinh hoạt. Ngăn chặn tình trạng suy giảm chất lượng sản phẩm; phấn đấu đạt 15% số lượng sản phẩm công nghiệp được cấp dấu chất lượng nhà nước. Cải thiện các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật sản



phẩm, tạo thêm mặt hàng mới, sử dụng rộng rãi các vật liệu thay thế nhập khẩu, chú trọng mặt hàng tiêu dùng thiết yếu có giá trị xuất khẩu cao.

3. Góp phần đẩy mạnh tốc độ thi công và nâng cao chất lượng công trình xây dựng cơ bản, nhất là các công trình trọng điểm; nâng cao hệ số sử dụng hữu ích các phương tiện vận tải để giải tỏa ách tắc, bảo đảm giao thông.

4. Đẩy mạnh nghiên cứu chiến lược phát triển khoa học - kỹ thuật và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng căn cứ khoa học cho những quyết định, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, xã hội và đổi mới quản lý kinh tế.

5. Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về khoa học - kỹ thuật với các nước thành viên Hội đồng Tương trợ kinh tế, đặc biệt với Liên Xô, tận dụng khả năng hợp tác với tổ chức quốc tế. Tích cực tham gia 5 hướng ưu tiên thuộc chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học - kỹ thuật hiện đại, xây dựng một số ngành và lĩnh vực có nhiều triển vọng như điện tử và tin học, công nghệ sinh học, vật liệu mới, công nghệ mới, năng lượng mới.

6. Sắp xếp và sử dụng có hiệu quả tiềm năng khoa học - kỹ thuật và khoa học xã hội, tập trung lực lượng vào những nhiệm vụ quan trọng nhất; kiện toàn các cơ quan quản lý nghiên cứu và triển khai các kỹ thuật tiến bộ. Đổi mới cơ chế quản lý khoa học và kỹ thuật, nhằm ứng dụng nhanh chóng các thành tựu khoa học - kỹ thuật.

VI- LAO ĐỘNG, DÂN SỐ

Những năm tới, phải phấn đấu đưa mức phát triển dân số xuống 1,7% như Nghị quyết Đại hội VI bằng các biện pháp: tăng cường giáo dục, tiếp tục đầu tư cho các cơ sở dịch vụ y tế xã, các



trung tâm hướng dẫn sinh đẻ ở huyện, bố trí đủ cán bộ y tế làm công tác kế hoạch hóa gia đình; có chính sách khen thưởng, xử phạt với những mức độ cần thiết.

Chúng ta đang đứng trước một tình hình cấp bách là số người thiếu việc làm rất lớn, đang là vấn đề gay gắt, làm cho tình hình xã hội không ổn định. Sắp tới, việc sắp xếp lại bộ máy nhà nước, số người dôi ra không ít. Do vậy, tạo việc làm cho xã hội, nhất là cho lớp thanh niên, là yêu cầu số một của kế hoạch kinh tế, xã hội. Nền kinh tế nước ta gặp nhiều khó khăn về vốn đầu tư và vật tư, nên bảo đảm đủ việc làm cho người lao động thật sự phải là một quá trình, song, cũng trong tình hình hiện nay của nước ta, khả năng tạo việc làm cũng còn lớn, nhất là trong khu vực tập thể, cá thể, tư nhân.

Đối với bộ máy hành chính và bộ phận gián tiếp, biên chế hiện nay đã quá lớn, vượt sức chịu đựng của nền kinh tế. Năm 1988, trên cơ sở cơ chế quản lý mới, tiến hành giảm ít nhất 20 - 30% số người, bảo đảm cho bộ máy gọn nhẹ, có hiệu lực và hiệu quả. Để thúc đẩy công việc này, cần sửa đổi chính sách lao động như: từng bước bỏ chế độ biên chế, áp dụng chế độ hợp đồng lao động, nhằm xóa bỏ sự phân biệt giữa người lao động trong biên chế và ngoài biên chế, chấm dứt tình trạng mọi người đua nhau vào biên chế nhà nước.

Về phân bổ lại lao động và dân cư, hướng đi trong nội tỉnh là chủ yếu. Phải củng cố và ổn định các điểm dân cư đã hình thành; việc mở thêm điểm dân cư mới phải gắn liền với việc thực hiện các chương trình hợp tác với Liên Xô và các nước khác, nhằm sử dụng các nguồn vốn (vật tư, lương thực) của các chương trình đó. Không mở thêm điểm dân cư vào các vùng quá khó khăn, đòi hỏi



vốn đầu tư lớn, không chuẩn bị chu đáo các điều kiện ăn, ở và sản xuất.

Theo hướng đó, ba năm tới tiến hành phân bổ khoảng 70 vạn người, trong đó đi trong nội tỉnh chiếm 80%. Nơi nhận dân ngoài tỉnh chủ yếu là các nông, lâm trường 3 tỉnh Tây Nguyên; nơi đưa dân đi ngoài tỉnh chủ yếu là 3 tỉnh đồng bằng Bắc Bộ. Riêng năm 1988, đưa 24 vạn người đến các vùng kinh tế mới, trong đó đi trong nội tỉnh 20 vạn người.

Đối với thành phố, sẽ thu hút phần lớn vào sản xuất tiểu, thủ công nghiệp, gia công hàng xuất khẩu, mở mang dịch vụ, đưa đi hợp tác lao động với nước ngoài. Điều quan trọng là thi hành đầy đủ chính sách khuyến khích phát triển kinh tế tập thể, gia đình, tư nhân, cá thể, tự tạo nguồn vốn, ngành nghề để tạo thêm việc làm tại chỗ, Nhà nước hỗ trợ trong trường hợp cần thiết.

Ở nông thôn, nơi chiếm 80% lao động xã hội, cần sửa đổi các chính sách khuyến khích nông dân đầu tư thêm lao động vào các khâu thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích, phát triển chăn nuôi, nghề rừng, nghề cá, chế biến nông, lâm, thủy sản, các nghề thủ công và nghề phụ khác.

Chúng ta đã tiến hành định canh, định cư trong nhiều năm nay, nhưng kết quả rất hạn chế, rừng vẫn tiếp tục bị phá, đồi sống đồng bào dân tộc vẫn khó khăn. Vì vậy, gắn với việc bảo vệ rừng, trồng rừng mới, trong 3 năm tới cần đầu tư thỏa đáng và thực hiện các chính sách có hiệu quả phải định cư cho được phần lớn số đồng bào còn du canh, du cư, giúp họ có đồi sống ổn định, với cách làm cho thích hợp như trồng rừng, chăn nuôi, v.v. làm gọn từng vùng theo hướng tạo ra sản lượng hàng hóa để giải quyết lương thực.



VII- VĂN HÓA, GIÁO DỤC, Y TẾ, XÃ HỘI

Văn hóa, giáo dục, y tế, v.v. liên quan mật thiết đến các nhu cầu thiết thực trong đời sống nhân dân và cũng là những vấn đề cấp thiết, song không được chăm lo đầy đủ, đang làm cho tình hình xã hội thiếu ổn định. Rồi đây, các cơ quan nhà nước sẽ bàn kỹ từng chuyên đề, những biện pháp cơ bản để giải quyết, không thể làm một cách chắp vá từng vụ, việc như lâu nay.

Về *giáo dục, đào tạo*, vấn đề đặt ra cấp bách là phải bám sát yêu cầu và khả năng phát triển kinh tế - xã hội - quốc phòng mà xác định nội dung và hình thức đào tạo phù hợp với tất cả các ngành học và cấp học. Hoàn thành phổ cập cấp 1 cho các cháu trong độ tuổi, đầu tư thích đáng để từng bước thanh toán tình trạng mù chữ trở lại, nhất là đối với những người trong độ tuổi lao động, cung cố ngành bổ túc văn hóa. Mở thêm lớp chuyên để nâng chất lượng, bồi dưỡng tài năng. Tạo điều kiện để nhanh chóng chuyển trường phổ thông thành trường dạy kiến thức cơ bản, kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp, từng bước nâng chất lượng dạy và học.

Đối với ngành đại học, trung học và đào tạo công nhân, cần tổng kết quá trình đào tạo những năm qua, từ việc tuyển sinh đến nội dung đào tạo và phân phôi, sử dụng học sinh tốt nghiệp, trên cơ sở đó, xác định quy mô và hình thức đào tạo cho phù hợp với khả năng của nền kinh tế những năm trước mắt, khuyến khích hệ thống đào tạo không chính quy. Sửa đổi quy chế tuyển sinh và phân phôi học sinh tốt nghiệp, xóa bỏ những quy định lỗi thời, có chính sách thỏa đáng đối với các vùng, khuyến khích học sinh giỏi. Chuyển mạnh công tác đào tạo sang chế độ hợp đồng, tạo điều kiện cho các trường có quyền chủ động trong lập



kế hoạch đào tạo, ký hợp đồng và liên kết đào tạo - nghiên cứu khoa học - sản xuất.

Củng cố và từng bước mở rộng *các hoạt động thông tin* (báo chí, phát thanh, truyền hình, sách, thông tin cổ động, triển lãm), lấy chất lượng hiệu quả làm chính. Tăng số sách, báo. Sắp xếp lại trật tự xuất bản, in, phát thanh, điều chỉnh hợp lý cơ cấu xuất bản sách, báo; đầu tư có trọng điểm cho các cơ sở in đầu dàn. Nâng chất lượng phủ sóng phát thanh và truyền hình Trung ương trong cả nước.

Mở rộng mạng lưới truyền thanh, thu hình, chú ý các tỉnh biên giới miền núi, hải đảo, nông thôn hẻo lánh. Nhập đồng bộ linh kiện, nâng chất lượng lắp ráp và sản xuất các phương tiện nghe nhìn trong nước. Đổi mới cơ chế quản lý, chuyển hoạt động toàn ngành sang hạch toán có thu, tận dụng nguồn vốn của nhân dân, mở rộng hợp tác quốc tế, phát huy mạnh mẽ tác dụng hoạt động thông tin ra quốc tế, đặc biệt với kiều bào và lao động ta ở nước ngoài, phấn đấu tạo ra nguồn ngoại tệ để trang bị kỹ thuật mới và phát triển ngành...

Các hoạt động *văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao* phải được cải tiến cả về nội dung và phương thức hoạt động, chú trọng đi vào cơ sở; đấu tranh chống tiêu cực, bài trừ các hủ tục, mê tín dị đoan, chống ảnh hưởng của lối sống đồi trụy và những luận điệu chiến tranh tâm lý của địch. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc sáng tác và biểu diễn của các nghệ sĩ, để nâng cao giá trị tác phẩm và chất lượng các buổi biểu diễn, tiến tới, bằng tài năng của mình, các nghệ sĩ có một cuộc sống tốt hơn và phục vụ nhân dân được nhiều hơn. Tăng số lượng đội chiếu bóng cho các tỉnh miền núi và đồng bằng sông Cửu Long. Cải tiến quản lý ngành điện ảnh, quản lý chặt chẽ việc chiếu băng ghi hình. Mở rộng



quyền tự chủ về tài chính cho ngành văn hóa, kể cả nguồn thu do hợp tác với nước ngoài, nhằm đáp ứng yêu cầu văn hóa trước mắt và từng bước phát triển hoạt động nghệ thuật. Đầu tư để duy trì, nâng cấp các cơ sở văn hóa.

Củng cố chất lượng hoạt động của *mạng lưới phòng bệnh và chữa bệnh*; khôi phục và nâng chất lượng hoạt động các trạm y tế xã, tăng cường cán bộ y tế cho cơ sở, trang bị thêm các bệnh viện huyện, phát triển các phòng khám đa khoa khu vực. Dành một phần vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoặc kinh phí sự nghiệp để sửa chữa, không để các cơ sở y tế hiện có tiếp tục xuống cấp. Mở rộng diện tích trồng cây thuốc và các cơ sở thuốc chế biến thông thường. Kiểm tra chặt chẽ chất lượng, phân phối hợp lý và nghiêm cấm sản xuất, buôn bán thuốc giả. Dành ngoại tệ nhập những loại thuốc mà trong nước chưa sản xuất được. Coi trọng bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống dịch, ngăn chặn và dập tắt kịp thời không để xảy ra dịch lớn. Các tổ chức y tế, các bệnh viện được hoạt động dịch vụ y tế ngoài giờ, để đáp ứng nhu cầu của nhân dân và tăng thu nhập cho cán bộ. Cán bộ y tế phải nâng cao tinh thần trách nhiệm, lương tâm nghề nghiệp đối với người bệnh, khắc phục thái độ hạch sách, đòi bệnh nhân biếu xén, v.v..

Thực hiện đầy đủ các chính sách xã hội, chăm sóc tốt hơn đời sống những cán bộ hoạt động lâu năm, những thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng và những người vê hưu, các gia đình công nhân viên chức có đồng người ăn theo, v.v..

VIII- PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI MIỀN NÚI

Miền núi nước ta có tiềm năng kinh tế lớn, song trước mắt còn nhiều khó khăn, nhất là thiếu lương thực, cơ sở hạ tầng yếu, văn hóa kém phát triển... Ba năm tới, cần dành vốn, vật tư và lực



lượng khoa học - kỹ thuật thỏa đáng cho miền núi để giải quyết những nhiệm vụ trước mắt và tạo cơ sở đẩy mạnh phát triển kinh tế, xã hội các năm sau.

Đi đôi với sản xuất lương thực tại chỗ, cần dựa vào các thế mạnh của miền núi, tạo ra sản phẩm hàng hóa để đổi lấy lương thực. Chú trọng sản xuất các cây công nghiệp ngắn ngày, cả tăng vụ trên ruộng và trồng trên đồi, trồng xen, thâm canh diện tích cây công nghiệp dài ngày hiện có và trồng thêm diện tích mới. Tận thu, khai thác, chế biến được liệu tại địa phương thành sản phẩm hàng hóa. Đẩy mạnh chăn nuôi gia súc, cung cấp sức kéo cho đồng bằng và thực phẩm cho thành phố.

Giữ và phục hồi vốn rừng là phương hướng chính để khôi phục dần tán che phủ, khẩn trương khoanh các khu rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, rừng lịch sử, rừng quốc gia, rừng còn nhiều tài nguyên để giữ cho được. Xây dựng quy chế và chính sách bảo vệ các khu rừng này cũng như những khu rừng khoanh nuôi để tái sinh.

Trung ương dành vốn đầu tư để nâng cấp các đường quốc lộ quá xấu, mở mang tuyến đường quan trọng, qua các vùng kinh tế mới, nhất là các cầu lớn hư hỏng chưa được khôi phục. Tăng phương tiện vận tải ôtô cho các tỉnh miền núi, sản xuất nhiều xe thô sơ, phát triển ngựa thồ, tận dụng vận tải thủy và đường sắt.

Mở rộng và xây dựng các cơ sở chế biến nông, lâm sản, thực phẩm, tận dụng nguyên liệu tại chỗ, tạo ra hàng hóa có giá trị, tăng hàng tiêu dùng tại địa phương.

Xây dựng các công trình thủy lợi nhỏ để thâm canh, tăng vụ, khẩn trương giải quyết nước ăn cho vùng cao. Xây dựng các trạm thủy điện nhỏ với sự giúp đỡ của Nhà nước về vật tư, thiết bị. Đi đôi với việc xây dựng các công trình phục vụ sản xuất, cần



xây dựng công trình phúc lợi công cộng như bệnh viện, bệnh xá, trường học, cửa hàng, các chợ biên giới và vùng cao.

Ngoài số đã định canh, định cư, hiện có trên 1 triệu người chưa có việc làm ổn định. Chuyển họ sang làm rừng (bao vệ rừng, trồng rừng, khai thác rừng), tổ chức giúp đỡ sản xuất cây công nghiệp trong vườn đồi gia đình; giao đất, giao rừng dài hạn cho đồng bào để làm nghề rừng, trồng cây đặc sản. Nơi còn nhiều đất đã quy hoạch như Tây Nguyên, sẽ tiếp tục nhận lao động nơi khác đến. Vùng núi phía Bắc, chủ yếu tiếp nhận lao động có tay nghề, có kỹ thuật vào việc chế biến nông, lâm sản, sử dụng nguyên liệu tại chỗ, tạo ra hàng hóa.

Các ngành giáo dục, văn hóa, truyền thanh, v.v. phải coi việc phục vụ miền núi là một nhiệm vụ quan trọng.

IX- KINH TẾ - QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Từ năm 1988, bảo đảm tốt hơn nhu cầu của quốc phòng và an ninh, thực hiện đúng các định mức cung ứng hiện vật nhà nước quy định về đời sống cũng như về các loại vật tư - kỹ thuật cho các lực lượng vũ trang. Các ngành, các địa phương phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ Nhà nước giao về sản xuất và cung ứng vật tư, hàng hóa cho quốc phòng. Các cơ quan cung ứng trong Quân đội bảo đảm đưa vật tư, hàng hóa xuống từng đơn vị, từng chiến sĩ đúng tiêu chuẩn quy định, có phương thức cung ứng thích hợp.

Có kế hoạch động viên lực lượng thường trực vừa săn sàng chiến đấu, vừa tăng gia sản xuất tại chỗ để cải thiện đời sống, nhất là ở những địa bàn có điều kiện, trước hết là các loại thực phẩm: rau, thịt, cá... Nhà nước hỗ trợ về giống, vốn. Các xí nghiệp công nghiệp quốc phòng, ngoài việc sản xuất cho bản thân quốc phòng, cần tận dụng công suất tham gia sản xuất hàng tiêu dùng



phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu, được Nhà nước cân đối vật tư cần thiết.

Lực lượng vũ trang làm kinh tế cần được sắp xếp lại phù hợp với khả năng đầu tư và cung ứng vật tư của Nhà nước, thực hiện hạch toán, kinh doanh, tự trang trải, có tích lũy cho Nhà nước.

*

* * *

Nhìn chung lại, trong 3 năm cuối của kế hoạch 5 năm 1986 - 1990, tuy còn có mặt chưa thật vững chắc, nhưng nhiều chỉ tiêu chủ yếu đã được bố trí trên cơ sở phân tích, khai thác các yếu tố đã nấm được. Đạt được các mục tiêu nêu trên, nền kinh tế và đời sống xã hội sẽ có những chuyển biến như sau:

- Tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân sản xuất tăng bình quân hàng năm trên 7%.

- Sản xuất nông nghiệp, công nghiệp tiến thêm một bước; lương thực tăng bình quân mỗi năm trên 1 triệu tấn; có đủ nguyên liệu cho các cơ sở chế biến nông sản và tăng thêm 20 vạn ha trồng mới cây công nghiệp; sản xuất công nghiệp tăng bình quân hàng năm 11%, trong đó nhóm B tăng 13 - 15%; điện năng, vật liệu xây dựng có bước phát triển khác; hàng tiêu dùng thông thường được bảo đảm.

- Kim ngạch xuất khẩu trong 5 năm 1986 - 1990, tăng khoảng 70% so với 5 năm 1981 - 1985.

- Hoàn thành xây dựng các công trình quan trọng, đưa năng lực sản xuất ngành điện tăng thêm 910 MW, công suất than tăng 1,5 triệu tấn, dầu khí khai thác được một khối lượng đáng kể so với nước ta.

- Tính chung, hệ số huy động công suất công nghiệp nhẹ từ 50% hiện nay lên 80 - 85% năm 1990; công nghiệp nặng từ 40 - 50% lên 60 - 65%.



- Những tiến bộ đạt được trong sản xuất, phân phối, lưu thông, trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội, trong bảo đảm trật tự, kỷ cương, v.v. là những điều kiện thực tế để ổn định một bước quan trọng tình hình kinh tế, xã hội.

Xin đề nghị Quốc hội thông qua các phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu của năm 1990 như đã trình bày trên đây, coi đó là mức phải đạt của kế hoạch 5 năm 1986 - 1990, đồng thời, thông qua các nhiệm vụ và mục tiêu của năm 1988 - năm nhất thiết phải có sự chuyển biến rõ rệt, toàn diện, tạo điều kiện cho bước tiến trong các năm sau, bảo đảm thực hiện các mục tiêu của năm 1990.

Phân thứ ba

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY, CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Về tổ chức bộ máy và cán bộ

Hiện nay, bộ máy nhà nước ta từ trên xuống dưới gồm 4 hệ thống chính: hành chính, sự nghiệp, sản xuất và kinh doanh, dịch vụ. Lâu nay, bộ máy đó được tổ chức ra theo cơ chế quan liêu bao cấp, rất cồng kềnh và kém hiệu lực. Vì vậy, việc sáp xếp lại bộ máy nhà nước đang trở thành một vấn đề cấp bách của Đảng và Nhà nước ta; không làm được việc này thì các chủ trương, chính sách về hạch toán kinh doanh khó trở thành hiện thực trong cuộc sống. Việc chấn chỉnh bộ máy nhà nước sẽ tiến hành theo các hướng sau đây:

- Xác định rõ chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và xã hội của các bộ, các ủy ban nhân dân địa phương; giao lại đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm cho các tổ chức và các cơ sở kinh tế



trong việc trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, sử dụng tài sản Nhà nước giao cho quản lý, tự chịu trách nhiệm về lỗ lãi, tự bù đắp chi phí sản xuất, tự phát triển, chịu trách nhiệm với người tiêu dùng và làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.

- Dựa trên cơ sở xác định rõ chức năng của từng tổ chức trong cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý mà chấn chỉnh tổ chức, tinh giản bộ máy Đảng, các ngành nhà nước và các đoàn thể từ Trung ương đến tỉnh, thành, quận, huyện, cơ sở. Ở Trung ương giảm số bộ, tổng cục đi đôi với kiện toàn các cơ quan kinh tế tổng hợp như kế hoạch, tài chính, kinh tế đối ngoại... Ở cấp tỉnh, thành phố giảm bớt số sở và đơn vị trực thuộc ủy ban nhân dân. Đặc biệt ở cấp huyện, phải sắp xếp lại để tinh giản mạnh cả bộ máy quản lý hành chính và các tổ chức kinh doanh.

- Trong hệ thống quản lý sản xuất, kinh doanh, phải tổ chức lại bộ máy quản lý cho gọn nhẹ, tinh giản triệt để bộ phận hành chính, chuyển số người dư thừa trong bộ máy quản lý sang trực tiếp sản xuất, cấp bách trước mắt là củng cố gấp các tổng công ty, liên hiệp xí nghiệp đang làm nhiệm vụ hợp tác kinh tế với nước ngoài.

Sắp xếp gọn và hợp lý các viện, trung tâm nghiên cứu khoa học, các trường đại học, trung cấp và dạy nghề.

- Trên cơ sở xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, phải giảm mạnh biên chế nhà nước, bố trí lại cán bộ cho đúng với tính chất và yêu cầu công việc, phù hợp với năng lực và phẩm chất cán bộ. Trong năm 1988, trước hết phải soát xét và bố trí lại những cán bộ chủ chốt của những cơ quan và tổ chức kinh tế quan trọng, kịp thời thay thế những cán bộ không đủ sức đảm đương công việc; xúc tiến công tác quy hoạch cán bộ,



bồi dưỡng, đào tạo và chuẩn bị gấp lớp cán bộ kế cận vững vàng về chính trị, có trình độ, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn phù hợp với yêu cầu đổi mới.

2. Về kế hoạch hóa

Các mục tiêu và chỉ tiêu kế hoạch đề ra trên đây đã được cân đối một bước, chủ yếu dựa trên các khả năng vật chất sẵn có. Còn những khả năng khác chưa được tính toán, định lượng cụ thể trong bố trí chỉ tiêu. Đó là những khả năng vật chất do đổi mới cơ chế chính sách đưa lại, như chính sách khuyến khích mọi người lao động, các thành phần kinh tế tự góp vốn mở rộng sản xuất, tạo thêm việc làm, chính sách bảo đảm quyền tự chủ cho các đơn vị, cơ sở, chính sách khuyến khích ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, thực hành tiết kiệm, những khả năng vật chất do mở rộng hơn nữa quan hệ kinh tế đối ngoại. Đó là những khả năng vật chất do đổi mới tổ chức, cán bộ, cải tiến quản lý và điều hành, thiết lập trật tự, kỷ cương... Như vậy, việc xây dựng kế hoạch đã quan trọng, nhưng việc điều hành thực hiện kế hoạch càng quan trọng hơn. Vì vậy, quá trình điều hành là quá trình khai thác các nhân tố nói trên, quá trình bổ sung và hoàn chỉnh kế hoạch.

Đổi mới kế hoạch hóa là một quá trình gắn liền với quá trình đổi mới cơ chế quản lý và các chính sách đòn bẩy kinh tế, gắn liền với việc đổi mới tổ chức bộ máy quản lý. Trong năm 1988 sẽ đổi mới một bước với những nội dung chính sau đây:

- Việc Nhà nước giao các chỉ tiêu kế hoạch được coi như là những thông số, những đơn đặt hàng của Nhà nước. Các cơ sở sản xuất, dựa trên cơ chế quản lý và các năng suất kinh tế của Nhà nước, nhất là chính sách giá, thuế, lương, để xây dựng kế hoạch của mình một cách toàn diện bao gồm các bộ phận sản xuất - kỹ



thuật - tài chính trên cơ sở khai thác hết mọi tiềm năng ký hợp đồng với các cơ quan tiêu thụ và cung ứng vật tư, nhằm bảo đảm có hiệu quả các chỉ tiêu kế hoạch, mở rộng hơn nữa quy mô và chất lượng sản phẩm, tăng thu nhập cho người lao động, tăng tích lũy cho nền kinh tế. Có làm như vậy, kế hoạch mới thật sự là kế hoạch của cơ sở. Các bộ, các ngành, các ủy ban nhân dân địa phương, dựa theo phương hướng chỉ tiêu và các điều kiện vật chất đã được thông báo, chỉ đạo các đơn vị cơ sở xây dựng kế hoạch theo phương thức mới đó. Ở những nơi có điều kiện, nhất là trong lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng, tổ chức việc đấu thầu sản xuất đối với một số sản phẩm, để rút kinh nghiệm triển khai rộng trong các năm tới.

- Giảm chỉ tiêu pháp lệnh, thực hiện rộng rãi phương thức kế hoạch hóa gián tiếp, vận dụng đầy đủ hơn quan hệ hàng hóa - tiền tệ, các chính sách đòn bẩy đối với sản xuất và mua lương thực, nông sản, đối với kinh doanh ngoại thương và nội thương, đối với sản xuất nhiều mặt hàng tiêu dùng. Bằng cách đó, trong thực tiễn, nhất là ở nông thôn, hình thành một hệ thống hợp đồng mua bán theo nguyên tắc thỏa thuận giữa người sản xuất với tổ chức thu mua, giữa người sản xuất với tổ chức kinh doanh vật tư, giữa cơ sở chế biến với vùng nguyên liệu. Chính quyền các cấp chỉ đạo, hướng dẫn cho các bên ký kết hợp đồng một cách chính xác, kịp thời và có hiệu quả. Phù hợp với chủ trương trên, cần gấp rút tăng cường công tác hợp đồng kinh tế và củng cố cơ quan trọng tài kinh tế các ngành, các cấp.

Nhà nước Trung ương chỉ trực tiếp quản lý 34 công trình xây dựng trọng điểm; hàng trăm công trình vừa và nhỏ phân cấp cho các bộ, các địa phương chủ động bố trí và quản lý xây dựng. Việc quản lý vật tư, thiết bị của Nhà nước cũng vậy, từ hàng trăm loại



xuống còn năm chục loại. Nhiều thiết bị, vật tư chuyển sang mua bán theo giá kinh doanh.

- Lâu nay, trong xây dựng kế hoạch, thường chỉ quan tâm đến kế hoạch hiện vật, tính toán các cân đối vật chất; kế hoạch giá trị và đi liền với nó là hiệu quả kinh tế ít được thực hiện do cơ chế quản lý và kế hoạch hóa bao cấp, do quan hệ hàng hóa tiền tệ, tỷ giá và mức giá không phản ánh chính xác thực trạng sản xuất, kinh doanh... Phù hợp với cơ chế mới, sang năm tới, trên cơ sở những thông số giá mới, những “đầu vào”, “đầu ra” mới, các cơ quan kế hoạch cùng các ngành, các cấp phải tính toán các cân đối giá trị, nhất là cân đối thu nhập quốc dân, xác định hiệu quả sản xuất, kinh doanh của từng sản phẩm, từng cơ sở, từng ngành, kể cả nội thương và ngoại thương. Từ đó, nếu cần thiết, sẽ điều chỉnh lại các chỉ tiêu kế hoạch.

3. Đẩy mạnh sản xuất, thực hành triệt để tiết kiệm. Khắc phục các hiện tượng tiêu cực, thực hiện công bằng xã hội, trước hết trong phân phối thu nhập, kiên quyết chống tham ô, móc ngoặc, tệ tham nhũng, lợi dụng chức quyền để kiểm thu nhập không chính đáng; nghiêm trị tình trạng vô trách nhiệm gây lãng phí và thiệt hại cho Nhà nước và nhân dân. Thiết lập trật tự, kỷ cương xã hội; phổ biến sâu rộng luật pháp và xây dựng lối sống theo pháp luật. Các vụ, việc đã phát hiện phải được xử lý nghiêm minh và kịp thời, thực hiện đúng nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trước pháp luật.

4. Gắn việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội với cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng và hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội, động viên cán bộ, đảng viên, công



nhân, nông dân và trí thức thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, xây dựng, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch ở mọi ngành, mọi cơ sở, tạo thành phong trào quần chúng hành động cách mạng sôi nổi và thiết thực, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1988, tạo đà thuận lợi cho các năm sau.

Thưa các đồng chí đại biểu Quốc hội,

Kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 1986 - 1990 và năm 1988 đã được xây dựng mà Hội đồng Bộ trưởng trình Quốc hội hôm nay đã cố gắng quán triệt tinh thần đổi mới mà Đại hội VI và các nghị quyết của Trung ương Đảng đã đề ra. Tuy vậy, cuộc sống còn đang diễn biến, nhiều vấn đề kinh tế - xã hội còn cần được nghiên cứu sâu sắc hơn để theo kịp với xu hướng đổi mới của thời đại và yêu cầu bức xúc của đời sống nhân dân nước ta, một nhân dân có truyền thống lao động cần cù, dũng cảm, không kém thông minh và sáng tạo, mà vẫn còn ở một mức sống quá thấp. Chúng tôi ý thức rất rõ trách nhiệm cực kỳ to lớn của các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước trước thực trạng hiện nay.

Nhất thiết chúng ta phải khắc phục cho được các khó khăn, trở ngại trước mắt, ổn định toàn diện tình hình kinh tế - xã hội và tiếp tục tiến lên, phát huy đầy đủ các ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhân dân ta đang đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải đổi mới thật sự, đề ra và thực hiện các cơ chế chính sách phù hợp, bảo đảm cho được yêu cầu đó. Và về phần mình, Hội đồng Bộ trưởng cũng như các ủy ban nhân dân các địa phương sẽ phải làm hết trách nhiệm của mình để xứng đáng với sự tin cậy của nhân dân mà người đại diện ở đây là các đồng chí đại biểu Quốc hội.



Với lòng tin tưởng và quyết tâm đó, xin trình bày với Quốc hội bản kế hoạch này để Quốc hội thảo luận và thông qua, và xin đề nghị các đại biểu Quốc hội, trên cương vị của mình, cùng với các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch.

Xin cảm ơn các đồng chí.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:
Văn kiện Quốc hội toàn tập, Sđd, t.7, q.1, tr.297-351.

PHÁT BIỂU
**TẠI HỘI NGHỊ XÉT DUYỆT SƠ ĐỒ PHÁT TRIỂN
VÀ PHÂN BỐ LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT
TỈNH PHÚ KHÁNH GIAI ĐOẠN 1986 - 2000**

(Lược ghi)

Ngày 06, 07 tháng 02 năm 1988

Thưa các đồng chí,

Sau khi nghe đồng chí Võ Hòa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Khánh¹ trình bày tóm tắt bản sơ đồ Phú Khánh và các đồng chí đại diện cho các bộ, ngành trung ương phát biểu ý kiến, tôi xin góp thêm một số vấn đề sau:

Phân thứ nhất

**SƠ ĐỒ CÂN ĐEM NHỮNG QUAN ĐIỂM MỚI,
CƠ CHẾ MỚI VÀO ĐỂ NHÌN NHẬN ĐÁNH GIÁ ĐÚNG
TIỀM NĂNG CỦA PHÚ KHÁNH**

Trong khi xây dựng sơ đồ, các đồng chí đã nghiên cứu đánh giá tiềm năng mọi mặt của tỉnh, nhưng theo tôi là chưa đủ, chưa sát thực, cụ thể. Chúng ta cần phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu đánh giá tính được giá trị tiềm năng thực tế của nó như thế nào. Nhất là nhìn nhận, đánh giá những tiềm năng trên tinh

1. Tỉnh Phú Khánh: nay là tỉnh Phú Yên và tỉnh Khánh Hòa (B.T).



thần đổi mới, năng động của các nghị quyết, chính sách mới được ban hành.

Tôi nhất trí với các đồng chí một nhận định khái quát tiềm năng của Phú Khánh là một trong những tỉnh đặc biệt lý tưởng đối với chúng ta. Nó thu gọn lại tiềm năng đa dạng của cả nước. Những tiềm năng này là vốn sẵn có ban đầu để chúng ta khai thác chúng phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế, trước hết là phục vụ nhân dân Phú Khánh và sau đó là làm nghĩa vụ với cả nước.

Trước hết là nông nghiệp: Tiềm năng về nông nghiệp của Phú Khánh tuy chưa lớn bằng một số tỉnh trong cả nước, nhưng tương đối đa dạng, có cây lương thực, thực phẩm đến các cây công nghiệp dài ngày, ngắn ngày có giá trị. Nếu chúng ta biết đi lên từ nông nghiệp một cách đồng bộ, gắn với chế biến thì nền nông nghiệp Phú Khánh sẽ phát triển toàn diện, đáp ứng một cách phong phú những nhu cầu của nhân dân trong tỉnh và chắc chắn nó sẽ góp phần đổi mới khu vực và cả nước. Vấn đề lương thực, thực phẩm ở đây gần như không có vấn đề gì, chỉ đòi hỏi chúng ta bố trí đúng loại cây, con, đem lại hiệu quả cao nhất, thỏa mãn nhu cầu đa dạng trong tỉnh và ngày càng có nhiều nông sản hàng hóa xuất ra khỏi tỉnh. Tiềm năng này không phải bắt cứ chỗ nào cũng giống như Phú Khánh, kể cả những tỉnh có nhiều lúa ở Bắc Bộ và đồng bằng sông Cửu Long. Về lúa họ hơn Phú Khánh rất xa, nhưng có nhiều cái khác không thể nào được như Phú Khánh. Cũng chưa chắc những vùng trù phú như đồng bằng sông Cửu Long đi lên công nghiệp hóa nhanh như Phú Khánh. Vì vậy, muốn khai thác tiềm năng nông nghiệp của Phú Khánh, chúng ta phải có cách nhìn nhận đúng, đừng bị một cái gì đó bó buộc mình phải mở trói trước tiên là suy nghĩ của chính mình.



Tôi chưa có dịp đi các huyện miền núi của các đồng chí, không hiểu đồng bào họ sống ra sao, rất có thể có lúc họ không có cả mắm để mà ăn? Vì thế các đồng chí cần đánh giá đúng tiềm năng nông nghiệp của mình để sản xuất nhiều nông sản thực phẩm, đáp ứng nhu cầu của tỉnh và xuất ra khỏi tỉnh ngày càng nhiều.

Thứ hai là hải sản: Bờ biển Phú Khánh dài 700 km, nói về mặt quản lý hành chính thì khó khăn, phức tạp, nhưng nếu xét về mặt tài nguyên thì nó là một tỉnh có ưu thế rất lớn. Ngoài ra, các đồng chí còn có 80 hòn đảo lớn nhỏ mà giá trị của nó chúng ta chưa đánh giá hết được, chưa kể đến vùng lanh hải, vùng đặc quyền kinh tế, chỉ nói nội vùng ven biển, vùng đầm phá của các đồng chí với diện tích 5 vạn ha. Đây là vùng mà bất cứ người dân nào cũng có thể sờ tay tới, nhận biết tiềm năng của nó. Đây là nguồn xuất khẩu lớn. Trong lanh đạo phải dứt khoát xem đây là thế rất mạnh của Phú Khánh, vùng ven biển là vùng tiếp cận với vùng dân cư, lại thuận lợi với giao lưu trong nước và bên ngoài, ven biển có gì, 80 đảo có gì, chúng ta chưa có những cơ sở khoa học để thấy đó là những tài nguyên thực sự đang chờ chúng ta. Tôi chưa nói đến việc trong quá trình quy hoạch có thể ở Phú Khánh có cảng biển lớn đối với cả nước. Đặc biệt Phú Khánh có quân cảng Cam Ranh là cảng độc nhất vô nhị đối với vùng Đông Nam Á. Bên cạnh đó, Phú Khánh lại có Nha Trang với những điều kiện khí hậu, điều kiện tự nhiên thiên nhiên đặc biệt mà khách nước ngoài cũng phải ca ngợi. Tất cả các tiềm năng này chưa được điều tra, khảo sát kỹ. Trong tầm hiểu biết của người dân Phú Khánh, biển là nguồn lợi, cơ chế đã mở, Phú Khánh có thể tự do tung hoành đi lên.

Thứ ba là lâm sản: Trên góc độ cả nước, Phú Khánh là tỉnh có nguồn lâm sản vào loại lớn, tài nguyên này chúng ta cũng mới



đánh giá một cách sơ lược, thiếu căn cứ vững chắc theo tài liệu của các đồng chí thì trữ lượng gỗ của Phú Khánh hiện còn 24 triệu m³, trữ lượng gỗ khai thác 10 triệu m³. Tuy nhiên, chúng ta chưa phân tích được trong 10 triệu m³ này có loại cây gì, sản phẩm từ đó có giá trị xuất khẩu như thế nào? Phú Khánh là tỉnh có bờ biển dài, nhưng chiều ngang hẹp, chỗ rộng nhất khoảng 80 km. Còn chỗ hẹp là 30 km. Núi của Phú Khánh cao trung bình khoảng 700 m, như vậy 10 triệu m³ này nằm trong tầm tay của chúng ta. Điều kiện kỹ thuật cho phép chúng ta có thể khai thác được tài nguyên này phục vụ cho tỉnh, cho cả nước, cây gỗ của Phú Khánh sau khi chặt xuống chỉ cần kéo ra 40 - 50 km là đến bờ biển mà đến bờ biển có nghĩa là đến lưu thông cả bên trong và bên ngoài. Không lẽ chúng ta không có cách nào để đem những cây vàng này xuống biển, gỗ là tài nguyên trên mặt đất có thể khai thác ngay được. So với những tài nguyên dưới lòng đất, gỗ là loại tài nguyên dễ đánh giá, dễ khai thác, ở đây chỉ mới nói gỗ, xung quanh nó, trong rừng còn những loại lâm sản khác như trầm hương, kỳ nam... Những lâm sản này có giá trị xuất khẩu đáng kể, rất có thể những tài nguyên dưới đất của Phú Khánh nhiều hơn tài nguyên gỗ nhưng việc tìm kiếm nó, đầu tư khai thác nó rất tốn kém và phải có thời gian. Chúng ta tạm chấp nhận tài nguyên rừng của Phú Khánh có 10 triệu m³ đưa vào khai thác được. Nếu các đồng chí đề ra chỉ tiêu khai thác hằng năm 10 vạn m³ thì chu kỳ của nó là 100 năm, còn nếu 20 vạn m³ thì chu kỳ của nó là 30 năm, không lẽ chúng ta chỉ dừng ở mức này. Có thể các đồng chí hỏi lấy vốn ở đâu để khai thác nhiều hơn, vốn nằm ngay trong 10 vạn m³ gỗ của các đồng chí. Các đồng chí xuất khẩu phải trả lời cho tỉnh, mỗi cây gỗ nếu không xuất không qua chế biến được bao nhiêu tiền, nếu qua chế biến (thông qua những lao động hiện có) thì giá trị của nó tăng



lên bao nhiêu lần, có phải 5 - 7 lần hay không? Như vậy chúng ta phải suy nghĩ có nên khai thác mỗi năm 40 vạn, nửa triệu mét khối để từ đó đầu tư lại cho ngành lâm nghiệp, kể cả khai thác cũng như trồng lại rừng trên diện tích 50 vạn ha đất trống đồi trọc của các đồng chí.

Thứ tư là vật liệu xây dựng: Đây cũng là thế mạnh của Phú Khánh, nhưng các đồng chí đề cập chưa đúng mức. Chúng ta phải khẳng định rằng đất nước này tiếp tục đi lên, Tây Nguyên, đồng bằng Cửu Long ở gần ngay các đồng chí cũng sẽ đi lên, nhu cầu về vật liệu xây dựng ngày càng lớn. Phú Khánh có sức sản xuất ra bao nhiêu cũng chưa đáp ứng đủ. Ở Phú Khánh các đồng chí có nguyên liệu để sản xuất ximăng, các đồng chí có đất để sản xuất gạch, ngói, đặc biệt các đồng chí có nguồn đá chẻ phong phú. Các đồng chí chỉ thiếu sắt thép. Các đồng chí có thể dùng những cái đồng chí có để đổi lưu những cái không có. Đây cũng là tài nguyên nắm chắc. Nhưng cũng như các tài nguyên nói trên, chúng ta phải đi sâu, đánh giá nó để mà yên tâm đầu tư khai thác. Hàng chục triệu dân ở Nam Bộ với hàng ngàn những công trình cần xây dựng ở phía Nam Tây Nguyên... Trong tương lai cũng đi lên rất mạnh, đây chính là những đối tượng tiêu thụ sản phẩm vật liệu xây dựng của các đồng chí. Đây chính là chỗ làm ăn, chỗ tích lũy cho tỉnh.

Thứ năm là điều kiện thiên nhiên: Trời đất cho Phú Khánh điều kiện thiên nhiên đặc biệt là lý tưởng. Ít có vùng biển nào ở trong nước có khí hậu lý tưởng như ở Phú Khánh Nha Trang không chỉ đối với trong nước mà đối với cả nước ngoài. Ở phía Nam có Vũng Tàu, nhưng quy mô sức hấp dẫn không ăn thua gì so với Nha Trang. Khí hậu Vũng Tàu cũng khác Nha Trang. Tất nhiên nếu chúng ta không biết làm gì cho nó ngày một tốt hơn



mà chỉ khai thác nó một cách mòn mỏi thì có thể những năm tới Nha Trang không bằng những nơi khác. Tôi được đi nhiều tỉnh, thành phố trong nước cũng như một số nước trên thế giới, thì ít có thành phố nào có đủ tất cả những điều kiện như Nha Trang. Từ đó tôi xin nói dứt khoát với các đồng chí, Nha Trang phải là một thành phố du lịch đặc biệt của cả nước, phải xây dựng Nha Trang thành một thủ đô về du lịch. Vì vậy, tôi lưu ý các đồng chí về quy hoạch thành phố Nha Trang mà có dịp anh Huỳnh Tấn Phát đã xem xét góp ý. Tất nhiên, các đồng chí lập quy hoạch thành phố Nha Trang trước Đại hội IV hoặc sau Đại hội V, nhưng Đại hội V so với Đại hội VI có một bước khác xa. Trên tinh thần đổi mới của Đại hội VI, các đồng chí nên xem lại toàn bộ quy hoạch thành phố Nha Trang. Theo tôi tầm cõi thành phố Nha Trang mà các đồng chí đã quy hoạch không ăn thua gì. Không tham vào đâu cả. Ngoài khí hậu thành phố Nha Trang còn nằm ở vị trí trung tâm của cả nước, mà liên quan đến cả khu vực, liên quan đến cả 3 biên giới, 2 khu vực rộng lớn trù phú của 2 nước anh em láng giềng (Hạ Lào và Đông bắc Campuchia). Đây là những vùng đất còn nguyên dạng, còn nguyên những khối tài nguyên mà con người chưa dụng tối, khi khai thác nó, nhất định phải ra các cửa ngõ ở vùng từ Nghĩa Bình đến Phú Khánh. Vì vậy, khi nghiên cứu quy hoạch Nha Trang, các đồng chí phải suy nghĩ đến vấn đề này. Ngoài Nha Trang chúng ta còn có Hạ Long, Huế, Đà Lạt. Mỗi nơi một vẻ riêng của nó, nhưng xét toàn diện thì không nơi nào bằng Nha Trang, chúng ta phải làm cho Nha Trang đẹp hơn gấp mấy lần bây giờ. Một đô thị hiện đại trong phát triển các mặt của một đất nước gần một trăm triệu dân, nếu chưa có một quy hoạch hoàn chỉnh đúng tầm cõi của nó, thì xin các đồng chí lưu ý cho khi



quyết định xây dựng các công trình kiên cố tại Nha Trang, các đồng chí phải thận trọng cân nhắc kỹ.

Thứ sáu, thế mạnh nữa của các đồng chí là *giao thông vận tải*. Tuy còn yếu kém, nhưng so với nhiều tỉnh, giao thông vận tải Phú Khánh có những ưu thế rõ rệt. Phú Khánh có đủ loại giao thông: đường sắt, đường bộ, đường biển, đường hàng không. Trên cơ sở hiện có bây giờ chúng ta biết sử dụng nó và chúng ta cải tạo nó như thế nào để đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của chúng ta? cái này chúng ta tiếp tục nghiên cứu, cân nhắc. Khu vực này chúng tôi đã họp với các đồng chí giao thông, cần phải thăm dò, phải cho điều tra, khảo sát một cách khẩn trương để chuẩn bị ngay từ bây giờ một cảng biển lớn của quốc gia với quy mô lớn mới đáp ứng nổi cho nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước chúng ta. Hiện tại chúng ta có 2 cảng lớn là Hải Phòng và Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng sức tải của nó không ăn thua gì so với nhu cầu hiện nay của đất nước, trong tương lai thì nó quá nhỏ bé. Nếu ở Phú Khánh có cảng biển quốc gia thì hết sức thuận lợi cho các bạn Lào và Campuchia. Trong lúc chưa hình thành cảng lớn tại đây, các đồng chí cũng nên tính toán kỹ để mở rộng cảng Nha Trang hiện có, đáp ứng được nhu cầu của Phú Khánh và các tỉnh Tây Nguyên trong những năm trước mắt.

Thứ bảy, là tiềm năng và khả năng sẵn của các đồng chí là *lao động*. Theo tôi, lao động của Phú Khánh cũng là một thế mạnh. Chúng ta cần có phương án để khai thác tốt 15 vạn lao động chưa có việc làm. Những tiềm năng tôi vừa nêu trên, cộng với lực lượng lao động hiện có là một sự cân đối giữa yêu cầu khai thác tiềm năng với khả năng lao động mà các đồng chí có, các đồng chí



không cần tìm nguồn lao động ở đâu khác và không cần xuất lao động đi ra nước ngoài. Nếu 15 vạn lao động này ta đưa cho rừng, ta đưa cho khai thác vật liệu xây dựng ta đưa đúng mức cho 80 hòn đảo và 5 vạn ha đầm lầy, tôi e rằng có khi lại chưa đủ. Nếu chúng ta gắn chặt lao động với tài nguyên cần khai thác, chúng ta sẽ làm giàu và đưa mức sống của nhân dân trong tỉnh lên, bằng tất cả những chính sách mới của Đảng và Nhà nước, với nguồn lao động dồi dào, các đồng chí cần khai thác ngay lập tức những tài nguyên Phú Khánh hiện có. Xu hướng hiện nay của thế giới là tận dụng ưu thế về lao động rẻ khi kỹ thuật đã bằng nhau thì ai có thế mạnh về lao động, người đó chiếm ưu thế về mặt giá cả trên thị trường hàng hóa. Tất cả những thế mạnh tôi vừa nêu các đồng chí cũng đã đề cập trong sơ đồ. Tôi xin nhấn mạnh, nhất thiết chúng ta phải triển khai, đánh giá lại một cách nghiêm túc, có căn cứ khoa học, từ đó đặt kế hoạch khai thác nó ngay trong thời gian kế hoạch 3 năm còn lại và chuẩn bị cho kế hoạch 5 năm 1991 - 1995 và đến năm 2000.

Tóm lại, về phần tiềm năng tôi xin nhấn mạnh: Phú Khánh cần lưu ý có 1 cảng biển, nếu không phải là lớn nhất nước thì cũng nên lưu ý nó là loại cảng lớn, thành phố Nha Trang phải là thành phố du lịch lớn nhất của cả nước. Các đồng chí có cảng lớn, tức là có thành phố cảng lớn và như vậy thành phố Nha Trang sẽ nằm giữa hai cái cảng, đầu trong là cảng Cam Ranh đặc biệt nhất Đông Nam Á, đầu ngoài là cảng biển lớn của cả nước. Phú Khánh là tỉnh duy nhất trong tất cả các tỉnh của cả nước có được những điều kiện vừa nêu trên. Nếu Trung ương cho phép, tôi chọn có 2 tỉnh “mà ăn liền” là Phú Khánh và Kiên Giang ở đồng bằng sông Cửu Long.

*Phân thứ hai*

CHƯƠNG TRÌNH XUẤT KHẨU - MỘT TRONG BA CHƯƠNG TRÌNH KINH TẾ LỚN CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC

Theo sơ đồ, mục tiêu của Phú Khánh đặt ra đến năm 1990 là 40 triệu rúp đôla, năm 2000 là 80 triệu. Như vậy bình quân 1 người dân Phú Khánh đến năm 2000 chỉ mới có 48 rúp đôla như thế đủ đắp đổi không làm được cái gì đáng kể cả với một tỉnh đến năm 2000 là 1 triệu 7 dân không thể nào chúng ta sống được bằng cái mức như thế này. Tất nhiên lúc đề ra mục tiêu xuất khẩu các đồng chí có tính đến thời gian xuất khẩu vừa qua, nhưng chúng ta cũng nên hiểu rằng chẳng đường vừa qua có nhiều nguyên nhân làm chậm bước đi của chúng ta. Ví dụ như tập trung quan liêu, bao cấp. Những nguyên nhân này đang từng bước được tháo gỡ bằng những cơ chế, chính sách mới. Chúng ta cần suy nghĩ đặt vấn đề theo tinh thần đổi mới của Đại hội VI. Việc đổi mới của chúng ta rất phù hợp với trào lưu chung của thế giới, chúng ta đang thiếu vốn, luật đầu tư đã mở ra một nguồn vốn từ bên ngoài kể cả các nước xã hội chủ nghĩa và các nước khác. Xuất phát từ những suy nghĩ đó chúng ta xem Phú Khánh có thể xuất khẩu cái gì?

Thứ nhất là nguồn hải sản: Cần phải tận lực khai thác nó, phải triển khai thành chương trình mục tiêu quan trọng của tỉnh từ đánh bắt, chế biến đến nuôi trồng phải bảo vệ môi trường, môi sinh, tất cả những cái này với 5 vạn ha đầm lầy, khai thác nó bằng năm thành phần kinh tế, đưa những chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước để ban hành vào đây, chắc chắn cái vùng khá chắc ăn này sẽ làm ra nhiều sản phẩm xuất khẩu. Phải sử



dụng có hiệu quả năm thành phần kinh tế này, sử dụng hết lực lượng lao động có trong tỉnh để sản xuất ra nhiều hàng hóa. Phải có thay đổi trong việc sử dụng lao động. Phải khai quật các tiềm năng lên không chỉ hải sản mà các ngành khác. Nếu như chúng ta vận dụng các cơ chế mới, khai thác những tiềm năng của 700 km chiều dài vùng biển và 5 vạn ha đầm đìa ở ven biển, thì chỉ riêng ngành này có thể đem lại 50 - 80 triệu đôla.

Thứ hai là nông nghiệp: Các cây, con các đồng chí đề ra tương đối đầy đủ như cây dừa, cà phê, tiêu đào, cây ăn trái, đặc biệt ở đây có chuối và xoài rất hấp dẫn. Các đồng chí lãnh đạo các ngành của tỉnh phải trả lời khả năng xuất khẩu của từng loại cây con là bao nhiêu? Chúng ta cố gắng dùng xuất thô, phải sử dụng lao động của mình để tập trung vào khâu chế biến tiến tới xuất sản phẩm hàng loạt. Cây cà phê là bao nhiêu, chúng ta phải quy hoạch tính toán theo hướng các huyện miền núi trung du tập trung trồng cây xuất khẩu. Các đồng chí phải chú trọng hình thức trồng cà phê trong gia đình. Đất để trồng cà phê các đồng chí có, lao động miền núi chưa có việc làm còn nhiều, như vậy chỉ còn thiếu giống và những chính sách thích hợp để phát triển cây cà phê trong nông trường quốc doanh hợp tác xã và trong từng gia đình kể cả gia đình công nhân, viên chức. Riêng đối với các hộ gia đình chúng ta tạo điều kiện về giống và kỹ thuật là họ có thể trồng được cà phê ngay. Nếu làm được như vậy thì 3 đến 5 năm tới Phú Khánh có nguồn cà phê lớn để xuất khẩu. Ngoài cà phê các đồng chí còn có cây đào, cây dừa và đặc biệt là các đồng chí có 2 cây ăn trái đó là xoài và chuối. Những cây này chúng ta cần định hướng rõ, quy hoạch cho nó những vùng thích hợp, chắc chắn cũng tạo ra nhiều hàng hóa để xuất khẩu. Cây công nghiệp



ngắn ngày, các đồng chí có đậu mà, chúng ta cũng có thể gom góp để xuất khẩu. Tất cả những loại cây này là bao nhiêu, các đồng chí cần tính toán lại từ đó ra bao nhiêu đôla, có phải hạn chế tất cả những loại cây này là 10 - 15 - 20 triệu không hay đến năm 1990 nó 40 triệu.

Thứ ba là lâm sản: Hàng lâm sản, đặc sản của Phú Khánh đa dạng và phong phú. Các đồng chí cần xác định lại tiềm năng để từ đó xây dựng những phương án xuất khẩu từ rừng. Phải từ gỗ, các lâm sản khác xuất khẩu ra ngoài để đầu tư trở lại cho lâm nghiệp, kể cả khai thác, chế biến và trồng rừng. Trong những năm còn lại (1989 - 1990), các đồng chí phải chuẩn bị kỹ các phương án hợp tác với bên ngoài để có thể khai thác lớn vào những năm 1991 - 1995 phải xem các sản phẩm từ rừng vừa là nguyên liệu cho các ngành vừa là nguồn hàng xuất khẩu làm giàu cho tỉnh. Phải có quan điểm mới trong việc sử dụng lao động đối với ngành lâm nghiệp. Theo hướng tập trung chế biến ra sản phẩm xuất khẩu, dùng xuất gỗ thô. Như vậy vừa có việc làm cho người lao động, vừa đem lại hiệu quả cao. Chúng ta phải sửa cách làm ăn này thế nào cho nó ra bao nhiêu triệu rúp đôla trong 1 năm. Chính vì vậy mà các đồng chí nên xúc tiến nhanh việc đánh giá lại tiềm năng rừng, xây dựng các phương án kinh doanh khai thác chế biến đem lại hiệu quả thu nhập cao mà giá trị 5 - 7 lần hiện nay.

Thứ tư là muối: Muối ở đây các đồng chí quy hoạch 2.000 ha nhưng mới làm có 500 ha thôi. Đây cũng là vùng muối xuất khẩu lớn. Đất làm muối các đồng chí có, lao động có, nước biển săn, có đồng chí thiếu giá, bây giờ cơ chế là giá, tổ chức làm ăn trực tiếp với người xuất khẩu, với thị trường bên ngoài. Hàng năm các đồng chí cũng có thể xuất từ 10 - 15 vạn tấn muối.



Thứ năm là cát: Phú Khánh có cát trắng Cam Ranh rất đặc biệt. Nước ngoài, ví dụ như Nhật đã đặt mua, phương án xuất khẩu các đồng chí đã bàn với anh Trưởng rồi, bây giờ chúng ta phải bắt tay vào làm. Có thể theo hướng vừa xuất cát thô nhưng cũng cần đẩy mạnh trang bị công nghiệp để sản xuất các sản phẩm tại chỗ. Đây cũng là một nguồn xuất khẩu của Phú Khánh để nó thoát ra khỏi con số rất khốn khổ là 40 triệu đến năm 1990.

Thứ sáu là du lịch, dịch vụ và công chế xuất: Vấn đề này như tôi đã nói ở trên không phải chỗ nào cũng có các điều kiện thuận lợi như ở Phú Khánh. Nếu đặt du lịch là một thế mạnh thì hàng loạt những vấn đề phải làm để chúng ta có thể thu hút được khách trong và ngoài nước, ngày càng tạo ra nguồn ngoại tệ lớn. Về tổ chức bố trí cơ sở hạ tầng, về sự đồng bộ để phục vụ du lịch, chế biến xuất khẩu từ các nguồn nông lâm thủy sản mà các đồng chí có.

Một cái nữa là xuất khẩu thịt các đồng chí cũng phải xây dựng phương án. Chúng ta sẽ tiến hành bàn bạc cụ thể giữa Phú Khánh, Nghĩa Bình, Gia Lai - Kon Tum để có thể xuất khẩu không chỉ thịt mà cả da, sản phẩm từ da. Phú Khánh có khả năng đáp ứng nhu cầu thức ăn cho bò, heo, gà, vịt, đây cũng là những con có thể xuất khẩu được. Chúng ta xuất khẩu càng nhiều thì càng đẩy nhanh đàn bò, đàn heo, đàn gia cầm lên, nó thành một vấn đề lớn và thú vị trong xuất khẩu.

Như vậy, nguồn xuất khẩu của các đồng chí phong phú và cái mức các đồng chí đặt ra là thấp, phải tính toán để có phương án xuất khẩu bình quân đầu người hằng năm 80 hay 100 đôla, có như vậy mới đi lên được.

*Phần thứ ba*

**ĐI LÊN CÔNG NGHIỆP HÓA CÓ NHỮNG
KHÓ KHĂN GÌ? KHẮC PHỤC NHƯ THẾ NÀO?
NHỮNG VẤN ĐỀ ĐƯỢC ĐẶT RA, NHƯNG TẬP TRUNG
LẠI VẪN LÀ VỐN**

Thứ nhất là kết cấu hạ tầng. Tuy Phú Khánh có những tiền đề, có những điều kiện so với nhiều nơi cả hơn nhưng kết cấu hạ tầng thì rất yếu. Điều này gây cho ta nhiều khó khăn nhất là chúng ta kinh doanh hợp tác với người nước ngoài. *Thứ hai là nguồn năng lượng* chúng ta cũng hết sức nghèo nàn. Chúng ta cố gắng khắc phục để có nguồn điện khá lên sau năm 1990. Thủy điện sông Hinh các đồng chí đã đề cập, chúng ta phải xúc tiến lăm. Vấn đề quy hoạch nguồn điện không thể chỉ tính ở mỗi tỉnh mà phải trên góc độ chung của cả nước. Khu vực phía Nam, Tây Nguyên, Nam Bộ chúng ta cũng đã làm rõ được những địa điểm cần xây dựng thủy điện vừa như sông Hinh, Thác Mơ, Vĩnh Sơn lớn hơn một chút là Hàm Thuận, sông Con, Yali, chúng ta cũng đã hình thành rõ đường dây tải điện xương sống của cả nước. Vấn đề năng lượng chúng ta sẽ từng bước giải quyết, nhưng những năm trước mắt các đồng chí cần phát triển các cụm điện nhỏ (nhiệt điện) để kịp thời đáp ứng những đòi hỏi của công nghiệp chế biến. Vấn đề thủy lợi, nói thủy lợi là nói cả nước tiêu dùng và nước sản xuất. Bộ Thủy lợi sẽ bàn bạc cụ thể với các đồng chí đã xúc tiến theo hướng đảm bảo nước cho 3 chương trình kinh tế. Chúng ta cũng đi từng bước, nhưng tập trung vào những loại cây, những vùng cụ thể để đem lại hiệu quả. Vấn đề nước sinh hoạt của các đồng chí cũng đề ra hết sức cấp bách, nhất đối với thành phố Nha Trang trên cơ sở tính toán hiệu quả kinh tế chúng ta sẽ



tập trung đầu tư từng bước các công trình cấp nước. Tất nhiên là theo hướng hạch toán kinh doanh chứ không phải bao cấp. Ví dụ để giải quyết nước sinh hoạt cho Nha Trang chúng ta có thể tiến hành việc xổ số, mua công trái hay động viên nhân dân góp vốn trước để xây dựng, sau đó nhận lại nước. Chúng ta cũng xem xét lại giá nước để phù hợp với tinh thần hạch toán kinh doanh. Có thể các đồng chí cho tư nhân bỏ vốn ra xây dựng nhà máy nước, họ kinh doanh, làm như vậy chúng ta sẽ giải quyết được vốn.

Xung quanh những vấn đề: kết cấu hạ tầng, năng lượng thủy lợi, nước tiêu dùng..., tất cả những vấn đề này, điều cần giải quyết là vốn. Vốn chúng ta vốn ở bên trong và vốn ở bên ngoài. Vốn bên trong từ Nhà nước thì rất hạn chế chỉ có thể khai thác nguồn vốn trong nhân dân. Chúng ta phải có chính sách thích hợp để những người có vàng, có tiền dám bỏ ra để làm ăn, qua việc mua công trái, chúng ta thấy nhân dân có nguồn vốn khá phong phú. Nếu muốn có ngay các đồng chí có thể vay nước ngoài sau đó trả bằng sản phẩm sau hoặc kêu gọi sự hợp tác với bên ngoài. Chúng ta đừng sợ thiếu nợ. Nếu các đồng chí đảm bảo trả được nợ sẽ có nhiều nước cho vay. Vì xung quanh chúng ta có rất nhiều nước thừa tiền. Tóm lại vốn ở ngay trong đầu chúng ta, nếu các đồng chí biết tổ chức làm ăn, biết tháo gỡ, dám làm, dám chịu trách nhiệm thì chúng ta sẽ có vốn. Các đồng chí phải tạo ra đội ngũ cán bộ biết làm ăn, dám làm ăn, phải trên góc độ hiệu quả kinh tế để đánh giá việc làm, đánh giá cán bộ. Phải triệt để xóa bỏ quan liêu, bao cấp.

Tất cả những tính toán đó, rốt cuộc là cơ chế con người, bố trí tổ chức. Phải trang bị lại kỹ thuật, kể cả đầu tư mức để đẩy mạnh công nghiệp chế biến... các đồng chí kêu gọi nước ngoài để



họ đầu tư vào. Tất nhiên khi làm với nước ngoài chúng ta phải hết sức tỉnh táo.

Vấn đề cuối cùng là cán bộ từ lãnh đạo tỉnh đến những người điều hành sản xuất. Phú Khánh có đủ tiềm năng vốn chúng ta cũng sẽ có, nếu có được đội ngũ cán bộ biết làm ăn thì chúng ta làm ăn có hiệu quả. Tất cả những phương án của các đồng chí về làm ăn có hiệu quả, Trung ương sẽ bảo đảm cho Phú Khánh thiếu nợ bên ngoài 5 triệu - 40 triệu không có vấn đề gì lớn.

Sơ đồ của các đồng chí đã trình bày được các bộ, ngành đã góp ý kiến, tôi xin nêu thêm những vấn đề trên và coi sơ đồ như là tài liệu ban đầu để làm cơ sở cho các phương án kinh tế, cho các phương án tính toán kế hoạch hằng năm, 5 năm sâu hơn nữa.

Thay mặt Hội đồng Bộ trưởng tôi chấp nhận sơ đồ của Phú Khánh và trên cơ sở những vấn đề đã nêu ở hội nghị này, các đồng chí cố gắng làm tốt sơ đồ II và quy hoạch thành phố Nha Trang đúng với tầm cỡ của đất nước yêu cầu.

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 4679.

BÁO CÁO
TẠI KỲ HỌP THỨ 4, QUỐC HỘI KHÓA VIII
Những vấn đề chủ yếu về kinh tế - xã hội năm 1989

Ngày 13 tháng 12 năm 1988

*Thưa Đoàn Chủ tịch,
Thưa các đồng chí đại biểu Quốc hội,*

Hội đồng Bộ trưởng đã xây dựng dự án kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1989 trình Quốc hội, trong đó có dự án kế hoạch của các ngành, các địa phương. Trong báo cáo này, tôi xin thay mặt Hội đồng Bộ trưởng trình bày tập trung vào một số điểm về phương hướng, chủ trương và những biện pháp lớn.

Phần thứ nhất
**NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 1988**

Thưa các đồng chí đại biểu Quốc hội,

Kế hoạch nhà nước năm 1988 được Quốc hội thông qua trong Kỳ họp thứ 2 với những nội dung chủ yếu như sau: tập trung thực hiện các mục tiêu về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; tạo chuyển biến trên mặt trận phân phổi, lưu thông; chuyển các hoạt động kinh tế sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa; phát huy khả năng tích cực của các thành phần kinh tế,



đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh; giải quyết một số vấn đề cấp bách trong giáo dục, y tế, văn hóa...

Năm 1988, vượt qua nhiều khó khăn, trở ngại, chúng ta đã đạt được một số tiến bộ trong việc thực hiện các mục tiêu về lương thực, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, về xây dựng cơ bản, phát triển công nghiệp và giao thông vận tải, về các hoạt động khoa học kỹ thuật, văn hóa, xã hội và trong việc xây dựng một số chính sách, bước đầu đưa cơ chế quản lý mới vào thực tiễn.

Sản xuất tiếp tục tăng trưởng, tổng sản phẩm xã hội tăng 5,4% thu nhập quốc dân tăng 5,8% so với năm 1987. Sản lượng công nghiệp tăng 9%, trong đó công nghiệp hàng tiêu dùng tăng 11%. Sản xuất hàng tiêu dùng phong phú, đa dạng hơn, đã bước đầu gắn với thị trường. Sản lượng nông nghiệp tăng 4,1%, riêng lương thực tăng 8,5%, có thể đạt kế hoạch 19 triệu tấn (quy thóc); một số cây công nghiệp dài ngày tăng đáng kể, nhất là trong khu vực gia đình. Tuy hiệu quả sản xuất nói chung còn thấp, yêu cầu nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm vẫn đang là những vấn đề phải đặc biệt quan tâm, nhưng trong hầu khắp các ngành và địa phương đã xuất hiện nhiều đơn vị làm ăn năng động theo cơ chế mới, thu được kết quả rõ rệt. Từ những mô hình đó, có thể rút ra nhiều bài học kinh nghiệm bổ ích và sinh động, chứng minh sức sống của cơ chế quản lý mới.

Do khó khăn về ngân sách, vốn đầu tư tập trung của Nhà nước không đáp ứng nhiều yêu cầu cấp bách, nhưng chúng ta vẫn cố gắng bảo đảm tiến độ xây dựng các công trình trọng điểm Nhà nước. Trong năm nay, việc đưa tổ máy 1 và 2 của Thủy điện Trị An và tổ máy 1 của Thủy điện Hòa Bình vào hoạt động, sẽ cải thiện dân tình hình cung cấp điện. Bên cạnh đó, các ngành,



các địa phương và cơ sở đã chủ động tìm thêm các nguồn vốn khác, góp phần bảo đảm khôi lượng xây dựng, đáp ứng một phần nhu cầu của sản xuất và đời sống.

Năm 1988, đánh dấu bước mở đầu của quá trình dân chủ hóa các hoạt động kinh tế - xã hội, giải phóng sức sản xuất. Quyết định số 217 của Hội đồng Bộ trưởng cùng những văn bản thể chế hóa các Nghị quyết số 10 và số 16 của Bộ Chính trị, đã tháo gỡ một phần những trói buộc lâu nay của cơ chế cũ, bước đầu khơi dậy các nguồn tiềm năng to lớn về mọi mặt của nhân dân lao động thuộc các thành phần kinh tế nhằm mở rộng sản xuất - kinh doanh, phục vụ nhu cầu xã hội, tạo ra những động lực mới để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội ở nước ta. Tuy nhiên, kết quả thu được đang còn nhiều hạn chế, đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới và triển khai đồng bộ trong thực tế.

Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách tạo điều kiện cho các đơn vị cơ sở đi dàn vào hạch toán kinh doanh: giảm bớt chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh; điều chỉnh giá vật tư, năng lượng theo hướng dần dần phù hợp với thực tế; giá bán của phần lớn hàng hóa ít bị gò bó bởi những quy định mang tính quan liêu hành chính, sản xuất và thị trường ngày càng có mối liên hệ trực tiếp gắn bó hơn... Những quy định mới đó đã tạo môi trường thuận lợi cho các cơ sở phát huy quyền chủ động theo hướng hạch toán kinh doanh, giảm bù lỗ qua ngân sách nhà nước và hạn chế mức chênh lệch giá xóa bỏ bao cấp qua lương của khu vực sản xuất - kinh doanh... Những chuyển biến đó tuy chưa nhiều nhưng đã cho chúng ta một số kinh nghiệm tốt để tiếp tục cụ thể hóa và bổ sung các chính sách nhằm phát triển kinh tế hàng hóa lên một bước cao hơn.



Hình dung ngày một rõ hơn cung cách làm ăn mới, và cũng do đòi hỏi của cung cách mới đó, các ngành, các cấp, đã bắt đầu sắp xếp lại tổ chức và bộ máy, xóa dần những khâu trung gian không cần thiết và có hại đang cản trở hoạt động bình thường của nền kinh tế, giảm bớt những bộ phận và những người không trực tiếp góp phần tạo ra của cải vật chất, dịch vụ và văn hóa cho xã hội.

Hoạt động kinh tế đổi ngoại có bước tiến mới. Kim ngạch xuất khẩu đạt kế hoạch và tăng 13,5% so với năm 1987. Một số loại vật tư chủ yếu như xăng dầu, phân bón, v.v. bảo đảm mức kế hoạch nhập. Các hình thức hợp tác, liên doanh trực tiếp bắt đầu phát triển. Quan hệ hợp tác kinh tế và khoa học - kỹ thuật giữa nước ta với Liên Xô và các nước anh em khác vừa tăng về khối lượng, vừa nâng dần hiệu quả kinh doanh. Việc ban hành Luật đầu tư đã thu hút trên 50 dự án, chủ yếu là thuộc các lĩnh vực dầu khí, thủy sản, du lịch, v.v. với số vốn chưa nhiều, song đó là dấu hiệu mới, thể hiện chiều hướng mở rộng các quan hệ quốc tế.

Bên cạnh những tiến bộ đã đạt được, hiện đang nổi lên những vấn đề lớn sau đây:

Sản xuất lương thực tuy đạt kế hoạch, dự trữ có tăng nhưng chưa đủ vững chắc. Một số địa phương gặp thiên tai nặng, thất thu nghiêm trọng (Nghệ - Tĩnh, một số tỉnh duyên hải miền Trung...). Đáng chú ý là màu không những không tăng mà còn giảm sút.

Mặc dầu giá vật tư điều chỉnh còn thấp so với giá trị, hao phí tài sản cố định chưa tính đủ, song giá thành sản phẩm của không ít xí nghiệp vẫn cao, khó tiêu thụ, gây nên tình trạng thiếu vốn sản xuất. Điều đó, một mặt là do cơ chế mới chưa được hình thành một cách đồng bộ; mặt khác, trình độ quản lý cũng như điều kiện hoạt động của các xí nghiệp rất khác nhau, cho nên,



trong cùng điều kiện của cơ chế, chính sách và mức giá như nhau, có xí nghiệp sản xuất đạt hiệu quả và thu nhập của người lao động tương đối khá, ngược lại, có xí nghiệp vẫn đang trì trệ. Hiện tượng không hợp lý vẫn tiếp tục diễn ra: đáng lẽ xí nghiệp quốc doanh phải nộp lãi cho Nhà nước để đáp ứng các nhu cầu chung, thì Nhà nước lại phải bù lỗ, “nuôi” xí nghiệp. Tình hình đó đòi hỏi sự chỉ đạo quản lý công nghiệp phải sâu sát, có giải pháp đúng đắn về từng vấn đề cụ thể cho từng xí nghiệp; đồng thời, phải rà soát lại những xí nghiệp làm ăn kém, thua lỗ để có cách xử lý thích hợp.

Trong ngành giao thông vận tải, cơ sở vật chất tiếp tục xuống cấp, chủ yếu là do vốn đầu tư mấy năm gần đây không được bố trí tương xứng. Ngoài ra, công tác tổ chức, quản lý giao thông và vận tải chưa được nâng lên kịp với yêu cầu.

Đáng chú ý là tình trạng đầu tư xây dựng cơ bản ở một số ngành và địa phương vẫn đang còn phân tán, vượt quá khả năng cân đối vật tư, ảnh hưởng đến việc tập trung cho các nhu cầu thiết yếu khác của Trung ương và địa phương.

Do tỷ giá hối đoái, nhất là cơ chế quản lý và xác định giá chậm được sửa đổi nên hàng xuất khẩu tiếp tục bị lỗ, khiến các tổng công ty ngoại thương không có khả năng nắm hàng và còn mắc nợ nhiều cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu. Mặt khác, việc mua hàng xuất khẩu vẫn qua nhiều nấc trung gian, chịu nhiều loại thuế và chi phí bất hợp lý, đẩy giá thành lên cao, làm cho xuất khẩu kém hiệu quả buộc ngân sách nhà nước phải bù lỗ, người sản xuất bị thiệt thòi.

Hàng hóa trên thị trường xã hội từ nhiều nguồn khác nhau khá phong phú, lưu thông nhộn nhịp, nhưng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa vẫn đang vướng trong cơ chế cũ, nên chưa có khả



năng vươn lên làm chủ thị trường. Lương thực, thực phẩm ở các thành phố, khu công nghiệp thường xuyên cảng thẳng, trong khi ở nhiều vùng nông thôn, mức bán ra lại chậm, thậm chí có nơi ú đọng. Công tác quản lý thị trường không kịp đà phát triển của lưu thông hàng hóa. Chưa ngăn chặn có hiệu quả nạn ăn cắp, tham ô, tệ đầu cơ, buôn lậu. Không ít tư thương còn trốn thuế, lậu thuế, móc ngoặc với các phần tử xấu trong bộ máy nhà nước làm giàu bất chính, gây tổn hại đến lợi ích của Nhà nước và của người tiêu dùng.

Lạm phát vẫn diễn ra nghiêm trọng. Trong mấy tháng cuối năm, giá cả có phần dịu xuống, tính chung cả năm 1988, tốc độ tăng thấp hơn năm 1987, song vẫn còn ở mức cao, làm đảo lộn các cân đối giá trị của nền kinh tế. Thước đo và chuẩn mực cho hạch toán kinh doanh bị rối loạn.

Hợp đồng tài chính chậm được đổi mới, nếu không nói là có nhiều chế độ, chính sách quá cũ kỹ, không đủ sức thực hiện tốt chức năng phân phối và phân phối lại một cách đúng đắn thu nhập quốc dân vì lợi ích phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, bảo đảm công bằng xã hội. Tình trạng thu chồng chéo chậm được sửa đổi, một số loại thuế trùng lắp, đang ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh, gây bất bình trong công luận. Bên cạnh đó, thuế vẫn còn thất thu lớn. Các nguồn tài nguyên, lao động, vật tư, tiền vốn và của cải quốc gia tiếp tục bị sử dụng lãng phí, mất mát và hư hỏng. Do thu kém, nên phải cắt giảm quá mức các khoản chi cần thiết, làm cho cơ sở hạ tầng, phương tiện vật chất trong các ngành văn hóa, y tế, giáo dục, xã hội xuống cấp nghiêm trọng.

Trong năm nay, đã hình thành một số ngân hàng chuyên doanh, song thực chất chưa có chuyển biến đáng kể trong kinh



doanh tiền tệ. Bởi chi tiền mặt ở mức cao, nhưng vẫn thường xuyên thiếu tiền mặt cho thu mua và trả lương. Ở đây có nguyên nhân lạm phát, song chủ yếu là do cơ chế hoạt động của Ngân hàng kém hiệu quả. Ngân hàng chưa lấy lại được sự tín nhiệm của đơn vị sản xuất - kinh doanh và của nhân dân đối với ngân hàng. Trong khi đó, nhiều cơ sở sản xuất - kinh doanh chưa tăng nhanh được vòng quay vốn và tiền mặt, để ứng đọng nhiều vật tư hàng hóa.

Mặc dù các cơ quan có trách nhiệm đã có nhiều cố gắng, một số địa phương có những biện pháp thiết thực để chăm sóc, song đời sống của cán bộ, nhân viên hành chính, sự nghiệp, lực lượng vũ trang, cán bộ về hưu, các đối tượng hưởng chính sách bảo trợ xã hội vẫn đang khó khăn. Đáng chú ý là ngay với mức quá eo hẹp như vậy, khoản chi về các đối tượng chính sách đã chiếm một tỷ lệ không nhỏ trong ngân sách nhà nước; đây là một thực tế, hạn chế khả năng xử lý, “lực bất tòng tâm”. Việc để xảy ra thiếu đói lương thực trong mấy tháng đầu năm thể hiện sự yếu kém trong công tác quản lý, điều hành lương thực, tác phong quan liêu và tinh thần trách nhiệm chưa đầy đủ đối với đời sống nhân dân.

Nhìn lại một cách tổng quát, trong năm qua, mặc dù có những tiến bộ mới trong nhiều ngành, nhiều cấp, nhưng tình hình chung về kinh tế - xã hội, nhất là tình hình tài chính quốc gia chưa được cải thiện rõ. Tình hình đó có nguyên nhân khách quan do điểm xuất phát của nền kinh tế ta còn quá thấp và do bối cảnh không bình thường của nền kinh tế. Song ở đây, cần nhấn mạnh nguyên nhân chủ quan. Trước hết, đó là công tác điều hành của Nhà nước, nhất là ở cấp Trung ương. Tuy đã cố gắng, nhưng vẫn không đáp ứng kịp đòi hỏi của cơ sở. Kế hoạch,



giá cả, thuế, tiền tệ, tín dụng, v.v. đáng lẽ phải là những công cụ có hiệu lực để phát triển và quản lý nền kinh tế hàng hóa nhưng các lĩnh vực này thật sự còn nhiều yếu kém; các chế độ, chính sách hiện nay đang còn nhiều nhược điểm và thiếu sót, chưa thể hiện nhất quán tinh thần đổi mới. Nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế, quản lý nhà nước chưa được thực hiện tốt. Quản lý nhà nước bằng pháp luật chưa được coi trọng, đồng thời hiện tượng tự do tùy tiện, không tôn trọng pháp luật, kỷ luật, và kỷ cương chưa được khắc phục, làm cho tình hình kinh tế - xã hội vốn rất khó khăn càng trở nên phức tạp hơn.

Tổ chức kinh tế và bộ máy quản lý nhà nước còn cồng kềnh, chồng chéo. Việc chưa phân định rõ chức năng, nhiệm vụ giữa quản lý nhà nước về kinh tế và quản lý sản xuất, kinh doanh vẫn đang cản trở việc thực hiện cơ chế quản lý mới, vừa làm cho Nhà nước không thực hiện đầy đủ quyền lực của mình, vừa hạn chế quyền tự chủ, sáng tạo của đơn vị cơ sở. Không ít tổ chức trung gian được đặt ra vô căn cứ và kéo dài nhiều năm, ăn bám vào sản xuất, kinh doanh và ngân sách nhà nước, phát sinh quan liêu tiêu cực; hơn nữa, còn là nơi tiêu hao nhiều vốn lưu động, gây căng thẳng về vốn và tiền.

Năm 1987 là năm trăn trở, suy tư, thầm nhuần những quan điểm cơ bản của Nghị quyết Đại hội VI để xác định cơ chế mới về quản lý kinh tế, xác định các chính sách và giải pháp cụ thể. Sang năm 1988 mới là năm bắt đầu đưa tư tưởng mới của Đại hội VI vào cuộc sống, thông qua việc ban hành các chính sách cụ thể của Hội đồng Bộ trưởng trên nhiều lĩnh vực kinh tế. Những chính sách đó đã góp phần tạo ra những động lực trong hoạt động kinh tế, giúp chúng ta vượt qua một phần khó khăn, giữ vững sản xuất, thực hiện đổi mới theo hướng kinh doanh, tạo ra



những mô hình tiêu biểu cho sự đi lên của nền kinh tế nước ta. Nhưng cũng vì là năm đầu tiên thử nghiệm cơ chế mới, cho nên bên cạnh những việc làm tốt, những điển hình tốt, không tránh khỏi những chuệch choạc, không đồng bộ, do cơ chế cũ chưa thay đổi kịp và cơ chế mới được triển khai trong điều kiện còn nhiều khó khăn gay gắt của nền kinh tế.

Thực tiễn năm 1988 đã tạo thêm cơ sở cho sự nhất trí để quyết tâm xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, thực hiện cơ chế hạch toán, kinh doanh. Thực tế cũng chỉ ra rằng, tình hình chung tuy còn rất khó khăn, nhưng các giải pháp đề ra vừa qua về cơ bản là đúng hướng, cho thấy những khả năng thực tế để khắc phục khó khăn, dần dần cải thiện tình hình. Đã bước đầu khơi dậy được tiềm năng to lớn của các thành phần kinh tế trong sản xuất, xây dựng, tạo thêm việc làm cho người lao động, làm sống động các hoạt động kinh tế. Đã tăng thêm được một phần lực lượng vật chất, đặc biệt là nguồn điện, tạo điều kiện sử dụng tốt hơn công suất máy móc, thiết bị, tăng giờ công, tăng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân. Đã bắt đầu hình thành những điều kiện mới để nước ta tham gia ngày càng nhiều hơn vào phân công lao động quốc tế bằng nhiều hình thức và mức độ khác nhau, phù hợp với điều kiện thực tế và xu hướng chung của thế giới.

Qua hai năm 1987, 1988, tinh thần, nội dung Nghị quyết Đại hội VI của Đảng đang đi vào thực tế, cuộc sống đang diễn ra sôi động, cơ chế mới đang từng bước hình thành. Song với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, cũng cần nói rằng từ nhận thức, tư duy đến hành động, từ quản lý đến điều hành, đều chưa theo kịp đòi hỏi của cuộc sống và yêu cầu của tình hình. Tư tưởng do dự, chần chừ, sức ép của những thói quen cũ vẫn đang trì kéo chúng ta. Điều này nhất thiết phải được khắc phục trong năm tới, thê



hiện quyết tâm đổi mới trên thực tế, thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội VI và các nghị quyết của Trung ương Đảng, đưa nội dung các nghị quyết thật sự đi vào cuộc sống.

Phân thứ hai

YÊU CẦU, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 1989

Thưa các đồng chí đại biểu Quốc hội,

Đại hội lần thứ VI của Đảng đã xác định những tư tưởng chỉ đạo và những nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội: triệt để giải phóng lực lượng sản xuất, khai thác tối đa tiềm năng mọi mặt của đất nước, trước hết là khả năng sáng tạo của nhân dân lao động; xóa bỏ tập trung quan liêu bao cấp, chuyển từ quản lý bằng mệnh lệnh hành chính là chủ yếu sang quản lý bằng sự vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan, kết hợp đầy đủ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chuyển nền kinh tế tự túc, tự cấp thành nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch theo hướng đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó chính là nội dung đổi mới kinh tế quan trọng nhất mà chúng ta phải tiếp tục thấu suốt và thực hiện một phần đáng kể trong năm 1989.

Để thực hiện cho được nhiệm vụ nói trên trong năm 1989, từng bước đưa nền kinh tế - xã hội thoát khỏi những khó khăn gay gắt hiện nay, chúng ta phải khắc phục rất nhiều trở ngại về cân đối vật chất, về thời tiết..., song điều quan trọng nhất là phải kiên quyết khắc phục sự bảo thủ, trì trệ cả trong nhận thức, tư duy và hành động. Phải đồng thời giải quyết hai loại vấn đề: bảo đảm cân đối vật chất chủ yếu để thực hiện các mục



tiêu kinh tế và tiếp tục thực hiện các chính sách kinh tế theo hướng đổi mới, chuyển mạnh các hoạt động kinh tế sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Hai năm 1987 - 1988 vừa qua là thời gian xây dựng các văn bản pháp quy của Nhà nước theo tinh thần đổi mới, hình thành nội dung của cơ chế hạch toán, kinh doanh, bước đầu đưa cơ chế đó vào cuộc sống. Sang năm 1989, trên cơ sở khẳng định tác dụng của các chính sách đã ban hành theo cơ chế mới, chúng ta sẽ tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh các chính sách đã có, nghiên cứu và ban hành các chính sách mới trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, nhất là lĩnh vực sản xuất và phân phối lưu thông, chuyển phần lớn các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh, khắc phục một bước quan trọng cách quản lý, chỉ đạo theo kiểu tập trung quan liêu, bao cấp và lối làm ăn kém hiệu quả.

Chống lạm phát là yêu cầu nóng bỏng, nhưng rõ ràng không thể thực hiện trên nền tảng của cơ chế cũ, cũng không thể ổn định tình hình kinh tế, xã hội bằng cách duy trì lối làm ăn nồng suất, chất lượng và hiệu quả thấp như hiện nay. Chuyển mạnh sang hạch toán kinh doanh chính là biện pháp chủ yếu chống lạm phát, cũng là biện pháp chủ yếu để ổn định tình hình kinh tế, xã hội, tạo tiền đề cho bước phát triển trong các năm tới.

Chuyển mạnh sang hạch toán kinh doanh vừa đòi hỏi, vừa tạo điều kiện sắp xếp lại tổ chức và bộ máy quản lý, bồi dưỡng, đào tạo và bố trí đội ngũ cán bộ phù hợp với cơ chế mới. Thực tiễn đã chứng minh, đối với nước ta hiện nay, muốn nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội, nhất là quản lý nền kinh tế hàng hóa là lĩnh vực chúng ta còn phải học hỏi nhiều, cần có một đội ngũ cán bộ giỏi, được rèn luyện và trưởng thành trong quá trình hình thành cơ chế mới.



Tình hình hiện nay đang xuất hiện thời cơ mới để tranh thủ mọi điều kiện thuận lợi bên trong và bên ngoài, tập trung cao nhất mọi cố gắng nhằm từng bước ổn định và tạo cơ sở cho bước phát triển mới về kinh tế - xã hội. Xu hướng quốc tế hóa nền kinh tế thế giới đang phát triển mạnh; các quan hệ kinh tế đang trở thành động lực cho các nước phát triển trên cơ sở vừa đấu tranh, vừa hợp tác. Trong tình hình đó, chúng ta phải hòa nhập thị trường thế giới, mở rộng quan hệ hợp tác với các nước anh em, bầu bạn, trước hết là với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, nhằm đạt hiệu quả cao, các bên cùng có lợi.

Những điểm nói trên đề ra yêu cầu, đồng thời tạo ra thuận lợi mới cho nhân dân ta giải quyết các vấn đề cấp bách của năm 1989.

I- VỀ CÁC MỤC TIÊU KINH TẾ TRONG NĂM 1989

Đại hội lần thứ VI của Đảng đã xác định nội dung chủ yếu của ba chương trình kinh tế, coi đó là “cốt lõi của các kế hoạch kinh tế”. Thực tế những năm qua đã chỉ rõ ba chương trình đó không thể tách rời các nội dung khác được thể hiện và cân đối trong các kế hoạch hàng năm, trong tổng thể của nền kinh tế quốc dân.

Xuất phát từ tư tưởng chỉ đạo về ba chương trình kinh tế đã được đề ra cho thời kỳ 1986 - 1990 và từ tình hình thực tế trước mắt, năm 1989, phải phấn đấu đạt được những mục tiêu cụ thể về kinh tế sau đây:

1. Đổi mới một bước quan trọng cơ chế quản lý trên toàn bộ nền kinh tế quốc dân nhằm giải phóng lực lượng sản xuất, huy động và khai thác năng lực của tất cả các thành phần kinh tế, của toàn dân, tranh thủ mở rộng quan hệ với bên ngoài, để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.



2. Bảo đảm nhu cầu tối thiểu về lương thực cho toàn xã hội, tăng dự trữ Nhà nước, không để xảy ra đột biến về lương thực, ổn định dần đời sống nhân dân.

3. Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất và tổ chức tốt lưu thông theo hướng phát triển kinh tế hàng hóa mà phấn đấu hạn chế lạm phát, giảm mức bội chi ngân sách, tiền mặt; giảm dần tốc độ tăng giá.

Trong năm 1989, các ngành sản xuất phải tận dụng các cơ sở và năng lực hiện có, nâng hệ số sử dụng công suất thiết bị, máy móc, triệt để tiết kiệm năng lượng, vật tư để làm ra nhiều hàng hóa với chất lượng cao, giá thành hạ, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường.

Phát triển sản xuất và mở mang dịch vụ phải dựa vào khả năng của tất cả các thành phần kinh tế. Dựa các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất phải trở thành mối quan tâm thường xuyên hàng đầu của người quản lý, coi đó là một trong những chìa khóa để xử lý các vấn đề của sản xuất - kinh doanh khi áp dụng cơ chế quản lý mới. Trong bố trí kế hoạch sản xuất, trước hết tập trung vật tư, năng lượng và ngoại tệ nhằm tạo ra mức tăng trưởng có ý nghĩa về sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng yếu và hàng xuất khẩu.

Năm 1988, chúng ta đã đạt 19 triệu tấn lương thực quy thóc, mặc dù có một số vùng gặp thiên tai lớn, thất thu nặng. Để có thể đạt 21 - 22 triệu tấn vào năm 1990, phải phấn đấu sản xuất ít nhất 20 triệu tấn trong năm 1989, tăng 5,2% so với năm nay. Hướng chung là phát triển kinh tế hàng hóa, phát huy thế mạnh của từng vùng để giải quyết vấn đề lương thực với hiệu quả cao. Theo hướng đó, tập trung các điều kiện vật chất cho đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm lương thực hàng hóa của cả nước;



đồng bằng sông Hồng là trọng điểm lương thực của phía Bắc, nơi hàng triệu người đang lao động và sinh sống trong tình hình thiếu lương thực thường xuyên. Đồng thời, tập trung cho các vùng cao sản của các địa phương khác để tạo nhanh nguồn lương thực hàng hóa. Tăng vụ đông - xuân, hè - thu ở đồng bằng sông Cửu Long; mở rộng vụ đông ở đồng bằng, trung du Bắc Bộ và Khu IV cũ, hết sức chú trọng mở rộng lúa hè thu, mùa sớm. Biện pháp chủ yếu là tăng đầu tư cho thủy lợi để hoàn thành 54 công trình quan trọng, tiếp tục khai thác Đồng Tháp Mười, tứ giác Long Xuyên và vùng Nam Cái Sắn - Bắc Phụng Hiệp; giải quyết từng bước tình trạng ngập úng ở đồng bằng Bắc bộ, cung ứng 2,2 triệu tấn phân đạm, tăng trên 30 vạn tấn so với năm 1988, bảo đảm xăng dầu, điện và các loại vật tư khác cho nông nghiệp.

Các loại *thực phẩm* cho nhu cầu hằng ngày, trước hết là rau, đậu, các loại gia súc, gia cầm, thủy sản, cần được giải quyết tại chỗ và trên từng vùng. Theo hướng đó, vùng đồng bằng sông Hồng và ven biển bảo đảm thực phẩm cho nhu cầu tại chỗ, ngoài ra dành phần chủ yếu để cung ứng cho Hà Nội và các khu công nghiệp lớn. Vùng biên giới cung ứng cho nhu cầu quốc phòng và công nghiệp...

Phấn đấu tăng 4,4% sản lượng thủy sản khai thác và 13% thủy sản xuất khẩu; mở nhanh diện tích nuôi tôm, chú trọng đầu tư cho thâm canh nuôi tôm; đẩy mạnh nuôi cá bè, cá ruộng, v.v..

Phát triển cây công nghiệp tăng 12,3% về diện tích so với năm 1988, trong đó cây ngắn ngày 13%, cây dài ngày 12%. Bằng các chính sách khuyến khích mạnh mẽ, đẩy mạnh hơn nữa trồng cây công nghiệp của các thành phần kinh tế, nhất là khu vực kinh tế gia đình (cà phê, chè, dừa, hồ tiêu...).



Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của lâm nghiệp là bảo vệ và làm giàu vốn rừng hiện có: đưa kinh tế rừng thành ngành sản xuất hàng hóa có giá trị lớn. Diện tích rừng trồng tập trung tăng 4,3%; ngoài số này, cần vận dụng các chính sách đã ban hành, thúc đẩy mạnh hơn nữa phong trào trồng cây đang có đà phát triển trong nhân dân, đẩy mạnh trồng rừng kinh tế, rừng phòng hộ, các loại cây có giá trị như bạch đàn, tràm, v.v..

Để phát triển nông, lâm, ngư nghiệp theo phương hướng nói trên, cần chú trọng tăng thêm phân bón, thuốc trừ sâu và các vật tư nông nghiệp khác. Điều quan trọng là thực hiện tốt các chính sách đồng bộ mà Đảng và Nhà nước đã ban hành. Thời gian vừa qua, rõ nhất là trong năm 1988, đồng bào ta ở nhiều địa phương đã hưởng ứng các chính sách mới của Đảng và Nhà nước, bỏ thêm vốn để mở thêm cơ sở sản xuất. Đó là những việc làm cần khuyến khích. Trên cơ sở đó, những chính sách này sẽ được tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh và đưa nhanh vào cuộc sống, nhằm đạt hiệu quả cao hơn.

Giải quyết tình hình tranh chấp ruộng đất ở một số vùng hiện nay là vấn đề cấp bách, song có nhiều phức tạp, không thể nôn nóng, vội vàng. Nhà nước sẽ tiếp tục hướng dẫn cụ thể việc thực hiện đúng đắn Luật đất đai, làm cơ sở để giải quyết các vấn đề tranh chấp. Chính quyền các cấp phải ngăn chặn những trường hợp xảy ra có hại cho sản xuất, làm rối loạn trật tự trong nông thôn, ngăn ngừa và kịp thời vạch mặt những phần tử xấu len vào kích động nông dân, làm cho tình hình thêm phức tạp. Cần dựa vào quần chúng, vận dụng đúng đắn các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và văn bản hướng dẫn của Nhà nước, giải quyết từng trường hợp cụ thể tại xã, áp, tập đoàn sản xuất. Yêu cầu chung là



giữ vững và tăng cường đoàn kết nông thôn, phát triển sản xuất hàng hóa, bảo đảm đời sống của các tầng lớp nông dân lao động.

Về *công nghiệp hàng tiêu dùng*, phấn đấu tăng 12% sản lượng so với năm 1988; trước hết chú trọng những mặt hàng thiết yếu như vải, giấy, thuốc chữa bệnh..., những mặt hàng có nguồn thu lớn cho ngân sách. Để nâng dần hiệu quả sản xuất và chất lượng hàng hóa, sẽ thu hẹp phương thức giao kế hoạch trực tiếp, mở rộng phương thức đấu thầu, ký kết hợp đồng giữa người sản xuất và người tiêu thụ.

Để tạo chuyển biến có ý nghĩa trong phát triển hàng tiêu dùng, phải phát huy khả năng của mọi thành phần kinh tế trong tất cả các cơ sở sản xuất công nghiệp, kể cả công nghiệp nặng và công nghiệp quốc phòng; gắn sản xuất với thị trường, vận dụng rộng rãi các tiến bộ kỹ thuật, từng bước đổi mới trang bị, mở rộng hợp tác với các nước, nhất là khuyến khích nhập công nghệ mới để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Mức dự kiến tăng 12% trong kế hoạch là thấp so với khả năng hiện có của công suất máy móc, thiết bị và so với mục tiêu 13 - 15% do Đại hội VI đề ra. Trong tình hình hiện nay, yếu tố quyết định để tăng mức sản xuất hàng tiêu dùng là vốn, vật tư và nguyên liệu. Giải pháp của tình hình trên chỉ có thể là dành số ngoại tệ cần thiết cho nhiệm vụ trọng yếu này, tranh thủ các khả năng hợp tác quốc tế về vốn và nguyên liệu; xây dựng các vùng chuyên canh cao sản, thực hiện liên kết trực tiếp giữa cơ sở sản xuất và vùng nguyên liệu theo nguyên tắc bình đẳng, thỏa thuận; mở rộng các hình thức góp vốn, bán cổ phần, gia công giữa các thành phần kinh tế. Làm được như vậy, chắc chắn sẽ đạt mức phát triển cao hơn.



Dự kiến tăng 15% kim ngạch *xuất khẩu* so với năm 1988, trong đó xuất sang các nước xã hội chủ nghĩa tăng gần 17%, các nước ngoài xã hội chủ nghĩa khoảng 12%. Trị giá hàng hợp tác gia công tăng 40%.

Thực hiện các cam kết trong các hiệp định đã ký kết với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, với các nước ngoài xã hội chủ nghĩa là nghĩa vụ hàng đầu; đồng thời, mở rộng hơn nữa các lĩnh vực và quy mô hợp tác để có thêm điều kiện thực hiện các cam kết. Chú trọng các hình thức hợp tác trực tiếp ở cấp Nhà nước cũng như các ngành, địa phương và cơ sở.

Việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển lương thực, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu đòi hỏi ngày càng nhiều sản phẩm *công nghiệp nặng* (phân bón, điện, ximăng, sắt thép, xăng dầu, máy móc...) và sự phát triển tương ứng của kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông vận tải. Do vậy, các mục tiêu về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu phải gắn liền mật thiết, hữu cơ với tất cả các hoạt động kinh tế, xã hội khác, hình thành sự phát triển đồng bộ và cân đối của toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Theo tinh thần đó, kế hoạch nhà nước năm 1989 đã chú trọng phát triển năng lượng, công nghiệp phân bón, ximăng... Sản lượng điện tăng 18% so với năm 1988, trên cơ sở bảo đảm tiến độ xây dựng Thủy điện Trị An, Hòa Bình và các lưới điện đồng bộ, nhằm khai thác tốt khả năng của các nhà máy hiện có. Miền Trung và Tây Nguyên là nơi đang gặp khó khăn lớn về năng lượng, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Năng lượng cần có phương án tích cực nâng sản lượng điện nhằm bảo đảm cho được nhu cầu tối thiểu của hai vùng này. Sản xuất than năm 1989 bằng mức năm 1988, nhưng phải đặc biệt chú trọng tăng chất lượng, bảo đảm giá trị cao hơn.



Sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên được bố trí tăng khá. Tăng mức sản xuất một số hóa chất cơ bản phục vụ nông nghiệp, công nghiệp nhẹ...

Ngành Cơ khí phải bảo đảm tốt hơn nữa các thiết bị phục vụ nông nghiệp, công nghiệp chế biến, thủy lợi, giao thông vận tải, dụng cụ phụ tùng. Chú trọng sửa chữa, khôi phục các thiết bị hư hỏng. Mở rộng hợp tác quốc tế, tích cực tham gia chương trình chuyên môn hóa, hợp tác hóa trong lĩnh vực cơ khí, điện tử của Hội đồng Tương trợ kinh tế và với các nước khác.

Giao thông vận tải vẫn đang là khâu yếu của nền kinh tế. Một mặt, Nhà nước tăng dần mức đầu tư cho giao thông, sửa đổi giá cước vận tải để tạo điều kiện chuyển hoạt động giao thông vận tải sang hạch toán kinh doanh; mặt khác, chấn chỉnh gấp công tác quản lý giao thông vận tải nhằm tăng nhanh vòng quay thương mại, bảo đảm vận chuyển những mặt hàng chủ yếu như than, phân bón từ Bắc vào Nam và lương thực, các hàng hóa khác từ Nam ra Bắc. Đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân an toàn và thuận tiện. Mở rộng dịch vụ thông tin trong và ngoài nước, từng bước hiện đại hóa và mã số hóa mạng lưới thông tin.

Nghiên cứu khoa học và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật là một trong những yếu tố quyết định kết quả thực hiện các nhiệm vụ sản xuất. Năm 1989, phải triển khai có kết quả 175 đề tài có ý nghĩa thiết thực, có khả năng hoàn thành trong năm thuộc 14 chương trình khoa học - kỹ thuật trọng điểm để áp dụng trong các năm sau; mở rộng áp dụng các kết quả nghiên cứu đã được kết luận, tập trung vào các nội dung chính: áp dụng 40 giống lúa mới, 8 giống ngô, một số giống lạc và đậu tương năng suất cao, chất lượng tốt; nghiên cứu kỹ thuật canh tác, phương thức bón phân, tưới tiêu thủy lợi, kỹ thuật chế biến màu, lâm sản, thủy sản.



Nghiên cứu thử nghiệm và ứng dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật để tăng khả năng khai thác công suất, thiết bị, tiết kiệm nguyên liệu: tạo nguồn nguyên liệu, thiết bị và phụ tùng thay thế các loại cần nhập khẩu và tăng chất lượng sản phẩm. Nghiên cứu và đưa vào sử dụng được liệu trong nước để chữa bệnh. Chú trọng tiến hành các hoạt động nghiên cứu cơ bản có định hướng, trong đó ưu tiên cho những công trình nghiên cứu phục vụ trực tiếp kế hoạch năm 1989 - 1990, chuẩn bị cho năm 1991 - 1995, phục vụ đổi mới cơ chế quản lý kinh tế - xã hội, làm căn cứ cho các quyết định về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Để thực hiện được các nhiệm vụ kinh tế trước mắt, đồng thời thực sự chuẩn bị cho bước phát triển trong những năm sau, việc *đầu tư cơ bản* nhằm xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật có ý nghĩa cực kỳ quan trọng; không thể vì khó khăn trước mắt mà hạn chế quá mức đầu tư. Năm 1989, tổng vốn đầu tư tập trung của Nhà nước không thể thấp hơn năm 1988. Ngoài ra, cần động viên các nguồn vốn khác để bổ sung cho nguồn vốn Nhà nước, trước hết chú trọng đầu tư chiều sâu, đồng bộ hóa, sửa chữa để tận dụng công suất máy móc, thiết bị hiện có. Trong cơ cấu đầu tư năm 1989, sẽ nâng tỷ trọng các ngành nông nghiệp, thủy lợi, giao thông vận tải, giáo dục đào tạo, y tế bảo vệ sức khỏe, nghiên cứu khoa học, v.v. nhằm đạt một số mục tiêu chủ yếu: đưa tổ máy số 2 của Thủy điện Hòa Bình vào hoạt động, hoàn thành cơ bản 4 tổ máy của Thủy điện Trị An, đẩy tiến độ xây dựng các mỏ than trọng điểm; tăng thêm năng lực tưới tiêu khoảng 15 vạn ha; bảo đảm xây dựng 300 trung tâm thực hiện các biện pháp kế hoạch hóa gia đình, tăng mức đầu tư để ngăn chặn tình trạng xuống cấp các trường học, bệnh viện, các công trình văn hóa quan trọng; bảo đảm tín dụng xây dựng một số cầu, sửa chữa và nâng cấp từng



phần đường sắt, đường số 1A và nạo vét cảng biển, luồng lạch... Những công trình cần tiến hành chuẩn bị đầu tư là: điện Hàm Thuận, điện Italy, khai thác bốc xít, v.v.. Đồng thời, mở rộng khảo sát thăm dò dầu khí trên thềm lục địa và chuẩn bị xây dựng nhà máy lọc dầu.

II- VỀ CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Chúng ta đang đứng trước nhiều vấn đề xã hội gay gắt cần giải quyết. Phát triển kinh tế sẽ góp phần quan trọng giải quyết tốt các vấn đề xã hội. Ngược lại, giải quyết đúng đắn các vấn đề xã hội sẽ thúc đẩy sản xuất phát triển. Việc giải quyết các vấn đề xã hội phụ thuộc vào khả năng thực tế của nền kinh tế, nhưng yêu cầu đặt ra là nhất thiết phải cố gắng đến mức cao nhất để giải quyết dựa trên cơ sở huy động lực lượng của Nhà nước và nhân dân, của Trung ương và địa phương.

Những mục tiêu cụ thể về xã hội năm 1989 là:

1. Bằng nhiều nguồn, nhiều hình thức, giải quyết thêm việc làm cho người lao động. Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động kế hoạch hóa gia đình đạt kết quả thiết thực hơn.

2. Giải quyết một bước các nhu cầu về vật chất và văn hóa, tinh thần.

3. Khôi phục và thiết lập trật tự xã hội theo tinh thần cơ chế quản lý mới; thực hiện công bằng xã hội.

Giải quyết việc làm cho người lao động là nhiệm vụ hàng đầu để ổn định tình hình xã hội, tăng thu nhập quốc dân, trong đó cấp bách nhất là đối với lứa tuổi thanh niên, các cháu không tiếp tục học lên cấp trên ở các thành phố, thị xã. Giải quyết việc làm phải dựa vào ba hướng chủ yếu như sau: *Một là*, vận dụng tốt các chính sách kinh tế đã và sẽ ban hành, tận dụng tiềm năng của



tất cả các thành phần kinh tế, kể cả tư nhân, cá thể kinh doanh nông, lâm, thủy sản và các ngành nghề tiểu, thủ công, vừa tạo việc làm tại chỗ, vừa đi các vùng còn nhiều khả năng khai thác như Đồng Tháp Mười, tứ giác Long Xuyên, vùng trung du của nhiều địa phương gắn với công tác định canh định cư ở miền núi; *Hai là*, thu hút các nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài; *Ba là*, mở rộng hợp tác lao động với nước ngoài, đồng thời phát triển việc gia công, dịch vụ xuất khẩu tại chỗ. Cần nhấn mạnh rằng, việc Nhà nước ban hành các chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh mở rộng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chính là nhằm tạo điều kiện mở rộng các hướng thu hút lao động, tạo việc làm. Nhân dân lao động nước ta, mỗi gia đình, mỗi người lao động cần tìm việc làm cho mình theo chính sách và luật pháp, bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng của tất cả các thành phần kinh tế. Đây chính là biểu hiện sự làm chủ của mỗi người trong lao động, thay vì y lại vào sự sắp xếp của Nhà nước. Về phía mình, Nhà nước cũng có trách nhiệm góp phần giải quyết việc làm cho mọi người. Người đi lao động nước ngoài cũng cần tranh thủ học thêm nghề, chuẩn bị các điều kiện để khi về nước có thể tự tổ chức sản xuất, tự tổ chức việc làm. Mô hình tổ chức các đơn vị Thanh niên xung phong đang có chiều hướng phát triển tốt, có sức thu hút mạnh lao động trẻ vào các hoạt động kinh tế, và trên thực tế, nhiều đơn vị thanh niên xung phong đã đạt hiệu quả thiết thực. Từ kinh nghiệm của các mô hình làm ăn tốt, sẽ đẩy mạnh xây dựng và hoàn chỉnh quy chế hoạt động của các đội Thanh niên xung phong làm kinh tế tự hạch toán, nhận thầu các công trình và các vùng kinh tế mới, tạo việc làm tại chỗ do tổ chức Đoàn các cấp phụ trách. Hình thành các trung tâm dịch vụ lao động ở các thành phố, thị xã để giới thiệu việc làm, đặt dưới



sự điều hành của Cơ quan quản lý lao động và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ở địa phương. Tổ chức các lớp dạy nghề cho thanh niên ở các quận, huyện.

Trong khi sản xuất phát triển chậm, dân số lại tăng nhanh, làm cho mức sống càng giảm sút, ảnh hưởng đến nhiều mặt hoạt động kinh tế, xã hội. Trong năm 1989, phải giữ tốc độ tăng dân số ở mức 2% và tạo điều kiện để hạ thấp hơn nữa tỷ lệ này vào năm 1990, bằng cách thực hiện tốt các chính sách mới ban hành về kế hoạch hóa gia đình. Để thực hiện điều này, cần tăng cường các biện pháp nghiệp vụ, kỹ thuật, xây dựng thêm nhiều cơ sở dịch vụ, bảo đảm đủ vật tư cho kế hoạch sản xuất các dụng cụ phòng tránh thai, củng cố tổ chức và đẩy mạnh hoạt động của Ủy ban quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình.

Thang lương, bảng lương hiện đang có nhiều bất hợp lý. Trong khi chuẩn bị các điều kiện để tiến tới cải tiến cơ bản chế độ tiền lương năm 1989, với khả năng cho phép, cần sửa ngay những điểm quá bất hợp lý, từng bước nâng dần thu nhập thực tế. Trong khu vực sản xuất, kinh doanh, phải gắn tiền lương của công nhân viên chức với hiệu quả sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp và năng suất lao động của từng người. Trong các ngành giáo dục và y tế, nếu được Quốc hội thông qua chế độ thu tiền học phí, viện phí, số tiền đó sẽ dành chi cho đời sống của giáo viên, cán bộ y tế. Trong các ngành sự nghiệp khác, một phần thu nhập được dùng để chi bổ sung cho đời sống. Trong khu vực hành chính, cần xem xét từng đối tượng để có biện pháp giải quyết thích hợp, cố gắng nâng mức thu nhập thực tế, bảo đảm lương của khu vực này không chênh lệch quá nhiều so với lương của khu vực sản xuất, kinh doanh.



Những người về hưu, thương binh, gia đình liệt sĩ, người tàn tật, trẻ mồ côi, người già yếu không nơi nương tựa, là những đối tượng chính sách cần tiếp tục thực hiện những chính sách, chế độ đã ban hành không để thu nhập giảm sút do ảnh hưởng của biến động giá cả, đồng thời nghiên cứu cải tiến cho hợp lý hơn.

Giáo dục là sự nghiệp trọng đại nhằm phục vụ cả trước mắt và lâu dài, cả hiện tại và tương lai của đất nước. Vì vậy, cần được Nhà nước và nhân dân ta hết sức quan tâm. Sự nghiệp giáo dục đang có những yêu cầu rất lớn. Năm 1989, phải tổ chức cho phần lớn số trẻ em đến tuổi đi học được vào trường, tổ chức học theo chương trình rút gọn cho các em quá tuổi, tạo điều kiện xóa dần hiện tượng mù chữ còn lại ở một số vùng; phổ cập giáo dục cấp I và phát triển cấp II theo khả năng và yêu cầu kinh tế, xã hội. Cấp phổ thông trung học có nhiệm vụ tạo nguồn đào tạo cán bộ, lao động kỹ thuật cho nền kinh tế; vì vậy đi đôi với hệ chính quy chính thức của Nhà nước, cần mở thêm hệ phổ thông không chính quy để thỏa mãn nhu cầu và nguyện vọng học tập của thanh, thiếu niên.

Nhằm mục đích nâng cao đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển trước mắt và lâu dài, cần mở nhiều loại hình để tăng quy mô tuyển sinh đại học trung học và dạy nghề; ngân sách nhà nước dành cho tuyển sinh xấp xỉ bằng năm 1988 - 1989; chú trọng các ngành sư phạm, y tế, quản lý kinh tế, pháp luật... Tiếp tục sắp xếp mạng lưới các trường, giảm bớt các trường và các ngành học trùng lắp; mở thêm một số ngành đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Phải tiến hành tốt việc tổng kết cải cách giáo dục, rút ra kết luận cần thiết để bổ sung, điều chỉnh chủ trương, tiến tới sửa đổi



cơ bản nội dung và phương pháp giáo dục, phù hợp với yêu cầu của công cuộc xây dựng kinh tế và đổi mới cơ chế quản lý.

Các hoạt động thông tin, phát thanh, truyền hình, xuất bản, in, báo chí phải chú trọng bảo đảm thông tin đầy đủ và đúng đắn tình hình đất nước, có định hướng, hữu ích, hai chiều; tích cực đấu tranh chống tiêu cực; tuyên truyền các mô hình mới trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế, xã hội, tạo ra niềm tin, củng cố sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong toàn dân, thúc đẩy công cuộc đổi mới cơ chế, thúc đẩy quá trình công khai hóa và dân chủ hóa. Mở rộng hợp tác với các nước, tranh thủ tiếp thu nguồn vốn và công nghệ mới về văn hóa, thông tin.

Yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, nghệ thuật không những chỉ về nội dung, mà cả về đầu tư vốn cần thiết. Năm 1989, cần dành tỷ lệ hợp lý trong ngân sách nhà nước cho các hoạt động này. Điều quan trọng là có chính sách tài chính thích hợp theo hướng đổi mới đối với từng loại hình văn hóa, nghệ thuật; phấn đấu tăng các nguồn thu, Nhà nước trợ giúp một phần. Đối với một số cơ sở sự nghiệp văn hóa không có thu cần được đầu tư để ngăn chặn tình trạng xuống cấp. Đầu tư có trọng điểm nhằm giữ vững và phát triển từng bước cơ sở vật chất - kỹ thuật, phương tiện của các cơ sở đầu đàn, then chốt của các hoạt động văn hóa, nghệ thuật. Các chế độ, chính sách hiện có cần được bổ sung, đồng thời xây dựng những chế độ, chính sách mới nhằm phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của văn nghệ sĩ, bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần cho những người làm công tác văn hóa, nghệ thuật. Trước mắt sửa đổi chế độ nhuận bút, chế độ tuổi nghề và tiền lương, chế độ đãi ngộ đối với người làm công tác văn hóa, nghệ thuật.



Trong lĩnh vực y tế, tiếp tục thực hiện 5 chương trình ở tầm quốc gia: cung cấp y tế cơ sở để chăm sóc sức khỏe ban đầu; tiêm chủng mở rộng 6 bệnh của trẻ em; kế hoạch hóa gia đình; chống sốt rét; chống tình trạng xuống cấp của các bệnh viện. Thuốc đang là nhu cầu cấp bách, cần tăng sản xuất trong nước, đồng thời phải sử dụng có hiệu quả viện trợ quốc tế để bổ sung thuốc và dược liệu.

Trong các vấn đề xã hội, yêu cầu bức thiết hiện nay là *khôi phục trật tự, kỷ cương, thực hiện công bằng xã hội, bảo đảm an toàn xã hội, chống tiêu cực*. Trong đó, trước hết là phải chống phân phôi bình quân, thực hiện nguyên tắc phân phôi theo lao động, phù hợp với khả năng thực tế hiện nay. Phải gắn tiền lương với năng suất lao động, khắc phục tình trạng trả lương tùy tiện, làm cho hệ thống tiền lương bị rối loạn, tạo ra thu nhập không hợp lý. Chúng ta tôn trọng lợi ích chính đáng của các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hợp pháp, có ích cho xã hội của các thành phần kinh tế, đồng thời kiên quyết lèn án, trừng trị bọn làm ăn phi pháp; có chính sách điều tiết thích hợp, thu hồi những khoản thu nhập bất chính. Bảo đảm công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân, chống tệ đặc quyền, đặc lợi, trừng trị những phần tử lợi dụng chức quyền làm ăn phi pháp, tham nhũng.

Xây dựng nếp sống và làm việc đúng pháp luật; thiết lập trật tự, kỷ cương trong sinh hoạt xã hội, kỷ luật trong các cơ quan, đoàn thể quần chúng. Muốn vậy, cần thực hiện quản lý nhà nước bằng pháp luật và chấp hành pháp luật, cung cấp các cơ quan pháp luật. Điều quan trọng là việc xây dựng pháp luật phải thể hiện đúng các quan điểm, tư tưởng và chính sách của cơ chế quản lý mới.

*Phần thứ ba***ĐỔI MỚI CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH
VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

Để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1989, việc tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách đang trở thành một trong những yêu cầu cấp bách nhất hiện nay.

Nội dung cơ bản của cơ chế, chính sách mới phải thể hiện đúng đắn, sâu sắc và đầy đủ những quan điểm cơ bản của Nghị quyết Đại hội VI, cụ thể là: xóa bỏ tập trung quan liêu bao cấp, chuyển hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh, phát triển kinh tế hàng hóa, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, thật sự đổi mới nội dung và phương pháp kế hoạch hóa, vận dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa - tiền tệ và quy luật giá trị, tạo điều kiện giảm bội chi ngân sách, hạn chế lạm phát, ổn định dần tình hình kinh tế - xã hội. Kinh nghiệm của bản thân nước ta và của nhiều nước xã hội chủ nghĩa khác đã chỉ rõ, chuyển sang hạch toán kinh doanh thật sự là một quá trình với những bước đi thích hợp, tích cực, khẩn trương nhưng không thể nôn nóng.

Dưới đây, xin trình bày một số nội dung chủ yếu về các chính sách theo hướng đổi mới cơ chế quản lý, cần thiết và có thể thực hiện ngay từ năm 1989.

1. Về các thành phần kinh tế

Trước hết, phải tháo gỡ những ràng buộc, vướng mắc trong khu vực kinh tế nhà nước, làm cho nó phát huy đầy đủ tác dụng trong nền kinh tế. Đồng thời, tiếp tục mở rộng phạm vi hoạt động của các thành phần kinh tế khác, nhất là trong nông nghiệp và công nghiệp, bao gồm tiểu thủ công nghiệp. Thực hiện đúng



những chính sách của Nhà nước đã ban hành đối với việc sử dụng các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh trong lĩnh vực công nghiệp và nông nghiệp; đồng thời, ban hành một số chính sách đối với các thành phần này trong các lĩnh vực khác, chủ yếu là dịch vụ, phân phối lưu thông, làm cho mọi tầng lớp nhân dân tin tưởng và hăng hái thực hiện.

Để khai thác mọi tiềm năng của các cơ sở quốc doanh chưa đủ điều kiện sử dụng hết công suất thiết bị, máy móc, có thể cho tập thể hay tư nhân thuê, hoặc dùng hình thức góp cổ phần nhằm tận dụng năng lực sản xuất, tạo thêm sản phẩm cho xã hội. Các cơ sở quốc doanh phải chuyển mạnh sang hạch toán kinh doanh; cơ sở nào làm ăn thua lỗ kéo dài thì chuyển thành hợp tác xã, xí nghiệp cổ phần hoặc tư nhân hóa.

2. Về giá

Trong tình hình lạm phát nghiêm trọng hiện nay, giá cả biến động, phải thực hiện mọi biện pháp đồng bộ để tránh xảy ra đột biến, ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đời sống.

Trong lĩnh vực giá thu mua và bán lẻ, đến nay đã thực hiện cơ chế mua theo giá thỏa thuận, bán theo giá kinh doanh đối với phần lớn nông sản và hàng tiêu dùng, đồng thời thực hiện bù giá vào lương, đưa lương vào giá thành sản phẩm, tạo điều kiện cho các cơ sở chuyển dần sang hạch toán kinh doanh, từng bước tiền tệ hóa tiền lương. Nhờ đó, về cơ bản, đã xóa bỏ được một phần quan trọng bù lỗ về giá bán lẻ, thu hẹp đáng kể chênh lệch giữa giá bán lẻ của Nhà nước với giá thị trường, thực hiện giá kinh doanh phù hợp với quan hệ cung cầu và sức mua của thị trường xã hội. Trong thời gian tới, cần tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý giá kinh doanh, để cho cơ sở có quyền tự chủ hơn



nữa trong việc định giá, tự chịu trách nhiệm về lời lỗ, thanh toán tình trạng can thiệp theo kiểu hành chính của chính quyền nhà nước các cấp. Nhà nước dành quyền xử lý trực tiếp một số ít sản phẩm quan trọng nhất của nền kinh tế quốc dân.

Chi phí khấu hao và giá bán vật tư hiện nay vẫn còn thấp, làm cho hạch toán không thật, buộc ngân sách nhà nước phải bù lỗ. Năm 1989 và 1990, phấn đấu thực hiện cơ chế một giá kinh doanh trong mua bán vật tư, thiết bị bằng cách thu hẹp dần giá ổn định có tính chất bao cấp, mở rộng dần giá kinh doanh, thu hẹp mức chênh lệch giữa hai loại giá đó. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh sẽ thực hiện dần việc tính đúng, tính đủ giá thiết bị, vật tư, còn giá bán thì sẽ áp dụng rộng rãi cơ chế giá kinh doanh phù hợp với sức mua của thị trường xã hội.

Để bảo đảm tác động tích cực của giá, việc định lại các loại giá phải dựa trên cơ sở của việc đổi mới toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của xí nghiệp và các cơ chế, chính sách quản lý vĩ mô của Nhà nước, nhất là cơ chế kế hoạch hóa, tài chính, tín dụng.

3. Về lưu thông hàng hóa

Phương hướng cơ bản tổ chức và quản lý thị trường phải nhằm phát huy vai trò chủ động, tích cực của thị trường đối với sản xuất và lưu thông hàng hóa, đối với đời sống của nhân dân, đồng thời, thiết lập trật tự trên thị trường xã hội, kiên quyết chống đầu cơ, buôn lậu.

Tình hình lương thực năm 1988 có tiến bộ, nhưng chưa đủ vững chắc, còn phải tiếp tục phấn đấu tích cực hơn nữa trong năm 1989 và 1990, bảo đảm an toàn về lương thực. Trên cơ sở phát triển sản xuất, phải tổ chức tốt việc huy động lương thực, kể cả thu thuế, thu nợ đúng chính sách, giảm mạnh tỷ lệ hư hao,



mắt mát đang còn quá cao trong các khâu bảo quản, vận chuyển lương thực. Phải bằng mọi cách, kể cả việc tiết kiệm tiêu dùng trước mắt để tăng dự trữ quốc gia về lương thực.

Một trong những biện pháp quan trọng nhất để sử dụng đúng và tiết kiệm lương thực là chuyển mạnh sang kinh doanh lương thực, áp dụng giá kinh doanh một cách phổ biến, mua bán thật sự thỏa thuận, lấy lời khâu này bù lỗ khâu khác. Về cơ bản, Nhà nước không bù lỗ trong mua, bán lương thực.

Tổng công ty lương thực chịu trách nhiệm cân đối trên phạm vi cả nước, điều hòa giữa các vùng, nhằm bảo đảm ổn định và an toàn nhu cầu lương thực cho các đối tượng và khu vực trọng điểm. Tùy theo yêu cầu của thị trường, trên cơ sở tự chịu trách nhiệm về lỗ lãi, thực hiện kinh doanh có hiệu quả nhất về lương thực, tăng dự trữ lưu thông, Tổng công ty được chủ động trong kinh doanh, như xuất, nhập khẩu lương thực để cải tiến cơ cấu lương thực; thực hiện “xuất Nam, nhập Bắc”; kết hợp với các địa phương trong việc xuất khẩu nông sản hoặc các sản phẩm khác để nhập lương thực, tự cân đối bằng thế mạnh của mỗi địa phương.

Từ năm 1989, việc cung ứng vật tư được giao cho các tổ chức kinh doanh ngành hàng, để các tổ chức này trực tiếp ký hợp đồng bán vật tư, mua sản phẩm với cơ sở sản xuất theo nguyên tắc thuận mua vừa bán, dưới mọi hình thức. Tổ chức kinh doanh nào nhận chỉ tiêu của Nhà nước thì phải quyết toán việc sử dụng, mua về đủ số hàng hóa tương ứng và phải tự chịu trách nhiệm về lời, lỗ. Trong điều kiện cung cầu vật tư còn căng thẳng, nhất là đối với những vật tư chiến lược, chưa thể mua bán một cách tự do, mà phải thực hiện phương pháp đấu thầu trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, theo mục tiêu kế hoạch.



Về *hàng tiêu dùng*: Yêu cầu chung là mở rộng giao lưu hàng hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng trong nước, thực hiện quan hệ trực tiếp giữa người sản xuất và người tiêu dùng, bảo đảm hàng hóa lưu thông thông suốt, không qua trung gian, không bị chia cắt bởi địa giới hành chính. Để thực hiện phương hướng đó, hệ thống tổ chức của thương nghiệp quốc doanh phải được sắp xếp hợp lý thông qua quá trình vận động để chuyển sang kinh doanh, gắn khâu bán buôn với bán lẻ, bảo đảm hàng hóa vận chuyển nhanh từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ, giảm đến mức thấp nhất chi phí lưu thông.

Việc mua, bán giữa đơn vị sản xuất quốc doanh với đơn vị kinh doanh thương nghiệp phải dựa trên cơ sở hợp đồng, thuận mua, vừa bán. Làm thủ và mở rộng dần phương thức cơ quan kinh doanh nắm vật tư, tổ chức đấu thầu với các đơn vị sản xuất, nhằm tiết kiệm vật tư, nâng cao chất lượng hàng hóa, thỏa mãn tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng. Các cơ sở sản xuất có quyền tiêu thụ sản phẩm của mình với mọi tổ chức thương nghiệp bán lẻ, kể cả việc mở cửa hàng trực tiếp bán cho người tiêu dùng, khắc phục cung cách “sản xuất theo lệnh, mua bán theo lệnh với giá bao cấp” trước đây.

Để góp phần mở rộng lưu thông hàng hóa, cần sử dụng nhiều thành phần trong thương nghiệp theo quy hoạch và phân công hợp lý đối với từng ngành hàng. Các thành phần đều bình đẳng trong kinh doanh trên thị trường theo pháp luật và chính sách của Nhà nước; khuyến khích cạnh tranh lành mạnh, nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của người tiêu dùng.

Đối với hàng hóa phi mậu dịch, nhằm khuyến khích những mặt hàng trong nước có nhu cầu, khắc phục những cách làm có tính chất hạn chế, gây phiền hà trước đây, Nhà nước đã ban hành



quyết định không buộc phải bán cho tổ chức thương nghiệp nhà nước, không thu thuế đối với hàng hóa của những người đi hợp tác lao động, đi học tập và công tác ở nước ngoài mang về. Nhà nước cũng sẽ ban hành tiếp các văn bản hướng dẫn các hoạt động kiều hối (bằng ngoại tệ và bằng vàng) để tạo thuận lợi hơn nữa cho người Việt Nam ở nước ngoài, kể cả từ các nước xã hội chủ nghĩa và các nước ngoài xã hội chủ nghĩa, gửi về giúp đỡ gia đình và đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước.

4. Về kinh tế đối ngoại

Để xóa dần bao cấp, sử dụng vốn vay một cách có hiệu quả, từ nay cơ sở nào, ngành nào sử dụng vốn vay nước ngoài thì cơ sở đó, ngành đó có trách nhiệm hoàn trả, trừ một số công trình do Trung ương quy định. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh có nhu cầu ngoại tệ phải chủ động giải quyết bằng cách mua ngoại tệ tại Ngân hàng, tự vay, tự trả với nước ngoài... Các đơn vị có thu ngoại tệ do xuất khẩu đều phải bán một phần cho Ngân hàng theo giá kinh doanh, tỷ lệ đó được quy định tùy theo nhóm hàng, mặt hàng; đơn vị được toàn quyền sử dụng số ngoại tệ còn lại. Điều cần chú ý là để thực hiện cơ chế mua, bán ngoại tệ, Ngân hàng phải có tỷ giá phù hợp, có tiền mặt để mua, có quỹ ngoại tệ để bán cho các đơn vị có nhu cầu.

Lâu nay, xuất khẩu thường bị “lỗ” lớn, một mặt do chi phí xuất khẩu cao, mặt khác do tỷ giá hối đoái xác định chưa hợp lý và hàng nhập về bán giá quá thấp. Từ năm 1989, Nhà nước cân đối vật tư, hàng hóa tương ứng với giá trị mua hàng xuất khẩu, thực hiện cơ chế thu bù ngoại thương, nhằm bảo đảm lợi ích của người làm hàng xuất khẩu.

Để tránh phiền hà cho đơn vị xuất nhập khẩu, từ nay, Bộ Kinh tế đối ngoại cấp giấy phép xuất nhập khẩu một lần cho



cả năm căn cứ theo hạn ngạch đã được duyệt; ủy quyền cho các Bộ trưởng, Tổng cục trưởng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố cấp giấy phép từng chuyến hàng. Riêng về xuất, nhập khẩu theo Nghị định thư, các đơn vị xuất, nhập khẩu phải đăng ký kế hoạch từng quý với Bộ Kinh tế đối ngoại, để nếu cần thì kịp thời điều chỉnh, bảo đảm Nghị định thư đã ký.

Để mở rộng hơn nữa các quan hệ kinh tế đối ngoại, chúng ta đã có Luật đầu tư và Nghị định quy định cụ thể một số vấn đề để thi hành Luật, sắp tới sẽ ban hành thêm một số văn bản pháp quy khác về các vấn đề tỷ giá hối đoái, các quy chế về sử dụng lao động, tiền thuê đất đai, quy chế hải quan, về hoạt động của các loại xí nghiệp liên doanh, hoạt động của khu chế biến hàng xuất khẩu, v.v. đồng thời, củng cố tổ chức quản lý kinh tế đối ngoại và các dịch vụ khác.

5. Về ngân sách nhà nước và tín dụng

Ngân sách nhà nước là một hệ thống thống nhất từ trên xuống dưới, có phân cho từng cấp quản lý. Sự phân cấp quản lý ngân sách phải phù hợp với sự phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội và trình độ phát triển kinh tế của từng địa phương, nhằm khai thác tối đa khả năng, thế mạnh của từng vùng, tạo dần sự phát triển đồng đều trong cả nước. Bởi chi ngân sách quá lớn đang là một trong những nguyên nhân trực tiếp gây ra nạn lạm phát với nhiều hậu quả xấu đã trình bày ở trên. Năm 1989, trên cơ sở phát triển sản xuất, chấn chỉnh lưu thông, phấn đấu, động viên vào ngân sách nhà nước khoảng 25% thu nhập quốc dân sản xuất, để giảm dần bội chi ngân sách.

Một nguồn thu chủ yếu của ngân sách là thuế. Nhìn chung, hệ thống thuế ta hiện nay không phù hợp với yêu cầu của



cơ chế quản lý mới. Cần phải thông qua thuế để động viên một phần quan trọng thu nhập quốc dân vào ngân sách, nhưng thuế đang thất thu lớn, thiếu một số thuế cần thiết; ngược lại, có tình trạng đánh thuế không hợp lý, ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất và giá cả. Ngoài chức năng động viên thu nhập quốc dân, thuế còn có tác dụng điều tiết, hướng dẫn sản xuất, kinh doanh là điều rất quan trọng trong cơ chế quản lý mới. Vì vậy, ngay trong năm 1989, phải xây dựng một hệ thống thuế hợp lý để bảo đảm nguồn thu cho ngân sách, thực hiện công bằng xã hội và phát huy vai trò động lực hướng dẫn, khuyến khích, điều tiết sản xuất, kinh doanh. Bộ Tài chính sẽ báo cáo rõ các khoản thu chồng chéo không hợp lý cần sửa gấp, các khoản thất thu, chưa thu mà theo luật pháp hiện hành là cần thu đủ và thu đúng, những điểm cần trình Hội đồng Nhà nước sửa đổi pháp lệnh về các loại thuế, cải tiến phương thức thu thuế; củng cố bộ máy thu thuế.

Các cơ quan luật pháp, đoàn thể, mặt trận, các phương tiện thông tin đại chúng cần phê phán những khuyết điểm, những bất hợp lý trong thu thuế, đồng thời vận động, giáo dục toàn dân tự giác làm nghĩa vụ đóng góp, phê phán và xử lý nghiêm các hành vi trốn thuế, lậu thuế.

Nhiệm vụ quan trọng của Ngân hàng là phải kiên quyết chuyển sang kinh doanh, chống bao cấp qua tín dụng. Phải bảo đảm đầu tiên cho hoạt động sản xuất - kinh doanh và trả lương. Để góp phần chống lạm phát, Nhà nước phải có hạn ngạch phát hành nghiêm ngặt. Về tín dụng, tiếp tục phát hành công trái vay dân, đồng thời bằng nhiều biện pháp, huy động ngày càng nhiều các nguồn vốn nhàn rỗi trong xã hội, coi đó là nguồn chủ yếu của hoạt động tín dụng. Điều chỉnh lãi suất tín dụng phù hợp với sức mua của đồng tiền theo giá kinh doanh, người gửi không thiệt,



Ngân hàng không lỗ; đồng thời, thúc đẩy các cơ sở sản xuất - kinh doanh tăng nhanh vòng quay vốn. Tập trung vốn tín dụng cho khu vực sản xuất, giảm mạnh dư nợ ở khâu lưu thông, tránh cho vay trùng lắp. Mở rộng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt không chỉ trong khu vực quốc doanh, mà cả trong khu vực tập thể, tư nhân. Khuyến khích các nhà kinh doanh tư nhân mở tài khoản tại Ngân hàng, kể cả Ngân hàng Ngoại thương.

6. Về cơ chế đầu tư

Tổng vốn đầu tư xây dựng của nền kinh tế quốc dân bao gồm nhiều nguồn khác nhau: vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách địa phương, vốn vay tín dụng, vốn tự có của cơ sở, vốn huy động nhân dân và vốn hợp tác với bên ngoài.

Vốn ngân sách trung ương được thể hiện trong chỉ tiêu pháp lệnh Nhà nước, trước hết dành cho các công trình trọng điểm nhà nước, các công trình hạ tầng cơ sở và quốc phòng, an ninh. Ngoài ra, chỉ đầu tư hỗ trợ cho một số mục tiêu kinh tế - xã hội ở những địa phương mà ngân sách quá eo hẹp.

Đối với công trình hợp tác với bên ngoài như cao su, cà phê, v.v. chủ đầu tư tự vay và tự trả. Đối với công trình nước ngoài viện trợ thì chủ đầu tư tự đầu tư bằng vốn viện trợ, vốn tự có.

Trong việc đầu tư cho các vùng nguyên liệu phục vụ chế biến của xí nghiệp quốc doanh Trung ương, xí nghiệp chế biến phải phụ trách đầu tư trên cơ sở vốn tự có, vốn vay và hợp đồng liên doanh, liên kết. Trong trường hợp thật cần thiết và cấp bách, Nhà nước hỗ trợ một phần.

Đối với việc đầu tư xây dựng nhà ở và công trình công cộng, Nhà nước cấp một phần vốn ngân sách, số còn lại huy động quỹ phúc lợi và các nguồn vốn tự có khác. Các công trình có thời gian



xây dựng ngắn, có khả năng thu hồi vốn nhanh thì dùng hình thức vay vốn tín dụng.

7. Đối với các hoạt động sự nghiệp

Để đáp ứng một phần các yêu cầu bức xúc đang đặt ra trước mắt, trong năm 1989, ngoài việc nâng tỷ trọng đầu tư cho lĩnh vực xã hội, trong đó dành ưu tiên cho chương trình dân số, hạn chế tình trạng xuống cấp của một số cơ sở y tế, giáo dục, thông tin, văn hóa, thể dục thể thao, cần bổ sung một số chính sách sau đây:

Đề nghị Quốc hội cho phép thu một phần học phí, viện phí để khắc phục tình trạng xuống cấp của các cơ sở y tế, giáo dục, bảo đảm đời sống cho thầy thuốc và giáo viên, nâng cao trách nhiệm của cả Nhà nước và nhân dân trong sự nghiệp giáo dục và bảo vệ sức khỏe. Số này sẽ không thu một cách bình quân mà có chính sách miễn, giảm theo từng loại đối tượng.

Về vốn đầu tư và kinh phí đào tạo, Nhà nước giao cho Bộ Đại học - Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề quản lý và điều hành trong toàn bộ hệ thống đào tạo.

Trong lĩnh vực sự nghiệp, trên tinh thần áp dụng từng bước cơ chế hạch toán kinh doanh sẽ chia hoạt động này thành ba loại: loại do Nhà nước cấp toàn phần; loại cấp một phần; loại tự trang trải và tiến tới đóng góp cho Nhà nước.

Đối với các cơ quan nghiên cứu và triển khai công tác khoa học kỹ thuật, cần áp dụng chế độ đơn đặt hàng Nhà nước, chế độ thi tuyển cơ quan chủ trì, thi tuyển chủ nhiệm chương trình và đê tài. Xóa bỏ chế độ cấp phát tài chính từ ngân sách nhà nước theo tổ chức và biên chế, chuyển sang chế độ cấp phát theo nhiệm vụ, thông qua đơn đặt hàng Nhà nước, bằng cơ chế khoán.



Giao cho Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước quản lý và điều hành toàn bộ vốn đầu tư và kinh phí nghiên cứu khoa học - kỹ thuật và quyết toán về hiệu quả sử dụng. Ngoài nguồn vốn của ngân sách theo đơn đặt hàng Nhà nước, cần mở rộng hình thức liên kết liên doanh thông qua hợp đồng tự nguyện giữa các cơ sở sản xuất, kinh doanh, không chỉ với các cơ quan nghiên cứu và triển khai khoa học - kỹ thuật mà với cả từng cán bộ khoa học - kỹ thuật trong mọi thành phần kinh tế.

8. Đối với miền núi và vùng dân tộc

Tập trung vốn, vật tư làm thủy lợi nhỏ và thủy điện nhỏ, đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, nhất là giống có năng suất cao, thích hợp với vùng sinh thái, để thâm canh, tăng vụ cǎ lúa và màu; không phá thêm rừng làm rẫy, kết hợp chặt chẽ với công tác định canh định cư.

Đẩy nhanh tốc độ phát triển cây ngắn ngày, dài ngày, cây được liệu, tạo ra sản phẩm để trao đổi và xuất khẩu lấy thêm lương thực. Đẩy mạnh chăn nuôi đại gia súc theo hướng phát triển kinh tế hàng hóa giữa các vùng.

Để giữ cân bằng sinh thái, phải quản lý, bảo vệ rừng, tái sinh rừng, trồng rừng, khôi phục tán che phủ cho cả nước; đặc biệt, chú trọng rừng đầu nguồn của các công trình thủy lợi, thủy điện, nhất là Hòa Bình, Thác Bà... Nhà nước cần đổi vốn và huy động sự đóng góp của các xí nghiệp có liên quan để bảo vệ rừng đầu nguồn. Khuyến khích nhân dân nhận rừng để chăm sóc và nhận đất trồng rừng để trồng mới, được sử dụng lâu dài, được thừa kế theo chính sách Nhà nước đã ban hành.

Về giao thông vận tải, địa phương đầu tư vào các tuyến tỉnh lộ, động viên nhân dân góp sức và Nhà nước hỗ trợ một phần.



Về vận tải vật tư, hàng hóa, phải xác định giá cước hợp lý, không để các địa phương miền núi và các tỉnh xa phải gánh chịu phí vận tải quá lớn.

Đẩy mạnh công tác định canh, định cư, ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân các dân tộc miền núi. Đối với một số xã vùng cao, biên giới, Trung ương đã dành riêng quỹ vật tư, hàng hóa, các địa phương phải phân phối đến người dân, không để mất mát ở các cấp trung gian. Năm 1989, Trung ương và tỉnh tăng thêm đầu tư cho nước ăn của nhân dân vùng cao, xây dựng dần cơ sở cung cấp nước sinh hoạt ở một số huyện lỵ; giúp các địa phương đầu tư cho giáo dục vùng cao, xây dựng bệnh viện, nhà văn hóa ở những huyện và tỉnh quá thiếu thốn, xây dựng dần hệ thống truyền thanh, truyền hình...

Việc trao đổi hàng hóa qua biên giới là một nhu cầu tất yếu phục vụ cho sản xuất và đời sống, là quan hệ truyền thống của nhân dân vùng biên giới hai bên; cần được hướng dẫn và tổ chức quản lý chặt chẽ.

9. Về tổ chức cán bộ

Để chuyển sang hạch toán kinh doanh, điều quan trọng nhất là bảo đảm quyền tự chủ của đơn vị sản xuất kinh doanh, tự chịu trách nhiệm về lỗ, lãi, chịu sự lựa chọn của người tiêu dùng và làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước. Muốn vậy, cần phân biệt rõ chức năng quản lý nhà nước về kinh tế của Hội đồng Bộ trưởng và ủy ban nhân dân các cấp với chức năng quản lý trực tiếp sản xuất - kinh doanh của đơn vị cơ sở. Nhà nước, các cấp không can thiệp vào hoạt động cụ thể của đơn vị cơ sở, mà hướng dẫn, tạo điều kiện cho cơ sở chủ động xây dựng kế hoạch,



liên doanh liên kết, tổ chức sản xuất - kinh doanh theo phương hướng của kế hoạch nhà nước và nhu cầu của thị trường.

Về phần Nhà nước, cần rút kinh nghiệm năm 1988, tiếp tục sắp xếp, kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước, quản lý kinh tế từ Trung ương đến địa phương, nhằm hợp lý hóa tổ chức, giảm biên chế, cải tiến lề lối và phương thức điều hành. Để đáp ứng đòi hỏi của cơ chế quản lý mới, vấn đề cán bộ quản lý đang là một khâu cấp bách, nhất là trong lĩnh vực phân phối lưu thông. Phải thông qua việc thực hiện cơ chế quản lý mới mà sắp xếp tổ chức bộ máy, tuyển chọn, bố trí cán bộ cho phù hợp.

Thực tiễn chỉ rõ xây dựng được kế hoạch sát đúng là rất quan trọng; song, quan trọng hơn là tổ chức thực hiện kế hoạch, nhất là trong điều kiện nước ta hiện nay. Trước mắt, cần tiếp tục xử lý những vấn đề còn lại của năm 1988, như tiêu thụ nhanh những vật tư, hàng hóa tồn đọng; thanh toán những khoản nợ giữa các đơn vị sản xuất - kinh doanh; giải quyết tình trạng chiếm dụng vốn, v.v.. Đó là những việc rất cần thiết, tạo đà thuận lợi cho việc thực hiện kế hoạch năm 1989. Đồng thời, cần ban hành kịp thời những văn bản pháp quy thể hiện nhất quán và đồng bộ tinh thần của cơ chế quản lý mới, chú trọng các chính sách giá và tỷ giá, chính sách thuế, chính sách tiền lương, mua bán ngoại tệ, chính sách và cơ chế xuất, nhập khẩu, các văn bản cụ thể thi hành Luật đầu tư, văn bản về khu chế biến hàng xuất khẩu, v.v..

Các bộ, tổng cục cùng ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo các ngành hàng tiến hành sớm việc ký kết hợp đồng kinh tế với cơ sở sản xuất, chỉ đạo việc ký kết hợp đồng kinh tế giữa cơ sở chế biến và các vùng nguyên liệu theo nguyên tắc bình đẳng, hai bên cùng có lợi; tổ chức đấu thầu sản xuất và xây dựng, trước hết đối với những sản phẩm và công trình có thể tiến hành sớm; giảm ngay



những khâu trung gian đã thấy rõ là không hợp lý, đồng thời, tiếp tục đi sâu vào các tổ chức kinh tế (sản xuất, lưu thông) để phát hiện những bất hợp lý khác và có kế hoạch sửa đổi.

Các cơ quan quản lý kinh tế phải phối hợp với các cơ quan thông tin báo chí, các cơ quan pháp luật, các đoàn thể, giúp các cơ quan trên nắm vững chủ trương, biện pháp giải quyết các mục tiêu kinh tế - xã hội để giáo dục, động viên nhân dân thực hiện kế hoạch nhà nước.

Các bộ, tổng cục, các ủy ban nhân dân, với tư cách và trách nhiệm quản lý nhà nước, phải thường xuyên kiểm tra, giải quyết kịp thời những vướng mắc trong thực tiễn nhằm tháo gỡ khó khăn cho cơ sở, đồng thời, qua chỉ đạo thực tế mà phát hiện và bổ sung, sửa đổi hoặc kiến nghị bổ sung, sửa đổi những điều chưa hợp lý trong các chủ trương, chính sách.

Thưa các đồng chí đại biểu Quốc hội,

Trên đây, Hội đồng Bộ trưởng đã báo cáo Quốc hội phương hướng, chủ trương giải quyết những vấn đề chủ yếu về kinh tế - xã hội năm 1989. Kế hoạch nhà nước năm 1989 được bố trí theo hướng đó, xuất phát từ thực trạng kinh tế - xã hội hiện nay và trên cơ sở khai thác những nhân tố mới, những tác dụng tích cực của cơ chế, chính sách kinh tế. Thực hiện được các mục tiêu nêu trong dự án kế hoạch, nền kinh tế và sinh hoạt xã hội sẽ đạt được những kết quả như sau:

Các ngành kinh tế tiếp tục phát triển: giá trị sản lượng công nghiệp tăng khoảng 10%, nông nghiệp tăng 5%, kim ngạch xuất khẩu tăng 15%, tổng sản phẩm xã hội tăng 7,6% và thu nhập quốc dân tăng 8,2%. Sản lượng lương thực bình quân đầu người từ 297,8 kg năm 1988 tăng lên 307 kg năm 1989. Với mức này



và thực hiện việc kinh doanh, điều hòa tốt giữa các vùng thì tình hình lương thực sẽ đỡ căng thẳng, tăng thêm được dự trữ. Một số công trình và hạng mục công trình quan trọng như Tổ 2 Thủy điện Hòa Bình, Tổ 3 và 4 Thủy điện Trị An, cơ sở nghiên cứu-ke Kiến Lương, nhà máy kính Đáp Cầu, v.v. đi vào hoạt động sẽ cung cấp cho xã hội một lượng sản phẩm đáng kể. Việc chuẩn bị cho kế hoạch 1991 - 1995 và các công trình gối đầu đã được chú trọng.

Với việc tiếp tục ban hành các chính sách theo hướng đổi mới và đưa vào cuộc sống, sẽ xóa bỏ dần tình trạng quan liêu bao cấp, nâng dần hiệu quả và chất lượng sản xuất, giảm chi phí lưu thông, giảm bớt khó khăn về đời sống, nhất là đối với cán bộ, công nhân và lực lượng vũ trang.

Dự kiến những triển vọng trên đây, chúng ta đồng thời hoàn toàn không xem nhẹ những khó khăn đang còn rất lớn: lạm phát tiếp tục diễn ra nghiêm trọng; giá cả chưa bình ổn; số người chưa có việc làm tăng lên; tốc độ tăng dân số vẫn quá cao; lương thực chưa thật sự vững chắc. Để khắc phục khó khăn đó, công tác quản lý kinh tế - xã hội phải được đổi mới và nâng cao hơn nữa.

Thưa các đồng chí đại biểu Quốc hội,

Đất nước đang đứng trước những thử thách nghiêm trọng và khó khăn to lớn. Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đều băn khoăn lo lắng trước thực trạng không bình thường đó. Hội đồng Bộ trưởng chúng tôi rất day dứt về trách nhiệm của mình đối với đất nước, với nhân dân.

Thực tiễn đã cho thấy con đường duy nhất thoát ra khỏi khó khăn để tiếp tục phát triển là phải thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội VI. Trách nhiệm của Hội đồng Bộ trưởng chúng tôi là phải thấm nhuần sâu sắc đường lối và quan điểm của Đại hội để cụ



thể hóa thành những chính sách mới nhằm phát huy cao độ tiềm năng sáng tạo to lớn của toàn thể nhân dân ta, phấn đấu đưa kinh tế - xã hội ra khỏi thực trạng gay gắt hiện nay.

Đó là phương hướng duy nhất đúng đắn, đã được kiểm nghiệm trong thực tế. Với tinh thần nhạy bén thảng vào sự thật, chúng ta không giấu giếm những khuyết điểm, thiếu sót, thậm chí sai lầm, đồng thời phải khẳng định phương hướng và cách đi của chúng ta là đúng đắn. Điều kiện cơ bản có tính quyết định là sự nhất trí thật sự trong nhận thức, đồng tâm hiệp lực trong hành động của toàn Đảng, toàn dân ta, từ Trung ương đến các ngành, các địa phương và cơ sở, bao gồm cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, luôn luôn hướng về Tổ quốc. Chúng ta tin tưởng sâu sắc rằng, với kinh nghiệm thực tế của nhiều năm qua, với đường lối, chủ trương của Đại hội VI, được cụ thể hóa bằng các chính sách mới của Đảng và Nhà nước, với tinh thần cần cù, sáng tạo của nhân dân, chúng ta nhất định thực hiện thắng lợi kế hoạch nhà nước năm 1989, tạo đà thuận lợi cho năm 1990, năm kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Bác Hồ vĩ đại, năm có nhiều sự kiện trọng đại trong đời sống chính trị, xã hội nước ta.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

Văn kiện Quốc hội toàn tập, Sđd, t.7, q.1, tr.766-804.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Số 712/TB, ngày 28 tháng 4 năm 1989

**Kết luận của Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
Võ Văn Kiệt về một số vấn đề thuộc quận Côn Đảo,
Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo**

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo, ngày 28/3/1989, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt đã giải quyết một số vấn đề thuộc quận Côn Đảo.

Tham dự cuộc họp có: đồng chí Lê Quang Thành, Bí thư Đặc khu ủy; đồng chí Đỗ Quốc Hùng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo; đồng chí Nguyễn Văn Ích, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng; đồng chí Hoàng Ngọc Diêu, Tổng cục trưởng Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam; đồng chí Châu, Giám đốc Công ty trực thăng Vũng Tàu và các đồng chí đại diện Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Kinh tế đối ngoại, Bộ Tài chính.

Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt đã kết luận một số vấn đề như sau:

1. Quy hoạch quận Côn Đảo do Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo và quận Côn Đảo trình bày đã được duyệt từ tháng 4/1987 (có đại diện Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các bộ hữu quan dự). Hội đồng Bộ trưởng coi việc xây dựng quận Côn Đảo là một trong những công trình quốc gia, giao cho Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo



thực hiện. Dưới sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Đặc khu, các ngành chuyên môn ở Đặc khu, theo chức năng của mình, cần chủ động vạch chương trình kế hoạch thực hiện phần mình trong quy hoạch quận Côn Đảo đã được duyệt, báo cáo cho cấp trung ương của ngành mình giúp đỡ và tạo điều kiện cho thực hiện.

2. Quận Côn Đảo được coi là một đơn vị kế hoạch tổng hợp do Ủy ban Kế hoạch Nhà nước trực tiếp giao kế hoạch. Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo khi trình duyệt kế hoạch, phải có phần duyệt kế hoạch riêng cho quận Côn Đảo.

3. Côn Đảo là một quận cần được hưởng những cơ chế và chính sách có tính đặc thù, như: được trực tiếp liên doanh liên kết, hợp tác với các địa phương trong nước, được xuất nhập khẩu trực tiếp hoặc ủy thác qua bất cứ công ty nào có lợi nhất, v.v. được liên doanh liên kết kinh tế với nước ngoài theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Đặc khu cùng Ủy ban nhân dân quận Côn Đảo dự thảo cơ chế chính sách cụ thể trình Hội đồng Bộ trưởng xem xét và quyết định.

4. Về ngân sách cho Côn Đảo. Đồng ý với đề nghị của Đặc khu là phải dành ưu tiên ngân sách cho quận Côn Đảo để xây dựng Côn Đảo tương xứng với vị trí và tầm quan trọng của nó. Ủy ban nhân dân Đặc khu làm việc cụ thể về phân cấp ngân sách với Bộ Tài chính:

Nguồn ngân sách cho Côn Đảo gồm có:

- Phần đầu tư của Trung ương (cho công trình quốc gia này).
- Phần đầu tư của Đặc khu.
- Phần do quận Côn Đảo tự tạo bằng liên doanh, liên kết với trong và ngoài nước theo cơ chế cho phép.



Bộ Tài chính xem xét khả năng sau đây báo cáo Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định:

+ Dành phần ngân sách hằng năm Đặc khu đáng lý phải điều tiết về Trung ương, thì để lại cho Côn Đảo coi như Trung ương đầu tư cho Côn Đảo.

+ Cho mở xổ số trên phạm vi ngoài Đặc khu để có tiền đầu tư xây dựng nhà bảo tàng cách mạng Côn Đảo. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể.

5. Về vấn đề giao thông. Cần giải quyết gấp phương tiện đi lại bằng đường thủy và hàng không nối Côn Đảo với đất liền. Ủy ban nhân dân Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo bàn với Tổng cục Đường biển và Tổng cục Hàng không dân dụng để xây dựng phương án cụ thể trình Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng duyệt sớm.

6. Về cán bộ, Ủy ban nhân dân Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo phải hết sức quan tâm đến việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về mọi mặt cho quận Côn Đảo.

CHỦ NHIỆM VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Hồ Ngọc Nhuờng

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Văn phòng Chính phủ, hồ sơ số 1.

THƯ
GỬI ÔNG HOÀNG NGỌC DIÊU,
TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HÀNG KHÔNG
DÂN DỤNG VÀ GỬI VĂN PHÒNG
HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Ngày 30 tháng 6 năm 1989

Kính gửi: Anh Hoàng Ngọc Diêu, Tổng Cục trưởng Tổng cục
Hàng không dân dụng,

Đồng gửi: Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng,

Tôi mới nhận được Công văn số 407 ngày 24/6/1989 của anh
gửi đồng chí Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Xin nhắc lại với anh: tháng 2/1989, tôi đã làm việc với anh,
bàn và giải quyết nhiều vấn đề về cảng cố ngành hàng không
dân dụng, sau đó đã ban hành Chỉ thị số 42 ngày 02/3/1989.
Tiếp theo đó, trong tháng 5/1989, đồng chí Chủ tịch Đỗ Mười và
tôi đã làm việc thêm với anh; hôm đó có anh Sáu Nam¹ cùng dự.
Ngày 22/6/1989, tôi đã báo anh em Văn phòng tôi viết thư hỏi ý
kiến của anh về việc hợp tác với Thành phố Hồ Chí Minh để liên
doanh với nước ngoài về hàng không.

Thế nhưng, trong Công văn ngày 24/6/1989, không thấy anh
báo cáo về kết quả thực hiện các chỉ thị của Thường vụ Hội đồng

1. Sáu Nam: Đồng chí Lê Đức Anh (B.T).



Bộ trưởng trong các cuộc họp nói trên; tôi cũng chưa thấy rõ có thay đổi gì đáng kể trong công việc của hàng không những tháng gần đây. Anh cũng chưa chính thức báo cáo với Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng ý kiến của anh đối với đề nghị của Thành phố Hồ Chí Minh, mặc dù việc này kéo dài đã lâu.

Tôi đề nghị anh bám chắc các chủ trương đã bàn được thể chế hóa trong các văn bản đã ban hành, tích cực tìm các biện pháp để thực hiện, thường xuyên báo cáo Thường trực Hội đồng Bộ trưởng kết quả thực hiện các chủ trương đó, đồng thời đề ra các kiến nghị để triển khai ngay các công việc cấp bách của ngành Hàng không mà Thường trực Hội đồng Bộ trưởng và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã chỉ thị.

Nhân tiện, anh cũng báo cáo rõ về sự việc mà báo Tiền phong chủ nhật số 5/1989 (mới ra tuần này) đã nêu về một số chuyến đi nước ngoài của cán bộ Tổng cục Hàng không để Thường trực Hội đồng Bộ trưởng biết.

Sáu Dân

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phông Thủ tướng Võ Văn Kiệt, hồ sơ số 48.

CÔNG VĂN

Số 1167/PPLT, ngày 01 tháng 7 năm 1989

**Về vấn đề sản xuất, tiêu thụ, xuất khẩu
bột củ mì (sắn)**

Kính gửi: Đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh,

Đồng gửi: - Các đồng chí chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh
miền Trung và Tây Nguyên,

- Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm,
- Bộ Kinh tế đối ngoại,
- Ngân hàng Nhà nước,
- Bộ Tài chính,
- Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng,

Tôi đã nhận được Công văn số 151 ngày 31/5/1989 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc lãi tín dụng ngân hàng đối với số bột mì tinh ứ đọng của tỉnh. Riêng về việc này, tôi đã có ý kiến đề nghị Ngân hàng xét chiếu cố về lãi suất đối với bột mì là mặt hàng cần khuyến khích tiêu thụ.

Nhân dịp này, tôi muốn nhắc lại tỉnh Tây Ninh cũng như các tỉnh khác có trồng củ mì, ủy ban nhân dân tỉnh là người chịu trách nhiệm trước dân về việc sản xuất và tiêu thụ, kể cả xuất khẩu. Tỉnh cần bàn kỹ với Tổng Công ty Lương thực có các biện pháp cụ thể.

Các ngành có liên quan của Trung ương phải thấy trách nhiệm của mình trong việc để sản phẩm mì ứ đọng (như ở Tây Ninh



hiện nay ứ đọng đến 5.060 tấn bột mì tinh); cần xúc tiến tìm thị trường trong, ngoài nước để tiêu thụ được các loại sản phẩm chế biến từ củ mì - một loại lương thực có giá trị của ta.

Về giá cả, có khi lên, khi xuống theo diễn biến của thị trường; người sản xuất cũng như người tiêu thụ phải linh hoạt vận dụng, lấy mục tiêu tiêu thụ kịp thời được hàng hóa là quan trọng nhất. Các tỉnh phải chủ động đề xuất các kiến nghị về giá cả mua, các loại thuế (kể cả thuế xuất khẩu), lãi suất ngân hàng, v.v. đối với các mặt hàng này, khi giá bán xuống thấp, để khuyến khích sản xuất, người sản xuất khỏi thiệt. Các ngành chức năng phải nghiên cứu và xử lý kịp thời các đề nghị của địa phương về mặt này.

Sáu Dân

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phông Thủ tướng Võ Văn Kiệt, hồ sơ số 48.

**BÁO CÁO
VỀ TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU, DỰ TRỮ
VÀ TRẢ NỢ LUƠNG THỰC
BẨY THÁNG ĐẦU NĂM 1989**

Ngày 12 tháng 8 năm 1989

Kính gửi: - Bộ Chính trị,
- Ban Bí thư,
- Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng,

Vừa qua, tôi đã vẽ làm việc với một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung và đã họp với các đồng chí lãnh đạo các bộ có liên quan kiểm điểm tình hình và bàn việc tiêu thụ lương thực vụ đông xuân 1988 - 1989 còn lại và vụ hè thu 1989. Xin báo cáo để các anh rõ.

**I- VỀ TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU, DỰ TRỮ
VÀ TRẢ NỢ LUƠNG THỰC**

Việc xuất khẩu gạo năm nay là một nhiệm vụ đột xuất, không có chuẩn bị trước. Theo kế hoạch năm 1989, đầu năm ta còn chủ trương nhập thêm khoảng 20 vạn tấn gạo để dự trữ, việc xuất khẩu chỉ để trả một số nợ gạo vay nóng đến hạn phải trả. Đến tháng 3, do đồng bằng sông Cửu Long được mùa lớn và do việc chuyển lương thực sang kinh doanh một giá lúa gạo cả nước bắt đầu có dư thừa, nhất là khu vực đồng bằng sông Cửu Long,



ta mới có chủ trương một mặt tăng cường dự trữ nhà nước, mặt khác cho khu vực đồng bằng sông Cửu Long mở rộng xuất để tiêu thụ lúa dư cho nông dân, nhưng ý kiến chung cũng chưa thật nhất trí. Mai đến cuối tháng 4 đầu tháng 5, trước tình hình bức bách phải tiêu thụ lúa dư vụ mùa và vụ đông xuân, mới chính thức có chủ trương cho khu vực đồng bằng sông Cửu Long mở rộng xuất khẩu gạo để vừa tiêu thụ lúa dư cho dân, vừa dự trữ ngoại tệ để khi cần nhập lại lương thực và nhập thêm vật tư cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và hàng tiêu dùng thiết yếu phục vụ cho người sản xuất lương thực, nhưng cũng vừa làm, vừa thăm dò biến động của vụ đông xuân ở miền Bắc và vụ hè thu ở miền Nam. Vì vậy, đến tháng 5, ta mới duyệt mức khung cho các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long xuất 800.000 tấn. Đến tháng 6, thấy vụ hè thu ở miền Nam tốt và vụ đông xuân ở miền Bắc được mùa khá; qua thử thách của hai cơn bão lớn, lương thực chẳng những không có biến động mà giá cả còn sụt xuống dưới mức hợp lý, ta mới duyệt bổ sung mức khung cho các tỉnh khu vực đồng bằng sông Cửu Long xuất thêm khoảng 1.200.000 tấn (đây là mức khung để các tỉnh vừa xuất vừa chuẩn bị, còn giấy phép cho xuất cụ thể, đến nay mới cấp gồm 800.000 tấn).

Đối với các tỉnh miền Bắc và miền Trung, qua thử thách của các cơn bão lớn, tình hình lương thực vẫn ổn định, ta cũng chủ trương một mặt bảo đảm dự trữ cho được 500.000 tấn thóc, mặt khác cho một số tỉnh còn thừa lương thực xuất một số để có tiền mua tiếp thóc vụ đông xuân cho dân đang không tiêu thụ được (mức khung đã duyệt là 340.000 tấn gạo).

Do việc xuất khẩu đặt ra một cách đột xuất, vừa làm vừa thăm dò tình hình nên việc xuất khẩu vừa qua có nhiều khó khăn về thị trường, giá cả, vốn, kho tàng, bến bãi, cảng, xay xát,



bao bì... Nhưng do sự nỗ lực, cố gắng và hợp tác chặt chẽ của các ngành, các địa phương nên các chủ trương xuất khẩu gạo đã ra đã được thực hiện tương đối tốt.

1. Về xuất khẩu gạo

Tính đến ngày 9/8 so với số giấy phép đã cấp gần 800.000 tấn, khu vực Nam Bộ đã thực xuất được 660.000 tấn gạo, trong đó riêng 3 tháng 5, 6, 7 đã xuất trên 400.000 tấn. Trong đó:

- Tổng Công ty Lương thực Trung ương đã xuất 228.000 tấn, bao gồm xuất để trả nợ của Nhà nước 150.000 tấn, xuất để dự trữ ngoại tệ cho Nhà nước 39.000 tấn, số còn lại là xuất ủy thác và kinh doanh.

- Công ty Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh xuất 141.000 tấn, chủ yếu là xuất ủy thác cho các địa phương.

- Các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long đã xuất 309.000 tấn: vừa xuất trực tiếp, vừa ủy thác cho các công ty trung ương khác xuất.

Dự kiến đến cuối tháng 8 sẽ xuất thêm được 150.000 tấn (đã có tàu đang xếp gạo) đưa tổng số xuất của 8 tháng lên trên 800.000 tấn.

Ở miền Bắc, mới có Tổng Công ty Lương thực Trung ương xuất được 10.500 tấn (lấy trong số gạo tồn kho).

Việc tổ chức xuất khẩu lúc đầu có lộn xộn, sơ hở, nhưng Hội đồng Bộ trưởng đã có nhiều chỉ thị uốn nắn, các ngành, các tỉnh, thành phố đã sắp xếp, tổ chức lại nên đã dần dần đi vào nền nếp.

- Từ Chỉ thị số 145 ngày 29/5/1989 đến Chỉ thị số 168 ngày 21/6/1989 và Chỉ thị số 183 ngày 06/7/1989, Hội đồng Bộ trưởng đã tiếp tục chỉ đạo, uốn nắn các lệch lạc, tập trung sự chỉ đạo vào chủ tịch ủy ban nhân dân các địa phương. Mỗi tỉnh được cho phép một số lượng khung (bao gồm phần của các công ty tỉnh, của các huyện và phần liên kết với các địa phương khác).



Các địa phương đã tăng cường công tác quản lý, điều hành việc xuất khẩu của các huyện, các ngành của tỉnh, nên tình hình chạy đi xin giấy phép xuất khẩu một cách lộn xộn đã giảm hẳn.

Cũng có dư luận là có đơn vị bán quota, chúng tôi đang kiểm tra để xử lý nghiêm với các trường hợp phát hiện.

- Bộ Kinh tế đối ngoại đã sắp xếp lại các đầu mối xuất khẩu, từ 48 đơn vị được trực tiếp lúc đầu nay chỉ còn 14 đơn vị được xuất trực tiếp và nhận ủy thác xuất. Đồng thời, Bộ cũng tăng cường chỉ đạo kiểm tra, hướng dẫn việc giao dịch, ký kết hợp đồng với thương nhân, đã hạn chế được sơ hở. Khoảng 70% số gạo xuất vừa qua được thành toán bằng L/C và bằng điện hối qua Ngân hàng Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh và Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo, chỉ có 30% là đổi hàng (đổi bao tải, vàng, thuốc trừ sâu...).

- Bộ Kinh tế đối ngoại đã tăng cường cán bộ cho bộ phận kiểm tra chất lượng gạo, từ 18 người lên 53 người nên việc kiểm tra chất lượng gạo xuất đã làm kịp thời hằng ngày và bảo đảm chặt chẽ hơn.

- Đã thành lập Ban Điều hành xuất khẩu gạo các tỉnh Nam Bộ gồm đại diện các bộ: Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Kinh tế đối ngoại,... để quản lý và điều hành đồng bộ các vấn đề liên quan đến xuất khẩu gạo.

- Giá cả xuất giữa các đơn vị xuất cũng tương đối thống nhất, không có chênh lệch nhiều. Giá gạo ta bán trong 7 tháng qua như sau:

Loại 25% tấm giá 240 - 245 đôla/tấn.

Loại 35% tấm giá 230 - 233 đôla/tấn.

Loại 45% tấm giá 193 - 210 đôla/tấn.

Gần 80% số gạo xuất vừa qua là loại 35% tấm.



Ta chưa bán được gạo theo giá thị trường thế giới vì ta mới xuất từng chuyến, chưa có hợp đồng dài hạn, chưa có thị trường ổn định; năng lực xay xát gạo đủ tiêu chuẩn xuất khẩu còn thấp, gạo chưa tiêu chuẩn hóa, bảo quản chưa tốt; cầu cảng và điều kiện bốc dỡ còn khó, chi phí cao, ảnh hưởng đến giá bán...

- Bộ Giao thông vận tải đã có nhiều cố gắng trong việc sắp xếp, điều độ việc tàu vào cảng xếp gạo. Trong tháng 6, 7 cảng Sài Gòn đã nâng được mức bốc xếp gạo lên gấp đôi so với các tháng trước. Trong khi đó, việc bốc dỡ các hàng hóa khác vẫn được bảo đảm.

Về nhập khẩu, chủ trương là phải tập trung cho các vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhưng ở một số địa phương, đang có tình hình là xuất gạo rồi nhập lại mặt hàng kiểm chênh lệch giá như xe ôtô du lịch, xe gắn máy mà không chú ý nhập lại vật tư phục vụ sản xuất và tiêu dùng phục vụ cho người làm lương thực (hiện đã tích cực uốn nắn).

Những vấn đề này, tôi đã giao rõ nhiệm vụ cho Bộ Kinh tế đối ngoại, Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm và Ban Điều hành xuất khẩu gạo khu vực Nam Bộ kiểm tra và giải quyết.

2. Về dự trữ lương thực

Chủ trương của ta là năm nay phải dự trữ cho được 1.000.000 tấn lương thực, trong đó 500.000 tấn bằng thóc để ở miền Bắc và 500.000 tấn bằng ngoại tệ.

- Về 500.000 tấn thóc dự trữ ở miền Bắc, đến ngày 10/8 đã thu thuế và mua thêm được 300.000 tấn, cộng với số 160.000 tấn cũ là 460.000 tấn. Hiện nay, Cục Dự trữ đang tiếp tục thu và mua để dự trữ cho đủ 500.000 tấn. Vốn đã có, điều kiện thu mua thuận lợi, chắc chắn bảo đảm được.



- Vê 500.000 tấn dự trữ bằng ngoại tệ, Hội đồng Bộ trưởng đã phát hành 200 tỉ đồng để mua lúa xuất khẩu để thu về 61 triệu đôla. Bộ Tài chính đã hợp đồng vốn 10 đầu mối xuất khẩu và đến ngày 16/7 đã cấp xong số tiền trên cho các đầu mối và đến ngày 31/7 các đầu mối xuất khẩu đã rút ra mua gạo là 156,5 tỉ đồng, còn gửi ở ngân hàng 43,5 tỉ đồng.

Về thu hồi ngoại tệ, theo quy định thì các mối xuất khẩu sẽ nộp theo tiến độ rút tiền; đợt đầu tiên là tháng 9 phải nộp 21.421.232 đôla, tháng 10 là 26.815.068 đôla, tháng 11 là 13.407.534 đôla. Tuy nhiên, nhiều đơn vị đã nộp sớm hơn dự kiến: trong tháng 7 Tổng Công ty Lương thực Trung ương đã nộp được 3.258.484 đôla và trong tháng 8 các đơn vị đã đăng ký nộp thêm 15 triệu đôla.

Chúng tôi đang tăng cường kiểm tra, đôn đốc các đơn vị bảo đảm nộp đúng hạn cho Nhà nước, mặt khác và là mặt quan trọng nhất là giúp địa phương tìm được thị trường xuất số gạo thuộc nguồn vốn này.

3. Vê xuất khẩu trả nợ của Nhà nước

Kế hoạch đầu năm giao Tổng Công ty Lương thực Trung ương xuất khẩu trả nợ của Nhà nước cả bằng ngoại tệ và bằng gạo là 200.000 tấn, đến nay Tổng Công ty đã xuất trả được gần 150.000 tấn, số còn lại Tổng Công ty cũng đã chuẩn bị đủ nguồn gạo, nhưng do phía khách chưa tìm được thị trường xuất nên chưa nhận.

Vấn đề mới xuất hiện là thấy ta được mùa xuất khẩu gạo nên Indonesia đòi ta trả thêm nợ và Ấn Độ cũng đề nghị ta trả trước 30.000 tấn gạo. Nguồn gạo ta có, nhưng vốn để trả nợ khó. Cần cân đối ngân sách để giải quyết một phần số nợ đó.



Tóm lại, việc xuất khẩu gạo là một vấn đề mới, chưa được đặt ra và chuẩn bị từ đầu năm, nên khi thực hiện có phần bị động, khó khăn, nhưng đã đạt được kết quả tốt về cả 3 mặt xuất khẩu, dự trữ nhà nước và trả nợ. Đã góp phần tiêu thụ lúa dư cho nông dân, làm cho nông dân phấn khởi sản xuất, ổn định thị trường, giá cả lương thực ở trong nước. Đối với quốc tế, việc ta xuất khẩu một số lớn gạo và trả được nợ gạo nước ngoài cũng có ảnh hưởng tốt về nhiều mặt.

II- YÊU CẦU TIÊU THỤ VÀ XUẤT KHẨU LƯƠNG THỰC TỪ NAY ĐẾN CUỐI NĂM

1. Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm và các địa phương thì lúa hàng hóa còn dư cần phải tiêu thụ tiếp cho nông dân khá lớn:

- Riêng khu vực đồng bằng sông Cửu Long, lúa mùa và đông xuân còn thừa 900.000 tấn thóc và lúa hè thu đang gặt có thể dư gần 1.300.000 tấn, tổng cộng là 2.200.000 tấn. Trừ chi dùng cho thành phố, miền Đông Nam Bộ và bổ sung cho A khoảng 400.000 tấn, còn thừa 1.800.000 tấn thóc hàng hóa.

- Ở miền Bắc, sau khi thu mua để dự trữ nhà nước và số các địa phương đã mua kinh doanh khoảng 450.000 tấn, còn thừa trong dân phải tiêu thụ khoảng 300.000 tấn thóc. Số này các tỉnh không mua hết và không tiêu thụ được và không có vốn nên giá thóc đang xuống còn khoảng 280 - 300 đồng/kg, gạo khoảng 520 - 550 đồng/kg. Ngoài ra, các tỉnh hiện nay còn tồn kho kinh doanh 193.000 tấn gạo.

- Ở miền Trung, vừa qua, tôi đã trực tiếp làm việc với các tỉnh như: Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Quảng Nam. Qua làm việc với các tỉnh, một số khu vực cũng không tiêu thụ



được thóc gạo, giá thóc nhiều nơi chỉ còn 180 - 200 đồng/kg. Đã có 140.000 tấn thóc trong dự trữ lưu thông, bảo đảm yên tâm khi có biến động về thời tiết.

Ngay những tỉnh vừa bị thiên tai nặng, giá thóc gạo cũng ổn định, không có biến động.

2. Để bảo đảm tiêu thụ hết lúa dư cho nông dân, không để hư hỏng và ảnh hưởng đến sản xuất, đi đôi với việc bảo đảm thực hiện kế hoạch dự trữ 1.000.000 tấn thóc vừa bằng hiện vật và bằng ngoại tệ, bổ sung nguồn lương thực kinh doanh cần thiết cho những khu vực thời tiết thường có biến động để bảo đảm an toàn, cần phải mở rộng xuất khẩu:

- Đối với khu vực đồng bằng sông Cửu Long từ nay đến hết năm phải xuất thêm cho được 700.000 - 800.000 tấn gạo, cả năm phải phấn đấu xuất cho được 1.500.000 tấn trở lên.

- Đối với các tỉnh miền Bắc và miền Trung, tỉnh nào đã cân đối chắc tiêu dùng ở địa phương (bằng cả nguồn tại chỗ và mua ở miền Nam ra) mà còn thừa lương thực thì cũng cho địa phương xuất để có vốn đầu tư cho sản xuất và tiêu thụ lúa dư cho dân. Những nơi có gạo đủ tiêu chuẩn xuất khẩu cũng có thể dành để xuất gạo tốt, mua về gạo bình thường để dùng trong địa phương.

Vấn đề lớn hiện nay là *thị trường*. Tôi đã giao Bộ Kinh tế đổi ngoại, Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và các ngành có liên quan phối hợp tìm thị trường xuất và giải quyết các vướng mắc, tồn tại để tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị xuất khẩu thực hiện. Các bộ đang tích cực triển khai, đồng thời chuẩn bị ngay từ bây giờ cho xuất khẩu gạo năm 1990 và tiếp sau.

Khó khăn hiện nay là vấn đề vốn, nếu không giải quyết thì sẽ rất khó khăn trong việc mua thóc của nông dân, nhất là mua



kịp thời để tránh hao hao. Tôi đã giao nhiệm vụ cho ngân hàng và Tổng Công ty Lương thực tích cực quay vòng vốn và thu nợ để có vốn cho địa phương vay, nhưng cũng cần thiết tăng thêm vốn tín dụng của ngân hàng (theo Ban Điều hành xuất khẩu gạo, cần thêm khoảng 250 tỉ đồng để mua nốt số thóc của vụ hè thu và của vụ đông xuân còn lại). Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng cần giải quyết thêm vốn cho ngân hàng để có vốn tín dụng cho địa phương. Ngoài vốn để cho vay mua lúa xuất khẩu, còn phải giải quyết vốn cho các địa phương mà thời tiết hay biến động để mua tăng mức lương thực dự trữ lưu thông cần thiết.

Kính,

Võ Văn Kiệt

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phông Thủ tướng Võ Văn Kiệt, hồ sơ số 48.

CÔNG VĂN

Số 2003/Pg, ngày 21 tháng 11 năm 1989

Về kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1990*

Kính gửi: Các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư,

Đồng kính gửi: Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng,

Tại cuộc họp Bộ Chính trị ngày 18/11/1989 bàn về kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1990, anh Năm Công¹ có phát biểu một số ý kiến về việc mua thóc dư của nông dân, liên quan đến giá thóc hiện nay. Vì chưa kịp thông báo lại để các anh năm cụ thể tình hình và chủ trương của Thường trực Hội đồng Bộ trưởng trong vấn đề này, cho nên tôi xin nêu rõ một số điểm như sau:

1. Như báo cáo kế hoạch đã nêu rõ, năm 1989, mặc dù gặp mây cơn bão lớn, thóc bị mất khoảng 30 vạn tấn, chúng ta vẫn thu hoạch một sản lượng thóc cao hơn trước - ước khoảng 20,5 triệu tấn. Do tác động của cơ chế mới, thóc gạo được lưu thông thông suốt giữa các vùng, nên tình trạng tồn đọng nơi thừa, nơi thiếu không còn như các năm trước, và do đó, giá cả vẫn giữ được ổn định. Giữa các vùng, giá cả có mức chênh lệch chút ít, nhưng không quá xa nhau như các năm trước. Theo báo cáo của Ủy ban Vật giá Nhà nước ngày 15/11/1989, thì giá thóc tẻ thường ở

* Đâu đẽ do chúng tôi đặt (B.T).

1. Năm Công: đồng chí Võ Chí Công (B.T).



Càm Thơ là 300 đồng/kg, ở Mỹ Tho 320 đồng, Nha Trang 250 đồng, Đà Nẵng 270 đồng, Nam Định 320 đồng.

2. Vấn đề lớn mới nảy sinh và đòi hỏi phải giải quyết là việc tiêu thụ thóc, gạo dư của nông dân. Chúng ta đã và đang giải quyết bằng nhiều cách:

- Xuất khẩu: đến nay đã được khoảng 1.100.000 tấn gạo. Đây là một cố gắng lớn vì là năm đầu tiên xuất khẩu nhiều, chưa kịp chuẩn bị về nhiều mặt: xay xát, kho tàng, vận chuyển, thị trường...

Riêng phần Nhà nước cũng đã đưa tiền ra mua khoảng 1,2 triệu tấn lúa để xuất khẩu lấy ngoại tệ để dự trữ. Đồng thời, đã xuất tiền mua khoảng 36 vạn tấn gạo để trả nợ nước ngoài (bằng gạo).

- Phần Nhà nước mua thóc để tăng thêm dự trữ quốc gia dự kiến khoảng 85 vạn tấn thóc. Cũng đã tăng vốn tín dụng để mua thóc đưa vào dự trữ kinh doanh khoảng 100 tỉ đồng.

Tổng cộng số tiền phát hành thêm để mua thóc năm nay là 1.051 tỉ đồng, chưa kể số tiền mà ngân hàng đã sử dụng vốn cấp các năm trước để quay vòng cho vay mua thóc trong 9 tháng đầu năm 1989 là 985 tỉ đồng.

3. Việc phân bổ số tiền nói trên đã được thực hiện như thế nào?

- Đã chú ý phân bổ để kịp thời tiêu thụ, bảo đảm giữ giá trong từng thời vụ và ở từng khu vực: chú trọng đồng bằng sông Cửu Long là nơi có khối lượng thóc hàng hóa lớn nhất cả nước, nhưng mặt khác, vẫn chú trọng thỏa đáng miền Bắc và miền Trung, không chỉ tập trung tiền và mua ở miền Nam. Ví dụ như mua 85 vạn tấn thóc để đưa vào dự trữ quốc gia thì đã phân bổ:

- | | |
|----------------------------|-------------|
| + Miền Bắc | 35 vạn tấn. |
| + Thanh Hóa và Nghệ - Tĩnh | 10 vạn tấn. |
| + Bình - Trị - Thiện | 10 vạn tấn. |



+ Miền Trung và Tây Nguyên 10 vạn tấn.

+ Nam Bộ 20 vạn tấn.

Việc mua thóc, gạo ở các tỉnh miền Nam chủ yếu là để cho xuất khẩu.

Đối với miền Trung, chủ yếu là mua để đưa vào dự trữ, nhưng cũng đã cho mua để xuất khẩu, ví dụ như Quảng Trị, cũng đã cho xuất khẩu một số qua Lào, có tác dụng giữ giá thóc.

Đối với miền Bắc, cùng với việc mua thóc đưa vào dự trữ quốc gia, dự trữ kinh doanh, cũng đã cho xuất khẩu tiểu ngạch qua Trung Quốc.

Việc phân bổ tiền để mua thóc tương đối phù hợp với tình hình lương thực hàng hóa ở từng khu vực, từng thời vụ đã có tác dụng trong việc ổn định giá lương thực hiện nay cũng như thời gian qua.

4. Tuy vậy, hiện nay, ở một số vùng, vẫn còn dư thóc hàng hóa, chưa tiêu thụ hết. Thường trực Hội đồng Bộ trưởng đang cố gắng giải quyết vấn đề tiêu thụ, mà chủ yếu hiện nay là thị trường, không chỉ tiêu thụ thóc, gạo mà cả một số nông sản khác. Khó khăn là:

- Nhà nước cũng không thể đưa tiền ra mua hết thóc dư để đưa vào dự trữ, vì như vậy sẽ làm tăng thêm khối lượng tiền mặt, ảnh hưởng ngay đến giá cả. Kinh nghiệm của thời gian qua đã chỉ rõ việc đưa thêm tiền vào lưu thông phải được cân nhắc thận trọng, nếu không thì sẽ tăng thêm tốc độ lạm phát, ảnh hưởng đến giá cả.

- Đối với thị trường trong nước thì đã gần như bão hòa.

- Về khả năng xuất khẩu: hiện nay thị trường cũng đang khó khăn; giá có chiều hướng xuống thấp, trước đây ta bán được khoảng 230 đôla/tấn gạo 35% tấm (tiêu chuẩn), nay chỉ còn



khoảng 190 - 200 đôla (không loại trừ khả năng thương nhân nước ngoài gây sức ép với ta).

Đây là một vấn đề lớn mà Thường trực Hội đồng Bộ trưởng đang tìm biện pháp giải quyết trong nhiều tháng nay. Đây cũng là một khó khăn mới của ta, từ tự cung tự cấp, nay vươn lên kinh tế hàng hóa: vấn đề thị trường đang đặt ra hết sức gay gắt. Hướng chủ yếu là tích cực tìm thị trường để xuất khẩu. Về giá xuất khẩu, cũng vận dụng một cách phù hợp với tình hình thị trường, vì ta chưa đủ điều kiện bảo quản, để lâu, thóc gạo sẽ xuống cấp.

Kính,

Sáu Dân

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Thủ tướng Võ Văn Kiệt, hồ sơ số 48.

TRẢ LỜI PHỎNG VẤN BÁO TUỔI TRẺ VỀ CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI NĂM 1990 VÀ MŨI ĐỘT PHÁ ĐỔI MỚI NGÂN HÀNG

Tháng 12 năm 1989

Phóng viên: Thưa đồng chí, mới đây đồng chí Cao Sĩ Kiêm, Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có gấp báo chí Thành phố Hồ Chí Minh và thông báo về một số hướng đổi mới hệ thống ngân hàng trong tương lai gần. Lâu nay ngân hàng bị coi là lực lượng bảo thủ quan liêu, bao cấp kiên cường nhất. Lần này, qua ý kiến đồng chí Tổng Giám đốc tuy chưa rõ nét lắm nhưng giới chuyên môn đánh giá hướng đổi mới này có vẻ triệt để, toàn diện?

Đồng chí Võ Văn Kiệt: Đúng như thế, đây là một chủ trương rất quan trọng, có tác động lớn đến toàn bộ công cuộc đổi mới về kinh tế - xã hội.

Như các đồng chí đã biết, từ sau Đại hội VI, chúng ta thực hiện nhiều chính sách đổi mới kinh tế. Các xí nghiệp chuyển dần sang kinh doanh. Thị trường được giải tỏa từng bước. Theo đó, thị trường tiền tệ cũng hình thành dần.

Đầu năm 1988, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định 53, mở đầu định chế chuyển ngân hàng sang kinh doanh. Việc thi hành Quyết định này đã đem lại một số mặt được và chưa được.

Đáng chú ý là: ngân hàng kinh doanh chưa ra kinh doanh, quản lý nhà nước cũng chưa ra quản lý nhà nước.



Về phía mình, ngân hàng đã vươn ra kinh doanh, nhưng bị chức năng quản lý nhà nước kiềm bao cấp kéo lại nhùng nhằng, nên không thể bao quát mọi nhu cầu của thị trường tiền tệ; hơn nữa, cũng vẫn ở trong tình trạng “kinh doanh không ra kinh doanh”, một số không ít đơn vị ngân hàng đã phát sinh tiêu cực mà công luận đã phê phán, các hình thức tín dụng, hụi hè, đầu cơ tiêu cực càng có đất phát triển.

Từ thực tế, Hội đồng Bộ trưởng đã thấy rõ yêu cầu cấp thiết đổi mới một cách cơ bản công tác ngân hàng (gắn với đổi mới công tác tài chính). Nói rộng ra, đó là *đổi mới chính sách tiền tệ* và ngân hàng là *công cụ trung tâm* của chính sách ấy.

Phóng viên: Vậy thì tư tưởng chỉ đạo của chính sách tiền tệ và đổi mới căn bản ngân hàng sắp tới là gì?

Đồng chí Võ Văn Kiệt: Chính sách tiền tệ sắp tới có nhiệm vụ cung ứng đầy đủ và kịp thời khối lượng tiền tệ nói chung cho lưu thông phân phối để đáp ứng yêu cầu của sức sản xuất đang được giải phóng:

Nói đến kinh tế hàng hóa, tất yếu phải nói đến tiền; phải có số lượng tiền tệ cần thiết để “chuyên chở” khối lượng hàng hóa ngày một tăng lên.

Đương nhiên, tôi nói “tiền” ở đây không chỉ là tiền mặt, tiền giấy mà là phải dùng nhiều hình thức huy động vốn, áp dụng nhiều phương tiện thanh toán mới để bổ sung vào hai phương tiện đơn sơ chật hẹp hiện nay là tiền mặt và séc chuyển khoản.

Về phía cho vay cũng phải bảo đảm tối mọi thành phần kinh tế, tối mọi vùng, tối mọi nhu cầu thanh toán, từ đầu tư tới sản xuất, tối lưu thông nội địa và xuất nhập khẩu và cho tối tiêu dùng.

Chính sách tiền tệ phải khuyến khích xuất khẩu, định hướng nhập khẩu, bảo đảm lợi ích kinh doanh cho xí nghiệp



xuất nhập khẩu, nhưng nhất thiết phải thực hiện sự quản lý thống nhất về ngoại hối, không nên *thả lỏng cho các đơn vị xuất nhập khẩu tự do sở hữu ngoại tệ, tự xoay sở cân đối ngoại tệ và nhất là chi tiêu ngoại tệ có phần “thoải mái” hiện nay.*

Phóng viên: Còn về đổi mới nhiệm vụ và tổ chức ngân hàng, tư tưởng chỉ đạo là sao?

Đồng chí Võ Văn Kiệt: Để tạo ra và thúc đẩy thị trường tiền tệ phát triển năng động đa dạng như thế, *tất yếu phải có mạng lưới ngân hàng thương mại biết kinh doanh.*

Để quản lý thị trường tiền tệ như thế, nhà nước trông cậy vào một Ngân hàng Nhà nước mạnh, nhạy bén, biết sử dụng những công cụ và kỹ thuật quản lý mới, có tư duy kinh tế vĩ mô và biết kinh doanh ngoại tệ với các ngân hàng nước ngoài.

Vì vậy, nguyên tắc căn bản cơ cấu lại hệ thống ngân hàng cần được xác định như sau:

- Tách chức năng quản lý của Nhà nước đối với thị trường tiền tệ để giao cho Ngân hàng Nhà nước. Tách chức năng kinh doanh tiền tệ để trả lại cho ngân hàng thương mại và cho ngân hàng phát triển (tức là ngân hàng cho vay đầu tư xây dựng cơ bản).

Điều mới cần ghi nhận ở đây là ngân hàng phát triển thực hiện cho vay một phần vốn đầu tư xây dựng cơ bản, thay vì toàn bộ vốn đầu tư đều do Ngân hàng Nhà nước cấp phát như hiện nay, “cha chung không ai khóc”, gây ra lãng phí lớn. Người chủ đầu tư đứng ra vay, sẽ phải tính toán chi ly các khoản chi tiêu và lo liệu việc trả nợ. Còn ngân hàng thương mại thì phải thật sự kinh doanh, huy động vốn ngắn hạn, cho vay vốn lưu động, làm dịch vụ thanh toán trực tiếp với đơn vị kinh tế, cơ sở người tiêu dùng..., tạo ra thị trường tiền tệ. Thật sự kinh doanh thì mỗi đơn vị ngân hàng sẽ tính toán kỹ việc sử dụng đồng vốn của mình



sao cho có hiệu quả, ngày một sinh lợi thêm, khắc phục được tình trạng tùy tiện “cho vay” như vừa qua.

- Chức năng, trách nhiệm đối với ngân sách và tiền tệ, giữa ngân sách và ngân hàng cũng sẽ được tách bạch rõ ràng, không thể nhập nhằng như hiện nay.

Nhất thiết phải *chấm dứt phát hành cho chi ngân sách. Phải mở rộng các hình thức công trái và huy động tạm thời cho ngân sách trên thị trường tiền tệ ngắn hạn.*

Như vậy, các khoản chi do ngân sách phụ trách cũng phải tính toán hết sức chặt chẽ, vì đây là nguồn “bao cấp” lớn nhất. Nếu đã dùng hết cách mà vẫn không thăng bằng được ngân sách mà phát hành để chi, thì ngân hàng chịu trách nhiệm phát hành và ngân sách phải chịu khoản nợ này.

Phóng viên: *Đồng chí vừa nói chỉ trong trường hợp bất đắc dĩ mới sử dụng phát hành để chi ngân sách. Vậy thì phát hành bình thường của ngân hàng là gì?*

Đồng chí Võ Văn Kiệt: Trong quá trình tăng trưởng kinh tế, một số của cải vật chất được sản xuất thêm ra và phải có đủ tiền để lưu thông các hàng hóa đó; nếu tạm thời không đủ thì ngân hàng phải mở rộng hơn nữa các phương tiện thanh toán không phải tiền mặt và kể cả tiền mặt.

Đây thực chất là quá trình tạo ra tiền của hệ thống ngân hàng để số tiền lưu thông tương ứng với nhu cầu lưu thông của hàng hóa. Cái khó là tính toán sao cho chặt chẽ: cần bao nhiêu tiền; tiền mặt là bao nhiêu; các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt là bao nhiêu... Tiền nhiều quá mức cần thiết, đó là lạm phát, dĩ nhiên là không tốt. Nhưng nếu tiền không đủ mức cần thiết thì cũng gây ra ách tắc cho lưu thông hàng hóa. Tiền và hàng cân bằng, vật giá sẽ không tăng.



Phóng viên: Công tác tư tưởng trong việc đổi mới căn bản ngân hàng lần này được quan niệm như thế nào?

Đồng chí Võ Văn Kiệt: Để đạt mục tiêu thực sự đổi mới, chúng ta phải dám tham khảo, học hỏi từ thấp tới cao, từ đơn giản đến phức tạp, những thành tựu mới khoa học và kỹ thuật ngân hàng của các nền kinh tế khác nhau.

Tất cả chúng ta đều nhất trí không phải là bản thân khoa học - kỹ thuật, mà vấn đề để phân biệt các chế độ kinh tế - xã hội là: ai sử dụng chúng và sử dụng vì mục đích gì? Đó là tinh thần thực sự cầu thị, vì mục đích xây dựng nền kinh tế giàu mạnh, tiến tới xã hội phúc lợi công bằng của chế độ ta.

Phóng viên: Thưa đồng chí Phó Chủ tịch, qua trình bày bao quát và sâu sắc của đồng chí, chúng tôi hy vọng mọi người sẽ thấy rõ việc đổi mới căn bản ngân hàng lần này là thực sự đổi mới. Quyết tâm hết sức cao của lãnh đạo, dứt khoát đoạn tuyệt với một kiểu ngân hàng, sản phẩm của cơ chế hành chính bao cấp và chỉ có vai trò, tác dụng đối với cơ chế đó, sẽ là một bảo đảm vững chắc cho đổi mới thành công.

Đây là một tin vui, hết sức vui cho năm mới: "Mã đáo thành công". Xin cảm ơn đồng chí.

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phông Thủ tướng Võ Văn Kiệt, hồ sơ số 54.

TRẢ LỜI PHỎNG VẤN

ĐÀI TIẾNG NÓI VIỆT NAM VỀ KẾT QUẢ KHÓA HỌP 45 HỘI ĐỒNG TƯƠNG TRỢ KINH TẾ

Ngày 23 tháng 01 năm 1990

Phóng viên: Để nghị đồng chí cho biết Khóa họp lần thứ 45 Hội đồng Tương trợ kinh tế tiến hành tại Thủ đô Xôphia vừa qua có những điểm gì mới so với các kỳ họp trước?

Đồng chí Võ Văn Kiệt: Có thể nói Khóa họp 45 Hội đồng Tương trợ kinh tế là một khóa họp có ý nghĩa rất đặc biệt đối với Hội đồng Tương trợ kinh tế cũng như đối với tất cả các nước thành viên.

Sở dĩ tôi nói như vậy là vì, theo dự kiến ban đầu, đây cũng chỉ là một cuộc họp thường lệ hàng năm của Hội đồng, với một chương trình nghị sự như mọi kỳ vẫn làm. Thế nhưng trong thời gian qua, nhất là 6 tháng cuối năm 1989, đã diễn ra những biến động đặc biệt lớn ở nhiều nước thành viên Hội đồng Tương trợ kinh tế ở châu Âu; hơn nữa, xu hướng quốc tế hóa đòi sống kinh tế của mỗi nước đang mở rộng. Trong mỗi nước thành viên, công cuộc cải tổ, đổi mới đang triển khai với những hình thức và mức độ khác nhau,... Trong tình hình đó, Hội đồng Tương trợ kinh tế phải xem xét lại cơ chế hợp tác của mình cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế và quan hệ kinh tế đối ngoại hiện nay của các nước. Có hai câu hỏi đặt ra là:

1. Hội đồng Tương trợ kinh tế có còn cần thiết tồn tại hay không?
2. Nếu tồn tại thì tồn tại như thế nào?



Chính yêu cầu trả lời hai câu hỏi đó đã làm cho khóa họp lần này trở thành một khóa họp đặc biệt, và nội dung Khóa họp 45 cũng chỉ tập trung vào hai vấn đề đó.

Vậy thì Hội đồng Tương trợ kinh tế đã có tác dụng như thế nào? Chúng ta đều biết, Hội đồng Tương trợ kinh tế được thành lập từ tháng 01/1949, đến nay đã trên 41 năm. Xét một cách công bằng và trên quan điểm lịch sử, Hội đồng Tương trợ kinh tế đã có những đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước thành viên và sức mạnh của cả cộng đồng, như sự đánh giá của đoàn ta tại khóa họp. Đồng chí Rúgiocốp, Trưởng đoàn đại biểu Liên Xô, đã phát biểu: “Trong hàng chục năm sau chiến tranh, Hội đồng Tương trợ kinh tế đã thực hiện vai trò trung tâm tổ chức thúc đẩy sự thống nhất những nỗ lực của chúng ta, nâng trình độ phát triển kinh tế lên một mức mới đối với từng nước nói riêng và cả cộng đồng nói chung. Nhờ Hội đồng Tương trợ kinh tế mà đã có thể thực hiện được những dự án khoa học, kỹ thuật và kinh tế quan trọng; nhiều nước thành viên đã có khả năng bảo đảm tốt hơn nhu cầu về nhiên liệu và nguyên liệu, máy móc, thiết bị, lương thực và hàng tiêu dùng”. Một số nước đã có điều kiện tham gia vào các quan hệ kinh tế thế giới. Gần đây, đã ký tuyên bố về việc thiết lập quan hệ chính thức giữa Hội đồng Tương trợ kinh tế và Khối Thị trường chung châu Âu.

Nhưng phải thừa nhận rằng trong thời gian gần đây, tình hình công việc trong Hội đồng Tương trợ kinh tế càng bộc lộ nhiều mặt yếu kém, không đáp ứng kịp yêu cầu phát triển kinh tế của mỗi nước và sự hợp tác giữa các nước trong tình hình mới. Khuyết điểm chủ yếu là các quan hệ hợp tác của Hội đồng Tương trợ kinh tế được hình thành trong thời kỳ cơ chế tập trung, hành chính, bao cấp, trao đổi hàng hóa theo lối hiện vật, không tính



đến quan hệ thị trường. Chính điều này đã làm mất động lực khuyến khích các xí nghiệp tham gia hoạt động kinh tế đối ngoại, cản trở việc nâng cao trình độ kỹ thuật và chất lượng sản phẩm.

Tình hình này ở nước ta đã thể hiện rõ trong các xí nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu theo nghị định thư cho các nước trong Hội đồng Tương trợ kinh tế có nhiều trớ ngại và kém hiệu quả.

Do tình hình và yêu cầu nói trên, Khóa họp 45 Hội đồng Tương trợ kinh tế tập trung vào bàn vấn đề đổi mới toàn diện hoạt động của Hội đồng Tương trợ kinh tế, cả về nguyên tắc hợp tác, cơ chế hợp tác và từ đó, phải đổi mới cả tổ chức và phải sửa đổi điều lệ. Đó là điểm mới nổi bật của khóa họp này.

Phóng viên: *Hoạt động của Đoàn đại biểu nước ta tại khóa họp này như thế nào?*

Đồng chí Võ Văn Kiệt: Điều rất đáng mừng là yêu cầu đổi mới hoạt động của Hội đồng Tương trợ kinh tế cũng rất phù hợp với đường lối, chủ trương đổi mới của nước ta đã được xác định từ Đại hội lần thứ VI của Đảng và được triển khai từ năm 1987 lại đây. Chính từ thực tiễn đó và được sự chỉ đạo về nguyên tắc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng đã chuẩn bị chu đáo cho Đoàn đại biểu nước ta đi dự, thể hiện rõ quan điểm của nước ta đối với vấn đề trọng đại này của Hội đồng Tương trợ kinh tế.

Tại Khóa họp 45, Đoàn đại biểu nước ta đã phát biểu ý kiến, toàn văn bài này đã được đăng trên báo chí và phát trên Đài Tiếng nói Việt Nam, nội dung tập trung vào mấy điểm như sau:

1. Khẳng định cần có Hội đồng Tương trợ kinh tế, nhưng đây phải là một tổ chức kinh tế quốc tế với một mô hình mới, một cơ cấu tổ chức mới, hoạt động theo một cơ chế phải được đổi mới.



2. Mô hình mới của Hội đồng Tương trợ kinh tế phải được thiết kế theo hướng chấm dứt hệ thống quản lý theo kiểu kế hoạch hóa tập trung hình thức, chuyển hẳn sang sử dụng rộng rãi các phương pháp kinh tế, quan hệ hàng hóa - tiền tệ. Chủ thể của quá trình hợp tác là các đơn vị kinh tế cơ sở. Chúng ta ủng hộ chủ trương áp dụng giá thế giới hiện hành và thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi, nhưng phải đi từng bước.

3. Riêng đối với Việt Nam, chúng ta chủ trương dành cho các nước thành viên Hội đồng Tương trợ kinh tế những điều kiện ưu tiên trong việc hợp tác khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên và lao động của nước ta, với nhiều hình thức hợp tác phong phú, đa dạng. Các điều kiện hợp tác, ưu tiên, ưu đãi lẫn nhau sẽ được thỏa thuận trên cơ sở hai bên cùng có lợi.

Bài phát biểu của Đoàn ta được khóa họp Hội đồng Tương trợ kinh tế đánh giá là phù hợp với xu thế chung, đúng mức.

Cũng trong thời gian dự khóa họp, Đoàn đại biểu nước ta đã tranh thủ gặp gỡ nhiều đoàn bạn, trao đổi ý kiến về các vấn đề liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội đồng Tương trợ kinh tế cũng như quan hệ hợp tác giữa nước ta với các nước ấy. Dù tình hình mỗi nước có sự thay đổi khác nhau, Đoàn ta khẳng định trong mối quan hệ truyền thống sẵn có vẫn nên giữ vững và tiếp tục phát triển bình thường trên cơ sở cùng có lợi. Các đoàn tổ thái độ rất hoan nghênh.

Phóng viên: Để nghị đồng chí cho biết những kết quả quan trọng của khóa họp vừa qua của Hội đồng Tương trợ kinh tế?

Đồng chí Võ Văn Kiệt: Khóa họp 45 Hội đồng Tương trợ kinh tế đã nhất trí thông qua nghị quyết và thông cáo báo chí, trong đó nhấn mạnh “tiến hành thay đổi triệt để toàn bộ hệ thống hợp tác kinh tế, trong đó có cơ chế tài chính - tiền tệ và giá cả,



xem xét lại các nguyên tắc hợp tác trong khuôn khổ Hội đồng Tương trợ kinh tế, các mục tiêu, chức năng, cơ cấu và điều lệ của Hội đồng Tương trợ kinh tế cho phù hợp với các tinh thần của luật pháp quốc tế...”. Khóa họp đã thông qua quyết định thành lập một ủy ban đặc biệt để soạn thảo những kiến nghị về những vấn đề nói trên và trình cho các nước thành viên trong tháng 5/1990, và các vấn đề đó sẽ được thảo luận tại Khóa họp 46 Hội đồng Tương trợ kinh tế.

Khóa họp cũng ghi nhận rằng, các nước thành viên Hội đồng Tương trợ kinh tế cho là cần thiết phải chuyển dần sự hợp tác thương mại và sản xuất giữa các nước với nhau sang cơ sở thị trường, gần với các điều kiện của thị trường thế giới, kể cả bằng cách chuyển dần theo từng giai đoạn việc buôn bán với nhau sang giá cả thị trường thế giới và thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi. Tuy vậy, để tránh những biến động lớn trong sự phát triển các quan hệ giữa các nước thành viên Hội đồng Tương trợ kinh tế, các vấn đề như điều kiện và thời hạn cụ thể, cũng như thể thức của việc chuyển đổi này sẽ được thực hiện theo từng giai đoạn, bằng các biện pháp thỏa thuận giữa các bên có liên quan. Hình thức quan hệ sau này chủ yếu sẽ là giữa hai bên hoặc nhiều bên. Cũng sẽ phát triển và mở rộng các mối quan hệ kinh tế ở từng khu vực.

Trên đây tôi đã phát biểu về kết quả của Khóa họp 45 Hội đồng Tương trợ kinh tế, - một khóa họp đánh dấu bước ngoặt có ý nghĩa lịch sử của Hội đồng Tương trợ kinh tế. Tuy vậy, cũng cần nhấn mạnh rằng khóa họp mới nhất trí về những vấn đề có tính nguyên tắc, mà hiện nay tình hình ở một số nước còn đang diễn biến. Chúng ta cũng hiểu rằng giữa các nước thành viên Hội đồng Tương trợ kinh tế đã có quan hệ truyền thống, đã có



sự quan hệ ràng buộc lẫn nhau, việc tiếp tục hợp tác với nhau là rất cần thiết. Song việc đổi mới căn bản hoạt động của Hội đồng Tương trợ kinh tế là cuộc đấu tranh phức tạp về quan điểm, nguyên tắc và các phương pháp hợp tác, chắc chắn sẽ không đơn giản. Nhưng xu thế tất yếu là phải đổi mới, chỉ có như vậy, Hội đồng Tương trợ kinh tế mới tạo điều kiện thuận lợi hơn cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở mỗi nước thành viên và để mỗi nước thành viên tham gia có hiệu quả hơn vào các quan hệ kinh tế thế giới.

Nhân dịp Tất niên, dón Tết truyền thống của dân tộc, với tư cách riêng, tôi xin chúc mọi gia đình trong dịp Tết và năm mới được vui hơn. Hội đồng Bộ trưởng chúng tôi, trong hội nghị cuối năm qua, cũng đã xác định phải phấn đấu để Tết năm 1991 càng được vui hơn Tết năm nay.

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phông Thủ tướng Võ Văn Kiệt, hồ sơ số 54.

PHÁT BIỂU
TẠI KỲ HỌP THỨ 8, QUỐC HỘI KHÓA VIII
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1991

Ngày 05 tháng 12 năm 1990

*Kính thưa Đoàn Chủ tịch,
Thưa các đồng chí đại biểu Quốc hội,*

Hội đồng Bộ trưởng đã trình Quốc hội, dưới hình thức gửi tới từng đại biểu Quốc hội, bản Dự án kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1991. Thay mặt Hội đồng Bộ trưởng, tôi xin trình bày rõ thêm những vấn đề đáng lưu ý trong bản Dự án kế hoạch đó.

Thưa các đồng chí,

Năm 1991 có vị trí khá đặc biệt, là năm khởi đầu của chiến lược 10 năm đưa đất nước ra khỏi tình trạng nước nghèo và chậm phát triển; cũng là năm chúng ta sẽ phải đương đầu với những khó khăn mới nhưng cũng có những cơ hội mới, thế phát triển mới, thử thách lòng quyết tâm, sự nhạy cảm của Đảng, Nhà nước và toàn dân ta.

Vượt qua được những thử thách đó, chúng ta sẽ tạo được một bước tiến mới, vững chắc, có ý nghĩa tạo tiền đề cho giai đoạn sắp tới.

Chúng ta cần thống nhất với nhau cách nhìn, xuất phát từ quan hệ kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và chính sách đối ngoại mở để đánh giá bối cảnh dẫn tới năm 1991. Và cũng bằng



cách nhìn đó, chúng ta phát hiện và phân tích những nhân tố, hoạch định kế hoạch năm 1991 tiếp tục công cuộc đổi mới với quyết tâm cao.

Theo tinh thần đó, tôi xin trình bày những vấn đề sau đây:

Phần một

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH NĂM 1990 VÀ NHÌN LẠI KHÁI QUÁT 5 NĂM 1986 - 1990

Thưa các đồng chí đại biểu Quốc hội,

Trong Dự án kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng trình các đồng chí đại biểu Quốc hội đã dành nhiều trang đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 1990. Tôi xin nói rõ thêm những vấn đề quan trọng gắn với những biến chuyển lớn trong tình hình kinh tế - xã hội giai đoạn 1986 - 1990.

Như chúng ta đã biết, trong khoảng thời gian năm 1984 - 1985, nền kinh tế nước ta đang trượt trên đà xuống dốc, rơi vào tình trạng suy kiệt. Nông nghiệp sa sút, lương thực, thực phẩm không đủ ăn, hàng tiêu dùng cảng thẳng, xuất khẩu trì trệ, viện trợ và nhập siêu lớn mà sử dụng kém hiệu quả, đời sống khó khăn, các tiện ích công cộng xuống cấp. Tình trạng rối loạn biếu hiện tập trung ở lưu thông ách tắc, lạm phát tăng cao, tài chính tiền tệ suy đồi. Ý chí bao cấp lúc giằng co, lúc hòa hoãn với cơ chế thị trường tự phát. Trạng thái vận động của nền kinh tế không thành mô hình gì nhất định. Nhà nước không phát huy được quyền quản lý mà bị động đối phó với các hoạt động kinh tế hằng ngày. Đời sống khó khăn, con người mất lòng tin vào tiền đồ kinh tế - xã hội của đất nước.



Trước tình hình đó, Đảng ta đã tiến hành những tổng kết sâu sắc, rút kinh nghiệm qua các mô hình tự phát hoặc thí điểm của một số xí nghiệp, địa phương theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương lần thứ 6, khóa IV (năm 1979) và chính là từ những thực tiễn sinh động đó, Đại hội lần thứ VI của Đảng (năm 1986) đã kịp thời đề ra đường lối đổi mới mọi mặt trong đời sống kinh tế - xã hội, đưa đất nước tới cục diện mới hôm nay.

Nhân dịp Quốc hội bàn kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1991, xin đề nghị chúng ta cùng xem xét những công việc đổi mới đã làm, phân tích kết quả đạt được và những tồn tại, cốt làm sáng tỏ những căn cứ dẫn tới những kết luận trong đánh giá tình hình năm 1990 và bối cảnh năm 1991.

Từ năm 1986 tới đầu năm 1990, chấp hành những nghị quyết của Đảng, Nhà nước ta đã ban hành và tổ chức thực hiện những chính sách lớn thể hiện dưới hình thức một loạt các luật của Quốc hội, pháp lệnh của Hội đồng Nhà nước, quyết định, nghị định và chỉ thị của Hội đồng Bộ trưởng. Có thể tóm tắt những thể chế đó là:

1. Áp dụng chế độ khoán trong nông nghiệp, giao đất cho nông dân, bãi bỏ chế độ thu mua, trao đổi bằng hiện vật hai chiều. Thừa nhận trên pháp lý quyền tự chủ kinh doanh của gia đình nông dân trên thị trường. Thừa nhận quyền sở hữu tư liệu sản xuất của cá thể, tư nhân thuộc các ngành nghề khác, khuyến khích họ kinh doanh sinh lợi.

2. Xóa bỏ phần lớn chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh, thực sự trao quyền tự chủ kinh doanh cho xí nghiệp quốc doanh, tự trang trải tài chính, tự phân phối thu nhập phần còn lại sau khi nộp ngân sách.



3. Thừa nhận sự cạnh tranh và bình đẳng trước pháp luật của mọi tập thể và cá nhân kinh doanh, không phân biệt nguồn gốc sở hữu.

Từ giữa năm 1988, chúng ta áp dụng mấy chính sách tiếp theo:

4. Xóa bỏ bao cấp lương thực, hàng tiêu dùng thiết yếu cho cán bộ, công nhân, viên chức và gia đình, bù giá vào tiền lương, duy trì sức mua của tiền lương.

5. Xóa bỏ bao cấp tư liệu sản xuất cho xí nghiệp quốc doanh. Thực hiện việc trao đổi hàng hóa trong khu vực kinh tế nhà nước với các thành phần kinh tế khác trên căn bản một giá kinh doanh, trải qua mấy bước nhỏ: đầu tiên đổi với hàng tiêu dùng, kế sau, với hàng hóa tư liệu sản xuất thông thường và tới đầu năm 1989, Nhà nước chỉ còn quy định giá năng lượng, nhiên liệu, cước vận tải hàng hóa, bông, thép, ximăng. Cho đến nay, giá cả những hàng hóa quan trọng này cũng đã được Nhà nước điều chỉnh liên tục cho sát với tương quan cung cầu trên thị trường.

6. Từ đầu năm 1989, chuyển ngân hàng ra kinh doanh, đưa lãi suất tín dụng ngắn hạn lên xấp xỉ chỉ số lạm phát; đưa tỷ giá hối đoái chính thức giữa đồng Việt Nam với các ngoại tệ chuyển đổi lên xấp xỉ tỷ giá thị trường.

7. Thu hẹp tín dụng bao cấp, phát triển tín dụng thương mại, nới lỏng kiểm soát ngoại hối và vàng.

8. Tổ chức lại một bước lực lượng xuất nhập khẩu theo hướng tăng quyền tự chủ cho cơ sở sản xuất và kinh doanh. Đơn vị xuất nhập khẩu được quyền rộng rãi hơn trong việc chọn bạn hàng và hàng hóa, định liệu giá cả và phương thức cũng như đồng tiền thanh toán trong khuôn khổ hạn ngạch xuất nhập khẩu và thuế quan của Nhà nước.



9. Ban hành Luật đầu tư, tiến hành các hoạt động đối ngoại để thu hút đầu tư.

Trong quá trình chỉ đạo thực hiện, chúng ta đã cố gắng xếp đặt những thể chế trên đây xen kẽ, nối tiếp nhau, vừa hướng dẫn, khuyến khích, vừa ngăn ngừa sao cho thể chế trước làm tiền đề cho thể chế sau, thể chế sau tạo ra môi trường, khung cảnh mới cho việc chấp hành thể chế trước.

Chúng ta không có sẵn mô hình để chủ động vạch ra một chương trình điều hành tiến trình đổi mới từ đầu chí cuối, từ trạng thái cũ sang trạng thái mới cho đời sống kinh tế - xã hội. Cần thừa nhận một thực tế là bản thân Nhà nước cũng vừa làm vừa nhìn thấy dần dần những sai lầm sâu sắc của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, nhìn thấy dần hình ảnh của kinh tế thị trường với những quan hệ phức tạp sống động và hạn chế của nó mà rút kinh nghiệm, nắm lấy phương cách và công cụ quản lý mới từ đơn giản tới phức tạp, để điều khiển nền kinh tế thị trường. Trong thời kỳ chuyển đổi cơ chế, chủ thể quản lý xí nghiệp cũng chỉ có thể dần hình thành bản lĩnh chủ động kinh doanh, củng cố khả năng cạnh tranh và thích ứng với thị trường. Người tiêu thụ cũng còn phần nào lưu luyến vào nguồn bao cấp rất trì trệ nhưng lại được ngộ nhận như an toàn ổn định. Ngược lại, cũng có những đòi hỏi chính đáng nhưng có khi quá cao sau thời gian dài sống trong cách làm ăn đơn điệu, nghèo nàn.

Trong bối cảnh nói trên, chúng ta đã đạt được những thành tựu thật sự có ý nghĩa:

Một là: Từ đầu năm 1989 đến nay, cơ chế kinh tế đã chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý, kiểm soát của Nhà nước. Thị trường hàng hóa đã được xác lập, giá cả đã phản ánh gần đúng với thực trạng cung cầu, thị trường tiền tệ bắt đầu hình



thành. Hàng vạn xí nghiệp quốc doanh, tập thể, tư nhân, cá thể trên những mức độ khác nhau không còn thụ động với mệnh lệnh kế hoạch nhà nước, đã hình thành ý thức và hành động tự chủ, quyết định với nhau trong giao kết thị trường và luật lệ theo tập quán xã hội. Động lực kinh doanh và theo đó là những năng lực sản xuất đã được giải tỏa và phát huy. Lưu thông không còn ách tắc. Thị trường có nhiều hàng hóa, phong phú, đa dạng hơn.

Hai là: Cũng từ đầu năm 1989 đến nay đã chế ngự được tình trạng lạm phát phi mã. Đồng tiền tương đối ổn định, an toàn; nguồn tài chính nhàn rỗi trong tay nhân dân đã được huy động vào sản xuất kinh doanh. Tỷ giá hối đoái đã phản ánh gần thực với tương quan giá cả trong nước và ngoài nước, mở ra điều kiện thúc đẩy ngoại thương phát triển.

Ba là: Các tầng lớp nhân dân, các thành phần kinh tế được tự chủ làm ăn, đời sống vật chất nói chung đang trên đà cải thiện rõ rệt. Trong xã hội đã hình thành không khí cạnh tranh năng động, chú trọng tới tiến bộ kỹ thuật, học tập nghề nghiệp kinh doanh; lòng tin vào tiền đồ kinh tế - xã hội đang được khôi phục. Tinh thần cầu tiến bộ, tự chủ, tự cường của truyền thống quật khởi dân tộc đang được khơi dậy. Và, như kinh nghiệm lịch sử, tinh thần này đã từng là sức mạnh đưa đất nước vượt qua nhiều giai đoạn thử thách hiểm nghèo.

Bốn là: Trên mặt trận nông nghiệp, thế độc canh lúa, tự cấp tự túc đã bước đầu được phá vỡ, nền nông nghiệp đang hướng tới phát triển đa canh, toàn diện. Nông sản hàng hóa mở rộng về chủng loại, tăng nhanh về số lượng. Một vài vùng chuyên canh hóa lớn cũng bắt đầu hình thành. Qua một thời gian dài trong cơ chế cũ, chưa bao giờ người nông dân gắn bó với đồng ruộng, mảnh vườn mà hướng ra thị trường như ngày nay. Sản lượng lương



thực từ 18,2 triệu tấn năm 1985 đã lên đến 21,5 triệu tấn năm 1990. Từ thiếu sót đến có dư gạo xuất khẩu trong hai năm qua là một thành công rõ rệt, rất có ý nghĩa của đổi mới. Cũng xin lưu ý Quốc hội một sự kiện khác, có liên quan trực tiếp tới xuất khẩu gần 1,5 triệu tấn gạo, nhưng cũng rất có ý nghĩa. Đó là sự bộc lộ của năng lực vận tải đường thủy, đường bộ ở đồng bằng Cửu Long và cảng Sài Gòn. Tăng đột ngột gần 1,5 triệu tấn vận tải và thông qua cảng là điều chưa từng có trước đây, cho dù có lúc đã được chỉ đạo, thúc đẩy theo kiểu chiến dịch. Và sự kiện này cũng như vận chuyển hàng hóa và hành khách Bắc - Nam, miền xuôi - miền núi tương đối thông suốt, kịp thời hơn đã cho thấy kết cấu hạ tầng cơ sở của chúng ta tuy yếu kém và lạc hậu, nhưng không phải đã hết tiềm lực cho những phát triển kinh tế sắp tới.

Năm là: Trên lĩnh vực xuất khẩu và gọi đầu tư nước ngoài cũng đạt được thành tựu đáng ghi nhận. Từ năm 1986 đến nay, xuất khẩu liên tục tăng, đặc biệt, năm 1989 - 1990 tăng cao. Tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm 1986 - 1990 đạt gấp 2,2 lần so với 5 năm 1981 - 1985. Nếu như kim ngạch năm 1985 là 594,3 triệu rúp và đôla thì năm 1990 đã đạt được 2.150 triệu rúp và đôla. Sự biến chuyển rõ rệt về xuất khẩu rất có ý nghĩa về lượng, chuẩn bị cho bước đầu biến đổi về chất.

Về đầu tư, gần ba năm qua đã thiết lập được gần 200 dự án với tổng số vốn khoảng 1,4 tỉ đôla. Những tháng gần đây, các công ty nước ngoài vào Việt Nam nhiều hơn; các dự án lớn đang được thảo luận.

Sáu là: Về lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng, từ đầu năm 1989 đến nay, sau khi xóa bỏ nhiều chỉ tiêu pháp lệnh, bỏ bao cấp vật tư và tín dụng, điều chỉnh tỷ giá hối đoái, áp dụng một giá thị trường, công nghiệp quốc doanh bị một cơn choáng nặng.



Nhiều xí nghiệp địa phương, nhất là công nghiệp quận, huyện, đã không vượt khỏi. Trái lại, công nghiệp Trung ương và một số công nghiệp tỉnh, thành phố đã dần dần buộc phải thích ứng với cơ chế thị trường, phát huy được những ưu thế về trình độ cán bộ, tay nghề của công nhân, trang bị, tiền vốn, cạnh tranh được với hàng nhập, tỏ ra đúng vững và có bước tiến bộ đáng mừng. Nhìn chung, tuy giá trị tổng sản lượng các ngành công nghiệp hai năm nay tăng chậm hơn so với trước, nhưng sản xuất đã đi vào thực chất hơn. Đó chính là kết quả của sự đổi mới cơ cấu kinh tế và tăng cường quản lý các chỉ tiêu chất lượng của sản xuất công nghiệp.

Thành tựu về biến đổi cơ cấu ngành kinh tế, như chúng ta đã nhận thấy là hướng vào ba chương trình kinh tế lớn. Ngoài ra, các ngành công nghiệp nặng, vận tải, bưu điện, xây dựng đều có những tiến bộ mới như trong báo cáo kế hoạch đã gửi tới các đồng chí đại biểu Quốc hội.

Thưa các đồng chí,

Chúng ta có thể rút ra nhận xét tổng quát gì về nguyên nhân dẫn tới những thành tựu có ý nghĩa rất quan trọng nói trên?

Tiến trình đổi mới được chính thức bắt đầu từ đầu năm 1987 bằng một số chính sách tổng hợp kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại... Riêng về kinh tế, đó là những chính sách tạo ra quyền tự chủ cho các doanh nghiệp mọi thành phần, nhưng tới đầu năm 1989 đến nay, sau khi một số chính sách quan trọng về tín dụng, lãi suất, hối đoái, giá cả được áp dụng, thì các quan hệ thị trường đổi nội, đổi ngoại mới được giải tỏa thêm khỏi cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, mở đường cho các lực lượng sản xuất tự chủ đi lên mạnh mẽ hơn.



Đường lối đổi mới cơ chế và cơ cấu kinh tế của Đảng, sự vận dụng và tổ chức thực hiện của Nhà nước được các tầng lớp nhân dân tin tưởng, đồng tình đã nhanh chóng được cuộc sống chấp nhận và đã thành công. Dĩ nhiên, con đường đổi mới còn dài thì thành công đó là bước đầu *nưng là thành công của đường lối và cách làm đúng, sự thành công tạo ra cục diện kinh tế mới nhưng ít xáo trộn, đó là tiền đề, là thế chiến lược cho các tiềm lực kinh tế này nở, phát triển.*

Nhờ cục diện đó, năm 1990, đã cho phép Nhà nước chúng ta chuyển giai đoạn đổi mới từ nhiệm vụ hàng đầu là giải tỏa quan hệ thị trường, giải phóng sức sản xuất, sang giai đoạn thiết lập các công cụ kiểm soát thị trường. Đó là các công cụ được thể hiện dưới hình thức các pháp lệnh và luật về thuế, hải quan, trọng tài kinh tế. Đặc biệt trong năm 1990, Nhà nước đã ban hành các pháp lệnh về ngân hàng, nhằm tổ chức lại và đưa hệ thống ngân hàng vào hoạt động phù hợp với yêu cầu của sản xuất hàng hóa, bảo đảm phát triển nền tiền tệ một cách an toàn, điều hòa việc sử dụng tiền tệ có hiệu quả, thúc đẩy kinh tế thị trường phát triển năng động, trật tự. Những chuẩn bị về đổi mới chính sách và hệ thống tài chính, xây dựng các luật về thương mại, đổi mới hệ thống hành chính, Hội đồng Bộ trưởng đang tập trung lực lượng tiến hành khẩn trương cũng là những nhiệm vụ của giai đoạn đổi mới này.

Cũng cần nhấn mạnh sự đúng đắn trong chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước ta là chú trọng đổi mới một bước trước các hoạt động kinh tế, xã hội, đồng thời cũng rất coi trọng *dân chủ hóa đổi sống chính trị, xã hội*. Nội dung của dân chủ hóa và nhất là những phương sách để thúc đẩy quá trình dân chủ hóa lại có nguồn gốc từ cơ sở quan hệ kinh tế và sự điều hành quá trình đổi mới kinh tế và những mặt khác của xã hội.



Những thành tựu đổi mới kinh tế của chúng ta đã gây ấn tượng sâu sắc đối với bạn bè quốc tế, nhưng thành tựu *ổn định chính trị trong chiêu hướng tiến triển dân chủ hóa* của chúng ta được bạn bè đánh giá như một *thành công đặc sắc* của công cuộc đổi mới ở Việt Nam.

Chúng ta không thụ động chạy theo những đòi hỏi nôn nóng của một bộ phận cán bộ và nhân dân yêu cầu thay đổi tức thời tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị. Chúng ta cũng không có tham vọng hoặc ảo tưởng xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đến đích cuối cùng trong một sớm một chiều.

Trong điều hành các bước đổi mới, chúng ta đã tiến hành công cuộc đổi mới đồng bộ từ cơ chế, cơ cấu kinh tế tới dân chủ hóa. Trong chiến lược đồng bộ đó, cái gốc rễ là kinh tế, cho nên phải đổi mới một bước trước căn bản về kinh tế, chuyển sang kinh tế thị trường do Nhà nước kiểm soát, định hướng, thúc đẩy.

Quan hệ thị trường là quan hệ giữa những người tự chủ, bình đẳng trong khuôn khổ luật pháp. Từ đó nảy sinh những yêu cầu, nội dung của dân chủ và cách thức thực thi dân chủ. Đổi mới một bước trước về kinh tế, chính là để cuộc sống mới sinh động bộc lộ những yêu cầu dân chủ đầu tiên để nắm lấy mà xúc tiến đồng thời dân chủ hóa. Nhưng ngược lại, nếu tiến trình dân chủ hóa bắt đầu quá chậm sẽ không tác động tích cực, thậm chí làm rối loạn thêm công cuộc đổi mới kinh tế. Trong hoạt động thực tiễn, chúng ta đã thực hiện nhiều biện pháp đem lại dân chủ trong các quan hệ kinh tế, trao lại quyền tự chủ cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, phát huy tiềm năng và bảo đảm quyền bình đẳng của các thành phần kinh tế... Không khí sinh hoạt dân chủ trong các hoạt động văn hóa thông tin cũng bắt đầu khởi sắc, đa dạng,



nhiều chiêu, tranh luận dân chủ các ý kiến khác nhau, đấu tranh phê phán hiện tượng tiêu cực, lạm dụng chức quyền.

Quốc hội và các cơ quan dân cử đã đổi mới một bước tổ chức và hoạt động, phát huy quyền lực của nhân dân trong việc quản lý kinh tế - xã hội.

Hội đồng Bộ trưởng và hệ thống quản lý nhà nước đã có những bước tiến bộ và đang phấn đấu vươn lên trong việc quản lý nhà nước bằng pháp luật, bước đầu sắp xếp bộ máy các bộ, tổng cục và cơ quan chuyên môn các cấp.

Thưa các đồng chí,

Trên đây tôi đã nói thêm một số vấn đề về những thành tựu đổi mới kinh tế - xã hội mấy năm qua. Dưới đây xin nói một số điểm về các vấn đề còn tồn tại.

Có hai loại tồn tại đều trở thành những khó khăn trở ngại cho tốc độ đổi mới và phát triển.

Tuy nhiên, với loại tồn tại thứ nhất có nguồn gốc từ trong cơ cấu kinh tế, như: nước ta là nước có nền kinh tế nông nghiệp, công nghiệp chưa phát triển, kết cấu hạ tầng lạc hậu lại trải qua chiến tranh lâu dài, dân số đông và tăng nhanh, việc làm chưa săn, v.v. chỉ có thể khắc phục lâu dài bằng một chiến lược dài hạn. Chẳng hạn, ba chương trình kinh tế lớn được định hướng trong công cuộc đổi mới là nhằm khắc phục một phần những trở ngại này để phát triển trong chặng đường hiện nay. Sắp tới, chúng ta sẽ có dịp nghiên cứu và quyết định chiến lược dài hạn, vấn đề rộng lớn này sẽ được sáng tỏ.

Hôm nay, tôi đề nghị chúng ta đặt sự quan tâm của mình nhiều hơn vào loại tồn tại thứ hai phát sinh từ sự vận động chuyển đổi đi tới cơ chế và cơ cấu kinh tế mới.



Chúng gồm những dạng sau đây:

Một là, khi quan hệ thị trường được giải tỏa thì động lực kinh doanh túc thời phát huy. Điều đó đã tạo nên những thành công về kinh tế, nhưng không tránh khỏi những hành vi mưu lợi thái quá làm thiệt hại lợi ích của người khác, của Nhà nước. Trên thực tế, chúng ta đã thấy những hoạt động cá nhân và cả tổ chức thuộc loại này, vì mục đích kiếm lợi thiển cận, đã làm hư hao, thất thoát của công, vi phạm pháp luật nhà nước.

Hai là, từ bao cấp chuyển ra kinh doanh, một số không ít đơn vị kinh tế chưa đủ thời gian thích ứng với cơ chế mới, nảy sinh trì trệ cục bộ, gây ra tình hình phá vỡ các quan hệ hợp tác cho cả ngành, thậm chí liên ngành. Những xí nghiệp quốc doanh hoặc những khu vực kinh tế đã nhiễm sâu lề thói bao cấp, ỷ lại Nhà nước đã gặp tình trạng này.

Ba là, luật pháp chưa thể đầy đủ, công cụ kiểm soát và điều tiết của Nhà nước chưa thể đồng bộ; trình độ quản lý kinh tế vĩ mô của bộ máy Chính phủ cũng cần có thời gian để trưởng thành, hệ thống cơ quan bảo vệ pháp luật chưa được kiện toàn kịp với yêu cầu; tư duy pháp lý, nếp sống theo pháp luật của các tầng lớp xã hội và ngay cả của cơ quan nhà nước mới hình thành chưa đầy đủ, v.v. đã để lại trong tiến trình đổi mới nhiều lỗ hổng, khiến cho bọn cơ hội, lừa đảo dễ dàng hoạt động. Tiêu cực xã hội, tham nhũng, đỗ vỡ tín dụng ngoài ngân hàng, v.v. đều là những biểu hiện cụ thể của tình trạng này.

Bốn là, trong điều kiện thị trường ở nước ta, việc tiếp tục giao quyền hạn rộng rãi cho địa phương là thích hợp. Tuy nhiên, đã xuất hiện tình trạng phân tán theo lợi ích cục bộ của địa phương, lợi ích kiểu phường hội. Cần thấy rằng kinh tế thị trường cũng đòi hỏi nhất thiết phải điều phối thống nhất của Nhà nước. Cho



nên, phải tìm kiếm ranh giới phân định quyền hạn nhiệm vụ, từ đó xác định sự cân bằng mới trong cơ cấu quyền lực, bảo đảm sự điều phối thống nhất từ Trung ương.

Năm là, trong điều kiện kinh tế thị trường đã làm bộc lộ tình trạng cơ sở vật chất - kỹ thuật nhiều ngành, nhiều nhà máy, xí nghiệp trước đây được bố trí sai lệch, không ăn khớp với thị trường, với nhu cầu thực tế của đời sống, nay nơi thừa, nơi thiếu, ngành đi nhanh, ngành tụt hậu, tạm thời dôi dư lao động, mất cân đối trong cơ cấu nghề nghiệp, thiếu công bằng trong phân phôi, v.v..

Trong năm 1991, chúng ta cần khắc phục một bước đáng kể những tồn tại nói trên. Tôi muốn lưu ý là những tồn tại đó như cái giá phải trả, là tất yếu không tránh khỏi. đương nhiên, có thể hạn chế được, nếu sự điều hành đủ nhạy bén, nghiêm minh.

Khi chúng ta có cách nhìn thực tế vào những tồn tại, thì chúng ta sẽ có căn cứ để thừa nhận rằng những thành tựu đổi mới kinh tế và ổn định chính trị, những khởi sắc trong các sinh hoạt xã hội có giá trị cản bản, là sức mạnh nội tại quyết định khả năng vượt qua khó khăn, đạt tới những thành công tiếp theo.

Phần hai

MỘT SỐ ĐIỂM VỀ KẾ HOẠCH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 1991

Thưa các đồng chí đại biểu Quốc hội,

Báo cáo Dự án kế hoạch năm 1991 đã đề cập đầy đủ các vấn đề. Tôi chỉ xin nhấn mạnh một số điểm:

Trước hết là bối cảnh năm 1991.

Về đổi mới. Được kế tục những thành tựu kinh tế và ổn định chính trị của giai đoạn 1989 - 1990; năng lực sản xuất của một



số ngành then chốt tăng lên như điện, ximăng, thép là những thuận lợi có ý nghĩa cả về thế và lực của nền kinh tế; kết quả chống buôn lậu bước đầu đã có tác dụng góp phần ổn định tỷ giá hối đoái, bảo hộ sản xuất trong nước góp phần đem lại trật tự, kỷ cương trong kinh doanh. Nếu chúng ta tập trung sức giải quyết những tồn tại, thúc đẩy đổi mới tiến nhanh và được định hướng bằng kế hoạch 5 năm và chiến lược 10 năm, chúng ta có thể đương đầu với những khó khăn mới để vượt lên.

Về đổi ngoại. Chúng ta đi vào kế hoạch năm 1991 trong bối cảnh quốc tế và khu vực có nhiều phức tạp mới, đồng thời cũng có một số thuận lợi mới đáng chú ý.

Cuộc khủng hoảng sâu sắc cũng như sự đổi mới một cách cơ bản cơ chế quan hệ của các nước thành viên Hội đồng Tương trợ kinh tế, nhất là của Liên Xô, đặt ra cho chúng ta nhiều vấn đề lớn, mới mẻ. Ta mất đi một nguồn ưu đãi quốc tế quan trọng, nhưng tình hình đó phù hợp với quan hệ kinh doanh quốc tế trong cuộc đổi mới của chúng ta. Cần khắc phục khó khăn trước mắt đó để tạo điều kiện thuận lợi trong quan hệ buôn bán lâu dài. Trong cái bất lợi, đã nảy sinh thuận lợi; vấn đề là phải chủ động khai thác.

Những thành công ban đầu của chúng ta trong công cuộc đổi mới được dư luận quốc tế đánh giá cao; với việc ta đã rút hết quân khỏi Campuchia và vấn đề Campuchia đang đi vào giai đoạn giải quyết, đã mở ra khả năng mở rộng hơn nữa quan hệ kinh tế với các nước. Chính sách bao vây, cấm vận nước ta vẫn tồn tại song trong xu thế chung và đã có những dấu hiệu cho thấy hiệu lực không hoàn toàn như trước. Đối với các định chế tài chính - tiền tệ quốc tế như Quỹ Tiền tệ quốc tế, Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển châu Á... cũng đã có những dấu hiệu cải thiện.



Năm 1991 là năm thứ ba kế tục thành quả đổi mới, năm đầu tiên của kế hoạch 5 năm 1991 - 1995, năm bước vào giai đoạn đổi mới có định hướng dài hạn của chiến lược 10 năm ổn định và phát triển kinh tế - xã hội. Năm 1991 cũng được soi sáng hơn bởi các nghị quyết của Đại hội lần thứ VII của Đảng và nhất thiết phải làm khung cảnh xã hội thuận lợi cho Đại hội Đảng.

Từ bối cảnh và vị trí đó, chúng ta phải chủ động vượt lên trong đổi nội, tự chủ, nhạy cảm trong đổi ngoại, hoàn thành những nhiệm vụ của năm 1991, tạo thêm một bước vững chắc, có ý nghĩa chiến lược, làm đà phát triển mạnh mẽ hơn ở giai đoạn sau. Ngược lại, nếu không tranh thủ vươn lên trong cơ hội năm 1991, chúng ta sẽ mất nhiều năm để lấy lại những thành tựu đã đạt được trong hai năm 1989 - 1990.

Mục tiêu chung nhất của năm 1991 là phải bằng mọi cách củng cố và phát huy những thắng lợi đã giành được trong năm 1990, phấn đấu vượt qua những tồn tại và khó khăn mới về kinh tế - xã hội, giữ vững các mặt đời sống, chính trị, kinh tế, xã hội, không để xảy ra các đảo lộn lớn, tạo thế đi lên nhanh và vững chắc hơn cho những năm tiếp theo.

Một là, phải tập trung có trọng điểm cho những mục tiêu then chốt của nền kinh tế, bảo đảm tốc độ phát triển của tổng sản phẩm xã hội tăng 5,6%, thu nhập quốc dân tăng 5,8%, giá trị sản lượng công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp tăng 6%, nông nghiệp tăng 4,5% để bảo đảm nhu cầu thiết yếu cho nhân dân, tạo nguồn thu cho ngân sách.

Hai là, phát huy kết quả năm 1990, phát triển mạnh mẽ thêm các hoạt động kinh tế đổi ngoại, tăng kim ngạch xuất khẩu tối thiểu 16%, coi đây là giải pháp quyết định để tự cân đối và vượt qua khó khăn; tiếp tục tranh thủ sự viện trợ và thu hút vốn nước ngoài.



Ba là, tiếp tục kiềm chế những yếu tố phát sinh lạm phát cao, trên cơ sở giữ vững và đẩy mạnh sản xuất, xây dựng, thu hẹp bội chi ngân sách và phấn đấu không để tăng giá đột biến vượt quá mức lạm phát của năm 1990, để giữ vững thành quả đạt được trong sự nghiệp đổi mới.

Bốn là, tập trung sức giải quyết có trọng điểm các vấn đề xã hội, trước hết là đẩy mạnh sản xuất, thu hút thêm lao động, giảm bớt khó khăn về đời sống, nhất là đời sống của những người hưởng lương trong khu vực hành chính sự nghiệp, các lực lượng vũ trang, người về hưu, các đối tượng thuộc diện chính sách xã hội. Nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, hướng tới công bằng xã hội, đặc biệt chú trọng giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội ở các vùng dân tộc, miền núi.

Năm là, bảo đảm quốc phòng, giữ gìn trật tự và an ninh xã hội: bảo đảm các điều kiện vật chất, kỹ thuật, đồng thời hết sức quan tâm đời sống vật chất và tinh thần của chiến sĩ.

Mục tiêu được đặt ra cho năm 1991 là rất quan trọng và nặng nề, điều kiện thực hiện có nhiều điểm mới, không dễ dàng. Tôi xin nhấn mạnh một số điểm sau đây:

Về mục tiêu kinh tế, bản Dự án kế hoạch đã thể hiện nhất quán đường lối đổi mới cơ chế, cơ cấu kinh tế, tiếp tục phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần với nhiều loại hình sở hữu, nhiều hình thức tổ chức kinh doanh, hướng vào ba chương trình kinh tế lớn.

Tôi xin nhấn mạnh vài điểm sau đây:

Đối với nông nghiệp, năm 1991, cần tập trung một mức cao hơn các điều kiện về thủy lợi, tài chính, vật tư, áp dụng tiến bộ kỹ thuật và tiếp tục hoàn chỉnh cơ chế chính sách nhằm tăng



thêm sản lượng lương thực và một số cây công nghiệp chủ yếu; đẩy mạnh chăn nuôi thật sự trở thành ngành sản xuất chính mà quan trọng nhất là bảo đảm thúc ăn chế biến; nâng cao chất lượng đánh bắt, chế biến thủy sản. Trợ giúp nhân dân bằng nhiều biện pháp đồng bộ để khai thác một phần đất trống đồi trọc.

Đối với công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp chế biến, Nhà nước sẽ thực hiện các chính sách yểm trợ thành phần quốc doanh và các thành phần khác đã đứng vững trước thử thách của thị trường để tiếp tục phát triển và đạt hiệu quả cao hơn. Dành ngoại tệ nhập đủ bông xơ cho ngành dệt (cùng với việc phát triển mạnh việc trồng bông trong nước), khuyến khích nhập tư liệu sản xuất, nhập công nghệ hiện đại, quy mô nhỏ cho công nghiệp nhẹ, tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp chế biến thực phẩm xuất khẩu.

Hoạt động xuất khẩu đã có đà phát triển, từ cơ sở của nó là sản xuất nông, lâm thủy sản, công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp khai khoáng và một số lĩnh vực công nghiệp nặng, đồng thời với chính sách hội nhập với các nền kinh tế thị trường bên ngoài. Bài học đầu tiên của thành công xuất khẩu tăng lên vượt bậc năm 1989 - 1990 là xóa bỏ ngoại thương tập trung quan liêu, áp dụng chính sách quản lý ngoại hối phù hợp. Năm 1991, chúng ta, một mặt ra sức khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu, mặt khác rút kinh nghiệm khắc phục tình trạng xuất khẩu manh mún, tranh mua tranh bán và chấn chỉnh công tác quản lý ngoại hối.

Năm 1991, chúng ta tiến thêm một bước đổi mới cơ cấu thành phần kinh tế. Trên căn bản quan hệ thị trường, vì doanh lợi, các thành phần quốc doanh, công ty cổ phần, hợp tác xã, tư nhân, cá thể, kinh tế gia đình liên kết, đan xen thành một cơ cấu kinh tế,



vận động trong khuôn khổ luật pháp, theo mục tiêu kế hoạch và chiến lược của Nhà nước. Trong đó, thành phần quốc doanh phải được yểm trợ bằng các chính sách về tài chính, vật chất, bảo đảm cho Nhà nước điều tiết, dẫn dắt nền kinh tế phát triển đúng hướng. Hợp tác xã sẽ được tổ chức lại dần dần, mỗi hợp tác xã phải thực sự là một doanh nghiệp của những người lao động tự nguyện góp của, góp công, hợp tác nhau trong quan hệ tương trợ, bình đẳng cùng sản xuất, kinh doanh sinh lợi. Hiệu quả căn bản của hợp tác xã phân biệt với kinh doanh cá thể là lợi ích trước mắt và lâu dài của mỗi xã viên phải hơn hẳn lợi ích của lao động cá thể. Đây là hướng phấn đấu và nhất thiết phải làm được như vậy. Đối với các loại hình công ty cổ phần tư nhân hoặc hỗn hợp giữa công và tư, chúng ta cần tìm hiểu và tạo điều kiện áp dụng, phát triển loại hình này một cách thực tế, có thí điểm, tổng kết, nhân rộng dần ra theo tiến trình hoàn chỉnh luật pháp và khả năng kiểm soát của Nhà nước.

Tiềm năng sản xuất của đất nước còn tiềm tàng rất nhiều trong lao động và trí tuệ, trong đất đai, rừng biển, trong tài nguyên khoáng sản, trong công suất dư thừa của các nhà máy, hầm mỏ, công trường và trong cả những lợi thế so sánh quốc tế. Để biến các tiềm năng đó thành khả năng thực tế, Đảng và Nhà nước ta cần có các chính sách kích thích hơn nữa, có kiểm soát và được định hướng theo kế hoạch.

Về những *nhiệm vụ xã hội*, cần nhận rằng việc thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ kinh tế nói trên sẽ tạo ra điều kiện vật chất tài chính bảo đảm cho các nhiệm vụ xã hội. Và ngược lại, những vấn đề xã hội được giải quyết tốt sẽ thúc đẩy sản xuất vượt qua các trở ngại để phát triển.



Năm 1991, phát huy mọi sáng kiến từ mỗi gia đình cho tới đoàn thể, nhất là các tổ chức chính trị xã hội ở nông thôn, đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục, phấn đấu giảm tỷ lệ sinh 0,6 phần nghìn so với năm 1990, giữ tỷ lệ tăng dân số ở mức 2,13%.

Giải quyết việc làm cho người lao động là vấn đề hết sức bức xúc nhưng chỉ có thể giải quyết từng bước, trên cơ sở mở rộng sản xuất. Khuyến khích hơn nữa các thành phần kinh tế, những người có vốn, có kỹ thuật mở rộng sản xuất, kinh doanh bằng nhiều hình thức, để tạo ra nhiều chỗ làm việc mới. Ở đô thị, chú trọng phát triển các điểm dạy nghề, đào tạo lại nghề nghiệp, phát triển các hoạt động dịch vụ giới thiệu việc làm.

Tiền lương hiện nay vừa thấp vừa bất hợp lý trong cơ cấu và trong tương quan giữa các ngành nghề, các vùng, các khu vực kinh tế, là mối quan tâm lớn hiện nay của Hội đồng Bộ trưởng. Việc nghiên cứu cải tiến tiền lương đã được tiến hành từ năm 1990; năm 1991 phải hoàn thành, trước mắt là thực hiện ngay việc bố trí lại cơ cấu hành chính, sự nghiệp, xác định chức danh, tiêu chuẩn và số cán bộ, nhân viên cần thiết, đồng thời giải quyết từng bước những bao cấp còn lại, áp dụng các hình thức bảo hiểm xã hội, sắp xếp lại thang lương, bảng lương cho các ngành nghề, khu vực, mở rộng khoảng cách giữa lương tối thiểu, tối đa, thật sự khuyến khích tăng năng suất lao động, nâng cao trình độ nghề nghiệp, khuyến khích trau dồi tài năng, tiến đến áp dụng chế độ lương mới. Từ nay đến đó, cố gắng bảo đảm thu nhập thực tế của người lao động, trợ cấp khó khăn cho cán bộ, nhân viên hành chính, sự nghiệp, lực lượng vũ trang, cán bộ ưu tú và các đối tượng chính sách xã hội.

Về các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, năm 1990, Nhà nước đã có những tập trung tài chính nhất định và tranh thủ sự trợ



giúp của nhiều chương trình quốc tế. Năm 1991, cùng với những cố gắng tương tự, tập trung hơn vào khâu vệ sinh phòng bệnh, chữa trị bệnh thông thường, cung cấp thêm một số bệnh viện lớn, chuyên khoa; cung cấp các trường công lập và một số trường đại học kinh tế, tài chính, ngân hàng và trợ cấp cho một số đơn vị văn hóa, thể thao, nhà xuất bản. Phát triển màng lưới y tế, giáo dục dân lập có sự trợ giúp cơ sở vật chất ban đầu của Nhà nước.

Về *các biện pháp để thực hiện kế hoạch*, trong bản Dự án kế hoạch trình Quốc hội đã trình bày đầy đủ. Tôi xin nhấn mạnh thêm mấy loại biện pháp sau đây:

Một là, kinh nghiệm hai năm qua đi vào kinh tế thị trường đã thấy xuất hiện những đòi hỏi sắp xếp lại xí nghiệp quốc doanh. Những xí nghiệp quận, huyện, kể cả một số xí nghiệp tỉnh đã không đứng được trong thị trường thì chuyển nhượng sở hữu hoặc tổ chức lại dưới hình thức xí nghiệp tập thể tự quản, nếu tập thể người lao động ở đó có nguyện vọng và cán bộ có năng lực kinh doanh. Ngân sách sẽ thu hồi phần tài sản bán được do sắp xếp lại sản xuất cấp cho các xí nghiệp mở rộng kinh doanh.

Thương nghiệp quốc doanh cũng cần được nhanh chóng sắp xếp lại. Tổ chức lại các công ty bán buôn những ngành hàng quan trọng, bảo đảm cho được lưu thông hàng hóa và trật tự giá cả trong cả nước.

Tổ chức mạng lưới thương nghiệp, công nghiệp quốc doanh cung ứng kịp thời tư liệu sản xuất nông nghiệp, dịch vụ kỹ thuật và hàng tiêu dùng cho nông thôn và mua gom hàng hóa nông sản.

Hai là, hệ thống ngân hàng đã được đổi mới, nhưng còn nhiều vấn đề phải tiếp tục giải quyết về tổ chức, nghiệp vụ kỹ thuật và nhất là cán bộ cho thích hợp với Ngân hàng hoạt động trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và mở rộng giao



thương quốc tế. Xử lý các vấn đề chuyển tiếp từ giai đoạn bao cấp tín dụng sang kinh doanh tín dụng là hết sức phức tạp. Tình trạng lưu thông tiền tệ của ta hiện nay còn những dấu hiệu tiềm tàng, vừa có những biểu hiện lạm phát, vừa thiếu vốn thanh toán trong các hoạt động kinh doanh. Đây là những vấn đề phải giải quyết trong thời gian dài. Riêng năm 1991, phải áp dụng hệ thống lãi suất phù hợp; phát triển một bước tháp thị trường tiền tệ, tập dượt việc sử dụng những phương tiện thanh toán mới, để giúp nâng cao năng lực thanh toán giữa các đơn vị kinh doanh, góp phần luân chuyển nhanh đồng tiền, góp phần giải quyết tình trạng căng thẳng về vốn hiện nay. Việc đưa trái phiếu ngân khố ra thị trường tiền tệ còn giúp ngân sách vay dân trang trải các khoản chi. Chấn chỉnh triệt để các tổ chức tín dụng. Từng bước thu hút các Ngân hàng nước ngoài mở chi nhánh tại Việt Nam.

Trong năm 1991, phán đầu ban hành quy chế ngoại hối theo Pháp lệnh ngân hàng có tác dụng khuyến khích xuất nhập khẩu theo định hướng kế hoạch và bảo đảm ổn định tỷ giá hối đoái trên thị trường.

Về tài chính ngân sách, khắc phục một bước có ý nghĩa sự yếu kém của ngân sách, một yếu tố thường trực gây ra lạm phát. Đổi mới hệ thống công tác tài chính, mở rộng nguồn thu để tăng thu, thu đúng và thu công bằng, đồng thời bảo đảm các khoản chi thiết yếu trên nguyên tắc triệt để tiết kiệm. Chấn chỉnh công tác tài chính xí nghiệp, áp dụng chế độ sổ sách kế toán có thanh tra, kiểm tra chặt chẽ và tiến dần đến có hệ thống kiểm toán hợp pháp để ngăn ngừa việc chi tiêu, hạch toán không đúng thể lệ, chế độ, tự tiện đặt ra các chế độ chi tiêu riêng, lãng phí. Cải tiến cách thu thuế và kiểm tra việc chấp hành nghĩa vụ nộp thuế theo



các luật thuế. Ban hành một số pháp lệnh thuế mới. Cải cách biểu thuế xuất nhập khẩu, nhằm khuyến khích mạnh mẽ xuất khẩu, nhập khẩu hàng thiết yếu, hạn chế nhận những hàng hóa chưa cần thiết hoặc trong nước sản xuất đáp ứng nhu cầu.

Hệ thống hoạt động tài chính của chúng ta đang nổi lên tình trạng điêu hành ngân sách tại tất cả các cấp từ Trung ương đến các ngành, địa phương và cơ sở ngày càng trượt dài trên tình trạng tùy tiện, lỏng lẻo không theo một thể lệ chuẩn mực pháp lý nghiêm khắc. Công tác thanh tra tài chính có nhiều cố gắng nhưng bất cập với cơ chế tài chính đang chuyển hướng. Hệ thống kiểm toán hợp pháp chưa hình thành. Tình hình đó đòi hỏi phải đổi mới hệ thống tài chính từ cán bộ có nhãn quan hoạch định chính sách cho tới bố trí lại cơ cấu ngân sách và đặc biệt phải lập lại trật tự kỷ luật nghiêm khắc trong hoạt động tài chính Trung ương cho tới địa phương, cơ sở. Năm 1991, Hội đồng Bộ trưởng sẽ tiếp tục chỉ đạo hoàn thành việc nghiên cứu chính sách tài chính mới thật sự phù hợp với cơ chế kinh tế mới.

Ba là, đổi mới một cách cơ bản các hoạt động kinh tế đối ngoại từ nhận thức đến tổ chức và các biện pháp thực hiện.

Từ năm 1991 trở đi, không tồn tại hai phương thức trao đổi hàng hóa khác nhau giữa khu vực I và khu vực II. Vì vậy, chúng ta một mặt phát huy thuận lợi cùng kinh doanh, tiếp tục các quan hệ với thị trường Liên Xô và Đông Âu, mặt khác tranh thủ kịp thời những cơ hội mới để mở rộng buôn bán và tranh thủ đầu tư cũng như sự giúp đỡ của nhiều nước.

Về xuất khẩu, có thể nói ba mặt hàng chủ lực của ta hiện nay là dầu thô, thủy sản và gạo. Riêng gạo, việc xuất khẩu phải dựa trên sự tính toán chặt chẽ, cân đối với nhu cầu trong nước. Còn thủy sản, mức xuất khẩu năm 1991 dự kiến 230 triệu đôla, là



một nguồn lợi lớn có thể còn khai thác được ở mức cao hơn. Ngoài ba mặt hàng đó, Nhà nước đồng thời sẽ ban hành các chính sách nhằm khuyến khích mạnh hơn nữa các thành phần kinh tế sản xuất hàng xuất khẩu. Từng bước hình thành cho được những vùng và những ngành chuyên sản xuất và gia công hàng xuất khẩu. Tham gia các hiệp hội và hiệp định xuất khẩu quốc tế, một mặt tranh thủ sự giúp đỡ kỹ thuật buôn bán của các tổ chức này, mặt khác được thỏa thuận phân công thị trường ổn định và bảo vệ giá cả.

Về nhập khẩu, cần tập trung thỏa đáng ngoại tệ thu được do xuất khẩu để bảo đảm nhập khẩu bốn loại hàng quan trọng nhất là xăng dầu, phân đạm, thép, bông. Việc tổ chức nhập khẩu bốn loại hàng này, Hội đồng Bộ trưởng sẽ phân công và điều hành một cách cụ thể, bảo đảm lợi ích cho cả người xuất khẩu, người nhập khẩu và người sử dụng.

Toàn bộ công việc xuất nhập khẩu sẽ có một kế hoạch hướng dẫn thống nhất từ Nhà nước Trung ương và được điều hành thông qua các công cụ thuế quan, cấp hạn ngạch và giấy phép; tín dụng và quản lý ngoại hối. Tổ chức việc giới thiệu ra nước ngoài bằng nhiều hình thức phong phú các cơ hội đầu tư vào Việt Nam. Kiện toàn hơn nữa cơ quan nhà nước về hợp tác đầu tư đủ sức giúp Nhà nước hoạch định chính sách đầu tư, thu hút đầu tư, thẩm định các dự án đầu tư lớn nhanh chóng, chính xác.

Bốn là, tiếp tục nghiên cứu để bổ sung và ban hành một số văn bản pháp luật về kinh tế và hướng dẫn, kiểm tra thi hành nhằm tạo lập trật tự thị trường, bảo đảm công bằng, lành mạnh trong kinh doanh; những tài năng kinh doanh cần được khuyến khích mạnh mẽ hơn, ngược lại, những hoạt động làm phương hại tới lợi ích người khác và các hành vi lừa đảo phải được răn đe



và trừng trị nghiêm minh, kịp thời. Cần nói thêm rằng, sắp xếp lại hoạt động xuất nhập khẩu, xử lý các vụ buôn lậu một cách nghiêm khắc chính là nhằm đưa các hoạt động xuất nhập khẩu đi vào trật tự, kỷ luật; không phải là hạn chế xuất nhập khẩu mà chính là khuyến khích những tổ chức kinh doanh theo luật pháp.

Có thể nói mặc dù những năm đổi mới vừa qua, chúng ta đã làm được một số việc trong lĩnh vực Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng luật pháp, tuy vậy so với đòi hỏi của cục diện kinh tế xã hội hiện nay, còn cần phải làm rất nhiều việc, có việc làm một cách căn bản. Các cơ quan bảo vệ pháp luật của chúng ta mới thạo việc hình sự, còn ngỡ ngàng lúng túng trước các vụ việc tranh chấp kinh tế, dân sự. Vì vậy, một mặt, phải gấp rút bổ sung, hoàn chỉnh dần hệ thống luật pháp, nhất là hệ thống luật pháp về kinh tế, để có cơ sở điều chỉnh kịp thời các quan hệ kinh tế phát sinh trong điều kiện cơ chế mới; mặt khác, xúc tiến kiện toàn bộ máy cán bộ và hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật đáp ứng yêu cầu điều tra, truy tố, xét xử. Cũng cần nhấn mạnh thêm về yêu cầu khắc phục yếu kém của khâu xét xử hiện nay, có những trường hợp vừa chậm vừa thiếu nghiêm minh, nhất là các vụ tham nhũng và buôn lậu. Phải xét xử đúng tội, đúng người, theo đúng pháp luật; không một tổ chức, một cá nhân nào được can thiệp trái phép vào công việc xét xử của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Người có tội phải được xử theo luật, không kể người đó là cán bộ cấp nào, thực hiện đúng “mọi công dân bình đẳng trước pháp luật”; không một ai đứng ngoài và đứng trên pháp luật.

Năm là, tiếp tục đổi mới hệ thống hành chính nhà nước. Đây là một vấn đề mà chúng ta cần quan tâm đi sâu nghiên cứu: Nhà nước xã hội chủ nghĩa quản lý nền kinh tế thị trường như thế nào, nội dung ra sao và bằng công cụ gì? Hai năm gần đây, chúng



ta dần dần hiểu rõ hơn, qua kinh nghiệm thực tế. Tuy vậy, vẫn còn khá nhiều vấn đề chưa thật sáng tỏ, còn cần tìm hiểu thêm. Trước mắt, phải xác định thêm một bước chúc năng, nhiệm vụ của các bộ, đưa các bộ, ngành kinh tế ra khỏi chức trách can thiệp vào các quyết định kinh doanh của xí nghiệp, nhằm phân định một cách dứt khoát chức năng quản lý nhà nước về kinh tế, với chức năng quản lý kinh doanh của xí nghiệp. Phân cấp trách nhiệm, quyền hạn giữa Trung ương với địa phương, bảo đảm việc điều phối các hoạt động kinh tế thị trường thống nhất từ Trung ương. Trên căn bản cải cách hệ thống hành chính, sắp xếp lại biên chế viên chức nhà nước và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước. Hội đồng Bộ trưởng đã tổ chức một tiểu ban để chuyên lo việc này và triển khai trong năm 1991.

Sáu là, bồi dưỡng và đào tạo cán bộ. Phải nhận rằng, đi vào kinh tế thị trường, cán bộ ta còn cần được bồi dưỡng thêm, từ lý thuyết đến nghiệp vụ, kỹ thuật. Do vậy, việc xây dựng một đội ngũ cán bộ phù hợp với cơ chế thị trường là hết sức cấp bách. Phải xây dựng chương trình nhà nước để theo đó thực hiện đào tạo lại nhanh chóng, với số lượng nhiều và có hiệu quả cho người làm công việc quản trị kinh doanh ở xí nghiệp và cán bộ, viên chức quản lý kinh tế vĩ mô của các cơ quan nhà nước. Tranh thủ các chương trình trợ giúp đào tạo của nước ngoài.

Đào tạo đội ngũ thương nhân biết buôn bán xuất nhập khẩu, ứng đối với thương nhân nước ngoài, biết tranh thủ các cơ hội thị trường và luật pháp, tục lệ buôn bán quốc tế.

Đào tạo một đội ngũ cán bộ biết xây dựng chương trình, đàm phán các chương trình, tranh thủ các chương trình viện trợ phát triển của nước ngoài và biết vay mượn các tổ chức tài chính quốc tế.



Những biện pháp nói trên trình ra Quốc hội và những sáng kiến khác cần được nghiên cứu kỹ lưỡng, nghiêm túc và tổ chức thực hiện khẩn trương. Tất cả đều nhằm mở rộng thị trường trong nước, ngoài nước, miền xuôi, miền núi, tạo môi trường kinh doanh công bằng, đem tới cho các nhà kinh doanh thuộc mọi thành phần khác những cơ hội kinh doanh kịp thời, hướng vào khai thác những tiềm năng gần gũi và ba chương trình kinh tế cũng như hướng vào những dự kiến của kế hoạch 1991 - 1995 và chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 của nước ta.

Thưa Đoàn Chủ tịch,

Thưa các đồng chí đại biểu Quốc hội,

Thời kỳ đổi mới 1986 - 1990 đầy khó khăn trong buổi đầu nhưng đã đạt được một số thắng lợi. Tuy còn nhiều khó khăn tồn tại, nhưng đó là những khó khăn tất yếu xảy ra trong đổi mới, trong xu thế phát triển.

Năm 1991, kế thừa những thành tựu và có những thuận lợi mới: sự trưởng thành một mức trong nhiệm vụ quản lý, điều khiển nền kinh tế thị trường; nhân dân tin tưởng, đồng tình; có kế hoạch 5 năm và chiến lược hướng dẫn, Cường lĩnh và các nghị quyết khác của Đại hội VII dẫn đường đổi mới; nhất định chúng ta sẽ vượt qua thử thách, hoàn thành nhiệm vụ mang ý nghĩa chiến lược của năm 1991.

Xin cảm ơn các đồng chí đại biểu Quốc hội.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

Văn kiện Quốc hội toàn tập, Sđd, t.7, q.2, tr.1042-1066.

BÁO CÁO CỦA VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Số 254/QT, ngày 26 tháng 01 năm 1991

**Kết luận của Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
Võ Văn Kiệt tại Hội nghị với chủ tịch ủy ban nhân dân
các tỉnh, thành phố, đặc khu phía Nam ngày 18/01/1991**

Kính gửi: - Các đồng chí thành viên Hội đồng Bộ trưởng,
- Đồng chí chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành
phố, đặc khu phía Nam,

Thừa lệnh Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng xin gửi văn bản kết luận Hội nghị Hội đồng Bộ trưởng và chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu phía Nam các ngày 16 - 18 tháng 01 năm 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh, bàn về kế hoạch xuất - nhập khẩu năm 1991; cơ chế quản lý ngoại tệ và chính sách khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu; về cơ chế quản lý thu, chi ngân sách các cấp để các đồng chí sử dụng.

**K/T CHỦ NHIỆM VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
PHÓ CHỦ NHIỆM**

Vũ Đình Thuần



Vấn đề thứ nhất

KẾ HOẠCH XUẤT - NHẬP KHẨU NĂM 1991; CƠ CHẾ QUẢN LÝ NGOẠI TỆ VÀ KHUYẾN KHÍCH SẢN XUẤT HÀNG XUẤT KHẨU

Các đồng chí chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh đều nhất trí với chủ trương được nêu trong báo cáo về kế hoạch xuất - nhập khẩu năm 1991, tán thành việc quản lý tập trung nhiều mặt hàng, chủ yếu về xuất cũng như nhập nhằm bảo đảm các yêu cầu cơ bản của sản xuất xã hội.

Để thực hiện được mục tiêu đó, đa số tán thành việc đổi mới cơ chế quản lý ngoại tệ bằng cơ chế *mua, bán và gửi* thích hợp để nắm chắc nguồn ngoại tệ mậu dịch và phi mậu dịch, chủ yếu là bằng các biện pháp kinh tế linh hoạt, kịp thời, hấp dẫn.

Để kết luận hội nghị, tôi xin nhấn mạnh một số ý kiến như sau:

1. Về kế hoạch xuất - nhập khẩu năm 1991

Về mức xuất - nhập khẩu năm 1991, do Ủy ban Kế hoạch nêu lên, các đồng chí chủ tịch đều khẳng định khả năng phát triển hàng xuất khẩu còn hơn so với dự kiến của kế hoạch, nhưng điều quan trọng là phải có chính sách và cơ chế tổ chức thực hiện thích hợp để khai thác hết mức các hàng xuất khẩu.

Một trong những khó khăn nhất hiện nay để nắm nguồn hàng xuất khẩu là vấn đề vốn đồng thời cần có một cơ chế phù hợp để thu hút chắc chắn các nguồn hàng. Dưới đây, sẽ nói sâu hơn về hướng giải quyết vốn, nhưng cần nhấn mạnh yêu cầu cung ứng vốn cho kịp thời để nắm cho được nguồn hàng của các thành phần kinh tế (nhất là đối với nông sản, cần kịp thời vụ). Các đồng chí có trách nhiệm chủ chốt của tỉnh cần chỉ đạo chặt chẽ,



nếu không thì những hàng hóa xuất khẩu có giá trị sẽ bị tuột tay, những chính sách phải thật sự khuyến khích hơn các năm trước, tạo ra một sự chuyển biến rõ rệt về tăng mức hàng xuất khẩu. *Việc thu lệ phí đăng ký kinh doanh xuất - nhập khẩu là cần thiết để quản lý mặt hàng xuất - nhập; còn mức tiền là bao nhiêu thì cần xem xét cụ thể từng ngành hàng theo chính sách khuyến khích xuất khẩu:*

Cần chỉ đạo chặt chẽ giá xuất và giá nhập để không có tình trạng tranh mua tranh bán gây ra thiệt hại cho đất nước: phải quy định giá xuất tối thiểu và giá nhập tối đa.

Những mặt hàng chủ yếu cần thông qua các hiệp hội; muốn vậy, cần củng cố các hiệp hội đã có, lập ra các hiệp hội mới, cho đúng tính chất hiệp hội đã có, tạo thuận lợi cho các nhà kinh doanh, tránh hình thức hoặc cửa quyền, gây phiền hà. Phải tiến đến có những tập đoàn, những công ty xuất khẩu lớn, xuất trực tiếp, *giảm tối đa xuất qua trung gian*, đứng vững trên thị trường quốc tế.

Cũng cần nhấn mạnh thêm về việc thu gọn đầu mối xuất khẩu, không để quá phân tán như hiện nay. Tuy vậy, phải hạn chế các phiền hà, tiêu cực do việc ký gửi gây ra.

2. Về các mặt hàng cấm và hạn chế xuất - nhập

Việc xác định danh mục các mặt hàng khuyến khích, cấm xuất - nhập hoặc tạm cấm xuất - nhập trong năm 1991 là cần thiết. đương nhiên, cần hết sức cân nhắc, vì thực tế, trong thời gian qua, một số chủ trương thay đổi về xuất - nhập đưa ra chưa được cân nhắc kỹ.

Có ý kiến cho rằng một số mặt hàng quy định cấm xuất như song mây, trầm kì, gỗ xe loại 1, 2 và 3, gỗ thông, da trâu, bò muối,



sợi là chưa đúng với thực tế sản xuất, có thể phải xem xét lại cụ thể. Đối với một số mặt hàng thiết yếu đối với sản xuất và đời sống nhân dân; các bộ phụ trách ngành chịu trách nhiệm chính cùng Ủy ban Kế hoạch và Bộ Thương nghiệp đề xuất từng mặt hàng nên nhập khẩu và xuất khẩu bao nhiêu, thời gian nào với số lượng bao nhiêu, trên cơ sở cân đối nhu cầu giữa sản xuất và tiêu thụ trong nước, khắc phục tình trạng căng thẳng về một số mặt hàng như năm vừa qua.

3. Về chính sách khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu

Đại thể nhiều đồng chí tán thành 6 điểm về chính sách mà Bộ Thương nghiệp đã nêu, nhưng đi vào cụ thể thì cần làm rõ hơn, đi vào các vấn đề sát sườn hơn nữa:

Về quỹ trợ giá xuất khẩu (thực chất cũng là bảo hiểm sản xuất), các đồng chí đều thấy là cần thiết, cần nghiên cứu kỹ hơn về nguồn và cách sử dụng. Tinh thần chung là phải đảm bảo lợi ích cho người sản xuất trong điều kiện thị trường quốc tế có biến động, đồng thời cũng để người sản xuất làm quen với cơ chế thị trường, với các biến động của thị trường bên ngoài.

Việc quy hoạch vùng chuyên canh cần đi đôi với ổn định thị trường tiêu thụ. Năm nay, có khó khăn đối với thị trường Đông Âu, nhưng ta lại có khả năng mở rộng các thị trường khác ở khu vực châu Á và ở Tây Âu. Bộ Thương nghiệp có trách nhiệm chính lo thị trường cho các tỉnh (ví dụ đối với cây dừa, chè, cà phê, đậu phộng...). Các ngành, các địa phương có hàng hóa lớn cũng phải tự tìm thị trường cho các sản phẩm của mình.

Tất nhiên, Bộ Thương nghiệp phải phối hợp chặt chẽ với Bộ Ngoại giao để hoạch định chính sách thị trường quốc tế, đảm bảo thực hiện đúng đường lối kinh tế đổi ngoại của Đảng và Nhà nước.



4. Về vốn

Vốn và tiền mặt mua hàng xuất khẩu, đặc biệt là mua hàng nông sản, hiện nay đang hết sức căng thẳng. Các đơn vị kinh doanh phải tận lực huy động các nguồn mà pháp luật cho phép; đồng thời Nhà nước có hỗ trợ một phần; ngân hàng cho vay nhưng kiểm soát chặt chẽ sử dụng đúng mục tiêu, không để tiền vay đó sử dụng vào việc khác. Về phần các tổ chức xuất - nhập khẩu, cũng cần phải cải tiến phương thức, nghiệp vụ xuất - nhập khẩu để tăng nhanh hơn nữa vòng quay của đồng vốn.

Về vốn ngoại tệ, từ nay những địa phương, cơ sở sử dụng vật tư chiến lược như xăng dầu, phân bón, sắt thép... thì phải trả lại cho Nhà nước bằng ngoại tệ hoặc tiền Việt Nam có gốc ngoại tệ.

Mặt khác, Hội đồng Bộ trưởng đang tích cực tìm nguồn vay nước ngoài để nhập những vật tư thiết yếu phục vụ sản xuất, đồng thời tạo điều kiện cho ngân hàng có số vốn ngoại tệ ban đầu để bước vào hoạt động theo cơ chế quản lý mới về sử dụng ngoại tệ.

Nhiều đồng chí băn khoăn về thực lực của ngân hàng, đây là một vấn đề lớn, đòi hỏi ngân hàng phải vươn lên, song điều quan trọng là phải tiếp tục đổi mới hoạt động của ngân hàng theo pháp lệnh mới ban hành.

5. Tỷ giá

Để đảm bảo Nhà nước nắm được ngoại tệ và khuyến khích người có ngoại tệ bán cho ngân hàng, vấn đề đầu tiên phải giải quyết là tỷ giá theo những nguyên tắc đã được xác định. Ngân hàng phải theo sát diễn biến giá cả của thị trường, thường xuyên điều chỉnh tỷ giá, nhưng cũng không thể đơn thuần chạy theo giá cả thị trường. Đồng thời mở rộng mạng lưới kinh doanh ngoại tệ của ngân hàng quốc doanh, săn sàng can thiệp vào thị trường



khi cần thiết. Chuẩn bị điều kiện để sớm thành lập thị trường hối đoái.

Ngân hàng phải chấn chỉnh tổ chức và cải tiến mạnh mẽ cơ chế quản lý, tạo được sự tin cậy của các tổ chức kinh tế đối với ngân hàng, bảo đảm mua bán và gửi vào rút ra ngoại tệ, được thuận tiện. Đồng thời, tính toán chặt chẽ chi phí nghiệp vụ ngân hàng để thu hẹp mức chênh lệch giữa lãi suất ngoại tệ cho vay và ngoại tệ nhận gửi.

Thực hiện quy chế quản lý ngoại hối, trên đất nước Việt Nam chỉ thực hiện việc thanh toán trong mua bán bằng đồng tiền Việt Nam, trừ một vài cửa hàng miễn thuế bán cho những người sau khi đã làm thủ tục xuất cảnh (như ở sân bay).

Ván đề thứ hai

CƠ CHẾ QUẢN LÝ THU, CHI NGÂN SÁCH CÁC CẤP

Ngân sách năm 1991 có nhiều khó khăn và mâu thuẫn: Nguồn vay nhập siêu không còn, nợ nước ngoài đến hạn và quá hạn phải trả rất lớn, không còn con đường nào khác là phải dựa vào sức mình là chính, phấn đấu động viên cao nhất nguồn thu nhập quốc dân sản xuất vào ngân sách nhà nước để trang trải các nhu cầu chi bách một cách hết sức tiết kiệm.

Tại hội nghị này, cơ chế, quản lý thu, chi ngân sách địa phương được các đồng chí thảo luận sôi nổi; tuy nhiên, cần đề cao trách nhiệm và khuyến khích thỏa đáng đối với chính quyền địa phương trong việc quản lý chặt chẽ, khai thác thêm nguồn thu và thúc đẩy tiết kiệm chi cho ngân sách, tự lo nguồn thu để đảm bảo chi, chống tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào cấp trên như trước đây. Cụ thể là:

- Các địa phương có nguồn thu từ các doanh nghiệp và các cơ sở kinh tế trên địa bàn mà trong năm 1990 có phần điều về



Trung ương thì trong năm 1991 phải phán đấu điếu về ngân sách trung ương nhiều hơn (cả về số tuyêt đối và cả tỷ lệ điếu tiết).

- Các địa phương trong năm 1990 đã tự cân đối thì phải cố gắng vươn lên mạnh hơn để trong năm 1991 có phần điếu về Trung ương.

- Các địa phương trong năm 1990 phải trợ cấp thì trong năm 1991 phải vươn lên tự cân đối. Nếu còn quá khó khăn thì Trung ương phải trợ cấp nhưng mức trợ cấp phải thấp hơn năm 1990.

Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng rất thông cảm khó khăn của các địa phương như nhiều đồng chí đã phát biểu, nhưng đứng trước khó khăn chung của cả nước, yêu cầu các đồng chí đề cao trách nhiệm đối với các yêu cầu chung - cũng là để bảo đảm cho sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

Theo tinh thần đó, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng giao cho Bộ Tài chính cùng các ngành liên quan khẩn trương làm việc với chủ tịch các tỉnh để tính toán lại số thu, số chi, từ đó xác định được tỷ lệ điếu tiết và số cấp bổ sung để cân đối ngân sách từng tỉnh. Trong đó, có những khoản chi phải tính toán thực tế hơn (ví dụ như định mức chi tiêu hành chính). Nhưng bây giờ đã vào cuối tháng 01/1991, ngân sách nhà nước đã được Quốc hội thông qua, cần tổ chức điểu hành, vì vậy Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng đồng ý các địa phương lấy số liệu và tỷ lệ điếu tiết mà Bộ Tài chính đã xin Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng để tạm giao. Đương nhiên, cần sửa những điểm quá hợp lý trong tỷ lệ điếu tiết với một số địa phương, Bộ Tài chính cần làm việc rất kỹ với từng địa phương. Sau khi Bộ Tài chính và chủ tịch ủy ban nhân dân các địa phương đã tính toán lại số thu, chi, nếu địa phương đã nộp quá thì sẽ hoàn trả; nếu chưa đủ thì phải nộp thêm. Bản giao nhiệm vụ thu, chi phải có chữ ký của Bộ trưởng Tài chính và



chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định và giao chính thức.

Đối với một số vấn đề cụ thể: các bộ, ngành ở Trung ương khi giao nhiệm vụ cho địa phương thì đồng thời phải giải quyết kinh phí cho địa phương, không được chỉ giao nhiệm vụ mà không cùng địa phương bàn bạc cụ thể cách giải quyết. Khi Trung ương ban hành chính sách mới, liên quan đến địa phương phải chi, cũng cần làm như vậy.

Việc thu thuế nông nghiệp bằng thóc hay bằng tiền là do từng địa phương cân nhắc và đề nghị, căn cứ vào thời vụ và giá cả thóc ở địa phương; điều quan trọng là nếu thu bằng tiền thì số tiền thu được phải đủ để mua được số thóc thuế cần thu, hoặc thu hiện vật thì cũng phải nộp thóc đủ tiêu chuẩn, không được nộp thuế bằng các loại thóc xấu.

Đối với huyện, nhiều ý kiến (tại hội nghị này cũng như một số hội nghị khác ở Trung ương) nhất trí cấp huyện chỉ nên là đơn vị dự toán, không nên là cấp ngân sách. Bộ Tài chính cần nghiên cứu quy chế cụ thể về vấn đề này để trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định, sao cho phù hợp với đặc điểm mỗi vùng. Về cấp xã, cũng nên nghiên cứu xác định cho rõ.

Tóm lại, cần tiếp tục tổng kết để xây dựng về chế độ quản lý thu, chi ngân sách địa phương quản lý phù hợp với tình hình mới. Đây là một việc hệ trọng, nhưng cần phải tiến hành khẩn trương trong năm 1991 để đưa vào áp dụng trong năm 1992.

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Bộ Thương mại/Bộ Thương mại và Du lịch,
hồ sơ số 2325.

BÁO CÁO
TẠI KỲ HỌP THỨ 10, QUỐC HỘI KHÓA VIII
Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 1995
và năm 1992

Ngày 10 tháng 12 năm 1991

Thưa Đoàn Chủ tịch,

Thưa các đồng chí đại biểu Quốc hội,

Hội đồng Bộ trưởng đã trình ra Quốc hội bản Dự án phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội 5 năm 1991 - 1995 và năm 1992, trong đó đã nêu đầy đủ tình hình, dự báo thuận lợi, khó khăn và đề nghị các nhiệm vụ, mục tiêu và biện pháp chủ yếu.

Trong Báo cáo này, tôi xin nhấn mạnh thêm một số vấn đề sau đây:

1. Đánh giá tình hình. Khả năng và cơ hội mới

Bước vào năm 1991, chúng ta đã thấy trước một số thử thách gay gắt đối với nền kinh tế; từ đó, dự kiến một số đối sách giữ cho nền kinh tế đương đầu được với những nhân tố bất lợi mới nảy sinh, không bị xáo trộn lớn, giữ thế ổn định đi lên.

Tuy nhiên, tình hình thực tế đã phức tạp hơn dự kiến. Thời tiết không thuận gây thiệt hại nặng cho vụ đông xuân ở miền Bắc (mất trên một triệu tấn lương thực) và lũ lụt lớn ở đồng bằng sông Cửu Long, lụt ở hai tỉnh Sơn La, Lai Châu và một số



tỉnh miền Trung. Riêng lũ lụt kéo dài ở đồng bằng sông Cửu Long đã gây ra sự thiệt hại rất lớn hàng chục năm nay chưa từng có, làm mất 30 vạn tấn thóc và hư hại nhiều nhà cửa, cầu cống, đường sá. Sự thay đổi quá nhanh ở Liên Xô làm cho các hiệp định kinh tế đột ngột mất hiệu lực, gây khó khăn và đảo lộn lớn cho thị trường xuất - nhập khẩu của nước ta.

Mặc dầu vậy, tình hình kinh tế năm 1991 không suy giảm mà vẫn tiếp tục có một số chuyển biến tích cực.

Ước tính cả năm, thu nhập quốc dân tăng 2,4% so với năm 1990. Sản lượng lương thực đạt 21,7 triệu tấn, bằng năm 1990; xuất khẩu một triệu tấn gạo; giá thóc gạo giữ được ổn định. Sản lượng công nghiệp tăng hơn năm trước 5,3%, trong đó, công nghiệp Trung ương tăng 16%; nhiều sản phẩm quan trọng tăng đáng kể; một số sản phẩm nâng được sức cạnh tranh, vượt qua khó khăn về tiêu thụ, phát triển được sản xuất.

Mặc dù quan hệ với thị trường Liên Xô giảm đột ngột, phải chuyển sang thị trường mới, nhưng kim ngạch xuất khẩu vẫn đạt mức kế hoạch (1,8 tỉ đôla) và đáp ứng được nhu cầu nhập khẩu vật tư, hàng hóa cần thiết, đánh dấu một bước tiến bộ nổi bật về chuyển hướng thị trường và cân đối xuất - nhập khẩu. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài tăng hơn các năm trước và bắt đầu có những dự án tương đối lớn (ngoài dầu khí).

Chúng ta khẳng định: cùng với việc giữ vững sự ổn định về chính trị, việc bảo đảm cho nền kinh tế không bị đảo lộn lớn có ý nghĩa rất quan trọng. Đó là kết quả của đường lối đổi mới từ Đại hội VI của Đảng, được tiếp tục triển khai trong năm 1991 theo hướng chuyển sang cơ chế thị trường, phát huy thêm một bước khả năng của các thành phần kinh tế. Cơ chế mới làm bộc lộ rõ



thêm những cơ sở yếu kém và mỏ đường cho sự xuất hiện nhiều đơn vị kinh tế chủ động sáng tạo vượt qua khó khăn, kinh doanh có hiệu quả. Sự chỉ đạo, điều hành của các ngành, các cấp cũng có tiến bộ, rõ nét nhất là trong việc xử lý các cân đối lớn, điều hòa lương thực, chuyển hướng thị trường ngoại thương, kiềm chế phát hành tiền chi cho ngân sách.

Tuy nhiên, nhìn tổng quát, tình hình kinh tế và xã hội còn diễn biến phức tạp. Lạm phát còn ở mức cao; giá vàng, đôla liên tục tăng cao từ nhiều tháng nay và nạn chảy máu vàng, đôla qua biên giới chưa chặn lại được. Sản xuất công nghiệp chưa ổn định, nợ nần dây dưa kéo dài; tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp nói chung tiếp tục sa sút. Tích lũy của nền kinh tế còn nhỏ bé. Mức tăng dân số còn cao, số người thiếu việc làm tăng thêm, đời sống một bộ phận dân cư vẫn còn khó khăn. Tình trạng coi thường pháp luật, sách nhiễu, ức hiếp quần chúng, tệ tham nhũng diễn ra nghiêm trọng; nạn buôn lậu và làm hàng giả, thu nhập phi pháp cùng với sự phát triển các tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn.

Tình hình trên có những nguyên nhân sâu xa và những yếu tố khách quan chưa thể khắc phục trong một thời gian ngắn. Song về mặt chủ quan, khuyết điểm nổi bật là chính sách quản lý vĩ mô có những thiếu sót, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính, kéo dài tình trạng phân tán, tản漫 trong thu chi ngân sách, bao cấp vốn và tín dụng; cơ chế quản lý ngoại hối kém hiệu lực, không ngăn chặn được tình trạng sử dụng lãng phí ngoại tệ, thiếu dự kiến và không kịp thời đổi phó có hiệu quả với cơn sốt giá vàng, đôla; khu vực kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể và trật tự xuất, nhập khẩu đều chậm sấp xếp lại.

Tổ chức bộ máy và cán bộ chưa chuyển biến kịp theo yêu cầu của cơ chế mới, nhất là các ngành Trung ương; nhiều cán bộ



không đủ năng lực phù hợp, một số kém về năng lực và phẩm chất. Việc đào tạo lại và sàng lọc cán bộ đáp ứng những yêu cầu quản lý mới từ Nhà nước tới cơ sở kinh doanh chưa làm được bao nhiêu.

Điều quan trọng cần nhấn mạnh là đánh giá mức độ những khó khăn trở lực và những khả năng, cơ hội mới đối với năm 1992 và mấy năm tới.

Chúng ta đều nhận rõ những khó khăn trở lực khi bước vào năm 1992. Đáng lo ngại nhất là tình trạng mất trật tự, kỷ cương, vi phạm pháp luật, tệ tham nhũng, cửa quyền, ức hiếp nhân dân. Phép nước không được giữ nghiêm trong cơ quan nhà nước, trong các hoạt động kinh tế, các lĩnh vực văn hóa, xã hội; trật tự xã hội chưa được bảo đảm.

Các thế lực phản động ra sức khai thác, kích động tình hình này, khoét sâu những khó khăn, sơ hở của ta, đồng thời lợi dụng sự thay đổi trong tương quan lực lượng trên thế giới để phá hoại công cuộc đổi mới của chúng ta. Chúng ta không thể đánh giá thấp tình hình diễn biến phức tạp đó.

Song mặt khác, cần đánh giá đúng những khả năng và cơ hội mới đang được mở ra từ cục diện năm 1991. Trước những thử thách hết sức gay gắt, tình hình chính trị nước ta vẫn ổn định, nền kinh tế không bị biến động lớn, công cuộc đổi mới tiếp tục được triển khai và đưa lại một số chuyển biến tích cực. Chúng ta có thêm kinh nghiệm trong việc lãnh đạo, điều hành, có những mô hình tốt trong nhiều lĩnh vực, có thêm nguồn lực vật chất, nhất là điện, dầu khí, lương thực, năng lực xuất khẩu... Tình hình đó cùng với việc giải quyết hòa bình vấn đề Campuchia, bình thường hóa quan hệ Việt - Trung, nối lại và phát triển quan hệ với các nước Đông Nam Á đang tạo ra thế mới trong



quan hệ với bên ngoài. Những sự kiện gần đây cho thấy sự tin cậy và thiện chí đổi mới với Việt Nam đang tăng lên, nhất là ở các nước trong khu vực; nhiều nước nối lại và mở rộng quan hệ chính thức với Việt Nam. Tuy trỗi lực còn nhiều và chúng ta còn phải cố gắng gấp bội, nhưng rõ ràng đang xuất hiện những cơ hội mới cho việc mở rộng quan hệ với nhiều nước trên thế giới và trong khu vực trên cơ sở hợp tác cùng có lợi bằng những khả năng của ta và tranh thủ nguồn vốn và công nghệ để phát huy các nguồn lực trong nước nhằm mục tiêu ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

Bối cảnh mới ở trong nước và trên thế giới vừa tạo cơ hội, vừa thúc đẩy chúng ta phải có quyết tâm lớn, có quyết sách mạnh dạn với những biện pháp đặc biệt để xoay chuyển cục diện kinh tế - xã hội, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng và phát triển nhanh hơn. Năm 1992 và mấy năm trước mắt là thời điểm có ý nghĩa quyết định. *Ôn định và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội là điều kiện cơ bản để tăng cường sự ổn định về chính trị, tư tưởng, là trận địa chủ yếu để tạo thế đứng vững chắc của nước ta.*

Phải thấy rõ tình hình, nắm lấy những khả năng và cơ hội mới, phát huy ý chí tiến công mạnh mẽ, thể hiện trong những nỗ lực cao nhất với những biện pháp thiết thực tăng cường hiệu lực trong công tác quản lý, điều hành, động viên phong trào quần chúng vượt qua khó khăn và trỗi lực, đưa đất nước tiến lên.

2. Về các nhiệm vụ kinh tế

Nhiệm vụ trọng tâm của giai đoạn này là tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tạo đà cho sự phát triển nhanh hơn. Muốn vậy, phải thiết lập trật tự, kỷ cương theo cơ chế mới, vừa phát triển, vừa từng



bước lành mạnh hóa quan hệ thị trường và các quan hệ xã hội. Đó chính là tạo môi trường và điều kiện phát huy mạnh mẽ các tiềm năng về lao động và trí tuệ, ruộng đất và tài nguyên, vốn và tài sản trong mỗi gia đình, mỗi tập thể và trong cả xã hội, đồng thời tận dụng có hiệu quả những khả năng mới trong việc mở rộng các quan hệ kinh tế với nước ngoài.

Phải có những quyết sách đáp ứng được đòi hỏi của tình thế để khai thác mọi khả năng, tranh thủ mọi cơ hội đẩy mạnh công cuộc ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

Các nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra như chống lạm phát, phát triển sản xuất, xây dựng các công trình then chốt, giải quyết việc làm, cải cách một bước tiền lương, củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa, khoa học, khôi phục và phát triển các phúc lợi xã hội, bảo đảm quốc phòng và an ninh, v.v. đều có những yêu cầu to lớn và bức xúc, đòi hỏi nhiều nguồn lực, đặc biệt là vốn. Báo cáo của Hội đồng Bộ trưởng trình Quốc hội đã nêu những hình thức, chính sách và biện pháp khai thác các nguồn lực trong và ngoài nước, trong đó, đặc biệt nhấn mạnh các biện pháp khai thác tối đa mọi nguồn lực trong nước, phát huy mọi tiềm năng của dân tộc.

Một trong những yếu tố quan trọng là năm 1992 phải có một bước đổi mới căn bản ngân sách nhà nước từ việc bố trí lại cơ cấu và phương thức cân đối ngân sách, cải tiến việc phân cấp quản lý ngân sách, xây dựng kỷ cương tài chính và tăng cường công tác thanh tra tài chính nhà nước.

Chúng ta muốn có một nền tài chính thống nhất thì không thể kéo dài tình trạng có một số khoản thu và chi của các cơ quan nhà nước tiếp tục nằm ngoài ngân sách nhà nước, nằm ngoài những quy định và sự kiểm soát tài chính của Chính phủ trung ương.



Có thể nói, gần như không có quốc gia đã phát triển và đang phát triển nào lại có nền tài chính, ngân sách tản mạn như chúng ta. Một số quốc gia đang phát triển đã áp dụng những biện pháp cứng rắn, bảo đảm quyền kiểm soát của Chính phủ Trung ương và tập trung ngân sách.

Chúng ta muốn tích lũy để mở rộng năng lực sản xuất làm tăng trưởng nền kinh tế, thì không thể tiếp tục tình trạng ngân sách tản mạn cũng như một số xí nghiệp quốc doanh, tổ chức xuất nhập khẩu, lợi dụng cơ chế tự chủ tài chính để tiêu xài hoang phí. Chúng ta không thể thả nổi hoặc kêu gọi bằng các khẩu hiệu suông mà phải có chính sách hướng dẫn tiêu dùng, khuyến khích tiết kiệm đầu tư bằng nhiều hình thức, kể cả hình thức cưỡng chế tiết kiệm thông qua các thứ thuế điều tiết và bằng nhiều biện pháp khác.

Chúng ta cần phải chặn đứng tình trạng tiếp tục xuống cấp của các trường học, bệnh viện, sinh hoạt văn hóa nghệ thuật và các phúc lợi xã hội; đồng thời, phải khắc phục dần tình trạng xuống cấp của hệ thống đường sá, bến cảng, vận tải công cộng, sân bay, cấp điện, cấp nước. Không những phải chặn đứng tình trạng xuống cấp mà còn phải phấn đấu sớm thay đổi tình thế lạc hậu của kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội. Điều đó cần tới một khoản vốn tích lũy trong nền kinh tế và khoản chi ngân sách không nhỏ.

Tình trạng tiền lương cho khu vực hành chính sự nghiệp, quốc phòng, an ninh ngày càng thấp kém thể hiện cơ chế phân phối trái quy luật, kìm hãm sức sản xuất xã hội và còn là nguồn gốc phá vỡ trật tự an ninh và phát triển các tệ nạn xã hội. Chúng ta phải khẳng định quyền tập trung và cách thức phân phối lợi



ích kinh tế - xã hội của Nhà nước thông qua ngân sách để từng bước giải quyết một cách căn bản tiền lương.

Mức động viên thu nhập quốc dân vào ngân sách hiện nay còn thấp so với các nước có cùng trình độ phát triển kinh tế. Chúng ta chưa hy vọng năm 1992 mức thu ngân sách được nâng lên nhanh chóng, nhưng cần khẳng định rằng, một ngân sách có hiệu lực thống nhất thì nguồn thu sẽ tăng lên nhờ tận thu theo đúng chính sách, nhờ quản lý chặt các khoản thu, tránh mất mát và nhờ việc chi tiêu tiết kiệm, làm được như vậy sẽ tạo điều kiện bảo đảm một số nhu cầu chi thật sự bức bách cho Nhà nước.

Từ năm 1992, phải *đổi mới một bước căn bản ngân sách nhà nước* trên hai mặt:

Một là, phân cấp lại ngân sách, thống nhất ban hành một loạt quy định, cho phép Chính phủ Trung ương kiểm soát toàn bộ ngân sách, bảo đảm đi tới thống nhất tài chính quốc gia.

Hai là, bố trí lại cơ cấu ngân sách theo hai phần: phần thu phải bảo đảm các khoản chi thường xuyên và trả nợ; phần chi cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội thì Nhà nước đứng ra vay, còn đầu tư cho các doanh nghiệp quốc doanh, lâu nay phần lớn do ngân sách cấp, nay doanh nghiệp phải tự đi vay theo sự tính toán kinh doanh của mình.

Do không phân định rõ chi thường xuyên và chi phát triển, không có phương thức cân đối thích hợp với bản chất từng loại chi, cho nên đã thường xảy ra tình trạng không xử lý được thỏa đáng cho chi thường xuyên cũng như chi phát triển. Không xử lý được, phải dựa vào phát hành, đó chính là nguồn gốc chủ yếu của lạm phát, là một vòng luẩn quẩn kìm hãm nhịp độ tăng trưởng và cũng là một trong những nguyên nhân phát sinh các quan hệ kinh tế - xã hội không lành mạnh.



Với quan điểm như trên, hy vọng chúng ta từng bước cải thiện nguồn thu, từ đó cải thiện căn bản các khoản chi thường xuyên, nhất là tiền lương, chi cho quốc phòng, an ninh, văn hóa, giáo dục, y tế và sự nghiệp phát triển khoa học; chúng ta cũng rộng đường và an tâm vay mượn trong nước và nước ngoài để cải thiện kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội.

Các doanh nghiệp nhà nước tự mình định đoạt việc vay vốn nếu thấy kinh doanh sinh lợi, đương nhiên Nhà nước có hướng dẫn và trong trường hợp đặc biệt sẽ được Nhà nước xem xét tài trợ. Phải vay để kinh doanh (kể cả đầu tư vào tài sản cố định và tài sản lưu động) thì doanh nghiệp mới thực sự tăng cường ý thức trách nhiệm trong hoạt động mưu cầu doanh lợi, không dựa dẫm vào Nhà nước, không chạy đua trong việc tranh thủ các cơ quan có trách nhiệm phân phối nguồn vốn của Nhà nước. Đây cũng là một yếu tố bảo đảm lẽ công bằng và sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, hạn chế tham nhũng, lãng phí.

Ngoài ngân sách nhà nước và tài chính doanh nghiệp, còn có nguồn vốn không nhỏ trong nhân dân cất trữ dưới nhiều dạng khác nhau chắc chắn lớn hơn gấp nhiều lần số đã gửi tiết kiệm ở ngân hàng. Khả năng tiết kiệm một phần tiêu dùng chưa thật cấp thiết như trong việc xây nhà, mua sắm xe máy, đồ dùng trong nhà, v.v. hoặc bớt ăn tiêu lãng phí để đưa vốn vào sản xuất, kinh doanh cũng còn khá lớn.

Tôi nghĩ rằng, thời kỳ 1992 - 1995 chính là thời điểm quan trọng của sự phát triển đất nước, là cơ hội phát huy truyền thống, ý chí tự tôn dân tộc của nhân dân ta. Trước vận hội mới, mỗi người dân, mỗi thành phần kinh tế đều tìm thấy chỗ đứng và lợi ích thiết thân của mình, đem hết tài năng, vốn liếng đóng góp cho



sự phát triển trên mọi lĩnh vực, từ kinh tế đến văn hóa, khoa học, kỹ thuật, ra sức làm giàu cho mình và cho đất nước. Nhà nước ta phải kịp thời có các chính sách thật cụ thể, thật thích hợp đáp ứng nguyện vọng làm giàu chính đáng để lôi cuốn mọi người dân, mọi thành phần kinh tế hoạt động theo hướng đó.

Phương thức có hiệu quả nhất để huy động vốn này là tạo môi trường và điều kiện thuận tiện cho nhân dân yên tâm bỏ vốn tự đầu tư kinh doanh dưới nhiều hình thức để phát triển nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, làm hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, mở mang dịch vụ. Mấy năm gần đây, kinh tế tư nhân đã có bước phát triển mới, nói chung là đúng hướng như may mặc xuất khẩu, chế biến nông sản, thủy sản xuất khẩu, dệt, xây dựng, dịch vụ, v.v., huy động nhiều vốn đầu tư, thu hút nhiều lao động, đã chứng minh một khả năng phát triển mà chúng ta cần khuyến khích; về vốn liếng, tay nghề, ứng dụng kỹ thuật tiến bộ và khả năng quản lý, kể cả các mối quan hệ với nước ngoài của khu vực này.

Đáng chú ý là việc triển khai Luật công ty và Luật doanh nghiệp tư nhân đến nay còn quá chậm do nhiều ngành chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện, cũng chưa có những văn bản sửa đổi những quy định trái với Luật này hoặc bổ sung các quy định mới theo Luật. Một số địa phương đã đặt ra nhiều quy định không phù hợp, thậm chí, trái với nội dung Luật và quy định của Hội đồng Bộ trưởng, đang gây khó dễ cho các chủ doanh nghiệp trong việc xin cấp giấy phép, đăng ký kinh doanh. Ngoài việc khẩn trương ban hành các văn bản hướng dẫn còn thiếu, còn cần phải chuyển hướng công tác giáo dục tuyên truyền nâng cao sự hiểu biết cho công chúng góp vốn thành lập công ty, tạo lập dần



tập quán tin cậy lẫn nhau, ràng buộc lẫn nhau về quyền lợi và trách nhiệm kinh doanh dưới hình thức công ty cổ phần.

Ngân hàng phải học tập, phấn đấu dần dần trở thành người đại lý chung cho bên bán và cả bên mua cổ phần.

Nhà nước phải có chính sách ưu đãi về thuế và tín dụng ở mức đặc biệt trong thời hạn mấy năm đối với bất cứ ai bỏ vốn đầu tư phát triển. Những đối tượng cần ưu tiên như những người ra khỏi biên chế nhà nước và quân đội, những lĩnh vực cần khuyến khích như sử dụng có hiệu quả tài nguyên, dùng nhiều lao động, sử dụng đất trống, đối trọc đã trồng các cây công nghiệp có giá trị, v.v., càng được hưởng mức ưu đãi cao hơn.

Để khai thác nguồn lực của những người có vốn nhưng không có khả năng hoặc điều kiện tự đầu tư kinh doanh, ngoài việc gửi quỹ tiết kiệm, cần chú trọng các hình thức khác, đặc biệt là hình thức góp cổ phần, mua cổ phiếu, trong đó khâu đột phá lúc này là chuyển một số xí nghiệp quốc doanh có khả năng thu hút vốn thành *công ty cổ phần*, một hình thức hỗn hợp về sở hữu giữa Nhà nước và cá nhân, kể cả xí nghiệp hiện có và xí nghiệp mới xây dựng. Đây cũng là giải pháp quan trọng góp phần củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả của kinh tế quốc doanh vì mấy lẽ:

Một là, thu hút thêm vốn của nhân dân (và cả của nước ngoài) để phát triển xí nghiệp, đồng thời, Nhà nước thu lại được một phần vốn để đầu tư cho các mục tiêu cần thiết khác.

Hai là, công nhân viên xí nghiệp được mua một tỷ lệ cổ phần nhất định theo điều kiện ưu đãi, trở thành người chủ sở hữu trên thực tế và gắn bó hơn với hiệu quả hoạt động của xí nghiệp.

Ba là, tạo cơ sở cho cơ chế Hội đồng quản trị đại diện cho Nhà nước và những người sở hữu khác được thiết lập và hoạt động



thiết thực tại xí nghiệp quốc doanh. Đối với những xí nghiệp có vị trí then chốt trong nền kinh tế, cần giữ hình thức 100% sở hữu nhà nước. Một số xí nghiệp quốc doanh khác, Nhà nước giữ lại một tỷ lệ cổ phần cao dành quyền chi phối trong tập thể Hội đồng quản trị.

Như vậy, trong cơ cấu nền kinh tế, sẽ tồn tại các hình thức sở hữu: có loại doanh nghiệp là quốc doanh thuần túy; loại doanh nghiệp hỗn hợp sở hữu nhà nước với nhiều cá nhân; loại công ty tập hợp sở hữu của những cá nhân và loại doanh nghiệp thuần túy sở hữu cá nhân. Điều đó không trái với đường lối phát triển kinh tế nhiều thành phần mà còn tạo ra môi trường và cơ chế huy động tối đa các nguồn vốn lớn nhỏ khác nhau, Nhà nước và nhân dân đều có lợi. Hình thức Hội đồng quản trị sẽ bảo đảm làm tốt hơn nhiệm vụ bảo tồn và phát triển vốn xí nghiệp, kiểm soát việc sử dụng tài chính và phân phối thu nhập của xí nghiệp.

Đương nhiên, việc cổ phần hóa phải tiến hành có điều kiện được xác định theo từng trường hợp cụ thể và đi từng bước vững chắc; phải làm thí điểm rút kinh nghiệm trước khi mở rộng.

Có công ty cổ phần dưới nhiều hình thức khác nhau sẽ tạo tiền đề cho việc hình thành thị trường chứng khoán, một hình thức cần thiết để huy động, chuyển dịch và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn trong nền kinh tế quốc dân.

Đối với *nguồn vốn bên ngoài*, cũng cần phải có quyết sách để huy động đến mức cao nhất nhằm tạo điều kiện phát huy nguồn vốn bên trong. Ở thời điểm hiện nay, cần phải có chính sách ưu đãi đặc biệt, bổ sung những chính sách, biện pháp nhằm tăng cường thu hút nước ngoài đầu tư, nhất là vào những ngành và những vùng cần khuyến khích. Chú trọng thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào việc cải tạo, mở rộng



các cơ sở hiện có, vào việc xây dựng các cơ sở mới, nhất là các cơ sở làm hàng xuất khẩu và dịch vụ thu ngoại tệ, vào việc khai thác, chế biến tài nguyên.

Đồng thời, cần phải tính đến việc vay nước ngoài với thời hạn và lãi suất có thể chấp nhận được để xây dựng một số công trình then chốt như: các cơ sở phát điện và hệ thống tải điện, đường ống dẫn khí, công trình thủy lợi, nhà máy phân đạm, cơ sở lọc dầu, xây dựng các cảng, sân bay, v.v..

Cần nhấn mạnh rằng, vốn vay chỉ được sử dụng cho đầu tư phát triển, không dùng để chi thường xuyên; phải tính toán kỹ hiệu quả và có phương án xây dựng nhanh, huy động sớm, mau đem lại hiệu quả.

3. Về các vấn đề văn hóa - xã hội

Chuyển sang kinh tế thị trường trong điều kiện khoa học, công nghệ và trí tuệ nói chung trở thành nhân tố quyết định của sự phát triển, chúng ta khẳng định dứt khoát yêu cầu bảo vệ và phát triển văn hóa, với nhận thức đầy đủ rằng kinh tế và văn hóa gắn bó với nhau hết sức chặt chẽ: kinh tế không tự mình phát triển nếu thiếu nền tảng văn hóa và văn hóa không phải là sản phẩm thụ động của kinh tế. Phát triển trên cơ sở kết hợp hài hòa kinh tế và văn hóa là sự phát triển năng động, có hiệu quả và vững chắc nhất.

Chúng ta khẳng định rằng, thực hiện chính sách mở về kinh tế không đồng nghĩa với phát triển và du nhập không chọn lọc văn hóa, nghệ thuật; sử dụng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần không có nghĩa là có thể có nhiều thành phần trong tư tưởng, văn hóa; và vận dụng cơ chế thị trường trong quản lý cũng không phải là yêu cầu các hoạt động văn hóa, nghệ thuật



đều phải nhất loạt chuyển sang kinh doanh. Phải chăng chính vì những quan niệm không đúng đắn ấy đã dẫn đến tình trạng nhiều chính sách của Nhà nước về văn hóa, nghệ thuật không được thực hiện đến nơi đến chốn. Truyền thống văn hóa dân tộc đang có nguy cơ suy giảm; khuynh hướng lai căng, tự phát du nhập văn hóa nước ngoài, thậm chí cả loại văn hóa đồi truy, phản động; xu hướng thương mại hóa văn hóa, nghệ thuật đang có chiều hướng phát triển. Đó là một thực trạng rất đáng lo ngại, đòi hỏi chúng ta phải hết sức chú trọng bổ sung, hoàn chỉnh các cơ chế, chính sách cụ thể ở tất cả các khâu nhằm kịp thời gìn giữ, bảo vệ, phát huy di sản văn hóa, nghệ thuật dân tộc và khuyến khích, tạo điều kiện sáng tạo những giá trị mới về văn hóa, nghệ thuật đáp ứng đúng yêu cầu của thời đại, sâu đậm sắc thái, cốt cách Việt Nam.

Nói về vai trò của văn hóa trong xã hội ta ngày nay, tôi muốn trước hết nhấn mạnh đến trình độ hiểu biết của nhân dân ta trước tình hình mới. Bởi có nhận thức được sâu sắc về đặc điểm của thời đại, về tiềm năng của bản thân mình, mới dự báo được xã hội ngày mai và có những bước đi đúng đắn. Chính vì thế mà trong lĩnh vực văn hóa, phải đặt lên hàng đầu nhiệm vụ nâng cao dân trí, phát triển khoa học, kỹ thuật, phát huy thế mạnh của dân tộc ta về trí thông minh, óc sáng tạo mà tiếp cận kịp thời những vấn đề mới, nhanh chóng biến những thành tựu về khoa học, kỹ thuật tiên tiến của thế giới thành sức mạnh của bản thân mình. Chúng ta đã có những mô hình rất đáng khích lệ về việc ứng dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, như trong lai tạo các loại giống lúa, dùng công nghệ mới trong sản xuất công nghiệp. Qua thực tế, rõ ràng là các nhà khoa học nước ta giàu trí sáng tạo, có năng lực thực hành và ngày càng gắn bó



hơn với thực tiễn sản xuất. Điều quan trọng hiện nay là tổ chức, sắp xếp lại các cơ sở nghiên cứu khoa học, kể cả các viện, trung tâm, các trường đại học cũng như bản thân mỗi nhà khoa học tập trung vào các đề tài thiết thực, phát huy được tiềm năng của đội ngũ các nhà khoa học bằng những chính sách thật sự khuyến khích tài năng sáng tạo.

Gần đây, tìm hiểu về sự phát triển ở một số nước châu Á, tôi thấy nổi lên vấn đề khai thác truyền thống văn hóa dân tộc. Ở đây, người ta đã mạnh bạo tiếp thu nhanh nhất những thành tựu khoa học, kỹ thuật và văn minh của nhân loại. Nhưng cũng ở đây, người ta đặc biệt quý trọng và gìn giữ những tinh hoa văn hóa dân tộc trong cuộc sống hằng ngày, trong sinh hoạt gia đình và giao tiếp xã hội. Có thể nói kết hợp thành tựu trí tuệ của nhân loại và truyền thống văn hóa của dân tộc đã thành một yêu cầu có tính phổ biến của sự phát triển. Đây là một kinh nghiệm rất bổ ích, phù hợp với truyền thống của dân tộc, mà chúng ta cần vận dụng có hiệu quả nhất trong công cuộc xây dựng đất nước.

Chúng ta rất tự hào nhận rằng, từ truyền thống lâu đời và phong phú của dân tộc, đang tồn tại những năng lượng tinh thần cực kỳ to lớn. Đó là nghị lực phi thường trong chiến đấu và sản xuất, là ý thức cộng đồng sâu sắc đối với gia đình, quê hương, là tình thương yêu rộng lớn đối với Tổ quốc, là lòng tự hào đối với quá khứ vẻ vang của dân tộc, là tài trí thông minh và sáng tạo, đặc biệt là ý chí khắc phục khó khăn và thử thách, v.v.. Chúng ta nhất thiết bảo tồn và hon thế nữa, làm sống lại những truyền thống ấy, tạo thành một sức mạnh mới trong sự nghiệp phát triển.

Bản báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trình Quốc hội đã đề cập các chủ trương, biện pháp phát triển các ngành Văn hóa, Nghệ thuật, với ý thức rất rõ là gắn



chặt kinh tế với văn hóa. Ngay trong năm 1992, chúng ta sẽ phải có một bước chuyển biến rõ rệt trong các lĩnh vực này. Phải tiếp tục nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục và đào tạo, truyền bá khoa học, kỹ thuật đáp ứng nhu cầu nâng cao dân trí. Các ngành Văn hóa, Nghệ thuật cần được chú trọng hơn nữa, đưa đến cho nhân dân ta các phúc lợi văn hóa tinh thần ngày càng phong phú.

Về các cơ chế, chính sách khuyến khích các hoạt động văn hóa dân tộc, bồi dưỡng và trọng dụng tài năng, Chính phủ sẽ phải đi sâu để tiếp tục giải quyết rất cụ thể, phù hợp với đặc điểm từng loại hình văn hóa, nghệ thuật, không thể áp dụng một cách máy móc như cơ quan hành chính hoặc tổ chức sản xuất - kinh doanh. Ở đây, cần phân biệt rõ những hoạt động nào cần chuyển sang hạch toán kinh doanh, loại hoạt động nào cần được tài trợ và mức độ tài trợ phù hợp. Đương nhiên, việc tăng mức đầu tư cho sự nghiệp văn hóa, nghệ thuật, không thể chỉ có ngân sách nhà nước mà vẫn cần thiết và có thể huy động sự đóng góp của nhân dân, đồng thời, tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế.

Tôi xin lưu ý thêm về sự cần thiết quan tâm hơn nữa các hoạt động thể dục, thể thao, một loại hoạt động liên quan rất chặt chẽ với việc nâng cao thể lực của toàn dân, đáp ứng nhu cầu làm việc sôi động, khẩn trương của cơ chế mới. Thể thao cũng góp phần quan trọng thắt chặt thêm sự hiểu biết và tình hữu nghị giữa các dân tộc. Thành tích tuy còn khiêm tốn của vận động viên nước ta tại Đại hội thể thao Đông Nam Á lần thứ 16 vừa qua đã chứng minh điều đó; đồng thời nhắc nhở chúng ta về trách nhiệm phải đặc biệt quan tâm bồi dưỡng những nhân tài đang có nhiều triển vọng trong lĩnh vực này.



Trong năm 1992, chúng ta đặc biệt tiếp tục coi trọng và giải quyết thêm *một bước các chính sách xã hội, đặc biệt là vấn đề việc làm, tiền lương, tiền hưu và các khoản khác thuộc chính sách xã hội.*

Về việc làm, phương hướng cơ bản giải quyết việc làm là phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế, khả năng đất đai, tài nguyên thiên nhiên của đất nước và mở rộng hoạt động hợp tác kinh tế với nước ngoài.

Thực hiện sự kết hợp hài hòa giữa người lao động tự tạo, tự tìm việc làm với trách nhiệm của Nhà nước trong việc tạo ra cơ chế, chính sách, môi trường; đầu tư có trọng điểm, xây dựng kết cấu hạ tầng, đào tạo và đào tạo lại nghề nghiệp cho người lao động. Khuyến khích các trung tâm hướng dẫn việc làm, nhất là các cơ sở đào tạo và đào tạo lại ngành, nghề cho người lao động. Bằng các chính sách khuyến khích, chúng ta tận lực phát huy mọi tiềm năng trong nước, đặc biệt là khơi nguồn vốn trong dân, đồng thời tranh thủ các nguồn lực quốc tế.

Từ năm 1992, các chương trình giải quyết việc làm đã được xây dựng gắn chặt với các chương trình phát triển kinh tế, ưu tiên cho các chương trình tạo nhiều việc làm, sử dụng nhiều lao động. Các chương trình này sẽ được tiếp tục cụ thể hóa thành các dự án đầu tư, trong đó xác định rõ hiệu quả kinh tế, các điều kiện thực hiện và chính sách ưu đãi để thu hút vốn và sức lao động của những người muốn tham gia, kể cả vốn của nước ngoài.

Cùng với việc giải quyết việc làm cho người lao động, cần đặc biệt chú trọng hơn nữa *công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình* mà tầm quan trọng của nó đã được nhấn mạnh nhiều lần, song trong thực tế, kết quả đạt được còn quá thấp. Kế hoạch hóa việc



phát triển dân số gắn với việc chăm sóc bà mẹ và trẻ em, với việc nuôi dưỡng thế hệ tương lai và xây dựng gia đình hạnh phúc là một nội dung rất quan trọng trong công cuộc phát triển kinh tế. Năm nay, chúng ta cũng bắt đầu triển khai chương trình quốc gia vì trẻ em, việc này càng gắn bó chặt chẽ với chương trình dân số. Chúng ta hoan nghênh các quốc gia và các tổ chức quốc tế đã và đang góp sức vào sự nghiệp có ý nghĩa này của nước ta. Đồng thời, cần nhấn mạnh trách nhiệm của các cấp chính quyền và các đoàn thể nhân dân, khắc phục tình trạng khoán trắng cho cơ quan chuyên trách.

Công tác hệ trọng này cần được tổ chức thực hiện một cách chặt chẽ nghiêm túc, huy động cho được khả năng của toàn xã hội. Cần nhắc lại rằng các cấp chính quyền, các tổ chức điều hành cũng như các cơ quan dân cử, các tổ chức xã hội, tôn giáo, v.v. đều có trách nhiệm tham gia và thực hiện đầy đủ phần việc của mình. Chỉ có như vậy mới bảo đảm từng bước, bảo đảm tỷ lệ phát triển số dân trong những năm tới ở mức hợp lý, phù hợp với tốc độ phát triển kinh tế.

Về tiền lương, lâu nay khó khăn chủ yếu của ta là bộ máy quá lớn, biên chế quá công kén, chưa giảm được bao nhiêu và nguồn chi của ngân sách thì quá eo hẹp. Tuy vậy, đã đến lúc không thể lẩn tránh vấn đề này theo cách từng thời gian lại chi bù giá một số phần trăm vào lương cơ bản, không theo kịp tốc độ mất giá của đồng tiền; không thể tiếp tục duy trì tình trạng không công bằng trong tiền lương và thu nhập vì còn tồn tại nhiều khoản bao cấp. Đời sống của công nhân viên chức, người hưởng lương ưu và các chính sách xã hội vẫn gặp nhiều khó khăn.

Chúng ta đều biết rằng việc cải cách cơ bản chế độ tiền lương là một công việc rất phức tạp, phải thực hiện đồng bộ từ việc sáp



xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, bố trí lại các thang lương, bảng lương theo cơ chế quản lý mới, gắn với việc thu xếp đời sống của số người dôi ra và giải quyết các chính sách bảo hiểm xã hội, v.v.. Các việc nói trên, trong năm 1991, Hội đồng Bộ trưởng đã thực hiện một phần, song thực tế đã chỉ rõ chỉ có thể thực hiện từng bước.

Trong năm 1992, chúng ta cố gắng thực hiện một bước việc cải cách chế độ tiền lương trong khu vực hành chính, sự nghiệp, đối với cán bộ về hưu, các đối tượng chính sách và trong các lực lượng vũ trang (kể cả công an) và tiếp tục mở rộng để làm xong việc cải cách tiền lương trong năm 1993. Đây là yêu cầu hết sức bức thiết để góp phần nâng cao hiệu lực của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan bảo vệ pháp luật, quốc phòng, an ninh; đặc biệt là góp phần phát huy tác dụng của các ngành văn hóa, giáo dục, y tế, trong việc ổn định xã hội. Giải quyết tốt đời sống của công nhân viên chức các khu vực nói trên, cũng tạo thuận lợi cho công việc điều hành, quản lý nhà nước, duy trì trật tự xã hội được thực hiện một cách thông suốt, đi vào trật tự, kỷ cương.

Chúng ta nhận rõ rằng đối với cán bộ về hưu, các gia đình hưởng chính sách xã hội, gia đình thương binh, liệt sĩ, việc chăm lo hơn nữa đời sống không chỉ bằng lương hưu, tiền trợ cấp, mà bằng những chính sách đồng bộ về giải quyết việc làm, tăng thêm thu nhập, v.v.. Đó là sự thể hiện tình cảm và trách nhiệm của Đảng và Nhà nước ta đối với các gia đình này - những người đã góp công sức xây dựng và bảo vệ đất nước. Các cán bộ thực hiện chính sách ở các cấp cần nhận rõ điều này để làm tốt hơn nữa công tác của mình, nhất thiết không được gây phiền hà cho các gia đình chính sách.



Đối với công nhân, viên chức trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh, hiện nay cũng đã có mức cải thiện, tuy chưa nhiều và rất không công bằng giữa các loại xí nghiệp, các ngành, nghề và các vùng, bản báo cáo của Hội đồng Bộ trưởng trình Quốc hội đã trình bày các biện pháp giải quyết.

Cùng với việc giải quyết một bước vấn đề tiền lương và đời sống của công nhân, viên chức khu vực hành chính, sự nghiệp, quốc phòng, an ninh, năm 1992 cũng phải thể hiện một sự chuyển biến rõ rệt trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan này. Nhất thiết phải lập lại trật tự, kỷ cương trong cơ quan nhà nước các cấp, xác định rõ hơn nữa chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của từng cơ quan, trên cơ sở đó sắp xếp lại, định rõ biên chế và đưa hoạt động của từng cơ quan vào nền nếp. Nhất thiết phải cung cố hoạt động nghiêm túc, thể hiện quyền lực đầy đủ của các cơ quan bảo vệ pháp luật như: Thanh tra, Công an, Kiểm sát, Tư pháp, Tòa án, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, giữ vững lòng tin của quần chúng nhân dân đối với các cơ quan pháp luật.

4. Cải cách bộ máy nhà nước, nâng cao hiệu lực quản lý

Cải cách bộ máy nhà nước là một bộ phận trọng yếu của đổi mới hệ thống chính trị, là một khâu quan trọng để phát huy hiệu lực của bản thân Nhà nước, làm cho tổ chức và hoạt động của Nhà nước bảo đảm tính chất của một Nhà nước pháp quyền.

Hiện nay, trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước đang bộc lộ nhiều điểm chưa thích ứng với yêu cầu đổi mới cơ chế kinh tế, trước hết là trong việc thực hiện chức năng quản lý vĩ mô: đang còn tình trạng buông lỏng nhiều việc thuộc chức năng đích thực của mình, nhưng lại can thiệp trực tiếp vào công



việc thuộc chức năng của các đơn vị sản xuất, kinh doanh, sự nghiệp. Đây là một nhược điểm lớn đã và đang hạn chế kết quả công cuộc đổi mới kinh tế. Cải cách bộ máy nhà nước là yêu cầu khách quan để làm cho bộ máy nhà nước vừa thích ứng vừa phục vụ và thúc đẩy công cuộc đổi mới.

Trong những năm tới, theo phương hướng của Hiến pháp sửa đổi, cần phân biệt và làm rõ chức năng và phương thức hoạt động của các tổ chức trong bộ máy nhà nước; phân biệt giữa tổ chức nhà nước và tổ chức kinh doanh, sự nghiệp; xây dựng cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của bộ máy nhà nước một cách khoa học, có đội ngũ cán bộ đủ năng lực thích hợp với cơ chế mới.

Điều quan trọng hàng đầu để xây dựng và phát huy hiệu lực của bộ máy nhà nước, bảo đảm quyền tự do và dân chủ của nhân dân là phải hoàn chỉnh hệ thống pháp luật. Chúng ta phải sớm xây dựng và hoàn chỉnh các luật về tổ chức nhà nước, luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân đối với đất nước, luật về kinh doanh phù hợp với cơ chế kinh tế nhiều thành phần, luật giải quyết các tranh chấp giữa các doanh nghiệp, giữa cơ quan nhà nước và công dân.

Công cuộc cải cách bộ máy hành chính trong thời gian tới phải tiếp tục làm rõ thêm chức năng quản lý nhà nước của Chính phủ, các Bộ, các cơ quan hành chính các cấp đối với nền kinh tế nói chung và đối với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế nói riêng, làm cho cơ quan hành chính thực sự chuyển từ chỗ can thiệp trực tiếp vào các công việc cụ thể về sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp sang cách làm chủ yếu là thông qua luật pháp và các đòn bẩy kinh tế để điều tiết hoạt động sản xuất, kinh doanh của các đơn vị thuộc mọi thành phần kinh tế; tăng cường chức năng kiểm kê, kiểm soát mọi hoạt động kinh tế.



Trong quá trình đó, từng bước sắp xếp lại cơ cấu các cơ quan chuyên môn thuộc Chính phủ và thuộc cơ quan hành chính các cấp theo hướng kiên quyết cắt giảm những tổ chức chuyên môn dư thừa, hoặc chức năng trùng lắp với cơ quan khác. Trong từng cơ quan, đều phải soát xét để bố trí cơ cấu gọn nhẹ, biên chế ít nhưng có chất lượng, đủ sức điều hành theo cơ chế mới.

Bộ máy hành chính hoạt động có hiệu lực hay không phụ thuộc rất quan trọng vào đội ngũ công chức nhà nước. Vì vậy, cùng với việc cải cách bộ máy, cần đổi mới việc tuyển chọn, sử dụng, đánh giá với cán bộ trong các cơ quan hành chính nhà nước. Việc bố trí cán bộ phải được thực hiện theo quy chế công chức nhà nước phù hợp với hoàn cảnh kinh tế - xã hội và trình độ dân trí hiện nay của đất nước ta, đáp ứng được yêu cầu đổi mới công tác quản lý hành chính nhà nước, từng bước đi vào chính quy.

Phải khắc phục cho được tệ quan liêu, cửa quyền gắn với tệ tham nhũng đang rất phổ biến và nghiêm trọng trong các cơ quan nhà nước hiện nay, nhất là chống quan liêu một cách triệt để, thiết thực bằng những biện pháp cụ thể. Cán bộ các cấp chính quyền, các cơ quan quản lý nhà nước hãy dành nhiều thời gian hơn nữa để xuống cơ sở, giải quyết thiết thực những yêu cầu cấp thiết của nhân dân và của cơ sở ngay tại cơ sở.

Phải lấy hiệu quả công việc trong thực tế thay cho cách làm kêu gọi suông rồi buông trôi không theo dõi, xem xét hiệu quả. Phải tạo cho cán bộ ý thức trách nhiệm cao đối với nhiệm vụ của mình ở mỗi ngành, mỗi địa phương; luôn luôn quan tâm suy nghĩ những vấn đề thiết thực của đời sống nhân dân ở các vùng, biết lắng nghe và đánh giá hiệu quả quyết định của mình thông qua các hoạt động thực tế; kiên quyết đấu tranh và có biện pháp xử lý thích đáng đối với những tệ nạn lợi dụng chức quyền để mưu



lợi riêng, hại lợi ích công; hối lộ và ăn hối lộ, tiêu xài bừa bãi tiền công quỹ; tham nhũng, ức hiếp nhân dân, v.v..

Cuối cùng, xin nhấn mạnh một yêu cầu hết sức cơ bản, có ý nghĩa quyết định sự thành bại của mọi nhiệm vụ, chủ trương, chính sách là phải *thiết lập cho được trật tự, kỷ cương theo cơ chế mới*.

Ai cũng thấy rõ tình trạng mất trật tự kỷ cương, coi thường phép nước trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội đã nghiêm trọng tới mức nguy hiểm. Cần khắc phục quan niệm không đúng cho rằng tình trạng đó là tất yếu khi chuyển sang cơ chế thị trường. Chúng ta mới ở những bước đầu chuyển sang kinh tế thị trường và thực hiện chính sách mở mà trật tự, kỷ cương đã hết sức lỏng lẻo, ảnh hưởng lớn đến công cuộc đổi mới, không chỉ gây ra thiệt hại về vật chất mà còn làm suy thoái bản chất vốn có của con người Việt Nam. Nếu không ngăn chặn, chấn chỉnh được tình hình này thì những nỗ lực đổi mới chẳng những khó thực hiện mà còn có thể bị biến dạng, đưa tới kết quả rất xấu.

Điều cần khẳng định là cơ chế kinh tế nào cũng phải có trật tự, kỷ cương của nó, nếu không thì không thể ổn định và phát triển. Trước đây, những hành động “xé rào”, tùy tiện còn có phần dựa vào lý do là cơ chế cũ trói buộc. Đến nay, hệ thống luật pháp, thể chế theo cơ chế mới tuy còn thiếu, còn phải tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh nhưng đã hình thành, bảo đảm một bước mới trường pháp lý cho các hoạt động kinh tế, xã hội. Việc thiết lập trật tự, kỷ cương theo cơ chế mới vừa hết sức bức xúc, vừa có cơ sở pháp lý cần thiết để thực hiện. Thiết lập trật tự, kỷ cương không phải là quay trở lại cơ chế cũ, càng không phải là gò bó, trói buộc mọi năng lực sáng tạo. Đây là khâu mấu chốt hiện nay để ổn định tình hình kinh tế - xã hội, tạo tiền đề cho sự phát triển kề cả cho



đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, là một bảo đảm hàng đầu cho sự ổn định chính trị.

Trật tự trong kinh tế trước hết là các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế phải kinh doanh theo pháp luật, chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật tài chính, tạo ra quan hệ thị trường lành mạnh, cạnh tranh bằng năng suất và chất lượng, chống bất công trong phân phổi làm đảo lộn thang bậc giá trị trong xã hội. Đây là một điều kiện cơ bản để chống lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an toàn cho mọi hoạt động kinh doanh, đồng thời cũng là một tiền đề để chống đầu cơ, buôn lậu, tham nhũng.

Chúng ta chủ trương mở về kinh tế, nhưng phải đặc biệt quan tâm bảo tồn và phát triển phẩm chất, đạo đức, truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Thiết lập trật tự trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật hoàn toàn không có nghĩa là hạn chế sự hợp tác với bên ngoài, hạn chế sáng tạo mà chủ yếu là chống những hoạt động trái pháp luật, du nhập và truyền bá văn hóa độc hại, đồi trụy, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục, khoa học, văn hóa của nước ta.

Trật tự trong lĩnh vực xã hội phải được thiết lập từ những điều cơ bản và sơ đẳng nhất, từ giữ gìn trật tự công cộng, môi trường lành mạnh để tiến hành các hoạt động xã hội, đến bảo đảm an toàn về sinh mạng, tài sản cho mọi người dân.

Thiết lập trật tự, kỷ cương để bảo đảm hình thành cơ chế mới là một cuộc đấu tranh phức tạp, khó khăn. Trách nhiệm hàng đầu hiện nay của người đứng đầu các bộ, các ủy ban nhân dân là phải gương mẫu trong việc chấp hành trật tự, kỷ cương, đồng thời phải tập trung nỗ lực cao nhất vào việc thiết lập trật tự, kỷ cương ngay trong mỗi ngành, mỗi địa phương - điều có ý nghĩa quyết định để lôi cuốn phong trào rộng lớn trong toàn xã hội, thiết lập cho được trật tự, kỷ cương theo pháp luật trong mọi lĩnh vực.



*Kính thưa Đoàn Chủ tịch,
Thưa các đồng chí đại biểu Quốc hội,*

Trên đây tôi đã trình bày một số vấn đề chung làm cơ sở cho các dự án kế hoạch mà báo cáo của Hội đồng Bộ trưởng đã trình ra Quốc hội.

Thực hiện đường lối đổi mới từ Đại hội Đảng lần thứ VI và được bổ sung, phát triển ở Đại hội Đảng lần thứ VII, đến nay cơ chế kinh tế đã có bước chuyển đổi, làm nảy nở những sinh lực mới, khả năng mới cho sự phát triển.

Chúng ta đang ở vào thời điểm mà thuận lợi và khó khăn đều lớn. Hạn chế khó khăn để tận dụng tốt hơn nữa thuận lợi theo những định hướng chiến lược mà Đại hội Đảng lần thứ VII đã đề ra là nhiệm vụ nặng nề và là thử thách đối với Nhà nước chúng ta. Năm 1992, phải đánh dấu sự bắt đầu quá trình đưa công cuộc đổi mới sang giai đoạn lành mạnh hóa các quan hệ kinh tế, quan hệ xã hội trong trật tự pháp chế theo cơ chế thị trường. Tôi đề nghị Quốc hội phát huy trí tuệ tập thể, phân tích sâu sắc bối cảnh kinh tế - xã hội trong mối liên hệ với tình hình quốc tế, cho ý kiến và ra quyết định về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội 5 năm 1991 - 1995 và năm 1992.

Xin cảm ơn các đồng chí đại biểu.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:
Văn kiện Quốc hội toàn tập, Sđd, t.7, q.3, tr.347-370.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Số 02/TB, ngày 13 tháng 01 năm 1992

**Kết luận của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
Võ Văn Kiệt tại Hội nghị vùng cao và dân tộc Mông
các tỉnh phía Bắc**

Ngày 27 và 28/12/1991, tại Hà Nội, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt đã chủ trì Hội nghị vùng cao và dân tộc Mông các tỉnh phía Bắc để kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị và Quyết định số 72/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng; bàn kế hoạch, biện pháp, chính sách cụ thể thực hiện trong thời gian tới.

Sau khi nghe Văn phòng Miền núi và Dân tộc, Bộ Lâm nghiệp, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ban Dân tộc Trung ương báo cáo và ý kiến của các tỉnh, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã tổng kết hội nghị và giao nhiệm vụ cho các bộ, ngành, các địa phương cần tập trung giải quyết những việc chủ yếu, cấp bách trước mắt sau đây:

1. Về công tác định canh, định cư

Đối với vùng cao, nhiệm vụ cấp bách nhất là vấn đề định canh, định cư trên cơ sở đảm bảo cho được hai yêu cầu quan trọng của đồng bào là lương thực và nước uống. Phải tập trung các nguồn vốn kể cả vốn định canh, định cư cho hai mục tiêu này;



nếu thiếu thì ngân sách trung ương bổ sung, nhằm rút ngắn thời gian giải quyết chương trình lương thực và nước uống.

- Về lương thực, trước hết, từng tỉnh, từng huyện phải có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức sản xuất và tự điều hòa trong phạm vi địa phương đến mức cao nhất, nếu thiếu thì Trung ương có trách nhiệm điều chuyển đủ lương thực về cho đồng bào. Giao cho Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm trong quý II/1992 phải lập xong chương trình giải quyết toàn diện và vững chắc vấn đề lương thực đối với các huyện vùng cao và chỉ đạo chặt chẽ việc thực hiện chương trình này.

- Về nước, giao cho Bộ Thủy lợi chủ trì cùng Bộ Xây dựng lập chương trình giải quyết nước cho vùng cao (bao gồm nước cho sinh hoạt của đồng bào và một phần cho sản xuất). Ủy ban nhân dân các tỉnh miền núi trực tiếp chỉ đạo chặt chẽ các huyện, các sở thủy lợi và sở xây dựng tổ chức thực hiện chương trình này.

Phải xây dựng chương trình định canh, định cư gắn với nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện, lấy huyện làm đơn vị đầu tư và thực hiện. Bộ Lâm nghiệp có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các ngành có liên quan để chỉ đạo thực hiện chương trình, hàng năm, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cùng với Bộ Tài chính, Bộ Lâm nghiệp cần bố trí vốn thỏa đáng cho các huyện vùng cao, trước hết là các huyện có đồng đồng bào Mông để thực hiện cho được chương trình này trong một số năm, không kéo dài đến năm 2000.

2. Về chuyển hướng sản xuất, thay thế cây anh túc

Tất cả các tỉnh miền núi thống nhất chủ trương kiên quyết vận động đồng bào thôi trồng cây anh túc, mà chuyển hẳn sang trồng các loại cây khác như: Chè, dâu tằm, mía, đậu tương, cây



đặc sản, cây dược liệu hoặc phát triển chăn nuôi, ngành nghề... Điều quan trọng và quyết định là phải bảo đảm mức thu nhập của đồng bào trong một số năm đầu ít nhất cũng phải xấp xỉ bằng mức thu nhập khi trồng cây anh túc. Muốn vậy phải thực hiện đồng bộ các biện pháp, chính sách như: bảo đảm lương thực, được vay vốn để sản xuất mà không phải trả lãi và khi có sản phẩm hàng hóa thì Nhà nước phải tổ chức thu mua, tiêu thụ hết cho đồng bào, thậm chí phải mua với giá cao hơn và bù lỗ.

Việc chuyển hướng sản xuất thay cây anh túc và việc cai nghiện hút phải được đặt thành một chương trình quốc gia. Giao cho Văn phòng Miền núi và Dân tộc chủ trì, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Bộ Thương mại và Du lịch, Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan khoa học xây dựng và chỉ đạo triển khai thực hiện chương trình này.

3. Y tế và chăm sóc sức khỏe

Giao cho Bộ Y tế lập chương trình y tế vùng cao bao gồm các mặt phòng bệnh, chữa bệnh, phát triển và chế biến dược liệu tại chỗ, trước mắt ngay từ đầu năm 1992 này cùng với các tỉnh bàn biện pháp tập trung giải quyết dứt điểm một số bệnh chủ yếu như: Sốt rét, bướu cổ, đường ruột đối với từng dân tộc, từng vùng và trong từng thời gian nhất định. Ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước, cần tranh thủ thêm các nguồn viện trợ quốc tế, đảm bảo có đủ thuốc chống sốt rét, đủ muối iốt và các loại thuốc thông thường khác cho đồng bào. Cùng với việc chăm sóc sức khỏe ban đầu, cần chú ý vận động, hướng dẫn cho đồng bào thực hiện sinh đẻ có kế hoạch (đối với dân tộc có tỷ lệ sinh đẻ cao), quan tâm chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, chống mê tín, dị đoan.



4. Về dịch vụ thương nghiệp

Ủy ban nhân dân các tỉnh, huyện có trách nhiệm chỉ đạo ngành thương nghiệp địa phương củng cố và mở rộng mạng lưới dịch vụ thương nghiệp cho đến tận cơ sở, kể cả việc củng cố và tổ chức lại các chợ vùng cao, vùng biên, cố gắng bảo đảm thường xuyên có đủ các mặt hàng thiết yếu như: lương thực, muối iốt, vải, quần áo, dầu thắp sáng, sách vở, giấy viết, v.v., để trao đổi hàng hóa hoặc bán cho dân một cách dễ dàng, thuận tiện. Riêng về muối iốt, Bộ Thương mại và Du lịch cùng với các tỉnh có trách nhiệm tính toán và có kế hoạch cung ứng đủ số lượng ngay từ đầu năm 1992. Các đơn vị của ngành Thương mại và du lịch chịu trách nhiệm vận chuyển đến tỉnh lỵ, các đơn vị của tỉnh lo vận chuyển đến huyện lỵ. Ngân sách trung ương sẽ cấp kinh phí vận chuyển từ nơi sản xuất đến tận các huyện lỵ, còn tỉnh và huyện lo trợ giá vận chuyển từ huyện lỵ đến dân; phải bảo đảm đóng thành các gói nhỏ để tiện vận chuyển, phân phối, sử dụng cho đồng bào.

5. Về giao thông vận tải và bưu điện

Giao cho Bộ Giao thông vận tải và Bưu điện cùng với các tỉnh quy hoạch cụ thể mạng lưới giao thông và mạng lưới thông tin bưu điện của các huyện vùng cao, có phân công, phân cấp trách nhiệm rõ ràng giữa Trung ương và tỉnh, huyện đối với từng loại việc, từng loại đường. Trước mắt, phải tập trung giải quyết dứt điểm hệ thống thông tin liên lạc thông suốt từ tỉnh đến các huyện, các trung tâm vùng, nâng cấp một số tuyến đường trực quan trọng và các đường dân sinh. Cần phát triển mạnh các loại phương tiện vận tải phù hợp với điều kiện và khả



năng của từng vùng, từng thời gian theo phương châm tiến dần từng bước từ thô sơ đến cơ giới.

6. Về giáo dục, văn hóa, xã hội

Các Bộ Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa - Thông tin, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Tổ chức và cán bộ của Chính phủ và các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình phải xây dựng chương trình phục vụ vùng cao của ngành mình, nhằm giải quyết từng bước, dứt điểm từng việc một cách thiết thực phù hợp với trình độ và khả năng của từng vùng, từng dân tộc. Trước mắt, cần tập trung giải quyết những việc cấp bách như: xóa nạn mù chữ, củng cố các trường nội trú, bồi dưỡng cán bộ là người dân tộc, chính sách cán bộ công tác ở vùng cao, vấn đề báo chí, phim ảnh, truyền thanh, truyền hình, v.v.. Các bộ, ngành nói trên phối hợp với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính phải tính toán kế hoạch thật cụ thể trình Nhà nước chính sách hỗ trợ, bù giá, bù lỗ cho các chương trình này.

7. Về tổ chức thực hiện

- Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng cao là trách nhiệm chung của toàn Đảng, toàn dân trong cả nước, nhưng trước hết là trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền ở địa phương vùng cao phải thường xuyên quan tâm chăm lo đầy đủ, kịp thời mọi mặt sản xuất và đời sống cho đồng bào; không ai có thể làm thay các cấp ủy, chính quyền địa phương được. Tập thể cấp ủy, ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, xã phải huy động toàn thể bộ máy của mình để giải quyết mọi yêu cầu của đồng bào vùng cao. Phải phân công trong lãnh đạo, cán bộ chủ chốt của các ngành trong địa phương thường xuyên và luân phiên nhau xuống cơ sở (xã, bản)



giải quyết tập trung, dứt điểm từng việc cụ thể; noi nào có nhiều khó khăn nhất thì đích thân đồng chí chủ tịch hoặc những đồng chí lãnh đạo có đủ thẩm quyền phải trực tiếp đến tại chỗ giải quyết công việc. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ có trách nhiệm cùng với các ngành có liên quan xây dựng trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định những chính sách cần thiết như: Chế độ lương, phụ cấp, thâm niên vùng cao, phụ cấp lưu trú, công tác phí, chính sách ưu đãi khi về hưu, chính sách đào tạo cán bộ, trợ cấp đối với già làng, trưởng bản, v.v. nhằm khuyến khích cán bộ công tác ở vùng cao yên tâm gắn bó với cơ sở. Ngành nào có cán bộ công tác ở cơ sở vùng cao phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh em làm việc, gắn bó lâu dài với đồng bào.

- Về bố trí và thực hiện kế hoạch năm 1992: Trên cơ sở kế hoạch đã được bố trí, các bộ, ngành và địa phương phải đảm bảo thực hiện theo đúng kế hoạch đã ghi và tính toán điều chỉnh bổ sung thêm cho vùng cao trong phạm vi ngân sách thuộc bộ, ngành, địa phương mình quản lý, không được rút bớt. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cùng Bộ Tài chính bố trí thêm một khoản ngân sách cần thiết, thỏa đáng để bổ sung cho một số chương trình cấp bách trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định. Bộ Lâm nghiệp cùng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm phối hợp chỉ đạo các địa phương tiến hành ngay việc giao đất, giao rừng đến từng hộ gia đình và các tổ chức tập thể để phát triển sản xuất.

- Để giúp Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng tập trung thống nhất theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và phối kết hợp trong việc thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các chương trình đối với vùng cao, ở Trung ương, cần thành lập ngay một ban chỉ đạo các chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng cao phía Bắc. Văn phòng



Hội đồng Bộ trưởng cùng với Văn phòng Miền núi và Dân tộc bàn với các ngành có liên quan để trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng sớm có quyết định về vấn đề này để triển khai thực hiện.

Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng xin thông báo để các bộ, ngành ở Trung ương và ủy ban nhân dân các tỉnh có liên quan biết và thực hiện.

Xin gửi kèm theo lược ghi ý kiến tổng kết hội nghị của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt tại Hội nghị vùng cao và dân tộc Mông các tỉnh phía Bắc ngày 28/12/1991.

K/T CHỦ NHIỆM VĂN PHÒNG
HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
PHÓ CHỦ NHIỆM

Vũ Đình Thuần

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Văn phòng Chính phủ, hồ sơ số 5972.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Số 28/TB, ngày 03 tháng 4 năm 1992

**Kết luận của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
Võ Văn Kiệt tại Hội nghị bàn về đẩy mạnh khai thác
Đồng Tháp Mười**

Ngày 13 và 15/3/1992, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt đã làm việc với Ban Chỉ đạo khai thác Đồng Tháp Mười của Trung ương về các tỉnh Đồng Tháp, Tiền Giang, Long An, cùng dự có đại diện các bộ, ngành có liên quan ở Trung ương, để bàn về công tác chỉ đạo đẩy mạnh khai thác Đồng Tháp Mười.

Sau khi nghe Ban Chỉ đạo báo cáo và ý kiến thảo luận của các địa phương, các ngành, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt đã kết luận như sau:

1. Hoan nghênh các địa phương, Ban Chỉ đạo khai thác Đồng Tháp Mười và các ngành trung ương có nhiều cố gắng trong việc tổ chức thực hiện chủ trương của Trung ương về khai thác Đồng Tháp Mười từ năm 1988 đến nay, những kết quả đã đạt được trong việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật (thủy lợi, giao thông, điện...) điều động dân cư, mở rộng diện tích sản xuất, tăng sản lượng nông sản..., có ý nghĩa quan trọng về kinh tế, xã hội của vùng, đồng thời đã góp phần ổn định sản xuất lương thực của cả nước.



Tuy vậy, những năm qua, mới chú ý phát triển cây lúa, chưa chú ý đến vật nuôi, diện tích hoang hóa còn nhiều...

2. Mục tiêu khai thác Đồng Tháp Mười là bảo đảm tối cuối năm 1993, chậm nhất là vụ hè thu năm 1994 giải quyết dứt điểm đưa toàn bộ diện tích hoang hóa (còn khoảng 120.800 ha) vào sản xuất.

Để thực hiện trong chỉ đạo phải lưu ý các biện pháp dưới đây:

a) Trong năm 1992, cùng với việc củng cố, nâng cao hiệu quả các vùng đã làm được, các cấp, các ngành cần tập trung đẩy mạnh khai hoang.

- Đối với vùng sản xuất ổn định, cần đầu tư chiều sâu để nâng cao chất lượng, hiệu quả, chú trọng cơ cấu giống cây trồng, con gia súc phù hợp, thực hiện thâm canh, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm tốt, tăng cường công tác bảo quản, chế biến, hoàn thành xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, đời sống như thủy lợi, giao thông, nhà ở, trường học, bệnh xá...

- Đối với vùng mới đưa vào sản xuất chưa vững chắc trước mắt phải hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi, kênh mương nội đồng bảo đảm vững chắc cho sản xuất 2 vụ hè thu và đông xuân. Mỗi tỉnh cần có phương án phấn đấu tích cực để trong thời gian nhất định xây dựng thành vùng kinh tế - xã hội ổn định.

- Đối với vùng hoang hóa còn khoảng 120.800 ha; so với vùng đất khác, khai hoang ở đây có nhiều thuận lợi: có nguồn nước ngọt, đất bằng phẳng..., nên chắc ăn hơn và sẽ đạt hiệu quả nhanh và cao hơn. Mỗi tỉnh phải có kế hoạch cụ thể về bố trí cây trồng thích hợp với từng loại đất đai, về xây dựng cơ sở vật chất thủy lợi, giao thông, để đưa dân đến... phấn đấu quyết liệt đến cuối năm 1993, chậm là hè thu năm 1994 phải hoàn thành chương trình, đưa toàn bộ đất hoang hóa vào sản xuất.



b) Phân công trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương theo hướng: các cấp, các ngành theo chức năng của mình đều có trách nhiệm tham gia phục vụ yêu cầu khai thác Đồng Tháp Mười. Nhưng phải có phân công rõ ràng để mỗi địa phương, mỗi ngành phát huy tinh thần chủ động của mình và phối hợp chặt chẽ trong triển khai thực hiện.

- Bộ Thủy lợi, Bộ Giao thông - Bưu điện tổ chức xây dựng khẩn trương các công trình thủy lợi, giao thông do Trung ương phụ trách, để phục vụ cho vùng khai hoang.

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm phân bổ, quản lý nguồn vốn về điều động dân cư, xây dựng vùng kinh tế mới và chỉ đạo thực hiện vấn đề này.

- Bộ Xây dựng thiết kế các mẫu nhà ở, trường học, bệnh xá phù hợp với vùng lũ lụt và sớm tổ chức triển khai chương trình nhà ở cho dân.

- Các địa phương là chủ thể trong việc khai thác Đồng Tháp Mười, có tác động trực tiếp về quyết định, phải có đề án quy hoạch cụ thể khai thác từng tiểu vùng, vùng thâm canh và vùng phải khai hoang, có kế hoạch để đưa dân đến, tổ chức đời sống, hướng dẫn sản xuất. Phân công trách nhiệm rõ ràng giữa tỉnh, huyện và xã. Tỉnh lo các công trình thủy lợi, giao thông do ngân sách tỉnh đầu tư và tập trung chỉ đạo vùng khai hoang, còn các vùng đã đi vào sản xuất thì giao cho huyện, xã chịu trách nhiệm chính.

c) Tổ chức nhiều hình thức đầu tư, khai thác và đưa dân đến Đồng Tháp Mười.

- Khuyến khích người có điều kiện, có vốn đến khai thác Đồng Tháp Mười. Người có vốn nhiều được giao nhiều đất để khai thác. Sau khi khai hoang được cấp đất theo định mức để sản xuất.



Mức cấp đất do tinh quy định. Phần đất còn lại được mượn để sản xuất trong một thời gian đủ để thu hồi vốn bỏ ra khai hoang và có lãi. Nếu không mượn đất để sản xuất được quyền giao lại cho người khác sản xuất theo giá hai bên thỏa thuận có sự chỉ đạo của chính quyền địa phương.

- Người có sức lao động, nhưng thiếu vốn thì được Ngân hàng Nhà nước cho vay vốn trung hạn để khai hoang, cải tạo đồng ruộng và vay vốn ngắn hạn để sản xuất.

- Từng địa phương có kế hoạch huy động lao động nghĩa vụ, thanh niên xung phong đưa vào công tác khai hoang.

- Xúc tiến nghiên cứu thành lập công ty dịch vụ khai hoang (với các hình thức Nhà nước, cổ phần, tư nhân...) ở các vùng, các địa phương có điều kiện để sớm đưa vào hoạt động phục vụ yêu cầu khai hoang.

d) Huy động mọi nguồn vốn từ các thành phần kinh tế cả trong và ngoài nước để đẩy mạnh khai hoang.

- Trong năm 1992 và 1993, ưu tiên vốn đầu tư cho thủy lợi để phục vụ chương trình khai hoang. Trước mắt Bộ Tài chính cấp cho Bộ Thủy lợi 8 tỉ đồng để thanh toán nợ các địa phương và công ty về khối lượng công trình thủy lợi đã hoàn thành trong năm 1991. Bộ Tài chính và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước rà soát ngân sách cấp vốn năm 1992 cho Bộ Thủy lợi làm các công trình mới ở Đồng Tháp Mười.

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai kế hoạch đầu tư vốn cho các dự án di dân, xây dựng vùng kinh tế mới từng vùng, từng địa phương.

- Các địa phương ngoài vốn ngân sách đầu tư cho thủy lợi, giao thông theo kế hoạch của từng tỉnh, phải đẩy mạnh huy động các nguồn vốn của dân theo nhiều cách như nói ở phần trên.



- Ngân hàng Nhà nước tính toán nhu cầu vốn cho chi phí sản xuất, có nhiệm vụ đáp ứng vốn vay ngắn hạn, trung hạn cho công ty khai hoang và nông dân sử dụng đất khai hoang vay theo chế độ hiện hành.

- Giao Công ty Petechim trích 3 (ba) triệu đôla Mỹ (trong số ngoại tệ đã vay nước ngoài) chuyển cho một ngân hàng thương mại vay (ngân hàng thương mại này do Ngân hàng Nhà nước chỉ định và cam kết bảo lãnh) để chuyển thành tiền đồng Việt Nam làm vốn cho công ty khai hoang, các tổ chức kinh tế và nông dân vay theo chế độ trung hạn của ngân hàng.

3. Về công tác tổ chức và chỉ đạo

Các bộ, ngành trung ương theo chức năng của mình phối hợp với Ban Chỉ đạo khai thác Đồng Tháp Mười làm nhiệm vụ kiểm tra, điều phối và đôn đốc thực hiện.

- Ban Chỉ đạo khai thác Đồng Tháp Mười Trung ương tiếp tục hoạt động đến năm 1994, nhưng cần tổ chức gọn, nhẹ cử các đồng chí Lê Văn Thế, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Nguyễn Giới, Thứ trưởng Bộ Thủ y lợi, Lê Hồ, Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Đặng Văn Thương, phái viên của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng là bộ phận thường trực điều hành của Ban.

- Công ty Gedosico tiếp tục hoạt động, nhưng phải củng cố lại tổ chức, thành lập Hội đồng quản trị có 3 tỉnh Đồng Tháp Mười tham gia, phải làm rõ nội dung hoạt động của Công ty theo hướng làm nhiệm vụ phát triển dịch vụ Đồng Tháp Mười, là đầu mối giao dịch trong, ngoài nước để thực hiện việc vay vốn, yểm trợ vốn cho các địa phương, các công ty, tổ chức xuất, nhập khẩu trong vùng.



- Xúc tiến nghiên cứu thành lập các công ty dịch vụ khai hoang nhà nước, cổ phần, tư nhân ở các vùng, các địa phương có điều kiện và sớm đưa vào hoạt động phục vụ yêu cầu khai hoang.
- Các tỉnh cần củng cố Ban Chỉ đạo đủ mạnh để giúp Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo vùng Đồng Tháp Mười phát triển vững chắc.

Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng xin thông báo để các bộ, ngành và địa phương biết thực hiện.

CHỦ NHIỆM VĂN PHÒNG
HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Trần Xuân Giá

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 1769.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 52/TB, ngày 02 tháng 3 năm 1993

Kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt về kế hoạch và ngân sách năm 1993 của Thành phố Hà Nội

Ngày 16/02/1993, Thủ tướng Võ Văn Kiệt và các Phó Thủ tướng Phan Văn Khải, Nguyễn Khánh, Trần Đức Lương đã làm việc với lãnh đạo Thành ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân của Thành phố Hà Nội về kế hoạch và ngân sách năm 1993 của thành phố. Cùng dự có lãnh đạo các Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Thương mại, Thủy lợi, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Nhà nước về hợp tác đầu tư, Ngân hàng Nhà nước và Tổng cục Du lịch.

Sau khi nghe đồng chí Lê Ất Hợi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 1992 và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch của năm 1993 của Hà Nội, ý kiến bổ sung của đồng chí Phạm Thế Duyệt, Bí thư Thành ủy, ý kiến của các Phó Thủ tướng và của các bộ, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã kết luận như sau:

I- VỀ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH NĂM 1992

Năm 1992, Thành phố Hà Nội đã có bước chuyển biến trên nhiều mặt: sản xuất nông, công nghiệp đạt mức tăng trưởng cao; hoạt động xuất nhập khẩu, kinh doanh du lịch và dịch vụ,



thu hút vốn đầu tư nước ngoài đã có tiến bộ; thu ngân sách vượt chỉ tiêu kế hoạch; các lĩnh vực văn hóa; giáo dục giữ được ổn định; không xuống cấp và có bước đi lên; đã giải quyết được việc làm cho trên 3 vạn người; công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội có nhiều cố gắng...

Nhìn chung, bộ mặt Thủ đô đang thay đổi nhanh. Thị trường hàng hóa đa dạng, phong phú về số lượng, chủng loại, chất lượng hàng hóa được nâng cao, sức mua của dân tăng; tình hình giao thông đô thị, phương tiện đi lại được cải thiện, việc xây dựng, chỉnh trang nhà cửa, đường phố đã làm cho cảnh quan của thành phố đẹp hơn trước.

Tuy nhiên, thành phố vẫn còn nhiều khó khăn và yếu kém.

- Quy hoạch tổng thể của thành phố đã được phê duyệt, nhưng Hà Nội chậm triển khai thực hiện các quy hoạch cụ thể cho từng khu vực dân cư, đường phố, khu kinh tế, khu du lịch, văn hóa và vui chơi giải trí, trồng cây xanh, v.v..

- Hà Nội chưa khẩn trương chuẩn bị các dự án về đầu tư xây dựng mới, cải tạo, di chuyển, sắp xếp các xí nghiệp, xây dựng khách sạn để thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, nhất là các dự án về cải tạo và xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Hà Nội vẫn chưa có quy chế quản lý chặt chẽ quy hoạch xây dựng và quản lý các công trình đô thị. Việc giải phóng mặt bằng chậm được giải quyết, ảnh hưởng đến tốc độ xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông nội và ngoại thành.

Tóm lại, Hà Nội chưa tận dụng những thuận lợi và tiềm năng sẵn có để xây dựng và phát triển tương xứng với vị trí, tầm vóc là Thủ đô của cả nước.



II- NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 1993 VÀ NHỮNG KIẾN NGHỊ CỦA HÀ NỘI

1. Phương hướng, nhiệm vụ chung

- Phương hướng, nhiệm vụ chung của Hà Nội là phải tranh thủ thời cơ để phát triển sản xuất và xây dựng, có tính đến năm 1995 và năm 2000.

Việc xây dựng, phát triển Thủ đô là một nhiệm vụ trọng điểm của cả nước. Các bộ, ngành trung ương phải nhận thức đầy đủ trách nhiệm đối với Thủ đô, tích cực đóng góp năng lực, trí tuệ vào việc xây dựng nhanh Thủ đô trong những năm tới.

- Hà Nội phải chủ động cùng các ngành khẩn trương triển khai thực hiện các quy hoạch cụ thể xây dựng và phát triển Thủ đô và công bố cho nhân dân biết. Chú trọng đô thị hóa ngoại thành, làm cho ngoại thành trở nên giàu có. Các ngành Trung ương cũng phải có quy hoạch ngành trên địa bàn thành phố phù hợp và đồng bộ với quy hoạch tổng thể thành phố.

- Tốc độ phát triển kinh tế của Hà Nội phải đạt cao hơn các tỉnh, tác động tích cực đến sự phát triển của toàn vùng. Hà Nội phải bàn với Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm và các ngành liên quan khác để tìm đổi tác đầu tư phát triển nhanh công nghiệp chế biến nông sản: rau, hoa quả cho xuất khẩu. Phải có các đề án cụ thể và kế hoạch thực hiện từng năm về xây dựng các khu công nghiệp, khách sạn, khu du lịch, thể thao, vui chơi giải trí và công viên nhất là đảm bảo tỷ lệ cây xanh, mặt nước, đảm bảo môi trường Thủ đô.

- Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tư, tích cực phát triển các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa,



văn nghệ của thủ đô, chấn chỉnh, tổ chức lại việc dạy học - kể cả dạy nghề và dạy ngoại ngữ cho thanh, thiếu niên. Khuyến khích các hình thức dân lập, bán công. Có kế hoạch phấn đấu để đạt mục tiêu phổ cập giáo dục cấp II trong những năm gần đây, tiến tới phổ cập cấp III.

2. Một số nhiệm vụ cụ thể và những kiến nghị của Hà Nội

Về ngân sách

- Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính bàn lại với Hà Nội để thống nhất các chỉ tiêu ngân sách năm 1993 giao cho thành phố.

Nếu Hà Nội thu vượt kế hoạch giao, Chính phủ đồng ý cho Hà Nội được sử dụng phần thu vượt để bổ sung cho đầu tư xây dựng các công trình văn hóa, xã hội và phát triển sản xuất.

Phải tìm mọi biện pháp tăng thu theo đúng chính sách cho ngân sách, kiên quyết chống thất thu. Phối hợp hoạt động của các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể nhằm làm tốt công tác thu, thu đúng pháp luật, công bằng đối với các thành phần kinh tế. Trong khi Nhà nước chưa ban hành luật, Hà Nội được phép bàn với Bộ Tài chính vận dụng chính sách của Nhà nước để thu lệ phí đối với các hoạt động xây dựng, mua bán và chuyển nhượng quyền sử dụng nhà đất nhằm tăng thêm nguồn thu cho ngân sách.

- Mức chi năm 1993 tạm giao Hà Nội đã tăng hơn năm 1992, chưa kể vốn viện trợ và vốn vay nước ngoài. Thành phố phải tìm thêm nguồn vốn để đảm bảo các nhiệm vụ chi, trong đó có chi cho đầu tư xây dựng cơ bản.



Về đầu tư xây dựng cơ bản

- Đầu tư cho Hà Nội trong những năm tới sẽ được ưu tiên xem xét. Song kiến nghị của Hà Nội về việc Chính phủ giành 18 - 20% tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách của cả nước cho thành phố là khó thực hiện vì nguồn thu ngân sách của Nhà nước là có hạn, phải phân bổ, cân đối từng năm.

- Hà Nội phải tăng cường quản lý vốn đầu tư cho kinh tế và sự nghiệp, vì đây đang còn là khâu yếu, tình trạng lãng phí và tiêu cực còn nghiêm trọng; phải cùng các bộ theo dõi chặt chẽ hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn, kể cả nguồn vốn trong nước cũng như vốn nước ngoài.

- Hà Nội phải chuẩn bị sẵn các dự án, nếu xét có cơ hội và bảo đảm hiệu quả thì mạnh dạn hợp tác với nước ngoài, hoặc vay vốn trong nước và nước ngoài để đầu tư. Đối với những công trình đầu tư có hiệu quả, Chính phủ sẽ bảo lãnh để Hà Nội vay vốn nước ngoài hoặc giành vốn ngoại tệ trong nước (10 - 20 triệu USD) cho Hà Nội vay với lãi suất hợp lý, sẽ xem xét cho từng công trình cụ thể.

Trước mắt, cần xúc tiến thực hiện và chuẩn bị gấp các dự án đầu tư phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ, xây dựng khách sạn du lịch, trụ sở làm việc cho các công ty liên doanh với nước ngoài thuê.

- Về các công trình đặc biệt: đài tưởng niệm anh hùng, liệt sĩ và xây dựng trại giam mới để di chuyển Hỏa Lò, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Tài chính phải bố trí vốn bảo đảm tiến độ thi công đã đề ra.

Về vốn đầu tư của khu công nghiệp kỹ thuật cao, phải áp dụng cơ chế vay vốn, chỉ thực hiện tín dụng ưu đãi cho từng công trình cụ thể, nếu xét thấy có hiệu quả cao.



- Về đề nghị của Hà Nội được thu 10 - 15% tổng dự toán công trình xây dựng trên địa bàn để đầu tư cho cơ sở hạ tầng của thành phố, giao Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân thành phố nghiên cứu trình đề án để Chính phủ có quyết định chung cho cả nước.

Một số vấn đề chính sách, cơ chế quản lý trên địa bàn thành phố

- Hà Nội phải có quy chế để quản lý chặt chẽ việc xây dựng và phát triển Thủ đô theo quy hoạch. Phải xử lý nghiêm các vụ vi phạm của các đơn vị, cá nhân.

Đối với một số trụ sở cơ quan, cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các bộ, ngành Trung ương cần phải di chuyển để thực hiện quy hoạch thì Ủy ban nhân dân Hà Nội lập văn bản trình Chính phủ xem xét, quyết định. Riêng việc dời các tuyến đường sắt đi qua các phố nội thành Hà Nội phải cùng Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước bàn, giải quyết dứt điểm trong năm 1993.

- Giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình sản xuất, khách sạn và cơ sở hạ tầng là vấn đề cấp bách nhưng đang gặp khó khăn, trở ngại làm cho việc thi công bị ách tắc, chậm trễ. Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội phải trình ngay chính sách đền bù tài sản cho các đơn vị, cá nhân phải di chuyển để Chính phủ xem xét, quyết định, đồng thời có biện pháp quản lý chặt chẽ nhất là ở các tuyến đường đã có chỉ giới, khắc phục tình trạng để dân lấn chiếm, phải đền bù nhiều lần không hợp lý.

- Việc tạo quỹ nhà ở, cải tạo nhà ở và cấp giấy phép xây dựng theo quy hoạch được duyệt phải tập trung vào một đầu mối quản lý.



Để thực hiện điều này, Bộ Xây dựng phải chủ trì cùng Ủy ban nhân dân thành phố thành lập một tổ chức chuyên trách đủ mạnh, Thủ tướng Chính phủ sẽ có quyết định quy định nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức này.

- Việc chuyển giao cho thành phố quản lý một số cơ sở sản xuất kinh doanh, trụ sở cơ quan của các bộ, ngành trung ương sẽ do Phó Thủ tướng phụ trách lĩnh vực chỉ đạo cụ thể. Hà Nội được phép làm thí điểm cơ chế quản lý đối với các doanh nghiệp nhà nước không phân biệt doanh nghiệp thuộc Trung ương quản lý hay thuộc Hà Nội quản lý.

- Hà Nội phải nhanh chóng lập lại trật tự trong quản lý thương nghiệp, bán lẻ trên địa bàn, không phân biệt của Bộ Thương mại, của các cơ quan trung ương hay của các tỉnh, quốc doanh hay ngoài quốc doanh. Phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc đăng ký kinh doanh và nộp thuế theo pháp luật.

- Hà Nội chủ động cùng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, các bộ, ngành khác sắp xếp lại hệ thống các trường đại học, cao đẳng, sớm hình thành trung tâm đại học quốc gia; sắp xếp lại hệ thống các bệnh viện để thành phố trở thành một trung tâm y tế lớn của cả nước.

Riêng về định mức chi cho giáo dục, y tế thì Hà Nội phải làm việc với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế để giải quyết xong trong quý I/1993.

- Phải thống nhất quản lý các hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản, biểu diễn nghệ thuật, các di tích lịch sử, các công trình văn hóa trên địa bàn thành phố. Hà Nội phải cùng Bộ Văn hóa - Thông tin xây dựng đề án trình Chính phủ quyết định.



3. Về vai trò quản lý nhà nước của các cấp chính quyền

Hà Nội cùng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ nghiên cứu, xây dựng quy chế hoạt động của các cấp chính quyền quận, phường để tăng cường vai trò quản lý nhà nước ở Thủ đô.

Văn phòng Chính phủ thông báo để Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội và các bộ, ngành trung ương có liên quan biết, thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện lên Thủ tướng Chính phủ.

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ**

Lê Xuân Trinh

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 16999.

NGÀNH TƯ PHÁP PHẤN ĐẤU VƯƠN LÊN VỀ MỌI MẶT, HOÀN THÀNH TỐT TRÁCH NHIỆM TRONG CƠ CHẾ MỚI

Ngày 03 tháng 3 năm 1993

Thưa các đồng chí,

Hôm nay, tôi rất vui mừng đến dự Hội nghị Tư pháp toàn quốc, được gặp đông đảo cán bộ lãnh đạo các ban, ngành trong khối nội chính của Đảng và Nhà nước và đặc biệt là các sở tư pháp và tòa án nhân dân các tỉnh, thành trong cả nước. Tôi xin thay mặt Chính phủ, nhiệt liệt chào mừng các đồng chí và qua các đồng chí, xin gửi lời thăm hỏi ân cần nhất đến toàn thể cán bộ, nhân viên đang hoạt động trong các cơ quan tư pháp và tòa án cả nước.

Các đồng chí thân mến,

Năm 1993 có vị trí rất quan trọng không chỉ đối với việc thực hiện kế hoạch 5 năm 1991 - 1995, mà còn có ý nghĩa rất lớn đối với việc thực hiện chiến lược kinh tế - xã hội đến năm 2000. Trên tinh thần đó, cuối tháng 12 vừa qua, Chính phủ đã đề ra chương trình hoạt động của mình tập trung sự chỉ đạo vào 10 công tác lớn có tính chất trọng điểm trong năm nay; những công tác đó đều trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến các mặt hoạt động của các cơ quan tư pháp và tòa án. Tôi vui mừng nhận thấy chương trình công tác của Chính phủ đã được cụ thể hóa trong phương



hướng, nhiệm vụ công tác của ngành tư pháp và đã được các đồng chí đóng góp nhiều ý kiến phong phú, thiết thực.

Hôm nay, nhân dịp được gặp đồng đùi các đồng chí, tôi xin nêu với các đồng chí một số ý kiến về công tác tư pháp để chúng ta cùng nhau suy nghĩ, nhằm từng bước xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam.

Trước hết, cần nói đến công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Trong một Nhà nước pháp quyền, một xã hội văn minh, dân chủ, theo tôi, các quan hệ xã hội đều phải được điều chỉnh bằng pháp luật, từ lĩnh vực kinh tế đến các lĩnh vực chính trị, văn hóa, v.v.. Xét về mặt này, Nhà nước ta còn thiếu nhiều pháp luật. Riêng trên lĩnh vực kinh tế, một lĩnh vực được ưu tiên về hoạt động lập pháp, nhưng chúng ta vẫn còn thiếu một khung pháp luật để điều chỉnh. Vẫn còn chưa có những bộ luật, đạo luật có tính chất xương sống như Bộ luật dân sự, thương mại, lao động, luật về doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, phá sản doanh nghiệp, v.v.. Đó là chưa nói đến các lĩnh vực khác như bảo đảm các quyền tự do, dân chủ của công dân. Hệ thống pháp luật không đầy đủ đang là một trong những nguyên nhân cản trở xã hội phát triển, hạn chế tính tích cực của công dân và là kẽ hở phát sinh nhiều tiêu cực xã hội, nhất là tệ nạn tham nhũng, buôn lậu, hủy hoại môi trường sinh thái, ma tuý, mại dâm...

Hệ thống pháp luật mà chúng ta cần xây dựng trong những năm trước mắt phải là một hệ thống pháp luật đồng bộ, nhất quán, năng động, thể chế hóa được chủ trương, đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội thực sự có tác dụng thúc đẩy, từng bước hình thành ở nước ta nền kinh tế và nền dân chủ, thể hiện bản sắc của con người Việt Nam,



đồng thời tiếp thu kinh nghiệm, tri thức tiến bộ của các nước trên thế giới.

Hiện tại, có thể nói, chúng ta đang ở trong một giai đoạn chuyển tiếp. Hệ thống pháp luật hình thành trong thời kỳ quản lý theo cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp đã được xóa bỏ, nhưng chưa hoàn toàn; còn hệ thống pháp luật mới thể chế hóa đường lối đổi mới trên tất cả các mặt đời sống xã hội mới đang hình thành từng bước. Nhiều văn bản được ban hành đang còn nhiều quy định chung, khái quát, thiếu cụ thể. Trong thời kỳ mở cửa, chúng ta có điều kiện tiếp xúc với hệ thống pháp luật của các nước mà về nhiều mặt, có trình độ phát triển hơn ta, chúng ta phải mạnh dạn nghiên cứu, tìm hiểu để tìm kiếm những cái thích hợp với ta, từng bước xây dựng một hành lang, một khung pháp luật an toàn và đáng tin cậy cho đầu tư trong và ngoài nước, bảo đảm hiệu lực quản lý của Nhà nước, bảo vệ quyền tự do, dân chủ của công dân. Cùng với việc xây dựng các văn bản pháp luật mới, vấn đề cấp bách đặt ra là phải rà soát, trên cơ sở Hiến pháp năm 1992, toàn bộ hệ thống văn bản pháp luật đã ban hành từ trước đến nay, ở cấp trung ương cũng như địa phương, để trong một thời gian không dài xây dựng được hệ thống pháp luật tương đối hoàn chỉnh, đáp ứng được công cuộc đổi mới.

Xây dựng được một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh là rất tốt, nhưng vẫn hoàn toàn chưa đủ để xây dựng một nhà nước pháp quyền. Vấn đề khác không kém phần quan trọng và có thể còn quan trọng hơn là phải sớm xây dựng được một cơ chế bảo đảm cho pháp luật được thực thi một cách nghiêm chỉnh, thống nhất và được áp dụng một cách khách quan và công bằng. Về vấn đề này, tôi nghĩ cũng có nhiều điều cần bàn, từ việc giáo dục, phô



biến pháp luật, trong cán bộ và nhân dân đến việc xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát các thiết chế tư pháp và bổ trợ tư pháp phù hợp với cơ chế mới. Tôi chỉ xin đề cập đến hai vấn đề: về cải cách tư pháp và về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chuyên gia pháp lý.

Các đồng chí thân mến,

Cải cách tư pháp là bộ phận quan trọng của công cuộc cải cách bộ máy nhà nước ta hiện nay. Bên cạnh những mặt ưu điểm không thể phủ nhận, thì về cơ bản nền tư pháp hiện nay của chúng ta chưa đủ sức đảm đương những nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài mà công cuộc đổi mới, xây dựng nhà nước pháp quyền đang đặt ra một cách cấp bách trước các cơ quan bảo vệ pháp luật, nhất là những nhiệm vụ trong đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm, bài trừ các tệ nạn tham nhũng, buôn lậu, và điều cơ bản là xác lập kỷ cương, trật tự xã hội vốn là một điều kiện không thể thiếu để giữ vững ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội.

Hiến pháp năm 1992 đã có những sửa đổi quan trọng như thay chế độ bầu cử thẩm phán của tòa án địa phương bằng chế độ bổ nhiệm, quy định cơ sở pháp lý cho việc thành lập các tòa án chuyên ngành. Song nội dung cơ bản của cải cách tư pháp còn đang trong quá trình hình thành. Và, cùng với cải cách hành chính, đây là một trong mười công tác lớn của Chính phủ trong năm 1993 này. Tôi vui mừng được biết, một nội dung quan trọng của hội nghị này của các đồng chí là bàn về cải cách tư pháp. Rõ ràng là càng đi sâu vào lĩnh vực này, chúng ta càng thấy không ít những vấn đề phức tạp, không thể giải quyết trong một lần, mà phải gỡ dần, tuy nhiên không nên kéo dài mà phải khẩn trương, dứt điểm.



Theo tôi, cải cách tư pháp bao gồm việc đổi mới và hoàn thiện tổ chức và hoạt động của các cơ quan như tòa án, tư pháp, kiểm sát, trọng tài, thanh tra, điều tra, thi hành án, cũng như các tổ chức hỗ trợ tư pháp như luật sư, công chứng, giám định tư pháp, tư vấn pháp luật, v.v.. Mục tiêu cơ bản nhằm đạt được là xây dựng một nền tư pháp Việt Nam bảo đảm cho pháp luật được thực hiện, áp dụng nghiêm chỉnh, giải quyết kịp thời mọi tranh chấp nảy sinh trong mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội, thể hiện bản chất dân chủ, tôn trọng công lý của chế độ ta. Cải cách tư pháp và cải cách hành chính phải nhằm nâng cao một cách căn bản hiệu lực quản lý của Nhà nước thống nhất từ Trung ương đến địa phương, tất cả vì mục tiêu cao nhất là làm cho dân giàu, nước mạnh, mọi người được ấm no, tự do, bình đẳng.

Cải cách tư pháp trước hết là phải tổ chức lại, hoàn thiện hệ thống các cơ quan tài phán của Nhà nước bao gồm tòa án nhân dân và trọng tài kinh tế, các tổ chức hòa giải tranh chấp về kinh tế; phải thiết lập mới các cơ quan tài phán chuyên ngành ở những lĩnh vực mà cuộc sống đòi hỏi như về thương mại, hành chính, lao động, đất đai, tài chính, v.v.. Đó là nội dung quan trọng để tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư trong nước và ngoài nước.

Cải cách tư pháp bao gồm cả việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về tố tụng hình sự; dân sự; xây dựng mới tố tụng hành chính, tố tụng thương mại, nhằm làm cho pháp luật về tố tụng của Nhà nước ta thực sự dân chủ, bình đẳng và các phán quyết của tòa án, các cơ quan tài phán khác thực sự khách quan, thể hiện mẫu mực của cán cân công lý.

Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 1992 tiếp tục giao cho Bộ trưởng Bộ Tư pháp quản lý về mặt tổ chức các tòa án địa phương



và các tòa án quân sự quản khu và khu vực, nhằm trước hết bảo đảm và tôn trọng sự độc lập trong xét xử của thẩm phán nói riêng và tòa án nói chung. Bộ Tư pháp phải phối hợp chặt chẽ với Tòa án nhân dân tối cao để tổ chức tốt việc thực hiện đạo luật này. Tôi mong rằng với quy chế phối hợp mới giữa Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao mà dự thảo được các đồng chí thảo luận, tham gia ý kiến trong hội nghị này, các tòa án địa phương đổi mới hoạt động của mình. Chính phủ sẽ tạo cơ sở vật chất, kỹ thuật như nơi xử án, phương tiện và kinh phí tương xứng, thích đáng để các tòa án hoàn thành nhiệm vụ của mình. Đồng thời, cũng cần nghiên cứu trang phục của thành viên chủ trì các phiên tòa để bảo đảm tính tôn nghiêm của tòa án. Nhưng điều đặc biệt quan trọng là bản lĩnh, năng lực, trình độ, đạo đức, phẩm chất của con người hoạt động trong lĩnh vực này. Tôi mong rằng các đồng chí nhận thức rõ vị trí xã hội cao quý của mình, liên tục, thường xuyên phấn đấu nâng cao trình độ, bản lĩnh, trau dồi đạo đức, phẩm chất.

Cải cách tư pháp cũng bao gồm việc đổi mới và hoàn thiện tổ chức và bộ máy của ngành tư pháp. Trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền, ngành tư pháp giữ vị trí và vai trò rất quan trọng trong bộ máy quản lý nhà nước, trong đó có việc thi hành án mà Quốc hội mới chuyển giao cho ngành tư pháp, mà việc này đang là một khâu yếu. Chính phủ sẽ ban hành các quy định mới xác định rõ ràng chức năng, trách nhiệm của Bộ Tư pháp và của cả ngành tư pháp. Phạm vi nhiệm vụ của các đồng chí chắc chắn sẽ nặng nề hơn, nhưng rất vinh dự. Tôi tin rằng Bộ Tư pháp và cả ngành tư pháp sẽ vươn lên về mọi mặt hoàn thành tốt trách nhiệm đã được Đảng và Nhà nước giao phó.



Cuối cùng, tôi muốn nói về vấn đề xây dựng, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ pháp lý của nước ta.

Như các đồng chí đều biết, do các nguyên nhân về lịch sử, trong một thời gian dài chúng ta đã xem nhẹ, thiếu quan tâm đến việc đào tạo cán bộ pháp lý. Đến năm 1976, khoa đại học luật đầu tiên mới được thành lập là quá chậm, tỷ lệ 1 cử nhân luật trên gần 1 vạn dân ở nước ta là một tỷ lệ quá thấp so với nhiều nước. Vì vậy, vấn đề đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ pháp luật là rất cấp bách cùng với việc đào tạo trong nước, chúng ta phải tranh thủ mọi sự giúp đỡ, hỗ trợ của các nước và các tổ chức quốc tế. Phải làm sao để trong khoảng 10 - 15 năm nữa, đất nước có được một đội ngũ luật gia đông đảo, có trình độ chuyên môn cao ngang với các nước. Có như vậy chúng ta mới có thể hợp tác, làm ăn một cách bình đẳng với nước ngoài.

Tôi được biết trong số các thẩm phán, chuyên viên tư pháp, pháp chế, luật sư, công chứng viên hiện nay còn có những người được đào tạo ít hoặc thậm chí chưa qua đào tạo luật. Đây là một thực tế mà ngày hôm nay chúng ta đang phải chấp nhận, song phải sớm thanh toán tình trạng này, vì không thể làm quan tòa mà chưa học luật hoặc chỉ được học ít ỏi. Ngành tư pháp, các cấp chính quyền địa phương cần có kế hoạch và tạo điều kiện cho số này được sớm đào tạo cơ bản. Cùng với đào tạo, cần đào tạo lại số cán bộ hiện có để có thể sớm đổi mới kiến thức, đổi mới tư duy, vươn lên ngang tầm yêu cầu của nhiệm vụ trong môi trường mới. Đồng thời, đối với các luật gia thuộc các thế hệ được đào tạo trong những thời kỳ khác nhau, chúng ta cần phải có các hình thức thích hợp quy tụ, tập hợp, kể cả những luật gia là người Việt Nam đang định cư ở nước ngoài.



Các đồng chí thân mến,

Dân tộc Việt Nam đang đứng trước những cơ hội lớn và thách thức gay gắt. Công cuộc đổi mới, Cương lĩnh xây dựng đất nước và Chiến lược kinh tế - xã hội có thành công hay không phụ thuộc một phần quan trọng vào việc xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Vai trò và trách nhiệm của ngành tư pháp rất to lớn và nặng nề. Tôi mong rằng, các đồng chí kế thừa và phát huy thành tích của những năm qua, ra sức trau dồi nghiệp vụ và phẩm chất, tăng cường đoàn kết và hợp tác, phấn đấu vươn lên mạnh mẽ, xứng đáng với trọng trách mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó.

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Ủy ban Pháp chế, Bộ Tư pháp
(giai đoạn 1969 - 1995), hồ sơ số 1791.

THÔNG BÁO

CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 185/TB, ngày 22 tháng 6 năm 1993

Kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc với lãnh đạo Bộ Công nghiệp nhẹ ngày 08/5/1993

Ngày 08/5/1993, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã làm việc với lãnh đạo Bộ Công nghiệp nhẹ với nội dung chủ yếu là các vấn đề về tổ chức quản lý: bộ máy tổ chức quản lý nhà nước, quản lý sản xuất, kinh doanh trực thuộc Bộ.

Cùng dự buổi làm việc có Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Lê Xuân Trinh, đại diện Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Ban Kinh tế Trung ương Đảng.

Sau khi nghe đồng chí Đặng Vũ Chu, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ báo cáo tình hình ngành công nghiệp nhẹ, hệ thống tổ chức của Bộ, chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, dự kiến mô hình tổ chức quản lý các doanh nghiệp; ý kiến bổ sung của các đồng chí Thứ trưởng, Viện trưởng các Viện Nghiên cứu, Hiệu trưởng các trường đào tạo của Bộ, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã kết luận như sau:

Trước hết, cần xác định rõ ngành công nghiệp nhẹ có nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu nhân dân trong cả nước về hàng tiêu dùng công nghiệp, đồng thời từng bước mở rộng việc xuất khẩu các mặt hàng tiêu dùng. Bộ Công nghiệp nhẹ cần tiếp tục xúc tiến nghiên cứu thị trường trong nước và ngoài nước, từ đó quy hoạch tổ chức sản xuất phù hợp với yêu cầu của thị trường.



Với hơn 70 triệu dân, mức sống chung còn thấp, còn thiếu nhiều hàng tiêu dùng, thị trường trong nước là rất lớn và quan trọng, đòi hỏi phải quan tâm trước hết. Phải nghiên cứu, tìm hiểu nhu cầu tiêu dùng của các tầng lớp dân cư, từ thành thị đến nông thôn, miền núi để xác định hướng sản xuất nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn. Phải có kế hoạch từng bước sản xuất những mặt hàng tiêu dùng thay thế hàng nhập khẩu. Lãnh đạo bộ, tổng giám đốc các tổng công ty, các viện nghiên cứu cho đến giám đốc các doanh nghiệp đều phải tập trung sức suy nghĩ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của thị trường trong nước, không thể chỉ tập trung cho sản xuất hàng xuất khẩu mà bỏ trống thị trường trong nước. Sản xuất hàng tiêu dùng thay thế hàng nhập khẩu đòi hỏi phải gắn với chủ trương nhập khẩu hàng tiêu dùng, mặt hàng nào còn cần khuyến khích nhập, mặt hàng nào cần hạn chế hoặc cấm hẳn. Bộ Công nghiệp nhẹ phải là người chủ động đề xuất với các ngành hữu quan như Bộ Thương mại, Bộ Tài chính, Ban Quản lý thị trường Trung ương về vấn đề này ngay từ đầu năm và hàng quý, 6 tháng sẽ kiến nghị điều chỉnh, căn cứ vào thực tế thị trường. Cũng từ mục tiêu đó mà xác định hướng nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ, phát triển sản xuất và liên doanh, hợp tác bằng các hình thức phù hợp.

Bộ cần rà soát lại tất cả các chương trình, các đề tài nghiên cứu khoa học của mình, tập trung vào hướng nghiên cứu ứng dụng, sát với yêu cầu phát triển của ngành, phù hợp với nhu cầu thị trường.

Từ phương hướng sản xuất đã xác định sẽ bố trí bộ máy và tổ chức phù hợp. Hệ thống sự nghiệp bao gồm các Viện nghiên cứu, các trường đào tạo và hệ thống sản xuất kinh doanh bao gồm các tổng công ty, công ty còn cần nghiên cứu để sắp xếp lại cho hợp lý hơn, giảm đầu mối và thực sự có hiệu quả. Vấn đề này Bộ cần



suy nghĩ kỹ, rà soát lại toàn bộ hệ thống tổ chức thuộc mình quản lý, đổi chiếu với chức năng, nhiệm vụ đã được xác định làm rõ mối quan hệ giữa trung ương và địa phương để làm tốt chức năng quản lý toàn ngành; từ đó có kiến nghị về tổ chức cho phù hợp. Đặc biệt là đổi với các tổng công ty, các công ty hiện có, phải căn cứ vào cơ chế mới, vào chức năng nhiệm vụ mà sắp xếp lại, thực hiện sự phân công, phối hợp hợp lý giữa các đơn vị trong Bộ và với các bộ khác, bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh của các đơn vị sản xuất kinh doanh, thực hiện đúng đắn nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ. Việc đổi mới, cải tiến tổ chức phải chú ý đầy đủ đến chính sách đổi với đội ngũ cán bộ, công nhân viên hiện có.

Bộ cần quan tâm thực hiện nhiệm vụ chống tham nhũng trong nội bộ, làm trong sạch tổ chức từ trên xuống dưới. Chống tham nhũng phải làm từ gốc là hoàn chỉnh cơ chế quản lý thực hiện đúng đắn cơ chế hạch toán, xác định chủ cơ sở hữu. Chống tham nhũng là một việc lâu dài, nhưng phải bảo đảm đạt được kết quả cụ thể, thiết thực trong từng thời gian, đặc biệt là bảo vệ tài sản của Nhà nước, chống gây thiệt hại thêm cho Nhà nước. Nếu Bộ Công nghiệp nhẹ có chuẩn bị nội dung đầy đủ, đề xuất rõ ràng về hướng đổi mới cơ chế quản lý, kể cả tổ chức và cơ chế quản lý ở bộ và các tổ chức, các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc bộ thì Chính phủ có thể lấy Bộ làm thí điểm để tiến hành vấn đề này.

K/T BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
PHÓ CHỦ NHIỆM

Vũ Đình Thuần

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 9315.

THÔNG BÁO
CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Số 219/TB, ngày 21 tháng 8 năm 1993
Ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt
tại buổi làm việc với Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân
tỉnh Bình Định ngày 13/8/1993

Ngày 13/8/1993, tại Quy Nhơn, Thủ tướng Võ Văn Kiệt và Phó Thủ tướng Trần Đức Lương đã làm việc với Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định. Dự họp với Thủ tướng có đại diện các cơ quan: Văn phòng Chính phủ, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Năng lượng, Bộ Thủy lợi, Bộ Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm... Sau khi nghe đồng chí Tô Tử Thanh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 1991 - 1993 của tỉnh Bình Định và ý kiến của đại diện các bộ, ngành Trung ương, Thủ tướng Võ Văn Kiệt kết luận như sau:

Trong thời gian qua, Bình Định đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách để phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân, xây dựng chính quyền và giữ vững an ninh quốc phòng, Bình Định là một trong những tỉnh khá năng động trong chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế và đã đạt được những kết quả khích lệ. Tuy vậy hiện nay tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn đòi hỏi một mặt,



tỉnh cần nỗ lực tự khắc phục, mặt khác các bộ, ngành trung ương cần giúp tỉnh trên các mặt sau:

1. Nghiên cứu sắp xếp tốt hơn nữa các doanh nghiệp nhà nước trong địa bàn Bình Định để các doanh nghiệp này hoạt động thực sự có hiệu quả, phù hợp với cơ chế quản lý mới, gắn sản xuất với thị trường cả nước và quốc tế.

2. Do diện tích sản xuất nông nghiệp nằm trong hệ thống thủy lợi tưới tiêu chủ động của Bình Định là thấp so với bình quân chung cả nước, Bộ Thủy lợi cần nghiên cứu đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi chủ yếu có tính chất quyết định để giải quyết nước phục vụ sản xuất nông nghiệp cho Bình Định tốt hơn. Vì nguồn vốn hiện nay có hạn nên phải đầu tư dứt điểm từng công trình, không dàn đều, kéo dài, kém hiệu quả. Trước hết cần tập trung vốn đầu tư để sớm đưa công trình thủy lợi Thuận Ninh vào phục vụ sản xuất. Mặt khác, tỉnh cần nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu mùa vụ thích hợp để hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra và căn cứ yêu cầu của thị trường, đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.

3. Theo báo cáo của tỉnh, hiện nay diện tích đất trống, đồi núi trọc còn rất lớn. Đối với đất trống, tỉnh cần xây dựng phương án cụ thể để từng bước đưa vào sử dụng một cách có hiệu quả; đối với đồi núi trọc, cần có các hình thức đầu tư, hỗ trợ của Trung ương, nhưng tỉnh phải xây dựng phương án và làm việc cụ thể với Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Bộ Lâm nghiệp và các bộ, ngành có liên quan khác của Trung ương để có kế hoạch và bố trí bước đi để đầu tư thích hợp, dứt điểm từng vùng.



4. Các vấn đề về kết cấu hạ tầng

- Bộ Tài chính xem xét hỗ trợ từ nguồn ngân sách giúp địa phương khắc phục các tuyến đã bị hư hỏng do bão lụt năm 1992 gây ra; tỉnh cần lập phương án cụ thể và làm việc trực tiếp với Bộ Tài chính; đồng nghiệp phải huy động thêm sức dân trong tỉnh cùng với Nhà nước khắc phục hậu quả thiên tai, ổn định sản xuất và đời sống.

- Bộ Giao thông vận tải phải đầu tư xây dựng nhanh cầu cảng Quy Nhơn để đưa vào hoạt động trong năm 1994; xem xét các phương án để bảo đảm an toàn tuyến đường quốc lộ 1 qua đèo Cù Mông; soát xét phương án đầu tư mới tuyến đường 27 km từ Quy Nhơn đến huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên để trình Chính phủ quyết định.

- Nhà máy nước Quy Nhơn đã nằm trong dự án được vay để xây dựng, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cùng các ngành liên quan có trách nhiệm khẩn trương giải quyết.

- Đường điện 110 kV từ Quảng Ngãi vào Quy Nhơn đã hoàn tất; Bộ Năng lượng có trách nhiệm chỉ đạo Công ty Điện lực 3 làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải tỏa sớm những nhà dân còn nằm dưới tuyến đường dây này để đóng điện với thời gian ngắn nhất.

- Kho đạn đang nằm trong nội vi thành phố là không hợp lý, Chính phủ sẽ làm việc với Bộ Quốc phòng, Cục Hàng không dân dụng để xử lý trong thời gian tới kể cả việc quản lý sân bay Quy Nhơn. Cần nghiên cứu đầu tư khai thác tốt hơn nữa sân bay Phù Cát.

- Về việc mở rộng hệ đào tạo để chuyển trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành trường đào tạo đa ngành: giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định vị trí và nhu cầu đào tạo cán bộ của



khu vực để mở thêm các chuyên khoa phục vụ đào tạo cán bộ cho cả vùng, phù hợp với yêu cầu phát triển xã hội của cả khu vực.

Văn phòng Chính phủ xin thông báo để Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và các bộ, ngành có liên quan ở Trung ương biết và thực hiện.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Trần Xuân Giá

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 1777.

BÁO CÁO

TẠI KỲ HỌP THỨ 4, QUỐC HỘI KHÓA IX

Đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế, ổn định chính trị, xã hội, đưa đất nước vào thời kỳ mới của sự phát triển

Ngày 06 tháng 12 năm 1993

*Thưa Đoàn Chủ tịch,
Thưa các vị đại biểu Quốc hội,*

Báo cáo về kế hoạch và ngân sách nhà nước của Chính phủ trình Quốc hội trong kỳ họp này đã được gửi tới các vị đại biểu. Các báo cáo đó đã kiểm điểm việc thực hiện các nhiệm vụ do Kỳ họp thứ 2 của Quốc hội đề ra cho năm 1993, đánh giá tình hình qua ba năm đầu thực hiện kế hoạch 5 năm 1991 - 1995, trình bày định hướng phát triển kinh tế - xã hội trong hai năm còn lại, chủ yếu là năm 1994. Quốc hội cũng sẽ nghe các báo cáo bổ sung về quốc phòng, an ninh, về công tác đối ngoại, về phát triển kinh tế - xã hội miền núi, về thực hiện chế độ tiền lương mới và về chống tham nhũng, buôn lậu.

Báo cáo này phân tích thêm một số nhận định và chủ trương lớn trình Quốc hội xem xét.

I- YÊU CẦU BỨC BÁCH VÀ KHẢ NĂNG BUỚC VÀO MỘT THỜI KỲ MỚI CỦA SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Năm 1993 đã tiếp tục phát huy đà chuyển biến, tiến bộ của năm 1992, đạt và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu đã



được kỳ họp thứ 2 của Quốc hội khóa IX đề ra trong Nghị quyết về nhiệm vụ năm 1993.

Tình hình chung ba năm 1991 - 1993, tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt nhịp độ tăng bình quân hằng năm 7,2%, cao hơn mức đề ra trong kế hoạch 5 năm 1991 - 1995.

Sản xuất nông nghiệp hằng năm đều gặp thiên tai ở một số vùng, nhưng nhìn chung ba năm vẫn đạt mức kế hoạch tăng trưởng. Riêng năm 1993, hạn hán kéo dài, tiếp đến bão, lụt, úng diễn ra ở nhiều tỉnh miền Trung, song tính chung cả nước, sản lượng nông nghiệp vẫn tăng và thu hoạch được 24,5 triệu tấn lương thực, đạt mức kế hoạch đề ra cho năm 1995. Ở các vùng bị thiên tai, giá cả vẫn giữ được ổn định, sản xuất và đời sống của nhân dân sớm được khôi phục.

Sản xuất của các ngành công nghiệp, dịch vụ trong các thành phần kinh tế nhìn chung đã thích nghi với cơ chế thị trường. Sản lượng công nghiệp tăng bình quân hằng năm cao hơn mức kế hoạch.

Kim ngạch xuất khẩu, mức thu ngân sách tăng cao hơn nhịp độ phát triển sản xuất. Quan hệ kinh tế với bên ngoài được mở rộng nhanh. Cân cân thanh toán được cải thiện, nguồn thu ngoại tệ đáp ứng được nhu cầu nhập khẩu vật tư và hàng hóa cần thiết cho sản xuất và đời sống. Nền kinh tế bắt đầu có tích lũy nội bộ. Đời sống của đồng bào nhân dân được cải thiện.

Bước tăng trưởng liên tục ba năm qua trong các ngành và lĩnh vực kinh tế chứng minh rằng nền kinh tế đã vượt qua tình trạng suy thoái.

Đi đôi với tăng trưởng kinh tế, lạm phát đã bị đẩy lùi; qua 11 tháng năm 1993, chỉ số giá tăng 4%, chắc chắn cả năm chỉ ở mức một con số. Trong việc giảm lạm phát, có tác động của



hàng nhập lậu kìm giá một số mặt hàng công nghiệp trong nước. Song những nhân tố chính đưa tới sự ổn định giá và tỷ giá là sản xuất và lưu thông hàng hóa phát triển, việc điều hành lưu thông tiền tệ có tiến bộ và dự trữ vật chất được tăng thêm, có thể can thiệp vào thị trường khi có biến động bất thường. Mặc dù còn những yếu tố chưa vững chắc như bội chi ngân sách còn lớn, dự trữ ngoại tệ còn mỏng, song nhìn chung, khả năng kiểm soát lạm phát được nâng cao hơn trước.

Lĩnh vực văn hóa, xã hội tuy còn nhiều tồn tại lớn song đã có bước chuyển động khá hơn các năm trước trong việc thực hiện các chương trình tạo việc làm, phổ cập tiểu học, nâng dần chất lượng giáo dục, nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, phủ sóng truyền thanh, truyền hình, phòng chống dịch bệnh, phát triển thể dục thể thao cũng như trong cuộc vận động xóa đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa.

Nhin tổng quát, chúng ta đã khắc phục được một bước rất quan trọng khủng hoảng kinh tế - xã hội, nổi bật nhất là vượt qua được tình trạng suy thoái kinh tế và đẩy lùi lạm phát, giữ vững ổn định chính trị trong hoàn cảnh đầy thử thách gay gắt lại không có tài trợ bên ngoài và đang bị Mỹ cấm vận. Thành tựu đó tỏ rõ sức sống và bản lĩnh của dân tộc và con người Việt Nam, chứng minh đường lối, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước phù hợp với thực tế của nước ta, thể hiện sức mạnh về khả năng tự lực tự cường của nhân dân ta.

Thành công của công cuộc đổi mới gắn liền với chính sách đổi ngoại đa phương hóa và đa dạng hóa, được sự đồng tình và ủng hộ của các nước và các tổ chức quốc tế đã mở đường cho nước ta hội nhập với cộng đồng quốc tế. Hình ảnh Việt Nam đổi mới, mong muốn làm bạn với tất cả các nước được thế giới đón nhận,



đánh giá cao, đang tạo cho nước ta thế thuận lợi mới trong quan hệ quốc tế.

Những nhân tố đó tăng thêm thế và lực cho đất nước, tạo những tiền đề cần thiết cho một thời kỳ mới của sự phát triển:

a) Đông đảo nhân dân tin tưởng và nhiệt tình hưởng ứng công cuộc đổi mới, coi đó là sự nghiệp của chính mình, phù hợp với lợi ích của mình. Nền kinh tế đã có động lực kích thích, tạo ra không khí hăng hái sản xuất - kinh doanh trong xã hội. Tuy hoạt động kinh tế - xã hội chưa đi vào trật tự, kỷ cương, song việc khơi dậy tính năng động, sáng tạo của mọi người trong xã hội thay thế tâm lý thụ động, ỷ lại của thời kỳ bao cấp là một yếu tố rất quan trọng của sự phát triển.

b) Môi trường phát triển đã có được những yếu tố cơ bản, thuận lợi hơn:

- Trước hết, đó là môi trường chính trị ổn định và môi trường hòa bình, hữu nghị, hợp tác trong quan hệ quốc tế đã mở rộng với hầu khắp các nước.

- Khả năng kiểm soát lạm phát tạo cơ sở cho việc ổn định kinh tế vĩ mô, giảm bất trắc đối với đầu tư phát triển.

- Môi trường pháp chế đang được tích cực bổ sung và hoàn chỉnh thêm.

c) Điều kiện vật chất cho sự phát triển, tuy còn hạn chế về vốn, công nghệ, thị trường và cơ sở hạ tầng, song còn nhiều tiềm năng lớn có thể khai thác:

- Ở trong nước, nền kinh tế bắt đầu tăng được tích lũy nội bộ. Từ năm 1991 đến năm 1993, tỷ lệ đầu tư bằng vốn trong nước so với GDP lần lượt là 4,8%, 6,9% và 12,7%, chấm dứt tình trạng giảm tích lũy đầu tư trong nhiều năm liền. Nguồn vốn trong dân có thể huy động vào đầu tư phát triển còn lớn (ước tính năm 1993



khoảng 20 ngàn tỉ đồng, mới huy động được 8 ngàn tỉ, phần lớn là xây dựng nhà ở). Các chủ trương, chính sách mới có thể tạo sức bật cho nhiều ngành nghề, đặc biệt là cho nông nghiệp và kinh tế nông thôn, bằng sức của dân là chính. Nguồn vốn đầu tư tập trung của Nhà nước bằng tích lũy trong nước và tài trợ phát triển của bên ngoài, cùng với dự trữ vật chất khá hơn các năm trước và có thể tăng nhanh trong thời gian tới.

- Đối với bên ngoài, khả năng tranh thủ vốn và công nghệ đang mở rộng nhanh, vượt qua chính sách cấm vận của Mỹ. Việc khai thông quan hệ tín dụng với các tổ chức tài chính quốc tế thúc đẩy mạnh nguồn tài trợ phát triển đa phương và song phương. Hội nghị các bên tài trợ cho Việt Nam vừa họp tại Pari có 22 nước và 17 tổ chức quốc tế đến dự đã cam kết tài trợ phát triển cho nước ta 1,86 tỉ USD trong tài khóa 1993 - 1994. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài tiếp tục tăng nhanh; đáng chú ý là phần vốn đưa vào thực hiện năm 1993 khoảng 800 - 850 triệu USD, gấp gần hai lần năm 1992. Lúc này, mức tranh thủ vốn bên ngoài phụ thuộc chủ yếu vào khả năng tiếp thu và sử dụng có hiệu quả của chúng ta.

Những yếu tố nêu trên đang tạo cơ hội lớn cho sự phát triển. Cơ hội không tự nó đến mà do nỗ lực chủ quan của toàn Đảng, toàn dân ta, kết hợp với xu thế hòa bình, ổn định, hợp tác đang phát triển ở khu vực và trên thế giới. Cơ hội cũng không tự nó đem lại kết quả nếu chúng ta không biết kịp thời nắm lấy và khai thác.

2. Bước phát triển mới đòi hỏi không chỉ vận dụng cơ hội mà còn phải nhận rõ những mặt yếu kém, những khó khăn, trở lực cần khắc phục:

a) Nền kinh tế còn nhiều yếu tố chưa vững chắc, có thể gây mất ổn định:



Cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội chậm được cải thiện, có mặt tiếp tục xuống cấp. Tỷ lệ tiết kiệm và đầu tư còn thấp. Nhiều tiềm lực của dân chưa được khai thác vào phát triển sản xuất. Tài sản công và vốn đầu tư của Nhà nước bị đục khoét và lãng phí lớn.

Sức sản xuất xã hội chưa được giải phóng triệt để. Hiệu quả của nền kinh tế còn thấp, hạn chế nguồn và tích lũy đầu tư cũng như khả năng cải thiện đời sống.

Kinh tế thị trường đang ở trình độ sơ khai, vừa chưa được phát triển đầy đủ, vừa chưa được quản lý tốt, chủ yếu do hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, năng lực và hiệu lực quản lý vĩ mô chưa đi kịp yêu cầu; bộ máy nhà nước, hệ thống tài chính, ngân hàng và khu vực doanh nghiệp nhà nước còn nhiều yếu kém và tiêu cực. Tệ tham nhũng, buôn lậu tiếp diễn nghiêm trọng. Mối đe dọa tái lạm phát không thể xem thường.

b) Nhiều mặt xã hội chuyển biến chậm, còn nhiều vấn đề gay gắt, khiến lòng dân chưa yên, đặc biệt là tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm, nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm tăng lên, không kể làm giàu phi pháp, trong khi nhiều người làm ăn lương thiện, những người có công với nước đang khó khăn về đời sống.

c) Công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu và mở ra toàn diện vấp phải những chỗ khó hơn trước vì đụng tới lợi ích cục bộ, cá nhân, đồng thời lại đòi hỏi ý thức cách mạng, trình độ kiến thức, năng lực lãnh đạo và quản lý cao hơn.

Tình trạng hư hỏng cùng với sự bất cập về năng lực, ý thức tổ chức, kỷ luật kém và tệ quan liêu, cửa quyền của không ít cán bộ trong nhiều cơ quan, tổ chức nhà nước ở các ngành, các cấp, cả lĩnh vực hành chính và lĩnh vực kinh doanh đang vô hiệu hóa nhiều chủ trương, chính sách, cản trở và phá hoại công cuộc



đổi mới, làm giảm lòng tin của nhân dân đang thách thức sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước.

Các lực lượng thù địch bên ngoài và bên trong đang tìm mọi cách phá ta, không bỏ lỡ cơ hội khoét sâu những mặt yếu trong nội bộ ta.

Để ngăn ngừa nguy cơ rối loạn bên trong và thao túng của bên ngoài, điều quyết định là chúng ta phải khắc phục những khuyết điểm chủ quan trong công tác lãnh đạo và quản lý cùng với sự hư hỏng và bất cập trong đội ngũ cán bộ.

3. *Thách thức lớn nhất đối với dân tộc ta, chế độ ta là kinh tế phát triển chậm, hiệu quả kinh tế thấp dẫn tới nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế*, luôn luôn lâm vào thế yếu, bị thua thiệt trong cạnh tranh và hợp tác quốc tế. Trong bối cảnh thế giới ngày nay, khi cuộc chạy đua kinh tế nổi lên hàng đầu và đang diễn ra quyết liệt, thì sự tụt hậu xa hơn về kinh tế dễ dẫn đến mất ổn định chính trị, xã hội, hạn chế khả năng cung cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ độc lập, chủ quyền.

Để vượt qua thách thức ấy, chúng ta phải kịp thời *nắm bắt và tận dụng thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, phát triển kinh tế - xã hội với nhịp độ nhanh và vững chắc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển so với các nước xung quanh*. Đó là nguyện vọng và đòi hỏi bức xúc của nhân dân, là điều quyết định sự bền vững của chế độ ta, bảo đảm cho đất nước ta phát triển theo mục tiêu và định hướng xã hội chủ nghĩa, làm thất bại mọi mưu mô, hành động phá hoại và xâm phạm chủ quyền nước ta.

Con đường duy nhất để thực hiện mục tiêu đó là tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới cả về bề rộng và chiều sâu, phát huy cao hơn nữa tinh thần *độc lập tự chủ, tự lực tự cường, ra sức*



cân kiêm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế. Phải tận lực phát huy sức mạnh bên trong mới có thể thu hút và sử dụng tốt nguồn lực bên ngoài để đẩy nhanh sự phát triển. Tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào bên ngoài sẽ dẫn tới tình trạng bị lệ thuộc và kìm hãm sự phát triển của đất nước. Điều đó không chỉ là đạo lý mà đã được thực tế chứng minh.

Chúng ta có thể rút ra kết luận gì từ những điều phân tích trên? Kết luận đó là: Năm 1994, có thể và cần phải mở đầu một thời kỳ mới của sự phát triển kinh tế - xã hội trên đất nước ta. Nhip độ tăng trưởng GDP trong những năm tới phải đạt không dưới 8%/năm, phấn đấu vượt mục tiêu đến năm 2000 tăng gấp đôi GDP so với năm 1990, chuẩn bị điều kiện và tạo đà cho đất nước tiến nhanh hơn khi bước vào thế kỷ XXI.

Trong mấy năm trước, chúng ta phải tập trung cho nhiệm vụ khắc phục suy thoái và lạm phát, ổn định kinh tế, xã hội, chính trị. Từ năm 1994, trong khi tiếp tục chăm lo sự ổn định, chúng ta có điều kiện đặt trọng tâm vào nhiệm vụ đẩy nhanh sự phát triển kinh tế, đi đôi với chuyển biến mạnh mẽ hơn về xã hội, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo thêm cơ sở củng cố sự ổn định chính trị và tăng cường quốc phòng, an ninh. Đó là con đường đưa đất nước thoát hẳn khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đi vào thế phát triển và ổn định vững chắc. Công tác chỉ đạo và quản lý không chỉ dồn sức cho việc xử lý những vấn đề cấp bách theo chính sách tình thế, mà phải chú trọng giải quyết những vấn đề cơ bản, có ý nghĩa chiến lược nhằm thúc đẩy nhanh hơn sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa, đưa nền kinh tế tăng trưởng nhanh hơn, đạt hiệu quả cao hơn, làm cho xã hội có trật tự, công bằng và tiến bộ tốt hơn.



Định hướng phát triển kinh tế - xã hội trong hai năm tới và kế hoạch năm 1994 được xây dựng theo tinh thần đó. Tôi xin trình bày rõ thêm một số vấn đề lớn và trong từng vấn đề, cũng chú trọng những điểm đòi hỏi phải được nhìn nhận sâu hơn hoặc cần có cách giải quyết mới.

II- PHẢI LÀM GÌ ĐỂ CÓ NHỊP ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ NHANH VÀ LÂU BỀN?

1. **Đẩy mạnh đầu tư phát triển, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa**

Ba năm qua, đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 68,8 ngàn tỉ đồng; dự kiến năm 1994, xấp xỉ 41 ngàn tỉ đồng, tăng 32% so với năm 1993, năm 1995, tăng lên khoảng 52 ngàn tỉ đồng. Cộng chung 5 năm có thể đạt và vượt mức đầu tư đề ra trong kế hoạch 5 năm 1991 - 1995 theo yêu cầu thực hiện mục tiêu chiến lược đến năm 2000, tạo tiền đề cho sự tăng trưởng kinh tế và tạo nhiều việc làm trong xã hội.

a) *Vốn đầu tư khai thác từ nguồn nào?*

Nguồn vốn cơ bản nhất, quan trọng nhất là tiết kiệm và tích lũy trong nước.

Bất cứ ai nặng lòng vì nước, giữ gìn bản sắc của dân tộc đều không thể không phẫn nộ, xót xa trước tình trạng của công bị đục khoét, và trước sự tiêu xài hoang phí phô biến của nhiều cơ quan, doanh nghiệp nhà nước và trong xã hội. Tệ trạng đó càng đáng phê phán khi đất nước còn nghèo, đời sống chung cũng như mức tích lũy còn thấp. Chính phủ có trách nhiệm lớn trong việc xây dựng và chỉ đạo thực hiện pháp luật, chính sách khuyến khích tiết kiệm, đầu tư, ngăn chặn tham ô, lãng phí của công.



Song, muốn đưa đất nước vào thời kỳ mới của sự phát triển, chúng ta phải phối hợp nhiều biện pháp, huy động nhiều lực lượng nhằm *làm cho mọi người dân nhận rõ vận nước ở thời điểm hết sức quan trọng* này, tạo thành dư luận xã hội *tôn vinh cần kiệm, lén án tham ô, lãng phí, xa hoa*. Điều này cần thể hiện trong từng mặt của đời sống xã hội; *chẳng hạn làm sao hình thành dư luận và tâm lý xã hội coi việc phô trương, xa hoa trong những dịp cưới xin, ma chay, giỗ, tết, v.v. không phải là điều đáng chạy đua, đáng tự hào mà là điều đáng chê trách*.

Dưới đây là chủ trương, chính sách của Chính phủ trong việc khai thác và sử dụng các nguồn vốn đầu tư trong mấy năm trước mắt:

- Tiềm năng lớn đang nằm ở *nguồn vốn trong dân và các doanh nghiệp*. Đây là nguồn vốn đầu tư có hiệu quả, cần được khai thác bằng chính sách khuyến khích tiết kiệm và hướng mạnh vào đầu tư cho sản xuất. Sớm ban hành văn bản pháp quy khuyến khích đầu tư trong nước với điều kiện ưu đãi ít nhất không kém đầu tư của nước ngoài; áp dụng các hình thức gọi cổ phần, bán cổ phiếu; tăng khả năng tự đầu tư của các doanh nghiệp, kể cả doanh nghiệp nhà nước; đơn giản hóa thủ tục đăng ký kinh doanh đối với mọi loại hình doanh nghiệp; phát triển các hình thức hướng dẫn và dịch vụ đầu tư. Những dự án đầu tư không đòi hỏi thiết bị và công nghệ phức tạp, có khả năng tiêu thụ sản phẩm và sinh lời nhanh (như chế biến thực phẩm, kinh doanh khách sạn, dịch vụ...) thì khuyến khích đầu tư trong nước là chính, tăng tỷ lệ vốn trong nước đối với các cơ sở và dự án liên doanh với nước ngoài.

Phát triển nhanh thị trường vốn; đổi mới và tổ chức tốt hơn hoạt động của hệ thống ngân hàng, công ty tài chính để huy động



mọi khoản tiền nhàn rỗi vào các quỹ tiết kiệm, quỹ bảo hiểm, mua trái phiếu, cổ phiếu... Tăng nguồn tín dụng đầu tư, kể cả vốn tín dụng của Nhà nước; mở rộng nhanh tín dụng trung hạn và dài hạn, đáp ứng nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển. Chuẩn bị tốt các điều kiện cho việc xây dựng thí điểm thị trường chứng khoán, trước hết là ở Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

- Nguồn vốn đầu tư của Nhà nước bao gồm tích lũy trong nước đưa vào ngân sách và các khoản tài trợ phát triển (ODA) song phương, đa phương (phần lớn là cho vay ưu đãi, một phần là viện trợ không hoàn lại). Nguồn tài trợ bên ngoài cam kết tại Hội nghị vừa họp ở Pari là một thuận lợi. Tuy nhiên, còn phải tích cực giải quyết nợ cũ để khai thông nguồn tín dụng bên ngoài và cần thấy rõ những khó khăn, phức tạp trong việc khai thác nguồn vốn này để làm tốt công tác chuẩn bị, tính kỹ hiệu quả và khả năng trả nợ, tránh thua thiệt và bị động.

Nguồn vốn trong tay Nhà nước có phần được cấp phát qua ngân sách, chỉ dành cho những dự án xây dựng cơ sở hạ tầng không có khả năng trực tiếp thu hồi vốn. Một phần khác ngày càng chiếm tỷ trọng lớn, được đầu tư qua hình thức tín dụng hoặc góp cổ phần, mua cổ phiếu của các doanh nghiệp thuộc nhiều thành phần kinh tế. Cơ chế này được áp dụng ngay từ kế hoạch năm 1994.

Để sử dụng có hiệu quả nguồn vốn nhà nước, tránh thất thoát và lãng phí, cần giải quyết mấy vấn đề:

+ Chuẩn bị tốt các dự án đầu tư gắn với việc xây dựng kế hoạch dài hạn và quy hoạch phát triển các địa bàn. Trên cơ sở đó, điều phối hợp lý nguồn vốn nhà nước, bố trí đầu tư tập trung, không dàn đều. Đây là nhiệm vụ chính mà Ủy ban Kế hoạch Nhà nước phải thực hiện với sự đổi mới về tổ chức và phương thức hoạt động cho phù hợp.



+ Chấn chỉnh cơ chế quản lý vốn đầu tư của ngân sách; sửa lại đơn giá xây dựng cho sát với thực tế; hoàn thiện cơ chế đấu thầu thiết kế, thi công và quy chế giám sát, nghiệm thu. Sử dụng dịch vụ tư vấn của công ty trong nước và nước ngoài trong lĩnh vực này.

+ Đổi mới cơ chế quản lý vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước theo kinh nghiệm quản lý nguồn tín dụng ưu đãi mà bên ngoài áp dụng khi cho nước ta vay.

+ Các công trình đã được duyệt cấp vốn ngân sách hoặc vốn tín dụng của Nhà nước đều phải được bảo đảm cấp vốn đúng tiến độ kế hoạch. Quy rõ trách nhiệm đối với những thiệt hại vật chất do phía cấp vốn gây ra cho công trình xây dựng.

- *Vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài* chiếm phần quan trọng nhất trong nguồn vốn bên ngoài. Yếu tố hàng đầu để thu hút nguồn vốn này là môi trường đầu tư thuận lợi, ít chịu rủi ro, phiền hà, sách nhiễu. Cần coi trọng cải thiện môi trường đầu tư, đồng thời có chính sách hấp dẫn nước ngoài đầu tư vào những lĩnh vực và địa bàn mà ta mong muốn. Kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện cam kết đầu tư, nhất là việc chuyển giao công nghệ và bảo vệ môi trường. Đã tới lúc không chỉ quan tâm gọi vốn mà phải thúc đẩy nhanh việc thực hiện vốn đã đăng ký và tăng cường quản lý nhà nước đối với các cơ sở đã đi vào hoạt động. Từ nay, chỉ tiêu chính phản ánh đầu tư trực tiếp của nước ngoài phải là *số vốn đã thực hiện và hiệu quả đối với nền kinh tế*.

b) Hướng đầu tư nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xúc tiến một bước công nghiệp hóa và hiện đại hóa theo phương hướng chiến lược từ nay đến năm 2000

Hai năm tới cần chú trọng những định hướng dưới đây:

- Tạo chuyển biến rõ nét trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp, từng bước công nghiệp hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn



theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 của Trung ương Đảng chủ yếu bằng nguồn vốn và công sức của dân kết hợp với sự hướng dẫn và hỗ trợ của Nhà nước. Nhu cầu của thị trường trong, ngoài nước cùng với điều kiện mới về lương thực vừa đòi hỏi, vừa cho phép khắc phục tình trạng tự cấp tự túc, thuần nông và độc canh lúa. Từng vùng bố trí cơ cấu sản xuất phát huy được lợi thế của mình thì sẽ góp phần quyết định sớm thoát khỏi đói nghèo, nhất là vùng đồi núi, ven biển. Phát huy tác dụng mở rộng điện khí hóa để đẩy nhanh sự phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản ở nhiều trình độ công nghệ phù hợp với các vùng nông thôn. Tổng kết và nhân rộng các mô hình kinh tế nông - công nghiệp kết hợp nhiều thành phần kinh tế.

Thu hút đầu tư nước ngoài và khuyến khích đầu tư trong nước vào khai thác và chế biến tài nguyên, phủ xanh đồi núi trọc, phát triển sản xuất, dịch vụ hướng về xuất khẩu, tạo nhiều việc làm. Đây là nguồn vốn chính để hình thành cơ cấu mới theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

- Tập trung nguồn vốn đầu tư của Nhà nước cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, trước hết là mạng lưới tải điện, các trục đường bộ, đường sắt, cảng, sân bay, hệ thống thủy lợi và nước sinh hoạt, hệ thống thông tin liên lạc nội địa và viễn thông, một số cơ sở nghiên cứu khoa học, công nghệ và văn hóa, xã hội, đặc biệt là giáo dục và y tế. Mở rộng vốn tín dụng để triển khai xây dựng một số công trình công nghiệp then chốt đã chuẩn bị được điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường (Báo cáo về kế hoạch đã nêu danh mục các công trình quan trọng, nhất thiết phải làm).

- Tổ chức nghiên cứu, dự báo, lựa chọn đúng các mũi nhọn phát triển trong tương lai để xác định kịp thời việc chuẩn bị các điều kiện cần thiết.



- Quản lý, kiểm soát và thẩm định nghiêm ngặt việc nhập khẩu thiết bị kỹ thuật và công nghệ. Những trường hợp nhập khẩu công nghệ lỗi thời, gây ô nhiễm, giá đắt, nhất là nhập khẩu bằng nguồn vốn của Nhà nước cần phải quy rõ trách nhiệm và xử lý nghiêm.

- Đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện quy hoạch các địa bàn kinh tế trọng điểm ở 3 vùng, phát huy tác dụng đầu tàu lôi kéo các vùng khác cùng phát triển. Quy hoạch và kế hoạch phát triển của các vùng khác phải tận dụng lợi thế của mình và liên kết kinh tế với các địa bàn trọng điểm. Nhà nước hỗ trợ và ưu tiên dành nguồn viện trợ không hoàn lại của bên ngoài cho các vùng còn nhiều khó khăn, trước hết là vùng biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng trước đây. Sự hỗ trợ đó tập trung vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội, đi đôi với cơ chế, chính sách thích hợp và giúp công tác điều tra, quy hoạch nhằm tạo điều kiện cho từng vùng, từng địa phương khai thác các nguồn lực và thế mạnh của mình để phát triển.

Vừa qua, Chính phủ đã làm việc với các địa phương thuộc mấy vùng đang có nhiều khó khăn, đi tới xác định phương hướng phát triển tập trung vào một số chương trình mục tiêu từ nay đến năm 2000, nhằm thoát khỏi tình trạng nghèo khổ và kém phát triển, tạo tiền đề tiến nhanh khi bước vào thế kỷ XXI.

Các tỉnh ven biển miền Trung, ngoài những công trình điện, giao thông và thông tin trong chương trình quốc gia, phải tập trung sức vào mấy chương trình trọng điểm: Một là, bảo vệ vốn rừng và trồng rừng mới gắn với định canh, định cư và bảo vệ môi trường. Hai là, chuyển đổi cơ cấu trồng trọt và mùa vụ để né tránh thiên tai, phủ xanh đồi trọc bằng cây công nghiệp thích hợp gắn với công nghiệp chế biến, phát triển đồng cỏ chăn nuôi lớn.



Ba là, khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản gắn với nhiệm vụ bảo vệ vùng biển, hải đảo. Bốn là, giải quyết đủ nước cho nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp và nước sinh hoạt ở đô thị, nông thôn.

Các tỉnh Tây Nguyên cũng tập trung vào mấy chương trình đó (trừ thủy sản) với quy mô và thế mạnh lớn hơn về rừng, cây công nghiệp và chăn nuôi đại gia súc đi đôi với công nghiệp chế biến.

Các tỉnh miền núi phía Bắc trong những năm trước mắt phải tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội với sự hỗ trợ của Trung ương: mạng lưới giao thông, điện nước, thông tin, các cơ sở giáo dục, đào tạo, nâng cao dân trí, đặc biệt là các trường nội trú cho con em các dân tộc, cơ sở đào tạo đại học và nghiên cứu ở một số trung tâm; mạng lưới y tế với quy mô thích hợp, từ buôn, bản, làng tới các huyện và các cơ sở của tỉnh; phủ sóng truyền thanh, truyền hình, phát triển thông tin, văn hóa theo hướng khôi phục và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc.

Về phát triển kinh tế, thực hiện sự chuyên dịch cơ cấu cây con, ngành, nghề theo các nghị quyết của Bộ Chính trị, Quyết định của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về phát triển kinh tế - xã hội miền núi và gần đây là Chỉ thị 525 của Chính phủ bổ sung các chủ trương, chính sách cụ thể. Các tỉnh, huyện miền núi phải đi sâu, sát với cơ sở, đúc kết kinh nghiệm và xây dựng các mô hình kinh tế phù hợp với điều kiện phô biến của từng vùng, thích hợp với đặc điểm từng dân tộc.

Chính phủ chọn một tỉnh và một huyện thuộc loại khó khăn nhất trong các địa phương miền núi để chỉ đạo trực tiếp, làm thí điểm rút kinh nghiệm.



Đầu năm 1994, Chính phủ sẽ làm việc tiếp với các địa phương thuộc hai vùng đồng bằng còn lại (đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long) để xác định phương hướng phát triển.

2. Phát huy tiềm năng và nâng cao hiệu quả hoạt động của các thành phần kinh tế

Việc thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần là một nội dung quan trọng góp phần vào thành công của công cuộc đổi mới. Tuy vậy, còn phải tiếp tục đổi mới và thực hiện tốt cơ chế, chính sách đối với các thành phần kinh tế để giải phóng triệt để sức sản xuất:

a) Là một nước nghèo, chậm phát triển, để xây dựng nền kinh tế và bảo đảm vai trò của Nhà nước trong quản lý vĩ mô, hướng dẫn, hỗ trợ các thành phần kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, việc phát triển *khu vực kinh tế nhà nước nói chung và doanh nghiệp nhà nước nói riêng* là một tất yếu khách quan.

Kinh tế nhà nước không chỉ có các doanh nghiệp mà còn bao gồm tài chính, ngân hàng nhà nước, dự trữ quốc gia, tài nguyên, đất đai và tài sản quốc gia khác. Cần phải có cách nhìn toàn diện đối với kinh tế nhà nước để quản lý, bảo toàn và phát triển nguồn của cải quốc gia. Mọi tài sản quốc gia phải có người làm chủ. Thực hiện khẩn trương việc giao đất, giao rừng cho hộ nông dân, giải quyết cụ thể vấn đề đất đô thị, đất do các doanh nghiệp sử dụng, xúc tiến việc kinh doanh nhà ở, cho thuê hoặc bán những cơ sở kinh doanh và tài sản khác mà Nhà nước không cần giữ. Những việc này phải được thực hiện theo chủ trương thống nhất của Chính phủ và số tiền thu được do nhượng, bán, cho thuê tài sản quốc gia đều phải đưa vào ngân sách.



Khu vực doanh nghiệp nhà nước đã được sắp xếp lại một bước, song cơ cấu hiện nay vẫn chưa hợp lý, chưa tập trung vào những ngành và lĩnh vực then chốt. Nhiều doanh nghiệp nhà nước có quy mô quá nhỏ, trang thiết bị lạc hậu, hiệu quả rất thấp. Vì vậy, *một mặt*, phải tiếp tục sắp xếp, chấn chỉnh khu vực doanh nghiệp nhà nước một cách kiên quyết và khẩn trương hơn, phân biệt những doanh nghiệp phục vụ công cộng đáp ứng nhu cầu và lợi ích chung về kinh tế - xã hội mà Nhà nước cần có chính sách và cơ chế quản lý thích hợp, với những doanh nghiệp hoàn toàn theo cơ chế kinh doanh mà sự tồn tại và phát triển phụ thuộc vào hiệu quả kinh tế trực tiếp. *Mặt khác*, cần tiếp tục phát triển doanh nghiệp nhà nước trong một số ngành và lĩnh vực cần thiết như cơ sở hạ tầng, một số cơ sở sản xuất cần nhiều vốn, kỹ thuật cao, đặc biệt là trong công nghiệp nặng. Nhà nước tập trung sức xây dựng một số doanh nghiệp nhà nước thành tổ chức kinh tế mạnh trong những ngành then chốt, có sức cạnh tranh và vươn ra thị trường quốc tế, hoạt động có hiệu quả và đóng góp phần quan trọng cho ngân sách nhà nước. Những doanh nghiệp thuộc loại đó cần được tổ chức lại, liên kết với ngân hàng thương mại, công ty xuất nhập khẩu, dịch vụ vận tải trong nước và ngoài nước, hình thành một số tổ chức kinh tế lớn. Điều quan trọng là sự liên kết đó phải trên cơ sở gắn bó với nhau về lợi ích kinh tế, về quan hệ sở hữu, về chiến lược phát triển, không phải là sự sắp xếp bằng biện pháp hành chính. Các doanh nghiệp nhà nước vừa cạnh tranh vừa hợp tác với các đơn vị kinh tế thuộc các thành phần khác. Quá trình liên kết kinh tế để hình thành các tập đoàn lớn, do doanh nghiệp nhà nước làm nòng cốt, có thể có các đơn vị kinh tế thuộc các thành phần khác tham gia dưới hình thức sở hữu hỗn hợp.



Các doanh nghiệp không cần duy trì hình thức quốc doanh thì cần định thời hạn xử lý dứt điểm bằng cách chuyển đổi sở hữu hoặc khoán, cho thuê hoặc sáp nhập, giải thể. Kinh nghiệm ở nhiều nông trường, lâm trường, cửa hàng thương mại và dịch vụ, công ty vận tải cho thấy việc áp dụng cơ chế khoán, nhượng lại một phần máy móc, thiết bị, vườn cây, gia súc, v.v. cho những người lao động trong doanh nghiệp đều đem lại hiệu quả kinh tế rất rõ rệt.

Một trong những giải pháp chủ yếu để tạo động lực cho người lao động, khắc phục tình trạng vô chủ đối với tài sản công, ngăn chặn tiêu cực, là cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, tạo điều kiện cho công nhân, viên chức trong doanh nghiệp trở thành người đồng sở hữu cổ phần. Loại doanh nghiệp nào có thể và cần phải cổ phần hóa; tỷ lệ cổ phần nhà nước cần nắm, tỷ lệ dành cho người lao động trong doanh nghiệp, tỷ lệ bán cho các tổ chức và các cá nhân khác, bán cho nhà kinh doanh nước ngoài, v.v. cần được quy định cho từng loại doanh nghiệp. Thiếu sót của Chính phủ và của các cơ quan nhà nước có trách nhiệm trong lĩnh vực này là không kịp thời tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, xây dựng các văn bản pháp quy, tập huấn và hướng dẫn cụ thể nên đã có sự chậm trễ không đáng có trong việc thực hiện chủ trương cổ phần hóa.

Qua thực tiễn, chúng ta càng thấy rõ hơn chức năng quản lý nhà nước đối với tất cả các doanh nghiệp, không phân biệt hình thức sở hữu, phải được tách bạch rõ ràng với chức năng chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp nhà nước. Các chức năng về chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước cần được tập trung vào một cơ quan chịu trách nhiệm quản lý vốn và tài sản công, đại diện



cho chủ sở hữu đối với những cổ phần của Nhà nước tại các công ty. Cơ quan này cũng chịu trách nhiệm chọn cử người đại diện cho sở hữu nhà nước trong Hội đồng quản trị các doanh nghiệp có vốn của Nhà nước. Như vậy, cơ chế “chủ quản” của các bộ, các sở quản lý ngành với sự lấn lộn giữa quản lý nhà nước và chủ sở hữu, cũng như sự phân biệt giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương sẽ không còn lý do tồn tại.

b) **Đổi mới hợp tác xã**, phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ xã viên và phát triển các hình thức kinh tế hợp tác mới ở nông thôn theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 của Trung ương Đảng. Tổng kết thực tiễn và hướng dẫn, hỗ trợ cho sự hình thành và phát triển các hình thức kinh tế hợp tác thích hợp trong các ngành, nghề khác.

c) Xóa bỏ các quy định ngăn cản, cấm đoán phi pháp, gây khó khăn cho kinh tế cá thể và kinh tế tư nhân, đồng thời tăng cường sự kiểm soát, quản lý theo pháp luật, chống tình trạng kinh doanh không đăng ký hoặc ngoài đăng ký, làm hàng giả, trốn thuế và các hoạt động phi pháp khác.

Luật pháp quy định rõ những ngành nghề không được kinh doanh hoặc phải xin phép trước khi kinh doanh. Ngoài phạm vi đó, mọi trường hợp đầu tư kinh doanh có đủ điều kiện quy định, không phân biệt cá thể hay tư nhân, chỉ cần đăng ký theo đúng thủ tục, nhưng phải chịu trách nhiệm về tính trung thực của nội dung đăng ký và bảo đảm kinh doanh đúng đăng ký.

Thực hiện chính sách tín dụng lấy hiệu quả kinh tế - xã hội và khả năng trả nợ làm tiêu chuẩn, không phân biệt thành phần kinh tế. Theo tinh thần đó, tăng tỷ lệ cho vay khu vực kinh tế hợp tác, cá thể và tư nhân, đặc biệt là hộ nông dân.



d) Tạo khuôn khổ pháp lý rõ ràng cho sự hoạt động và cạnh tranh lành mạnh, xử lý nghiêm mọi hiện tượng kinh doanh phi pháp, bất kể thuộc thành phần kinh tế nào. Soát xét lại các trường hợp độc quyền kinh doanh để có biện pháp hạn chế, trước hết là chống tê của quyền trong cung ứng sản phẩm và dịch vụ.

Nhà nước tạo điều kiện và hỗ trợ tích cực cho sự hình thành đội ngũ những nhà kinh doanh có bản lĩnh thuộc nhiều tầm cỡ, từ người chủ kinh tế gia đình đến người quản lý những công ty, tập đoàn lớn; coi đó là một nhân tố quyết định để phát triển kinh tế năng động, có hiệu quả, có trật tự, kỷ cương.

3. Mở rộng nhanh quan hệ kinh tế với bên ngoài

Trong quan hệ quốc tế, chúng ta đang có những thuận lợi mới, song việc mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại trước hết phải dựa vào phát triển sản xuất theo cơ cấu kinh tế mở, hướng mạnh về xuất khẩu, đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ thương mại và hợp tác với bên ngoài.

Những khả năng mới về tranh thủ vốn và công nghệ bên ngoài càng đòi hỏi phải ráo riết phát huy mọi tiềm năng trong nước đi đôi với cơ chế quản lý chặt chẽ để tiếp thu và sử dụng tốt nguồn vốn bên ngoài như đã nêu ở phần trên; đồng thời, phải nâng cao năng lực điều hành vĩ mô, đề phòng đầu tư quá nóng, gây ra mất cân đối mới và tái lạm phát.

Phải tiếp tục tăng xuất khẩu nhanh hơn tốc độ chung của nền kinh tế (dự kiến năm 1994 tăng 20%, năm 1995 tăng 25%), đi đôi với từng bước cải thiện cơ cấu hàng xuất khẩu.

Vấn đề thị trường tiêu thụ đang nổi lên thành một yếu tố rất quan trọng đối với sản xuất. Sản xuất nói chung cũng như hàng xuất khẩu nói riêng phải xuất phát từ nhu cầu của thị trường, không thể sản xuất rồi mới đi tìm thị trường.



Hiện nay, một vài mặt hàng chế biến như hàng dệt may, thủy sản tăng khá hơn, song sản phẩm xuất khẩu thô, kể cả khoáng sản và nông sản vẫn chiếm tỷ trọng lớn và xuất qua trung gian. Không ít mặt hàng xuất khẩu chưa có thị trường ổn định. Vì vậy, việc tăng nhanh năng lực chế biến, trước hết là chế biến nông sản, phải là hướng ưu tiên hàng đầu trong chính sách khuyến khích đầu tư, kể cả đầu tư của nước ngoài. Từ năm 1994, phải xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực (có kim ngạch trên 100 triệu USD), giải quyết đồng bộ từ vốn đầu tư thuộc nhiều nguồn đến cơ chế, chính sách của Nhà nước, từ sản xuất, khai thác đến chế biến, tiêu thụ, dần dần tạo bạn hàng ổn định trên thị trường thế giới.

Các ngành, các cơ sở kinh tế phải đổi mới công nghệ để có năng lực sản xuất ra hàng hóa có chất lượng (kể cả chủng loại, kiểu dáng, bao bì) với giá cả có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Phải hết sức nghiêm ngặt về tiêu chuẩn chất lượng hàng xuất khẩu, về kỷ luật hợp đồng để tạo chữ tín, Chính phủ sẽ ban hành quy chế quản lý đối với hàng được ghi nhãn hiệu “sản xuất tại Việt Nam”.

Các cơ sở sản xuất phải nâng cao năng lực tiếp thị, chủ động tìm bạn hàng. Phát huy vai trò của Phòng thương mại và công nghiệp hỗ trợ cho các doanh nghiệp. Tổ chức lại công tác thống kê và thông tin kinh tế, không những phục vụ công tác lãnh đạo và quản lý, mà còn đáp ứng nhu cầu của các nhà kinh doanh.

Mở rộng buôn bán với thị trường đã có, khôi phục thị trường truyền thống (Trung Quốc, các nước thuộc Liên Xô cũ và các nước Đông Âu), tìm thêm thị trường mới (như châu Âu, Trung Đông, châu Phi và Mỹ Latinh). Chuẩn bị đón trước khả năng đi vào thị trường Mỹ khi có điều kiện.



Để khuyến khích xuất khẩu mạnh hơn nữa, cần tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, thu hẹp diện mặt hàng quản lý bằng hạn ngạch, giảm thủ tục hành chính, đặc biệt là trong việc cấp giấy phép, xử lý kịp thời tỷ giá hối đoái. Nhập khẩu cần phải được kiểm soát chặt chẽ bằng cả chính sách thuế, tỷ giá hối đoái, công tác hải quan và các biện pháp hành chính cần thiết. Việc chống hàng nhập lậu để bảo vệ sản xuất trong nước cần tiến hành kiên quyết, liên tục cả ở cửa khẩu và trên thị trường nội địa. Cần có biện pháp xử lý các trường hợp hàng ngoại giá rẻ xâm nhập làm đình đốn sản xuất trong nước. Song điều quan trọng là sản xuất trong nước phải đáp ứng nhu cầu, thị hiếu hết sức đa dạng của các đối tượng tiêu dùng và không ngừng nâng cao sức cạnh tranh đối với hàng nước ngoài.

Trong những năm tới, số khách nước ngoài vào nước ta và người Việt Nam ở các nước về thăm quê hương sẽ tăng nhanh, đòi hỏi ngành du lịch, khách sạn phải có bước phát triển vượt bậc cả về điều kiện vật chất và chất lượng phục vụ. Việc xây dựng các khách sạn mới phải chú trọng huy động các nguồn vốn trong nước bằng nhiều hình thức. Xúc tiến việc chuyển các nhà khách, nhà nghỉ của các cơ quan, xí nghiệp sang cơ chế hạch toán kinh doanh, cải tạo và nâng cấp một số cơ sở thành khách sạn du lịch.

4. Đổi mới và cải thiện tình hình tài chính - tiền tệ - tín dụng

a) Ngân sách năm 1994 đứng trước yêu cầu rất lớn về đầu tư phát triển và giải quyết các vấn đề xã hội. Nguồn vốn từ bên ngoài tăng nhanh đòi hỏi phải có nguồn vốn trong nước đủ sức hấp thu.

Vì vậy, phải thay đổi phương thức cân đối ngân sách: Phần thu bao gồm các khoản thu trong nước và viện trợ không hoàn



lại của bên ngoài phải đáp ứng nhu cầu chi thường xuyên, trả nợ và có phần dành cho đầu tư phát triển (năm 1994, dành khoảng 15% và các năm sau phải tăng hơn). Phần còn thiếu trong kế hoạch đầu tư phát triển bằng vốn ngân sách phải dựa vào vay dân (tăng dần tỷ lệ vay trung hạn, dài hạn) và vay nước ngoài (từ nay, chỉ vay dài hạn với lãi suất ưu đãi cho đầu tư phát triển qua ngân sách). Dứt khoát không phát hành cho ngân sách và tín dụng. Những khoản Chính phủ vay ưu đãi của bên ngoài để đầu tư cho các công trình có thể thu hồi vốn, kể cả cơ sở hạ tầng, đều chuyển sang hình thức tín dụng của Nhà nước, có vay có trả sòng phẳng cả gốc và lãi, có như vậy mới trả được nợ nước ngoài.

Nhân đây, cũng xin nói thêm về khoản nợ nước ngoài của những năm trước nay đến hạn phải trả; con số đó là khá lớn. Đó là những khoản mà ta phải vay để bù đắp cho chi tiêu trong cơ chế bao cấp, phần lớn là vật tư cho sản xuất, lương thực và một số hàng tiêu dùng; còn phần thiết bị thì có một số cơ sở phát huy được tác dụng, song nhìn chung, hiệu quả sử dụng thấp, có loại chưa được sử dụng. Để trả được nợ, không có cách nào khác là phải phát triển và nâng cao hiệu quả của nền kinh tế. Do đó, phải tranh thủ các nguồn vay mới với điều kiện ưu đãi và phải quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả, làm cho nền kinh tế mạnh lên đủ sức trả cả nợ cũ, nợ mới, đồng thời tăng được tích lũy trong nước và cải thiện được đời sống. Tuy nhiên, phải chấn chỉnh ngay tình trạng kiểm soát và quản lý không chặt chẽ việc vay nợ nước ngoài của các ngành và địa phương, khi không trả được nợ thì dồn hết gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

Xúc tiến cải cách hệ thống thuế; giảm thuế suất một số mặt hàng cần khuyến khích và bảo đảm khả năng thu; áp dụng thuế trị giá gia tăng đơn giản, phù hợp với điều kiện nước ta; tăng mức



thu thuế hàng nhập khẩu và chấn chỉnh công tác thu thuế để nâng tỷ lệ huy động tổng sản phẩm trong nước (GDP) vào ngân sách (dự kiến năm 1994 là tiết kiệm 24%). Tỷ lệ bội chi ngân sách so với GDP năm 1994 phải thấp hơn năm 1993; đến năm 1995, xuống dưới 5%. Nguồn bù đắp bội chi ngân sách chủ yếu là cho đầu tư phát triển và dựa phần lớn vào nguồn vay ưu đãi của bên ngoài. Tăng thu ngân sách phải đi đôi với khuyến khích các doanh nghiệp và nhân dân tiết kiệm, đầu tư phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả, từ đó mà nuôi dưỡng và mở rộng nguồn thu. Giải quyết hợp lý phần khấu hao cơ bản của doanh nghiệp nhà nước để bảo đảm tái sản xuất của cơ sở.

Cải tiến việc phân cấp quản lý ngân sách phù hợp với chủ trương phân định thẩm quyền và trách nhiệm của các cấp hành chính; tăng quyền hạn của các Bộ trưởng đối với ngân sách chi sự nghiệp dành cho toàn ngành. Xúc tiến việc ban hành Luật ngân sách.

Trong nhiều giải pháp về tài chính, tôi muốn nhấn mạnh một lần nữa yêu cầu khắc phục tình trạng đang rất nhức nhối: đó là tệ tiêu xài hoang phí, ăn uống, quà cáp, biếu xén bằng công quỹ, những khoản chi tiêu không cần thiết trong các dịp kỷ niệm ngày thành lập, tổ chức và trong các kỳ đại hội. Chính phủ sẽ quy định chặt chẽ các khoản chi này. Khoản nào cần nghiêm cấm sẽ được công bố rõ để nhân dân và dư luận xã hội góp sức phát hiện, đấu tranh với những trường hợp vi phạm. Trước mắt, trong dịp Tết sắp tới, phải cấm chỉ hoàn toàn việc dùng công quỹ làm quà biếu cho những người trong bộ máy nhà nước, bất kỳ ở cương vị nào.

b) Về công tác ngân hàng: Ngân hàng Nhà nước được tăng quyền chủ động điều hòa lưu thông tiền tệ phải theo dõi sát



tín hiệu của thị trường để điều hành khối lượng tiền cung ứng, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ kiểm soát lạm phát ở mức một con số, ổn định giá trị đồng tiền. Năm 1994, Ngân hàng phải tập trung sức và áp dụng nhiều biện pháp, kể cả việc tin học hóa hoạt động nghiệp vụ, thực hiện cho được việc bảo đảm khả năng thanh toán thuận tiện, nhanh chóng trong mọi tình huống, đồng thời áp dụng lãi suất phù hợp với cơ chế thị trường, để mọi doanh nghiệp và nhân dân yên tâm, mạnh dạn gửi tiền và giao dịch với ngân hàng. Tình trạng lãi suất tín dụng quá cao so với chỉ số lạm phát đang gây khó khăn cho các doanh nghiệp, kìm hãm đầu tư phát triển, cần phải có biện pháp xử lý. Xây dựng và triển khai hoạt động của thị trường liên ngân hàng cả tiền Việt Nam và ngoại tệ để điều hòa vốn kịp thời và thúc đẩy việc xây dựng thị trường vốn. Mở rộng nhanh việc áp dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt, kể cả các phương tiện hiện đại.

Cần theo dõi, dự báo tình hình kịp thời để ngăn ngừa tái lạm phát và đề phòng tỷ giá hối đoái đột biến khi nguồn ngoại tệ tăng nhanh. Xử lý từng bước tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đôla Mỹ nhằm ổn định tỷ giá thực tế (tính đến sự biến động giá của tiền Việt Nam và của ngoại tệ) nhằm góp phần khuyến khích xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu những mặt hàng không thật cần thiết, nhưng không gây đột biến giá cả trong nước.

Có quy chế quản lý chặt chẽ việc vay và trả nợ nước ngoài của các doanh nghiệp, các ngành và địa phương. Sớm ban hành quy chế bảo lãnh vay nợ và quy chế tự vay tự trả của các doanh nghiệp.

Tiếp tục hoàn chỉnh cơ chế quản lý ngoại hối, tạo điều kiện cho đồng tiền Việt Nam có thể chuyển đổi tự do và là phương tiện thanh toán duy nhất trên đất nước Việt Nam.



Các ngân hàng kinh doanh có vai trò nòng cốt trên thị trường vốn phải phát triển hoạt động tín dụng theo chính sách đã nêu ở trên. Xúc tiến việc lập quỹ tín dụng nhân dân trên cơ sở tổng kết thí điểm. Quan hệ giữa Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng kinh doanh, các quỹ tín dụng phải tiếp tục đổi mới theo hướng bảo đảm vai trò kiểm soát của Ngân hàng Nhà nước, nhưng không can thiệp vào quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động tín dụng và dịch vụ của các ngân hàng kinh doanh. Tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các ngân hàng kinh doanh, kể cả chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Xúc tiến việc lập hiệp hội ngân hàng. Tăng cường đào tạo cán bộ, nâng cao trình độ quản lý và chất lượng nghiệp vụ ngân hàng.

III- GIẢI QUYẾT TỐT HƠN CÁC VẤN ĐỀ VĂN HÓA, XÃ HỘI

Với nhận thức phát triển kinh tế gắn với văn hóa, xã hội là truyền thống của dân tộc ta, là bản chất của chế độ ta, là xu thế của thời đại, Chính phủ coi trọng bố trí kế hoạch, ngân sách và chỉ đạo các hoạt động văn hóa, xã hội. Trong năm 1993, tuy còn nhiều mặt chưa đạt mong muốn, song các ngành này đều có những bước phát triển, bằng sự hỗ trợ của ngân sách và sức đóng góp của toàn dân.

Đất nước bước vào thời kỳ mới của sự phát triển có nghĩa là từ nay mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa - xã hội có thêm điều kiện và cần phải giải quyết cân đối, hài hòa hơn. Bản thân sự phát triển kinh tế theo nội dung trình bày trên đã bao hàm việc giải quyết những vấn đề xã hội rất quan trọng và cơ bản như tạo việc làm và tăng thu nhập của dân cư. Song sự phát triển văn hóa - xã hội còn nhiều yêu cầu khác nữa. Đó là những vấn đề mà toàn xã hội cho đến từng gia đình và



từng người phải chăm lo bằng công sức, trí tuệ, tiền bạc và cả nếp sống, tâm lý, dư luận xã hội. Chính phủ có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện những chủ trương, biện pháp và bảo đảm ngân sách ở mức cần thiết; đồng thời, điều rất quan trọng là bổ sung cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện cho các sự nghiệp này phát triển theo hướng phát huy cao hơn nữa phương thức nhà nước và nhân dân cùng làm, huy động thêm sự đóng góp của các tổ chức trong và ngoài nước.

Dự án kế hoạch năm 1994 đã nêu những biện pháp thiết thực và dự kiến tăng chi cho giáo dục, văn hóa, nghiên cứu khoa học, y tế, thể dục - thể thao, kế hoạch hóa gia đình cao hơn mức tăng chi chung của ngân sách. Tôi xin nhấn mạnh thêm một số vấn đề dưới đây:

a) Trước hết, đó là nhiệm vụ *nâng cao dân trí, bồi dưỡng đội ngũ lao động và cán bộ, đào tạo thế hệ nối tiếp*. Đây là một nhiệm vụ hết sức hệ trọng đối với yêu cầu trước mắt và chuẩn bị cho sự phát triển lâu dài của đất nước ta, đặc biệt là để bước vào thế kỷ XXI với những bước tiến mạnh mẽ hơn. Chúng ta không những phải chăm lo nâng cao chất lượng dạy và học ở tất cả các cấp học, các ngành học theo một cơ cấu và quy mô phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, mà còn phải huy động nhiều lực lượng trong xã hội, từ gia đình đến đoàn thể, các phương tiện thông tin đại chúng và các binh chủng khác trên mặt trận văn hóa để đáp ứng nhu cầu và nâng cao trình độ văn hóa, tinh thần của toàn xã hội, tạo lập cho thế hệ thanh niên, thiếu niên hoài bão và chí tiến thủ, cống hiến hết lòng cho sự lập thân, lập nghiệp của mình gắn liền với sự phồn vinh của đất nước.

Việc thu xếp việc làm của thanh niên mới ra trường cần được quan tâm bằng các biện pháp hỗ trợ của Nhà nước, của các đoàn thể và gia đình, góp phần quan trọng thúc đẩy thanh niên tích



cực học tập. Chúng ta phải tạo điều kiện cho đội ngũ trí thức có thể cống hiến trí tuệ và tài năng cho đất nước, sống tốt bằng nghề của mình. Chính phủ hoan nghênh và tạo điều kiện để các bạn trí thức người Việt định cư ở nước ngoài tham gia vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của nước nhà trong nhiều lĩnh vực và bằng nhiều hình thức phù hợp.

b) Chú trọng hơn nữa việc *bồi dưỡng thể lực, nâng cao sức khỏe của các tầng lớp nhân dân*. Chúng ta đặc biệt quan tâm sức khỏe của toàn dân, từ các cháu nhỏ, các bà mẹ, đến người cao tuổi, vì sự nghiệp xây dựng đất nước hôm nay và vì các thế hệ mai sau.

Đi đôi với sự chỉ đạo của Chính phủ và sự hỗ trợ thêm của ngân sách, các hoạt động thể dục thể thao, chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng bệnh và chữa bệnh, sinh đẻ có kế hoạch, v.v. cần phát triển sâu, rộng và đồng bộ hơn, có sự tham gia với ý thức đầy đủ của mỗi cá nhân, mỗi gia đình, trong trường học, cơ quan đến toàn xã hội.

Trong năm 1994, Chính phủ sẽ dành thêm ngân sách và chỉ đạo thực hiện tốt hơn nữa các biện pháp bảo vệ sức khỏe nhân dân các vùng miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số (trước hết là đẩy lùi, đi đến xóa bỏ các bệnh xã hội và giải quyết nguồn nước cho sinh hoạt của đồng bào).

c) Nâng cao dân trí, bảo vệ sức khỏe nhân dân là những điều kiện cơ bản để ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, trước hết là tệ mại dâm, nghiện ma túy và gán liền với nó là hiểm họa nhiễm HIV đang tiếp tục lan tràn, gây bất bình và lo ngại trong nhân dân. Từ đầu năm 1993, Chính phủ đã ra chỉ thị với những biện pháp kiên quyết nhằm ngăn ngừa và đẩy lùi các tệ nạn này, nhưng tình hình chuyển biến còn chậm.

Vì vậy, chính quyền các cấp cần phối hợp với các đoàn thể, các tổ chức xã hội kiểm điểm, phân tích sâu sắc việc vận động chống



các tệ nạn xã hội trong thời gian qua, rút ra những việc làm tốt và những bài học không thành công, tìm hiểu thêm kinh nghiệm của các nước khác để có những biện pháp thiết thực, có hiệu lực, phù hợp với hoàn cảnh của nước ta. Chính phủ sẽ tăng thêm các điều kiện về tổ chức và tài chính cho nhiệm vụ này, song điều quan trọng hàng đầu là các cấp chính quyền địa phương từ tỉnh, thành phố, quận, huyện đến phường, xã phải thi hành đúng chức trách và phải chịu trách nhiệm về tình trạng tệ nạn xã hội trong địa phương mình.

IV- PHÁT HUY THẾ THUẬN LỢI MỚI TRONG HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

Trên cơ sở những thành tựu của công cuộc đổi mới và dựa vào đường lối đối ngoại đúng đắn, những hoạt động ngoại giao tích cực và chủ động trong năm 1993 đã góp phần tạo thêm môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, đồng thời nâng cao vị trí của Việt Nam trên trường quốc tế với tư cách một thành viên tích cực của xu thế hòa bình, ổn định và hợp tác ở khu vực và trên thế giới. Chúng ta đã tiếp tục củng cố và mở rộng hơn nữa quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước láng giềng và các nước trong khu vực Đông Nam Á cũng như châu Á - Thái Bình Dương, thỏa thuận giải quyết các tranh chấp bằng thương lượng hòa bình. Quan hệ hợp tác của nước ta với nhiều nước phát triển trên thế giới được mở rộng, đồng thời quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, các nước trong phong trào không liên kết cũng được tăng cường. Cũng trong năm nay, chúng ta đã khai thông quan hệ với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế, đẩy mạnh quan hệ với Hiệp hội Đông Nam Á (ASEAN) và Cộng đồng châu Âu (EC).



Cho phép tôi, từ diễn đàn này, thay mặt Chính phủ và nhân dân Việt Nam một lần nữa cảm ơn thiện chí, sự hợp tác có hiệu quả và sự giúp đỡ quý báu của tất cả các nước và các tổ chức quốc tế đối với công cuộc đổi mới và phát triển của Việt Nam, gần đây được thể hiện rõ rệt tại Hội nghị tài trợ cho Việt Nam mới họp ở Pari. Nhân dịp này, tôi xin khẳng định lại một lần nữa: Việt Nam luôn luôn chân thành mong muốn làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, phán đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Đối với Chính phủ và nhân dân Mỹ, chúng ta chủ trương khép lại quá khứ, hướng tới tương lai, sẵn sàng thiết lập quan hệ bình thường trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, không có điều kiện tiên quyết. Điều đó không chỉ phù hợp với nhu cầu và lợi ích của nhân dân hai nước mà còn có lợi cho hòa bình, an ninh và ổn định trong khu vực.

Từ thực tiễn phong phú trong quá trình thực hiện đường lối đối ngoại, chúng ta có thể khẳng định:

Ngày nay, trong bối cảnh quốc tế đang có nhiều diễn biến phức tạp, tuy luôn luôn phải đối phó với nhiều thách thức, song với ý chí độc lập tự chủ, tự lực tự cường, kiên định con đường phát triển của đất nước và bản sắc của dân tộc, đồng thời giương cao ngọn cờ hòa bình, hợp tác và phát triển, chúng ta đang có cơ hội tạo lập và phát triển các mối quan hệ về nhiều mặt với mọi quốc gia và các tổ chức quốc tế, không ngừng nâng cao uy tín và vị trí của nước ta trên trường quốc tế, phục vụ tích cực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Những thành tựu trong công cuộc đổi mới và phát triển đất nước cùng với việc mở rộng có hiệu quả quan hệ hợp tác nhiều mặt với bên ngoài luôn luôn là chỗ dựa cho hoạt động đối ngoại của chúng ta.



Hoạt động đổi ngoại trong thời gian tới tiếp tục phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu theo phương hướng cơ bản đó.

V- NÂNG CAO HIỆU LỰC ĐIỀU HÀNH CỦA CHÍNH PHỦ

Trong năm 1993, Chính phủ đã cố gắng tập trung chỉ đạo, điều hành 10 công tác trọng tâm đã đề ra; đi sâu giải quyết trực tiếp một số lĩnh vực công tác cấp bách, làm việc với nhiều địa phương để xác định hướng phát triển và tháo gỡ khó khăn. Những cố gắng đó đã góp phần cùng với nỗ lực rất to lớn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, đưa đến những thành tựu về kinh tế, xã hội trong năm qua.

Tuy vậy, để nâng cao hiệu lực chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, còn rất nhiều việc phải làm.

Chức năng quản lý nhà nước đổi với nền kinh tế thị trường đòi hỏi bộ máy nhà nước trước hết là bộ máy hành chính phải đủ năng lực, trong sạch, thực hiện đúng chức trách theo luật định. Đây là một bộ phận rất quan trọng của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam thật sự của dân, do dân và vì dân.

Tiến trình đổi mới đi vào chiều sâu sẽ khó hơn, phức tạp hơn, đòi hỏi phải kết hợp cải cách thể chế kinh tế và cải cách hành chính, bảo đảm trình tự hợp lý và sự phối hợp giữa các khâu, các mặt của quá trình cải cách như một tổng thể, khắc phục tình trạng không đồng bộ, thiếu phối hợp, thậm chí trái ngược nhau trong chủ trương và chỉ đạo thực hiện như đã từng xảy ra vừa qua.

Hiệu lực điều hành của Chính phủ chỉ được bảo đảm và nâng cao với điều kiện chỉ đạo *tập trung, thống nhất*, khắc phục mọi biểu hiện phân tán, cục bộ, đi đôi với khắc phục *tệ nạn tham nhũng, làm trong sạch bộ máy nhà nước*. Những mặt yếu trong



sự điều hành của Chính phủ cần phải được khắc phục một bước rõ rệt ngay trong năm 1994 để bảo đảm bước tiến mới của công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội.

Trước mắt, phải tập trung và khẩn trương giải quyết một số vấn đề bức xúc dưới đây:

- Yêu cầu cấp bách hiện nay là phải tạo đủ khuôn khổ pháp lý cho mọi hoạt động kinh tế trong cơ chế thị trường; trước hết cần đẩy mạnh việc xây dựng luật pháp, kết hợp việc xây dựng, bổ sung, sửa đổi luật về từng mặt với việc hình thành các bộ luật cơ bản, đặc biệt là luật dân sự, luật kinh doanh. Công việc này đòi hỏi phải huy động một lực lượng chuyên gia tập trung nghiên cứu, soạn thảo để hoàn thành được chương trình xây dựng luật theo thời gian quy định. Đề nghị Quốc hội cũng tăng thêm thời gian cho hoạt động lập pháp theo kịp yêu cầu của việc cải cách thể chế kinh tế. Chính phủ cũng xây dựng quy chế bảo đảm việc ban hành kịp thời, thống nhất các văn bản pháp quy thi hành luật và coi việc nâng cao hiệu lực thi hành pháp luật là một yêu cầu quan trọng trong chương trình cải cách hành chính. Công cụ pháp luật đi liền với công cụ tài chính - tiền tệ và công cụ kế hoạch hóa cần được sử dụng đồng bộ để quản lý nền kinh tế thị trường ở tầm vĩ mô.

- Phân định thẩm quyền hành chính của các cấp, trước hết là quyền lập quy, theo hướng bảo đảm sự tập trung, thống nhất về chính sách, tăng cường kỷ luật chấp hành các quyết định của Chính phủ, khắc phục tình trạng phân tán, tùy tiện, vô kỷ luật, tình trạng bộ, ngành hoặc ủy ban nhân dân địa phương ban hành văn bản trái với quyết định của Chính phủ.

Trong năm 1994, cần có kế hoạch xúc tiến việc xóa bỏ chức năng chủ quản của cơ quan hành chính đối với các doanh nghiệp.



Trên cơ sở đó, thu gọn các bộ và cơ quan thuộc Chính phủ và bộ máy hành chính các cấp địa phương, coi đây là một biện pháp rất quan trọng, không chỉ nhằm giảm bớt tình trạng bộ máy cồng kềnh, quan liêu, mà còn khắc phục tính cục bộ của ngành và địa phương trong hệ thống quản lý nhà nước.

- Hiện nay, thủ tục hành chính quá rườm rà, phiền phức đang nuôi dưỡng tệ cửa quyền, sách nhiễu, tham nhũng của không ít cán bộ, nhân viên có chức trách giải quyết các việc mà nhân dân cần đăng ký hoặc xin phép chính quyền và gây trở ngại, khó khăn trong quan hệ công tác giữa các cơ quan. Tình trạng đó gây khó khăn, tổn kém cho nhân dân, tạo ra *bất bình lớn* trong xã hội. Trong năm 1994, Chính phủ sẽ tiến hành việc cải cách thủ tục hành chính theo nguyên tắc vừa thuận tiện cho dân, vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, tập trung trước hết ở những lĩnh vực đang có nhiều tiêu cực, đang gây phiền hà cho nhiều người, đang cản trở hoạt động kinh doanh. Công việc này phải tiến hành có kế hoạch, được chỉ đạo, kiểm tra chặt chẽ, huy động được các đoàn thể và nhân dân cùng tham gia, đặc biệt là trong việc góp ý kiến về sửa đổi và chấp hành các thủ tục hành chính. Đồng thời, cần ban hành sớm luật hành chính làm cơ sở cho việc xây dựng chế độ công vụ, quy chế công chức và xúc tiến việc thành lập cơ quan tài phán hành chính để giải quyết các khiếu nại của dân đối với cơ quan và viên chức hành chính.

- Một nhiệm vụ hết sức quan trọng là xúc tiến việc đào tạo và đào tạo lại đội ngũ công chức, từng bước tiêu chuẩn hóa các chức danh hành chính và sửa đổi quy chế tuyển dụng, bổ nhiệm công chức. Công việc này cần tiến hành có kế hoạch để sau một thời gian nhất định, hình thành được đội ngũ công chức hành chính đủ trình độ đảm nhiệm công việc, trước hết là những công chức



thuộc các chức danh chủ chốt ở các cơ quan hành chính Trung ương và cấp tỉnh, thành phố.

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Dân tộc ta, nhân dân ta vốn có truyền thống quật cường, đã nhiều lần tỏ rõ bản lĩnh vượt qua những thử thách hết sức hiểm nghèo để tồn tại và phát triển, tạo ra những bước ngoặt lịch sử.

Ngày nay, ở thời điểm mà cơ hội và thách thức đối với vận nước đều lớn, Chính phủ đặt niềm tin vào lòng yêu nước, ý chí tự lực tự cường, trí thông minh, sáng tạo và đức tính cần cù lao động của dân tộc và con người Việt Nam.

Cùng với Quốc hội và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chính phủ sẽ làm hết sức mình để tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài, tạo môi trường và tạo điều kiện cho mọi người đem hết khả năng cống hiến, làm giàu cho mình và cho đất nước, chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho dân tộc ta bước vào thế kỷ XXI, đưa nước ta sớm thoát khỏi tình trạng một nước nghèo, kém phát triển.

Với sự đồng lòng, chung sức của toàn dân đi theo đường lối của Đảng, chúng ta dứt khoát không để lỡ thời cơ, ra sức thực hiện những nhiệm vụ mà Quốc hội đề ra cho năm 1994, mở đầu một thời kỳ mới của sự phát triển kinh tế - xã hội trên đất nước ta.

Xin cảm ơn.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

Văn kiện Quốc hội toàn tập, Sđd, t.8, q.1, tr.942-974.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 31/TB, ngày 11 tháng 3 năm 1994

**Kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt về một số
vấn đề kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh
trong hai năm 1993 - 1994, ngày 14/02/1994**

Ngày 14/02/1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh, Thủ tướng Võ Văn Kiệt và Phó Thủ tướng Phan Văn Khải đã làm việc với Thành ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tình hình kinh tế - xã hội năm 1993 và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 1994 - 1995. Ngày 02/3/1994, tại Hà Nội, Phó Thủ tướng Phan Văn Khải đã nghe đại diện Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo về kết quả các cuộc thảo luận của Thành phố với các bộ, ngành Trung ương và xem xét xử lý một số kiến nghị của Thành phố. Căn cứ kết quả các cuộc họp nói trên, Thủ tướng Chính phủ kết luận một số vấn đề sau đây:

I- VỀ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH NĂM 1993

1. Chính phủ nhất trí với đánh giá về những mặt được đã nêu trong báo cáo của Ủy ban nhân dân Thành phố: Thành phố đã biết phát huy lợi thế của mình là một trung tâm kinh tế - văn hóa - khoa học - kỹ thuật lớn nhất trong vùng và của cả nước; tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao; đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện; nông thôn có tiến bộ và chuyển biến rõ nét;



Tết Giáp Tuất vừa qua diễn ra trong không khí vui tươi, lành mạnh. Những kết quả đạt được là rất quan trọng, thể hiện sự quan tâm của Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng để xây dựng Thành phố lớn mạnh.

2. Để chuẩn bị tốt hơn cho Hội nghị đại biểu Đảng bộ Thành phố giữa nhiệm kỳ và đưa Thành phố bước sang giai đoạn phát triển mới, lãnh đạo Thành phố cần đánh giá đúng những tồn tại, thiếu sót để có biện pháp khắc phục, vươn lên; trong đó cần lưu ý các điểm sau:

- Cơ sở hạ tầng của Thành phố còn yếu kém, lạc hậu.
- Công nghệ và thiết bị cần nhanh chóng đổi mới để đủ sức cạnh tranh chiếm lĩnh thị trường trong nước và từng bước vươn mạnh ra thị trường thế giới, nếu không sẽ tụt hậu.
- Tổ chức lưu thông hàng hóa ở Thành phố chưa tương xứng với tầm cỡ là trung tâm khu vực. Năm 1993, Thành phố chiếm hơn 50% tổng mức lưu chuyển hàng hóa của cả nước là một cỗ găng lớn, nhưng chưa phải đã hết khả năng, nhất là trước yêu cầu phải vươn lên chiếm lĩnh những mặt hàng chiến lược, kỹ thuật cao. Từ khi chuyển sang cơ chế mới, việc tổ chức lại thương nghiệp quốc doanh và sử dụng thương nghiệp tư nhân chưa tốt.

Tệ nạn xã hội đang là vấn đề tồn tại lớn, sẽ cản trở bước đi lên của chúng ta: hiện nay cả nước và Thành phố đang rất lo lắng, cần có kế hoạch và biện pháp kiên quyết khắc phục.

- Tổ chức quy hoạch của Thành phố rất chậm và còn nhiều mặt yếu kém. Hiện nay ngày càng có nhiều tổ chức nước ngoài đầu tư vào Thành phố, nhưng quy hoạch các khu công nghiệp chưa rõ, chưa cụ thể, cần phải quy hoạch thật chi tiết để nước ngoài vào đầu tư không bị động. Trong quy hoạch phải chú ý



đúng mức hơn đến các khu công nghiệp - thương mại nhỏ ngoại thành để mở rộng không gian công nghiệp hóa, tránh tập trung vào nội thành vừa gây ách tắc giao thông, vừa gây ô nhiễm.

- Thành phố phải thực hiện tốt vai trò quản lý nhà nước trên địa bàn nhằm tạo được sự gắn bó giữa các doanh nghiệp trung ương trên địa bàn thành phố với các doanh nghiệp địa phương, các thành phần kinh tế trong một cơ cấu kinh tế thống nhất. Trong thời gian qua Thành phố làm chưa tốt nhiệm vụ này.

- Sự lãnh đạo, quản lý của bộ máy chính quyền và đào tạo cán bộ còn yếu, Thành phố cần xem xét, chấn chỉnh để đáp ứng kịp thời với tình hình mới.

II- VỀ NHỮNG KIẾN NGHỊ CỦA THÀNH PHỐ

1. Về ngân sách năm 1994

Đây là vấn đề lớn, quan trọng, Quốc hội khóa IX Kỳ họp thứ 4 đã thông qua. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các Quyết định số 60, 61 và 62/TTg ngày 08/02/1994 giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho các tỉnh, thành phố và đề ra các chủ trương, biện pháp điều hành kế hoạch năm 1994. Đề nghị lãnh đạo Thành phố căn cứ vào đó triển khai thực hiện.

Nguồn thu ở Thành phố còn rất lớn, nhưng thất thu và nợ đọng thuế còn nhiều (thất thu trong doanh nghiệp nhà nước, trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trong kinh tế ngoài quốc doanh..., thất thu do thiếu chính sách, do chấp hành chính sách chưa nghiêm, do cán bộ thuế yếu kém, do sự phối hợp chỉ đạo giữa Thành phố và Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan chưa tốt...). Thành phố cần phối hợp với các cơ quan trung ương có liên quan chỉ đạo quyết liệt việc thu thuế, cải tiến bộ máy thu thuế; sử dụng sức mạnh tổng hợp của Mặt trận, đoàn thể, các cấp



chính quyền trong công tác thu thuế, bàn bạc với từng hộ kinh doanh về mức thuế. Phải nghiêm trị các hành vi trốn lậu thuế, xâm tiêu tiền thuế và không chấp hành đúng các luật thuế.

Thành phố phải có kế hoạch cụ thể về thực hành tiết kiệm: tiết kiệm khoản gì, ở lĩnh vực nào, đơn vị nào trong bộ máy chính quyền, trong doanh nghiệp nhà nước... cần xác định địa chỉ thật cụ thể. Ủy ban nhân dân Thành phố cần xem xét và có kỷ luật nghiêm đối với một số giám đốc doanh nghiệp nhà nước tiêu xài quỹ công lãng phí, không đúng chế độ, chính sách. Hiện nay, lãng phí và tham nhũng trong xây dựng cơ bản rất lớn cần phải có cơ chế, chính sách mới để giải quyết một cách có hiệu quả.

2. Về cơ chế, chính sách Chính phủ đã bàn và đang cụ thể hóa bằng các văn bản pháp quy về xây dựng cơ bản, xuất nhập khẩu, hợp tác đầu tư nước ngoài, khuyến khích đầu tư trong nước, nhà đất, giá điện.

Một số vấn đề cụ thể:

a) Việc thu lệ phí và phát hành trái phiếu để xây dựng cơ sở hạ tầng, về chủ trương, Chính phủ ủng hộ, nhưng phải theo nguyên tắc; chỉ có Chính phủ mới được phát hành trái phiếu và phải bảo đảm thu hồi được vốn để trả nợ cho dân. Vì vậy không thể làm tràn lan, mà phải tính toán và xét duyệt chặt chẽ đối với từng công trình cụ thể.

Việc phát hành trái phiếu để mở rộng và nâng cấp đường Nguyễn Tất Thành, giao Bộ Tài chính ban hành quy chế và chỉ đạo Thành phố thực hiện; Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Xây dựng thỏa thuận để Thành phố xét duyệt luận chứng kinh tế - kỹ thuật theo đúng các quy định hiện hành.

b) Việc dùng quỹ đất để xây dựng cơ sở hạ tầng cần phải có phương án cụ thể, ngoài công thức như đã làm đường Bắc Nhà Bè, Thành phố cần nghiên cứu cách làm tốt hơn.



Để thực hiện việc cấp đất cho các xí nghiệp đã có quyết định thành lập, Thành phố cần quy hoạch cụ thể từng khu vực theo các mục tiêu sử dụng khác nhau. Việc giao đất phải theo đúng thủ tục quy định của Luật đất đai, không được tùy tiện sửa đổi.

c) Không tiến hành hóa giá nhà như Thành phố đã làm trước đây, mà phải chuyển sang kinh doanh nhà ở (mua, bán, cho thuê...). Sau khi Mỹ bỏ cấm vận, vấn đề nhà đất ở Thành phố rất phức tạp, đây là vấn đề thuộc chính sách của Chính phủ, Bộ Xây dựng cùng Thành phố nghiên cứu kỹ các đối sách và sớm kiến nghị với Chính phủ để có chủ trương thống nhất trên toàn quốc. Thành phố không được quyền tự xử lý bất cứ trường hợp nào khi chưa có chủ trương của Chính phủ.

d) Chính phủ sẽ ban hành Nghị định về quản lý xuất nhập khẩu thay thế Nghị định số 114, quy định rõ các mặt hàng cấm, mặt hàng hạn chế, mặt hàng quản lý theo định hướng kế hoạch... Việc xuất khẩu gạo sẽ được tổ chức lại theo tinh thần không hạn chế đầu mối, nhưng các tổ chức xuất khẩu phải đáp ứng các điều kiện về vốn, thị trường, giá cả để vừa chống độc quyền, vừa khắc phục tình trạng cạnh tranh, chèn ép lẫn nhau trước khách hàng bên ngoài, làm giảm hiệu quả xuất khẩu.

Thành phố cần có các biện pháp cùng các ngành trung ương tăng cường công tác chống buôn lậu...

e) Việc tổ chức quản lý các xí nghiệp nước ngoài, các khu chế xuất, các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài... lâu nay địa phương vẫn có trách nhiệm quản lý trên lãnh thổ theo pháp luật, nhưng trong chỉ đạo thực tế, Thành phố thực hiện chưa tốt, còn nhiều tồn tại lớn. Thành phố cần cùng Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư và các ngành liên quan (tài chính, ngân hàng...) tiếp tục nghiên cứu, đổi mới tổ chức quản lý để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về lĩnh vực này.



g) Đề nghị của Thành phố về bỏ việc tính tiền điện giá cao đối với các ngành sản xuất là hợp lý, nhưng chưa thể thực hiện ngay. Khi có nguồn điện từ đường dây 500 kV sẽ xử lý vấn đề giá điện theo hướng đó và không áp dụng hình thức phạt khi sử dụng, vượt định mức, vì dễ sinh ra tiêu cực. Năm 1994, để xử lý lỗ của ngành điện, biện pháp quan trọng nhất là tăng cường quản lý sử dụng điện, chống mất mát, lãng phí.

h) Hiện nay dân chưa yên tâm bỏ vốn đầu tư (nhiều ý kiến cho rằng nước ngoài đầu tư vào thì được miễn thuế, còn nhân dân đầu tư nhập thiết bị máy móc thì phải đóng thuế), sợ thanh tra, kiểm tra... Tóm lại chưa có một số chính sách bảo hộ, khuyến khích sản xuất đủ mức làm an tâm người đầu tư. Đề nghị Thành phố quan tâm đóng góp ý kiến vào dự luật khuyến khích đầu tư trong nước sắp tới sẽ trình Quốc hội.

3. Về xử lý nợ

a) Tổng thanh toán nợ giai đoạn II là công việc rất phức tạp, nhưng phải được giải quyết khẩn trương. Thành phố cần chấn chỉnh Ban thanh toán nợ của mình, bổ sung các cán bộ có năng lực, phối hợp với Ban Chỉ đạo tổng thanh toán nợ Trung ương đổi chiều phân loại rõ các loại nợ để có biện pháp xử lý thích hợp; phải quy rõ trách nhiệm của từng ngành, từng cấp, từng đơn vị và cá nhân để xử lý nghiêm cả về hành chính và pháp luật.

b) Đối với số nợ ngoại tệ của IMEXCO, năm 1983 do vay để nhập hàng hóa phân phổi theo kế hoạch của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho các đơn vị kinh tế trung ương, và địa phương trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, năm 1993 Thủ tướng Chính phủ đã có chủ trương hỗ trợ công ty giải quyết một phần khó khăn về tài chính, trong đó có việc để lại số thu vượt kế hoạch cho Thành phố để trả nợ. Giao Bộ Tài chính và



Ủy ban Kế hoạch Nhà nước phối hợp với Ủy ban nhân dân Thành phố lập kế hoạch trả nợ trong từng thời kỳ cụ thể và tiếp tục tạo nguồn kẽm cá để lại một phần số thu vượt kế hoạch năm 1994 trên địa bàn Thành phố để hỗ trợ đơn vị trả nợ.

c) Đối với khoản Nhà nước vay dân trong hai cuộc kháng chiến: Nhà nước biết ơn và tuyên dương công trạng của tất cả những người đã đóng góp xương máu và tiền của cho kháng chiến giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, Thành phố cần xem xét từng trường hợp cụ thể và trích ngân sách hỗ trợ để các gia đình này giảm bớt một phần khó khăn trong cuộc sống

4. Về chính sách thuế

Các ý kiến đề xuất của Thành phố về thuế đối với các phương tiện giao thông công cộng nội thị, thuế nhà đất, lệ phí trước bạ, thuế chuyển quyền sử dụng đất là hợp lý. Bộ Tài chính đang tập hợp ý kiến của các ngành, các địa phương trình Chính phủ và Quốc hội sửa đổi, bổ sung.

Riêng đối với hoạt động giao thông công cộng nội thị, Bộ Tài chính cần bàn với Bộ Giao thông vận tải và Thành phố xem xét kỹ để có chính sách hỗ trợ tài chính thích hợp. Trên cơ sở tích cực mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống các phương tiện giao thông công cộng, Thành phố cần xem xét và có biện pháp hạn chế hoặc cấm lưu thông xe đạp, xe xích lô, xe thô sơ và tiến tới hạn chế tất cả các loại xe máy trên các tuyến đường chính, làm cho Thành phố từng bước phát triển theo hướng văn minh, hiện đại.

5. Về văn hóa - xã hội

Đề nghị Thành phố làm việc thêm với các bộ, ngành chức năng của Trung ương để thống nhất các biện pháp giải quyết các vấn đề về giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, lao động...



Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình của Thành phố hiện nay còn yếu, nên kết quả còn hạn chế. Thời gian tới Thành phố cần quan tâm củng cố tổ chức chuyên lo vấn đề này đủ mạnh và tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành phố để thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, giảm nhanh tỷ lệ sinh đẻ. Trung ương đã có chương trình riêng về việc này, Thành phố cần phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Dân số và Kế hoạch hóa gia đình để thực hiện tốt nhiệm vụ này.

6. Về việc thành lập các tập đoàn doanh nghiệp nhà nước, Chính phủ đã có chủ trương cho làm thử. Giao Ủy ban Kế hoạch chủ trì cùng Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ cử ngay đoàn cán bộ cấp vụ am hiểu vấn đề vào giúp Thành phố thẩm định đề án thành lập “Tập đoàn đầu tư - tài chính” để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Việc thành lập Công ty Kiểm toán độc lập: Chính phủ đã có quy chế, Thành phố có thể triển khai sớm.

Để đáp ứng tốt hơn nhu cầu tăng nhanh của nhân dân Thành phố về các dịch vụ thông tin, bưu điện, Thành phố cần khẩn trương nghiên cứu, tìm những người có kiến thức, kinh nghiệm, biết làm ăn, tự huy động vốn (trước hết trong quốc doanh, có sự hợp tác với bên ngoài) tổ chức một Công ty dịch vụ Bưu điện trên địa bàn, ngoài hệ thống bưu điện hiện có. Thành phố và Tổng cục Bưu điện cần coi đây là mô hình thí điểm, phải có sự phối hợp chặt chẽ để chỉ đạo tổ chức này hoạt động đúng luật pháp và đạt hiệu quả cao.

Ủy ban nhân dân Thành phố cần trực tiếp xử lý tình trạng cạnh tranh không lành mạnh giữa hai tổ chức taxi hiện nay, không được để tổ chức taxi sân bay độc quyền, không cho tổ chức taxi ngoài vào sân bay đưa, đón khách.



7. Về quy chế làm việc

Thủ tướng Chính phủ sẽ có quy chế chặt chẽ về vấn đề này, quy định rõ chế độ báo cáo để các địa phương báo cáo cho Thủ tướng Chính phủ; quy định nội dung báo cáo, chế độ báo cáo... Chủ tịch tỉnh, thành phố không thực hiện đúng chế độ báo cáo sẽ bị phê bình. Văn phòng Chính phủ thông báo để Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các bộ, ngành trung ương có liên quan biết và thực hiện. Ngược lại, các bộ, ngành ở Trung ương phải trả lời cho các tỉnh, thành phố đúng thời gian quy định. Văn phòng Chính phủ thông báo đúng thời gian quy định.

K/T BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
PHÓ CHỦ NHIỆM

Vũ Đình Thuần

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 1945.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 34/TB, ngày 15 tháng 3 năm 1994

Kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ngày 15/02/1994

Ngày 15/02/1994, Thủ tướng Võ Văn Kiệt và Phó Thủ tướng Phan Văn Khải đã làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về tình hình kinh tế - xã hội trong 3 năm (1991 - 1993) và những chủ trương, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong những năm tới. Cùng dự có đồng chí Trần Xuân Giá, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và một số đồng chí chuyên viên Văn phòng Chính phủ. Sau khi nghe báo cáo của đồng chí Nguyễn Thiết Hùng, Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, ý kiến của đồng chí Trần Xuân Giá, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và ý kiến của Phó Thủ tướng Phan Văn Khải, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã kết luận như sau:

1. Về vấn đề tạo vốn đầu tư: Ngoài việc Khánh Hòa tự huy động vốn trong tỉnh, nên có các biện pháp thu hút kỹ thuật và các nguồn vốn của nước ngoài, của các đơn vị thuộc các ngành trung ương, và của tỉnh khác, đặc biệt là các tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên (kể cả của dân, của doanh nghiệp...). Trung ương sẽ bố trí vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước ưu tiên cho các ngành chế biến nông - lâm - hải sản. Tỉnh bàn với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển về biện pháp huy động vốn để đầu tư xây dựng khách



sạn theo lãi suất thị trường. Những công trình lớn về hạ tầng như cảng, đường sá, công trình thủy lợi... Trung ương sẽ bố trí vốn đầu tư trong kế hoạch hằng năm để tập trung làm dứt điểm.

2. Khánh Hòa có điều kiện tốt nhất so với các tỉnh trong vùng và rất hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Cơ cấu kinh tế của Khánh Hòa cũng khá hoàn chỉnh: công nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ trọng cao trong GDP, nông nghiệp chỉ chiếm 15%, nhưng cũng có khả năng phát triển nhanh. Do đó, tỉnh cần phải tính lại tốc độ tăng trưởng kinh tế của mình trong những năm tới cho phù hợp hơn, đi nhanh hơn các tỉnh khác trong vùng.

3. Tỉnh cần tiếp tục xác định rõ định hướng phát triển kinh tế - xã hội tới năm 2000, gắn kinh tế địa phương với kinh tế trung ương, gắn kinh tế với quốc phòng. Khánh Hòa có vùng Vân Phong, Hòn Gốm, Cam Ranh với cảng nước sâu thuận lợi cho việc xây dựng nhà máy lọc dầu, hóa dầu và sản xuất khí. Sắp tới nếu tính cả công nghiệp Trung ương, thì công nghiệp trên địa bàn Khánh Hòa sẽ rất lớn, do đó tỉnh Khánh Hòa có vị trí rất quan trọng trong vùng. Có thể xây dựng cảng Cam Ranh II (từ cảng Ba Ngòi cũ) để sử dụng có hiệu quả vào phục vụ phát triển kinh tế, kể cả làm dịch vụ cho tàu nước ngoài để thu ngoại tệ.

Khánh Hòa có nhiều cát chất lượng tốt có thể làm công nghiệp thủy tinh lớn. Khánh Hòa có khả năng khai thác đá để phục vụ xây dựng và làm đường trong tỉnh và cung cấp cho các tỉnh khác. Nha Trang có thể phát triển cả dịch vụ du lịch và dịch vụ thể thao, nhưng cần phải có quy hoạch trước.

4. Về kế hoạch và ngân sách: Để triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội khóa IX Kỳ họp thứ 4 về kế hoạch và ngân sách năm 1994, Thủ tướng Chính phủ đã có các Quyết định số 60, 61 và 62/TTg ngày 08/02/1994. Tỉnh cần tổ chức thực hiện tốt các



Quyết định đó và các văn bản hướng dẫn của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Tài chính.

Về cơ chế khoán ngân sách do tỉnh đề nghị: Giao Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ cùng Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa tính toán kỹ định hướng phát triển kinh tế - xã hội, khả năng thu và nhu cầu chi của Nhà nước (cả Trung ương và địa phương) trên địa bàn Khánh Hòa cho đến năm 2000, từ đó đề ra cơ chế, chính sách và xem xét có thể cho tỉnh Khánh Hòa thực hiện thí điểm khoán thu, khoán chi ngân sách trong một số năm. Tỉnh phải tìm mọi cách huy động nguồn thu ở địa phương để trang trải chi theo quy hoạch, kế hoạch và chương trình mục tiêu đã định, quản lý vốn chặt chẽ, chống lãng phí, nhất là trong đầu tư xây dựng cơ bản.

Văn phòng Chính phủ xin thông báo để Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa và các ngành hữu quan ở Trung ương biết, thực hiện.

K/T BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
PHÓ CHỦ NHIỆM

Vũ Đình Thuần

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Văn phòng Chính phủ, hồ sơ số 9630.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 42/TB, ngày 23 tháng 3 năm 1994

Ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Hà Giang ngày 21/3/1994

Ngày 21/3/1994 tại Hà Nội, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã làm việc với lãnh đạo Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang để góp ý kiến về một số vấn đề kinh tế - xã hội chuẩn bị Đại hội giữa nhiệm kỳ của tỉnh. Cùng dự có Phó Thủ tướng Nguyễn Khánh, đồng chí Đồng Sĩ Nguyên đặc phái viên của Thủ tướng về Chương trình 327, các đồng chí lãnh đạo Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Dân tộc và Miền núi, Ủy ban Thanh niên Việt Nam, các bộ: Tài chính, Giao thông vận tải, Năng lượng, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa - Thông tin, Thủy lợi.

Sau khi nghe đồng chí Hoàng Thừa, Bí thư Tỉnh ủy và đồng chí Giàng Văn Quẩy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo xin ý kiến một số vấn đề về kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang để chuẩn bị họp Đại hội tỉnh Đảng bộ giữa nhiệm kỳ và ý kiến tham gia của các bộ, ngành có liên quan, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã phát biểu ý kiến hoan nghênh Hà Giang đã có tiến bộ bước đầu trong việc thực hiện chủ trương phát triển kinh tế - xã hội miền núi thể hiện trong việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng, bảo vệ rừng, gắn với định canh, định cư, văn hóa, giáo dục, y tế... tỉnh cần báo cáo Đại hội rõ về sự đổi mới này để khẳng định bước



tiến bộ vừa qua, nêu cao tin tưởng và phấn khởi thực hiện nhiệm vụ trong các năm tới.

Về một số vấn đề cụ thể do tỉnh đề ra, Thủ tướng có ý kiến như sau:

1. Về chuyển đổi cơ cấu kinh tế: hướng chung là tinh cần hình thành cơ cấu nông - lâm - công nghiệp để tạo ra nền kinh tế hàng hóa, trên cơ sở đó, cải thiện đời sống nhân dân. Tuy vậy, đây là một quá trình, cần phấn đấu thực hiện trong nhiều năm. Đổi với vùng cao, núi đá vôi, cần trồng các loại cây phù hợp như ngô, cây dược liệu (đỗ trọng, huyền sâm...) kết hợp với chăn nuôi trâu, bò, dê và khoanh nuôi bảo vệ rừng. Đổi với vùng núi đất có ruộng bậc thang, cần thảm canh lúa có năng suất cao, phát triển trồng chè, cây công nghiệp, trồng rừng cây lấy gỗ và nguyên liệu giấy. Đổi với vùng thấp, cần thảm canh lúa, trồng cây công nghiệp, cây ăn quả kết hợp chăn nuôi đa dạng.

Tỉnh cần phát triển công nghiệp chế biến từ nguồn nguyên liệu của tỉnh. Đây là hướng quan trọng để công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Đổi với công nghiệp chế biến gỗ, vừa phải đảm bảo giữ cho được vốn rừng, vừa phục vụ được nhu cầu tiêu dùng gỗ. Đổi với công nghiệp chè, tỉnh cần gọi vốn liên doanh của các tỉnh khác để chế biến xuất khẩu. Hà Giang có nhiều cây dược liệu và cây ăn quả quý nhưng chế biến còn kém, Bộ Y tế, Bộ Công nghiệp nhẹ, Bộ Thương mại cần có kế hoạch giúp tỉnh tổ chức chế biến các loại dược liệu, các loại cây có dầu, cây ăn quả... và tổ chức tiêu thụ cho tỉnh; sớm giúp tỉnh có một cơ sở chế biến mì ăn liền phục vụ đồng bào miền núi.

2. Về xây dựng cơ sở hạ tầng, đổi với đường giao thông, trước mắt, Bộ Giao thông vận tải phối hợp với tỉnh thực hiện tốt việc



bảo dưỡng, sửa chữa nâng cấp, không để đường 4C và 177 xuống cấp, rải nhựa 14 km đường số 2 đoạn Tuyên Quang - Hà Giang. Đổi với đường dân sinh từ huyện xuống các xã, bản, cần vận động nhân dân tự làm. Nhà nước hỗ trợ vật tư làm cầu, cống và thuốc nổ, lương thực để mở tuyến. Tỉnh cần làm việc với Bộ Giao thông vận tải và các ngành liên quan để giải quyết cụ thể. Riêng đối với cầu Nà La, tỉnh bàn với phía Trung Quốc cùng làm.

Về điện, Bộ Năng lượng chuẩn bị vật tư thiết bị cần thiết để triển khai xây dựng sớm đưa điện lưới quốc gia đến Hà Giang. Đồng thời Bộ Năng lượng giúp tỉnh quy hoạch về xây dựng nhiều điểm thủy điện nhỏ, cực nhỏ ở những nơi có điều kiện, phấn đấu trong một số năm, đưa điện về phần lớn các hộ dân trong tỉnh.

3. Về bảo vệ rừng gắn với định canh, định cư, Ủy ban Dân tộc và Miền núi và Bộ Lâm nghiệp giúp tỉnh xây dựng kế hoạch để từ nay đến hết năm 1995, phải thực hiện định canh, định cư cho 522 hộ gia đình còn đang du canh, du cư và trên 2.300 hộ gia đình đã định cư nhưng còn du canh; thực hiện định cư, định canh gắn liền với giao đất giao rừng cho dân bảo vệ theo chính sách khoán. Cần sớm giao 200.000 ha rừng cho dân chăm sóc.

Bộ Lâm nghiệp cùng Ủy ban nhân dân tỉnh bàn và báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc giao 3 lâm trường hiện còn do Trung ương quản lý về cho tỉnh quản lý nhằm kinh doanh đạt hiệu quả cao hơn.

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cần giúp tỉnh lập quy hoạch bố trí lại dân cư, từng bước chuyển số dân vùng cao xuống vùng thấp, nơi có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, gỡ dân cảnh đói nghèo của đồng bào.



4. Về các mặt giáo dục, y tế, văn hóa - thông tin và các vấn đề xã hội

a) Về giáo dục, tinh cần có kế hoạch cụ thể để dần từng bước ngói hóa các trường lớp ở thôn, bản, có kế hoạch xóa dần các trường tranh, tre, nứa, lá; tích cực nhân rộng hình thức trường dân lập như đã làm ở Hoàng Su Phì, Sí Mân (dân tự tổ chức lớp học theo từng thôn, bản, tự chọn giáo viên, tự đóng góp nuôi giáo viên và tự làm trường học). Bộ Giáo dục và Đào tạo bàn với tinh giải quyết tình trạng xuống cấp trường, lớp và sớm trình Chính phủ các chính sách cần thiết để khắc phục tình trạng thiếu giáo viên ở vùng cao, vùng sâu. Nghiên cứu cải tiến nội dung sách giáo khoa phù hợp với trình độ học sinh miền núi để các em dễ học và ham học (như sách giáo khoa có nhiều hình vẽ). Đối với trường dân tộc nội trú phải duy trì, nâng cao chất lượng giảng dạy, đảm bảo mức ăn 100.000 đồng một tháng cho mỗi học sinh. Chú trọng tổ chức nhiều lớp học cho người lớn tuổi ở các thôn, bản, xác định thời gian để xóa mù chữ cho cán bộ xã và cán bộ thôn, bản.

b) Về y tế: Bộ Y tế cần phối hợp với tinh tăng cường mạng lưới y tế xã, có kế hoạch sớm xóa xã tráng về y tế. Tăng cường các đội y tế lưu động xuống các thôn, bản, tặng thêm trang thiết bị và cung cấp đủ thuốc chữa bệnh cho các trạm y tế xã. Chú ý phòng các dịch bệnh và phát hiện kịp thời để điều trị. Bộ Y tế cần đưa cán bộ xuống cùng tinh chỉ đạo thực hiện các chương trình y tế, tổ chức từng đội xuống các xã, bản có dịch bệnh, nhất là bệnh sốt rét và bướu cổ để khám và điều trị tại chỗ cho đồng bào. Đặc biệt chú ý tuyên truyền hướng dẫn đồng bào thực hiện ăn, ở vệ sinh, sửa đổi tập quán dân tộc lạc hậu. Đảng viên, đoàn viên phải là người đi đầu trong việc đổi mới này.



Bộ Thủy lợi phải cùng với tỉnh khẩn trương nghiên cứu giải quyết nguồn nước ăn và nước sản xuất cho đồng bào. Ở vùng núi cao, cần xây dựng bể chứa nước và cung cấp túi nilon dự trữ nước ăn cho đồng bào.

Hiện nay tỷ lệ tăng dân số của tỉnh còn cao (3,3 - 3,4%), Bộ Y tế phải phối hợp với tỉnh tuyên truyền hướng dẫn các biện pháp tránh thai để đến năm 1995 hạ tỷ lệ tăng dân xuống theo mục tiêu của tỉnh (chú ý biện pháp đình sản nam). Riêng đối với đồng bào dân tộc ít người mà đang có nguy cơ giảm sút, như Lô Lô, Pu Péo, Pú Y, Phù Lá, cần có kế hoạch hỗ trợ về đời sống, bảo vệ sức khỏe cho đồng bào, khuyến khích sinh đẻ, hướng dẫn cách nuôi con hợp vệ sinh để duy trì và phát triển đồng bào các dân tộc ít người này.

c) Về văn hóa - thông tin: Bộ Văn hóa - Thông tin cần giúp tỉnh tổ chức thêm các đội thông tin lưu động, trang bị thiết bị, phương tiện để tăng cường hoạt động có hiệu quả, nhất là ở các chợ phiên, đi vào các thôn bản vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa. Chú ý sản xuất thêm các chương trình phim ảnh, băng nhạc tại chỗ bằng tiếng dân tộc để phục vụ đồng bào. Bộ Văn hóa - Thông tin cần nghiên cứu đề xuất các chính sách để trình Chính phủ giải quyết bảo đảm mở rộng các hoạt động nói trên.

d) Tệ nạn nghiện hút thuốc phiện đang còn rất nghiêm trọng trong đồng bào các dân tộc Hà Giang; vì vậy, đi đôi với việc vận động bỏ trồng cây thuốc phiện, phải tổ chức cai nghiện cho đồng bào bằng nhiều biện pháp có hiệu quả, phù hợp với đồng bào, như vận động tự giác, tổ chức cai nghiện bắt buộc...

e) Về công tác chống tham nhũng, buôn lậu và thực hành tiết kiệm, Bộ Tài chính cần gấp rút cải cách hệ thống hạch toán,



kế toán, bảo đảm ghi chép, hạch toán đúng đắn, kiểm tra thu chi tài chính thật cụ thể, thực hiện tài chính công khai ở các cơ quan, đơn vị; có kế hoạch cụ thể chống tham nhũng, buôn lậu. Đồng thời, cần chấm dứt tình trạng lo lót, hối lộ, xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm. Đi đôi với việc chống tham nhũng, chống buôn lậu, cần thực hành triệt để tiết kiệm, khắc phục tình trạng ăn uống, tiếp khách lãng phí.

g) Về an ninh biên giới: đồng ý để tỉnh làm đường giao thông ra các cửa khẩu thuộc địa phương nối với Trung Quốc, nhưng phải hết sức cảnh giác, theo dõi chặt chẽ các hoạt động của phía Trung Quốc, đảm bảo chủ quyền lãnh thổ, không để phía họ lấn sang đất ta. Trước tình hình người Trung Quốc sang Việt Nam du lịch qua các cửa khẩu Hà Giang ngày một tăng, Ủy ban nhân dân tỉnh cần chủ động bàn với Bộ Tư lệnh Biên phòng, Tổng cục Hải quan và các cơ quan liên quan để đề xuất các quy định cụ thể. Trường hợp người Trung Quốc đi du lịch trong địa bàn tỉnh Hà Giang thì tỉnh có thể giải quyết cho vào nhưng phải quy định rõ địa điểm đến, không đi tràn lan. Đối với các loại hàng hóa xuất nhập khẩu, chuyển khẩu, quá cảnh, v.v. tỉnh phải làm việc cụ thể với Bộ Thương mại, Tổng cục Hải quan và các ngành có liên quan để giải quyết theo quy định hiện hành. Chú ý công tác an ninh biên giới, vận động đồng bào các dân tộc, ngăn chặn hoạt động của bọn phản động trong các tôn giáo.

5. Về tổ chức thực hiện

Hà Giang là tỉnh được Chính phủ chọn làm điểm chỉ đạo về phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vì vậy, các bộ, ngành trung ương đều phải có trách nhiệm giúp tỉnh quán triệt tốt hơn nữa Chỉ thị số 525 của Thủ tướng Chính phủ, vận dụng cụ thể sát với



tình hình địa phương chuẩn bị các chương trình, dự án có chất lượng để sớm được duyệt, đồng thời cử cán bộ xuống trực tiếp giúp tỉnh chỉ đạo thực hiện các chương trình, dự án thuộc ngành mình, bảo đảm thực hiện cho được.

Cấp tỉnh và huyện cần đưa cán bộ có đủ năng lực, nhiệt tình xuống cơ sở xã, bản giúp đồng bào thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh đạt kết quả.

K/T BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
PHÓ CHỦ NHIỆM

Nguyễn Quốc Mậu

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 1938.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 58/TB, ngày 21 tháng 4 năm 1994

**Kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc
với lãnh đạo tỉnh Quảng Trị ngày 13/4/1994**

Ngày 13/4/1994 tại Hà Nội, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã làm việc với các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về một số vấn đề trọng yếu của kinh tế - xã hội. Cùng dự có đồng chí Nguyễn Tôn, Phó Chủ nhiệm và một số chuyên viên của Văn phòng Chính phủ.

Đồng chí Nguyễn Đức Hoan, Bí thư Tỉnh ủy và đồng chí Nguyễn Bường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị đã báo cáo với Thủ tướng một số nét chính về tình hình kinh tế - xã hội, những kiến nghị của tỉnh với Chính phủ và kết quả làm việc với các bộ, ngành trung ương về các kiến nghị đó. Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã có ý kiến kết luận như sau:

I- MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

- Trong những năm qua, tỉnh Quảng Trị đã vượt qua được nhiều khó khăn lớn, nhất là việc hạn chế, khắc phục hậu quả bão lũ, hạn hán xảy ra liên tiếp, kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển khá toàn diện, trong đó có một số mặt vững chắc. Thực tế đó tiếp tục khẳng định vị trí của Quảng Trị đối với khu vực miền Trung; đồng thời cũng đặt ra những yêu cầu mới về khai thác, tiềm năng



của một tỉnh có vùng trung du, gò đồi lớn, rất thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả và trồng rừng, có lực lượng lao động dồi dào, có biển với ngư trường lớn và phong phú về nguồn lợi hải sản.

- Giữa năm 1993, Chính phủ đã tổ chức hội nghị làm việc với các tỉnh duyên hải miền Trung về phương hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng này. Quảng Trị cần vận dụng kết luận của Hội nghị để thực hiện trong điều kiện cụ thể của tỉnh. Nhân làm việc với tỉnh lần này, cần nhấn mạnh thêm một số điểm mà Quảng Trị cần đặc biệt quan tâm trong các chương trình kinh tế - xã hội của địa phương thời gian tới:

+ Đối với vùng đồi núi, ngoài diện tích đã được phủ xanh, phải có quy hoạch và kế hoạch hoàn chỉnh để khai thác 2 vạn ha đất đồi núi trực gắn liền với việc bố trí lại dân cư và giải quyết các vấn đề chủ yếu về cơ sở hạ tầng. Cần xác định rõ diện tích dành để trồng rừng, trồng cây công nghiệp và chỉ trồng những loại cây có giá trị kinh tế cao, nhằm tạo ra sản phẩm hàng hóa có giá trị thông qua sự hỗ trợ của Nhà nước về vốn, giống và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Ngoài số dân tại chỗ, cần điều thêm vài nghìn lao động chính ở đồng bằng lên lập nghiệp theo hướng “một chốn đồi quê” để trong thời gian vài ba năm, vùng trung du, miền núi không còn là vùng nghèo đói. Vùng đồng bằng, dân cư cũng cần bố trí lại một bước và đời sống nhân dân cũng phải được cải thiện rõ rệt. Phải sớm kết thúc công tác định canh, định cư ở miền núi thông qua một chương trình cụ thể và có mục tiêu về thời gian để chấm dứt tệ phá rừng làm nương rẫy, cải thiện từng bước đời sống đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Đối với vùng biển, cùng với việc khai thác tốt kinh tế biển theo hướng phát triển các ngành nghề đánh bắt, nuôi trồng hải sản,



phải có chương trình, phương án cụ thể cho từng xã, khuyến khích giúp đỡ các hộ ngư dân góp vốn mua sắm thuyền máy, ngư cụ để có thể đánh bắt ở các ngư trường xa bờ; kết hợp đẩy mạnh nuôi trồng và chế biến hải sản với việc mở một số ngành nghề thủ công, dịch vụ để giải quyết lao động dôi thừa; mặt khác phải chú trọng khai thác 3 vạn ha đất cát ven biển vào việc trồng rừng phòng hộ bảo đảm cho dân vùng biển an cư và ngày càng có đời sống khá hơn, cả với người đi biển và người làm nghề ở ven bờ.

+ Ở vùng đồng bằng, phải thực hiện chuyển dịch cơ cấu mùa vụ cây trồng, có lịch thời vụ gieo trồng cụ thể để hướng dẫn nông dân né tránh thời tiết khắc nghiệt, hạn chế dần thiệt hại do thiên tai gây ra.

+ Về công nghiệp, phải làm rõ nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với Quảng Trị, cần có bước đi phù hợp và vững chắc, tạo điều kiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế từ chỗ hiện nay là nông - lâm - ngư nghiệp từng bước sang công - nông ngư nghiệp chế biến gắn với nông nghiệp, ngư nghiệp; đẩy mạnh sản xuất vật liệu xây dựng (ximăng, gạch, ngói...) với quy mô sản xuất vừa và nhỏ là chủ yếu song phải đi thẳng vào kỹ thuật công nghệ tiên tiến, hiện đại trên cơ sở tranh thủ sự hợp tác với nước ngoài.

+ Quảng Trị phải chú ý làm tốt việc quy hoạch và tổ chức lại dân cư ở các điểm Đông Hà, Đường 9, Khe Sanh, để những nơi này từng bước trở thành những trung tâm thương mại và du lịch hấp dẫn của vùng.

+ Quan tâm đúng mức các công tác văn hóa - xã hội, giáo dục, y tế và chăm lo đời sống cho đồng bào, trong đó đặc biệt chú ý các gia đình thuộc diện chính sách, vì Quảng Trị là một trong những tỉnh miền Trung chịu hậu quả nặng nề về nhiều mặt của chiến tranh.



II- VỀ NHỮNG KIẾN NGHỊ CỦA TỈNH

- Quảng Trị là một trong những tỉnh hiện nay còn có nhiều khó khăn, Chính phủ rất thông cảm; các bộ, các ngành có liên quan cần có sự quan tâm xem xét để hỗ trợ và giải quyết những yêu cầu hợp lý và bức xúc của tỉnh, tạo điều kiện về vốn và kỹ thuật cho Quảng Trị xây dựng một số cơ sở hạ tầng; tiếp tục thực hiện các Chương trình 327, định canh, định cư, “xóa đói, giảm nghèo” để trong vài năm tới Quảng Trị có thể vươn lên kịp các địa phương khác.

- Về xây dựng công trình thủy điện Rào Quán, đây là công trình có hiệu ích tổng hợp về nhiều mặt (cung cấp điện năng, thủy lợi, cải tạo môi sinh, môi trường...). Vừa qua tỉnh đã làm việc với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Năng lượng, Bộ Thủy lợi, Bộ Xây dựng, Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Ngoại giao,... cơ bản được các bộ, ngành ủng hộ và dành một phần tài trợ của Na Uy cho công trình này, Chính phủ đồng ý và chủ trương, yêu cầu tỉnh cần tiếp tục điều tra, khảo sát cụ thể thêm; các bộ, các ngành có liên quan ở Trung ương có trách nhiệm giúp tỉnh xây dựng dự án khả thi trình Chính phủ phê duyệt để kịp thời kêu gọi vốn và kế hoạch đầu tư vào những năm tới.

- Về cảng Cửa Việt, trước mắt địa phương cần lập dự án xây dựng để bảo đảm lưu chuyển hàng hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh, do vậy tỉnh có thể tự cân đối nguồn vốn huy động của địa phương và một phần vốn của ngành để giải quyết.

- Về sân bay Ái Tử tuy trước mắt chưa có nhu cầu, nhưng vài ba năm tới sẽ là một sân bay có tác dụng cần thiết cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và vùng; Chính phủ sẽ lưu ý vấn đề này.



- Đồng ý giao cho Bộ Tài chính hằng năm xét trích tăng tỷ lệ phần trăm thích hợp trong phần nộp vượt ngân sách về thuế xuất nhập khẩu thu qua hải quan Quảng Trị cho ngân sách địa phương để giúp bổ sung xây dựng các công trình hạ tầng cơ sở của tỉnh.

Văn phòng Chính phủ xin thông báo để Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị, các bộ, các ngành liên quan biết và thực hiện.

K/T BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
PHÓ CHỦ NHIỆM

Vũ Đình Thuân

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 1974.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 102/TB, ngày 08 tháng 8 năm 1994

Kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt về xây dựng các công trình lưới điện trong các năm 1994 - 1995

Ngày 01/8/1994, Thủ tướng Võ Văn Kiệt và Phó Thủ tướng Trần Đức Lương đã họp với lãnh đạo các bộ, ngành về xây dựng các công trình lưới điện trong các năm 1994 - 1995. Sau khi Bộ trưởng Bộ Năng lượng Thái Phụng Nê báo cáo nhu cầu và các giải pháp xử lý vốn đầu tư để xây dựng các công trình lưới điện trong năm 1994 và phương hướng năm 1995, ý kiến phát biểu của Phó Thủ tướng Trần Đức Lương, của Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, lãnh đạo Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và Ngân hàng Nhà nước, Thủ tướng Võ Văn Kiệt kết luận như sau:

Kể từ đầu năm 1994, nguồn điện của nước ta đã có bước phát triển khá, việc cung cấp điện bằng hệ thống tải điện 500 kV từ Bắc vào Nam đã từng bước ổn định. Tuy nhiên do việc xây dựng lưới điện cao thế, trung thế và hạ thế ở các thành phố lớn, khu công nghiệp tập trung chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra, dẫn đến tình trạng cung ứng và sử dụng điện đã có nhiều biểu hiện không bình thường: Cấp điện không ổn định, sụt áp, tệ ăn cắp điện vẫn còn, quản lý lỏng lẻo... ảnh hưởng đến sản xuất ở các doanh nghiệp và sinh hoạt, học tập của cán bộ nhân dân.



Để khắc phục các khuyết điểm trên đây nhằm đáp ứng việc cung ứng điện ổn định phục vụ cho yêu cầu kinh tế xã hội và sinh hoạt của cán bộ, nhân dân, Thủ tướng Chính phủ giao trách nhiệm cho Bộ trưởng Bộ Năng lượng, Thủ trưởng các bộ, ngành có liên quan nghiêm chỉnh thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Về thủ tục xây dựng cơ bản

Bộ trưởng Bộ Năng lượng có trách nhiệm chỉ đạo Giám đốc các Công ty Điện lực hoàn chỉnh ngay thủ tục xây dựng cơ bản các công trình theo quy định hiện hành và tổ chức thi công xây lắp để đáp ứng được tiến độ đề ra.

- Đối với các công trình lưới điện bao gồm cả trạm biến áp sau khi cấp có thẩm quyền duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật cho phép lập bảng kê thiết bị, vật tư để gọi thầu, ký hợp đồng, nhưng cơ quan thiết kế (tư vấn) phải chịu trách nhiệm về nội dung kỹ thuật của bản hợp đồng đó.

- Đối với các công trình chuyển tiếp vượt tổng dự toán đến 10% thì chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt lại tổng dự toán công trình.

- Đồng ý về chủ trương cải tạo lưới điện 3 thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định. Bộ Năng lượng hoàn chỉnh luận chứng kinh tế kỹ thuật trình Hội đồng thẩm tra luận chứng kinh tế kỹ thuật cấp Nhà nước thẩm định ngay tháng 8/1994.

2. Về nhu cầu và các giải pháp xử lý vốn các năm 1994 - 1995

- Đối với năm 1994:

+ Ủy ban Kế hoạch Nhà nước thông báo ngay bằng văn bản nguồn vốn tín dụng năm 1994 cho Bộ Năng lượng và các ngành



thực hiện, kể cả nguồn vốn đối ứng của các công trình sử dụng vốn ODA Phú Mỹ, thủy điện Hàm Thuận, Đa Mi, Phả Lại 2.

+ Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm chỉ đạo Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển giải quyết nhanh việc cho các chủ đầu tư của các công trình lưới điện, thủy điện Thác Mơ, Vĩnh Sơn vay được 50 triệu USD theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Văn bản số 71/TB, ngày 31/5/1994).

+ Bộ Năng lượng kiểm tra lại tổng dự toán và sắp xếp thứ tự ưu tiên các công trình lưới điện theo khả năng nguồn vốn cân đối được để thực hiện việc xây lắp các công trình từ nay đến cuối năm 1994.

+ Bộ Năng lượng chỉ đạo các chủ đầu tư thực hiện các biện pháp để vay vốn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 317/TTg, ngày 15/6/1994.

+ Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Thương mại phối hợp với Bộ Năng lượng làm việc với các chi nhánh ngân hàng nước ngoài đóng tại Việt Nam, các công ty, tập đoàn nước ngoài có khả năng về tài chính để đàm phán cho ngành điện vay ngoại tệ hoặc dùng hình thức mua thiết bị vật tư, thanh toán chậm trung hạn, dài hạn theo hợp đồng ký kết. Nếu đối tác yêu cầu, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn việc bảo lãnh.

+ Bộ Tài chính xem xét đề nghị của Bộ Năng lượng để chuẩn bị các điều kiện cần thiết phát hành trái phiếu trong và ngoài nước cho ngành điện để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định trong quý IV/1994.

+ Thủ tướng Chính phủ đồng ý để Bộ Năng lượng được sử dụng số tiền điện tăng thêm do tăng giá điện từ 1/8/1994 sau khi đã nộp đủ thuế doanh thu để đầu tư cho các công trình theo kế hoạch.



- Đối với năm 1995:

Giao Ủy ban Kế hoạch Nhà nước chủ trì làm việc với Bộ Năng lượng, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước nghiên cứu cơ chế về tài chính để cho ngành điện thực hiện ngay từ đầu năm 1995, kể cả biện pháp vay vốn của dân; lập đề án thí điểm xây dựng một công ty quản lý việc mua và bán điện.

3. Đối với công trình thủy điện Hòa Bình, nhiệt điện Phả Lại, Thủ tướng Chính phủ cho phép Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển giải quyết vốn năm 1994 cho các công trình này. Bộ Năng lượng có trách nhiệm chỉ đạo các chủ đầu tư hoàn chỉnh tổng dự toán công trình để phục vụ cho công tác quyết toán theo các quy định hiện hành.

Văn phòng Chính phủ xin thông báo để các bộ, ngành có liên quan thực hiện và hằng tháng báo cáo kết quả việc triển khai các nhiệm vụ trên lên Thủ tướng Chính phủ.

K/T BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
PHÓ CHỦ NHIỆM

Lại Văn Cử

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 9379.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 109/TB, ngày 25 tháng 8 năm 1994

**Kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc
với lãnh đạo tỉnh Hà Bắc ngày 09, 10/8/1994**

Ngày 09 và 10/8/1994, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã đi thăm và làm việc với lãnh đạo Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Bắc. Cùng đi với Thủ tướng có Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Lê Xuân Trinh. Sau khi nghe đồng chí Đỗ Bình Dương, Bí thư Tỉnh ủy báo cáo tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, Thủ tướng đã nói chuyện với cán bộ chủ chốt các ngành của tỉnh, thăm một số gia đình thành công và có kinh nghiệm tốt trong việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng ở huyện Lục Ngạn, thăm Công ty Phân đạm Hà Bắc và Nhà máy Kính Đáp Cầu là 2 cơ sở công nghiệp trung ương đóng trên địa bàn Hà Bắc.

Tại buổi làm việc với lãnh đạo Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Bắc ngày 10/8/1994, Thủ tướng Chính phủ đã có ý kiến như sau:

Trong thời gian qua, tỉnh đã có nhiều cố gắng và đạt được một số thành tích trong xây dựng kinh tế - xã hội, phấn đấu đưa tỉnh vươn lên. Vấn đề quan trọng hiện nay là phải xác định các tiềm năng và khó khăn của tỉnh, làm thế nào đưa tỉnh tiến nhanh hơn nữa, theo kịp các tỉnh bạn.



I- VỀ TIỀM NĂNG CỦA TỈNH

Hà Bắc là tỉnh có nguồn tiềm năng khá đa dạng, nếu được khai thác và nuôi dưỡng tốt sẽ góp phần quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1. Với 2,3 triệu dân, Hà Bắc là tỉnh đông dân thứ 5 ở miền Bắc, trong đó lực lượng lao động chiếm 50%. Đây là nguồn lao động dồi dào, có thể huy động một phần để khai thác các vùng đất trống, đồi trọc và đất trũng của tỉnh. Tuy nhiên, tỉnh cần đẩy mạnh công tác kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ tăng dân số để có thể bảo đảm đủ việc làm cho số người trong độ tuổi lao động, sử dụng lực lượng lao động một cách hiệu quả và không để áp lực về dân số tác động tiêu cực tới tiến độ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Diện tích đất trống, đồi trọc của tỉnh còn khá nhiều. Đây là một khó khăn của tỉnh, song ngược lại cũng là một tiềm năng để tạo việc làm cho người lao động. Tỉnh cần tập trung chỉ đạo thực hiện tốt Chương trình 327, phấn đấu trong vài năm tới phủ xanh được 9 vạn ha đất đồi núi trọc bằng các loại cây có giá trị kinh tế cao, ở cả những vùng thuận lợi cũng như các vùng sâu, vùng xa. Việc phủ xanh đất đồi núi trọc phải tiến hành theo từng điểm, và đầu tư theo dự án cụ thể. Việc thực hiện các dự án phải được theo dõi sát sao; khi mỗi dự án kết thúc phải được đánh giá toàn diện hiệu quả tài chính, kinh tế - xã hội, và phải có quyết toán rõ ràng.

3. Tỉnh cần lập nhóm nghiên cứu, lập quy hoạch và phương án khai thác vùng đất trũng ao hồ (trên 2 vạn ha) trong địa bàn tỉnh; để sử dụng vùng đất này với hiệu quả kinh tế cao nhất.

4. Tỉnh phải có kế hoạch bảo vệ 6 vạn ha rừng còn lại, đặc biệt là 1,8 vạn hécta rừng giàu. Đối với diện tích rừng nghèo, tỉnh cần có phương án cụ thể để nâng cao giá trị của các khu rừng đó.



5. Trong sản xuất lâm nghiệp và nông nghiệp, cần nghiên cứu kỹ đặc điểm khí hậu, thổ nhưỡng từng vùng và từng loại cây trồng, vật nuôi để vừa bảo đảm ổn định lương thực, vừa chuyển dịch cơ cấu trồng trọt, chăn nuôi theo hướng tăng dần giá trị kinh tế của cây trồng, vật nuôi. Điều đáng mừng là người nông dân rất nhạy bén với cơ chế kinh tế thị trường, chuyển rất nhanh sang cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao hơn, mà huyện Lục Ngạn là một mô hình sinh động. Tỉnh cần có chính sách khuyến khích các hộ gia đình làm kinh tế giỏi, hỗ trợ cho nông dân bằng cách cung cấp kỹ thuật mới, giống có năng suất cao, và hỗ trợ về vốn, thị trường, chế biến sản phẩm và hạ tầng cơ sở để thúc đẩy quá trình chuyển đổi kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

6. Về công nghiệp, công nghiệp chế biến và thủ công nghiệp: Hà Bắc còn nhiều tiềm năng để phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả, rau xanh và phát triển chăn nuôi để giải quyết nguồn thực phẩm tại chỗ và cung cấp cho Hà Nội và các nơi khác và xuất khẩu. Vì vậy, cần nhanh chóng phát triển và hiện đại hóa công nghiệp chế biến. Nếu diện tích trồng thuốc lá mở rộng tới 5.000 ha, tỉnh nên tranh thủ bàn với Bộ Công nghiệp nhẹ xây dựng quy hoạch trồng và chế biến thuốc lá.

Với nguồn nguyên liệu sẵn có trong tỉnh, sản xuất vật liệu xây dựng như gạch, ngói, ximăng cũng là một tiềm năng của tỉnh. Tỉnh cần bàn với Bộ Xây dựng có kế hoạch cụ thể, quy hoạch vùng sản xuất, đảm bảo chất lượng và hiệu quả kinh tế, đáp ứng nhu cầu xây dựng trong và ngoài tỉnh. Trong những năm tới tỉnh nên xem xét việc xây dựng nhà máy ximăng có công suất 1 triệu tấn/năm. Tỉnh cần bàn với Bộ Xây dựng tính toán các phương án cụ thể. Nếu địa điểm xây dựng nhà máy liên quan tới an ninh quốc phòng,



tỉnh báo cáo Chính phủ để có biện pháp xử lý. Trước mắt tỉnh cần hoàn thành sớm việc xây dựng nhà máy ximăng có công suất 8,6 vạn tấn/năm.

7. Hà Bắc có nhiều ngành nghề truyền thống, nếu được phát huy tốt cũng là nguồn việc làm và tạo thu nhập cho người lao động. Tỉnh cần nghiên cứu xác định các ngành nghề cần ưu tiên giữ gìn và phát triển, có kế hoạch hỗ trợ về vốn, kỹ thuật, thị trường. Nhà nước sẽ hỗ trợ thêm.

8. 23 cơ sở công nghiệp trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (Nhà máy Phân đạm Bắc Giang, Nhà máy Kính Đáp Cầu, Nhà máy Thuốc lá Bắc Sơn...) cũng là một yếu tố thuận lợi cho việc thực hiện công nghiệp hóa ở tỉnh. Chính phủ sẽ tạo điều kiện hỗ trợ cho các cơ sở kinh tế trung ương trên địa bàn tỉnh ổn định và phát triển sản xuất trên cơ sở có tính toán hiệu quả kinh tế. Các ngành và các cơ sở trung ương trên địa bàn tỉnh cần tạo điều kiện giúp tỉnh thực hiện công nghiệp hóa, thu hút lao động giải quyết việc làm cho địa phương.

9. Về cơ sở hạ tầng: Hiện tỉnh có khó khăn lớn về hệ thống đường bộ. Tuy nhiên, một số trục đường giao thông chính của tỉnh như đường 18 và đường 1A đã được đưa vào kế hoạch mở rộng và nâng cấp của Nhà nước. Hiện nay Chính phủ đang lo nguồn vốn cho các công trình này. Tỉnh cần bàn với Bộ Giao thông và các bộ, ngành liên quan tu bổ, nâng cấp đường liên tỉnh (Hà Bắc - Lạng Sơn qua Lục Ngạn, Lục Nam; Hà Bắc - Bắc Thái qua Hiệp Hòa; Hà Bắc - Yên Thế qua Tân Yên) và tu bổ đường từ huyện xuống xã và làm mới đường xuống một số xã chưa có đường ôtô. Về đường sắt, Chính phủ cũng đang đàm phán với Trung Quốc để thông tuyến đường sắt quốc tế. Nếu tuyến đường sắt này được thông suốt thì có lợi cho cả Việt Nam và Trung Quốc. Khi đó ta sẽ



nâng cấp tuyến đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn và việc này sẽ tạo thêm điều kiện thuận lợi cho Hà Bắc về giao thông.

10. Về điện: Hiện nay điện đã được đưa tới các huyện lỵ. Vấn đề là các trạm biến thế và mạng lưới điện hạ thế quá cũ kỹ không bảo đảm an toàn cho việc cung cấp điện thường xuyên. Muốn nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp điện hạ thế, tỉnh cần chú ý thực hiện phương châm Trung ương và địa phương, Nhà nước và nhân dân cùng làm, có thể huy động dân đóng góp vào việc nâng cấp và mở rộng mạng lưới phân phối điện và ngành điện sẽ thanh toán lại bằng sản phẩm điện.

11. Về văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế và các vấn đề xã hội: Thời gian qua tỉnh đã cố gắng quan tâm phát triển các lĩnh vực giáo dục, y tế và xã hội. Tỉnh cần chú ý đến các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế ở các huyện miền núi. Đặc biệt tỉnh phải chăm lo bảo vệ văn hóa Quan họ, không để cho văn hóa ngoại lai làm mất bản sắc, truyền thống của văn hóa Quan họ.

II- VỀ MỘT SỐ ĐỀ NGHỊ CỤ THỂ CỦA TỈNH

1. Việc giao một số nông, lâm trường trung ương cho địa phương quản lý đã có chủ trương, tỉnh làm việc cụ thể với Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm để tiếp nhận nông trường Lục Ngạn để quản lý.

2. Về thủy lợi, tỉnh cần bàn với Bộ Thủy lợi để khai thác các công trình hiện có, xây dựng một số đập nhỏ, làm trạm bơm, đắp đê phòng lũ lụt phục vụ sản xuất và cấp nước cho sinh hoạt. Nguồn kinh phí có thể lấy từ thủy lợi phí và một phần nguồn thu từ nông nghiệp để phát triển thủy lợi.

3. Chính phủ ủng hộ việc phát triển một số nhà máy như nhà máy gạch tuynen, nhà máy ximăng, nhà máy thuốc lá, bia, v.v.



trên địa bàn tỉnh để góp phần vào quá trình công nghiệp hóa, tạo việc làm và tăng nguồn thu. Tuy nhiên, việc xây dựng nhà máy phải được tính toán kỹ về hiệu quả kinh tế - xã hội. Vốn cho các công trình này phải dựa vào các nguồn tự huy động bằng các hình thức liên doanh, liên kết, tín phiếu, trái phiếu hoặc vay ngân hàng.

4. Đồng ý cho tỉnh sử dụng 300 ha đất nông nghiệp ở xã Đồng Nguyên, huyện Tiên Sơn để xây dựng khu công nghiệp tập trung. Tỉnh cần bàn với các bộ, ngành liên quan xây dựng quy hoạch và làm đề án trình Chính phủ phê duyệt theo quy định.

5. Về việc tỉnh xin sử dụng quỹ đất ở Bắc Giang và Bắc Ninh:

Yêu cầu tỉnh thực hiện đúng luật và các văn bản hiện hành của Chính phủ về đất đai và nhà ở. Trong quá trình thực hiện, nếu tỉnh thấy các quy định hiện hành cần bổ sung hoặc thay đổi gì, tỉnh kiến nghị với Chính phủ để Chính phủ xem xét.

Các khoản thu từ chuyển quyền sử dụng đất chủ yếu dùng cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng. Còn vốn đầu tư phát triển thì huy động từ các nguồn trong và ngoài nước bằng nhiều hình thức như phát hành trái phiếu, tín phiếu...

6. Đề nghị của tỉnh về việc Ngân hàng Nông nghiệp cho nông dân trong tỉnh vay vốn để phát triển sản xuất nông nghiệp là hợp lý và phù hợp với chủ trương chung. Tỉnh nên làm việc kỹ với Ngân hàng Nông nghiệp về các khoản vay theo thời vụ hoặc 1 năm phục vụ việc sản xuất lương thực hoặc trồng cây ngắn ngày. Chính phủ cũng sẽ lưu ý Ngân hàng Nông nghiệp xem xét việc này. Nguồn vốn để trồng cây dài ngày trên đồi trọc thì vay từ Chương trình 327.

7. Về việc phát triển công nghiệp chế biến chè của tỉnh, tỉnh làm việc cụ thể với Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm.



Chính phủ sẽ nhắc thêm Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm hỗ trợ thêm cho tỉnh. Phía mình, tỉnh cũng phải cố gắng nâng cao chất lượng sản phẩm chè để có thể tham gia Liên hiệp các xí nghiệp công nông chè Việt Nam và thâm nhập thị trường thế giới.

8. Việc tỉnh xin xóa nợ 9 tỉ đồng và 4.000 tấn thóc giống đã vay của Trung ương để cứu đói cho dân trong tỉnh năm 1991, nay giải quyết như sau:

Tỉnh phải xem xét lại từng trường hợp, những người đã vay tiền và/hoặc thóc năm 1991, nay vẫn đang khó khăn không có khả năng trả nợ thì có thể xóa nợ, chú ý các đối tượng chính sách và đồng bào dân tộc, miền núi. Những người nay có khả năng trả thì phải trả số tiền và/hoặc thóc đã vay. Khoản thu được, Chính phủ cho phép tỉnh giữ lại chi cho một số công trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, các khoản chi này phải có chương trình và dự án cụ thể, tỉnh phải báo cáo trước và phải được sự đồng ý của Chính phủ. Đồng chí Chủ tịch tỉnh phải chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về việc xử lý số nợ này và việc chi số nợ thu được.

9. Đồng ý để tỉnh xây dựng một Trung tâm Quan họ. Tỉnh cần bàn với Bộ Văn hóa - Thông tin, xây dựng đề án trình Chính phủ.

10. Các đề nghị cụ thể khác của tỉnh như xin hỗ trợ vốn xây dựng nhà thi đấu thể thao, nhà bảo tàng, đài phát thanh - truyền hình... tỉnh bàn với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các bộ liên quan. Nếu các dự án này đã có trong kế hoạch 1994 và đầy đủ thủ tục, Chính phủ sẽ xem xét trong dịp bổ sung ngân sách năm 1994, nếu đây là các dự án mới thì đưa vào kế hoạch 1995.

11. Với triển vọng phát triển kinh tế của tỉnh, quá trình đô thị hóa cũng sẽ phát triển nhanh. Yêu cầu tỉnh sớm xây dựng



quy hoạch tổng thể và tiến tới xây dựng quy hoạch chi tiết cho từng thị xã, thị trấn để có thể chủ động kiểm soát sự phát triển và quản lý tốt các vùng đô thị trong tương lai, bảo đảm sự hài hòa về cảnh quan, kiến trúc, môi trường, dân số và kinh tế - xã hội.

Văn phòng Chính phủ thông báo để Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Bắc và các bộ, ngành liên quan biết và thực hiện.

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ**

Lê Xuân Trinh

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phông Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 1937.

THÔNG BÁO

CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 115/TB, ngày 05 tháng 9 năm 1994

**Ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc
với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ngày 19/8/1994**

Ngày 19/8/1994 tại thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã nghe đồng chí Nguyễn Ký, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh báo cáo và xin ý kiến Thủ tướng về một số chủ trương của tỉnh Hà Tĩnh trong những năm tới. Thủ tướng đã có ý kiến như sau:

Nói chung những đề xuất của tỉnh Hà Tĩnh về xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh là tích cực. Tỉnh cần tính toán chuẩn bị kỹ và làm việc với các ngành trung ương để đưa vào kế hoạch 1995 và các năm tới.

Về một số đề nghị cụ thể:

1. Đồng ý về nguyên tắc xây dựng một số cơ sở hạ tầng đồng bộ trong khu vực xây dựng mỏ sắt Thạch Khê; từng công trình hạ tầng cần có luận chứng kinh tế - kỹ thuật và tìm đối tác đầu tư cụ thể; sắp xếp thứ tự ưu tiên và tính toán thời gian thực hiện khi có đủ điều kiện về vốn.

2. Về khảo sát và quy hoạch cảng Vũng Áng thuộc huyện Kỳ Anh (phía bắc đảo Hòn La), tỉnh cần làm việc với Bộ Giao thông vận tải để tính toán khối lượng hàng hóa bốc xếp và hiệu quả kinh tế. Bộ Giao thông vận tải cùng Ủy ban nhân dân tỉnh xúc tiến nghiên cứu và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về vấn đề này.



3. Việc mở con đường 50 km từ thị trấn Hương Khê đi biên giới tỉnh Khăm Muộn, tỉnh cần làm việc với Bộ Giao thông vận tải để làm dự án, tính toán kỹ khối lượng hàng hóa vận chuyển qua lại tuyến đường này gắn với việc xây dựng cảng Vũng Áng để xem xét về hiệu quả kinh tế. Hiện nay đã có đường 9 và đường 8 vận chuyển hàng hóa qua lại giữa ta và Lào, trước mắt cần tận dụng 2 tuyến đường này và mở đường dân sinh lên các xã vùng cao biên giới.

4. Do quan hệ qua lại hai bên giữa ta và Lào đã phát triển, việc chuyển cửa khẩu Keo Nưa (cầu treo) thành cửa khẩu quốc tế là cần thiết. Yêu cầu Bộ Ngoại giao chủ trì phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Ban Biên giới của Chính phủ và các ngành liên quan nghiên cứu, bàn với phía Lào để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

5. Việc xây dựng khu văn hóa Nguyễn Du là cần thiết, cần có chương trình quốc gia để xây dựng đúng tâm cõi của Đại thi hào Nguyễn Du. Tỉnh cần làm việc với Bộ Văn hóa - Thông tin để xây dựng dự án, tính toán khả năng địa phương tự lo đến mức nào, còn mức nào đề xuất với Trung ương hỗ trợ.

6. Việc tỉnh xin xây dựng một số thị trấn mới ở các huyện Nghi Xuân, Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Hương Khê, cần cân nhắc kỹ. Trong điều kiện kinh tế hàng hóa phát triển, việc hình thành các trung tâm thương mại ở các huyện, xã mang tính tự nhiên theo quy luật cung cầu hàng hóa, vì vậy không nên thành lập thị trấn bằng biện pháp hành chính ở những xã có trung tâm thương mại. Đối với một số xã có số dân kinh doanh buôn bán và thị trường trao đổi hàng hóa lớn có thể tổ chức thành chợ và có hình thức quản lý phù hợp.

Yêu cầu Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ nghiên cứu trình Chính phủ về điều kiện, tiêu chuẩn hóa việc thành lập thị trấn.



Việc tỉnh đề nghị tăng thêm các dự án phát triển kinh tế - xã hội miền biển là cần thiết, phù hợp với chủ trương của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội miền Trung và duyên hải, tỉnh cần làm việc với các bộ, ngành liên quan để xây dựng các dự án cụ thể.

Đồng ý để tỉnh tổ chức liên doanh liên kết, quan hệ hợp tác với tỉnh Bôlykhămxây và Khăm Muộn (Lào) về chế biến lâm sản, hợp tác lao động, thương mại... tỉnh cần thực hiện theo các quy định hiện hành về hợp tác đầu tư. Nếu khó khăn về vốn liên doanh, tỉnh bàn với Ngân hàng Nhà nước để tìm biện pháp giúp đỡ. Riêng về chế biến gỗ để xuất khẩu, không khuyến khích chế biến sản phẩm từ nguyên liệu gỗ trong nước.

7. Việc tỉnh xin để lại cho ngân sách tỉnh phần thu lệ phí giao thông đường 8 để sửa chữa và nâng cấp đường giao thông, tỉnh làm việc cụ thể với Bộ Giao thông vận tải trình Chính phủ xem xét.

8. Việc tỉnh xin đưa vào kế hoạch 1995: hai công trình thủy lợi Sông Triêm (huyện Hương Khê) và hoàn tất luận chứng công trình thủy lợi Sông Nghèn chuẩn bị cho mỏ sắt Thạch Khê và ngăn mặn cho vùng lúa Can Lộc, tỉnh làm việc với Bộ Thủy lợi và các ngành có liên quan để trình Chính phủ xem xét.

9. Việc tỉnh xin có một chương trình tiêu úng tại thị xã Hà Tĩnh trong năm 1995, tỉnh cần làm việc với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các ngành liên quan để có biện pháp giúp tỉnh xử lý.

Văn phòng Chính phủ xin thông báo để Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và các bộ, ngành liên quan biết và thực hiện.

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ**

Lê Xuân Trinh

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Văn phòng Chính phủ, hồ sơ số 9608.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 116/TB, ngày 12 tháng 9 năm 1994

Ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại cuộc họp với lãnh đạo tỉnh Hải Hưng ngày 12/8/1994

Ngày 12/8/1994, tại thị xã Hải Dương, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã thăm một số cơ sở sản xuất, làm việc với lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Hưng. Sau khi nghe đồng chí Nguyễn Du, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình chung, việc thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm 1994, một số nhiệm vụ lớn của tỉnh từ nay đến cuối năm và ý kiến bổ sung của đồng chí Phạm Thọ, Bí thư Tỉnh ủy, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã có ý kiến như sau:

1. Về thành tựu và kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 1994 của tỉnh

Thủ tướng hoan nghênh những thành tích mà Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Hải Hưng đã đạt được trong những năm qua, cũng như tinh thần nỗ lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1994 của tỉnh.

Tỉnh đã bước đầu tạo được sự thay đổi rõ nét theo chiều hướng tốt: Nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng trưởng liên tục, phong trào chuyển dịch cơ cấu sản xuất, phát triển các ngành nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập trong dân đạt được



kết quả khá; công tác tài chính, tín dụng có đóng góp tích cực trong việc tạo nguồn vốn cho dân vay phát triển sản xuất, thúc đẩy hoạt động thương mại, phục vụ xuất, nhập khẩu; các hoạt động xã hội như: y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục - thể thao, giữ gìn an ninh trật tự xã hội đều có tiến bộ. Thủ tướng nhắc lanh đạo tỉnh chỉ đạo các cấp, ngành trong tỉnh tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm, có biện pháp nhanh chóng phổ biến cho dân những kinh nghiệm của các điển hình tốt, mở rộng ra khắp toàn tỉnh.

2. Về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, một số nhiệm vụ trọng tâm năm 1994 của tỉnh Hải Hưng

Thủ tướng đồng ý về cơ bản những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tỉnh nêu trong báo cáo và nhấn mạnh thêm: Định hướng về chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải nhằm mục tiêu từng bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo tinh thần Nghị quyết của Hội nghị Trung ương VII, Thủ tướng lưu ý tỉnh một số vấn đề như sau:

Hải Hưng chủ yếu vẫn là tỉnh nông nghiệp độc canh lúa cho nên sự chuyển dịch cơ cấu phải được nghiên cứu kỹ. Đây là vấn đề khó khăn và phức tạp đòi hỏi các cấp lãnh đạo phải tập trung suy nghĩ, tranh thủ sự giúp đỡ của các ngành trung ương xem xét toàn diện các mặt khoa học, kinh tế, xã hội, xác định đúng tiềm năng và hạn chế của tỉnh để vạch ra hướng đi đúng, bảo đảm lợi ích lâu dài.

- Về nông nghiệp phải nghiên cứu chuyển cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng tăng dần giá trị kinh tế của cây trồng, vật nuôi phát huy được thế mạnh của tỉnh, đồng thời bảo đảm ổn định lương thực. Phải quan tâm công tác khuyến nông, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, chú ý lai tạo giống để có năng suất, chất lượng và khả năng chống được dịch bệnh,



đồng thời bố trí gieo trồng xen canh gối vụ hợp lý để khai thác được triệt để về đất, tránh lách được thiên tai. Hải Hưng còn khoảng 2.000 ha đất có địa hình thủy thế phức tạp xen kẽ gò, đầm hay bị ngập úng, cần xem xét quy hoạch lại, có thể chuyển từ lúa sang nuôi thả cá xen với trồng cây ăn quả. Phải có tổ chức giúp dân lập các dự án cụ thể gắn hiệu quả kinh tế với tôn tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường. Phải có chính sách để hỗ trợ dân đầu tư phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho dân, đặc biệt là dân ở những vùng khó khăn, không được để đồng bào bị tụt hậu. Tiến hành giao số 8.000 ha đất trống, đồi trọc còn lại cho dân khai thác; tỉnh cần có biện pháp giúp dân lập dự án, giải quyết vốn để dân trồng rừng hoặc cây ăn quả. Riêng với vùng đồi trọc thì vận dụng Quyết định số 327/TTg.

- Về công nghiệp, hướng vào đầu tư chi tiêu sâu, đổi mới trang thiết bị kỹ thuật hiện đại nhằm tăng năng lực sản xuất, tạo ra hàng hóa có chất lượng cao đủ sức cạnh tranh, mở rộng thị trường tiêu thụ, v.v.. Từ nay đến năm 2000, Hải Hưng mở rộng, xây dựng mới các cơ sở sản xuất ximăng, đưa năng lực sản xuất ximăng khu vực Nhị Chiểu (Kim Môn), lên 4 - 5 triệu tấn/năm, trong tương lai đây sẽ là một vùng sản xuất ximăng lớn của cả nước.

- Về xây dựng cơ sở hạ tầng, khai thác những vùng du lịch như Côn Sơn - Kiếp Bạc... Quy hoạch của tỉnh phải gắn với quy hoạch của Trung ương. Chính phủ giao cho Tổng cục Du lịch, Bộ Văn hóa - Thông tin giúp tỉnh về quy hoạch và lập kế hoạch đầu tư xây dựng từng bước các vùng du lịch này.

3. Về một số kiến nghị cụ thể của tỉnh Hải Hưng

- Việc triển khai xây dựng đường số 5, cầu Phú Lương, cầu Lai Vu, cầu Bình hiện bị chậm tiến độ, chủ yếu vì khó khăn trong



khâu đền bù cho dân và giải tỏa mặt bằng. Đầu tháng 9/1994 Chính phủ sẽ mời lãnh đạo tỉnh về họp với các bộ, ngành liên quan (Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước) để xác định rõ trách nhiệm cụ thể của từng bộ, ngành liên quan trong vấn đề này, sớm giải quyết những ách tắc hiện nay để bảo đảm công trình được triển khai theo đúng kế hoạch. Kế hoạch nâng cấp đường 18, mở rộng Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại, làm đường sắt từ khu công nghiệp Phúc Sơn - Bắc Ninh - Hà Nội, Chính phủ xem xét trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của các tỉnh ở khu vực phía Bắc.

- Những vướng mắc về chính sách, như thuế sử dụng đất, đền bù, giá điện, thuế doanh thu... khi liên doanh với nước ngoài đang là một vấn đề chung của cả nước. Thủ tướng Chính phủ giao cho Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư rà soát lại các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đầu tư nước ngoài cả vấn đề thuế sử dụng đất, báo cáo Chính phủ những điểm chưa hợp lý, hoặc chưa đủ để kịp thời điều chỉnh hoặc bổ sung tạo thuận lợi cho đầu tư và liên doanh hợp tác với nước ngoài. Tỉnh gửi văn bản báo cáo Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư về các vướng mắc cụ thể mà tỉnh gặp phải trong lĩnh vực này, giúp Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư nắm tình hình sát thực hơn.

- Về việc tạo vốn để thực hiện một số dự án của tỉnh Hải Hưng, Nhà nước đã có chủ trương khuyến khích huy động nguồn vốn trong dân dưới nhiều hình thức như liên doanh, cổ phần hóa và phát hành trái phiếu, v.v.. Bộ Tài chính hướng dẫn tỉnh Hải Hưng thực hiện. Hải Hưng nên đẩy mạnh việc huy động vốn trong dân bằng hình thức cổ phần, kể cả việc cho cán bộ, công nhân viên nhà nước mua cổ phần, động viên dân tham gia các công trình liên doanh. Quá trình công nghiệp hóa phải do toàn dân tham gia.



- Về khu di tích lịch sử Côn Sơn, Kiếp Bạc, Bộ Văn hóa - Thông tin đã cùng tỉnh xây dựng kế hoạch tôn tạo khu di tích này. Chính phủ hoan nghênh sự quan tâm của tỉnh và sẽ nhắc Bộ Văn hóa thúc đẩy việc xây dựng khu di tích đó. Ngoài phần hỗ trợ của Trung ương, tỉnh cũng cần huy động dân cùng tham gia như phương thức tỉnh Thừa Thiên - Huế đang áp dụng cho việc trùng tu, tôn tạo khu di tích Cố đô Huế. Dự án trồng cây phủ xanh đồi núi trọc ở khu di tích này đã được duyệt và ghi kế hoạch năm 1994 yêu cầu Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước ưu tiên cấp vốn để tổ chức thực hiện.

Văn phòng Chính phủ xin thông báo để các bộ, ngành ở Trung ương có liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Hưng biết, thực hiện.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Lê Xuân Trinh

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phông Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 1942.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 117/TB, ngày 12 tháng 9 năm 1994

**Ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại cuộc họp
với lãnh đạo tỉnh Ninh Bình ngày 17/8/1994**

Ngày 17/8/1994, tại thị xã Ninh Bình, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã đi thăm và làm việc với lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Sau khi nghe đồng chí Nguyễn Đức Khiêm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo các vấn đề kinh tế - xã hội những tháng cuối năm 1994 và phương hướng năm 1995, ý kiến bổ sung của đồng chí Tô Xuân Toàn, Bí thư Tỉnh ủy, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã có ý kiến như sau:

Kết quả nổi bật là nền kinh tế có bước tăng trưởng khá, khởi sắc về các mặt, đạt và vượt một số chỉ tiêu mà Đại hội lần thứ XII của Đảng bộ tỉnh đề ra: Nông nghiệp phát triển tương đối toàn diện; công nghiệp - thủ công nghiệp bước đầu tổ chức sắp xếp lại; cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng được tăng cường một bước; các hoạt động y tế, văn hóa, giáo dục có tiến bộ, chính sách xã hội được quan tâm, giải quyết, an ninh trật tự xã hội giữ vững.

I- MỘT SỐ VẤN ĐỀ KINH TẾ - XÃ HỘI CẦN ĐƯỢC XÁC ĐỊNH TRONG NHỮNG NĂM TRƯỚC MẮT VÀ LÂU DÀI CỦA TỈNH NINH BÌNH

Hoan nghênh tỉnh đã đề ra được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội cho năm 1995 và các năm sau.



Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh trong thời gian tới phải gắn với xây dựng nông thôn mới, theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa như tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ VII đã đề ra, chú trọng một số vấn đề cụ thể như sau:

1. Về nông nghiệp phải khai thác triệt để tiềm năng thế mạnh của ba vùng kinh tế: vùng đồi, vùng đồng bằng và vùng ven biển. Cơ cấu sản xuất phải chuyển từ độc canh cây lúa sang đa canh cây trồng, vật nuôi, vừa bảo đảm an toàn lương thực, vừa phát triển sản phẩm hàng hóa. Phải đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất như: lai tạo giống mới thực hiện các biện pháp thâm canh để đạt năng suất và chất lượng cao và có hàng hóa xuất khẩu. Có kế hoạch từng bước phát triển công nghiệp chế biến sản phẩm nông nghiệp; mở rộng diện tích cây ăn quả, cây công nghiệp.

Phải tổ chức đầu tư nghiên cứu khai thác 10.000 ha đất trồng, đồi trọc, xây dựng các dự án trong chương trình kinh tế lớn của tỉnh nhằm tạo ra những vùng cây ăn quả, cây công nghiệp phù hợp với thổ nhưỡng, khí hậu, có giá trị kinh tế cao.

Chính phủ đã có chủ trương về việc giao nông, lâm trường quốc doanh trung ương cho địa phương, tỉnh làm việc với Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm để tiếp nhận và quản lý Nông trường Đồng Giao.

Nguồn lao động của Ninh Bình phong phú, dân có truyền thống trồng mía, tinh thần đến việc mở thêm diện tích trồng mía tạo vùng nguyên liệu lớn đủ bảo đảm để xây dựng nhà máy đường có công suất 3.000 tấn mía/ngày.

Một số nhà máy thuốc lá của Việt Nam đang hợp tác sản xuất thuốc lá với nước ngoài bằng nguyên liệu trong nước; Ninh Bình có một số vùng đất có điều kiện thích hợp, có truyền thống trồng



thuốc lá; phải nghiên cứu giống, đầu tư kỹ thuật để sản xuất nguyên liệu thuốc lá thay cho nguyên liệu nhập.

2. Về công nghiệp và thủ công nghiệp: Đối với công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương trên địa bàn, hướng tới là bỏ dần cơ quan chủ quản, tổ chức lại các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp. Ngoài công nghiệp trung ương trên địa bàn, Ninh Bình cần phát triển mạnh sản xuất vật liệu xây dựng, nhất là sản xuất ximăng được coi là thế mạnh, mũi nhọn của tỉnh, để thu hút lao động và sử dụng nguyên liệu tại chỗ. Địa phương phải xây dựng quy hoạch công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng đến năm 2000, có kế hoạch khai thác các nguồn nguyên liệu một cách lâu bền, bảo đảm hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường thiên nhiên, chấm dứt tình trạng khai thác bừa bãi, tác động xấu đến cảnh quan thiên nhiên và môi trường như hiện nay.

Phải cải tạo các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng hiện có đi đôi với xây dựng các cơ sở mới có quy mô lớn và công nghệ hiện đại. Những thông số khảo sát ban đầu về địa điểm dự kiến xây dựng Nhà máy Ximăng Tam Điệp mà tỉnh lựa chọn có thuận lợi về giao thông, nguồn nguyên liệu, nguồn điện, nước,... Chính phủ sẽ có sự giúp đỡ cần thiết để dự án có thể sớm được triển khai các bước tiếp theo.

Công nghiệp địa phương Ninh Bình còn có những ngành nghề truyền thống như dệt thảm, chiếu cói, đồ đá mỹ nghệ, v.v. có thể tạo được nhiều việc làm, Nhà nước sẽ có hỗ trợ thích hợp để giúp tỉnh duy trì và phát triển các ngành nghề này.

3. Về du lịch và dịch vụ: Ninh Bình có nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng đồng thời có đường giao thông khá thuận tiện như Hoa Lư, Tam Cốc, Bích Động, rừng quốc gia Cúc Phương.... là một tiềm năng lớn về du lịch của tỉnh nhưng chưa được khai thác



đúng mức. Tỉnh cần có quy hoạch phát triển du lịch và dịch vụ và đầu tư hợp lý cho lĩnh vực này. Tuy nhiên phải làm từng bước vững chắc, tính toán kỹ hiệu quả kinh tế và căn cứ vào khả năng vốn của mình.

II- VỀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ CỤ THỂ CỦA TỈNH

1. Việc tỉnh xin để lại phần thu vượt chi tiêu ngân sách địa phương năm 1994 để chi cho một số nhu cầu cần thiết tại địa phương, Chính phủ ghi nhận đề nghị của tỉnh về nhu cầu chi tiêu của một tỉnh vừa mới tách ra. Bộ Tài chính sẽ xem xét về tỷ lệ để lại cho tỉnh thế nào cho hợp lý. Tuy nhiên, Chính phủ cũng mong tỉnh thông cảm với Chính phủ trong tình hình ngân sách đang thiếu hụt lớn chưa tìm được nguồn bù đắp trong khi phải bảo đảm giữ mức bội chi mà Quốc hội cho phép.

Khoản để lại chỉ ở tỉnh nhất thiết phải chi theo dự án cụ thể và phải được Chính phủ duyệt; khi dự án kết thúc phải có quyết toán rõ ràng và hợp thức. Các dự án mới chưa có trong kế hoạch 1994 thì sẽ đưa vào kế hoạch 1995.

2. Việc tỉnh xin thành lập Ngân hàng Công thương của tỉnh Ninh Bình: Tỉnh làm việc với Ngân hàng Nhà nước, nếu chưa thành lập ở tỉnh Ngân hàng Công thương được thì Ngân hàng Nhà nước phải đặt ngay một Chi nhánh Ngân hàng Công thương ở tỉnh Ninh Bình, vì đây là nhu cầu cần thiết, tạo điều kiện cho sản xuất, kinh doanh và phát triển liên doanh kinh tế với nước ngoài cũng như ngành du lịch, dịch vụ ở tỉnh.

3. Chính phủ ủng hộ việc triển khai dự án xây dựng nhà máy xi măng công suất 1,2 triệu tấn/năm ở xã Quang Sơn, thị xã Tam Đeature. Tỉnh làm việc với Bộ Xây dựng và Ủy ban Kế hoạch để



sớm hoàn thành luận chứng kinh tế - kỹ thuật. Chính phủ ủng hộ việc vay vốn trong và ngoài nước để làm nhà máy ximăng này.

4. Về khu di tích Hoa Lư, tỉnh làm việc với Bộ Văn hóa - Thông tin để xây dựng dự án trình Chính phủ phê duyệt. Trước mắt không để khu di tích này bị xuống cấp.

Văn phòng Chính phủ xin thông báo để Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình và các bộ, ngành ở Trung ương có liên quan biết và thực hiện.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Lê Xuân Trinh

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 1961.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 122/TB, ngày 17 tháng 9 năm 1994

Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Lạng Sơn ngày 10/9/1994

Ngày 10/9/1994 tại Hà Nội, Thủ tướng Võ Văn Kiệt và Phó Thủ tướng Trần Đức Lương đã làm việc với lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Cùng dự có lãnh đạo các bộ, ngành trung ương (Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư, Ủy ban Dân tộc và Miền núi; các bộ: Tài chính, Xây dựng, Ngoại giao, Giao thông vận tải, Thương mại, Năng lượng, Công nghiệp nhẹ, Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Lâm nghiệp, Nội vụ, Quốc phòng, Bộ Tư lệnh bộ đội biên phòng, Tổng cục Du lịch, Ban Biên giới của Chính phủ). Sau khi nghe đồng chí Chu Hạp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Lạng Sơn (trong đó có vấn đề quản lý biên giới; xây dựng khu kinh tế Đồng Đăng, Lạng Sơn; chương trình phát triển kinh tế - xã hội của 21 xã biên giới giáp Trung Quốc....) và ý kiến phát biểu của các bộ, ngành trung ương, Thủ tướng Chính phủ đã kết luận như sau:

I- VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

Lạng Sơn là tỉnh miền núi biên giới mẩy năm gần đây phát triển khá toàn diện về các mặt kinh tế - xã hội và an ninh



quốc phòng; đã đỗ khó khăn hơn so với một số tỉnh miền núi biên giới khác (sản lượng lương thực tăng khá, chú trọng cây công nghiệp, cây ăn quả và chăn nuôi trong cơ cấu nông nghiệp, lưới điện đã đến trung tâm huyện lỵ, thu ngân sách trên địa bàn khá, thương nghiệp phát triển phong phú; các mặt văn hóa, thông tin, giáo dục, y tế được quan tâm ở các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa, công tác an ninh - quốc phòng đã chủ động nắm tình hình, ứng phó kịp thời những diễn biến phức tạp, giữ vững chủ quyền lãnh thổ quốc gia).

Tuy nhiên, Lạng Sơn cũng đang còn nhiều khó khăn, lương thực mang tính tự cấp, tự túc, kinh tế hàng hóa chưa phát triển, chuyển đổi cơ cấu kinh tế chưa định hướng rõ, cơ sở hạ tầng giao thông, nước cho sản xuất còn khó khăn; công nghiệp nhỏ bé, thiết bị lạc hậu, du lịch, dịch vụ còn chưa phát triển, đời sống đồng bào dân tộc còn khó khăn, tỷ lệ số hộ nghèo còn cao.

Lạng Sơn cần phát huy lợi thế về các mặt: địa lý, tài nguyên, giao thông, các cửa khẩu, du lịch, dịch vụ... để phát triển kinh tế - xã hội toàn diện. Công nghiệp hóa của Lạng Sơn cần xác định hướng vào công nghiệp chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp khai thác tài nguyên như khai thác than Na Dương... nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong tỉnh, ngoài tỉnh và xuất khẩu. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp phải định hướng rõ phát triển trồng cây lương thực, cây công nghiệp, cây ăn quả, trồng rừng, chăn nuôi ở cả ba vùng: vùng thấp, vùng cao đồi núi đất và vùng cao núi đá vôi. Tập trung vào phát triển cây trồng, vật nuôi có giá trị hàng hóa cao như cây thuốc lá giống mới, cây hòi, cây cà phê chè. Các ngành trung ương phải giúp tỉnh nghiên cứu rõ định hướng phát triển và bố trí cơ cấu kinh tế cho phù hợp. Trước mắt giúp Lạng Sơn về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1995 - 1996.



II- VỀ MỘT SỐ ĐỀ NGHỊ CỦA TỈNH

1. Về quy hoạch xây dựng các cửa khẩu biên giới giáp với Trung Quốc thành khu kinh tế - xã hội phát triển, Chính phủ đã có chủ trương. Bộ Xây dựng, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các ngành liên quan phải phối hợp nghiên cứu cơ chế tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới và giúp tỉnh quy hoạch xây dựng đồng bộ, không để tình trạng mạnh ai nấy làm như hiện nay. Trong quy hoạch xây dựng phải chú ý cảnh quan, môi trường và bảo vệ an ninh biên giới.

Việc xây dựng và phát triển khu kinh tế đô thị Đồng Đăng - Lạng Sơn là cần thiết, Bộ Xây dựng và các ngành liên quan giúp tỉnh lập quy hoạch tổng thể, tính toán kỹ về quy mô và phân định thời gian thực hiện. Trước mắt quy hoạch và xây dựng Đồng Đăng thành thị trấn đẹp, đảm bảo hài hòa về cảnh quan, kiến trúc, môi trường, dân số nhằm phát triển kinh tế - xã hội và an ninh biên giới.

Về liên doanh với nước ngoài hoặc cho nước ngoài thuê đất để xây dựng khu kinh tế, các bộ, ngành trung ương phải bàn thống nhất. Yêu cầu xem xét kỹ cả về hiệu quả kinh tế, lẫn về đối ngoại và an ninh quốc phòng. Trước mắt không để nước ngoài liên doanh, thuê đất ở vùng biên giới cửa khẩu.

2. Về một số điểm ở biên giới phía Trung Quốc còn tranh chấp với ta (đài 05, mốc 17 đông thuộc xã Quốc Khánh - Tràng Định, mốc 33 thuộc xã Ba Sơn, huyện Cao Lộc...) và việc qua lại ở các cửa khẩu tạm thời, giao cho Bộ Ngoại giao và Ban Biên giới của Chính phủ phối hợp chặt chẽ với ủy ban nhân dân địa phương chỉ đạo thực hiện phương án đấu tranh với phía Trung Quốc theo đúng Hiệp định tạm thời về quản lý biên giới và tiếp tục đàm



phán trong khuôn khổ hoạt động của tổ, đoàn đàm phán về biên giới trên bộ giữa hai Chính phủ hiện nay.

3. Về việc rà phá mìn ở biên giới để xây dựng cơ sở hạ tầng, đưa dân ra sản xuất, bảo vệ biên giới là cần thiết. Giao Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cùng Bộ Quốc phòng và Ủy ban nhân dân tỉnh bàn thống nhất biện pháp xử lý. Việc tổ chức thực hiện không chỉ dựa vào nguồn kinh phí ngân sách cấp mà phải bằng nhiều biện pháp. Tổ chức thực hiện các lực lượng bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ tham gia.

4. Về chương trình phát triển 21 xã biên giới giáp Trung Quốc: Chính phủ hoan nghênh lãnh đạo tỉnh đã quan tâm xây dựng được chương trình tổng thể nhằm phát triển kinh tế - xã hội của đồng bào dân tộc các xã vùng giáp biên giới Trung Quốc. Chương trình này cần được các ngành trung ương xem xét, thẩm định và trình Chính phủ phê duyệt.

Trước mắt tỉnh cần chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 525/TTg ngày 02/11/1994 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương, biện pháp phát triển kinh tế - xã hội miền núi, ưu tiên bố trí các dự án thuộc các chương trình: 327, định canh, định cư, nước ăn vùng cao, phòng, chống nghiện hút cho các xã biên giới trong kế hoạch 1995...

5. Các vấn đề kinh tế - xã hội khác như sửa chữa nâng cấp đường giao thông, xây dựng điện lưới, xây dựng thủy lợi cấp nước cho sản xuất, xây dựng nước ăn và các vấn đề về giáo dục, y tế, văn hóa, thông tin, dịch vụ, du lịch... Yêu cầu tỉnh phối hợp với các bộ, ngành trung ương tập trung làm tốt các chương trình, dự án đã có. Những chương trình, dự án mới tỉnh cần làm việc cụ thể với các bộ, ngành trung ương có liên quan để thống nhất về quy hoạch, xác định rõ quy mô và phân đoạn thời gian thực hiện cụ thể để trình thẩm định và phê duyệt theo quy định hiện hành.



6. Về đề nghị của tỉnh cho được hưởng phần thu thuế xuất nhập khẩu do Hải quan thu và các khoản thu vượt năm 1994 trên địa bàn để trả nợ vốn xây dựng cơ bản đã hoàn thành năm 1993 và xây dựng cơ sở hạ tầng cho các xã biên giới, giao bộ Tài chính, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước xem xét, có thể dành một phần các khoản thu vượt của năm 1994 để đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng của tỉnh.

Văn phòng Chính phủ xin thông báo để Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn và các ngành liên quan biết và thực hiện.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Lê Xuân Trinh

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phông Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 1954.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 123/TB, ngày 21 tháng 9 năm 1994

**Ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc với
lãnh đạo tỉnh Thanh Hóa ngày 20/8/1994**

Từ ngày 18 đến ngày 20/8/1994, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã đi thăm và làm việc với lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Thủ tướng đã đến thăm địa điểm xây dựng nhà máy ximăng liên doanh với hãng Mitsubishi; địa điểm xây dựng cảng tại Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia; địa điểm liên doanh mía đường với Đài Loan tại Vân Du, huyện Thạch Thành; Nhà máy đường Lam Sơn và thăm huyện miền núi Quan Hóa.

Tại cuộc họp với lãnh đạo tỉnh Thanh Hóa ngày 20/8/1994, sau khi nghe đồng chí Lê Văn Tu, Bí thư Tỉnh ủy và đồng chí Mai Xuân Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội năm 1993 và 6 tháng đầu năm 1994, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã có ý kiến như sau:

Sự đổi mới nổi bật nhất ở Thanh Hóa là xuất phát từ những thành tích đạt được trong mấy năm gần đây, các cấp lãnh đạo từ tỉnh tới cơ sở và nhân dân đã có cách nhìn mới về hướng đi lên của tỉnh. Tỉnh đã nhận thức được rõ hơn tiềm năng cũng như những hạn chế của địa phương mình. Là một tỉnh lớn, đông dân nhất trong cả nước với đủ các vùng kinh tế: rừng, đồng bằng và biển.



Thanh Hóa đang hòa nhịp vào quá trình chung của đất nước, phát triển khá toàn diện về kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng. Sự tiến bộ của Thanh Hóa khẳng định Thanh Hóa không tụt hậu mà đang từ một tỉnh có nhiều khó khăn (thiên tai mệt mùa, hằng năm phải cứu đói) đã thoát ra khỏi tình trạng thiếu đói, từng bước phát triển đi lên. Sự chuyển biến tích cực ở Thanh Hóa cũng như một số tỉnh ở miền Bắc và đồng bằng sông Cửu Long có thể chỉ ra hướng đi mới cho các tỉnh khác trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

I- MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN XÁC ĐỊNH TRƯỚC MẮT VÀ LÂU DÀI CỦA THANH HÓA TRONG TÌNH HÌNH MỚI

1. Những thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

- Thanh Hóa ở vị trí địa lý rất thuận lợi cho việc liên doanh, liên kết với các địa phương và các đơn vị trong và ngoài nước. Nằm ở giữa hai miền của đất nước, Thanh Hóa có thể dễ dàng tiếp cận với hai thị trường lớn nhất của cả nước ở phía Bắc và ở phía Nam, đồng thời có thể tiếp nhận các mặt hàng mà tỉnh không sản xuất vì hiệu quả kinh tế thấp từ hai miền này.

- Với số dân hơn 3 triệu người, Thanh Hóa có nguồn lao động dồi dào cho việc phát triển nông nghiệp và công nghiệp hóa. Tuy nhiên tỉnh cần đẩy mạnh công tác kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ tăng dân số để có thể đảm bảo đủ việc làm cho người trong độ tuổi lao động và không để áp lực về dân số tác động tiêu cực đến tiến độ phát triển kinh tế - xã hội.

- Về hạ tầng cơ sở: một thuận lợi lớn của Thanh Hóa là có quốc lộ 1 và đường sắt Bắc - Nam chạy xuyên suốt chiều dài của tỉnh, tạo thành huyết mạch giao thông quan trọng của tỉnh,



nối tinh với các địa phương khác. Hơn nữa, cả hai tuyến đường này đã được đưa vào kế hoạch nâng cấp của Nhà nước. Vùng Nghi Sơn rất thuận lợi cho việc xây dựng một cảng nước sâu. Ngoài ra, sân bay quân sự Sao Vàng nằm trên địa bàn tỉnh có thể khai thác phục vụ hoạt động thương mại, kết hợp quốc phòng với kinh tế. Tuy nhiên, Thanh Hóa cũng còn nhiều khó khăn về hạ tầng cơ sở: Các tuyến đường giao thông xuống huyện, xã, nhất là xuống các huyện, xã miền núi quá xấu, mạng lưới dây dẫn, thiết bị biến thế điện quá cũ đã hạn chế tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp dần.

- Về du lịch dịch vụ: Trong tương lai số lượng khách nước ngoài đến du lịch tại Việt Nam mỗi năm một tăng, khách du lịch trong và ngoài nước đến các địa điểm du lịch của tỉnh sẽ đông hơn. Tỉnh cần có phương án quy hoạch xây dựng các nhà nghỉ và tổ chức các dịch vụ phục vụ ăn, nghỉ, vui chơi giải trí lành mạnh để thu hút khách du lịch. Đồng thời cũng đề phòng, ngăn chặn các tệ nạn xã hội khi du lịch dịch vụ phát triển.

Đó là những thuận lợi rất cơ bản của tỉnh, nếu biết khai thác tốt, tỉnh có nhiều khả năng phát triển nhanh, vững chắc. Tiềm năng lớn của Thanh Hóa đang có sức hấp dẫn với bên ngoài. Trong điều kiện quan hệ quốc tế ngày càng được mở rộng, Thanh Hóa cần nỗ lực đẩy mạnh quan hệ kinh tế với các tỉnh, thành phố khác trong nước, phát triển quan hệ hợp tác với nước ngoài, tạo đà cho Thanh Hóa phát triển.

2. Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh đã được từng bước quán triệt, và có sự thống nhất ngày càng cao, đã đổi cách suy nghĩ làm ăn theo kiểu độc canh lúa, hướng sang phát triển toàn diện,



đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm nông nghiệp, đẩy mạnh trồng rừng, sản xuất công nghiệp, phát triển du lịch, dịch vụ. Tỉnh cần tổ chức nghiên cứu để chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở ba vùng lớn:

a) *Vùng đồng bằng*: Tập trung sản xuất lương thực, chăn nuôi và phát triển các ngành nghề, chú ý thực hiện thâm canh đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào nông nghiệp để nâng cao năng suất và sản lượng lương thực, phấn đấu đạt mức sản lượng lương thực hàng năm trên 1 triệu tấn mà không phải tăng diện tích lúa. Cần gắn sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến quy mô nhỏ và vừa và tổ chức xuất khẩu để tiêu thụ sản phẩm hàng hóa từ nông nghiệp, tạo cho nông dân tăng thêm thu nhập.

b) *Vùng ven biển*: Tuy tỉnh có tiềm năng lớn về hải sản, song việc khai thác cũng như nuôi trồng hải sản vẫn còn chưa phát triển. Nếu khai thác và nuôi dưỡng tốt, nguồn hải sản có thể trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Vì vậy, tỉnh cần hỗ trợ cho các cơ sở khai thác nuôi trồng hải sản tìm các nguồn vốn, giúp họ về kỹ thuật đánh bắt, nuôi trồng hải sản, về chế biến hải sản và thị trường tiêu thụ để phát triển ngành hải sản.

c) *Vùng miền núi*: Mấy năm trước đây, các huyện miền núi Thanh Hóa còn ở tình trạng hết sức khó khăn, thiếu lương thực thường xuyên gay gắt, làm tăng thêm khó khăn của tỉnh. Nay miền núi Thanh Hóa đã không phải lo vấn đề lương thực, tạo tiền đề phát triển kinh tế rừng, cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi và công nghiệp chế biến. Việc chuyển cơ cấu cây trồng ở vùng trung du và miền núi của tỉnh theo hướng nâng cao hiệu quả kinh tế của cây trồng đang bước đầu thay đổi bộ mặt và vai trò của miền núi và trung du trong cơ cấu kinh tế của tỉnh; từ chỗ là gánh nặng của tỉnh, đang trở thành một trong những động lực phát triển quan trọng.



Tuy nhiên, các huyện miền núi còn khó khăn lớn về cơ sở hạ tầng (đường giao thông xuống cấp, nhiều nơi chưa có điện...). Tỉnh cần có kế hoạch chỉ đạo tập trung phát triển kinh tế ở hai vùng: miền Trung du núi thấp và miền Trung du núi cao; nghiên cứu giống cây trồng và vật nuôi thích hợp, đồng thời tận dụng điều kiện thiên nhiên ưu đãi để phát triển công nghiệp mía đường và công nghiệp sản xuất ximăng. Đây là hai ngành công nghiệp có khả năng cung cấp sản phẩm lớn cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

3. Từng bước xây dựng và phát triển công nghiệp

Để tạo đà cho quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa, tỉnh cần sớm quy hoạch xây dựng một số khu công nghiệp sản xuất và chế biến sản phẩm, đáp ứng nhu cầu trong và ngoài tỉnh và xuất khẩu; trước mắt quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp ximăng Bỉm Sơn, Nghi Sơn; khu công nghiệp mía đường Thạch Thành, Lam Sơn và tìm các đối tác nước ngoài để hợp tác đầu tư xây dựng.

II- VỀ MỘT SỐ ĐỀ NGHỊ CỤ THỂ CỦA TỈNH

1. Xung quanh việc quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản

- Đồng ý và khuyến khích tỉnh xây dựng cơ sở công nghiệp chế biến gắn với vùng nguyên liệu khu công nghiệp vật liệu xây dựng, đặc biệt là hai vùng ximăng Bỉm Sơn và Nghi Sơn.

Việc liên doanh với Công ty đường của Đài Loan để sản xuất mía đường với quy mô 6.000 tấn mía/ngày đã có chủ trương, cần xây dựng cụm công nghiệp tập trung quanh khu vực mía đường.



Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư cần làm việc khẩn trương với Bộ Thương mại và các ngành liên quan, sớm hoàn thành các thủ tục cần thiết để việc liên doanh được thuận tiện.

- Về xây dựng cảng thương mại ở Nghi Sơn, nếu khảo sát xác định Nghi Sơn là cảng tốt nhất của Thanh Hóa thì việc quy hoạch xây dựng là hợp lý, Bộ Giao thông vận tải cần cùng các ngành liên quan nghiên cứu xác định vấn đề này và trình Chính phủ xem xét.

- Về xây dựng các tuyến đường giao thông: Đường 15 (qua Mục Sơn - Hồi Xuân), đường 7 (qua Bỉm Sơn - Thanh Hoá), đường 10 (qua Nga Sơn - Hậu Lộc), tỉnh cần tính toán đưa vào kế hoạch sửa chữa tu bổ, nâng cấp hằng năm và có thứ tự ưu tiên. Đường 15A hết sức quan trọng liên quan đến cả vùng công nghiệp phía tây Thanh Hóa, Chính phủ ghi nhận để xem xét. Về vốn cần theo phương thức vay hoặc hợp tác với bên ngoài và có biện pháp thu hoàn vốn.

Đối với các tuyến đường đến các huyện, xã miền núi thực hiện theo Chỉ thị số 525/TTg ngày 02/11/1993 của Thủ tướng Chính phủ, trước hết tỉnh lo bằng cách làm đường cấp phối, có thể đi được bốn mùa.

- Hiện nay nguồn điện không thiếu, vấn đề là lưới điện. Việc xin nâng cấp hệ thống tải điện an toàn cho phụ tải, đưa điện lên một số huyện miền núi như Bá Thước, Quan Hóa và các vùng trọng điểm kinh tế là cần thiết. Việc cải tạo xây dựng lưới điện từ 35 kV trở xuống phải dựa vào vốn huy động trong dân, vận động dân đóng góp vào việc nâng cấp và mở rộng mạng lưới điện tiêu dùng, ngành điện sẽ thanh toán lại bằng sản phẩm điện.

- Về đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện 13 vạn KW Cửa Đạt để tưới cho 85.000 ha lúa thuộc vùng Thường Xuân,



Ngọc Lặc, Thiệu Yên, Thọ Xuân, Chính phủ ghi nhận, tỉnh làm việc với Bộ Thủy lợi, Bộ Năng lượng và các ngành liên quan để làm dự án trình Chính phủ xem xét.

- Đối với số nhà khách của các bộ, ngành trung ương ở Sầm Sơn đang được dùng để kinh doanh khách sạn và dịch vụ, Chính phủ sẽ giải quyết vấn đề này, đưa tất cả vào kinh doanh mà không ảnh hưởng gì đến việc nghỉ ngơi, an dưỡng của cán bộ, nhân viên các ngành.

2. Một số vấn đề về cơ chế, chính sách

- Đề nghị của tỉnh về tăng nguồn vốn vay trung hạn và dài hạn là nhu cầu chính đáng, các địa phương khác cũng mong muốn như vậy, nhưng hiện nay Ngân hàng chưa có khả năng huy động vốn...¹. Việc vay đầu tư chi tiêu sâu, đổi mới công nghệ có thể vay...² trên cơ sở tính toán chặt chẽ hiệu quả kinh tế và khả năng, thời hạn hoàn trả. Tỉnh cần tổ chức huy động vốn trong dân, có thể bằng hình thức cổ phần hóa hoặc các hình thức khác, bảo đảm hiệu quả kinh tế của các dự án đồng thời mang lại lợi ích thiết thực cho dân.

- Chính phủ đã có chủ trương các khoản thu từ chuyển quyền sử dụng đất chủ yếu đầu tư cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng. Việc tỉnh xin sử dụng 100% nguồn thu từ chuyển quyền sử dụng đất để xây dựng cơ sở hạ tầng, Chính phủ sẽ bàn với các bộ, ngành hữu quan để xác định tỷ lệ để lại hợp lý. Yêu cầu tỉnh làm việc với các bộ, ngành liên quan để tính toán lập phương án cụ thể đầu tư vào những cơ sở hạ tầng nào trình Chính phủ xem xét.

- Việc xin để lại nguồn thu tiết kiệm do Trung ương giao năm 1994 để thanh toán lớp học ca 3 và phòng học bằng tranh, tre,

1, 2. Bản gốc mờ, chúng tôi chưa xác minh được (B.T).



núi, lá, Chính phủ ghi nhận và giao cho Bộ Tài chính, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét tính toán trong cân đối chung.

Văn phòng Chính phủ xin thông báo để Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa và các bộ, ngành liên quan biết và thực hiện.

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ**

Lê Xuân Trinh

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 1984.

PHÁT BIỂU
TẠI KỲ HỌP THỨ 6, QUỐC HỘI KHÓA IX
Tiến vào thời kỳ phát triển mới của đất nước

Ngày 20 tháng 10 năm 1994

Thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước,

Thưa Đoàn Chủ tịch,

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Năm 1994 giữ vị trí quan trọng trong việc củng cố và phát huy những thành tựu mà nhân dân ta đã giành được trong tiến trình đổi mới, tạo đà mạnh mẽ hơn cho việc hoàn thành vượt mức kế hoạch năm năm 1991 - 1995 và đẩy mạnh sự phát triển trong những năm sau.

Năm nay, bên cạnh việc hoàn thành nhiệm vụ thu và chi ngân sách với khối lượng lớn thường dồn vào mấy tháng cuối năm, tiếp tục điều hòa lưu thông tiền tệ, chúng ta còn phải đối phó với những thiệt hại nặng nề do thiên tai gây ra; riêng các cơn bão số 7, 8, và 9 tại nhiều vùng trên miền Bắc, miền Trung và lũ lụt lớn bất thường ở đồng bằng sông Cửu Long từ tháng 9 vừa qua làm tổn thất hàng trăm sinh mạng, gây ngập úng trên nhiều vùng rộng lớn, ngoài ra phá hủy nhiều công trình, nhà cửa và tài sản khác trị giá hàng trăm tỷ đồng. Chính phủ đã chỉ đạo kịp thời và có những biện pháp cứu trợ cấp bách để hạn chế thiệt hại. Các ngành, các đoàn thể cùng đồng bào trong nước và kiều bào ở nước ngoài đang nhiệt tình chia sẻ hoạn nạn với nhân dân các



vùng bị thiên tai, lũ lụt bằng các nghĩa cử góp phần bù đắp tổn thất. Hậu quả nặng nề của đợt thiên tai này còn tác động không nhỏ đến năm 1995 và những năm sau. Việc khôi phục sản xuất và đời sống ở các vùng này còn đòi hỏi nhiều tiền của, công sức và thời gian. Chính phủ hết sức cảm thông những tổn thất rất lớn của đồng bào các tỉnh bị bão lụt, tin tưởng rằng truyền thống “lá lành đùm lá rách” của dân tộc ta được thể hiện và tiếp tục phát huy sẽ là nguồn hỗ trợ và cổ vũ to lớn để sớm khôi phục và ổn định cuộc sống ở các vùng này.

Chính phủ đã gửi đến các vị đại biểu Quốc hội bản báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội năm 1994 và kế hoạch năm 1995. Dưới đây, tôi xin thay mặt Chính phủ trình bày với Quốc hội những nhận định tổng quát về tình hình năm 1994 và những vấn đề lớn đang đặt ra cho sự phát triển của đất nước trong thời gian tới.

I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH NĂM 1994

Qua tình hình chín tháng đầu năm và ước tính cả năm, có thể đánh giá khái quát kết quả thực hiện những nhiệm vụ đã được kỳ họp thứ 4 của Quốc hội khóa IX (tháng 12/1993) đề ra cho năm 1994 như sau:

Về thành tựu, nổi lên mấy nét chính:

Một là, những thành tựu kinh tế - xã hội của những năm trước được củng cố và phát huy cao hơn, duy trì được tốc độ tăng trưởng khả quan, tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô và tăng thêm đầu tư phát triển, đồng thời bước đầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, tạo thêm thuận lợi cho sự phát triển của những năm tới.

Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 1994 có khả năng đạt 8,5% (kế hoạch đề ra 8%); sản xuất công nghiệp



tăng 13% (kế hoạch 11%), sản xuất nông, lâm nghiệp đạt kế hoạch tăng 4% mặc dù gặp thiên tai lớn; kim ngạch xuất khẩu ước đạt 3,6 tỉ USD, tăng 20,8%. Như vậy, kể từ năm 1989, nền kinh tế liên tục đạt được tốc độ tăng trưởng trên 5%. Trong bốn năm đầu thực hiện kế hoạch năm năm 1991 - 1995, với tốc độ tổng sản phẩm trong nước tăng bình quân 7,8% (kế hoạch 5 - 6%), nhiều chỉ tiêu kinh tế quan trọng đề ra cho năm 1995 (tổng sản phẩm trong nước, sản lượng công nghiệp, nông nghiệp, lương thực, dầu thô, ximăng, thép, v.v.) đã đạt và vượt mức vào năm 1994.

Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ ước tăng 79%, với chỉ số giá tăng khoảng hơn 10%. Tỷ giá hối đoái và giá vàng không biến động lớn. Thu ngân sách có thể tăng 27% (vượt 10,8% so với kế hoạch được Quốc hội duyệt). Tín dụng được mở rộng hơn với tỷ trọng cho hộ nông dân và khu vực ngoài quốc doanh vay tăng hơn năm trước. Tuy không kèm được lạm phát ở mức một con số như nghị quyết của Quốc hội, nhưng chỉ số giá cả đến tháng 9 là 9,9% phản ánh đúng thực tế thị trường, trong đó mức tăng cao là giá lương thực thực phẩm có lợi cho nông dân. Nhìn chung, thị trường vẫn ổn định.

Vốn đầu tư xây dựng cơ bản toàn xã hội ước tăng 36%; vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài được thực hiện trong năm tăng 60%. Bên cạnh việc đầu tư vừa và nhỏ của các doanh nghiệp để đổi mới trang thiết bị, mở rộng sản xuất, kinh doanh và của nhân dân vào nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp và dịch vụ, một số công trình quan trọng, nhất là điện, ximăng, giao thông, đã và sắp hoàn thành làm tăng thêm cơ sở vật chất - kỹ thuật cho bước phát triển mới. Hệ thống tải điện 500 kV Bắc - Nam đi vào vận hành, là xương sống tạo ra mạng lưới điện quốc gia thống nhất, góp phần thúc đẩy phát triển những khu công nghiệp và



đô thị mới, cải thiện sinh hoạt của nhân dân, tăng thu ngân sách cho Nhà nước và tiết kiệm sử dụng những loại năng lượng khác. Công nghiệp dầu khí tiếp tục tăng sản lượng và đang đứng trước những triển vọng to lớn với việc phát hiện thêm những trữ lượng cả dầu và khí có thể sớm khai thác; đường ống dẫn khí vào bờ sắp hoàn thành. Các ngành hàng không và bưu điện viễn thông có bước phát triển nổi bật. Các ngành vận tải đường sắt, đường biển và đường bộ đều có tiến bộ mới. Trong hợp tác với nước ngoài, đến hết tháng 9/1994 đã cấp 1.000 giấy phép đầu tư, với tổng số vốn đăng ký là 10 tỉ USD. Một số khu công nghiệp mới đang được hình thành, một số dự án đầu tư trực tiếp trong các ngành ximăng, điện tử, cán thép, cơ khí, lắp ráp và chế tạo, chế biến thực phẩm và hàng tiêu dùng, khách sạn du lịch, v.v., đã và sắp hoàn thành, góp phần tăng thêm năng lực sản xuất của nền kinh tế.

Cơ cấu kinh tế sau hơn một thập kỷ hầu như không thay đổi đã bắt đầu chuyển dịch. Tỷ trọng của công nghiệp trong tổng sản phẩm trong nước, từ 18,8% năm 1990, nay đã tăng lên 22%. Trong khoảng thời gian này, các ngành dịch vụ cũng tăng tỷ trọng từ 36,3% lên 39%, nông nghiệp tiếp tục tăng khá về số tuyệt đối, về tỷ trọng từ 40,3% đã giảm xuống còn 35%.

Khi mới chuyển sang cơ chế thị trường, vì phải chấp nhận cạnh tranh và làm ăn có hiệu quả, không ít doanh nghiệp rất lúng túng, gần một nửa số doanh nghiệp nhà nước phải sáp xếp lại hoặc giải thể. Nay ngày càng có nhiều doanh nghiệp, nhờ chấn chỉnh tổ chức và quản lý, khai thác những thuận lợi trong giao lưu kinh tế với nước ngoài, đã từng bước đổi mới công nghệ, mở rộng thị trường, nhờ vậy chẳng những đứng vững được mà còn phát triển.



Trên cơ sở những chuyển biến này, Chính phủ đã triển khai việc sắp xếp lại các ngành than, điện, ximăng, dệt, cao su, hàng hải, thuốc lá, đường mía, v.v. thí điểm liên kết một số doanh nghiệp nhà nước thành những tổ chức tập đoàn kinh doanh lớn. Trong khi kinh tế cá thể, tư nhân và các hình thức sở hữu hỗn hợp phát triển nhanh hơn các năm trước, kinh tế quốc doanh vẫn tăng tỷ trọng trong nền kinh tế, phát huy tác dụng trong những ngành then chốt, đặc biệt là trong lĩnh vực đáp ứng nhu cầu công cộng về các sản phẩm và dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống của cả xã hội. Trong tiểu thủ công nghiệp, đã xuất hiện một số hình thức hợp tác góp cổ phần được quần chúng hưởng ứng.

Ở nông thôn, quyền tự chủ và tính năng động của kinh tế hộ nông dân được phát huy theo các chính sách mới đã dẫn tới sự hình thành và phát triển phương thức kinh tế hợp tác mới dưới nhiều hình thức tại một số địa phương; ngày nay, các nông, lâm trường quốc doanh và hợp tác xã tập trung chủ yếu vào các khâu dịch vụ cho sản xuất - kinh doanh nông nghiệp ở đầu vào và đầu ra.

Để tạo cơ sở khoa học cho định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phân bố hợp lý lực lượng sản xuất và dân cư ngay từ đầu quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, năm 1994, đã xúc tiến việc quy hoạch phát triển các vùng, đặc biệt là các địa bàn kinh tế trọng điểm và các đô thị. Trong khi phát huy nhanh lợi thế của các địa bàn trọng điểm, việc hỗ trợ, hướng dẫn sự phát triển của các vùng có nhiều khó khăn, đặc biệt là vùng núi cao, vùng nông thôn sâu được quan tâm hơn trước với nhiều chủ trương, chính sách cụ thể.

Những yếu tố nêu trên cùng với vấn đề lương thực được giải quyết vững chắc trên bình diện cả nước đã thúc đẩy sự chuyển dịch



cơ cấu sản xuất ở nông thôn theo hướng khai thác thế mạnh của từng nơi, tăng nhanh tỷ suất hàng hóa, đáp ứng nhu cầu của thị trường. Sự chuyển dịch này đang được mở rộng ở nhiều vùng, đẩy lùi tình trạng khép kín, tự cấp, tự túc dựa vào thuần nông, độc canh lúa. Có những vùng mới cách đây vài năm còn nghèo khổ, trăm sự trông vào cây lúa nhưng lại rất hiến ruộng, nay trở thành khá giả và có chiều hướng đi lên, vì đã tìm ra con đường đổi mới cơ cấu sản xuất, mở mang được nhiều nghề mới. Vùng đất trống, đồi núi trọc, trước đây tưởng như chỉ là biểu tượng của sự nghèo khó, khô cằn, ngày nay, một số nơi đang từng bước được phủ xanh với cơ cấu cây trồng thích hợp và được quản lý theo cơ chế mới, tăng nhanh thu nhập của dân cư và góp phần tích cực bảo vệ môi sinh.

Hai là, sự kết hợp phát triển kinh tế với giải quyết những vấn đề văn hóa, xã hội trong năm qua đã có những nỗ lực mới, đưa lại nhiều kết quả hơn trước.

Tốc độ tăng trưởng và sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế đi đôi với việc mở rộng quy mô đầu tư đã tăng thêm cơ hội giải quyết việc làm cho hàng chục vạn lao động, tình trạng thiếu việc làm ở thành thị và nông thôn giảm bớt căng thẳng. Đến nay, mạng lưới điện đã về tới 50% số xã. Nhiều hộ nghèo đói đã nỗ lực vươn lên với sự giúp đỡ có hiệu quả của Chính phủ, các ngành, các đoàn thể và đồng bào nhân dân. Chính sách đối với người có công với nước được bổ sung, góp phần hỗ trợ vật chất và nâng cao giá trị tinh thần. Những vùng nghèo được sự hỗ trợ của Chính phủ đã tích cực tìm phương hướng phát triển mới để xóa đói, giảm nghèo. Nhờ những cố gắng đó, chúng ta đã căn bản chấm dứt được nạn thiếu đói kinh niên khi giáp hạt. Đời sống của đồng bào dân cư trên nhiều vùng được cải thiện; số hộ nghèo giảm và mức khó khăn về đời sống cũng bớt gay gắt hơn trước.



Miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhìn chung, có tiến bộ trên một số mặt trong chuyển dịch cơ cấu sản xuất, hướng vào khai thác thế mạnh của từng vùng, thực hiện các chương trình bảo vệ, tái sinh rừng và phủ xanh đồi núi trực đi đôi với chính sách giao đất rừng cho dân (tính đến hết năm 1994, đã giao được 5 triệu hécta); xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, về nước sinh hoạt và về y tế, giáo dục, văn hóa; phát triển các trường dân tộc nội trú và đưa các hoạt động chống dịch bệnh xuống bản làng. Nhờ vậy, đời sống của nhân dân ở một số vùng giảm bớt khó khăn, tăng được số hộ đủ ăn và khá giả, nhất là ở các vùng đổi mới được cơ cấu sản xuất.

Sự nghiệp giáo dục đã bước đầu khắc phục tình trạng giảm sút kéo dài nhiều năm về quy mô và chất lượng dạy học. Nhiều nơi đã tăng thêm được cơ sở vật chất, giảm được tình trạng trường học “ba ca”. Số lượng học sinh các cấp học đều tăng, tỷ lệ học sinh đến tuổi đi học không đến trường và tỷ lệ bỏ học ít hơn trước. Chất lượng giáo dục được coi trọng hơn. Các trường đại học được sắp xếp lại một bước với việc thành lập Đại học Quốc gia ở Hà Nội, xúc tiến thành lập Đại học Quốc gia ở Thành phố Hồ Chí Minh và một số đại học khu vực. Việc đào tạo và đào tạo lại cán bộ, viên chức, nhân viên kỹ thuật được quan tâm. Yêu cầu ngày càng lớn về học nghề, ngoại ngữ, tin học được đáp ứng tốt hơn.

Công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ thu hút được nhiều lực lượng tham gia ở cả các viện, các trường, các cơ quan và một số cơ sở sản xuất, phát huy được tốt sự đóng góp của trí thức ở nước ngoài. Các chương trình trọng điểm được tổ chức và chỉ đạo tập trung; một số kết quả nghiên cứu đã phát huy tác dụng trong cuộc sống, nhất là về ứng dụng công nghệ mới. Sau khi Luật bảo vệ môi trường được ban hành, công tác này đang được triển khai.



Công tác thông tin, văn hóa, thể dục thể thao có những tiến bộ mới trong hoạt động ở cơ sở, mang tính quần chúng rộng rãi cũng như các hình thức chọn lọc ở trình độ cao, chú trọng phát huy văn hóa dân tộc và truyền thống lịch sử, đặc biệt là trong các ngày kỷ niệm lớn. Diện phủ sóng phát thanh và truyền hình tiếp tục được mở rộng, với nội dung chương trình từng bước được cải tiến.

Trong điều kiện rất thiếu thốn, chúng ta đã cố gắng cải thiện một bước mạng lưới y tế, nhất là ở cơ sở. Thực hiện chương trình xóa “xã trăng về cơ sở y tế”, đã có thêm trên 300 trạm xá xã được xây dựng. Các chương trình quốc gia về phòng chống bệnh tật được triển khai có kết quả, nhất là trong việc chống bệnh sốt rét, bệnh bướu cổ, tiêm phòng cho trên 80% trẻ em, tiến tới sớm thanh toán bệnh bại liệt. Công tác kế hoạch hóa gia đình đã có bước tiến bộ đáng kể. Việc tăng kinh phí và phân bổ công khai toàn bộ kinh phí về địa phương theo chương trình mục tiêu, cùng với việc xây dựng mạng lưới đến tận xã, phường đã lần đầu tiên làm cho tỷ lệ sinh đẻ bắt đầu giảm.

Việc giáo dục phòng chống HIV/AIDS được đẩy mạnh thường xuyên hơn. Việc đấu tranh ngăn chặn và bài trừ các tệ nạn ma túy, mãi dâm, cờ bạc được tiến hành kiên quyết hơn, kết hợp các biện pháp giáo dục, cải tạo với các biện pháp xử lý nghiêm khắc.

Có thể đánh giá khái quát là lĩnh vực văn hóa, xã hội năm 1994 đã đạt được tiến bộ rõ hơn các năm trước.

Ba là, an ninh, quốc phòng được củng cố vững chắc:

Những thành tựu kinh tế - xã hội đạt được trong năm 1994 đã góp phần rất quan trọng củng cố trật tự, an ninh xã hội, củng cố quốc phòng.



Với phương thức cung cổ, nâng cao hoạt động an ninh xã hội ngay từ cơ sở, về cơ bản chúng ta đã giữ gìn được trật tự, an ninh xã hội, bảo vệ cuộc sống yên lành của nhân dân, đồng thời, bảo vệ vững chắc an ninh chính trị. Trong những điều kiện phát triển mới của đất nước, đã xuất hiện những mô hình mới, nhân dân tự đảm nhiệm trật tự và an toàn xã hội trong địa phương của mình, thể hiện phong trào quần chúng tự giác tham gia nhiệm vụ này.

Quân đội ta được tiếp tục bổ sung thêm năng lực mới, chiến lược chiến thuật của chiến tranh nhân dân được hoàn chỉnh thêm, phù hợp với yêu cầu phòng thủ đất nước trong tình hình mới và đã tạo ra sự bố trí lực lượng thích hợp. An ninh quốc gia ở biên giới, biển và đảo luôn luôn được coi trọng.

Trong mọi điều kiện có thể của đất nước, Đảng và Nhà nước đã dành sự quan tâm rõ rệt đối với đời sống của cán bộ, chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang, cố gắng thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội và các chính sách đối với thương binh, liệt sĩ, đối với những người và gia đình có công với đất nước.

Bốn là, quan hệ kinh tế với bên ngoài tiếp tục được mở rộng, nhiều hoạt động đối ngoại quan trọng diễn ra trong năm 1994 đã góp phần nâng cao thêm vị trí nước ta trong các mối quan hệ quốc tế.

Trong năm qua, các lĩnh vực ngoại thương, thu hút đầu tư nước ngoài, vận tải và du lịch, dịch vụ đối ngoại đều tăng trưởng nhanh hơn nhịp độ chung của nền kinh tế.

Chúng ta đã làm nhiều việc để trở thành quan sát viên của tổ chức Hiệp ước chung về thương mại và thuế quan (GATT) và đang tích cực chuẩn bị điều kiện để sớm tham gia tổ chức thương mại quốc tế này. Hiệp định khung cho các mối quan hệ kinh tế giữa nước ta với Liên minh châu Âu (EU) đang đi vào bước hoàn tất



để ký kết. Quan hệ với các tổ chức Quý tiền tệ quốc tế, Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển châu Á (IMF, WB, ADB) được mở rộng thêm, tạo thuận lợi cho việc tài trợ nhiều công trình quan trọng. Việc đạt được thỏa thuận về xử lý nợ của ta tại Câu lạc bộ Pari và Câu lạc bộ Luân Đôn đã giảm và hoãn được một phần quan trọng nợ phải trả, khai thông được quan hệ thương mại và tín dụng với các nước chủ nợ.

Dư luận thế giới hoan nghênh việc nước ta quyết định gia nhập ASEAN, coi đây là một bước tiến mới của hòa bình, ổn định và hợp tác trong khu vực. Chính phủ ta đang khẩn trương tiến hành những chuẩn bị cần thiết cho việc trở thành thành viên đầy đủ của tổ chức này. Chúng ta hiểu rằng đây là một bước tăng cường quan hệ với các nước trong khu vực, phù hợp với lợi ích quốc gia của ta đòi hỏi những nỗ lực rất lớn để có thể tham gia có hiệu quả vào các hoạt động theo thể thức của tổ chức này.

Chúng ta đã trở thành thành viên liên kết của Hội đồng Hợp tác kinh tế Thái Bình Dương (PECC), tiếp cận với Hội đồng Hợp tác kinh tế lỏng chảo Thái Bình Dương (PBEC) và quan tâm mở các mối liên hệ với Diễn đàn kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC). Việc Quốc hội phê chuẩn Công ước quốc tế 1982 về Luật biển khẳng định ý chí của Nhà nước ta tham gia vào hệ thống luật pháp quốc tế, một nhân tố quan trọng để xây dựng trật tự quốc tế mới phù hợp với chủ quyền và lợi ích chính đáng của các quốc gia.

Trong năm 1994, các cuộc đi thăm của lãnh đạo cấp cao nước ta và những cuộc viếng thăm nước ta của lãnh đạo và chính khách các nước đánh dấu sự phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác của nước ta với nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là khu vực châu Á - Thái Bình Dương.



Đối với những vấn đề tồn tại do lịch sử để lại hoặc mới nảy sinh trong quan hệ quốc tế có liên quan đến lợi ích của nước ta, bao gồm vấn đề biên giới, lãnh thổ, Việt kiều, người Việt Nam di tản..., thái độ của chúng ta là kiên trì tiến hành đối thoại, đấu tranh đúng mức, phù hợp luật pháp quốc tế và hợp lẽ phải, phản đối dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực để giải quyết tranh chấp đã được đồng đảo dư luận trên thế giới đồng tình và đánh giá cao.

Sau khi Chính phủ Hoa Kỳ bãi bỏ cấm vận đối với nước ta, hai bên đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong các cuộc đàm phán về bình thường hóa quan hệ. Việc mở cơ quan liên lạc ở Thủ đô hai nước chỉ còn lại vấn đề kỹ thuật phải giải quyết. Trong thời gian qua, nhiều lần các đại diện Chính phủ Hoa Kỳ lên tiếng đánh giá cao quan điểm nhân đạo và tích cực của ta trong vấn đề người mất tích và tù binh chiến tranh (MIA/POW). Hai nước đã trao đổi nhiều đoàn quan chức và các nhà kinh doanh. Trong bước khởi đầu, các công ty Mỹ đã có 16 dự án đầu tư trực tiếp vào Việt Nam được cấp giấy phép với số vốn đăng ký 171 triệu USD. Tiến trình đi tới bình thường hóa quan hệ hai nước đang tiếp diễn theo chiều hướng tích cực, tuy vẫn còn những trở lực phải vượt qua.

Về những thiếu sót:

Những thành tựu giành được trong năm 1994 đáng phấn khởi, tuy nhiên chúng ta vẫn phải thẳng thắn nhìn vào những thiếu sót:

Một là, kinh tế năm 1994 tuy giành được tiến bộ trên nhiều phương diện, tốc độ tăng trưởng tuy khá, nhưng nhìn chung, sự phát triển chưa đủ vững chắc, chất lượng và hiệu quả kinh tế còn nhiều mặt hạn chế. Tình hình này trước hết thể hiện trên các phương diện: những công cụ điều hành vĩ mô còn phải tiếp tục



khắc phục những mặt yếu kém, khu vực kinh tế nhà nước, trong đó đặc biệt là kinh tế quốc doanh - chưa vươn lên làm tốt vai trò chủ đạo, khu vực hợp tác xã chậm được đổi mới, thị trường trong cả nước nói chung còn nhiều khâu ở dạng sơ khai và chưa hoàn thiện, năng lực quản lý của bộ máy nhà nước còn những mặt chưa theo kịp với sự phát triển của đất nước.

Chính những yếu kém này làm cho sự phát triển của lực lượng sản xuất còn bị giới hạn, sự tăng trưởng kinh tế chưa gắn với việc thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển toàn diện các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác, một số vấn đề văn hóa, xã hội và môi trường này sinh chưa được khắc phục kịp thời. Riêng về quan hệ sản xuất, còn thiếu những biện pháp đủ tầm mức nhằm nâng cao vai trò và hiệu quả của kinh tế quốc doanh, khuyến khích những mô hình kinh tế hợp tác có hiệu quả, hỗ trợ sự năng động của kinh tế hộ, hướng dẫn kinh tế tư nhân phát triển có lợi cho quốc kế dân sinh.

Hai là, hệ thống tài chính tiền tệ chưa theo kịp yêu cầu phát triển của nền kinh tế, lại càng chưa trở thành một trong những công cụ quyết định nhất, hiệu nghiệm nhất cho nhiệm vụ quản lý vĩ mô. Nhìn chung, chúng ta chưa hình thành được một nền tài chính quốc gia phù hợp với nền kinh tế mở vận hành trong cơ chế thị trường, những công cụ quan trọng của nền tài chính quốc gia như thuế, hệ thống kế toán, kiểm toán, hệ thống thanh toán, tín dụng và ngân hàng, v.v. chưa đáp ứng được yêu cầu của phát triển.

Trong vấn đề ngân sách nổi lên những vấn đề như: tỷ lệ bội chi ngân sách còn cao, hiệu quả sử dụng ngân sách còn thấp, tỷ lệ chi sai và thất thoát còn lớn. Không ít các đơn vị kinh tế quốc doanh còn thua lỗ hoặc làm thiệt hại ngân sách nhà nước. Chưa giảm bớt được bao nhiêu tình hình vốn, ngân sách không được



sử dụng đúng mục tiêu hoặc bị tiếm dụng. Do thiếu hụt ngân sách, có những công việc tiến hành chậm, dồn vào cuối năm hoặc phải chuyển sang năm 1995, nhất là trong đầu tư xây dựng cơ bản. Thực tế này, cùng với những yêu cầu phải đáp ứng cho xử lý hậu quả của thiên tai lớn năm 1994 sẽ tác động đến ngân sách năm 1995. Ngoài ra, thu ngân sách năm 1994 tuy tăng nhiều, nhưng trong đó có phần quan trọng dựa vào thuế nhập khẩu; không khắc phục tích cực tình hình này sẽ ngày càng khuyến khích nhập siêu và không triệt để khuyến khích huy động mọi nguồn lực cho phát triển sản xuất trong nước, hạn chế sự hòa nhập thị trường nước ta vào thị trường thế giới.

Tình trạng thất thu thuế vẫn còn lớn, chưa làm tốt được việc huy động những nguồn thu trên cơ sở mở rộng sản xuất, kinh doanh. Hệ thống thuế hiện hành vừa quá phức tạp, vừa có nhiều kẽ hở, không ổn định, đang gây ra nhiều trở ngại cho phát triển kinh tế, kinh tế đối ngoại cũng bị ảnh hưởng, đồng thời, không bảo đảm nguồn thu ngân sách.

Trong lúc đất nước còn nghèo, vấn đề tiết kiệm được thường xuyên đôn đốc, nhưng nhiều nơi thực hiện chưa nghiêm túc. Hiện tượng sử dụng những nguồn vốn hiếm hoi cho việc xây dựng trụ sở, mua sắm trang thiết bị đắt tiền, đua nhau tổ chức các hoạt động phô trương, v.v. còn nặng nề. Trong khi đó, không ít ngành, địa phương chưa chú trọng huy động những tiềm lực của bản thân mình đáp ứng cho yêu cầu phát triển, tâm lý trông chờ vào ngân sách nhà nước còn phổ biến. Nhà nước cũng còn thiếu nhiều chế định cần thiết nhằm kiểm soát gắt gao chi tiêu và khuyến khích thực hiện triệt để tiết kiệm.

Phát triển thị trường vốn ngày càng trở thành đòi hỏi rất bức thiết của nền kinh tế nước ta. Những yếu kém trong lĩnh vực



này đang kìm hãm việc huy động và sử dụng tối ưu mọi nguồn vốn trong nước và nước ngoài có thể huy động được. Hệ thống tài chính ngân hàng hiện nay chưa cung ứng được những dịch vụ tài chính tín dụng mà nền kinh tế mở đòi hỏi, chưa làm tốt chức năng phát triển thị trường vốn cũng như chức năng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Việc nghiên cứu, tổ chức thực hiện thí điểm cổ phần hóa, mở thị trường chứng khoán và những hình thức huy động vốn khác tiến hành rất chậm... Hiện nay, ngành nào và địa phương nào cũng phải đương đầu với tình trạng thiếu vốn gay gắt, nhiều tiềm năng sản xuất, kinh doanh bị lãng phí.

Ba là, bộ máy quản lý nhà nước còn cồng kềnh, còn nhiều việc chồng chéo và thủ tục rườm rà, hệ thống luật pháp nhà nước đã được phát triển đáng kể nhưng chấp hành không nghiêm, còn nhiều cơ quan quản lý nhà nước chưa đáp ứng tốt những đòi hỏi mới của phát triển kinh tế, xã hội trong nước.

Đứng trước thời kỳ phát triển mới, phải có một hệ thống hành chính quốc gia phù hợp. Hiến pháp mới và những đạo luật vừa được ban hành liên quan đến tổ chức bộ máy chính quyền là những bước tiến quan trọng. Tuy nhiên, Chính phủ mới chỉ làm được một số việc cải tiến ban đầu. Về đại thể, tổ chức và phương thức làm việc của bộ máy hành chính quốc gia hiện nay chưa thông suốt, còn rất yếu trong xử lý những mối quan hệ liên kết dọc và ngang, thậm chí, có nơi, có lúc hiện tượng cục bộ rất nặng nề. Chế độ phân cấp trách nhiệm thiếu rành mạch, làm trầm trọng thêm tác phong làm việc quan liêu và dựa dẫm. Thẩm quyền và trách nhiệm cá nhân chưa được quy định chặt chẽ. Đây chính là một trong những nguyên nhân quan trọng của tình trạng trì trệ.

Đội ngũ cán bộ, viên chức bộc lộ nhiều mặt chưa đáp ứng với đòi hỏi của những nhiệm vụ xây dựng và quản lý đất nước đang



phát triển trong sự nghiệp đổi mới. Yêu cầu về bổ túc, đào tạo và đào tạo lại để nâng cao năng lực quản lý, kỹ năng hành chính và phẩm chất cán bộ, viên chức nhà nước rất cấp thiết, nhưng công việc này chưa được quan tâm đúng mức. Tình trạng tham nhũng và sách nhiễu dân còn phổ biến ở nhiều nơi, trật tự, kỷ cương xã hội có những mặt sa sút, tội phạm hình sự và tệ nạn xã hội giảm chậm, còn nhiều hiện tượng làm ăn trái phép, nhiều thủ tục hành chính phiền hà gây khó khăn cho công việc làm ăn của nhân dân.

Gần đây Chính phủ thực hiện một số biện pháp cải cách thủ tục hành chính, nhưng công việc mới ở bước đầu, chưa phát huy hiệu quả rõ rệt. Tình hình đó cho thấy sự phát triển của đất nước đang đặt ra yêu cầu gắt gao phải sớm xây dựng một dự án cải cách cơ bản nền hành chính quốc gia, nhằm đáp ứng những yêu cầu quản lý và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bốn là, còn nhiều yếu kém trong kinh tế đối ngoại:

Điều cần nhấn mạnh trước tiên là nhiều doanh nghiệp và cơ quan, trước hết là cơ quan quản lý kinh tế đối ngoại, chưa ý thức đầy đủ sự cạnh tranh gay gắt mà đất nước hiện nay phải đương đầu trong quá trình hội nhập vào kinh tế thế giới. Vì lẽ đó, chúng ta chưa khắc phục có hiệu quả những thua kém trong cạnh tranh với bên ngoài trên nhiều mặt: ngoại thương, đặc biệt là xuất khẩu, thu hút đầu tư, mở rộng hợp tác, tranh thủ các nguồn tài trợ, thâm nhập sâu hơn nữa vào thị trường thế giới, khai phá thị trường mới, v.v..

Tình trạng khá phổ biến hiện nay là chúng ta phải nhập khẩu với giá đắt, xuất khẩu với giá rẻ, thua thiệt còn nhiều. Một khối lượng lớn hàng xuất khẩu còn phải bán qua trung gian, tỷ lệ góp vốn của chúng ta trong hầu hết các công trình liên doanh chỉ



được khoảng 30%, chúng ta chỉ giành được 1/10 khối lượng vận tải hàng hóa ra vào nước ta... Do đó, phần lãi nước ta thu được rất thấp, không ít lợi ích chính đáng của phía ta bị vi phạm. Tình trạng manh mún, tiêu cực và buôn lậu càng khoét sâu thêm thế yếu này của ta.

Giới kinh doanh nước ngoài phê phán Việt Nam trên thực tế không thực hiện được nguyên tắc “một cửa”, họ kêu ca rất đúng về sự phiền hà, sách nhiễu; nhiều lợi thế của nước ta do đó chưa phát huy tốt tác dụng, một số cơ hội kinh doanh bị bỏ lỡ. Chính phủ đã trực tiếp chỉ đạo các cơ quan nhà nước hữu quan nhanh chóng khắc phục tình trạng này, đặc biệt ở các khâu xét duyệt đầu tư, cho thuê đất, thủ tục xuất nhập cảnh, v.v. và sẽ ban hành những biện pháp mới vào cuối quý IV năm 1994.

Nhìn lại, công tác năm 1994 có thể nói, Chính phủ đã có nhiều cố gắng nâng cao năng lực quản lý vĩ mô, quán triệt những nghị quyết của Đảng và của Quốc hội trong quá trình điều hành đất nước. Trên cơ sở đánh giá đúng đắn thời cơ và những thuận lợi mới, Chính phủ đã tập trung nhiều công sức vào những vấn đề lớn, cố gắng thực hiện nhiều biện pháp dứt điểm trong xử lý công việc, quan tâm đến những vùng còn nhiều khó khăn, tích cực chuẩn bị cho những yêu cầu phát triển mới của đất nước. Công tác điều hành của Chính phủ và của các ngành, các cấp trong năm 1994 có một số tiến bộ mới. Đặc biệt, đã chú trọng nâng cao chất lượng chỉ đạo các khâu công tác xây dựng chính sách, nghiên cứu, bố trí kế hoạch. Trong năm, đã quan tâm xem xét, điều chỉnh quy hoạch phát triển, bao gồm quy hoạch tổng thể và quy hoạch vùng để chuẩn bị cho những năm tới. Trong phương pháp điều hành, đã tăng cường khâu nắm sát tình hình, kiểm tra tại chỗ, chỉ đạo kịp thời những vấn đề cấp bách, dành sự giúp đỡ



tích cực cho các ngành, các địa phương trong xử lý những vấn đề của mình, giúp các ngành, các địa phương tăng cường tính chủ động trong công việc, kiên quyết chống những hiện tượng buông lỏng kỷ cương, phân tán, cục bộ.

Chính phủ rất coi trọng tổ chức thực hiện những nghị quyết của Quốc hội về thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, chống buôn lậu.

Đến nay các bộ, ngành Trung ương, các ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương đã có phương án thực hiện tiết kiệm và chống lãng phí. Trong năm, Chính phủ đã áp dụng nhiều biện pháp cụ thể, đồng thời chỉ đạo trực tiếp thủ trưởng các ngành và các cấp đấu tranh chống tham nhũng. Đặc biệt, đã xử lý nghiêm khắc nhiều vụ buôn lậu và làm ăn trái phép. Tuy nhiên, kết quả đạt được còn rất hạn chế, tình trạng tiêu cực và tệ nạn tham nhũng, sách nhiễu dân còn nghiêm trọng, đòi hỏi phải đấu tranh bền bỉ, tích cực cải cách hành chính kết hợp với vận động dư luận nhân dân rộng rãi và các phương tiện thông tin đại chúng phê phán và lên án. Tình hình này cũng là một trong các yếu tố khẳng định cải cách hành chính trở thành vấn đề cấp bách.

Những thiếu sót nêu ở phần trên đồng thời nói lên những việc Chính phủ còn chưa làm được và những mặt còn chưa đủ mạnh trong nhiệm vụ điều hành.

II- MỘT SỐ VĂN ĐỀ LỚN CỦA NĂM 1995

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Trong mấy năm qua nhân dân ta đã nỗ lực giành được nhiều thành tựu quan trọng, tăng cường thêm một bước tiềm lực kinh



tế của đất nước, củng cố sự ổn định về chính trị, nâng cao vị trí nước ta trong quan hệ quốc tế. Những tiến bộ mới của đất nước ngày càng cổ vũ kiều bào ở nước ngoài hướng về Tổ quốc và cùng chung sức xây dựng đất nước, khuyến khích bè bạn và các đối tượng hợp tác của nước ta phát triển những mối quan hệ mới. Những thành tựu này khẳng định sự nghiệp đổi mới đang tiến triển đúng hướng, tăng cường động lực phát triển của nước ta, làm rõ thêm hướng và khả năng đi lên của đất nước, tạo thêm thuận lợi cho việc tranh thủ cơ hội đưa nước ta vào một thời kỳ phát triển nhanh và bền vững hơn.

Trước khi trình bày một số vấn đề lớn của năm 1995, tôi xin nhấn mạnh *tình hình phát triển của đất nước đòi hỏi phải đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới*.

Những thành tựu giành được trong những năm từ khi Đảng ta lãnh đạo nhân dân ta tiến hành sự nghiệp đổi mới cho đến nay đang đặt ra cho toàn bộ đời sống kinh tế, xã hội nước ta nhiều vấn đề mới.

Nông nghiệp không thể dừng lại ở chỗ xác lập quyền sử dụng ruộng đất của nông dân. Yêu cầu bức xúc của nông dân ngày nay là áp dụng kỹ thuật mới trong phương thức làm ăn của mình. Đó không thể là những phương thức cũ, nhưng chắc chắn cũng không thể là phương thức mạnh ai nấy lo hoặc lại để diễn ra quá trình tích tụ ruộng đất thông qua thôn tính lẫn nhau. Lại cũng không thể phát triển và hiện đại hóa trên cơ sở 10 lao động nông nghiệp làm ăn trên một ha ruộng, mỗi năm người nông dân có bình quân vài tháng nông nhàn. Từ vài năm nay, nhiều vùng nông thôn ngày càng đòi hỏi phát triển kinh tế vườn, cây công nghiệp, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, v.v.. Như vậy, xây dựng những mô hình hợp tác gì là phù hợp, làm gì để đưa



thêm nhiều ngành, nghề mới này về nông thôn, làm thế nào để có thể cung cấp thêm dầu vào, bao gồm cả vốn, công nghệ và những dịch vụ cần thiết khác cho quá trình này, sản phẩm mới của nông dân và của lao động trong nông thôn làm ra bán đi đâu? Thật khó hình dung hết sức ép gay gắt của những vấn đề mới này.

Công nghiệp nước ta trong những năm đổi mới và trong cơ chế thị trường đang buộc phải sắp xếp và cơ cấu lại. Hội nghị Trung ương 7 đã đề ra một số nhiệm vụ công nghiệp đến năm 2000 và đã đề cập yêu cầu nghiên cứu chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với nội dung hướng vào xuất khẩu. Ngày nay, xem xét từ bất kỳ góc độ nào, đẩy mạnh công nghiệp hóa đồng nghĩa với yêu cầu phải tham gia ngày càng sâu rộng vào phân công lao động quốc tế, cũng có nghĩa là phải chấp nhận và xử lý được sự cạnh tranh và sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng tăng trên thị trường thế giới.

Lịch sử phát triển công nghiệp của nước ta trong bốn thập kỷ vừa qua với nhiều kinh nghiệm sâu sắc có thể giúp chúng ta hình dung được nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa sắp tới của đất nước khó khăn phức tạp như thế nào - đặc biệt là trong một môi trường thế giới ngày nay cách mạng khoa học và công nghệ mang lại những khả năng và thách thức không lường hết được, thị trường thế giới ngày càng toàn cầu hóa đang thúc đẩy hợp tác kinh tế, đồng thời, tạo ra cạnh tranh gay gắt hơn giữa các quốc gia.

Nhìn rộng ra những lĩnh vực khác của cả nước, những yêu cầu của phát triển càng vô cùng bức xúc. So với cách đây 5 năm, tổng sản phẩm trong nước chúng ta làm ra tăng hơn gấp rưỡi, lưu lượng hàng hóa xuất khẩu tăng hơn 3 lần, nhập khẩu tăng hơn 2 lần,... Cũng so với cách đây 5 năm sức mua của dân tăng lên



gấp 2 lần, nhu cầu của nền kinh tế về nguyên liệu, năng lượng, giao thông vận tải, dịch vụ đều tăng khá. Trong những năm tới, theo dự tính kế hoạch những chỉ số này còn phải cao hơn nữa. Ví dụ, năm 2000, kim ngạch xuất khẩu phải tăng khoảng 2 - 2,5 lần, nhiều sản phẩm công nghiệp như ximăng, thép xây dựng,... phải tăng gấp 2 - 3 lần, phải chế biến thêm được nhiều mặt hàng lương thực, thực phẩm mới, nhất là dành cho xuất khẩu, v.v.. Sắp tới, đòi hỏi của đất nước về thị trường, vốn, công nghệ, công ăn việc làm cũng như về phát triển giáo dục, y tế và các phúc lợi xã hội khác ngày càng lớn.

Ngày nay, nước ta đã mở ra quan hệ làm ăn buôn bán với trên 100 nước trên thế giới, bản thân nền kinh tế nước ta phải hướng mạnh vào xuất khẩu, do đó chúng ta phải chấp nhận cạnh tranh trực tiếp với nền kinh tế của 2 tỉ người trong khu vực châu Á. An ninh quốc phòng trong tình hình mới đòi hỏi phải đủ vững mạnh. Trong vòng 5 năm tới, yêu cầu phát triển của nền kinh tế nước ta mỗi năm cần thu hút được 3 đến 5 tỉ USD các nguồn lực từ bên ngoài và nhiều hơn nữa trong những năm sau đó. Điều này cũng có nghĩa phải ra sức huy động những khoản vốn đối ứng rất lớn từ những nguồn lực trong nước, phải làm tốt hơn nữa việc cân đối mối quan hệ tiền - hàng, v.v..

Tình hình năm 1994 cũng cho thấy, chúng ta phải tiếp tục nỗ lực hoàn thiện và phát triển những mối quan hệ sản xuất mới đang hình thành, nhằm tạo ra được những liên kết mới giữa các thành phần kinh tế, giữa công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ, cho phép phát huy sức mạnh tổng hợp của cả nước. Đó là điều kiện không thể thiếu được để phát triển nhanh, tăng sức cạnh tranh với thế giới bên ngoài. Mặc dù công tác kế hoạch hóa gia đình đã và đang được tiếp tục đẩy mạnh, nhưng tỷ lệ tăng dân



số nước ta vẫn còn ở mức cao trong vòng 10 năm tới, trong khi đó đất đai nông nghiệp sẽ giảm đi rất nhiều cả về diện tích chung và diện tích tính theo đầu người - vì dân số tăng, vì quá trình phát triển cơ sở hạ tầng và đô thị hóa, v.v..

Có thể khẳng định đất nước ta đang đứng trước cơ hội phấn đấu sớm thoát khỏi số phận nghèo nàn lạc hậu, trở thành một nước văn minh, hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhưng đồng thời cũng phải nói rằng, sự tụt hậu của chúng ta hiện nay có khả năng hội tụ mọi nguy cơ khác và là thách thức gay gắt nhất đối với đất nước của chúng ta, ngay trong thời bình, giữa lúc nhân dân ta đã hoàn thành sự nghiệp giải phóng và thống nhất đất nước, và trong một thế giới đã hoàn toàn thay đổi. Lịch sử thế giới trước đây và trong những năm vừa qua đã chứng kiến: sự tồn vong của một quốc gia, dù là nước nhỏ hay là một cường quốc, trước hết phụ thuộc vào khả năng của nó vượt lên trên được hay chịu thua thiệt trước những biến động của thế giới! Dân tộc ta ngày nay phải có câu trả lời!

Giả sử chúng ta đạt được chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước tính theo đầu người vào năm 2000 là 450 USD, khoảng cách phát triển lúc đó giữa nước ta với hầu hết các nước trong khu vực vẫn rộng thêm. Vì vậy, tìm ra con đường và gấp rút chuẩn bị cho sự phát triển cao hơn và bền vững, và để từ những năm sau năm 2000 chúng ta có thể thu hẹp dần khoảng cách phát triển là vấn đề sống còn, đồng thời có như vậy mới tăng thêm thế và lực cho an ninh và quốc phòng của nước ta. Thỏa mãn với thành tựu, bi quan trước những khó khăn, hoặc phân vân không dám có những bước đi quyết đoán trước những thách thức, cả ba thái độ xử sự này đều không thể đưa đất nước ta đi lên.



Trình bày những điều vừa nói trên, tôi muốn nhấn mạnh dứt khoát chỉ có kiên trì đầy mạnh sự nghiệp đổi mới tiến lên phía trước chúng ta mới có thể tìm ra con đường thực hiện những yêu cầu phát triển rất thúc bách của đất nước. Tình hình đòi hỏi toàn thể dân tộc ta hơn lúc nào hết phải nỗ lực và quyết tâm cao nhất, tất cả nhằm giữ vững độc lập tự chủ, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Từ cách nhìn như vậy, năm 1995 mang ý nghĩa quyết định cho việc phấn đấu vượt cao những mục tiêu đã đề ra cho kế hoạch 5 năm 1991 - 1995, và là năm bản lề cho nhiệm vụ giành lấy sự phát triển xa hơn nữa của đất nước trong những năm còn lại của thế kỷ này. Đây là quyết tâm chiến lược của toàn Đảng và toàn dân ta.

Trong toàn bộ công việc của năm 1995, tôi xin thay mặt Chính phủ trình bày trước Quốc hội những vấn đề lớn sau đây:

1. Khẩn trương cải cách hệ thống tài chính, tiền tệ

Đây là vấn đề bức bách cần thực hiện, nhằm tạo ra những công cụ chủ yếu của kinh tế thị trường, bảo đảm sự quản lý vĩ mô nền kinh tế.

Điều cần chú ý là các nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 1995 rất nặng nề: phần chi phải gánh thêm một số công việc của năm 1994, phải đảm đương việc từng bước khắc phục những hậu quả của thiên tai lớn trong năm 1994, sự thúc bách của tăng chi đầu tư phát triển, nghĩa vụ trả nợ nước ngoài từ năm 1995 ngày càng lớn hơn. Tình hình đòi hỏi các ngành, các cấp bảo đảm thu đủ, thu đúng theo chính sách, chống thất thu, coi đây là nhiệm vụ hàng đầu của mình, thực hiện nghiêm ngặt các chỉ tiêu chi, hết sức quán triệt ý thức tiết kiệm, cố gắng tập trung cho đầu



tư phát triển. Tất cả các ngành, các cấp cần thông suốt tinh thần này và không chi dàn đều, không bố trí ngân sách chi vào những vấn đề chưa phải cấp thiết nhất. Cả nước phải tuân thủ nguyên tắc chỉ bố trí nguồn chi khi đã được cân đối chắc chắn, đồng thời, có trách nhiệm cùng nhau góp phần vào việc giữ bội chi ở mức Quốc hội đã cho phép.

Thực tế hiện nay là nhu cầu chi đang tăng lên trong quá trình phát triển và do đó mang yếu tố kích thích lạm phát. Nhưng kinh nghiệm của bản thân chúng ta trong những năm vừa qua là nhở kiên quyết kiềm chế lạm phát nên từng bước đã ổn định nền kinh tế và tạo ra sức phát triển mới như ngày nay. Năm 1995, chúng ta càng phải kiên trì nguyên tắc này, và đây là một trong những yếu tố chính để có thể tăng thêm sự bền vững của tăng trưởng kinh tế.

Về vấn đề vốn, báo cáo của Chính phủ về kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 1995 đã nêu rõ những nguồn vốn có thể huy động được cho năm 1995. Các nguồn thu ngân sách năm 1995 đã được cân nhắc kỹ và đã được trình Quốc hội. Song tình hình đòi hỏi phải có nhiều cố gắng rất lớn, trước hết là nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và thẩm định, tăng cường sự điều phối và quản lý chặt chẽ mọi nguồn vốn trong nền tài chính quốc gia.

Ngạn ngữ ta có câu “trông giở, bỏ thóc”. Người có vốn, dù là trong nước hay nước ngoài, nếu họ biết chắc rằng đồng vốn của họ bỏ ra được bảo hộ và sẽ sinh lời, chắc chắn chúng ta sẽ huy động được vốn. Điều quyết định ở đây là, chúng ta phải thay đổi phương thức huy động, ban hành những chính sách khuyến khích, phát triển các dịch vụ thuận lợi trong lĩnh vực tài chính



tiên tệ, cải tiến những thủ tục thẩm định, xét duyệt, v.v. để có thể làm tốt việc huy động vốn.

Về huy động vốn trong dân, cái gốc của vấn đề là các dự án đầu tư phải có tính khả thi, có khả năng tạo ra lãi suất hấp dẫn. Đặc biệt, cần đẩy mạnh nghiên cứu cổ phần hóa có định hướng những xí nghiệp làm ăn có lãi, để những xí nghiệp này phát triển nhanh hơn, đồng thời tạo điều kiện thúc đẩy quá trình tích tụ, tập trung vốn cho những mục tiêu lớn hơn. Đây cũng là con đường hình thành những xí nghiệp mạnh hoặc những tập hợp kinh tế lớn, đồng thời, thúc đẩy sự phát triển năng động của kinh tế quốc doanh.

Chúng ta cần đẩy mạnh việc phát triển thị trường vốn bằng nhiều hình thức. Trên cơ sở cân nhắc thấu đáo các mặt, cần phải đẩy mạnh hơn nữa sự hợp tác với bên ngoài - trước hết là các tổ chức tài chính và ngân hàng nước ngoài, để phát triển nhanh thị trường vốn ở nước ta.

Những chính sách nói trên chỉ có thể thành công trong quá trình đổi mới triệt để nền tài chính quốc gia, bao gồm cả hệ thống ngân sách quốc gia, chính sách thuế, các chế độ kế toán, kiểm toán, các dịch vụ ngân hàng, v.v. ban hành những chính sách kinh tế tài chính mới phù hợp có liên quan. Năm 1995, phải tạo ra sự chuyển biến lớn trong lĩnh vực này để xử lý vấn đề vốn nói riêng và để nâng cao hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế nói chung. *Quan điểm bao trùm về vấn đề sử dụng vốn trong thời gian trước mắt là ưu tiên cho những công trình đem lại lợi nhuận cao và thu hồi vốn nhanh, đóng góp tích cực vào quá trình tích lũy trong nước.*

Đặc biệt, nhằm đáp ứng những đòi hỏi của phát triển kết cấu hạ tầng, những đòi hỏi đầu tư theo chiều sâu cho những



cơ sở kinh tế hiện có, chúng ta cần vận dụng nhiều hình thức mới khác trong việc huy động vốn đầu tư gián tiếp hoặc trực tiếp của nước ngoài.

2. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch phát triển

Về thực chất, đây là một trong những khâu quyết định của chiến lược phát triển kinh tế. Chúng ta đã làm được một số việc quy hoạch vùng và trong phạm vi cả nước trong khuôn khổ một quy hoạch tổng thể cho hiện tại và cho một vài thập kỷ tới. Tuy nhiên, công tác khảo sát điều tra nghiên cứu còn rất hạn chế, quan điểm chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm cả chiến lược công nghiệp hóa và hiện đại hóa còn đang trong quá trình hình thành, có nhiều vấn đề phải sau Đại hội VIII mới rõ, có nhiều vấn đề phát triển của nền kinh tế còn tùy thuộc vào sự thành công sắp tới của chúng ta trong việc tạo ra động lực phát triển trong nước và thu hút hợp tác quốc tế. Chất lượng công tác quy hoạch ở tầm vĩ mô còn rất có giới hạn, quy hoạch ngành và vùng mới làm được ở mức độ nhất định, luận chứng khả thi của từng công trình còn rất yếu, thứ tự ưu tiên của các công trình chưa có sức thuyết phục cao. Quỹ đất đai của chúng ta rất hạn hẹp, sự phân bổ dân cư không đều, tài nguyên thiên nhiên của nước ta tuy đa dạng nhưng có hạn, nên càng đòi hỏi phải được tính toán, quy hoạch rất nghiêm ngặt.

Trong năm 1995, phải tăng cường hơn nữa công tác quy hoạch, đồng thời, cần tiếp tục ban hành những chính sách ưu đãi kích thích đầu tư phát triển tạo ra những công trình kinh tế và những ngành công nghiệp mũi nhọn cho nền kinh tế quốc dân. Điều này sẽ giúp chúng ta có thêm nhiều thuận lợi trong việc phân bổ đúng đắn và huy động có hiệu quả mọi nguồn lực trong



và ngoài nước, tránh được những lãng phí nghiêm trọng, tránh trùng lặp và ách tắc, giảm bớt nguy cơ làm ăn không trả được nợ, nâng cao hiệu quả kinh tế và tạo ra được những tiền đề cho việc phát triển nhanh.

3. Phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế

Để đạt được nhịp độ tăng trưởng cao hơn của nền kinh tế quốc dân, chúng ta cần kiên trì và thực hiện tốt hơn nữa chính sách kinh tế nhiều thành phần, làm cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trở thành sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, của mỗi người Việt Nam ở trong nước và ngoài nước, làm cho mọi người vì lợi ích và tương lai của bản thân mình, con cháu mình mà tham gia vào công cuộc xây dựng đất nước giàu mạnh.

Chúng ta cần phát huy tốt hơn và nâng cao hơn nữa hiệu quả khu vực kinh tế nhà nước trước đây cũng như trong tương lai, đóng vai trò quan trọng bảo đảm những vị trí then chốt của nền kinh tế quốc dân. Muốn vậy, chúng ta cần tập trung sức kiện toàn những ngành và lĩnh vực then chốt nhất, hình thành những tổ chức kinh tế có khả năng tích tụ và tập trung, đáp ứng kịp thời và có hiệu quả các yêu cầu của nền kinh tế và của thị trường trong nước và nước ngoài. Các tổ chức đó có cơ chế hoạt động tự chủ, bằng cách đó chúng ta có điều kiện từng bước chuyển các bộ và cơ quan (chủ quản) thành các cơ quan quản lý nhà nước, giảm bớt số các cục, vụ, đồng thời, tăng cường thích đáng vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước, kết hợp được cải cách kinh tế với cải cách hành chính.



Về quy hoạch tổng thể, chúng ta phải xác định rõ những ngành nào cần duy trì và phát triển doanh nghiệp nhà nước, những ngành nào, lĩnh vực nào doanh nghiệp nhà nước sẽ được cổ phần hóa bằng các bước đi và hình thức thích hợp, những ngành nào, lĩnh vực nào không cần duy trì, để tập trung các nguồn lực vào những lĩnh vực quan trọng nhất.

Chúng ta phải tạo điều kiện, đồng thời đòi hỏi doanh nghiệp nhà nước đạt hiệu quả cao hơn, tương xứng với tiền vốn và đầu tư đã bỏ ra, đóng góp lợi nhuận tạo ra được vào ngân sách nhà nước, đóng vai trò tích cực vào việc xây dựng những ngành công nghiệp mới, đưa công nghiệp tiên tiến vào nền kinh tế quốc dân.

Theo phương hướng như vậy, chúng ta sẽ thực hiện nhất quán việc phát huy và khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư và phát triển kinh doanh như Luật khuyến khích đầu tư trong nước đã bảo đảm.

Chúng ta cần khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển theo định hướng có lợi cho quốc kế dân sinh, mở rộng phạm vi hoạt động phù hợp với điều kiện của Việt Nam và hoàn cảnh quốc tế ngày nay.

Kinh tế sản xuất nhỏ đang phát triển rất năng động, sáng tạo, chúng ta cần dành cho sự hỗ trợ trên mọi phương diện công nghệ, vốn, tiếp thị và những ưu đãi khác có thể được.

Trong khi quá trình tích tụ vốn ở nước ta còn ở giai đoạn thấp, xây dựng và phát triển các mối quan hệ liên kết, liên doanh dưới mọi hình thức linh hoạt và có hiệu quả giữa các thành phần kinh tế chẳng những là con đường tạo ra sức mạnh tổng hợp của toàn bộ nền kinh tế nước ta nói chung, giảm bớt được yếu tố tự phát trong cơ chế kinh tế mở đồng thời còn là một bảo đảm quan trọng cho phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.



4. Tranh thủ những thuận lợi mới phát triển kinh tế đối ngoại

Đường lối đối ngoại đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta đang mang lại những yếu tố quan trọng cho việc mở rộng hơn nữa quan hệ kinh tế đối ngoại trên mọi lĩnh vực.

Năm 1995, chúng ta cần tập trung đẩy mạnh xuất khẩu, tăng tốc độ thực hiện những công trình đầu tư đã ký kết với bên ngoài, đưa nhanh vào sử dụng những nguồn tài trợ phát triển đã thỏa thuận được, mở rộng tham gia vào các tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực, đẩy mạnh công tác tiếp thị để khai phá thị trường mới và tranh thủ thêm đối tượng hợp tác mới.

Về ngoại thương: Nền kinh tế nước ta hiện nay đòi hỏi gay gắt phải đổi mới ngoại thương, với mục tiêu khai thác tối đa mọi tiềm năng xuất khẩu của đất nước, đồng thời quản lý chặt chẽ và có hiệu quả nhập khẩu để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và nâng cao hiệu quả sử dụng mọi nguồn lực trong nước hoặc vốn huy động từ bên ngoài.

Cần thay đổi công tác điều hành thương mại theo phương thức quản lý kinh tế vĩ mô trong cơ chế thị trường và chủ yếu bằng các biện pháp kinh tế. Nhưng đồng thời, Bộ Thương mại cũng phải tìm ra được những chính sách và biện pháp hình thành những đơn vị kinh doanh lớn trong lĩnh vực ngoại thương, khuyến khích cạnh tranh lành mạnh giữa các đơn vị kinh tế trong nước thuộc mọi thành phần nhưng không làm suy yếu thế của ta trong làm ăn với bên ngoài.

Chúng ta cần phấn đấu giảm xuống mức thấp nhất buôn bán qua trung gian, đồng thời chấn chỉnh lại hải quan, không thể chấp nhận duy trì tình trạng xuất khẩu manh mún và hàng nhập lậu như hiện nay.



Đặc biệt, Bộ Thương mại cần làm tốt hơn nữa công tác tiếp thị, dự báo những diễn biến của thị trường trong nước và trên thế giới, hỗ trợ đắc lực cho công việc kinh doanh của các đơn vị kinh tế. Cần tăng cường vai trò các tổ chức nghiệp đoàn của giới kinh doanh, nhằm đẩy nhanh sự trưởng thành của giới kinh doanh nước ta và có thêm thuận lợi mở rộng giao dịch với bên ngoài. Cần khuyến khích những dịch vụ phục vụ ngoại thương, như kiểm tra giá cả, chất lượng, tìm thị trường, tín dụng, pháp lý, v.v..

Về thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài: Nước ta là thị trường đang có sức thu hút đối với nguồn vốn này. Nhưng lợi thế này chỉ có thể phát huy được nếu chúng ta có hướng chiến lược phát triển đúng và loại bỏ được những thủ tục phiền hà, tiêu cực cũng như cách làm việc quá nhiều “cửa” như hiện nay.

Điều cần lưu ý trong việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài là, phải xử lý hài hòa những yêu cầu khác nhau trong quá trình phát triển hiện nay của nền kinh tế nước ta như đẩy mạnh xuất khẩu, tạo thêm công ăn việc làm, tranh thủ chuyển giao kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu sản xuất thay thế nhập khẩu. Từ thực tiễn và kinh nghiệm trong những năm vừa qua trên lĩnh vực này, Chính phủ đã và đang sửa đổi các quy định có liên quan đến các vấn đề như thẩm định dự án, thủ tục cấp đất, giá thuê đất, giấy phép xây dựng, v.v., thực hiện nguyên tắc một cửa, hướng việc thu hút đầu tư nước ngoài phù hợp hơn nữa với chiến lược phát triển của nước ta, khắc phục tình trạng hiện nay là đầu tư nước ngoài chưa phục vụ tốt yêu cầu hình thành những ngành công nghiệp có lợi thế của nước ta trong tương lai. Chúng ta cũng cần khuyến khích các thành phần kinh tế tích cực tham gia vào quá trình thu hút đầu tư nước ngoài trong khuôn khổ quy hoạch và chính sách phát triển kinh tế của Chính phủ.



Về thu hút những nguồn vốn tài trợ phát triển: Do triển vọng nền kinh tế Việt Nam và chính sách đối ngoại đúng đắn của nước ta, chúng ta có khả năng mở rộng thu hút nguồn vốn này, tuy nhiên phải tích cực giải quyết những thủ tục chưa thích hợp để việc huy động đạt hiệu quả cao.

Trước hết, cần tích cực làm tốt việc vận động để giành được số lượng vốn lớn hơn và phù hợp với yêu cầu của ta nhiều hơn, bởi vì, nước cung cấp tài trợ phát triển cũng có yêu cầu riêng của họ. Đồng thời, chúng ta cần làm tốt hơn nữa những việc ở các khâu quy hoạch và luận chứng khả thi, chuẩn bị tốt vốn đối ứng cũng như việc cung cấp những yếu tố sản xuất khác phía trong nước (đất đai, nhân lực, nguyên vật liệu, thiết bị trong nước chế tạo được, v.v.).

Chính phủ đã ban hành quy chế vận động và sử dụng nguồn vốn tài trợ phát triển, các ngành, các địa phương cần thực hiện nghiêm túc, tránh những trở ngại, chậm trễ không đáng có như trong năm 1994. Có làm được như vậy mới tăng nhanh khối lượng vốn đưa vào sử dụng và tạo thêm thuận lợi cho việc vận động nguồn tài trợ này cho những năm sau.

5. Tiến hành cải cách hệ thống giáo dục, chăm lo đào tạo, bồi dưỡng con người

Trước hết, chúng ta cần đẩy mạnh cải tiến và nâng cao nội dung giáo dục ở tất cả các bậc, với mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực rất quý báu của nước ta.

Những việc có thể xúc tiến ngay là điều chỉnh mục tiêu giáo dục tiểu học cho phù hợp với yêu cầu đào tạo và sử dụng sau này, nghiên cứu mở rộng việc phân ban ở phổ thông trung học, nâng cao chất lượng các trường dân tộc miền núi, sắp xếp lại mạng lưới



các trường đại học và đổi mới nội dung giảng dạy, đồng thời, dành nhiều công sức bồi dưỡng, bổ túc, đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, viên chức. Công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ cần bám sát hơn nữa những yêu cầu phát triển mới của đất nước, từng bước đưa việc dạy ngoại ngữ vào chương trình giáo dục ngay từ bậc phổ thông, khuyến khích cán bộ, viên chức học ngoại ngữ. Việc đào tạo cán bộ ở nước ngoài cần được quy hoạch và khẩn trương tổ chức thực hiện.

Năm 1995, cần phấn đấu xóa các “xã trống” về cơ sở y tế, phát triển đội ngũ y tế lưu động chăm lo sức khỏe cho dân ở những vùng cao, hẻo lánh, hải đảo, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh của các bệnh viện, trạm xá. Đặc biệt, từ năm 1995, vận động toàn dân ăn muối iốt để phòng ngừa và khắc phục bệnh bướu cổ, bệnh đần độn, tiếp tục đẩy mạnh chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, phòng, chống các bệnh dịch khác. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình cần tiếp tục thực hiện những nội dung đã được xác định cho thời kỳ 1993 - 1995, phủ kín mạng lưới làm công tác này ở 1/3 số xã, phường còn lại, đặc biệt chú trọng tổng kết và nhân rộng các mô hình.

Chúng ta cần đặc biệt quan tâm gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa và bản sắc dân tộc. Trong quá trình mở rộng giao lưu hợp tác với bên ngoài, đòi hỏi này càng trở nên quan trọng. Bởi vì, đây là một trong những yếu tố quyết định tăng cường sức mạnh của cộng đồng dân tộc ta, một đòi hỏi không thể thiếu được trong hội nhập và đua tranh với thế giới bên ngoài.

Nhìn chung, Chính phủ đã cố gắng bố trí ngân sách cho những lĩnh vực này có mức tăng cao hơn tốc độ tăng ngân sách. Nhưng điều không kém phần quan trọng là phải đẩy mạnh việc huy động sự tham gia đóng góp của nhân dân, cải tiến hơn nữa hệ các trường



dân lập, các quỹ bảo hiểm, đa dạng hóa các biện pháp thực hiện theo phương thức nhà nước và nhân dân cùng làm.

6. Cải cách nền hành chính quốc gia gắn với đổi mới kinh tế

Quá trình đổi mới và sự phát triển của nền kinh tế đã đi tới thời điểm buộc phải cải cách rất cơ bản hệ thống và cơ chế hành chính hiện hành. Sự yếu kém của thể chế hành chính hiện nay chẳng những bất cập so với chức năng nhiệm vụ của nó, mà còn có nguy cơ trở thành yếu tố chính kìm hãm hoặc thậm chí đẩy lùi sự phát triển của đất nước.

Yêu cầu trung tâm của cải cách hành chính là nâng cao năng lực quản lý và điều hành đất nước, làm cho các cơ quan chức năng nhà nước và cán bộ viên chức trong biên chế đáp ứng được đòi hỏi của nhiệm vụ trong tình hình mới. Chúng ta nhận thức sâu sắc rằng, cải cách hành chính liên quan mật thiết đến cấu trúc kinh tế, chính trị, xã hội hiện nay và phong tục tập quán của đất nước và là một trong những khâu then chốt bảo đảm thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng và luật pháp của Nhà nước trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Không thể hình dung được rằng mọi chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng có thể thực hiện tốt thông qua một bộ máy điều hành đất nước yếu kém.

Nhiệm vụ cải cách hành chính phải tiến hành ngay từ đầu năm 1995, gắn chặt với việc đổi mới kinh tế, đạt được một bước tiến thiết thực trong việc nâng cao hiệu lực và hiệu quả của nền hành chính quốc gia bằng những biện pháp như sau:

Về quan hệ giữa nền hành chính với nhân dân, phải tiếp tục xúc tiến việc đổi mới thủ tục hành chính, kiên quyết bỏ mọi thủ tục rườm rà, chỉ đạo sát sao và từng bước thông báo kết quả với



nhân dân để nhân dân nắm được và giám sát. Phải xây dựng được cơ chế thực hiện quyền tham gia thực sự của dân vào công việc của Nhà nước, thực hiện việc công bố công khai các thủ tục hành chính, mở rộng thông tin công việc của Nhà nước đến dân. Đặc biệt là cần thiết lập cơ quan tài phán hành chính, đó là một thiết chế dân chủ, chống quan liêu, cửa quyền, chống sự lộng hành và vi phạm quyền làm chủ của nhân dân.

Về quan hệ giữa các ngành, các cấp của nền hành chính quốc gia, cần phải có những đổi mới thiết thực về cơ chế, tổ chức và con người, để làm cho bộ máy hành chính trong sạch, tinh gọn và năng động, chặn đứng và từng bước khắc phục tình trạng phân tán, thiếu kỷ luật, thiếu trách nhiệm, đồng thời khắc phục tình trạng tập trung quan liêu.

Trong bộ máy nhà nước cũng như toàn xã hội năm 1995, phải đánh dấu một bước tiến bộ rõ rệt về trật tự, kỷ cương, tuân thủ pháp luật.

Đội ngũ viên chức nhà nước cần được gấp rút đào tạo lại và đào tạo mới, nhằm thực hiện chế độ công vụ và quy chế công chức mà Chính phủ sẽ phải ban hành và thực hiện.

Về mặt kinh tế, mục tiêu cao nhất của cải cách hành chính là tạo môi trường cho mọi hoạt động, mọi nguồn lực của xã hội phải sinh lời, không được để vốn chết, mọi nguồn lãi thu được phải dành phần thỏa đáng thực hiện các nghĩa vụ đóng góp vào ngân sách và phúc lợi xã hội, động viên, khuyến khích từng thành viên kinh tế trong xã hội yên tâm tìm hướng làm ăn lâu dài, không áp đặt sự hạn chế nào cho làm giàu nhưng đòi hỏi phải trong khuôn khổ pháp luật. Như vậy, cải cách hành chính còn là công cụ quan trọng thực hiện dân chủ trong kinh tế, làm rõ thêm con đường thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.



Trong năm 1995, cùng với việc đẩy mạnh cải cách hành chính, chúng ta cần thực hiện mọi biện pháp ra sức vận động tiết kiệm, xây dựng chế độ quản lý ngân sách và tài sản nhà nước, đẩy mạnh hơn nữa cuộc đấu tranh chống tham nhũng và buôn lậu, bằng biện pháp cơ bản là thực hiện những chính sách, cơ chế vừa mở đường cho sản xuất, vừa ngăn cản buôn lậu và tham nhũng, đồng thời phải nghiêm minh xét xử và nghiêm trị những người phạm tội.

Trong diện rộng lớn của các mặt hoạt động kinh tế, xã hội năm 1995, sáu vấn đề tôi vừa trình bày trên đây là những khâu rất quan trọng, thể hiện quan hệ tác động qua lại chặt chẽ giữa đổi mới kinh tế với cải cách hành chính. Việc đẩy mạnh bằng những biện pháp thiết thực sáu loại công việc ấy có tác dụng thúc đẩy toàn bộ tiến trình đổi mới và phát triển của đất nước, mang lại những thành quả cụ thể trong năm 1995 và tạo tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ trong những năm sau.

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Thưa toàn thể đồng bào,

Tư chất con người Việt Nam và ý thức đại đoàn kết hòa hợp dân tộc là những yếu tố quyết định nhất tạo nên chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, là nguồn gốc khả năng sáng tạo và sức mạnh tinh thần của dân tộc ta từ thời dựng nước cho đến nay. Trong sự nghiệp đổi mới, tinh thần tự lập tự cường, lòng tự trọng dân tộc, nghị lực phán đoán và khả năng sáng tạo của con người Việt Nam đang thay đổi bộ mặt kinh tế - xã hội của đất nước và mở ra tiền đồ phát triển đầy hy vọng.

Trước đây, toàn thể dân tộc ta, không phân biệt thành phần xã hội, chính kiến và tôn giáo, đã cùng nhau chung lưng đấu cật



xóa nỗi nhục mất nước. Ngày nay, toàn thể dân tộc ta càng phải đoàn kết chặt chẽ hơn nữa, cùng nhau phấn đấu ra khỏi tình trạng của nước nghèo, kém phát triển! Hơn lúc nào hết, mỗi người Việt Nam, dù ở trong nước hay định cư ở nước ngoài, cần nâng cao trách nhiệm và nghĩa vụ thiêng liêng của mình đối với vận mệnh của đất nước, tất cả cùng nhau góp công, góp của vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội nước ta.

Làm được như vậy chính là Đảng ta và nhân dân ta thừa hưởng tư tưởng vĩ đại của Bác Hồ: “Đoàn kết, đại đoàn kết! Thành công, đại thành công!”. Đó là truyền thống, giá trị tinh thần và phẩm chất quý báu của dân tộc Việt Nam ta.

Chính phủ hoan nghênh mọi sáng kiến góp vào các chính sách xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tôn trọng các ý kiến khác nhau, vì đó là biểu hiện của một xã hội phát triển, là điều đáng mừng. Đã vì đoàn kết và hòa hợp dân tộc, nhất thiết phải lắng nghe ý kiến của nhau, để tiếp cận lẽ phải. Hãy lấy mục tiêu chung là sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh làm điểm tương đồng, chấp nhận những điểm khác nhau, miễn là những điểm khác nhau ấy không trái với lợi ích chung.

Thực tiễn năm 1994 càng khẳng định chúng ta chỉ có thể thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới bằng nêu cao đại đoàn kết, hòa hợp dân tộc trên cơ sở phát huy nền dân chủ của dân, do dân và vì dân phát triển hệ thống luật pháp của Nhà nước pháp quyền, kết hợp hài hòa giữa phát triển đất nước và xây dựng xã hội công bằng và văn minh, giữa phát triển và phúc lợi xã hội, giữa phát triển và xóa đói, giảm nghèo, giữa bảo đảm lợi ích chính đáng và nghĩa vụ của người công dân.

Đó là những yếu tố cần ra sức phát huy, bảo đảm cho nước ta nắm bắt được thời cơ đang đến cho sự nghiệp xây dựng đất nước,



hội nhập được vào sự phát triển của thế giới, đồng thời giữ gìn được bản sắc dân tộc, tiến lên nhanh hơn, vững chắc hơn.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, dân tộc Việt Nam ta tin tưởng và hăng hái tiến vào thời kỳ phát triển mới của đất nước.

Xin cảm ơn các vị đại biểu Quốc hội.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:
Văn kiện Quốc hội toàn tập, Sđd, t.8, q.2, tr.472-505.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 152/TB, ngày 21 tháng 11 năm 1994

Ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại cuộc họp với ngành dầu khí Việt Nam ngày 05/11/1994

Ngày 05/11/1994, Thủ tướng Võ Văn Kiệt và Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Đức Lương đã chủ trì cuộc họp bàn về tổ chức ngành dầu khí Việt Nam.

Sau khi nghe Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam báo cáo đề án tổ chức lại Tổng Công ty này, nghe ý kiến bổ sung của Lãnh đạo Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Văn phòng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương Đổi mới doanh nghiệp và Ban Kinh tế Trung ương Đảng, Thủ tướng Chính phủ đã có ý kiến như sau:

1. Dầu khí là một ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng. Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam là một trong các tổng công ty quốc doanh được Nhà nước quan tâm chỉ đạo, chấn chỉnh tổ chức, tạo điều kiện để phát triển nhanh theo đúng đường lối và phương hướng chiến lược kinh tế của Đảng và Chính phủ. Đây cũng là tổng công ty đầu tiên được thí điểm không trực thuộc bộ chủ quản kể từ đầu năm 1992. Trong hơn 2 năm qua, Quyết định số 125/HĐBT ngày 14/02/1992, Nghị định số 09/CP ngày 04/02/1993 và Quyết định số 617/TTg ngày 26/10/1994 là



cơ sở pháp lý để xây dựng Tổng Công ty từng bước trưởng thành. Để đáp ứng yêu cầu hiện nay, xây dựng Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam thành một tổng công ty mạnh, được tổ chức và hoạt động theo mô hình nói trong Quyết định số 91/TTg ngày 07/3/1994 của Thủ tướng Chính phủ, cần phải sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách và tiếp tục sắp xếp đổi mới tổ chức để Tổng Công ty thực sự là một doanh nghiệp nhà nước lớn, tự chủ kinh doanh, chịu trách nhiệm về tài chính, chủ động xây dựng ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam phát triển bằng hoạt động kinh doanh của chính mình.

2. Theo tinh thần nói trên, cần tiến hành ngay một số việc dưới đây:

a) Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam căn cứ vào những kết luận trong cuộc họp này để hoàn chỉnh đề án tổ chức lại Tổng Công ty, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét và quyết định trong tháng 11/1994.

b) Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ rà soát lại để trình Chính phủ bổ sung, sửa đổi Nghị định số 09/CP ngày 04/02/1993 của Chính phủ theo hướng của Quyết định số 91/TTg. Không giao cho Tổng Công ty các nhiệm vụ thuộc chức năng quản lý hành chính nhà nước.

c) Bộ Tài chính rà soát lại để trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung, sửa đổi Quyết định số 617/TTg ngày 26/10/1994 theo hướng nâng cao tối đa tính tự chủ kinh doanh và chịu trách nhiệm tài chính của Tổng Công ty; trong đó cho phép:

- Giao cho Tổng Công ty thực sự chịu trách nhiệm là chủ đầu tư các công trình thăm dò, khai thác, chế biến, dịch vụ dầu khí. Đưa phần vốn của Nhà nước trong Liên doanh dầu khí Việt - Xô (VIETSOVPETRO) và các phần vốn góp cổ phần của phía Việt Nam



trong các tổ hợp quốc tế hoạt động tại các mỏ trên cơ sở hợp đồng PSC vào bản quyết toán tài sản của Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam. Tổng Công ty có trách nhiệm bảo toàn, phát triển vốn đầu tư, chịu trách nhiệm tiếp tục trả số nợ còn lại mà Nhà nước đã vay và Tổng Công ty sẽ vay trong nước và ngoài nước để góp vốn vào các liên doanh.

- Nghiên cứu nâng cao dân tỷ lệ để lại cho Tổng Công ty phần dầu chia lãi ở các hợp đồng dầu khí sau khi nộp xong các loại thuế theo quy định, theo hướng tạo điều kiện tích lũy vốn để đầu tư phát triển ngành công nghiệp dầu khí tại Tổng Công ty.

- Nghiên cứu làm rõ hơn chế độ hạch toán của Tổng Công ty, bảo đảm được động lực để từng thành viên Tổng Công ty phát huy tính chủ động sáng tạo trong hoạt động và phát triển kinh doanh.

d) Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam cần khẩn trương xây dựng Điều lệ về tổ chức và hoạt động, theo hướng có Hội đồng quản lý như đã nói trong Quyết định số 91/TTg ngày 07/3/1994, của Thủ tướng Chính phủ.

Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ liên hệ với Ban Tổ chức Trung ương và Ban Kinh tế Trung ương, tổ chức cuộc họp với Thủ tướng Chính phủ trong tháng 11/1994 để bàn, thống nhất giải quyết vấn đề nhân sự Hội đồng quản lý, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam.

đ) Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam cần sắp xếp hợp lý các đơn vị thành viên, trong đó cần chú ý tăng cường lực lượng để tự tiến hành thăm dò, khai thác dầu khí và đặc biệt lưu ý đến phát triển các hoạt động dịch vụ dầu khí để phía Việt Nam tự làm nhiều hơn ở lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật và dịch vụ sinh hoạt cho công tác dầu khí; phấn đấu đến năm 2000 đáp ứng ít nhất 35 - 40%



nhu cầu về loại dịch vụ này, chỉ trừ những dịch vụ mà ta tạm thời chưa bảo đảm được kỹ thuật và chất lượng.

e) Để bảo đảm phát triển nhanh và vững chắc, Tổng Công ty cần quan tâm và xúc tiến khẩn trương việc đào tạo, tuyển dụng để hình thành một đội ngũ cán bộ giỏi về công nghệ, quản lý và luật pháp, chẳng những để giúp cho Tổng Công ty quản lý tốt công việc kinh doanh của mình, mà còn để tham gia kiểm tra, kiểm soát công việc làm ăn của nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí tại nước ta.

g) Đối với Liên doanh Dầu khí Việt - Xô, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam cần gấp rút xem xét để khẩn trương báo cáo Thủ tướng Chính phủ những biện pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả hoạt động của Liên doanh, như đã nêu trong Thông báo số 141/TB-m ngày 03/11/1994 của Văn phòng Chính phủ, kể cả việc sắp xếp hợp lý lực lượng lao động, giải quyết số dôi dư, không để quá nhiều như hiện nay.

Văn phòng Chính phủ xin thông báo để Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam và các ngành liên quan biết, thực hiện.

K/T BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

PHÓ CHỦ NHIỆM

Lại Văn Cử

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 9407.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 163/TB, ngày 01 tháng 12 năm 1994

**Ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc
với tỉnh Đăk Lăk ngày 18/11/1994**

Ngày 18/11/1994 tại Hà Nội, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã làm việc với tỉnh Đăk Lăk. Sau khi nghe Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yly Niê Kđam trình bày những kiến nghị của tỉnh, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã có ý kiến như sau:

1. Về việc thành lập thành phố Buôn Ma Thuột

Chính phủ cho rằng Buôn Ma Thuột không chỉ là tỉnh lỵ của Đăk Lăk mà còn cần được xây dựng thành một trung tâm kinh tế, văn hóa của Tây Nguyên. Căn cứ tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và ý kiến thẩm định của các cơ quan chức năng, Chính phủ sẽ xem xét, quyết định việc thành lập thành phố Buôn Ma Thuột phù hợp với quy mô trước mắt và triển vọng phát triển của thành phố này.

2. Về hỗ trợ vốn để đầu tư phát triển cà phê ở Đăk Lăk

Đăk Lăk là một vùng có tiềm năng lớn về sản xuất cà phê, đang là tỉnh có sản lượng cà phê xuất khẩu lớn nhất nước. Chính phủ khuyến khích Đăk Lăk phát triển cà phê, cả gieo trồng lắn chế biến, bằng cách tự bỏ vốn, hợp tác liên doanh với các địa



phương khác, với nước ngoài. Đối với đề nghị của tỉnh xin Chính phủ có biện pháp hỗ trợ vốn để đầu tư phát triển cà phê ở những vùng đồng bào dân tộc ít người, căn cứ ý kiến của các bộ, ngành liên quan, Chính phủ sẽ xem xét việc này trên nguyên tắc vừa đáp ứng lợi ích của địa phương, vừa không trái với chính sách chung của Nhà nước. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính, Bộ Thương mại, Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Ban Vật giá Chính phủ cần sớm trình Thủ tướng Chính phủ ý kiến của mình về đề nghị của tỉnh.

Mặt khác, tỉnh phải khẩn trương sắp xếp lại các tổ chức xuất, nhập khẩu của địa phương theo hướng giảm bớt đầu mối. Chỉ nên có một công ty mạnh với đội ngũ cán bộ có phẩm chất tốt, thành thạo nghiệp vụ, tập trung kinh doanh những sản phẩm chủ yếu của địa phương (cà phê, cao su...) và tham gia Liên hiệp các xí nghiệp cà phê Việt Nam (sắp tới sẽ là Tổng Công ty Cà phê Việt Nam) như một thành viên chính thức.

3. Về vấn đề dân di cư tự do đến Đăk Lăk

Các bộ, ngành có liên quan ở Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Lăk cần phối hợp chặt chẽ để giải quyết vấn đề này theo Chỉ thị số 324/CT ngày 29/11/1987 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) và ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 2822/ĐP1 ngày 24/5/1994 của Văn phòng Chính phủ. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc và Miền núi bàn với Bộ Tài chính, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, trình Thủ tướng Chính phủ việc hỗ trợ kinh phí cho tỉnh để ổn định đời sống số dân đã di cư tự do đến Đăk Lăk, bảo đảm những nhu cầu thiết yếu về cơ sở hạ tầng cho đồng bào (trường học, trạm xá, nước ăn...).



Đăk Lăk là vùng đất có sức thu hút dân các tỉnh khác đến làm ăn lập nghiệp. Tuy Chính phủ không khuyến khích di cư tự do song hiện tượng này vẫn còn nhiều khả năng tiếp diễn trong những năm tới, do đó cần có sự chuẩn bị để chủ động xử lý. Trước mắt, tỉnh cần lập ngay đề án các khu dân cư dành cho đồng bào di cư, bảo đảm những dịch vụ cơ sở hạ tầng thiết yếu cho dân, an ninh chính trị và trật tự xã hội, góp phần tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Dân tộc và Miền núi phải giúp đỡ tỉnh lập đề án, trình Chính phủ xét duyệt; Bộ Tài chính cấp kinh phí cho việc lập đề án và dự trù kinh phí cho việc thực thi đề án khi cần thiết. Việc lập, xét duyệt đề án phải được giữ bí mật nhằm tránh tình trạng kích động dân các tỉnh khác di cư ồ ạt đến Đăk Lăk.

4. Một số vấn đề khác

- Chính quyền địa phương các cấp ở Đăk Lăk phải quan tâm xây dựng trường lớp của các cấp học phổ thông. Phải tiến hành ngay việc quy hoạch địa điểm các trường học theo một mô hình hoàn chỉnh, có đủ cơ cấu như phòng học, cơ sở thực nghiệm, phòng làm việc của giáo viên, sân chơi của học sinh, khu vệ sinh... với cảnh quan tốt, có cây xanh bóng mát; phải giữ cho các khu đất dành cho trường học không bị lấn chiếm để từng bước xây dựng trường theo quy hoạch, thiết kế. Trước mắt, do còn có khó khăn về vật liệu xây dựng kiên cố (ximăng, sắt thép...) nên các địa phương trong tỉnh phải dành một phần gỗ trong số lượng gỗ khai thác theo kế hoạch hàng năm cho việc xây dựng trường, bảo đảm bộ khung trường lớp chắc chắn, có đủ điều kiện cho học sinh học tập (ánh sáng, thông thoáng, chống rét...).



- Để khai thác các tiềm năng của địa phương, phải phát triển công nghiệp du lịch ở Đăk Lăk. Trước mắt, cần xây dựng một khu du lịch, nghỉ ngơi trên địa bàn tỉnh.

- Tỉnh cần bàn ngay với Bộ Y tế quy hoạch, xây dựng một cơ sở điều trị bệnh phong để những người mắc bệnh có nơi chữa bệnh, cư trú.

- Tỉnh phải quan tâm bảo vệ, phát triển cây thủy tùng - một loài cây quý hiếm chỉ còn lại ở một vài nơi trên thế giới, trong đó có Đăk Lăk.

- Đường 14, đường 27 là những tuyến giao thông quan trọng của cả nước. Chính phủ sẽ tìm nguồn vốn để đầu tư cải tạo, nâng cấp các tuyến đường này.

Văn phòng Chính phủ thông báo để các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Lăk biết, thực hiện.

K/T BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
PHÓ CHỦ NHIỆM

Lại Văn Cử

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 1932.

THÔNG BÁO
CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Số 07/TB, ngày 23 tháng 01 năm 1995
Kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt
về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1995 của
Thành phố Hồ Chí Minh

Trong các ngày 02, 03, 07/12/1994 và ngày 09/01/1995, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã làm việc với lãnh đạo Thành phố Hồ Chí Minh về tình hình kinh tế - xã hội năm 1994 và mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 1995 của Thành phố. Cùng dự các buổi làm việc của Thủ tướng có đại diện các bộ, ngành trung ương có liên quan.

Sau khi nghe báo cáo của Ủy ban nhân dân Thành phố và ý kiến của các bộ, ngành trung ương, Thủ tướng đã phát biểu một số ý kiến kết luận:

I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH NĂM 1994

Thay mặt Chính phủ, Thủ tướng biểu dương cán bộ và nhân dân Thành phố đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch năm 1994, tạo được bước chuyển biến tích cực trên nhiều lĩnh vực như báo cáo của Ủy ban nhân dân Thành phố đã nêu:

- Thành phố đạt mức tăng trưởng kinh tế tương đối cao và tăng hơn mức bình quân chung của cả nước.



- Kim ngạch xuất khẩu và doanh thu ngoại tệ trên địa bàn tăng khá, cơ cấu xuất khẩu có sự chuyển dịch theo hướng tích cực: tăng tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến có giá trị cao.

- Vốn đầu tư của nước ngoài cũng như các nguồn vốn huy động trong nước đều tăng và đã tập trung đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, đầu tư chi tiêu sâu, đổi mới máy móc thiết bị để nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh.

- Thu ngân sách trên địa bàn đạt khá, đã góp phần tích cực vào việc hoàn thành kế hoạch thu ngân sách chung của cả nước. Thành phố đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính để chỉ đạo công tác thu trên địa bàn, góp phần chống thất thu.

- Điều hòa lưu thông hàng hóa đã có sự chuyển biến, giá cả thị trường tương đối ổn định.

- Nhiều vấn đề thuộc lĩnh vực văn hóa, xã hội đã được Thành phố quan tâm giải quyết, tạo thêm nhiều chỗ làm mới, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện; công tác phòng, chống các tệ nạn xã hội, phòng, chống HIV, giữ gìn trật tự an ninh cũng đạt được những kết quả nhất định.

Đồng thời Thủ tướng cũng lưu ý Thành phố về những mặt chưa làm được như:

- Là trung tâm kinh tế lớn nhất của cả nước, tập trung nhiều cơ sở vật chất với tiềm năng tài chính lớn, có lực lượng cán bộ khoa học - kỹ thuật đông đảo, có nhiều dự án đầu tư của nước ngoài và của Trung ương, song những kết quả đạt được trong năm qua chưa tương xứng với tiềm năng và tầm cỡ của Thành phố, chưa thể hiện rõ sự chuyển biến mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa, đặc biệt là trên các mặt: quy hoạch, tổ chức lại và phát triển các doanh nghiệp nhà nước, sản xuất những mặt hàng công nghiệp mới, nhất là hàng xuất khẩu,



cải tiến quản lý lưu thông, phát triển thị trường vốn... Lãnh đạo Thành phố cần tìm ra các nguyên nhân để có hướng khắc phục, nếu không, sẽ bỏ lỡ thời cơ, không phát huy được thế mạnh và vị trí của mình đối với toàn vùng, nhất là khi các tỉnh xung quanh vươn lên phát triển với tốc độ nhanh. Các bộ, ngành trung ương cũng phải kiểm điểm trách nhiệm của mình trong việc phối hợp, giúp đỡ, kiểm tra, tạo điều kiện cho Thành phố thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Các cấp, các ngành của Thành phố cần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với toàn bộ các hoạt động kinh tế trên địa bàn, tạo nên sự gắn bó chặt chẽ, phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế, các xí nghiệp của Trung ương và địa phương, các xí nghiệp trong nước và xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Trong năm 1994 nhiệm vụ này vẫn chưa được thực hiện đồng bộ và còn để xảy ra những sự việc đáng tiếc. Hoạt động xuất, nhập khẩu trên địa bàn cũng như của riêng Thành phố còn quá nhiều đầu mối, vừa làm cho việc quản lý gặp khó khăn vừa làm yếu vị thế của nước ta trên thị trường thế giới; hoạt động của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh chưa được quản lý chặt chẽ, nếu không nói là bị buông lỏng.

- Việc quản lý nhà nước về các hoạt động văn hóa - xã hội còn nhiều mặt tồn tại, chưa đáp ứng được nhu cầu xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh của nhân dân và yêu cầu của đổi mới.

- Tội phạm hình sự và tệ nạn xã hội có xu hướng tăng, tình trạng ách tắc giao thông, ô nhiễm môi trường đang là những vấn đề khẩn cấp đáng lo ngại.

- Sự phát triển của Thành phố chưa gắn bó hữu cơ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đô thị trong vùng động lực phát triển kinh tế: Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa -



Vũng Tàu (và có thể cả Sông Bé). Cân có hình thức tổ chức thích hợp để phân công, điều hòa, phối hợp các quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành và các địa phương trong vùng.

Thành phố cần nhận thức sâu sắc vị trí và trách nhiệm của mình với tư cách là “Thành phố của cả nước, Thành phố vì cả nước!” để làm tốt các yêu cầu trên đây.

II- NHỮNG VẤN ĐỀ THÀNH PHỐ CẦN CHÚ Ý ĐỂ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM 1995

- Trước hết, Thành phố nên tập trung mọi nỗ lực đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xác định rõ những ngành kinh tế mũi nhọn, tập trung phát triển các ngành có công nghệ cao, tăng tỷ lệ hàng xuất khẩu là sản phẩm công nghiệp sản xuất trên địa bàn, xác định rõ hướng phát triển chiến lược cho phép khai thác tối ưu mọi lợi thế của Thành phố. Đây sẽ là tiền đề quan trọng nhất để tạo ra sự phát triển nhanh và bền vững của Thành phố.

- Trung ương sẽ hỗ trợ Thành phố trong việc quy hoạch các khu công nghiệp, nhưng Thành phố phải tích cực chuẩn bị đội ngũ cán bộ quản lý trẻ, có kiến thức và năng lực, có ngoại ngữ để sẵn sàng tiếp thu công việc này.

- Cần tăng cường quản lý thị trường, chấm dứt tình trạng tư nhân núp bóng quốc doanh để trốn thuế. Quản lý và sắp xếp lại hoạt động xuất, nhập khẩu, điều chỉnh hợp lý cơ cấu hàng xuất, nhập khẩu, hạn chế nhập hàng tiêu dùng, tiết kiệm tiêu xài, dành nhiều hàng đặc sản có giá trị cao để xuất khẩu, tạo điều kiện cho sản xuất hàng hóa trong nước phát triển.

- Thành phố cần tìm các giải pháp tích cực để huy động các nguồn vốn trong dân dưới hình thức phát hành trái phiếu công trình,



trái phiếu và cổ phiếu doanh nghiệp nhà nước; đẩy mạnh thí điểm việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và đa dạng hóa hình thức sở hữu, mau chóng hình thành và phát triển thị trường vốn. Mặt khác, cần tìm và mở rộng đối tác đầu tư, tạo mọi điều kiện thuận lợi trong khuôn khổ pháp luật để thu hút mạnh mẽ hơn nữa vốn đầu tư nước ngoài dưới nhiều hình thức thích hợp, kể cả hình thức BOT; khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ODA và các nguồn vốn khác từ nước ngoài.

Các ngành trung ương có trách nhiệm hỗ trợ Thành phố thực hiện tốt các biện pháp này.

- Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước. Kiên quyết sắp xếp lại những doanh nghiệp làm ăn kém hiệu quả. Tăng cường quản lý tài sản, vốn liếng của các doanh nghiệp nhà nước, kể cả khoản khấu hao tài sản cố định để lại cho doanh nghiệp; đẩy mạnh tổng thanh toán công nợ giai đoạn II; nghiên cứu thành lập các tổng công ty theo mô hình mới nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao, góp phần thực hiện chủ trương xóa bỏ chức năng chủ quản của các cơ quan hành chính nhà nước đối với các doanh nghiệp.

- Ủy ban nhân dân Thành phố cần tăng cường quản lý nhà nước trên địa bàn, phát động phong trào quần chúng sâu rộng với sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy đảng và chính quyền thực hiện cho được các biện pháp chống thất thu ngân sách, triệt để thực hành tiết kiệm. Không chi mua sắm các trang bị đắt tiền và phát triển cơ sở hạ tầng chưa thật cần thiết. Những khoản tiết kiệm được sẽ dồn hết cho đầu tư xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng.

- Các cấp ủy đảng và chính quyền cần quan tâm chỉ đạo sâu sát hơn nữa các mặt công tác văn hóa, xã hội làm cho Thành phố lành mạnh hơn, tạo điều kiện cho kinh tế - xã hội tiếp tục phát



triển cao hơn. Đặc biệt lưu ý việc phòng, chống các tệ nạn xã hội, nhất là ngăn chặn và phòng ngừa sự lây lan bệnh AIDS. Cân áp dụng nhiều biện pháp thích hợp, tạo điều kiện thuận lợi giúp đỡ cho những người nghiện ma túy đã chữa khỏi, gái mại dâm đã được giáo dục có công ăn việc làm, bảo đảm được đời sống để họ không quay trở lại con đường cũ.

- Trong năm 1995, Thành phố cần tăng cường các biện pháp giữ gìn trật tự, trị an, bảo đảm cuộc sống yên lành cho nhân dân, an toàn cho hoạt động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, giải quyết tốt hơn nữa tình trạng ách tắc giao thông, giải tỏa các khu nhà “ổ chuột”, nhà lán trên các kênh rạch, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường...

- Ủy ban nhân dân Thành phố phải phối hợp với cơ quan chức năng của Trung ương thực hiện chủ trương sắp xếp lại nhà, đất của các cơ quan trung ương trên địa bàn, sắp xếp lại quỹ đất trước đây đã giao cho các doanh nghiệp, chuyển các trường đại học ra nơi thích hợp ở ngoại thành...

- Bước vào giai đoạn phát triển mới đòi hỏi phải có sự chuẩn bị chu đáo về tổ chức bộ máy quản lý và con người. Thành phố cần đẩy mạnh việc cải cách các thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 38/CP của Chính phủ, tiếp tục tinh giản bộ máy, thực hiện quy chế công chức, đào tạo và đào tạo lại cán bộ, công chức để kịp đáp ứng cho yêu cầu công tác trước mắt và lâu dài.

- Chỉ tiêu thu, chi ngân sách năm 1995 đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua và Thủ tướng Chính phủ đã giao cho các ngành, các địa phương. Thành phố cần thấy rõ tiềm năng, vai trò và vị trí của mình để ra chỉ tiêu phấn đấu thu cao hơn để có nguồn bổ sung cho nhu cầu chi ngày càng lớn của sự phát triển.



Đối với một số khoản thu chưa đủ cơ sở chắc chắn, Bộ Tài chính cần ghi nhận để có các giải pháp xử lý kịp thời trong điều hành. Hằng quý, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Tài chính cần làm việc với Ủy ban nhân dân Thành phố để rà soát tình hình thu, chi ngân sách, giúp Thành phố giải quyết các khó khăn, vướng mắc; nếu có những vấn đề vượt quá thẩm quyền cần trình Thủ tướng quyết định sớm.

III- VỀ CÁC KIẾN NGHỊ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

1. Về việc cấp giấy phép đầu tư, xây dựng, cấp đất xây dựng đối với các dự án liên doanh với nước ngoài, xây dựng các khu công nghiệp tập trung, Chính phủ đã ban hành các Nghị định số 191/CP và 192/CP, phân rõ trách nhiệm của từng ngành, từng cấp; giảm đến mức tối thiểu các thủ tục hành chính và thực hiện nguyên tắc “một cửa”.

2. Về phân cấp thẩm quyền duyệt dự án đầu tư trong nước, Chính phủ đã quy định trong Điều lệ quản lý đầu tư, xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 177/CP, thay thế Nghị định số 385/HĐBT. Các ngành trung ương phải khẩn trương hướng dẫn cụ thể để địa phương có cơ sở thực hiện nghiêm và tốt hơn trước.

3. Về việc cấp giấy phép xây dựng, cấp quyền sử dụng đất đầu tư, trước mắt Thành phố tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các quy định trong Luật đất đai, các Nghị định số 60/CP, 61/CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương. Nếu phát hiện những vấn đề bất hợp lý, hoặc quá khó khăn, Thành phố cần bàn với các cơ quan liên quan để xem xét xử lý, nếu quá thẩm quyền thì báo cáo Thủ tướng cho ý kiến chỉ đạo.



4. Về đề nghị miễn thuế đất và tiền thu về giao quyền sử dụng đất, các chi phí xây dựng nhà cho dân nghèo di dời từ hai bờ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè, các lõm dân cư, nhà “ổ chuột”, lụp xụp trong nội thành cần xử lý theo nguyên tắc: Thuế và các khoản thu về đất phải thực hiện theo đúng luật, pháp lệnh và các quy định thống nhất của Nhà nước; Bộ Tài chính cùng Ủy ban nhân dân Thành phố bàn và đề xuất các hình thức hỗ trợ thích hợp đối với các đối tượng có khó khăn, tạo điều kiện cho đồng bào có chỗ ở theo quy hoạch và dự án của Thành phố.

5. Về trợ cấp đất đẻ cho những người hưởng lương nhà nước: Tại kỳ họp vừa qua, Quốc hội đã quyết định chưa đặt ra trong năm 1995, mà chỉ giải quyết những bất hợp lý nảy sinh trong quá trình chuyển đổi sang hệ thống lương mới.

6. Đồng ý với đề nghị của Thành phố về việc tính lại toàn bộ giá trị tài sản công trên phạm vi cả nước. Chính phủ đã giao cho Bộ Tài chính lập phương án trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

7. Những vấn đề khác về tài chính, ngân sách, thuế, đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện theo đúng chế độ, chính sách chung của Nhà nước đã ban hành. Riêng thuế đối với xuất bản, báo chí, trước hết là sách báo phục vụ trực tiếp cho thiếu niên, nhi đồng và việc để lại tiền viện phí, Bộ Tài chính cần xem xét xử lý ngay, nếu vượt thẩm quyền thì trình Thủ tướng xem xét quyết định.

8. Đối với những ách tắc trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư Nhà máy nước trên sông Sài Gòn và Nhà máy nước Thủ Đức, đồng ý như ý kiến của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước đã trình bày và đã làm việc với Thành phố.

9. Các vấn đề cụ thể về giao thông vận tải, bao gồm cả cầu Sài Gòn, đề án vận tải công cộng cho Thành phố thời kỳ 1995 - 1997



và đến năm 2000, là những vấn đề quan trọng, liên quan đến quy hoạch tổng thể Thành phố, khu vực và nhiều lĩnh vực khác. Ủy ban nhân dân Thành phố cần phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các ngành liên quan chuẩn bị kỹ, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định trong quý I năm 1995.

10. Những vấn đề cụ thể khác, đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện theo ý kiến của các bộ, ngành hữu quan đã phát biểu trong cuộc họp này. Cuối cùng, đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố huy động trí tuệ của mọi người trong Đảng và ngoài Đảng, kể cả những Việt kiều có nhiều kiến thức và kinh nghiệm, xây dựng và thực hiện một số chuyên đề lớn như: định hướng chiến lược, quy hoạch, chính sách và chế độ khuyến khích phát triển công nghiệp, dịch vụ; về quản lý hộ khẩu, tổ chức lại các tổ dân phố, quản lý các cơ quan đại diện, người nước ngoài, các đoàn trong nước đến Thành phố, quản lý nhà nước về văn hóa - thông tin; sắp xếp lại mạng lưới các cơ sở y tế, xã hội...

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ**

Lê Xuân Trinh

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 2047.

THÔNG BÁO
CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Số 28/TB, ngày 27 tháng 02 năm 1995
Ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại
buổi làm việc với Chủ tịch Ủy ban nhân dân
tỉnh Quảng Ngãi ngày 14/02/1995

Ngày 14/02/1995 tại Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã làm việc với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Võ Đức Huy. Sau khi nghe đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo những nét chủ yếu về tình hình và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1995 của tỉnh, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã có ý kiến như sau:

1. Trong những năm gần đây, Quảng Ngãi đã cố gắng vươn lên đạt được những kết quả bước đầu trong phát triển kinh tế, xã hội theo đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước, đã tạo được đà và thế ổn định cho tỉnh phát triển với tốc độ cao hơn trong những năm tới.

Bước vào thời kỳ phát triển mới, tuy còn nhiều khó khăn song đã xuất hiện những nhân tố tích cực, do đó tỉnh phải kịp thời nắm bắt cơ hội, phát huy tiềm năng để tiếp tục đi lên, thoát khỏi tình trạng tụt hậu so với các địa phương khác trong cả nước.

2. Chính phủ đã quyết định xây dựng khu công nghiệp ven biển miền Trung và cảng Dung Quất. Việc hình thành khu công nghiệp và cảng Dung Quất sẽ tác động tích cực đến cục diện các tỉnh duyên hải miền Trung, trong đó có Quảng Ngãi.



Quảng Ngãi phải biết gắn công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh với việc xây dựng khu vực này, coi đó là một động lực quan trọng thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phân bố lại lao động trên địa bàn Quảng Ngãi theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Mặt khác, tỉnh cũng phải thấy rõ trách nhiệm quản lý nhà nước của chính quyền địa phương trên địa bàn, ra sức đóng góp phần mình vào việc xây dựng khu công nghiệp và cảng Dung Quất.

Tỉnh phải chủ động tham gia với các bộ, ngành liên quan xây dựng quy hoạch khu công nghiệp và cảng. Phải làm cho nhân dân trong vùng thấy rõ lợi ích chung và lợi ích của bản thân để tự giác thực hiện các chủ trương của Nhà nước. Phải chủ động đề xuất các vấn đề xã hội, làm rõ quy hoạch bố trí dân cư cùng với việc phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, cơ sở hạ tầng xã hội và dịch vụ công cộng trong vùng. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính xem xét, cấp kinh phí cho tỉnh tiến hành các công việc cần thiết để thực hiện nhiệm vụ này.

Ngay từ bây giờ phải quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất trong vùng quy hoạch khu công nghiệp và cảng, không để xảy ra tình trạng lấn chiếm, buôn bán đất gây rối loạn trật tự xã hội và trở ngại cho việc xây dựng các công trình trong thời gian tới. Đối với các hộ dân đang cư trú và sử dụng đất thì tạm thời thực hiện nguyên cư, nguyên canh; sau khi có quy hoạch được duyệt sẽ tiến hành giao quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và chính sách của Nhà nước. Quản lý chặt chẽ dân cư, không để xảy ra tình trạng di cư tự do ồ ạt đến vùng này.

3. Ngoài khu công nghiệp và cảng Dung Quất, phải đẩy mạnh phát triển kinh tế trong tỉnh:

- Tiếp tục phát triển công nghiệp mía đường, khai thác tiềm lực mở thêm ngành nghề, tạo thêm sản phẩm để cung ứng cho



thị trường trong nước và xuất khẩu. Quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp tập trung của tỉnh, khôi phục các ngành nghề truyền thống theo phương thức công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao chất lượng các mặt hàng đặc sản của địa phương.

- Đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp, phát triển chăn nuôi, gieo trồng rau quả, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản... có tính đến nhu cầu của các khu công nghiệp sau này, nhất là khu công nghiệp và cảng Dung Quất. Thực hiện tốt Quyết định số 773/Ttg, ngày 21/12/1994 của Thủ tướng Chính phủ về khai thác, sử dụng đất hoang hóa, bãi bồi ven sông, ven biển.

- Phát triển kết cấu hạ tầng và dịch vụ, chú trọng cung ứng nước, điện và giao thông... nhất là các vùng nông thôn, vùng núi.

Sớm tiến hành quy hoạch và thực hiện việc bố trí lại dân cư theo hướng đô thị hóa thành tuyến, cụm dân cư tập trung, xóa dần tình trạng dân sinh sống phân tán để tiết kiệm đất và để có điều kiện cung ứng các dịch vụ công cộng cho người dân. Có chính sách để dân tự xây dựng nhà cửa, cơ sở phúc lợi, dịch vụ công cộng nhưng phải quản lý theo quy hoạch.

- Để phát triển với tốc độ cao, tỉnh phải quan tâm phát triển nguồn nhân lực của địa phương đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, kể cả việc huy động sự đóng góp của người dân Quảng Ngãi đang sinh sống, làm ăn ở các địa phương khác.

4. Về một số kiến nghị cụ thể của tỉnh Quảng Ngãi:

- Bộ Thủy lợi cùng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước xem xét khả năng bố trí vốn đầu tư năm 1995 cho công trình Thạch Nham bảo đảm yêu cầu hoàn thành về cơ bản việc xây dựng công trình trong năm 1995, hoàn tất trong năm 1996. Về phần mình, tỉnh phải hoàn thành đồng bộ những khối lượng được giao, nhất là hệ thống kênh mương nội đồng để có thể nhanh chóng đưa công trình vào khai thác đạt công suất thiết kế.



- Bộ Giao thông Vận tải, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước xem xét khả năng đầu tư sửa chữa, nâng cấp quốc lộ 24. Bộ Giao thông vận tải báo cáo Chính phủ biện pháp huy động vốn cho công trình này trong khi ngân sách chưa cấp kịp.

- Bộ Xây dựng giúp đỡ tỉnh lập luận chứng điều chỉnh quy hoạch thị xã Quảng Ngãi và trình duyệt theo quy định hiện hành.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét kiến nghị của tỉnh xin nâng cấp Trường Kế toán 3 (thuộc Bộ Tài chính) thành Trường Đại học Quản lý kinh tế, Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Ngãi thành trường đại học đa ngành phù hợp với quy hoạch hệ thống các trường đại học trong cả nước, trước mắt không thay đổi nhiệm vụ, chức năng của các trường này.

Nhiệm vụ quan trọng và cấp bách của tỉnh là nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, dạy nghề ở địa phương; Nhà nước cùng nhân dân đầu tư xây dựng trường sở đủ tiêu chuẩn; phát triển giáo dục ở vùng núi và nâng cao chất lượng các trường nội trú dành cho học sinh dân tộc ít người.

- Việc sử dụng số thu ngân sách trên địa bàn vượt kế hoạch thực hiện theo Quyết định số 829/TTg ngày 30/12/1994 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1995. Trong trường hợp có vấn đề cần xử lý thì tỉnh làm việc cụ thể với Bộ Tài chính.

**K/T BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
PHÓ CHỦ NHIỆM**

Lại Văn Cử

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Văn phòng Chính phủ, hồ sơ số 9695.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 33/TB, ngày 03 tháng 3 năm 1995

**Kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc
với lãnh đạo tỉnh Hà Giang ngày 21/02/1995**

Ngày 21/02/1995 tại Hà Nội, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã làm việc với lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang. Cùng dự, có lãnh đạo một số bộ, ngành trung ương (Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Dân tộc và Miền núi, Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang và huyện Mường Tè của Chính phủ, các bộ: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa - Thông tin, Y tế, Năng lượng, Thủy lợi, Lâm nghiệp, Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia). Sau khi nghe đồng chí Triệu Đức Thanh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng chí Nguyễn Chí Tuy, Phó Bí thư Tỉnh ủy báo cáo về những vấn đề chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1995 tỉnh Hà Giang và ý kiến phát biểu của các bộ, ngành trung ương, Thủ tướng Chính phủ đã kết luận như sau:

Từ đầu năm 1993, Chính phủ đã chọn tỉnh Hà Giang là tỉnh miền núi khó khăn nhất làm điểm chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội miền núi. Qua 2 năm thực hiện, tỉnh Hà Giang bước đầu đã có chuyển biến về các mặt kinh tế - xã hội; thể hiện: sản lượng



lương thực, cây trồng và vật nuôi tăng dần, nạn đốt phá rừng đã giảm hẳn, đã thực hiện kinh tế nông - lâm kết hợp, giao đất, giao rừng cho dân quản lý, nâng cấp một số tuyến đường giao thông đến cửa khẩu và vùng công nghiệp chế biến, hoạt động thương mại bảo đảm cung cấp các mặt hàng thiết yếu cho đồng bào các dân tộc, hoạt động xã hội như văn hóa - thông tin, giáo dục - đào tạo, y tế bước đầu có kết quả, đời sống của đồng bào các dân tộc được cải thiện một bước, số hộ thiêng đói triền miên đã giảm.

Khó khăn của Hà Giang hiện nay là trình độ sản xuất còn thấp, chuyển đổi cơ cấu kinh tế chưa nhanh, công nghiệp chưa có gì đáng kể, nông nghiệp còn tự cấp tự túc, số người du canh, du cư và định cư nhưng còn du canh khá lớn, trình độ dân trí thấp, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường thấp, tỷ lệ tăng dân số còn cao, cơ sở hạ tầng nước ăn, nước sản xuất, đường giao thông, nhất là đường từ tỉnh đến các huyện, xã biên giới vùng cao, vùng xa, trường học, bệnh viện..., còn yếu kém.

Mục đích của Chính phủ chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang nhằm rút kinh nghiệm bổ sung chủ trương, cơ chế, chính sách để chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh miền núi khác. Từ mục đích trên Chính phủ yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang và các bộ, ngành có liên quan thực hiện một số việc như sau:

1. Chính phủ đã có quyết định về giao chỉ tiêu kế hoạch ngân sách năm 1995, căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch được giao yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang và các bộ, ngành trung ương trước hết phải chỉ đạo thực hiện để đạt hiệu quả cao, đồng thời Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang và huyện Mường Tè của Chính phủ phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang rà soát lại toàn bộ



kế hoạch ngân sách cho Hà Giang năm 1995, nếu thấy cần thiết điều chỉnh, bố trí lại thì đề xuất với Thủ tướng Chính phủ xem xét giải quyết.

2. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, với sự giúp đỡ của Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang và huyện Mường Tè của Chính phủ, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các bộ, ngành liên quan xây dựng đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang đến năm 2000 và năm 2010. Trước mắt tỉnh Hà Giang trao đổi với các ngành trung ương chuẩn bị ngay đề án phát triển kinh tế - xã hội 3 năm 1995 - 1997 để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định. Yêu cầu hoàn thành đề án trong tháng 5/1995.

3. Trong quá trình chỉ đạo thực hiện kế hoạch năm 1995 và chuẩn bị đề án phát triển kinh tế - xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang và các bộ, ngành trung ương cần chú ý:

a) Việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế: Tỉnh Hà Giang đã hình thành cơ cấu nông - lâm - công nghiệp. Cần tính toán phát triển cây trồng và vật nuôi cho phù hợp với 3 vùng kinh tế đã có: Vùng cao có nhiều núi đá vôi, đất hẹp trồng ngũ cốc năng suất cao, cây dược liệu; kết hợp chăn nuôi trâu, bò, dê và khoanh nuôi bảo vệ rừng. Vùng núi đất có ruộng bậc thang thảm canh lúa, trồng chè, cây công nghiệp, cây lấy gỗ. Vùng thấp thảm canh lúa, trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, kết hợp phát triển chăn nuôi.

Trong công nghiệp, hoàn thành việc xây dựng đường điện 35 kV theo kế hoạch; tập trung phát triển công nghiệp chế biến từ nguồn nguyên liệu nông, lâm sản của tỉnh (gỗ, chè, cây ăn quả, dược liệu...); để sớm tiếp thu và sử dụng có hiệu quả nguồn điện được cung cấp, các ngành trung ương giúp tỉnh nghiên cứu lập đề án xây dựng cơ sở chế biến mì ăn liền phục vụ đồng bào, nghiên



cứu phát triển công nghiệp khai khoáng và các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp; đặc biệt giúp tinh tạo thị trường tiêu thụ các sản phẩm hàng hóa.

b) Bộ Lâm nghiệp, Ủy ban Dân tộc và Miền núi có kế hoạch giúp tỉnh tiếp tục thực hiện việc bảo vệ rừng gắn với định canh, định cư, phấn đấu trong thời gian ngắn thực hiện dứt điểm định canh, định cư cho 700 hộ gia đình còn du canh, du cư và 10.000 hộ gia đình phần lớn đã định cư nhưng còn du canh; tổ chức giao đất, giao rừng, trồng rừng, khoanh nuôi bảo vệ để nâng cao độ che phủ.

c) Đổi với các chương trình mục tiêu Trung ương đã phân bổ từ ngân sách trung ương và giao cho các bộ, địa phương quản lý và các chương trình mục tiêu phân bổ kế hoạch chi ngân sách địa phương thì Ủy ban nhân dân tỉnh phải phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành trung ương tính toán, có phương án chỉ đạo và thực hiện theo đúng mục tiêu đã bố trí.

Các ngành trung ương và tỉnh Hà Giang cần tìm biện pháp và tạo điều kiện để các nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội đến được với đồng bào các dân tộc để đồng bào có tiền, tạo sức mua, nâng cao mức sống cho đồng bào, hạn chế việc vốn Trung ương đầu tư vào miền núi lại bị thu hút trở lại miền xuôi. Hướng chung là những công việc lao động phổ thông thì bàn với địa phương sử dụng nhân công tại chỗ; những công việc đòi hỏi phải có kỹ thuật, trong khi chưa đào tạo đủ cán bộ người dân tộc thì mới đưa cán bộ, công nhân kỹ thuật ở miền xuôi lên.

Bộ Giáo dục và Đào tạo và các ngành trung ương cần giúp Hà Giang nhanh chóng đào tạo cán bộ người dân tộc để trong vài



năm tới có thể tiếp thu và sử dụng được những tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến.

d) Việc bố trí đầu tư vốn ngân sách cho tỉnh Hà Giang đã được tăng dần qua các năm đó là cần thiết, song không phải chỉ đầu tư bằng vốn ngân sách, mà cần phải nghiên cứu để có biện pháp huy động sức dân tại chỗ, tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức trong và ngoài nước cho việc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của Hà Giang, sao cho trong điều kiện mức đầu tư bằng vốn ngân sách có hạn mà vẫn có thể vươn lên phát triển kinh tế - xã hội được.

đ) Khi xây dựng đề án phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh Hà Giang phải học tập, vận dụng kinh nghiệm của các địa phương khác, để áp dụng một cách sáng tạo trong quá trình thực hiện đổi mới và phải nắm chắc Nghị quyết số 22-NQ/TW, Quyết định số 72/HĐBT và Chỉ thị số 525/TTg, chủ động xác định quy hoạch toàn diện về các mặt kinh tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa - xã hội và an ninh, quốc phòng để từ đó tính toán, xác định mức độ đầu tư cụ thể qua từng năm, có sắp xếp thứ tự ưu tiên những vấn đề gì cần làm trước, những vấn đề gì làm sau, tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách như xây dựng hạ tầng lưới điện quốc gia, đường giao thông đến các huyện và cửa khẩu, phát triển vùng cây công nghiệp như chè, giải quyết nước ăn và nước sản xuất cho vùng cao, xây dựng mạng lưới thông tin liên lạc giữa tỉnh với các đồn biên phòng, các huyện, các xã biên giới vùng cao, vùng xa... Riêng về đường giao thông đến các huyện, xã biên giới vùng cao, vùng xa cần có kế hoạch cụ thể, tính toán phân công giữa Trung ương, tỉnh, huyện và các xã theo đúng Chỉ thị số 525/TTg để vạch ra kế hoạch phối hợp thực hiện cụ thể và phải làm cho được.



Khoảng tháng 6/1995, tổ chức họp kiểm điểm thực hiện nhiệm vụ kế hoạch 6 tháng đầu năm 1995 của tỉnh Hà Giang và các bộ, ngành đã làm được những gì cho tỉnh để rút kinh nghiệm công tác chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu đã đề ra nhằm thúc đẩy các công việc còn lại của cả năm 1995 và các năm sau.

Văn phòng Chính phủ xin thông báo để các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang biết và thực hiện.

**K/T BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
PHÓ CHỦ NHIỆM**

Lại Văn Cử

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Văn phòng Chính phủ, hồ sơ số 9715.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 43/TB, ngày 20 tháng 3 năm 1995

**Kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc
với lãnh đạo tỉnh Hòa Bình ngày 25/02/1995**

Ngày 25/02/1995, tại Hà Nội, Thủ tướng Võ Văn Kiệt và lãnh đạo một số bộ, ngành có liên quan ở Trung ương đã làm việc với lãnh đạo tỉnh Hòa Bình về tình hình chuyển dân khỏi vùng ngập lòng hồ Sông Đà, ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội ở vùng chuyển dân đến và một số vấn đề liên quan đến công trình thủy điện Hòa Bình và quy hoạch thị xã Hòa Bình. Sau khi nghe báo cáo của đồng chí Vương Xuân Sơn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, ý kiến bổ sung của đồng chí Nguyễn Nhiêu Cốc, Bí thư Tỉnh ủy và ý kiến của lãnh đạo các bộ, ngành dự buổi làm việc, Thủ tướng Chính phủ đã kết luận như sau:

I- VẤN ĐỀ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ, PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG CHUYỂN DÂN SÔNG ĐÀ

1. Những năm trước đây, cùng với việc đầu tư xây dựng công trình thủy điện Hòa Bình, Nhà nước đã chi một khoản kinh phí khá lớn để chuyển dân khỏi vùng ngập lòng hồ Sông Đà, ổn định đời sống nhân dân ở vùng chuyển dân đến. Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cùng các bộ, ngành có liên quan cần phải kiểm điểm tình hình thực hiện, làm rõ kết quả đã đạt được cũng như những



công việc phải tiếp tục hoàn thành, rút kinh nghiệm và làm rõ nguyên nhân đã làm cho vấn đề bị kéo dài qua nhiều năm, từ đó vạch ra kế hoạch cùng biện pháp hữu hiệu để giải quyết một cách cơ bản vấn đề này trong thời gian ngắn.

2. Vừa qua, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 747/TTg ngày 07/12/1994, phê duyệt luận chứng kinh tế - kỹ thuật dự án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng chuyển dân Sông Đà thuộc hai tỉnh Sơn La và Hòa Bình.

Với sự phối hợp của các bộ, ngành, tỉnh phải chủ động tổ chức triển khai thực hiện, nhanh chóng xây dựng các dự án khả thi theo những hướng sau đây:

- Tập trung giải quyết những điều kiện cần thiết nhằm ổn định sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và đời sống ở vùng dân mới chuyển đến đang có nhiều khó khăn, trước hết là số dân các xã sát ven hồ.

- Đầu tư xây dựng sớm đường giao thông nối các làng, bản, xã; xây dựng các trường học, trạm y tế, giếng nước cho các tụ điểm dân cư trong vùng.

- Đưa điện lưới đến các khu vực dân cư tập trung có quy mô hợp lý để phục vụ sản xuất và đời sống. Các nơi chưa có điều kiện đưa điện lưới về thì nghiên cứu khai thác nguồn thủy điện nhỏ tại chỗ.

- Trên cơ sở xây dựng hệ thống đường giao thông, điện, nước, trạm y tế, trường học và các chương trình sản xuất, từng bước hình thành các tụ điểm dân cư, đầu mối giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội của vùng.

- Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Y tế, Bộ Xây dựng, Bộ Năng lượng, Bộ Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Bộ Lao động - Thương



binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc và Miền núi... căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình, tăng cường sự giúp đỡ tỉnh Hòa Bình để trong một thời gian không lâu, dự án “ ổn định dân cư vùng chuyển dân Sông Đà” được thực hiện dứt điểm và có hiệu quả, tương xứng với tiền của, công sức mà Nhà nước và nhân dân đã bỏ ra.

3. Trong kế hoạch năm 1995, Chính phủ đã giành 50% tiền thuế tài nguyên nước lòng hồ Sông Đà để đầu tư cho các dự án vùng chuyển dân Sông Đà thuộc tỉnh Hòa Bình là một nguồn vốn không nhỏ, ngoài ra còn có vốn của các chương trình khác như: 327, 219, giao thông nông thôn, nước sạch, y tế, giáo dục, văn hóa - xã hội ở miền núi và vốn vay để phát triển sản xuất. Tỉnh phải phân bổ vốn cho các dự án đúng mục đích, đúng đối tượng, và quản lý chặt chẽ không để thất thoát nhằm phát huy cao hiệu quả của mọi nguồn vốn đầu tư.

Bộ Năng lượng giúp tỉnh Hòa Bình sớm có quy hoạch mạng lưới điện, đầu tư xây dựng các đường điện từ 35 kV trở lên. Chỉ được dùng một phần số tiền thuế tài nguyên nước lòng hồ Sông Đà để đầu tư cho điện lưới, số còn lại phải đầu tư cho sản xuất và ổn định đời sống, nhất là với dân di chuyển đến vùng mới.

Phát huy tính tích cực chủ động của dân, tránh tư tưởng ỷ lại vào sự trợ giúp của Nhà nước.

Nhất thiết phải đầu tư trực tiếp đến hộ dân, loại bỏ các khoản chi phí trung gian, chi phí không hợp lý trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư.

4. Phải có kế hoạch giải quyết số 2.256 hộ dân đang sinh sống ở ven hồ, đổi sống có nhiều khó khăn theo các hướng sau đây:

- Tỉnh nghiên cứu để sớm chuyển một số hộ dân thực sự không có điều kiện sản xuất đến định cư ở những vùng có thể



làm ăn sinh sống được theo các hình thức tụ điểm dân cư, xen ghép trong vùng hoặc nội tỉnh.

- Ủy ban Dân tộc và Miền núi chủ trì cùng với Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai bàn ngay việc ổn định đời sống cho 300 hộ dân của tỉnh Hòa Bình đã định cư ở xã Gia Lâu. Nếu thấy quá khó khăn thì có thể di chuyển dân đến các xã khác, vùng khác trong tỉnh Gia Lai có điều kiện thuận lợi hơn để đồng bào an tâm làm ăn sinh sống. Ngoài số 600 hộ dân của Hòa Bình đã định cư ở tỉnh Kon Tum, nếu tỉnh Kon Tum có điều kiện và nhu cầu tăng dân số, thì tỉnh Hòa Bình và tỉnh Kon Tum lập các dự án cụ thể về di chuyển và tiếp nhận dân; Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc và Miền núi, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tạo điều kiện để hai tỉnh Hòa Bình và Kon Tum triển khai thực hiện.

II- MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHÁC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN VÀ QUY HOẠCH THỊ XÃ HÒA BÌNH

1. Trong tháng 3/1995, Bộ Xây dựng chủ trì cùng các bộ Năng lượng, Tài chính; Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Tổng cục Địa chính, Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình, Ban Quản lý nhà máy thủy điện, Tổng Công ty xây dựng thủy điện Hòa Bình lập tổ công tác chuyên trách để giải quyết các thủ tục và tiến hành ngay việc bàn giao cho tỉnh quản lý một số cơ sở trên mặt bằng công trường thủy điện Hòa Bình như: đất đai, trụ sở, nhà Ở, công trình hạ tầng kỹ thuật và các cơ sở vật chất khác. Công việc bàn giao này phải tiến hành xong trước ngày 30/6/1995. Các cơ sở của các bộ, ngành cần giữ lại thì phải được hợp thức hóa theo đúng các quy định hiện hành.



Trong thời gian tiến hành bàn giao, tất cả các đơn vị đang sử dụng các công trình và cơ sở hạ tầng trên công trường phải có trách nhiệm giữ gìn, bảo quản, nghiêm cấm việc để mất mát, hư hỏng tài sản của Nhà nước.

2. Về khu nhà chuyên gia, trước đây Bộ Giáo dục và Đào tạo có dự kiến sử dụng làm Trường Đại học khu vực Tây Bắc, nay đã có chủ trương xây dựng Đại học quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tây, nên khu nhà này sẽ được giao cho tỉnh Hòa Bình để kinh doanh du lịch theo dự án khai thác tổng hợp khu vực du lịch lòng hồ Sông Đà. Chính phủ sẽ bàn với các bộ, ngành ở Trung ương có liên quan và tỉnh Hòa Bình để có quyết định chính thức.

3. Chính phủ đã có chủ trương về xây dựng cầu cứng qua Sông Đà. Nay giao Bộ Giao thông vận tải làm chủ quản đầu tư, yêu cầu Bộ khẩn trương hoàn thành dự án khả thi để trình duyệt theo quy định hiện hành.

4. Về điện khí hóa tỉnh Hòa Bình, Thủ tướng Chính phủ đã có ý kiến tại Thông báo số 39/TB, ngày 21/3/1994 của Văn phòng Chính phủ, trên cơ sở đó yêu cầu các ngành triển khai thực hiện. Văn phòng Chính phủ Thông báo để Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình và các bộ, ngành có liên quan ở Trung ương biết và thực hiện.

K/T BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
PHÓ CHỦ NHIỆM

Lại Văn Cử

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 2044.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 45/TB, ngày 01 tháng 4 năm 1995

**Kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt
tại buổi làm việc với tỉnh Hà Tây ngày 14/3/1995**

Ngày 14/3/1995 tại Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Võ Văn Kiệt và lãnh đạo một số bộ, ngành đã làm việc với tỉnh Hà Tây về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tây đến năm 2010. Sau khi nghe báo cáo của đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vương Văn Biện, ý kiến bổ sung của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Đình Sở và ý kiến của lãnh đạo các bộ, ngành dự buổi làm việc, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã kết luận như sau:

1. Về kế hoạch 1995, Chính phủ mới giao đầu năm, tỉnh phải tìm mọi biện pháp để hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, 6 tháng cuối năm rà lại sẽ bổ sung nếu khả năng cho phép. Các bộ, ngành của Trung ương cũng phải phối hợp và giúp đỡ tỉnh theo hướng này.

2. Bước vào thời kỳ phát triển mới của đất nước, Hà Tây xúc tiến lập quy hoạch tổng thể là đúng và cần thiết. Quy hoạch được nghiên cứu công phu, đề cập những vấn đề cơ bản. Để hoàn chỉnh, cần lưu ý một số điểm sau đây:

- Quy hoạch tổng thể tỉnh Hà Tây phải thể hiện định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, khắc phục tình trạng tự cung - tự



cấp của nền kinh tế chậm phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế để hội nhập thị trường cả vùng, cả nước. Quy hoạch đó phải có tính tích cực với mục tiêu đạt tốc độ và mức tăng trưởng cao hơn bình quân của cả nước và của vùng đồng bằng Bắc Bộ.

- Trong quy hoạch, phải đánh giá đúng tiềm năng về đất đai, lao động ngành nghề; làm rõ thế mạnh của vùng đất có kiến tạo địa hình phong phú với rừng núi, trung du, đồng bằng, có cảnh quan tươi đẹp với nhiều thắng cảnh, có bề dày văn hóa, lịch sử với nhiều di tích lâu đời.

- Tuy là hai đơn vị hành chính lãnh thổ song trên nhiều lĩnh vực Hà Tây và Hà Nội có mối quan hệ rất mật thiết. Sự phát triển của Hà Nội sẽ thúc đẩy Hà Tây vươn lên, ngược lại Hà Tây có nhiều điều kiện, nhất là điều kiện đất đai, khí hậu, có khả năng hỗ trợ Hà Nội phát triển, sự gắn bó chặt chẽ Hà Nội và Hà Tây sẽ mang lại lợi ích cho cả hai địa phương trong quá trình phát triển; Hà Tây còn ngày càng gắn với khu kinh tế trọng điểm phía Bắc (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh). Các mối quan hệ nói trên sẽ tạo ra cho Hà Tây thế tích cực và những cơ hội mà tỉnh phải nắm bắt kịp thời. Hà Nội phải phát triển về phía Hà Tây mà quy hoạch này phải được thể hiện rõ.

3. Trên cơ sở quy hoạch tổng thể, Hà Tây cần có quy hoạch, kế hoạch phát triển một số ngành, lĩnh vực chủ yếu sau đây:

- Xây dựng các khu công nghiệp tập trung: Hòa Lạc, Xuân Mai, Sơn Tây theo hướng công nghiệp kỹ thuật cao, gắn với bảo vệ môi trường, sử dụng các nguồn nguyên liệu địa phương để sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông sản, chế tác các sản phẩm mỹ nghệ... và tiếp nhận một số cơ sở công nghiệp ở Hà Nội về đây. Mặt khác, phải khôi phục, phát triển các ngành nghề truyền thống trong dân như dâu tằm, tơ lụa, thủ công mỹ nghệ... quy



mô nhỏ và vừa nhưng kỹ thuật tinh xảo để tạo ra sản phẩm chất lượng cao cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Tìm biện pháp để đưa công nghiệp vào nông nghiệp, nông thôn theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5, Nghị quyết Trung ương 7.

- Phát triển mạnh ngành du lịch, dịch vụ. Hoàn chỉnh sớm quy hoạch phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh và quy hoạch các khu du lịch trọng điểm đáp ứng nhu cầu của nhân dân địa phương và các địa phương khác, nhất là dân và người nước ngoài ở Thủ đô Hà Nội đến thăm và nghỉ ngơi cuối tuần, chú ý bảo vệ, tôn tạo môi trường, cảnh quan và các di tích văn hóa, lịch sử. Hoàn thành sớm quy hoạch Làng Văn hóa để giới thiệu nền văn hóa Việt Nam, tạo điều kiện giao lưu văn hóa giữa các vùng, các dân tộc trong nước và giữa nước ta với các nước khác. Cần nghiên cứu tìm địa điểm thích hợp để xây dựng một trung tâm y tế và điều dưỡng quốc gia hiện đại trên địa bàn Hà Tây.

- Chính phủ đã có chủ trương xây dựng Đại học Quốc gia và Trung tâm nghiên cứu khoa học trên địa bàn Hà Tây. Đây là những cơ sở khoa học, công nghệ lớn có tiềm lực mạnh, tỉnh phải biết tranh thủ sự đóng góp tích cực của các cơ sở này cho công cuộc phát triển của mình và góp phần xây dựng các cơ sở đó với trách nhiệm quản lý nhà nước trên địa bàn.

- Hà Tây có nhiều điều kiện thuận lợi để thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, xóa bỏ tình trạng độc canh cây lúa, xây dựng một nền nông nghiệp đa dạng phong phú vừa có lương thực lại vừa có các nông sản khác có giá trị kinh tế cao như rau xanh, hoa, quả, thịt, sữa... Trước hết, phải đầu tư vốn, công nghệ, hoàn chỉnh hệ thống tưới, tiêu cho các vùng lúa trọng điểm để nâng cao năng suất và chất lượng lúa gạo, bảo đảm điều kiện thâm canh và tính an toàn, ổn định sản xuất ở các vùng này.



Khuyến khích các hộ dân sản xuất rau xanh, hoa, quả, trồng chè, trồng cây ăn quả... để cung cấp cho Hà Nội và các khu công nghiệp. Xây dựng các đồng cỏ và thâm canh phát triển mạnh chăn nuôi đại gia súc, nhất là nuôi bò để có sản phẩm thịt, sữa, da ở vùng đồi phía Bắc là nơi có diện tích lớn, có điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu thích hợp; tìm nguồn thức ăn để phát triển đàn dê... Cần có chính sách khuyến nông đổi với nghề chăn nuôi gia súc để hỗ trợ nhân dân phát triển mạnh nghề này, đồng thời phải lo chất đốt cho dân, tạo điều kiện để nhân dân bảo vệ và giữ gìn được số diện tích thảm cỏ thực vật hiện có.

- Phát triển kết cấu hạ tầng là khâu thiết yếu. Phải sớm có quy hoạch và từng bước đầu tư xây dựng, nâng cấp các tuyến đường nối các vùng kinh tế, các khu công nghiệp, du lịch trong tỉnh với nhau, và với Hà Nội và khu công nghiệp trọng điểm phía Bắc; xây dựng, nâng cấp các tuyến đường 6, 21, 32 tạo ra tuyến vành đai Hà Đông - Sơn Tây - Xuân Mai. Trước mắt cần nghiên cứu sâu, đạt mức một dự án tiền khả thi tuyến đường mới nối khu vực Láng Hạ (Hà Nội) tới phía Nam núi Múc, cạnh quốc lộ 21 và tương lai phát triển đi về hướng Ba Vì. Tích cực khai thác các tuyến đường sông, đường sắt trên địa bàn tỉnh. Tiến hành khảo sát tìm nguồn nước cho các khu công nghiệp, du lịch, văn hóa...

- Phải gấp rút hoàn chỉnh quy hoạch bố trí lại dân cư theo hướng đô thị hóa tạo thành tuyến, cụm dân tập trung có kết cấu hạ tầng và dịch vụ công cộng tốt. Phát triển mạng lưới thị trấn, quy hoạch lại các đô thị đã hình thành như Hà Đông, Sơn Tây, Xuân Mai... cho phù hợp với tình hình phát triển chung trong tương lai, không để tình trạng xây dựng tùy tiện không theo quy hoạch.



4. Tìm nhiều biện pháp để huy động vốn cho đầu tư phát triển. Không thể chỉ trông chờ nguồn vốn ngân sách nhà nước; phải có chính sách để huy động vốn của các thành phần kinh tế, vốn trong dân và vốn từ các địa phương khác đầu tư vào Hà Tây; gọi vốn đầu tư từ nước ngoài với các hình thức liên doanh, hợp tác đầu tư, xây dựng - vận hành - chuyển giao (BOT)...

Để xây dựng kết cấu hạ tầng, chủ yếu là đường giao thông, trong các năm trước mắt có thể sử dụng quỹ đất thông qua các hình thức giao quyền sử dụng đất, cho thuê đất... nhưng nhất thiết phải làm đúng các quy định của pháp luật, chính sách của Nhà nước và phải có quy hoạch.

5. Các bộ, ngành ở Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm và phối hợp với tỉnh Hà Tây tiến hành:

- Ủy ban Kế hoạch Nhà nước chủ trì làm đầu mối cùng với các bộ, ngành trung ương và tỉnh Hà Tây hoàn chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển tỉnh Hà Tây đến năm 2010.

- Từ nay đến tháng 6/1995 lập xong quy hoạch ngành, lĩnh vực trên địa bàn Hà Tây, nhất là các ngành, lĩnh vực trọng điểm:

- + Quy hoạch giao thông đường bộ,
- + Đại học Quốc gia và Trung tâm nghiên cứu khoa học,
- + Làng văn hóa dân tộc Việt Nam,
- + Các Trung tâm du lịch, nghỉ ngơi,
- + Một số khu công nghiệp tập trung.

- Cân có sự phối hợp Hà Tây với Hà Nội, bao gồm cả công tác quy hoạch lấn tổ chức thực hiện.

- Giúp Hà Tây tìm biện pháp huy động vốn, tiếp cận thị trường và gọi vốn đầu tư nước ngoài.



Về phía địa phương, Hà Tây phải tích cực chủ động và tranh thủ sự giúp đỡ, phối hợp của các cơ quan trung ương, tập trung súc hoàn thành về cơ bản công tác quy hoạch trong năm 1995.

Văn phòng Chính phủ xin thông báo để Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây và các bộ, ngành trung ương có liên quan biết, thực hiện.

K/T BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
PHÓ CHỦ NHIỆM

Lại Văn Cử

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 2041.

THÔNG BÁO

CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 49/TB, ngày 06 tháng 4 năm 1995

**Kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc
với tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng ngày 23/3/1995**

Ngày 23/3/1995 tại Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Võ Văn Kiệt, Phó Thủ tướng Phan Văn Khải, Phó Thủ tướng Trần Đức Lương và đại diện một số bộ, ngành ở Trung ương đã làm việc với lãnh đạo tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

Sau khi nghe báo cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1995 của tỉnh, báo cáo bổ sung của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về tình hình kinh tế - xã hội của thành phố, và ý kiến của đại diện các bộ, ngành dự buổi làm việc, của Phó Thủ tướng Phan Văn Khải, Phó Thủ tướng Trần Đức Lương, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã kết luận như sau:

I- Thời gian gần đây, *Quảng Nam - Đà Nẵng đã có những chuyển biến tích cực*, dần dần trở lại vị trí, vai trò của một trung tâm kinh tế hàng đầu ở miền Trung. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đã cao hơn mức bình quân của cả nước, đặc biệt là công nghiệp, xuất nhập khẩu, đầu tư nước ngoài; cơ cấu kinh tế đã bát đầu chuyển dịch theo hướng tiến bộ; các lĩnh vực văn hóa, xã hội cũng đạt được những thành tích đáng kể; bộ mặt thành phố Đà Nẵng đã có những biến đổi... Những tiến bộ đó tuy mới là bước đầu song



thể hiện quyết tâm vượt qua tình trạng trì trệ của Đảng bộ, chính quyền, nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng.

Bước vào thời kỳ phát triển mới, tuy Quảng Nam - Đà Nẵng vẫn gặp phải nhiều khó khăn do nền kinh tế còn ở trình độ phát triển thấp, kết cấu hạ tầng yếu kém, hậu quả chiến tranh còn nặng nề... *song một tình thế mới với những nhân tố tích cực đã mở ra cho miền Trung, trong đó có Quảng Nam - Đà Nẵng.*

Chính phủ đã xác định khu kinh tế trọng điểm ven biển miền Trung. Tại vùng đất này sẽ xây dựng các cảng Dung Quất, Liên Chiểu, các khu công nghiệp tập trung và nhà máy lọc dầu đầu tiên của nước ta; mạng đường giao thông sẽ mở rộng trên địa bàn tỉnh, trước mắt quốc lộ 14B đã được Chính phủ quyết định đầu tư khôi phục; sân bay quốc tế Đà Nẵng sẽ được nâng cấp, sân bay Chu Lai cũng có thể được khôi phục... Việc đầu tư xây dựng khu kinh tế ven biển sẽ tác động sâu sắc đến cục diện của Quảng Nam - Đà Nẵng; tạo ra những cơ hội, tiền đề cho việc khai thác có hiệu quả những tiềm năng, thế mạnh để giải quyết khó khăn, phát triển kinh tế các vùng trong tỉnh, nhất là các huyện miền núi.

Nước ngoài cũng ngày càng chú ý tới Quảng Nam - Đà Nẵng với ý định bồi vốn đầu tư vào nhiều lĩnh vực và trong xu thế phát triển của tiểu vùng, của khu vực, Đà Nẵng có khả năng trở thành một cảng lớn ra biển không chỉ của miền Trung mà còn của Lào, vùng đông bắc Thái Lan như quy hoạch mạng đường bộ liên Á.

Có thể nói rằng đối với Quảng Nam - Đà Nẵng, tuy lực chưa thật mạnh song thế phát triển đã mở ra. Điều quan trọng là biết vận dụng đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước một cách năng động, sáng tạo, tìm ra các biện pháp hữu hiệu để phát triển



đi lên, song cũng cần làm cho cán bộ và nhân dân thấy rõ phát triển là một quá trình tích lũy, đầu tư, không thể nóng vội trước những khó khăn, thách thức trước mắt.

II- Trên đà phát triển của năm 1994, tỉnh đã đề ra *kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1995 với những mục tiêu tích cực*: một số lĩnh vực kinh tế quan trọng có mức tăng trưởng khá, các lĩnh vực xã hội được tiếp tục quan tâm... Để hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch, cần tập trung chỉ đạo một số nhiệm vụ công tác then chốt dưới đây:

1. Cùng các bộ, ngành trung ương đẩy mạnh công tác quy hoạch: Sớm hoàn chỉnh quy hoạch tổng thể của tỉnh gắn với khu kinh tế trọng điểm ven biển; lập quy hoạch các ngành, lĩnh vực, các địa bàn trọng điểm, bố trí lại dân cư theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo đảm có sự phối hợp chặt chẽ và tính đồng bộ.

2. Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách tích cực hơn; chú trọng chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, tìm biện pháp đưa công nghiệp vào nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến nông hải sản. Tỉnh phải chỉ đạo sát sao hơn nữa việc giao đất, giao rừng cho dân để tạo điều kiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển kết cấu hạ tầng miền núi.

3. Cùng các bộ, ngành ở Trung ương sắp xếp lại các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực trên địa bàn theo hướng bảo đảm tính hiệu quả và quyền tự chủ kinh doanh theo pháp luật của các doanh nghiệp, tiến tới xóa bỏ chế độ chủ quản của các bộ, của chính quyền địa phương. Mở rộng và nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ, du lịch, đồng thời có biện pháp thiết thực để bảo vệ môi trường, cảnh quan, di tích văn hóa lịch sử.



4. Kiên quyết chống buôn lậu, chống thất thu ngân sách, thực hành tiết kiệm, tạo ra các nguồn thu mới, phấn đấu thu vượt kế hoạch để có nguồn bổ sung ngân sách địa phương.

Trong điều kiện nguồn vốn ngân sách còn eo hẹp, phải có biện pháp để huy động được nhiều nguồn vốn trong nước, ngoài nước cho đầu tư phát triển. Chú trọng các nguồn thu về nhà đất, nguồn vốn trong dân thuộc các thành phần kinh tế, thu hút vốn từ các địa phương khác đầu tư vào Quảng Nam - Đà Nẵng.

5. Huy động nhân dân tham gia giải quyết các vấn đề xã hội. Quan tâm hơn nữa đến nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu của công cuộc phát triển trong những năm tới.

III- VỀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ CỤ THỂ CỦA QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Chính phủ vừa có quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch ngân sách năm 1995 cho các tỉnh, thành phố. Tỉnh cần khẩn trương triển khai thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật, cơ chế, chính sách của Nhà nước về tài chính, ngân sách, thuế khóa...

Đối với các kiến nghị cụ thể của tỉnh, các bộ, ngành chức năng có trách nhiệm xem xét xử lý và báo cáo Thủ tướng Chính phủ những vấn đề vượt quá thẩm quyền:

1. Bộ Tài chính cần soát xét lại các chỉ tiêu ngân sách đã giao cho tỉnh, nếu Trung ương đã thay đổi cơ chế, chính sách làm giảm nguồn thu của tỉnh thì phải kịp thời xử lý.

2. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính xem xét, cấp phát bổ sung vốn cho công tác quy hoạch như đã nêu ở trên để có thể hoàn thành công việc này trong năm 1995.

Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước phối hợp với tỉnh nghiên cứu cảng Liên Chiểu làm rõ khả



năng của cảng, trình Chính phủ xem xét, đưa vào quy hoạch phát triển chung.

3. Bộ Quốc phòng bàn ngay với tỉnh vấn đề đất quốc phòng như chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm lợi ích chung, kết hợp kinh tế với quốc phòng.

4. Tỉnh bàn với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước về việc bố trí vốn tín dụng đầu tư năm 1995 cho Quảng Nam - Đà Nẵng;

Bàn với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư, Bộ Xây dựng, Bộ Công nghiệp nặng để tìm đối tác cho nhà máy ximăng 1,4 triệu tấn/năm, nhà máy luyện cán thép 0,5 triệu tấn/năm;

Bàn với Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm về việc khẩn trương triển khai xây dựng nhà máy đường và kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu;

Bàn với Ban Biên giới của Chính phủ, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Tổng cục Hải quan về việc mở cửa khẩu biên giới với Lào tại mốc T14.

5. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Thương mại xem xét, ưu tiên bố trí cho tỉnh tham gia xuất khẩu trả nợ Cộng hòa Liên bang Nga năm 1995, xuất khẩu sang thị trường EC nhưng không được xuất thịt lợn đông lạnh, dành thịt lợn để cung ứng cho nhu cầu trong nước.

6. Bộ Giao thông vận tải kiểm tra việc thu, sử dụng phí cảng vụ của cảng Đà Nẵng, chỉ đạo cảng sử dụng nguồn thu này để nạo vét luồng lạch, tu sửa cảng theo đúng quy định và góp phần cùng địa phương chỉnh trang, văn minh hóa khu vực cảng và khu vực lân cận cảng.

Tỉnh bàn với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Giao thông vận tải về khả năng tiếp tục thi công cầu Tiên Phuộc trong năm 1995.



7. Tỉnh làm việc với Bộ Năng lượng, Bộ Xây dựng, Ban Vật giá của Chính phủ về việc thực hiện phụ thu giá điện và nước sinh hoạt để nâng cấp, cải tạo kết cấu hạ tầng, đồng thời vận động nhân dân tham gia bảo đảm vệ sinh môi trường, làm sạch đẹp đường phố.

8. Để giúp đỡ nhân dân một số xã ở Quảng Nam - Đà Nẵng đã bỏ nghề pháo chuyển sang nghề khác, Ngân hàng Nhà nước bố trí bổ sung 5 tỉ đồng cho dân vay theo lãi suất thông thường, Nhà nước hỗ trợ lãi suất. Các ngân hàng thương mại đẩy mạnh việc cho dân vay vốn để phát triển sản xuất.

9. Về nguyên tắc, đồng ý cho cải tạo và nâng cấp nhà làm việc của Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng. Tỉnh làm việc với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính để giải quyết.

10. Tỉnh cùng Bộ Văn hóa - Thông tin xúc tiến các biện pháp bảo vệ di tích văn hóa, lịch sử ở thị xã Hội An, trước mắt phải thành lập ngay bộ phận chỉ đạo chuyên trách, hội đồng tư vấn, và lập các dự án cụ thể về bảo tồn, phục chế...

Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Bộ Tài chính giúp đỡ tỉnh thành lập Hội bảo tồn phố cổ Hội An và Quỹ bảo trợ để có cơ sở tiếp nhận tài trợ của nước ngoài.

11. Đối với thành phố Đà Nẵng, Ủy ban nhân dân tỉnh bàn với Ủy ban nhân dân thành phố về mối quan hệ giữa chính quyền cấp tỉnh và chính quyền thành phố trong việc thực hiện quy chế quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Một số đề nghị của thành phố như xin thành lập kho bạc nhà nước, phòng công chứng, phòng trước bạ thuộc thành phố... xét thấy là chưa cần thiết vào lúc này.



Văn phòng Chính phủ, Bộ Xây dựng, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ khẩn trương chuẩn bị cho Thủ tướng Chính phủ làm việc với các thành phố loại II trực thuộc các tỉnh (trong đó có thành phố Đà Nẵng).

Văn phòng Chính phủ thông báo để Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng và các bộ, ngành liên quan biết, thực hiện.

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ**

Lê Xuân Trinh

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Thủ tướng Võ Văn Kiệt, hồ sơ số 9693.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 60/TB, ngày 25 tháng 4 năm 1995

**Kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc
với tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 07/4/1995**

Ngày 07/4/1995 tại Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Võ Văn Kiệt, Phó Thủ tướng Nguyễn Khánh đã làm việc với lãnh đạo tỉnh Thừa Thiên Huế. Cùng dự có đại diện một số bộ, ngành ở Trung ương.

Sau khi nghe đồng chí Phan Văn Đường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1995 của tỉnh, ý kiến bổ sung của đồng chí Phạm Bá Diễn, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, ý kiến của đại diện các bộ, ngành dự buổi làm việc và ý kiến của Phó Thủ tướng Nguyễn Khánh, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã kết luận như sau:

I- MỘT SỐ NHẬN XÉT CHUNG

Năm 1994, Thừa Thiên Huế tuy có nhiều khó khăn trong sản xuất nông nghiệp do hậu quả mất mùa nặng, nhưng nhìn chung tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn có những chuyển biến tích cực: mức tăng trưởng kinh tế (8,3%) so với 1993 tăng đáng kể; đời sống của đa số nhân dân ổn định và có phần được cải thiện, thu nhập của người lao động tiếp tục tăng; cơ cấu kinh tế bước đầu chuyển dịch theo hướng tích cực đã thúc đẩy nền kinh tế của tỉnh



phát triển; các lĩnh vực giáo dục, văn hóa, xã hội có nhiều tiến bộ; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, tỉnh còn có nhiều khó khăn, tồn tại: nền kinh tế vẫn bộc lộ những yếu tố chưa vững chắc, cơ sở hạ tầng yếu kém đã hạn chế việc thu hút vốn đầu tư, công nghệ thiết bị của các cơ sở sản xuất lạc hậu; huy động vốn trong dân đạt kết quả thấp, số doanh nghiệp nhà nước kinh doanh có hiệu quả còn rất ít. Năng lực quản lý xã hội, quản lý kinh tế của cán bộ còn yếu chưa theo kịp yêu cầu đổi mới. Về mặt xã hội, tỷ lệ tăng dân số vẫn ở mức cao, số lao động chưa có việc làm còn nhiều, số người du cư chưa giảm, đời sống nhân dân vùng căn cứ cách mạng, vùng núi, vùng đầm phá có nhiều khó khăn.

Bước vào thời kỳ phát triển mới của đất nước, tuy Thừa Thiên Huế còn gặp nhiều khó khăn, thử thách song đã xuất hiện một cơ hội mới với nhiều nhân tố thuận lợi cho miền Trung, trong đó có Thừa Thiên Huế. Chính phủ đã xác định khu kinh tế trọng điểm ven biển miền Trung, tại vùng này sẽ xây dựng các cảng Dung Quất, Liên Chiểu, các khu công nghiệp tập trung và nhà máy lọc hóa dầu tiên của nước ta... Việc đầu tư phát triển khu kinh tế trọng điểm có liên quan và tác động tích cực đến sự phát triển của Thừa Thiên Huế, tạo điều kiện thuận lợi cho tỉnh khai thác có hiệu quả những tiềm năng và thế mạnh để giải quyết khó khăn, phát triển các vùng trong tỉnh, kể cả các huyện miền núi.

II- VỀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 1995

Trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1995, tỉnh đã đề ra những mục tiêu tích cực: các ngành kinh tế quan trọng có mức tăng trưởng khá, các lĩnh vực giáo dục, y tế, xã hội được



quan tâm đúng mức... Để hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch cần tập trung chỉ đạo một số nhiệm vụ công tác dưới đây:

1. Phải phối hợp với các bộ, ngành trung ương đẩy mạnh công tác quy hoạch: sớm hoàn thành quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh gắn với khu kinh tế trọng điểm miền Trung, có mối quan hệ chặt chẽ với các nước thuộc tiểu vùng (Thái Lan, Lào...); quy hoạch phát triển thành phố Huế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa có sự kết hợp chặt chẽ giữa các ngành, các lĩnh vực, phát huy mạnh tiềm năng du lịch, dịch vụ của cố đô Huế, bảo đảm cho thành phố xứng đáng là một địa danh có di sản lịch sử, văn hóa của thế giới.

2. Tiếp tục thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách tích cực hơn, chú trọng chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, đưa công nghiệp vào nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến nông hải sản và các ngành nghề truyền thống. Phải chỉ đạo đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng cho dân, tiếp tục thực hiện tốt Chương trình 327 về phủ xanh đất trống đồi trọc, Chương trình 773 về khai thác vùng bãi cát ven biển và vùng đầm phá. Để tạo điều kiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phải sớm giải quyết tình trạng du cư của đồng bào các vùng miền núi, trên sông Hương, trên đầm phá theo hướng bố trí thành các cụm dân cư tập trung để có điều kiện tổ chức tốt cuộc sống. Phải đẩy mạnh phong trào xóa đói, giảm nghèo, đặc biệt quan tâm đến nhân dân vùng núi, vùng sâu, vùng xa.

3. Phải phối hợp với các bộ, ngành trung ương sắp xếp lại các doanh nghiệp trên địa bàn, bảo đảm cho các doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, phát huy quyền chủ động và tính năng động. Mở rộng và nâng cao chất lượng của các ngành du lịch, dịch vụ đáp ứng nhu cầu của nhân dân địa phương, nhân dân cả nước và người nước ngoài. Có biện pháp bảo vệ môi trường, cảnh quan các khu di tích, nhất là khu cố đô Huế.



4. Phải tích cực chống buôn lậu, nhất là buôn lậu trên biển, chống thất thu ngân sách, thực hành tiết kiệm, tạo thêm nguồn thu mới, phấn đấu thu vượt kế hoạch để có nguồn bổ sung ngân sách địa phương. Tìm các biện pháp hữu hiệu để huy động được các nguồn vốn trong nước, ngoài nước, chú trọng các nguồn thu về nhà đất, nguồn vốn huy động trong dân thuộc các thành phần kinh tế và gọi vốn từ các địa phương khác đầu tư vào Thừa Thiên Huế.

III- VỀ CÁC KIẾN NGHỊ CỦA TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Chính phủ vừa giao chỉ tiêu kế hoạch, ngân sách năm 1995 cho các tỉnh, thành phố. Tỉnh phải khẩn trương triển khai thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật và cơ chế, chính sách của Nhà nước về tài chính, ngân sách, thuế khóa... Đối với các kiến nghị cụ thể của tỉnh, các bộ, ngành chức năng có trách nhiệm xem xét, xử lý và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xử lý những vấn đề vượt thẩm quyền.

1. Về việc vay vốn để phát triển các khách sạn, cơ sở du lịch, dịch vụ, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cần xem xét trên cơ sở tính đặc thù của Thừa Thiên Huế.

2. Đồng ý để lại cho tỉnh toàn bộ số thu vượt kế hoạch về thuế xuất tiểu ngạch qua cảng Thuận An để đầu tư nâng cấp, cải tạo cảng.

3. Bộ Năng lượng chỉ đạo ngành điện tiến hành các công việc cần thiết nhằm bảo đảm cung ứng điện kịp thời cho Nhà máy ximăng Văn Xá khi nhà máy đi vào sản xuất cuối năm 1995; Ủy ban Kế hoạch Nhà nước bàn với Bộ Tài chính, Bộ Năng lượng và tỉnh để giải quyết vốn cho công trình trạm biến áp của nhà máy, kể cả số thiết bị của trạm đã nhập về.

4. Về vốn lập quy hoạch thành phố Huế và vốn chuẩn bị đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng của thành phố, thực hiện theo



chỉ tiêu ngân sách năm 1995 mà Thủ tướng Chính phủ đã giao cho tỉnh, thành phố. Việc phân bổ nguồn thu về giao quyền sử dụng đất giữa ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện theo Quyết định số 829/TTg, ngày 30/12/1994 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Đồng ý để lại cho tỉnh toàn bộ nguồn thu của Trung tâm bảo tồn di tích cố đô Huế để sử dụng vào việc trùng tu, tôn tạo khu di tích nhưng phải thể hiện rõ ràng trên ngân sách.

6. Việc cải tạo, nâng cấp sân bay Phú Bài là cần thiết và đã được bố trí vốn đầu tư. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cùng Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải xem xét cấp đủ vốn, kể cả vốn để giải tỏa các hộ dân trong khu vực công trình, để có thể hoàn thành về cơ bản việc thi công công trình trong năm 1995. Có thể bố trí số hộ dân bị giải tỏa định cư ở gần sân bay để họ làm một số dịch vụ cho sân bay nhằm tránh xáo trộn lớn.

7. Ủy ban nhân dân tỉnh cần tranh thủ sự phối hợp, giúp đỡ của các bộ, ngành trung ương tiếp tục chuẩn bị kỹ các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để có thể trình Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành chức năng trong quý III năm 1995.

Văn phòng Chính phủ thông báo để Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và các bộ, ngành liên quan biết, thực hiện.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Lê Xuân Trinh

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 2084.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 95/TB, ngày 18 tháng 7 năm 1995

**Kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt về việc
sử dụng đất nông nghiệp cho phát triển công nghiệp
và đô thị đến năm 2000 và 2010 của Thủ đô Hà Nội**

Ngày 11/7/1995, Thủ tướng Võ Văn Kiệt và một số bộ, ngành trung ương có liên quan đã làm việc với Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc sử dụng đất nông nghiệp cho phát triển công nghiệp và đô thị đến năm 2000 và 2010. Sau khi nghe Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội và Kiến trúc sư trưởng thành phố giải trình nhu cầu xin chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp, ý kiến của Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư, Tổng cục Địa chính; Thủ tướng Chính phủ đã kết luận như sau:

1. Trên cơ sở quy hoạch tổng thể đã được Chính phủ phê duyệt, Hà Nội cần xây dựng quy hoạch cụ thể, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xây dựng hạ tầng, các khu công nghiệp, các dự án đầu tư, xây dựng các khu dân cư, các cơ sở phúc lợi xã hội bảo đảm đáp ứng yêu cầu là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa lớn của cả nước; đồng thời vẫn giữ được vẻ đẹp độc đáo của Hà Nội cũ nhưng từng bước hiện đại hóa Thủ đô.

Quy hoạch phát triển của Hà Nội không chỉ giới hạn trên địa giới hành chính, do vậy các khu công nghiệp, các dự án liên



doanh với nước ngoài của Hà Nội không nhất thiết phải nằm trên địa bàn Hà Nội mà cần mở rộng ra các vùng phụ cận như Xuân Mai - Ba Vì, Sóc Sơn - Đông Anh, Phúc Yên, Đại Lải, Đồng Mô. Một khía cạnh trong quy hoạch phải tính đến việc giải tỏa và chuyển dần một số xí nghiệp, một số trường đại học, viện nghiên cứu khoa học... ra khỏi nội thành; phải phối hợp với Bộ Quốc phòng xác định quy hoạch diện tích thật sự cần thiết cho mục đích quốc phòng, cả nội thành, ngoại thành và vùng phụ cận. Xây dựng một số điểm dân cư mới để khắc phục dần tình trạng nhà ở quá chật chội và thiếu tiện nghi trong một số khu dân cư hiện nay. Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cần phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, căn cứ nhu cầu giáo dục phổ thông trên địa bàn có phương án tu bổ cải tạo xây dựng mới một số trường sở bảo đảm tiêu chuẩn tối thiểu: có sân chơi, phòng tập thể dục thể thao, phòng học đủ ánh sáng và các điều kiện vệ sinh cần thiết.

Để thiết lập trật tự, an toàn giao thông đô thị, giải tỏa lòng lề đường, chợ cóc..., Hà Nội cần quy hoạch xây dựng thêm một số chợ, các điểm buôn bán dịch vụ tập trung tại các địa điểm thích hợp, bảo đảm thuận tiện cho việc mua bán hằng ngày và không gây khó khăn cho đời sống nhân dân. Trong quy hoạch cần lưu ý giành tỷ lệ đất hợp lý cho công viên và cây xanh của thành phố.

2. Đồng ý cho Hà Nội chuyển mục đích sử dụng 6.310 ha đất nông nghiệp sang nhiệm vụ phát triển các khu công nghiệp kỹ thuật cao, phát triển khu dân cư, xây dựng đô thị mới, các công trình kỹ thuật hạ tầng và dự phòng cho các nhu cầu đột xuất khác.

Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm có nhiệm vụ xây dựng phương án bù đắp lại số diện tích đất lúa của Hà Nội buộc phải chuyển mục đích sử dụng nói trên.



3. Cho phép nạo vét và xây dựng khu nghỉ ngơi giải trí quanh Đàm Vân Trì. Riêng việc xây dựng sân gôn ở đây cùng với việc xây dựng hai khu công nghiệp Sài đồng A và Bắc Thăng Long cần được xem xét kỹ, Thủ tướng Chính phủ giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội bàn với các ngành liên quan để giải quyết.

Văn phòng Chính phủ xin thông báo để Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội và các bộ, ngành có liên quan biết, thực hiện.

K/T BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
PHÓ CHỦ NHIỆM

Đoàn Mạnh Giao

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 2038.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 105/TB, ngày 17 tháng 8 năm 1995

**Ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt
về kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng**

Ngày 28/7/1995, tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã làm việc với lãnh đạo tỉnh Lâm Đồng về tình hình kinh tế - xã hội năm 1995 và Kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 của tỉnh. Cùng dự có lãnh đạo Bộ Công nghiệp nhẹ, Bộ Lâm nghiệp, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ, Tổng cục Du lịch, Tổ phái viên II của Chính phủ.

Sau khi nghe báo cáo của lãnh đạo tỉnh Lâm Đồng, ý kiến của các bộ, ngành trung ương, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã phát biểu ý kiến như sau:

I- TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

Lâm Đồng là tỉnh có nhiều tiềm năng, nhưng việc khai thác còn hạn chế. Các ngành trung ương sẽ nghiên cứu kỹ và chính thức tham gia ý kiến với tỉnh một cách đầy đủ hơn trong quá trình chuẩn bị Đại hội Đảng bộ tỉnh sắp tới. Sau đây là một số ý kiến sơ bộ:

1. Trong mấy năm gần đây, kinh tế - xã hội của Lâm Đồng đã có sự chuyển hướng cơ bản toàn diện, phù hợp với đường lối đổi



mới của Đảng, theo kịp với đà tiến chung của cả nước. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh là hợp lý, song những thay đổi này chưa đủ nhanh và vững chắc.

- Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh năm 1995 đạt 304 USD, cao hơn mức bình quân chung của cả nước và của đồng bằng sông Cửu Long. Trong Kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, tỉnh cần tính toán lại chỉ tiêu này với tinh thần tích cực để đến năm 2000 mức tăng GDP khoảng 3 lần, khai thác tốt hơn tiềm năng, đẩy mạnh phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập của nhân dân.

- Các mặt xã hội của tỉnh cũng có nhiều tiến bộ: mạng lưới y tế, giáo dục được mở rộng, sức khỏe của nhân dân được chăm sóc tốt hơn, hạn chế các dịch bệnh, đặc biệt là bệnh sốt rét. Số học sinh là con em đồng bào dân tộc được học trong các trường nội trú tăng lên hằng năm. Trường Đại học Đà Lạt, Viện Nghiên cứu hạt nhân, Phân viện Khoa học Viện Paster... là những trung tâm khoa học có tầm cỡ vùng và quốc gia.

2. Nhất trí với đánh giá của tỉnh về những khó khăn, tồn tại và yếu kém trong thời gian vừa qua; song cần xem xét để có kết luận rõ hơn, xác đáng hơn về những nguyên nhân của tình hình này, trong đó cần chú ý phân tích yếu tố quan trọng nhất là con người và trí tuệ con người.

Không phải chờ đến năm 2000, Lâm Đồng mới tự cân đối được ngân sách. Lãnh đạo tỉnh cần suy nghĩ tìm biện pháp thoát ra khỏi khó khăn, khai thác hết tiềm năng của tỉnh, chống thất thu quyết liệt, v.v. thì Lâm Đồng có thể tự cân đối ngân sách sớm hơn và sẽ là tỉnh có đóng góp cho Trung ương.

3. Lâm Đồng có nhiều thế mạnh để chuyển sang thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa mà các nơi khác không thể có được.



- Về nông nghiệp, Lâm Đồng có nhiều loại cây công nghiệp (cà phê, dâu tằm, chè...) và hoa, rau, quả có giá trị cao. Chăn nuôi đại gia súc có điều kiện phát triển mạnh, cần có sự kết hợp giữa kinh tế quốc doanh và kinh tế hộ gia đình trong chăn nuôi bò sữa: nông dân chăn nuôi bò sữa, nông trường thực hiện các khâu: giống, kỹ thuật, thú y... và mua sữa nguyên liệu để chế biến. Lâm Đồng có thể phát triển mạnh công nghiệp chế biến thực phẩm: thịt, sữa, bia, nước ngọt, rau quả, v.v., nhưng rất chú ý nâng cao chất lượng và vệ sinh thực phẩm, vì đòi hỏi của khách hàng, đặc biệt khách du lịch nước ngoài rất cao.

- Về lâm nghiệp, Lâm Đồng còn hơn nửa triệu hécta rừng với trữ lượng 50 triệu mét khối gỗ và hàng trăm triệu cây tre, nứa; độ che phủ của rừng ở Lâm Đồng là 58%, cao nhất cả nước. Đây là nguồn nguyên liệu quan trọng cho công nghiệp chế biến gỗ, sản xuất giấy. Rừng ngày càng có giá trị, cần có kế hoạch bảo vệ và phát triển vốn rừng. Bộ Lâm nghiệp khẩn trương giúp tỉnh quy hoạch, thiết kế rừng cụ thể, đẩy nhanh việc giao đất, khoán rừng cho các hộ gia đình để bảo vệ, chăm sóc và trồng mới.

- Lâm Đồng có nhiều loại khoáng sản quý hiếm, nhất là bôxít, thiếc, vàng. Chính quyền địa phương các cấp có trách nhiệm và tăng cường quản lý nhà nước, bảo đảm cho việc khai thác khoáng sản trên địa bàn có trật tự, bảo vệ được cảnh quan, môi trường. Riêng về bôxít, Trung ương đã có phương án khai thác quặng và đang tạo các điều kiện để xây dựng nhà máy luyện nhôm.

- Du lịch là thế mạnh của Lâm Đồng: khí hậu quanh năm ôn hòa, cảnh quan phong phú, đa dạng, rất thuận lợi cho du lịch nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái. Đà Lạt có hơn hai ngàn biệt thự có thể sửa chữa, nâng cấp phục vụ tốt cho khách du lịch.



- Lâm Đồng có nguồn chất xám rất đáng quý, đó là các nhà khoa học, cán bộ quản lý có trình độ đang làm việc trong các trung tâm khoa học, đào tạo lớn, nếu biết khai thác tốt, sẽ phục vụ đắc lực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tất cả các tiềm năng, khả năng trên đây của Lâm Đồng đã đến thời điểm phát huy tác dụng. Lãnh đạo tỉnh cần tổ chức các cuộc hội thảo chuyên đề nhằm tập trung trí tuệ của tập thể các nhà khoa học, các cán bộ quản lý giúp tìm cách thoát ra khỏi bế tắc, tạo bước phát triển có ý nghĩa cho Lâm Đồng.

Tuy nhiên, Lâm Đồng cũng có những khó khăn, nhưng đó là những khó khăn trong bước đường đi lên, do đòi hỏi của sự phát triển ngày một cao hơn. Gần đây, việc cung cấp điện và hệ thống các trục đường chính đã được cải thiện một bước. Nhưng giao thông nội thị xuống cấp nghiêm trọng; trật tự, vệ sinh vỉa hè, lòng, lề đường không được đảm bảo; cảnh quan thiên nhiên và thành phố bị xâm hại... chủ yếu do buông lỏng quản lý nhà nước. Nếu các cấp chính quyền quan tâm đúng mức, huy động mọi nguồn lực tại chỗ, tổ chức tốt phong trào toàn dân làm sạch, đẹp thành phố, thì chắc chắn tình hình sẽ khá hơn. Cần kiểm kê lại các biệt thự của Đà Lạt và có cơ chế cho thuê, tạo nguồn vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng. Tỉnh cần tìm các giải pháp thích hợp huy động vốn của mọi thành phần kinh tế trong nước và ngoài nước để thực hiện công nghiệp hóa và tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

II- VỀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ CỦA TỈNH

1. Đồng ý về nguyên tắc cho Lâm Đồng mở tuyến bay du lịch trực tiếp với Xingapo, nhưng chú ý giải quyết đồng bộ các mặt có liên quan.



2. Về Dự án du lịch Suối Vàng: phương hướng, mục tiêu và chủ trương của Lâm Đồng hợp tác với Xingapo để phát triển du lịch là đúng. Nhưng trong dự án liên doanh Suối Vàng, cần lưu ý mấy vấn đề sau:

- Thời gian liên doanh 70 năm và thời gian xây dựng 20 năm là quá dài, không thể chấp nhận được.
- Diện tích đất xây dựng (300 - 500 ha) quá lớn.
- Cần làm rõ mục đích, quyền hạn và trách nhiệm của Liên doanh trong việc sử dụng vành đai rừng xung quanh khu du lịch: chỉ được làm giàu rừng, không xây dựng các công trình dưới tán rừng.
- Tỷ lệ góp vốn của ta 20% là quá thấp, cần huy động thêm vốn của dân, trước hết là dân Lâm Đồng, và của các doanh nghiệp trong nước để nâng lên khoảng 50%.

3. Về phát triển công nghiệp gắn với vùng nguyên liệu của Lâm Đồng, giao Bộ Công nghiệp nhẹ:

- Chỉ đạo Tổng Công ty Sữa Việt Nam xây dựng nhà máy chế biến sữa tại Lâm Đồng.
- Giúp tỉnh tổ chức các cơ sở chế biến tại chỗ nguyên liệu thô cho nhà máy giấy. Nghiên cứu xây dựng nhà máy giấy ở nam Lâm Đồng, gần Đồng Nai.

4. Bộ Công nghiệp nhẹ giúp tỉnh xử lý những tồn tại trong liên doanh với Huy Hoàng xây dựng nhà máy may ở Lâm Đồng (với nguyên tắc không đổi đất cho bên Liên doanh).

5. Về việc xử lý tình trạng di dân tự do: Chính phủ sẽ bàn kỹ và có các quyết định cụ thể giải quyết một cách cơ bản và có hiệu quả vấn đề này. Nhưng đối với số đồng bào đã đến, tỉnh có kế hoạch ổn định cuộc sống cho họ như đối với đồng bào tại chỗ.



6. Tỉnh có phương án cụ thể để kết thúc sớm tình trạng du canh của số đồng bào đã định cư, tiến hành ngay việc giao đất, khoán rừng cho các hộ. Các bộ, ngành trung ương cần quan tâm giải quyết vốn 327, vốn trồng rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ và vốn cho dân vay để phát triển sản xuất, hạn chế việc phá rừng làm rẫy. Cần chú ý việc cung cấp lương thực cho đồng bào hiện còn du canh.

Văn phòng Chính phủ xin thông báo để Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng và các bộ, ngành liên quan biết, thực hiện.

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ**

Lê Xuân Trinh

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 2061.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 144/TB, ngày 22 tháng 8 năm 1995

Ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi

Ngày 30/7/1995, tại Quảng Ngãi, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã làm việc với lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi về tình hình thực hiện kế hoạch năm 1995 và một số định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 của tỉnh.

Tham dự buổi làm việc còn có Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải Lê Ngọc Hoàn, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Lại Văn Cử, phái viên của Chính phủ tại miền Trung và Tây Nguyên Trần Kiên.

Sau khi nghe báo cáo của lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi, ý kiến của các cơ quan trung ương, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã phát biểu như sau:

1. Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi trong những tháng đầu năm nay phát triển tốt. Sản xuất lúa, mía được mùa, tăng cả về diện tích và năng suất. Chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản đều tăng. Đã hình thành được cụm công nghiệp thực phẩm (mía đường, bánh kẹo...) hoạt động tốt, bắt kịp được các tiến bộ kỹ thuật và là tiền đề để xây dựng khu công nghiệp tập trung của tỉnh. Mô hình cụm công nghiệp này cần được nhân rộng ra các vùng mía khác trên địa bàn Quảng Ngãi. Các ngành



công nghiệp khác và dịch vụ cũng đang có bước chuyển biến tích cực. Cơ cấu kinh tế chung của tỉnh chuyển dịch phù hợp với đường lối của Đảng và Nhà nước. Các mặt văn hóa, xã hội, trật tự, an toàn giao thông, chống buôn lậu, chống tham nhũng... đều có tiến bộ. Nhân dân trong tỉnh tự giác chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương của Nhà nước về cấm đốt pháo nổ và giải phóng lòng, lề đường.

Tuy nhiên, cũng còn một số tồn tại, lãnh đạo tỉnh cần tập trung chỉ đạo giải quyết tốt trong những tháng cuối năm, như:

- + Thu, chi ngân sách,
- + Những vấn đề về văn hóa - xã hội,
- + Cần tập trung sức làm nhanh công tác quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết đáp ứng kịp yêu cầu của tình hình mới.

2. Để có định hướng đúng cho kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, Quảng Ngãi cần chú ý tới những lợi thế đã có và đang xuất hiện: Nguồn điện cung cấp tương đối dồi dào; công trình thủy lợi Thạch Nham đã hoàn thành, cung cấp nước cho nông nghiệp, công nghiệp và dân sinh; thông tin liên lạc tương đối hiện đại, nối liền với cả nước và quốc tế; mạng lưới giao thông hiện còn chưa phát triển, song Quảng Ngãi có rất nhiều lợi thế để xây dựng nhanh.

Chính phủ đã quyết định vùng phát triển kinh tế trọng điểm miền Trung bao gồm hai tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng và Quảng Ngãi, trong đó Dung Quất của Quảng Ngãi được chọn làm địa điểm xây dựng khu lọc dầu số 1 của Việt Nam và sẽ được khởi công vào năm 1996. Tình hình đó sẽ tác động sâu sắc đến toàn bộ phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Quảng Ngãi trong thời gian tới.



3. Để phát triển nhanh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Quảng Ngãi cần được quy hoạch thành 3 vùng kinh tế lớn: vùng công nghiệp lớn (Dung Quất, Vạn Tường) - vùng nông nghiệp chuyên canh lúa, mía, chăn nuôi - vùng đồi núi. Cần tập trung chỉ đạo để có bước đi phù hợp cho từng vùng và từng thời kỳ, phải đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa 2 vùng công nghiệp và nông nghiệp của tỉnh, từ đó có điều kiện để kéo vùng núi phát triển theo. Quy hoạch các vùng kinh tế lớn, được chuẩn bị ngay từ bây giờ để sang năm 1996 triển khai thực hiện.

- Quy hoạch các khu công nghiệp của tỉnh phải gắn với quy hoạch khu công nghiệp lớn Dung Quất và quy hoạch thành phố mới Vạn Tường. Cần bố trí các cụm công nghiệp dọc các trục đường giao thông. Theo dự kiến quy hoạch của tỉnh, có 4 khu công nghiệp, mỗi khu chỉ rộng khoảng 100 ha; như vậy là chưa đủ, cần quy hoạch thêm với quy mô lớn hơn.

- Cần xác định đúng vị trí của cây mía trong vùng kinh tế nông nghiệp. Trên cơ sở gắn kết trực tiếp và lâu dài, thông qua khâu trung gian, giữa 60.800 hộ nông dân trồng mía với nhà máy để phát triển công nghiệp đường với quy mô ngày càng lớn hơn, để có thể sản xuất được những mặt hàng đặc sản cao cấp xuất khẩu từ mía đường. Cần có chính sách động viên các chủ lò đường thủ công và các hộ nông dân trồng mía, nhất là các hộ trồng nhiều mía, góp vốn với các nhà máy để thực hiện công nghiệp hóa ngành đường, làm cho năng suất, chất lượng và hiệu quả chế biến đường cao hơn, góp phần đưa hơn 6 vạn hộ nông dân thoát khỏi đói nghèo và từng bước làm giàu.

- Cần có quy hoạch và kế hoạch ổn định diện tích trồng lúa nước, không nên dùng đất trồng lúa và trồng mía trong vùng



đã quy hoạch để xây dựng các công trình công nghiệp. Để đảm bảo sự phát triển bền vững, bên cạnh việc đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất lúa, gắn trồng lúa với chăn nuôi và chế biến để tăng thu nhập cho người nông dân, Nhà nước cần có chính sách khuyến khích thỏa đáng để thu nhập của người trồng lúa không bị thấp thua so với nông dân trồng các loại cây khác. Nhà nước cần giúp vốn, giống, kỹ thuật, thực hiện các khâu dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, chế biến, tiêu thụ sản phẩm,... cho nông dân. Về lâu dài, cần nghiên cứu bỏ thuế sử dụng đất trồng lúa.

- Xóa đói, giảm nghèo, ổn định cuộc sống cho đồng bào dân tộc là trọng tâm chỉ đạo đối với vùng kinh tế miền núi của tỉnh. Trong một thời gian nhất định, cần định canh cho được gần tám ngàn hộ đã định cư nhưng còn du canh; đồng thời định cư, định canh cho gần 2 ngàn hộ khác. Các nguồn vốn 327, định canh, định cư, vốn cho vay xóa đói, giảm nghèo, vốn trồng rừng và các khoản tài trợ khác của Nhà nước phải được sử dụng tập trung, đúng mục đích, không bị thất thoát và cố gắng không phải để trợ cấp, cứu tế đột xuất hằng năm, mà bằng cách hỗ trợ về vốn và kỹ thuật để phát triển sản xuất, giải quyết một cách cơ bản, lâu dài đời sống cho đồng bào. Ngoài ra, Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng (giao thông, thủy lợi, điện, bưu điện...) và đảm bảo các phúc lợi chung về: y tế, văn hóa, giáo dục,... Tuy nhiên, mức độ giải quyết các vấn đề của vùng núi, vùng đồng bào các dân tộc phụ thuộc rất lớn vào kết quả phát triển của hai vùng kinh tế khác của tỉnh cũng như mức tăng trưởng chung của cả nước.

4. Về các chỉ tiêu định hướng đến năm 2000 của tỉnh, cần căn cứ vào cơ hội mới và điều kiện mới như đã nói trên, để tính toán thêm. Chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân đầu



người như dự kiến của tỉnh là thấp. Với mức đó, Quảng Ngãi tiếp tục tụt hậu so với cả nước. Cơ cấu kinh tế năm 2000 chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp xuống còn 30% và tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ lên 70% là đúng, nhưng cần chú ý gán lợi ích và sự phát triển của người nông dân và nông thôn với các tiến bộ của công nghiệp.

5. Về một số kiến nghị của tỉnh

- Những đề nghị của Quảng Ngãi xung quanh việc đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ khu lọc dầu Dung Quất và thành phố mới Vạn Tường, sẽ được xem xét xử lý trong quy hoạch chung của vùng phát triển kinh tế trọng điểm miền Trung. Bộ Giao thông vận tải sớm nghiên cứu phương án làm cầu tạm trên đường tắt từ Bình Thạnh qua Dung Quất chuẩn bị cho công tác xây dựng lớn sau này. Trong khi xây dựng kế hoạch năm 1996, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải cần phân công cụ thể, việc nào giao cho Quảng Ngãi, thì phải cân đối nguồn ngân sách cho tỉnh để thực hiện. Cần chú ý bảo đảm vốn để tỉnh đẩy nhanh một bước công tác quy hoạch.

- Đồng ý xây dựng hồ chứa nước núi Ngang bồ sung nguồn nước tưới cho nam Sông Vệ và nâng cấp đường 24 nối liền với Tây Nguyên, Lào, Campuchia, Thái Lan, Mianma. Bộ Thủy lợi, Bộ Giao thông vận tải phối hợp với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước bố trí kế hoạch xây dựng.

- Nguồn tín dụng đầu tư của Nhà nước rất khó khăn, để có vốn đầu tư cho vùng trồng mía, nhà máy đường cần nghiên cứu các hình thức huy động vốn của nông dân trồng mía và của các chủ lò đường thủ công trong tỉnh bằng hợp đồng trực tiếp và lâu dài, hoặc cổ phần hóa nhà máy đường, hoặc liên doanh với các



nhà đầu tư trong nước và ngoài nước. Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm phối hợp với Bộ Tài chính, Ban Vật giá Chính phủ nghiên cứu giải quyết đề nghị của nhà máy đường về việc cho trích 10% trong giá thành để đầu tư cho vùng mía.

Văn phòng Chính phủ xin thông báo để Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và các bộ, ngành liên quan biết, thực hiện.

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ**

Lê Xuân Trinh

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 2075.

THÔNG BÁO

CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 137/TB, ngày 09 tháng 10 năm 1995

**Kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt về việc
Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam thực hiện chức năng
kinh doanh xuất, nhập khẩu các sản phẩm dầu khí**

Ngày 25/9/1995, Thủ tướng Võ Văn Kiệt và Phó Thủ tướng Trần Đức Lương đã làm việc với Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam để xem xét vấn đề thực hiện chức năng kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm dầu khí (Tờ trình số 2261/DK-HTQT, ngày 25/8/1995 và 2557/DK-TM, ngày 22/9/1995). Tham dự cuộc họp có Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Lê Xuân Trinh, Bộ trưởng Bộ Tài chính - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam Hồ Tế, Thứ trưởng Bộ Thương mại Mai Văn Dậu, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Lại Văn Cử, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam Hồ Sỹ Thoảng.

Sau khi nghe đồng chí Hồ Sỹ Thoảng - Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam báo cáo, ý kiến phát biểu của Phó Thủ tướng Trần Đức Lương và của các đồng chí lãnh đạo các bộ, ngành tham dự, Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt đã kết luận:

1. Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam là một doanh nghiệp lớn của Nhà nước, có nhiệm vụ nghiên cứu, tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến, tàng trữ, vận chuyển, làm dịch vụ về dầu khí; xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị dầu khí, dầu thô, các sản phẩm



dầu khí và tổ chức lưu thông tiêu thụ các sản phẩm dầu khí. Hiện nay Tổng Công ty Dầu khí chỉ đang thực hiện nhiệm vụ ở các khâu đầu. Trong những năm tới nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm dầu khí của nước ta sẽ tăng mạnh, vì vậy ngành dầu khí phải khẩn trương triển khai, có kế hoạch từng bước thực hiện nhiệm vụ kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm dầu khí, chế biến và tiêu thụ dầu khí. Chính phủ đã có chủ trương về các vấn đề trên, các bộ, ngành chức năng có trách nhiệm thực hiện.

2. Việc giao cho Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam chức năng kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm dầu khí không ảnh hưởng tới tình hình phân phối sản phẩm dầu khí hiện nay. Thủ tướng Chính phủ cho phép Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam được quyền trực tiếp xuất nhập khẩu và kinh doanh các sản phẩm dầu khí.

Giao Bộ Thương mại làm thủ tục cấp giấy phép xuất nhập khẩu trực tiếp và kinh doanh các sản phẩm dầu khí cho Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam.

3. Đối với các nhà thầu đang hoạt động dầu khí tại Việt Nam nhập trực tiếp xăng dầu từ nước ngoài, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam cùng các cơ quan liên quan cần xem xét giải quyết theo hướng các nhà thầu phải ưu tiên sử dụng các vật tư, hàng hóa (kể cả xăng dầu) và dịch vụ sẵn có tại Việt Nam và phía Việt Nam phải tổ chức để đảm bảo việc cung cấp kịp thời, có chất lượng cao.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Lê Xuân Trinh

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Văn phòng Chính phủ, hồ sơ số 8978.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 143/TB, ngày 25 tháng 10 năm 1995

**Về buổi làm việc của Thủ tướng Võ Văn Kiệt
với tỉnh Bắc Thái ngày 18/9/1995**

Ngày 18/9/1995, tại Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã làm việc với đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái Nguyễn Ngô Hai. Sau khi nghe đồng chí Bí thư Tỉnh ủy báo cáo một số vấn đề về đầu tư phát triển kinh tế của tỉnh, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã có ý kiến như sau:

1. Về xây dựng nhà máy xi măng 1 triệu tấn/năm

Đồng ý với chủ trương của tỉnh về đầu tư xây dựng nhà máy xi măng sản lượng 1 triệu tấn/năm hoặc lớn hơn theo hướng hợp tác đầu tư hoặc vay vốn nước ngoài.

Bộ Xây dựng, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các bộ, ngành liên quan khác giúp tỉnh lập dự án đầu tư, tìm đối tác liên doanh (trong đó có Tập đoàn STONE & WEBSTER của Hoa Kỳ đã có quan hệ với tỉnh) để trình duyệt theo quy định.

2. Về nâng công suất Nhà máy Xi măng Cao Ngạn

Đồng ý với chủ trương của tỉnh nâng công suất Nhà máy Xi măng Cao Ngạn từ 4 vạn tấn/năm hiện nay lên 10 vạn tấn/năm. Bộ Xây dựng, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước có trách nhiệm giúp tỉnh tìm nguồn vốn đầu tư, lập dự án... và trình cấp có thẩm quyền xét duyệt.



3. Về xây dựng khu công nghiệp Sông Công

Đồng ý với chủ trương của tỉnh về xây dựng khu công nghiệp Sông Công để tận dụng những điều kiện thuận lợi về cơ sở hạ tầng và cơ sở sản xuất sẵn có của khu vực này. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Công nghiệp nặng, Bộ Xây dựng giúp tỉnh quy hoạch, xác định hướng sản xuất, phương án sản phẩm và thị trường, tìm đối tác liên doanh... để lập dự án đầu tư trình duyệt theo quy định.

4. Về phát triển kinh tế, văn hóa khu vực hồ Núi Cốc

Đồng ý với chủ trương của tỉnh về đầu tư phát triển kinh tế, văn hóa khu vực hồ Núi Cốc. Hướng đầu tư phát triển là khai thác tiềm năng du lịch, cung ứng dịch vụ nghỉ ngơi, giải trí cho khách trong nước và nước ngoài, có thể nghiên cứu khả năng phát triển công nghiệp nhưng phải bảo đảm nhiệm vụ thiết kế đã được duyệt của công trình và môi trường sinh thái của khu vực này. Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Tổng cục Du lịch và các bộ, ngành liên quan khác giúp tỉnh lập dự án để trình duyệt theo quy định.

5. Về hợp tác liên doanh với Nhật Bản để trồng rừng

Đồng ý với chủ trương của tỉnh về hợp tác liên doanh với Nhật Bản để trồng rừng và chế biến bột giấy. Tỉnh làm việc với Bộ Lâm nghiệp, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các bộ, ngành liên quan khác để lập dự án trình duyệt theo quy định.

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ**

Lê Xuân Trinh

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 2015.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 160/TB, ngày 23 tháng 12 năm 1995

Ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc với tỉnh Bình Định ngày 24/11/1995

Ngày 24/11/1995, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã làm việc với lãnh đạo tỉnh Bình Định. Sau khi nghe đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình kinh tế - xã hội và một số đề nghị của tỉnh, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã có ý kiến như sau:

I- VỀ MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG CỦA KẾ HOẠCH 5 NĂM 1996 - 2000 CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH

Tỉnh Bình Định đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức một số chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch năm 1995. Tuy bão lụt đã gây ra những thiệt hại đáng kể trong các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, cơ sở hạ tầng song cấp ủy và chính quyền địa phương đã kịp thời chỉ đạo nhân dân khắc phục hậu quả, nhanh chóng ổn định đời sống và phục hồi sản xuất.

Trong 5 năm tới 1996 - 2000, Bình Định phải phấn đấu để phát triển theo nhịp độ của cả nước, của duyên hải miền Trung, trước hết là phải xóa được nạn thiếu đói và giảm bớt các hộ nghèo trong nhân dân ở tất cả các vùng đô thị, nông thôn, miền núi, miền biển.



Bước vào thời kỳ phát triển mới, tuy khó khăn và thách thức còn nhiều nhưng Bình Định cũng có những lợi thế quan trọng. Bình Định có cấu trúc địa hình thuận lợi cho việc phát triển một nền kinh tế đa dạng; có hệ thống giao thông tương đối phát triển, trên địa bàn tỉnh có những tuyến đường bộ, đường sắt quan trọng, có cảng biển, sân bay đã được khai thác; gắn liền với các khu kinh tế phát triển của miền Trung và với các tỉnh Tây Nguyên giàu tiềm năng.

Để có được tốc độ tăng trưởng cao, Bình Định phải chú ý những vấn đề sau đây:

- Phát triển một nền kinh tế nông nghiệp toàn diện, phải thâm canh để bảo đảm lương thực cho nhân dân, đồng thời phát triển mạnh chăn nuôi gia súc theo hướng công nghiệp hóa để có sữa, thịt... cho thị trường trong nước và xuất khẩu; phát triển các loại cây công nghiệp phù hợp điều kiện của địa phương.

- Phát triển kinh tế biển, gia tăng khả năng đánh bắt hải sản xa bờ, đẩy mạnh nuôi trồng thủy, hải sản.

- Phát triển công nghiệp địa phương, chú trọng các lĩnh vực công nghiệp chế biến nông, lâm, hải sản, công nghiệp vật liệu xây dựng...

- Phát triển mạnh các ngành dịch vụ, du lịch.

- Phải gắn liền phát triển kinh tế với phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội, đặc biệt phải chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực. Giữ vững trật tự xã hội, an ninh, quốc phòng.

- Là một tỉnh ở trong vùng thường xảy ra bão lụt, Bình Định phải có phương án phòng, chống tích cực và toàn diện nhằm bảo đảm an toàn cho nhân dân và sản xuất.

Từ phương hướng trên đây, tỉnh phải xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cho giai đoạn tới, trước mắt là thời kỳ 1996 - 2000 để đưa trình Đại hội Đảng bộ kỳ tới của tỉnh.



II- VỀ MỘT SỐ ĐỀ NGHỊ CỦA TỈNH

1. Về công trình thủy lợi Định Bình

Công trình thủy lợi Định Bình là một công trình lớn và phức tạp về mặt kỹ thuật. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều tra khảo sát, lập dự án đầu tư để trình duyệt theo quy định.

Trước mắt, tỉnh phải quan tâm tu sửa, nâng cấp các công trình đã được xây dựng để sử dụng với hiệu suất cao.

2. Về đoạn đường bộ Quy Nhơn - Sông Cầu

Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu làm rõ tính khả thi của tuyến đường mới như ý kiến đề xuất của tỉnh.

3. Về nhà máy nghiên cứu khai thác mỏ

Bộ Xây dựng cùng tỉnh nghiên cứu khả năng đầu tư xây dựng nhà máy này để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

4. Về nguồn vốn khắc phục hậu quả bão lụt

Để có vốn khắc phục hậu quả bão lụt trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng, tỉnh Bình Định và một số tỉnh bị bão lụt khác đã đề nghị Chính phủ cho để lại ngân sách địa phương một tỷ lệ nhất định trong số thu vượt kế hoạch năm 1995 về thuế xuất nhập khẩu, về lệ phí giao thông. Giao Bộ Tài chính chủ trì cùng các bộ, ngành liên quan nghiên cứu đề nghị này của các tỉnh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5. Về một số công trình có liên quan đến Bộ Quốc phòng

- Về việc di chuyển kho vũ khí Đèo Son, đồng ý đề nghị của tỉnh, giao Bộ Quốc phòng khẩn trương có kế hoạch di chuyển



kho vũ khí này đi nơi khác để bảo đảm an toàn cho thành phố Quy Nhơn.

- Về cảng Thị Nại, Chính phủ đã có văn bản báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư vấn đề này. Sau khi có ý kiến của Bộ Chính trị và Ban Bí thư, Chính phủ sẽ có quyết định xử lý cụ thể.

Văn phòng Chính phủ xin thông báo để tỉnh Bình Định và các bộ, ngành liên quan biết, thực hiện.

K/T BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
PHÓ CHỦ NHIỆM

Lại Văn Cử

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 2018.

PHÁT BIỂU TẠI KỲ HỌP THỨ 9, QUỐC HỘI KHÓA IX

Ngày 12 tháng 3 năm 1996

*Kính thưa Đoàn Chủ tịch,
Kính thưa các đại biểu Quốc hội,*

Trước hết, tôi xin thay mặt Chính phủ chân thành cảm ơn các đại biểu Quốc hội trong các buổi thảo luận ở kỳ họp này đã thảng thắn góp nhiều ý kiến về tình hình trong nước và công việc của Chính phủ được trình bày trong báo cáo của đồng chí Phan Văn Khải, Phó Thủ tướng Chính phủ. Tôi rất vui mừng về sự nhất trí và tinh thần cộng đồng trách nhiệm cao của Quốc hội đối với báo cáo của Chính phủ. Đồng thời, tôi xin nhiệt liệt hoan nghênh các đại biểu Quốc hội đã nêu nhiều câu hỏi để làm rõ thêm nhiều vấn đề. Trước khi các đồng chí Bộ trưởng thay mặt Chính phủ trình bày những vấn đề Quốc hội yêu cầu giải đáp hoặc làm rõ thêm, tôi xin phép nêu lên ba vấn đề sau đây mong được sự quan tâm của Quốc hội:

Một là, cả nước cần ra sức huy động mọi nguồn lực tiếp tục duy trì tốc độ phát triển và tăng trưởng kinh tế hiện nay, quyết tâm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ kinh tế - xã hội của năm 1996, tạo đà cho thời kỳ phát triển đến năm 2000, tích cực chuẩn bị những bước đi mạnh mẽ hơn nữa bước sang thế kỷ tới.

Tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội đã nhất trí thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1996 và những định hướng phát



triển quan trọng cho đến năm 2000. Chúng ta hiểu rõ đó là những mục tiêu phấn đấu rất cao, đòi hỏi những cố gắng lớn hơn so với 5 năm vừa qua. Chúng ta đã nhất trí thừa nhận đó là sự lựa chọn duy nhất nhằm đáp ứng những yêu cầu do chính bản thân sự phát triển của nước ta đề ra, đồng thời để có khả năng đương đầu với mọi thách thức, cũng như có thể vững vàng hội nhập vào sự phát triển rất năng động tại khu vực chúng ta và trên thế giới.

Thực vậy, kết thúc tháng lợi kế hoạch 5 năm vừa qua, nước ta đứng trước những yêu cầu phát triển mới lớn hơn và cao hơn trước nhiều. Trên mọi phương diện của đời sống kinh tế - xã hội, các nhu cầu đều tăng lên nhanh chóng và đòi hỏi phải đáp ứng tốt hơn. Không làm được như vậy, hệ quả không phải chỉ là nước ta sẽ phát triển chậm lại, mà sẽ còn khó duy trì được những thành quả đã đạt được, thậm chí, sẽ vấp phải những khó khăn mới. Hiện nay, hằng ngày hằng giờ, chúng ta đang cảm nhận sự đòi hỏi ngày càng gay gắt về cơ sở hạ tầng, vốn, năng lượng, công nghệ, công ăn việc làm, những điều kiện giáo dục, y tế để phát triển nguồn nhân lực, v.v.. Tôi cũng đã có nhiều dịp báo cáo trước Quốc hội và trong các cuộc họp của Chính phủ về những dự kiến phát triển của chúng ta đề ra trước đây, nay có thể trở nên lạc hậu so với đòi hỏi của cuộc sống. Điều đó có nghĩa, cả nước phải nỗ lực nhiều hơn nữa so với những dự kiến đã đề ra.

Trong mối quan hệ với bên ngoài, chúng ta thấy kim ngạch ngoại thương của nước ta, vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, và biết bao loại hình và những mối quan hệ khác đều phát triển nhanh. Điều này cũng có nghĩa, quá trình liên kết giữa nền kinh tế nước ta với kinh tế trong khu vực và trên thế giới đang diễn ra ngày càng năng động hơn, đặt ra nhiều đòi hỏi và thách thức lớn hơn. Từ khi là thành viên của ASEAN, chúng ta lại có bao nhiêu



việc phải làm, phải chạy đua ráo riết trong tiến trình tham gia AFTA. Để có thể mở rộng hơn nữa thị trường trên thế giới cho các sản phẩm của nước ta, chúng ta đang phải làm rất nhiều việc nhằm sớm tham gia Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Sắp tới chúng ta còn phải tìm mọi cách tăng nhanh hơn nữa kim ngạch ngoại thương và thu hút mạnh mẽ hơn nữa vốn, công nghệ từ bên ngoài để có thể đáp ứng những đòi hỏi phát triển trong nước...

Điểm lại như vậy, tôi muốn nhấn mạnh chúng ta không thể một giây phút nào coi nhẹ yêu cầu phát triển đất nước nhanh hơn nữa, vững chắc hơn nữa theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Song bằng nguồn lực nào, nếu không phải trước hết và chủ yếu là bằng mọi nguồn lực của chính bản thân nước ta?

Tôi mong các đại biểu Quốc hội thống nhất với nhận định này để chủ động góp phần tạo ra trong cả nước ý chí huy động mọi tiềm năng của mỗi địa phương, mỗi ngành, của các thành phần kinh tế, của từng doanh nghiệp cũng như của từng cá nhân người sản xuất, kinh doanh cho yêu cầu phát triển nhanh. Chúng ta cần nêu cao ý chí này để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tăng cường khả năng đương đầu với mọi thách thức mới.

Xin cho phép tôi nhấn mạnh rằng trong điều kiện tài chính của nước ta hiện nay, ngân sách nhà nước hầu như chỉ đủ chi tiêu ở mức rất khiêm tốn cho phát triển kết cấu hạ tầng, giáo dục, y tế và một số phúc lợi xã hội khác. Điều đó có nghĩa vốn đầu tư cho phát triển phải dựa chủ yếu vào sự huy động mọi tiềm năng trong xã hội. Ngay như muốn thu hút có hiệu quả các nguồn lực từ bên ngoài, thì trước hết cũng phải huy động tốt mọi nguồn lực trong nước. Đặc biệt là có nhận thức được sâu sắc điều này, chúng ta mới có thể xây dựng được những chính sách tốt nuôi dưỡng và



huy động những nguồn lực trong nước, tăng nhanh tiết kiệm và đầu tư trong xã hội, sử dụng tốt hơn từng đồng vốn có trong tay và khắc phục tâm lýỷ lại - như chỉ muốn dựa vào ngân sách nhà nước, xin để lại nguồn thu, trông chờ tài trợ từ bên ngoài...

Tôi xin đề nghị các đại biểu Quốc hội làm tất cả mọi việc để cả nước hiểu rõ và biến nhận thức nói trên thành hành động thực tế. Đặt vấn đề như vậy, chúng ta cần rà soát lại xem các chủ trương chính sách hiện hành đã đáp ứng đòi hỏi nuôi dưỡng và huy động mọi nguồn lực cho phát triển đất nước hay chưa? Mọi công tác của các ngành các cấp, từ việc quản lý sản xuất, kinh doanh, công tác tài chính tiền tệ, công việc quản lý xã hội..., cần được thường xuyên đổi chiếu với yêu cầu trung tâm này. Từng địa phương, từng doanh nghiệp dù thuộc thành phần kinh tế nào, cần chú trọng tự huy động mọi nguồn lực có thể huy động được để phục vụ yêu cầu phát triển của mình, không để một đồng vốn nào trong xã hội nhàn rỗi, lại càng không thể định làm việc gì hoặc gặp khó khăn gì lại yêu cầu ngân sách nhà nước trợ giúp.

Nói như trên không có nghĩa là Chính phủ không có trách nhiệm gì và bỏ mặc những khó khăn của địa phương. Hiện nay, cả nước mới chỉ có 14 tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương có đóng góp vào ngân sách nhà nước, số địa phương còn lại Chính phủ phải trợ cấp. Vì vậy, chúng ta không có sự lựa chọn nào khác là phải huy động mọi tiềm năng trong xã hội. Đây là chưa nói đến yêu cầu chúng ta phải thường xuyên cố gắng hết mức kiềm chế lạm phát. Thực tiễn của các tỉnh, các doanh nghiệp phát triển năng động hiện nay cũng cho thấy càng phát huy nỗ lực tự thân bao nhiêu, càng thành công bấy nhiêu - kể cả trong việc huy động những nguồn lực khác. Còn càng ý lại trông chờ vào trợ giúp của Trung ương càng trì trệ, càng bị động.



Một tình trạng phổ biến và rất bức xúc hiện nay là tất cả các địa phương đều thiếu gay gắt nguồn chi đáp ứng những yêu cầu tối thiểu về phát triển kết cấu hạ tầng và cải thiện tình hình giáo dục, y tế. Riêng về giáo dục, ngân sách nhà nước hiện nay chi bình quân một năm là 0,5 triệu đồng cho một học sinh - một cống không nhỏ so với thu nhập quốc dân của nước ta hiện nay, thế nhưng so với yêu cầu vẫn gần như là muối bỏ biển.

Chúng ta làm gì trước tình hình này?

Không thể chỉ kêu ca, phê phán. Cũng không thể tăng thuế và in thêm nhiều tiền để chi.

Tôi xin đề nghị Quốc hội suy nghĩ, góp ý kiến với Chính phủ những biện pháp xử lý tích cực nhất. Tôi nghĩ rằng một mặt cần tìm cách nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng những nguồn chi ngân sách, đồng thời phải huy động mọi nguồn lực trong dân thực hiện tốt hơn nữa chủ trương *Nhà nước và nhân dân cùng làm*. Chúng ta cho phép người nước ngoài đầu tư vào kết cấu hạ tầng theo hình thức BOT thì lại càng phải khuyến khích nhân dân và những nhà đầu tư trong nước làm việc này. Đồng thời, cũng xin đề nghị Quốc hội mạnh dạn suy nghĩ nêu ra mọi hình thức tạo thêm kinh phí cho các cơ sở công, cho phép tạo ra các hình thức dân lập, nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu về phát triển giáo dục và y tế của nước ta hiện nay. Đây là những vấn đề rất thiết thực của yêu cầu huy động mọi nguồn lực trong dân đầu tư cho phát triển đất nước.

Dù bị co kéo gay gắt như thế nào giữa những đòi hỏi khác nhau trong quá trình quản lý, điều hành và phát triển đất nước, ưu tiên hàng đầu vẫn phải là nuôi dưỡng và huy động mọi nguồn lực của toàn xã hội cho đầu tư phát triển.



Hai là, quyết tâm hoàn thiện nền tài chính quốc gia.

Trước hết tôi rất cảm ơn các đại biểu Quốc hội tại kỳ họp này đã đặc biệt quan tâm đến các vấn đề tài chính, tiền tệ, vấn đề thu chi ngân sách. Quốc hội đã đánh giá thỏa đáng những nỗ lực của Chính phủ trong lĩnh vực này, đồng thời, góp nhiều ý kiến quan trọng.

Xin trình bày trước Quốc hội nhiệm vụ làm lành mạnh nền tài chính quốc gia luôn luôn được Chính phủ coi là một trong những nhiệm vụ then chốt nhất trong quá trình phát triển kinh tế và nâng cao năng lực quản lý vĩ mô của Nhà nước. Báo cáo của Phó Thủ tướng Phan Văn Khải đã nêu lên những việc làm được, những việc chưa làm được và đồng thời kiểm điểm sâu sắc những thiếu sót trên lĩnh vực này. Riêng trong năm 1995, Chính phủ đã thực hiện nhiều biện pháp kiên quyết và đã có hơn 70 cuộc họp bàn về những vấn đề kiềm chế lạm phát, quản lý thu chi ngân sách nhà nước và cải tiến nền tài chính quốc gia. Những tiến bộ đạt được đã góp phần tích cực vào sự phát triển ổn định của nền kinh tế nước ta hiện nay.

Tuy nhiên, nền tài chính quốc gia vẫn còn nhiều yếu kém, chưa làm tốt chức năng công cụ quan trọng nhất của quản lý kinh tế vĩ mô, chưa góp phần thỏa đáng vào việc huy động mọi tiềm năng phát triển đất nước, còn để xảy ra nhiều hiện tượng lãng phí, thất thoát và tham nhũng. Trong những năm vừa qua, đặc biệt trong năm 1995, Chính phủ đã dành nhiều công sức cho cải tiến các chính sách thuế, cải thiện cán cân thu chi và công tác quản lý ngân sách, vận dụng chế độ kế toán mới, triển khai công tác kiểm toán, tiếp tục phát triển hệ thống ngân hàng thương mại và xúc tiến những công việc mở rộng thị trường tiền tệ, thị trường vốn. Song phải thừa nhận rằng, còn nhiều việc



mới chỉ bắt đầu, thậm chí, có việc giãm chân tại chỗ như việc hình thành thị trường chứng khoán. So với yêu cầu quản lý vĩ mô và phát triển của nền kinh tế nước ta cũng như so với yêu cầu hội nhập, cọ sát với kinh tế thế giới, nền tài chính quốc gia của chúng ta còn khoảng cách lớn, đòi hỏi sắp đến phải có nhiều nỗ lực rất to lớn.

Xin cho phép tôi nhân dịp này nêu lên một số vấn đề nhằm định hướng những cố gắng sắp tới của chúng ta trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ:

Trước hết, cần khẳng định yêu cầu cải tiến hệ thống thuế ngày càng trở nên cấp bách.

Thực tiễn cho thấy hệ thống thuế của chúng ta còn quá phức tạp, chồng chéo, còn quá nhiều biểu thuế và thuế suất chưa phù hợp, thực hiện rất tốn kém, vừa tạo nhiều sơ hở để cho tình trạng tiêu cực dễ phát sinh, vừa chưa triệt để tạo ra những khuyến khích có lợi cho phát triển kinh tế mạnh mẽ hơn nữa; thêm vào đó là những yếu kém trong hệ thống bộ máy thu thuế.

Sắp đến phải cải cách hệ thống thuế của chúng ta, thực hiện cho được: *có kinh doanh, có lãi, có thu nhập thì phải đóng thuế - đây là lẽ công bằng và nghĩa vụ, nhưng có những khuyến khích thỏa đáng làm giàu hợp pháp, những khuyến khích giảm bớt xu hướng trốn thuế, khắc phục tình trạng thu thuế là cắt ngọn các nguồn thu; hệ thống thuế đơn giản, công khai, rõ ràng, dễ thực hiện và ít tốn kém; thuế suất thấp hợp lý nhằm bồi dưỡng và tạo nguồn thu mới, mở rộng diện đóng thuế, khuyến khích tích tụ vốn và đầu tư tái sản xuất, khuyến khích thu hút các loại vốn và đầu tư nước ngoài, với kết quả cuối cùng là: vẫn tăng được nguồn thu cho ngân sách, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển thuận lợi kinh tế đối ngoại - đặc biệt là xuất khẩu, có đủ*



điều kiện cạnh tranh và tham gia vào các thể chế như AFTA, Tổ chức Thương mại quốc tế... Lịch sử của nhiều nước NICs (mới công nghiệp hóa) thường khẳng định tác dụng to lớn của một hệ thống thuế như vậy.

Song song với cải cách thuế, sắp tới Chính phủ sẽ tiếp tục đẩy mạnh áp dụng chế độ kế toán mới và mở rộng kiểm toán, đồng thời làm cho hệ thống kế toán, kiểm toán của nước ta ngày càng phù hợp với những chuẩn mực chung trong kế toán và kiểm toán trên thế giới.

Về cải tiến quản lý ngân sách:

Sự chênh lệch quá lớn giữa thu và chi, tình trạng bội chi quá mức Quốc hội cho phép, những thất thoát nhiều khi rất nghiêm trọng từ các nguồn thuộc ngân sách nhà nước và tình trạng chi tiêu lãng phí là những điều đang gây ra nhiều lo lắng cho chúng ta. Chính phủ đang ra sức khắc phục những yếu kém này và mong được sự hỗ trợ tích cực của tất cả các đại biểu Quốc hội. Tôi hy vọng trong những buổi thảo luận sắp tới thông qua Luật ngân sách sẽ có nhiều ý kiến quý báu cho vấn đề quan trọng này.

Yêu cầu phát triển của nước ta đang đòi hỏi phải sớm có một đạo luật về ngân sách cho phép đáp ứng hai yêu cầu quan trọng nhất là:

- Khuyến khích tạo ra các nguồn thu đáp ứng tinh thần tự lực tự cường xây dựng và bảo vệ đất nước.
- Tăng cường sự quản lý thống nhất và có hiệu quả cao trong cả nước việc thu chi ngân sách.

Tại kỳ họp có nhiều ý kiến thảo luận về sự phân cấp quyền hạn và nghĩa vụ quản lý ngân sách giữa Trung ương và các tỉnh, về tạo quyền chủ động của địa phương và các đơn vị trong vấn đề lập ngân sách. Trong dự Luật ngân sách trình Quốc hội lần này,



Chính phủ đề nghị phân cấp nguồn thu ổn định cho các địa phương từ 3 đến 5 năm (hiện nay là 2 năm), giao toàn quyền cho các hội đồng nhân dân quyết định phân bổ và quản lý ngân sách của mình, và tùy kết quả đạt được sẽ mở rộng thêm quyền chủ động trong việc huy động những nguồn lực khác. Đây là bước đầu trong quá trình cải tiến quản lý ngân sách và sẽ còn phải nghiên cứu nhiều bước tiếp.

Tuy nhiên, ở đây tôi xin nhấn mạnh việc phát huy tinh thần sáng tạo và quyền tự chủ về ngân sách của các địa phương, các đơn vị phải được xây dựng trên cơ sở các luật lệ và một nền tài chính quốc gia thống nhất. Nếu tình hình đòi hỏi phải thực hiện một sự phân cấp nào và mở rộng sự phân cấp ấy đến đâu thì cũng chỉ nhắm vào mục đích duy nhất là thực hiện tốt hơn nữa nền tài chính quốc gia thống nhất.

Về tổ chức bộ máy ngành tài chính:

Hiện nay, đang có nhiều ý kiến phê bình tổ chức bộ máy ngành tài chính vốn đã cồng kềnh, trong cải cách hành chính lại trở nên cồng kềnh hơn. Chính phủ sẽ nghiêm túc nghiên cứu vấn đề này và tiếp tục cải tiến tổ chức bộ máy ngành tài chính cho phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước. Ngay bây giờ đã có thể kết luận tổ chức và biên chế của ngành tài chính phải được tiếp tục nghiên cứu, sắp xếp cho hợp lý hơn nữa, mỗi quan hệ của ngành với địa phương cũng phải được thiết kế lại chặt chẽ hơn. Chính phủ sẽ tiếp tục làm việc theo hướng này.

Tôi muốn nêu lên một số quan điểm sau đây để tất cả chúng ta cùng suy nghĩ thêm:

Cơ chế tài chính trước đây nặng về “cấp phát, giao nộp” và hầu như không có sự ràng buộc với trách nhiệm và hiệu quả sử dụng các nguồn lực. Cơ chế quản lý tài chính mới phải khắc phục



được yếu kém này, đồng thời phải giảm bớt sự can thiệp hành chính của Nhà nước vào sản xuất - kinh doanh, phải tăng cường vai trò tự chủ của xí nghiệp, bảo đảm đầy đủ quản lý vĩ mô của Nhà nước.

Trong quá trình cải cách hành chính, chúng ta chủ trương phải nâng cao hơn nữa hiệu quả quản lý nhà nước và xóa bỏ cơ chế *chủ quản*, vai trò quản lý của ngành tài chính càng trở nên quan trọng hơn. Vì lẽ đó, tổ chức của ngành tài chính cần được tăng cường và kiện toàn. Chúng ta sẽ tiếp tục xem xét việc tăng cường và kiện toàn như hiện nay đã hợp lý chưa. Tăng thêm biên chế, hình thành thêm tổ chức mới, nhưng hợp lý, có hiệu quả rõ rệt, không chồng chéo, tăng cường được sự kiểm soát của Nhà nước và tính thống nhất của nền tài chính quốc gia, thì không có điều gì đáng ngại. Nhưng nếu không đạt được những yêu cầu này thì cần phải điều chỉnh lại.

Có một số ý kiến muốn giảm bớt sự quản lý ngành dọc của ngành tài chính và muốn bổ sung vào đây là phân cấp quản lý cho địa phương. Song như tôi đã trình bày ở phần nói về ngân sách, *bảo đảm sự quản lý thống nhất của nền tài chính quốc gia vẫn là ưu tiên quan trọng nhất*. Đó là một tiền đề tạo ra sức mạnh kinh tế của cả nước. Chính phủ sẽ tiếp tục nghiên cứu mọi kiến nghị. Nhưng đồng thời, tôi cũng xin gợi ý nên chú ý hơn nữa nâng cao vai trò quản lý nhà nước toàn diện của các cơ quan quyền lực hành chính nhà nước trên địa bàn lãnh thổ, tăng cường chất lượng phối hợp công tác giữa cơ quan hành chính địa phương và ngành dọc. Bởi vì, nếu chỉ thiên về phân cấp, sẽ dẫn đến nguy cơ *cắt khúc, cát cứ*. Tăng cường hơn nữa sự liên kết giữa quản lý theo ngành dọc và sự quản lý theo chiều ngang của địa phương là một trong những đòi hỏi rất cao của sự nghiệp cải cách hành chính.



Ra sức thực hiện tiết kiệm và đẩy mạnh chống tham nhũng.

Trong khi ngân sách căng thẳng, chúng ta còn thiếu nhiều nguồn cho nhiều khoản chi lớn, tình trạng lãng phí và tham nhũng hầu như không giảm. Tình trạng này gây nhiều thiệt hại nghiêm trọng cho kinh tế, đồng thời phá hủy những giá trị, đạo đức xã hội. Thực tiễn cho thấy, đây là một cuộc đấu tranh đòi hỏi phải kiên trì, kết hợp với sự vận động sâu rộng trong toàn xã hội. Trước hết, Chính phủ chủ trương sẽ tăng cường hơn nữa tính công khai trong những thể chế tài chính, chế độ quản lý chi tiêu, công tác kế toán, kiểm toán và sẽ kiên quyết xử lý những vụ tham nhũng, thất thoát đã bị phanh phui. Đồng thời, từ kinh nghiệm những cuộc vận động cấm pháo nổ, thực hiện an toàn và trật tự giao thông, đấu tranh chống văn hóa độc hại và tệ nạn xã hội. Chính phủ sẽ thực hiện những biện pháp mạnh mẽ trong cả nước cổ vũ cho lối sống tiết kiệm và đấu tranh chống tham nhũng. Tôi xin trân trọng đề nghị các đại biểu Quốc hội dù ở địa phương nào, ngành nào hãy vận động các cử tri của mình hái hái thực hiện tiết kiệm và tích cực đấu tranh chống tham nhũng, chống lãng phí.

Ba là, phải đẩy mạnh hơn nữa cải cách hành chính, tạo thêm những thuận lợi cho công cuộc đổi mới.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 về “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính quốc gia”, trong năm 1995, Chính phủ đã tiến hành nhiều công việc khác nhau trên cả ba lĩnh vực: Cải cách thể chế hành chính, điều chỉnh một bước bộ máy hành chính nhà nước, cải tiến công tác xây dựng và đào tạo đội ngũ công chức nhà nước. Chúng ta đã sáp nhập tám bộ thành



ba bộ mới, thành lập một số tổng cục, lập 16 tổng công ty, sắp xếp lại các sở ở các tỉnh và thành phố cho phù hợp với điều chỉnh tổ chức của Chính phủ, cải cách và đơn giản hóa nhiều thủ tục hành chính; cho đến nay đã triển khai nhiều công việc thuộc chế độ công vụ, công chức, xây dựng xong gần 200 tiêu chuẩn, chức danh, ngạch bậc công chức... Đây là một khối lượng công việc lớn, song so với yêu cầu thì nhiệm vụ cải cách hành chính chưa tiến kịp với đòi hỏi nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước cho phù hợp với tình hình mới.

Thực tiễn đang cho thấy, còn nhiều vấn đề quan trọng cần làm rõ trong các mối quan hệ giữa quản lý ngành và quản lý lanh thổ, giữa quản lý nhà nước và quản lý sản xuất - kinh doanh theo tinh thần xóa bỏ cơ chế “chủ quản”. Trên thực tế vẫn còn nhiều thủ tục hành chính rườm rà, chồng chéo, gây nhiều phiền hà và tốn kém, tạo môi trường thuận lợi cho “tiêu cực”; nhiều thủ tục đã được sửa đổi chưa được chấp hành nghiêm chỉnh. Việc xử lý những kiện tụng, tranh chấp, khiếu tố còn rất chậm hoặc để tồn đọng nhiều việc. Những quy chế và luật pháp về xử án và thi hành án còn nhiều vấn đề chưa thông suốt. Trong thực tế còn nhiều mâu thuẫn hoặc tình trạng không khớp giữa các luật và các văn bản pháp quy. Đặc biệt bức xúc là tình hình quản lý các vấn đề như đất đai, tài chính, thuế, việc thành lập công ty và đăng ký kinh doanh, việc vận dụng Luật khuyến khích đầu tư trong nước... còn nhiều vướng mắc và tạo ra những sơ hở lớn - chẳng những gây thiệt hại lớn về kinh tế, tài sản và nguồn lực quốc gia bị thất thoát, mà còn cản trở ngay từ đầu cuộc đấu tranh chống tham nhũng.

Tất cả những hiện tượng vừa nêu trên một mặt đang thực sự kìm hãm sự phát triển năng động của đất nước, tiêu phí biết bao



nhiều nguồn lực lẽ ra có thể dành cho phát triển, làm cho hệ thống luật pháp kém hiệu lực hoặc thậm chí có những luật và những quy định bị vô hiệu hóa. Chính điều này giải thích tại sao hệ thống luật pháp của nước ta đã phát triển ở mức độ đáng kể song tính hiệu quả vẫn rất thấp, việc giải phóng những tiềm năng phát triển trong xã hội cũng như cuộc đấu tranh chống tham nhũng, chống tiêu cực chưa đem lại kết quả mong muốn; an ninh và trật tự kỷ cương trong xã hội vẫn bị xâm phạm nghiêm trọng.

Chúng ta đều thấy cải cách hành chính là một nhiệm vụ rất khó, song không có bất kỳ một lý do gì có thể trì hoãn. Nhiều đồng chí đã nhận xét rất đúng là trên phương diện đối nội tình trạng tham nhũng và tiêu cực trong bộ máy nhà nước là nguy cơ lớn nhất đe dọa mọi thành quả cách mạng của chúng ta. Tôi đồng tình với nhận xét này và cho rằng cải cách hành chính với tinh thần khắc phục những yếu kém nói trên là một trong những biện pháp quan trọng nhất đấu tranh chống tham nhũng. Với ý nghĩa đó, cải cách hành chính còn góp phần rất quyết định vào việc giải phóng các tiềm năng phát triển đất nước.

Thưa các đại biểu Quốc hội,

Trên đây tôi đã trình bày ba vấn đề mong được sự lưu tâm đặc biệt của Quốc hội, bởi lẽ đây là ba vấn đề nếu được xử lý thỏa đáng sẽ đem lại cho đất nước ta những khả năng phát triển mới đầy hy vọng. Những tháng vừa qua, tôi có dịp đi nhiều địa phương trong các vùng khác nhau của cả nước. Tôi rất vui mừng nhận thấy trong khí thế tưng bừng chuẩn bị cho Đại hội Đảng lần thứ VIII, nhân dân ta ở khắp mọi nơi đang quyết tâm nỗ lực bắt những cơ hội thuận lợi hiện nay, phấn đấu giành lấy những thành tựu mới.



Từ đầu năm, Chính phủ đã hạ quyết tâm khắc phục tình trạng cố hữu là đầu năm đủng đỉnh, cuối năm nước rút. Trên thực tế, công việc đã có chuyển biến ngay từ đầu năm. Chính phủ đang khẩn trương chỉ đạo các ngành, các địa phương tiếp tục duy trì mọi nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ của quý I và cố gắng dành những thành tích lớn hơn nữa trong quý II để thiết thực chào mừng Đại hội Đảng ta lần thứ VIII. Đây cũng là quyết tâm của Chính phủ điều hành các ngành, các địa phương trong cả nước thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1996, mở đầu thắng lợi cho kế hoạch 5 năm 1996 - 2000.

Xin chân thành cảm ơn.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:
Văn kiện Quốc hội toàn tập, Sđd, t.8, q.3, tr.1155-1167.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 54/TB, ngày 15 tháng 6 năm 1996

**Kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt
về Báo cáo Dự án tiền khả thi Nhà máy Thủy điện Sơn La**

Ngày 06/6/1996, tại Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Võ Văn Kiệt và Phó Thủ tướng Trần Đức Lương đã họp về Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La. Tham dự cuộc họp có bộ trưởng các Bộ Công nghiệp, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ trưởng, Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước về các dự án đầu tư, lãnh đạo các Bộ Xây dựng, Tài chính, Giao thông vận tải, Quốc phòng, Ngân hàng Nhà nước, Tổng cục Địa chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. Sau khi nghe Tổng Công ty Điện lực Việt Nam báo cáo Dự án tiền khả thi Nhà máy Thủy điện Sơn La, ý kiến thẩm tra của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ý kiến của Phó Thủ tướng Trần Đức Lương, các bộ, ngành và địa phương, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã kết luận như sau:

Việc xây dựng Công trình Thủy điện Sơn La nhằm mục đích trị thủy Sông Đà, tham gia chống lũ cho đồng bằng Bắc Bộ, cung cấp nguồn điện năng lớn cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, trong đó có vùng Tây Bắc là hết sức cần thiết. Công trình



còn góp phần bảo đảm an toàn về kỹ thuật và tăng thêm sản lượng điện hằng năm cho Nhà máy Thủy điện Hòa Bình.

Trong quá trình hoàn chỉnh Báo cáo Dự án tiền khả thi Công trình Thủy điện Sơn La trình Thủ tướng Chính phủ, cần đặc biệt chú ý đến các vấn đề: chọn sơ đồ bậc thang có liên quan đến quy mô và công suất của Nhà máy Thủy điện Sơn La; quy hoạch tái định cư kết hợp với chuyển đổi cơ cấu kinh tế và đường giao thông để đón dân vùng lòng hồ; vấn đề đánh giá tác động môi trường sinh thái khi xây dựng công trình..., các bộ, ngành và các địa phương cần khẩn trương thực hiện các công việc sau đây:

1. Về chọn sơ đồ bậc thang, công suất của nhà máy và đánh giá tác động môi trường sinh thái

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ Công nghiệp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm Khoa học Tự nhiên quốc gia cử cán bộ có chuyên môn giỏi, am hiểu lĩnh vực này xem xét kỹ các luận cứ về kinh tế, kỹ thuật để có kết luận thống nhất trình Thủ tướng Chính phủ (Hiện còn chưa có sự thống nhất giữa ngành điện với các ngành khác về chọn phương án trong hệ thống bậc thang và quy mô công suất của Nhà máy Thủy điện Sơn La).

2. Về quy hoạch, tái định cư để đón dân vùng lòng hồ, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương

Tổng Công ty Điện lực Việt Nam chủ trì, phối hợp với các Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Giao thông vận tải,



Văn hóa - Thông tin, Ủy ban Dân tộc và Miền núi, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia và Ủy ban nhân dân hai tỉnh Sơn La, Lai Châu cử cán bộ có chuyên môn giỏi xem xét để phối hợp bố trí quy hoạch thống nhất việc tái định cư với hệ thống cơ sở hạ tầng (đường giao thông, thủy lợi, điện, giáo dục, y tế...), với cải tạo đất để phát triển nông, lâm nghiệp ở các cụm dân cư mới; xem xét cả các vấn đề về văn hóa, dân tộc để bổ sung vào Báo cáo Dự án tiền khả thi công trình.

3. Về việc tạo vốn để xây dựng công trình

Tổng Công ty Điện lực Việt Nam chủ trì và làm việc với các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công nghiệp, Ngoại giao, Tài chính và Ngân hàng Nhà nước lập đề án huy động vốn (kể cả vốn huy động trong nước và vốn vay nước ngoài) để xây dựng công trình.

Tìm hiểu các tổ chức quốc tế để gọi vốn và các tổ chức tư vấn có uy tín về lĩnh vực thủy điện có quy mô lớn để đề nghị họ tham gia ý kiến vào nội dung Báo cáo Dự án tiền khả thi Công trình Thủy điện Sơn La.

4. Về tổ chức thực hiện

Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chủ trì, làm việc với Bộ Công nghiệp và Tổng Công ty Điện lực Việt Nam để kiến nghị Thủ tướng Chính phủ về công tác tổ chức, cán bộ để kịp triển khai công tác chuẩn bị xây dựng công trình.

Bộ Công nghiệp và Tổng Công ty Điện lực Việt Nam chuẩn bị tờ trình của Chính phủ về Công trình Thủy điện Sơn La để báo cáo Bộ Chính trị và Quốc hội trong thời gian tới.



Các bộ được phân công chủ trì các công việc nói trên cần khẩn trương phối hợp với các bộ, ngành và địa phương có liên quan để hoàn thành và có báo cáo bằng văn bản trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 15/8/1996.

Văn phòng Chính phủ thông báo để các bộ, ngành và các địa phương liên quan biết, thực hiện.

K/T BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
PHÓ CHỦ NHIỆM

Lại Văn Cử

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phông Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hồ sơ số 1323.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 60/TB, ngày 25 tháng 7 năm 1996

Ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt về những việc phải làm gấp để thực hiện chính sách tiền lương

Ngày 09/7/1996, Thủ tướng Võ Văn Kiệt và Phó Thủ tướng Phan Văn Khải đã họp với các Bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Ban Kinh tế Trung ương và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam để bàn về phương hướng giải quyết tiền lương năm 1997 và các năm tới.

Sau khi nghe báo cáo của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và ý kiến của các cơ quan liên quan, Thủ tướng Chính phủ đã có ý kiến như sau:

- Từ khi thực hiện chính sách tiền lương mới đến nay, giá cả sinh hoạt tăng lên đã làm cho tiền lương thực tế giảm sút, đời sống của những người hưởng lương và trợ cấp gặp khó khăn.

- Trật tự trong lĩnh vực tiền lương vẫn không được thiết lập. Các bộ, ngành, địa phương còn sử dụng nhiều nguồn khác để bổ sung, tăng thu nhập ngoài tiền lương và phân phôi bình quân trong đơn vị làm cho thu nhập tách khỏi thang giá trị của những người lao động trong khu vực hành chính, sự nghiệp. Trong các doanh nghiệp nhà nước, tiền lương và thu nhập chưa gắn với năng suất, hiệu quả, tạo ra sự chênh lệch lớn về thu nhập, gây bất công bằng cho xã hội.



- Biên chế và bộ máy các cơ quan hành chính, sự nghiệp chưa được tinh giản, sắp xếp theo hướng tích cực làm cho các đối tượng trả lương, trả trợ cấp, quỹ lương và các khoản chi có tính chất lương từ ngân sách nhà nước ngày càng tăng.

Tình hình trên đặt ra yêu cầu phải giải quyết vấn đề tiền lương trong năm 1997 và tiếp tục thực hiện cải cách chính sách tiền lương đến năm 2000. Cải cách chính sách tiền lương phải thực hiện đồng bộ với cải cách hành chính và việc xã hội hóa một số lĩnh vực sự nghiệp; tiền lương và thu nhập phải gắn với năng suất lao động, hiệu quả công tác.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương triển khai gấp một số công việc sau đây:

1. Ban Chỉ đạo cải cách chính sách tiền lương nhà nước trên cơ sở điều tra, phân tích kỹ và toàn diện thực trạng tiền lương, trợ cấp và thu nhập từ sau cải cách năm 1993 trong khu vực hành chính, sự nghiệp, lực lượng vũ trang, người nghỉ hưu, người hưởng chính sách có công, chính sách xã hội và trong các doanh nghiệp nhà nước, chuẩn bị phương án tiếp tục thực hiện cải cách chính sách tiền lương từ nay đến năm 2000 và phương án giải quyết tiền lương năm 1997 trình Thường trực Chính phủ để kịp xin ý kiến Bộ Chính trị và Quốc hội.

2. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ phối hợp với Ban Cải cách hành chính quốc gia báo cáo thực trạng và phương hướng tiếp tục sắp xếp, cải tổ bộ máy, biên chế gắn với cải cách chính sách tiền lương, cải cách hành chính trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp.

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ báo cáo tình hình và phương hướng sắp xếp tổ chức, biên chế, tiền lương trong lực lượng vũ trang.



4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm cung cấp tình hình và số liệu về tổ chức, biên chế, thu nhập của đơn vị theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo cải cách chính sách tiền lương, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và Ban Cải cách hành chính quốc gia để thực hiện các nhiệm vụ nói trên.

Các báo cáo trên đây phải hoàn thành và trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 20/8/1996.

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ**

Lê Xuân Trinh

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Văn phòng Chính phủ, hồ sơ số 9475.

PHÁT BIẾU

TAI KỲ HỌP THỨ 10, QUỐC HỘI KHÓA IX

Phát huy sức mạnh toàn dân, đẩy mạnh công nghiệp hóa,
hiện đại hóa đất nước theo tinh thần đổi mới

(Trích)

Ngày 15 tháng 10 năm 1996

I- TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 1996

1. Những cố gắng và tiến bộ trong việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1996

Với quyết tâm mở đầu thắng lợi kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã có nhiều nỗ lực to lớn, vượt qua nhiều khó khăn, ra sức phấn đấu thực hiện những mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1996.

Năm nay, thiên tai xảy ra dồn dập và ở nhiều nơi, gây thiệt hại về người và của lớn hơn nhiều so với những năm gần đây. Hiện nay, chúng ta đang phải đương đầu với lũ lớn tại đồng bằng sông Cửu Long. Nhờ tiềm lực kinh tế tích tụ được từ những năm đổi mới, nhân dân ta có sức đối phó với những hậu quả của các trận bão lụt và vẫn có điều kiện hoàn thành được kế hoạch năm 1996. Những kinh nghiệm phòng, chống bão lụt và khắc phục hậu quả thiên tai của năm 1996 cần được đánh giá sâu sắc để phòng ngừa và hạn chế thiệt hại trong những năm sau.



Căn cứ vào tình hình 9 tháng đầu năm, có thể ước tính cả năm 1996 nhịp độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt 9,5%; giá trị sản xuất nông nghiệp tăng khoảng 4,8 - 5%, trong đó sản xuất lương thực đạt trên 28 triệu tấn; giá trị sản xuất công nghiệp tăng 14%; kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 27 - 28%; chỉ số lạm phát cả năm có thể giữ được ở mức tăng 6 - 7%; bội chi ngân sách năm trong phạm vi Quốc hội cho phép là khoảng 4% GDP; tích lũy trong nước ước đạt 19% GDP.

Trong năm nay, chúng ta đã đưa vào sử dụng một số công trình, đẩy nhanh thi công nhiều công trình quan trọng khác, khởi công xây dựng mới chín công trình lớn về năng lượng, giao thông và công nghiệp trong những điều kiện rất khó khăn, nhất là về nguồn vốn.

Năm 1996, có thêm 1.400 km đường giao thông cho xe cơ giới đi tới các trung tâm của 70 xã và những vùng hẻo lánh; mạng lưới điện và thủy lợi ở nhiều vùng được mở rộng. Những tiến bộ mới này chủ yếu dựa vào những nguồn lực tại chỗ của các địa phương và sự đóng góp to lớn của nhân dân. Nhờ vậy, sức phát triển năng động của một số vùng, đặc biệt là các vùng kinh tế trọng điểm, được tăng khá.

Tiếp theo nhiệm vụ quy hoạch ba vùng kinh tế trọng điểm của cả nước, năm nay, chúng ta dành nhiều công sức xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển Tây Nguyên, các vùng miền núi phía Bắc và vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2000 và các năm 2005 - 2010. Với mục đích tìm lối ra cho sự phát triển kinh tế và giải quyết những vấn đề xã hội của các vùng nói trên, quy hoạch và kế hoạch tập trung vào các nội dung: đẩy nhanh công tác quy hoạch cụ thể phát triển các vùng kinh tế và các địa bàn dân cư; khai thác những thế mạnh về nông nghiệp, cây công nghiệp



và lâm nghiệp; phát triển năng lực chế biến; thực hiện từng bước yêu cầu công nghiệp hóa nông nghiệp. Khâu đột phá là phát triển kết cấu hạ tầng, trước hết là giao thông. Đây chính là một bước quan trọng nhằm cụ thể hóa nhiệm vụ phát triển nông thôn, miền núi tại những vùng quan trọng này.

Những chương trình quốc gia năm 1996 về giáo dục, khoa học, công nghệ, văn hóa, thông tin, y tế, kế hoạch hóa gia đình, phát triển nông thôn, v.v. được thực hiện tích cực. Nhân dân những nơi bị thiên tai được giúp đỡ kịp thời, đời sống sớm được ổn định. Hoạt động cho vay của ngân hàng và các quỹ tín dụng nhằm phát triển ngành nghề, phục vụ nông nghiệp, trồng rừng, v.v., được mở rộng và có hiệu quả hơn, qua đó đã tham gia tích cực vào nhiệm vụ xóa đói, giảm nghèo và phát triển kinh tế ở nông thôn. Nhìn chung, phần lớn dân cư giữ được mức sống ổn định. Trong năm, chúng ta cũng đã tạo thêm việc làm cho khoảng 1,5 triệu lao động.

Tỷ lệ học sinh đến trường và số lượng học sinh ở các cấp học cao hơn năm ngoái; chất lượng giáo dục ở các bậc được chú trọng hơn. Những tiến bộ trong việc khám, chữa bệnh và phòng dịch đã làm giảm bớt đáng kể một số bệnh, đặc biệt làm giảm đi nhiều số người mắc và chết do các bệnh sốt rét, lao,... đã dập tắt kịp thời nhiều ổ dịch bệnh, kể cả ở những nơi xảy ra thiên tai bão, lụt. Tuy nhiên, cần lưu ý một số bệnh đã loại trừ được trước đây, nay có xu hướng tái phát; số người nhiễm HIV có xu hướng tăng.

Dông đảo nhân dân đã hưởng ứng tích cực các nghị định về phòng, chống tệ nạn xã hội. Các nghị định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường thủy và đường sắt được thường xuyên đôn đốc thực hiện. Việc thực hiện các nghị định này là công việc phải được duy trì liên tục trong nhiều năm nữa.



Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, chúng ta đã phát triển các mối quan hệ song phương và đa phương, tích cực hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới. Đi đôi với những cố gắng tăng cường quan hệ song phương với các nước láng giềng và các đối tác hợp tác kinh tế, Việt Nam đã tham gia tích cực các hoạt động trong khuôn khổ ASEAN, đặc biệt là chương trình thiết lập Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), cuộc gặp cấp cao Á - Âu và mở rộng hoạt động trên nhiều diễn đàn đa phương khác trong khuôn khổ Liên hợp quốc. Chúng ta tiếp tục chuẩn bị gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và tiếp xúc với Tổ chức Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC). Cộng đồng thế giới đồng tình với quan điểm của nước ta về giải quyết các vấn đề tranh chấp thông qua thương lượng hòa bình, hoan nghênh và đánh giá tích cực vai trò của Việt Nam trong việc đẩy mạnh hợp tác vì phát triển, tăng cường hiểu biết lẫn nhau, giữ gìn hòa bình, bảo vệ môi trường...

Tình hình nói trên cho phép nhận định: Có thể hoàn thành được các mục tiêu kinh tế - xã hội do Quốc hội đề ra cho năm 1996, giữ được mức độ tăng trưởng liên tục của những năm gần đây và có thêm một số tiến bộ mới. An ninh, quốc phòng được bảo đảm, ổn định chính trị tiếp tục được củng cố vững chắc, tạo thêm thuận lợi cho sự phát triển năng động của đất nước trong những năm tới. Những tiến bộ đạt được của năm 1996 càng cho thấy rõ: *chỉ có thể đáp ứng được những đòi hỏi ngày một cao hơn của đất nước bằng những nỗ lực kiên trì công cuộc đổi mới, phát huy sức mạnh của toàn dân, khai thác tối đa mọi tiềm năng trong nước, hội nhập sâu rộng hơn vào sự phát triển kinh tế của khu vực và trên thế giới.*



Năm 1996, *sự chỉ đạo và điều hành của Chính phủ* luôn bám sát những nhiệm vụ trọng tâm, tập trung xử lý có hiệu quả những vấn đề cấp bách. Chính phủ đặc biệt quan tâm huy động mọi nguồn lực để phát triển kết cấu hạ tầng; tiến hành quy hoạch các vùng trọng điểm và các khu công nghiệp; tiếp tục sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, hình thành và đưa các tổng công ty vào huy động; tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, khuyến khích các thành phần kinh tế khác; gán nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm an ninh, quốc phòng và trật tự, an toàn xã hội.

Bên cạnh việc sắp xếp lại các bộ, ngành, Chính phủ tiếp tục thực hiện những biện pháp giảm bớt thủ tục hành chính ở các cấp. Một nét mới trong *sự chỉ đạo, điều hành* của Chính phủ là đã cố gắng giao sớm nhiệm vụ kế hoạch, tạo điều kiện cho các ngành, các cấp triển khai công việc, đạt chuyển biến tích cực trên nhiều mặt ngay từ đầu năm. Những cố gắng này đã giảm bớt trì trệ và lãng phí.

2. **Những mặt còn yếu kém**

- Sản xuất công nghiệp năm 1996 tuy về cơ bản đạt được nhịp độ tăng trưởng đề ra trong kế hoạch, nhưng chất lượng và hiệu quả kinh tế chưa cao; khả năng cạnh tranh thấp, có một số mặt hàng không cạnh tranh được ngay trên thị trường trong nước, tỷ trọng sản phẩm thô còn cao. Sản xuất công nghiệp còn nặng về thay thế nhập khẩu và chưa hướng mạnh hơn về xuất khẩu. Mặt hàng công nghiệp mới hoặc có hàm lượng chế biến cao còn ít; tỷ trọng nguyên liệu, vật liệu trong nước trong cơ cấu giá thành của hàng công nghiệp xuất khẩu còn thấp.



Mặc dù được chấn chỉnh lại, song vẫn không ít doanh nghiệp nhà nước làm ăn thua lỗ, nhất là trong khu vực công nghiệp địa phương. Nhiều xí nghiệp thiếu đi điều kiện vật chất kỹ thuật và công nghệ để có thể nâng cao chất lượng sản phẩm hoặc sớm chuyển sang những sản phẩm có nhiều khả năng cạnh tranh hơn. Có những xí nghiệp lẽ ra phải chú trọng đầu tư vào sản xuất - kinh doanh, lại tùy tiện trả lương và thưởng quá mức; sự quản lý của ngành tài chính về mặt này còn nhiều sơ hở và lỏng lẻo. Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác còn gặp nhiều khó khăn trong phát triển. Việc điều tiết nhập khẩu thiếu nhạy bén và kém hiệu lực, nên một số doanh nghiệp có lúc phải hạn chế sản xuất vì sản phẩm làm ra bị ứ đọng.

- Sản xuất nông nghiệp năm nay nhờ được mùa nên bù được thiệt hại do thiên tai và vẫn giữ được mức tăng trưởng khá. Tuy nhiên, giá nông phẩm, nhất là lương thực giảm trong khi giá sản phẩm đầu vào của sản xuất nông nghiệp tăng, thương nghiệp quốc doanh còn nhiều yếu kém trong cung ứng vật tư và dịch vụ cho sản xuất cũng như trong tổ chức tiêu thụ và xuất khẩu nông phẩm, làm giảm thu nhập của nông dân. Tại một số địa phương đã phát triển trồng mía vượt xa năng lực chế biến đường gây thua thiệt lớn cho nông dân.

Nhiều cơ quan, đơn vị kinh doanh chưa làm tốt chức năng giúp đỡ nông dân tiêu thụ sản phẩm, xử lý một số khó khăn về kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi. Nhiều địa phương chưa quan tâm đến yêu cầu phát triển các loại hình hợp tác xã mới và các hình thức liên kết, liên doanh khác để mở rộng ngành nghề và thị trường; thời gian nông nhàn còn tới 40% quỹ thời gian lao động; sức ép dân cư dồn về các thành thị tiếp tục tăng lên.



Nên tài chính quốc gia còn nhiều yếu kém, đáng chú ý là:

- Tỷ lệ thực hiện kế hoạch thu ngân sách 8 tháng đầu năm đạt thấp; tình trạng trốn thuế, lậu thuế, nợ đọng và chiếm dụng thuế còn phổ biến.

- Hoạt động tài chính, ngân hàng chưa làm tốt việc huy động các nguồn lực cho phát triển sản xuất, kinh doanh. Trong khi tích cực kiềm chế lạm phát, không kịp thời phát hiện và xử lý những yếu tố gây ra giảm phát liên tục trong những tháng giữa năm, bất lợi cho sản xuất và xuất khẩu. Các hoạt động nhập khẩu bằng tín dụng thương mại của nước ngoài không được kiểm soát chặt chẽ, cùng với những thiếu sót trong chính sách tiền tệ và thuế đã kích thích nhập khẩu, kìm hãm xuất khẩu, làm tăng nhanh nhập siêu trong 8 tháng đầu năm.

- Nhiều hoạt động kinh tế của các doanh nghiệp còn nằm ngoài sự kiểm soát của hệ thống kế toán, thống kê, ngân hàng.

- Tình trạng chi tiêu lãng phí, nhất là sử dụng công quỹ vào việc tổ chức các hội nghị, lễ đón nhận phần thưởng, ngày kỷ niệm riêng của từng ngành, cơ quan, v.v. và công tác lễ tân mang tính hình thức, phô trương, mặc dù đã bị lên án gay gắt từ năm 1995 nhưng vẫn không giảm bớt. Đặc biệt nghiêm trọng là tiếp tục xảy ra nhiều vụ tham nhũng lớn tiền bạc, tài sản nhà nước.

- Chất lượng giáo dục, y tế còn thấp xa so với yêu cầu phát triển con người ở một đất nước đang cần đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Ở một số vùng, tỷ lệ trẻ em đến tuổi không đi học hoặc học dở dang còn cao; số người mù chữ còn đông; chất lượng dạy và học cũng như chất lượng thi cử còn nhiều mặt yếu, thậm chí thiếu trung thực. Điều kiện vật chất của các cơ sở y tế chậm được cải thiện; hệ thống bảo hiểm y tế chưa phát triển rộng, hiệu quả thấp, chưa làm tốt chức năng xã hội rất



quan trọng của nó và không giảm được gánh nặng cho ngân sách nhà nước. Chất lượng khám, chữa bệnh ở nhiều nơi giảm sút cả về trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp. Nhiều người đi khám, chữa bệnh còn bị sách nhiễu, bị phân biệt đối xử giữa người được thanh toán theo chế độ bảo hiểm y tế và người nộp viện phí: nhiều gia đình chính sách và người nghèo không được chú ý chăm sóc khi đến bệnh viện.

- Nạn cờ bạc, tệ mại dâm, tội phạm hình sự vẫn ở mức độ trầm trọng. Gần đây, ở một số nơi, nạn ma túy xâm nhập vào cả lứa tuổi thanh thiếu niên trong trường học. Trên mặt trận này, chúng ta còn thiếu nhiều hoạt động văn hóa - xã hội lành mạnh, có giá trị đạo đức đáp ứng đòi hỏi của nhân dân trong đời sống tinh thần.

- Tính ổn định và hiệu lực của hệ thống luật pháp và các cơ chế chính sách chưa cao; thủ tục phiền hà và tệ quan liêu, những nhiễu còn nghiêm trọng; số lượng đơn khiếu tố còn lớn và việc giải quyết còn chậm; bộ máy hành chính còn nặng nề và nhiều mặt yếu kém. Khuôn khổ và hiệu lực của pháp luật hiện hành chưa tạo ra được môi trường an toàn, thông suốt, thuận lợi cho mọi huy động sản xuất - kinh doanh, chưa đủ mạnh để đưa những hoạt động này đi vào trật tự, kỷ cương và làm cho không ít cơ sở kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế gặp nhiều khó khăn và chưa an tâm làm ăn lâu dài.

Nhiều nhà đầu tư nước ngoài phàn nàn về tình trạng pháp luật của ta thiếu đồng bộ, không rõ ràng, nhất là thi hành không nghiêm, thiếu thống nhất, còn nhiều thủ tục phiền hà, nên làm ăn ở nước ta còn nhiều rủi ro. Mặt khác, có những trường hợp người kinh doanh nước ngoài dựa vào sự tiếp tay của một số cán bộ hư hỏng và tình trạng tiêu cực trong bộ máy quản lý của chúng ta để hành động trái pháp luật, gây thiệt hại cho ta.



Điều đáng báo động là tình trạng tài nguyên thiên nhiên tiếp tục bị xâm phạm và môi trường nhiều nơi bị phá hoại nghiêm trọng. Nạn phá rừng chưa được ngăn chặn triệt để; mặc dù mấy năm nay có cố gắng đẩy mạnh trồng rừng, đã có lệnh cấm xuất khẩu gỗ thô, nhưng tình trạng khai thác trái phép và xuất lậu gỗ chưa chấm dứt; diện tích rừng tự nhiên tiếp tục giảm.

Nhìn lại tình hình trong những tháng qua, Chính phủ thấy rằng những yếu kém nêu trên có nhiều mặt đáng lẽ có thể ngăn ngừa, hạn chế hoặc khắc phục được sớm, như tình trạng một số sản phẩm bị ứ đọng, giá lúa giảm, nhập siêu tăng nhanh, hiện tượng giảm phát liên tục trong mấy tháng giữa năm. Do phát hiện chậm, xử lý không kịp thời, thiếu kiên quyết nên tình trạng đó đã hạn chế kết quả thực hiện kế hoạch và gây tâm lý bất lợi cho việc huy động có hiệu quả các nguồn lực to lớn vào sản xuất, kinh doanh.

Trước những vấn đề nổi lên trong 8 tháng đầu năm. Chính phủ đã quyết định những biện pháp mạnh mẽ cho 4 tháng còn lại trên các mặt: đẩy mạnh thu ngân sách (bao gồm cả truy thu các phần thuế thất thoát hoặc còn nợ đọng), dồn thêm vốn cho xây dựng cơ bản, giảm lãi suất một cách hợp lý, tăng phần vốn cho vay trung hạn và dài hạn để đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu, điều tiết cung cầu, tăng cường kiểm soát nhập khẩu, ngăn chặn nhập hàng lậu nhằm giảm nhập siêu và giảm bớt hàng hóa ứ đọng, khắc phục những yếu tố bất lợi dẫn tới giảm phát; tiếp tục thu hút mạnh hơn đầu tư nước ngoài theo định hướng phát triển của Nhà nước.

Trong các mặt trên, có những yếu kém tồn tại từ nhiều năm trước nay mới bộc lộ rõ đòi hỏi Chính phủ phải thường xuyên phấn đấu khắc phục, tinh táo và nhạy bén trong sự chỉ đạo điều hành.



Cùng với sự phát triển của công cuộc đổi mới, ngày nay chúng ta nhìn nhận rõ hơn những yếu kém, các nguyên nhân, đồng thời cũng thấy rõ hơn khả năng và những biện pháp khắc phục.

II- NHỮNG VẤN ĐỀ LỚN TRONG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 1996 - 2000 VÀ NHIỆM VỤ NĂM 1997

Nhận định thời cơ và thách thức đối với tương lai phát triển của đất nước. Đại hội VIII coi đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm để thực hiện thắng lợi chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn phát triển mới của đất nước. Nghị quyết của Đại hội nêu rõ:

“Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh...

Từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp...

Giai đoạn từ nay đến năm 2000 là bước rất quan trọng của thời kỳ phát triển mới... Nhiệm vụ của nhân dân ta là tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa...”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.316-317 (B.T).



Đại hội VIII nhấn mạnh động lực chủ yếu nhằm đạt những mục tiêu chiến lược nêu trên là *phát huy sức mạnh của toàn dân để thực hiện mọi việc vì lợi ích của nhân dân*. Đó cũng là kinh nghiệm lớn nhất, bao trùm nhất được tổng kết từ thực tiễn cách mạng nước ta trong mọi thời kỳ, bao gồm cả thực tiễn 10 năm đổi mới vừa qua. Ngay từ buổi đầu xây dựng chế độ mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ:

“Bao nhiêu lợi ích đều vì dân,
Bao nhiêu quyền hạn đều của dân,
Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân...”¹.

Chính phủ cố gắng thấu suốt tư tưởng chỉ đạo đó trong việc hoạch định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000 và kế hoạch năm 1997.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư thay mặt Chính phủ trình Quốc hội dự thảo kế hoạch để phê duyệt. Tôi xin nêu lên một số nội dung chính như sau:

Kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 có ba yêu cầu nổi bật sau đây:
Một là: Nhu cầu và nguyện vọng của nhân dân cùng với tiến trình hội nhập quốc tế buộc chúng ta phải *phán đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế liên tục và ổn định theo kịp yêu cầu, đồng thời phải nâng cao hiệu quả của nền kinh tế, giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội*. Đây là đòi hỏi tất yếu của giai đoạn phát triển mới mà chúng ta không thể thoái thác hay giảm bớt. Do đó, phải đẩy nhanh hơn nữa quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trước hết là thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa nông nghiệp, phát triển nông thôn,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.232 (B.T).



đổi mới cơ cấu nền công nghiệp. Những yêu cầu quan trọng này gắn liền với việc *tăng thêm một bước đáng kể sự phát triển kết cấu hạ tầng, nâng cao năng lực khoa học - công nghệ quốc gia, hoàn thiện thể chế, phát triển con người nhằm chuẩn bị cho những bước phát triển cao hơn của đất nước khi bước vào thế kỷ XXI.*

Hai là: Huy động tối đa mọi nguồn lực trong nước là yếu tố quyết định để phát triển. Ngân sách nhà nước là một bộ phận quan trọng của nguồn lực trong nước, do nhân dân đóng góp. Từ chỗ dựa một phần quan trọng vào viện trợ bên ngoài, ngân sách nhà nước đã dần dần lấy tích lũy trong nước làm nguồn thu chủ yếu, đáp ứng được nhu cầu chi thường xuyên và dành một phần cho đầu tư phát triển. Đó là một thành tựu quan trọng của tiến trình đổi mới. Tuy nhiên, tỷ lệ thu ngân sách nhà nước so với GDP dù cao cũng không thể đáp ứng mọi nhu cầu phát triển đang tăng nhanh của đất nước; hơn nữa, tỷ lệ này cũng không thể tăng lên tùy tiện được, nhất là khi thu nhập quốc dân của nước ta đang còn rất thấp. Vì vậy, sựỷ lại vào Nhà nước và sự bao cấp của Nhà nước còn được duy trì trong nhiều lĩnh vực vừa không đáp ứng được những đòi hỏi mới, vừa kìm hãm sự phát triển của đất nước. Phát huy sức mạnh của nhân dân và giải phóng mọi tiềm năng trong nước để phát triển kinh tế - xã hội nhằm phục vụ lợi ích của nhân dân là một quan điểm cơ bản phải thấu suốt trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Giải phóng sức sản xuất phải đi đôi với xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp nhằm phát huy mọi khả năng của các thành phần kinh tế; tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả và vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước; mở rộng liên kết giữa kinh tế nhà nước và kinh tế tư nhân; phát triển các hình thức kinh tế hợp tác; hình thành đồng bộ



cơ chế quản lý mới với chế độ phân phối hợp lý, xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng.

Ba là: Mở rộng và nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh tế đối ngoại, bao gồm cả ngoại thương, huy động ODA, gọi vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, mở thêm những lĩnh vực hợp tác mới... *Chúng ta vừa phải mở rộng các mối quan hệ hợp tác, vừa phải đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Càng phát triển, chúng ta càng phải hội nhập sâu rộng hơn nữa vào sự phát triển kinh tế của khu vực và trên thế giới. Nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế là một nhân tố quyết định của tiến trình hội nhập, đòi hỏi quyết tâm và nỗ lực cao của cả Nhà nước và nhân dân.*

Xuất phát từ những yêu cầu trình bày trên, Chính phủ đề nghị kế hoạch 5 năm này tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm 9 - 10%; các ngành kinh tế phải phát triển với hiệu quả cao hơn; trong đó, giá trị sản xuất bình quân hàng năm:

- Nông nghiệp tăng 4,5 - 5%, với sự phát triển toàn diện nông nghiệp và nông thôn;

- Công nghiệp tăng 14 - 15%, trong đó chú trọng công nghiệp chế biến, công nghiệp hàng tiêu dùng, hướng mạnh về xuất khẩu và xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng;

- Dịch vụ tăng 12 - 13%, chú trọng các lĩnh vực vận tải, thông tin liên lạc, thương mại, du lịch, tài chính ngân hàng, bảo hiểm.

Cố gắng xây dựng kết cấu hạ tầng đáp ứng nhu cầu bức xúc về phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, thúc đẩy nhanh sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế: *đến năm 2000, tỷ trọng nông nghiệp chiếm khoảng 19 - 20% GDP, công nghiệp khoảng 34 - 35% GDP và dịch vụ 45 - 46% GDP.*



Những yêu cầu nêu trên đòi hỏi nâng cao tiềm lực và làm lành mạnh nền tài chính quốc gia, không ngừng nâng cao khả năng tích lũy từ trong nước và phát huy cao hơn mọi khả năng đầu tư phát triển của các thành phần kinh tế, hằng năm, huy động 20 - 21% GDP vào ngân sách quốc gia thông qua thuế và phí.

Chính phủ chủ trương kiên trì chính sách ổn định tiền tệ, coi đây là một yếu tố quyết định tính bền vững của sự phát triển kinh tế. Trước hết, thực hiện nghiêm ngặt chủ trương kiềm chế bội chi ngân sách hằng năm không quá 4,5% GDP và phần bội chi chỉ để tăng vốn cho xây dựng cơ bản; giữ mức lạm phát dưới 10%/năm và loại trừ nguy cơ tái lạm phát cao; lãi suất tín dụng và tỷ giá hối đoái phải phù hợp với cung cầu và sức mua thực tế của đồng tiền Việt Nam, góp phần ổn định tiền tệ và thúc đẩy phát triển.

Chính phủ tiếp tục cải tiến cơ chế quản lý, bổ sung chính sách và biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, thu hút nhiều hơn vốn đầu tư và công nghệ tiên tiến từ bên ngoài phù hợp với định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đổi mới công nghệ; phấn đấu vào năm 2000 đạt kim ngạch xuất khẩu 200 USD bình quân đầu người (hiện nay khoảng 70 USD), cải thiện cán cân thanh toán quốc tế.

Đặc biệt trong 4 năm còn lại của kế hoạch này, chúng ta cần phấn đấu rất cao, bảo đảm đủ vốn đầu tư và tiến độ xây dựng 41 công trình quan trọng đã được quy hoạch về giao thông, năng lượng, thủy lợi, giáo dục đào tạo, y tế, thông tin văn hóa. Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ báo cáo với Quốc hội chi tiết hơn về chủ trương quan trọng này.

Kế hoạch coi trọng nhiệm vụ phát triển con người, nâng cao năng lực khoa học - công nghệ quốc gia, giải quyết tốt một số vấn



đề xã hội bức bách nhất, đặc biệt là các vấn đề: tạo thêm việc làm, giáo dục và y tế, xóa đói, giảm nghèo, phòng, chống tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường.

Quá trình phát triển kinh tế, xã hội và mở rộng hợp tác với bên ngoài phải luôn gắn liền và phục vụ tốt nhiệm vụ bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh, quốc phòng vững mạnh, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của loài người.

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Những mục tiêu đề ra cho kế hoạch năm 1997 vừa phải tiếp tục tạo đà để đạt được những mục tiêu phát triển vào cuối năm 2000, vừa phải giải quyết những công việc còn lại của năm 1996 và khắc phục những hậu quả nặng nề của thiên tai, đồng thời phải nâng cao hơn nữa hiệu quả và khả năng phát triển bền vững của nền kinh tế. Vì vậy, *kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội năm 1997 phải bám sát ba yêu cầu cơ bản của kế hoạch 5 năm đã trình bày trên, để giữ đà phát triển cho những năm sau.*

Xin được nêu lên một số mục tiêu chính trong kế hoạch năm 1997:

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 9 - 10% so với năm 1996, mức tăng trưởng của từng ngành kinh tế nhìn chung được bố trí cao hơn năm trước xấp xỉ 1%.

- Nhằm bảo đảm thực hiện những mục tiêu phát triển, chúng ta sẽ cố gắng huy động vốn đầu tư của toàn xã hội (bao gồm cả vốn từ bên ngoài) đạt tỷ trọng 28 - 29% GDP năm 1997, tăng khoảng 29 - 32% so với năm 1996. Tuy nhiên, xin lưu ý rằng tỷ trọng huy động vốn này cũng vẫn chưa đạt mức bình quân 30% GDP/năm ghi trong kế hoạch 5 năm.



- Huy động vào ngân sách nhà nước thông qua thuế và phí dự kiến khoảng 19 - 21% GDP, tăng khoảng 12,5% so với năm 1996; nhưng cũng thấp hơn mức huy động ngân sách bình quân là 20 - 21%/năm của 4 năm còn lại.

Những phần nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 1997 sẽ được xây dựng thành những chương trình nhà nước theo 11 chương trình nêu trong Báo cáo chính trị của Đại hội VIII.

Đặc biệt, ngay từ năm 1997 chúng ta cần phải:

- Huy động mọi nguồn vốn trong các thành phần kinh tế để phát triển sản xuất - kinh doanh nâng cao hơn tỷ lệ góp vốn trong các công trình liên doanh với nước ngoài;

- Thực hiện việc giải ngân nhanh hơn nhằm sử dụng hiệu quả hơn nguồn ODA tranh thủ được; tập trung vào xây dựng những công trình giao thông, điện, nước, thủy lợi và phát triển kinh tế những vùng sâu, vùng cao;

- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia xây dựng những công trình kết cấu hạ tầng và các dự án phát triển giáo dục, y tế, văn hóa.

Chính phủ sẽ vận dụng những cơ chế chính sách cải thiện mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng trong xã hội theo hướng khuyến khích toàn xã hội thực hiện tiết kiệm, trước hết là tạo thuận lợi và dành những ưu đãi để thu hút các nguồn vốn nhàn rỗi trong xã hội vào việc phát triển sản xuất kinh doanh.

Thông qua những chương trình tín dụng và phát triển ngành nghề, Chính phủ sẽ tiếp tục thực hiện các chương trình: xóa đói, giảm nghèo, tạo thêm công ăn việc làm, phúc lợi xã hội. Năm 1997, phần đầu không còn gia đình thuộc diện chính sách bị thiếu đói, tiến tới không còn hộ thiếu đói, để đến năm 2000, mức sống của nước ta ngang với các nước đang phát triển loại



trung bình, chất lượng đời sống văn hóa của nhân dân cũng được nâng lên rõ rệt.

Chính phủ sẽ đẩy mạnh đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, ban hành những biện pháp tạo ra sự hài hòa giữa phát triển và phúc lợi xã hội, giữa phát triển và bảo vệ môi trường. Đặc biệt là để phát triển tài nguyên rừng, sẽ đóng cửa các khu rừng cần bảo vệ; thực hiện tiết kiệm trong sử dụng gỗ, nếu có nhu cầu thì nhập khẩu gỗ; triệt để cấm xuất khẩu gỗ và đồ gỗ, trừ những sản phẩm thủ công, mỹ nghệ có giá trị gia tăng cao. Chủ trương này sẽ được thực hiện liên tục trong nhiều năm.

Trong khả năng của ngân sách, sẽ điều chỉnh một bước tiền lương, chủ yếu nhằm bù lại một phần thu nhập thực tế bị giảm sút do trượt giá, sửa đổi những bất hợp lý đã thấy rõ trong hệ thống lương, tích cực chuẩn bị cho bước cải cách tiền lương tiếp theo. Tiền lương, tiền thưởng của các doanh nghiệp nhà nước phải tương ứng với hiệu quả kinh doanh thực tế, được hạch toán minh bạch; chấn chỉnh lại tình trạng một số doanh nghiệp phân phối tùy tiện quỹ thưởng và lương quá mức.

Về chỉ đạo điều hành, Chính phủ chú trọng tập trung vào các việc sau đây:

- Cải tiến hệ thống tài chính tiền tệ, thực hiện tốt Luật ngân sách mới được ban hành, xúc tiến bước cải cách tiếp hệ thống thuế; phát triển hệ thống ngân hàng và các loại hình tín dụng khác theo hướng khuyến khích sự phát triển năng động và tăng thêm mức độ an toàn trong mọi hoạt động sản xuất - kinh doanh của nền kinh tế; từng bước xây dựng thị trường vốn; tăng cường khả năng quản lý của Nhà nước thông qua các công cụ tài chính tiền tệ;



- Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu lực của hệ thống luật pháp, cải thiện môi trường pháp lý cho mọi hoạt động kinh tế - xã hội;
- Ban hành các chính sách, giải pháp phát huy sức mạnh của toàn dân thực hiện xã hội hóa những lĩnh vực cho phép tạo ra nguồn lực lớn cho phát triển.

Chính phủ sẽ từng bước ban hành những quy định mới về các mặt hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội thích hợp với từng tầng lớp nhân dân và coi trọng giải quyết kịp thời các vấn đề cụ thể trong công tác điều hành để làm tốt hơn nữa chức năng của mình trong việc thực hiện chính sách đại đoàn kết và hòa hợp dân tộc, phát huy sức mạnh của đồng bào cả nước, kể cả các cộng đồng người Việt ở nước ngoài, cùng nhau xây dựng đất nước.

III- NHỮNG GIẢI PHÁP LỚN NHẰM PHÁT HUY SỨC MẠNH TOÀN DÂN THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

Tôi đã trình bày với Quốc hội những yêu cầu và nhiệm vụ lớn đặt ra cho kế hoạch 5 năm và cho kế hoạch năm 1997. Tiếp đây cho phép tôi nêu lên một số vấn đề lớn và kiến nghị, để xin ý kiến Quốc hội về những giải pháp bảo đảm thực hiện thắng lợi kế hoạch:

Một là: Ra sức phát huy mọi tiềm năng kinh tế của toàn xã hội.

Chúng ta cần phải có những nguồn lực rất lớn để phát triển kinh tế và đáp ứng yêu cầu ngày một cao về công bằng và tiến bộ xã hội. Chúng ta rất thiếu vốn để phát triển kết cấu hạ tầng, mở mang những ngành nghề mới, tạo thêm công ăn việc làm, đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm mới, mở thêm thị trường mới. Trong hầu hết các công trình liên doanh với nước ngoài,



tỷ lệ góp vốn của phía Việt Nam cũng còn rất thấp. Trong khi đó, lực lượng lao động ở nông thôn - chiếm hơn 70% lực lượng lao động cả nước - còn tối 40% thời gian lao động chưa được sử dụng. Số người hoàn toàn không có việc làm còn chiếm tỷ lệ cao trong lực lượng lao động toàn xã hội. Đất nước còn nhiều tài nguyên và đất đai chưa được khai thác tốt; nhân dân còn nhiều vốn nhàn rỗi, nhưng chưa mạnh dạn đầu tư vào sản xuất, kinh doanh, mà chủ yếu đưa vào mua bán đất đai, nhà cửa, cát trũ. *Vấn đề nóng bỗng đặt ra là phải tìm mọi cách huy động những nguồn lực nhàn rỗi to lớn này phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước.*

Trên cơ sở đường lối của Đảng đề ra, căn cứ vào kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội đã được duyệt, Chính phủ sẽ cố gắng nâng cao năng lực quản lý vĩ mô để có thể ban hành và thực hiện được những quyết định, chủ trương khuyến khích mạnh mẽ tất cả các thành phần kinh tế tham gia vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước sẽ được phát huy tích cực trong quá trình này.

Chính phủ sẽ đề ra những biện pháp, nhằm khuyến khích người sản xuất, kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế:

1- Đầu tư phát triển các cơ sở sản xuất, kinh doanh tạo ra nhiều công ăn việc làm, không ngừng nâng cao hiệu quả kinh tế;

2- Tiếp cận với thị trường trong nước và bên ngoài, xuất nhập khẩu trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức, hiệp hội và các hình thức liên kết, hợp tác khác;

3- Trực tiếp thu hút đầu tư nước ngoài.

Trong việc thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, Chính phủ chú trọng:

1- Phát huy vai trò chủ đạo của khu vực kinh tế nhà nước thông qua việc tiếp tục đổi mới tổ chức và quản lý, đẩy mạnh cổ phần hóa nhằm nâng cao hiệu quả;



2- Hướng dẫn và giúp đỡ phát triển các loại hình kinh tế hợp tác xã theo Luật đã ban hành;

3- Tổ chức các loại hình hợp tác, liên kết liên doanh giữa các doanh nghiệp nhà nước và các thành phần kinh tế khác để tăng nhanh hiệu quả kinh tế và hình thành những đơn vị kinh tế mạnh đủ sức cạnh tranh.

Chính phủ sẽ thể chế hóa các hình thức phân phối, kể cả hình thức phân phối nhằm đảm bảo lợi ích kinh tế chính đáng của mọi tổ chức, cá nhân đóng góp sức người, sức của vào việc phát triển sản xuất - kinh doanh. Tăng cường vai trò hỗ trợ và bảo hiểm an toàn của hệ thống tài chính - ngân hàng đối với mọi hoạt động kinh tế trong xã hội.

Chính phủ sẽ cố gắng đồng bộ hóa hệ thống thể chế kinh tế, tài chính và tiếp tục hoàn thiện các yếu tố của thị trường, nhằm tạo thuận lợi và ổn định cho các nhà sản xuất - kinh doanh yên tâm làm ăn lâu dài trong hành lang pháp luật rõ ràng, thông suốt; không ngừng nâng cao hiệu quả trong quan hệ hợp tác, cạnh tranh bình đẳng.

Chính phủ tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách nhằm thật sự khuyến khích mạnh xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu, giảm tỷ lệ nhập siêu; bảo vệ hợp lý sản xuất trong nước đi đôi với nâng cao sức cạnh tranh của hàng nội địa cả trên thị trường trong nước và thị trường nước ngoài. Chính phủ sẽ đặc biệt chú trọng việc xây dựng và củng cố hệ thống thương nghiệp quốc doanh phù hợp với điều kiện của các vùng nông thôn khác nhau để làm tốt việc cung ứng vật tư và dịch vụ cho sản xuất nông nghiệp, phục vụ tốt yêu cầu tiêu thụ và xuất khẩu nông sản, giúp cho nông dân không bị ép cấp, ép giá.



Hai là: Huy động nguồn lực trong dân đẩy nhanh phát triển kết cấu hạ tầng.

Nếu chỉ trông chờ vào ngân sách nhà nước, chúng ta sẽ không thể nào phát triển nhanh được kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và xã hội. Xin lưu ý rằng, ngân sách năm 1997 vẫn phải dành 70% cho chi phí thường xuyên, lại phải dành một phần để trả nợ đến hạn và phần lớn các tỉnh thu không đủ chi, vẫn phải dựa vào nguồn bù đắp của ngân sách trung ương. Muốn đưa vào sử dụng các nguồn vốn huy động được từ bên ngoài cho phát triển kết cấu hạ tầng, cũng phải huy động đủ các nguồn vốn đối ứng trong nước. Chúng ta phải rất chú trọng huy động sự tham gia của toàn dân; vấn đề đặt ra là huy động như thế nào cho công bằng và hiệu quả nhất.

Nhiều cuộc họp giữa Chính phủ và các tỉnh trong năm nay đã thống nhất kiến nghị *huy động mọi nguồn vốn, bao gồm cả huy động vốn từ quyền sử dụng đất đai, nhằm đẩy nhanh việc xây dựng và phát triển các hệ thống giao thông, điện, thủy lợi, văn hóa, giáo dục, y tế theo tinh thần Nhà nước và nhân dân cùng làm*; xây dựng ngay dù ở mức thấp những công trình mới đã được quy hoạch; sau này sẽ từng bước nâng cấp và mở rộng dần các công trình này theo sự phát triển kinh tế.

Thực hiện phân cấp từ Trung ương tới tỉnh, huyện, xã. Ví dụ về giao thông sẽ huy động mọi nguồn vốn để hoàn thiện mạng lưới giao thông xuyên suốt từ quốc lộ đến đường nông thôn theo sự phân công như sau: Trung ương (Bộ) lo xây dựng các quốc lộ, các đường liên tỉnh; tỉnh dùng ngân sách của địa phương có sự hỗ trợ một phần của Trung ương, kết hợp với vốn huy động trong dân, lo xây dựng các tuyến đường từ tỉnh tới huyện và liên huyện; đường từ huyện về xã, liên xã, trong xã thì huyện và xã huy động sức dân là chủ yếu.



Có các chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế khai thác mọi nguồn vốn thực hiện những dự án xây dựng kết cấu hạ tầng theo hình thức xây dựng, vận hành và chuyển giao (BOT). Trách nhiệm quản lý nhà nước là phải làm cho những công trình này được thực hiện đúng quy hoạch, bảo đảm chất lượng và hiệu quả kinh tế; có những quy định rõ ràng và công khai về tài chính, về các chế độ thu phí và bồi hoàn.

Chính phủ kiến nghị Quốc hội ban hành những văn bản pháp luật nhằm huy động sự đóng góp nghĩa vụ công ích của công dân và mọi hình thức đóng góp tự nguyện khác, nghĩa vụ công ích có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức, ví dụ, đóng góp lao động trực tiếp hoặc lao động được tính bằng tiền.

Cân thể chế hóa chính sách khuyến khích những hình thức đóng góp tự nguyện khác cho phát triển kết cấu hạ tầng và những công trình công ích xã hội (ví dụ, các khoản tự nguyện đóng góp xây dựng những công trình công cộng hoặc làm những việc công ích khác như khuyến học, bảo vệ môi trường, v.v., sẽ được khấu trừ trước khi tính thuế lợi tức, thuế thu nhập...), vận động phong trào nhân dân tự nguyện xây dựng những chương trình công ích bằng công sức của mình (ví dụ, theo cách làm của một số địa phương thuộc các tỉnh Nam Hà và Thái Bình...), v.v..

Việc huy động công sức nhân dân phát triển kết cấu hạ tầng và hoạt động công ích là một chủ trương và phương thức lâu dài, cần được thực hiện có quy củ và thành nền nếp; bảo đảm công bằng, minh bạch.

Ba là: Nhà nước và nhân dân hợp lực phát triển giáo dục và y tế.

Phát triển con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực trong công cuộc phát triển của xã hội chúng ta. Nhưng năng lực tài



chính từ nguồn ngân sách của Nhà nước ta rất hạn chế. Tuy tỷ trọng ngân sách của nước ta chi cho giáo dục và y tế không kém, có khi cao hơn một số nước có mức sống như nước ta, nhưng phần lớn kinh phí chỉ đủ trả lương ở mức thấp cho thầy giáo, thầy thuốc và nhân viên các trường học, bệnh viện. Chính sách tài trợ của Nhà nước như hiện nay là sự trợ giúp đồng đều mang tính bao cấp cho mọi người đi học, khám chữa bệnh, không phân biệt mức thu nhập.

Trong thực tế, nhân dân ta đã và đang đóng góp nhiều tiền của, công sức cho việc học tập, khám, chữa bệnh, nhưng phần đông dưới dạng không chính thức, không công khai. Một sự thật là tuyệt đại đa số các gia đình có con em đi học, kể từ cấp mẫu giáo trở lên, đều phải đóng góp ở mức khá cao, dưới các hình thức khác nhau. Tình trạng bất kể trò giỏi, trò kém đều phải “học thêm” là rất trái với các phương pháp sư phạm khoa học, gây phiền hà, tốn kém cho phụ huynh học sinh, ảnh hưởng xấu đến quan hệ thầy - trò, gia đình - nhà trường. Người đi khám chữa bệnh cũng phải chi thêm nhiều khoản ngoài quy định để được chữa trị, chăm sóc tốt hơn. Tình trạng đó làm những gia đình nghèo rất chật vật lo cho con đi học, nhiều khi phải bỏ dở; khi gặp bệnh tật thì hết sức khó khăn.

Mấy năm gần đây, ở nhiều nơi, trước hết là các thành phố, thị xã, đã phát triển nhiều cơ sở dân lập dưới nhiều hình thức, góp phần đáp ứng nhu cầu học tập và khám, chữa bệnh của nhân dân.

Tôi xin đề nghị Quốc hội cho ý kiến về vấn đề quan trọng này. Rất nên làm cho mọi người dân nhìn rõ những thực trạng nói trên, để tìm ra những giải pháp thiết thực, hợp lý, được chấp nhận rộng rãi trong nhân dân.



Chính phủ kiến nghị xây dựng một quan điểm chung làm cơ sở cho mọi chính sách và giải pháp là:

Sử dụng nguồn vốn ngân sách vào những khâu thiết yếu nhất, cho những mục tiêu và đối tượng cần trợ giúp; huy động công khai và có tổ chức, được quy định rõ ràng bằng luật pháp sự đóng góp của nhân dân vào giáo dục và y tế theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm; phát triển các hình thức bán công, dân lập; đồng thời bảo đảm cho người thuộc diện chính sách và người nghèo được đi học, khám, chữa bệnh.

Nhà nước phải quản lý chặt chẽ và thực hiện thống nhất nội dung chất lượng, quy trình, quy phạm, v.v. của mọi hoạt động giáo dục, y tế đúng với luật pháp. Chương trình giảng dạy và chế độ thi cử do Nhà nước quy định.

Chính phủ đề nghị ban hành *những quy chế cho phép cạnh tranh lành mạnh để nâng cao chất lượng* giữa các trường học, giữa các cơ sở y tế. Không có sự phân biệt về bằng cấp của những trường công và bán công, trường quốc lập và dân lập.

Chúng ta phải phát triển và thiết lập trật tự trong giáo dục và y tế với chất lượng mới trên cơ sở:

- Gắn sự đóng góp của dân với quyền của dân được lựa chọn và hưởng những dịch vụ y tế và giáo dục có chất lượng xứng đáng;
- Gắn thu nhập được điều chỉnh lại nhờ sự đóng góp của dân theo thể chế này với trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ làm nhiệm vụ giáo dục, y tế; đãi ngộ xứng đáng thầy giáo, thầy thuốc theo năng lực và chất lượng dạy học, khám, chữa bệnh;
- Thể chế hóa việc phân bổ một phần những nguồn lực huy động từ sự đóng góp của dân vào việc cải thiện, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật và việc trợ giúp những gia đình thuộc diện phải trợ giúp;



- Cải tiến và phát triển hệ thống bảo hiểm đúng với vai trò không thể thiếu được của nó trong việc nâng cao phúc lợi xã hội;
- Khôi phục và nâng cao vị trí của thầy giáo, thầy thuốc trong xã hội; nuôi dưỡng và phát huy nền nếp tôn sư trọng đạo, lương y như từ mẫu.

Thực hiện những giải pháp trên đây, chúng ta mới có điều kiện bảo đảm thu nhập thỏa đáng cho đội ngũ cán bộ giáo dục và y tế hiện đang chiếm hơn 3/4 tổng số biên chế hành chính sự nghiệp của cả nước. Đồng thời, chúng ta sẽ có thêm nguồn lực đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục và y tế nước ta sớm theo kịp đòi hỏi của đất nước và trình độ những nước đi trước.

Tôi xin nhấn mạnh rằng thực hiện thể chế mới về sự đóng góp của dân cho giáo dục và y tế hoàn toàn không có nghĩa là Nhà nước sẽ làm ngơ hay thừa nhận bất kỳ loại phụ thu tùy tiện và lạm bổ nào trái quy định. Ngược lại, Chính phủ coi những loại “tiêu cực phí” này là bất hợp pháp và sẽ xử lý nghiêm khắc. Đồng thời, tôi cũng xin đề nghị phải *thực hiện triệt để tiết kiệm và sử dụng đúng mục đích* những nguồn đóng góp của nhân dân cho giáo dục và y tế, phải xây dựng được những quy định pháp luật chặt chẽ trong việc sử dụng những nguồn lực này.

Bốn là: Đẩy mạnh đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội.

Vấn đề này là mối quan hệ thường xuyên của Đảng và Nhà nước ta. Chúng ta đã làm nhiều việc, nhưng tình trạng tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội vẫn ở mức độ trầm trọng, gây nhiều hậu quả tai hại và trực tiếp cản trở, đe dọa sự phát triển của nước ta.

Để chống tham nhũng, chúng ta cần tiếp tục đấu tranh bền bỉ và triệt để hơn nữa, vận dụng mọi hình thức, kết hợp những biện



pháp vận động chính trị sâu rộng trong toàn xã hội và những biện pháp trường trị kiên quyết theo pháp luật, Chính phủ đề nghị Quốc hội xem xét sửa đổi, bổ sung các điều luật liên quan đến việc trường trị các tội tham nhũng; ban hành các quy định mới nhằm tạo cơ chế phối hợp đồng bộ, kịp thời giữa các cơ quan có trách nhiệm thi hành pháp luật từ giai đoạn phát hiện tội phạm đến điều tra, truy tố, xét xử các tội tham nhũng, khắc phục cho được tình trạng xử lý chậm, không nghiêm nhiều vụ án tham nhũng lớn. Cần bổ sung các biện pháp chế tài mạnh hơn, có hiệu quả hơn, đặc biệt là biện pháp về kinh tế đối với các tội tham nhũng, trốn thuế, buôn lậu.

Chính phủ cũng đề nghị Quốc hội xem xét, quyết định ban hành những văn bản pháp luật về nguyên tắc liên đới chịu trách nhiệm đối với những người đứng đầu cơ quan hoặc đơn vị để xảy ra các vụ vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

Những biện pháp xử lý mới chỉ nhằm vào những hiện tượng đã và đang xảy ra. Chống tham nhũng còn đòi hỏi phải khắc phục những nguyên nhân xuất phát, trước hết là những sơ hở về thể chế, bất hợp lý về bộ máy, những phần tử thoái hóa, biến chất trong đội ngũ công chức và trình độ cán bộ chưa cập nhật so với yêu cầu mới.

Điều đó giải thích vì sao những văn bản pháp quy dù chặt chẽ, rõ ràng vẫn không ngăn chặn được tiêu cực, tham nhũng. Một ví dụ là vẫn còn nhiều tiêu cực trong việc lựa chọn đối tác thực hiện các dự án, hợp đồng kinh tế, mặc dù Nhà nước đã có nhiều quy định kể cả các quy định về gọi thầu, xét thầu. Một biện pháp quan trọng để khắc phục là công khai hóa tài chính doanh nghiệp, tăng cường chất lượng các công tác kế toán, kiểm toán; tiếp tục đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quy định



rõ những điều cấm và giảm bớt việc xin phép - cho phép, công khai hóa quy trình xét duyệt của các cơ quan chức năng; đồng thời, nâng cao phẩm chất và năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, trước hết là ở những khâu giải quyết công việc của dân và của các doanh nghiệp.

Chính phủ đề nghị Quốc hội cho ý kiến về những biện pháp kiên quyết và khả thi để đạt được chuyển biến thật sự trong cuộc đấu tranh này.

Về phòng, chống các tệ nạn xã hội: Tuy những biện pháp đã thực hiện trong năm vừa qua có mang lại một số kết quả, nhưng nạn mại dâm, cờ bạc, ma túy, tội phạm hình sự chưa giảm đáng kể. Chính phủ đã căn cứ vào Bộ luật hình sự và Pháp lệnh xử phạt hành chính để đề ra những biện pháp đẩy mạnh công tác phòng, chống các tệ nạn xã hội. Những biện pháp này cần được tăng cường hơn nữa, đồng thời, chú trọng hơn công tác tuyên truyền giáo dục, vận động nhân dân tham gia phòng, chống tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống văn hóa lành mạnh.

Tại một số địa phương đã có những hình thức huy động rất hiệu quả như tổ chức sự tham gia của tổ dân phố, cụm, xóm với nòng cốt là những người có uy tín và giàu tâm huyết, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chuyên trách phòng, chống tệ nạn xã hội... Những điển hình tốt cần được tổng kết và nhân rộng.

Vì sức khỏe của giống nòi và tương lai của đất nước, tôi đề nghị Quốc hội kêu gọi toàn dân dập tắt ngay nạn nghiện hút ma túy trong nhà trường; các tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong nhà trường phải thực sự là lực lượng nòng cốt, đi đầu, cùng nhà trường và gia đình bài trừ tệ nạn này.



Một mặt rất yếu cần khắc phục là chúng ta còn thiếu nhiều hoạt động văn hóa, xã hội lành mạnh đáp ứng nhu cầu về đời sống tinh thần của nhân dân; còn thiếu những tác phẩm văn hóa có tính nghệ thuật cao và sức cổ vũ lớn cho những giá trị đạo đức trong cuộc sống. Việc đấu tranh ngăn chặn văn hóa độc hại còn thụ động. Chúng ta không thể đơn thuần đổ lỗi cho cơ chế thị trường để bào chữa việc còn thiếu những nỗ lực cần thiết trên mặt trận này.

Ngoài việc tiếp tục thực hiện các chủ trương, chính sách về văn hóa, xã hội đã đề ra trong năm 1996, Chính phủ sẽ đặc biệt chú trọng việc thực hiện nhiệm vụ này ngay trong các trường học và ngoài xã hội; nâng cao chất lượng các chương trình văn hóa trên các phương tiện truyền thông, chú trọng nhiều hơn nữa đến những hoạt động phúc lợi xã hội giúp đỡ những người lối lầm tìm lại con đường trở về với cuộc sống lương thiện.

Năm là: Nâng cao năng lực quản lý của bộ máy nhà nước.

Càng đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát huy sức mạnh toàn dân và giải phóng mọi tiềm năng trong xã hội cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chúng ta càng phải chú trọng nâng cao năng lực quản lý vĩ mô của bộ máy nhà nước, trước hết trên các phương diện:

- Nâng cao hiệu lực của hệ thống pháp luật;
- Phát huy vai trò của hệ thống tài chính tiền tệ;
- Hoàn thiện các yếu tố của kinh tế thị trường và cơ chế quản lý của Nhà nước.

Chính phủ sẽ đặc biệt chú trọng phát triển và tiếp tục hoàn thiện hệ thống tài chính tiền tệ, coi đây là một trong những khâu công tác quan trọng nhất trực tiếp góp phần vào sự phát triển năng động, nâng cao hiệu quả và tính phát triển ổn định, bền vững



của nền kinh tế nước ta. Trước hết, kiện toàn hệ thống ngân sách nhà nước theo Luật ngân sách nhà nước; đổi mới các chính sách tài chính, đổi mới chính sách thuế theo hướng đơn giản, dễ thực hiện, chú trọng phát triển và nuôi dưỡng các nguồn thu, điều tiết thu nhập dân cư, bảo đảm thu ngân sách tốt hơn; nâng cao hiệu quả công tác kế toán, kiểm toán, thống kê, kiểm soát hoạt động tài vụ của các doanh nghiệp. Tiếp tục ban hành những chính sách duy trì ổn định tiền tệ và kiểm chế lạm phát, củng cố vai trò của đồng Việt Nam, cải tiến hệ thống ngân hàng và từng bước xây dựng thị trường vốn nhằm huy động và sử dụng tốt hơn các nguồn lực.

Chính phủ tiếp tục cải cách hành chính để nâng cao hiệu lực thi hành luật pháp và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân. Trước hết, đặt trọng tâm vào việc hình thành hành lang pháp lý rõ ràng tạo thuận lợi cho các thành phần kinh tế và cho mọi người dân phát huy một cách sáng tạo khả năng của mình trong khuôn khổ hành lang đó.

Công cuộc cải cách hành chính trong những năm vừa qua đã có được một số kết quả. Những nhu cầu phát triển mới đòi hỏi những bước đi cẩn bản hơn, dứt khoát hơn trong lĩnh vực này. Chính phủ sẽ tiến hành tổng kết, đánh giá lại một cách nghiêm khắc những gì đã làm được và những gì chưa làm được. Những điều kiện khách quan mới như cơ chế thị trường, xu hướng hội nhập khu vực và quốc tế, phương tiện kỹ thuật hiện đại, v.v., cần được vận dụng hài hòa cùng những yếu tố chủ quan như bộ máy, con người, quá trình cải cách. Điều quan trọng là phải phân tích kỹ lưỡng thực tế sinh động của cuộc sống hằng ngày để tìm ra bước đột phá, khâu trọng điểm, có giá trị thiết thực cho giai đoạn tiếp theo.



Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Nếu như chúng ta đã khẳng định cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, thì cũng cần nhìn nhận *công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân, ai cũng có quyền và được Nhà nước hướng dẫn, khuyến khích đem hết nhiệt tình, trí tuệ và của cải góp vào sự nghiệp xây dựng đất nước.*

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa như vậy sẽ là cuộc vận động tiết kiệm lớn nhất trong xã hội nước ta. Nhân đây tôi cũng xin nhắc lại: nước ta nghèo, nhưng tiêu xài còn rất lãng phí; trong đó có những nguyên nhân đạo đức, phẩm chất, nhưng cũng có cả nguyên nhân còn thiếu những biện pháp bảo hộ và khuyến khích từng người dân tiết kiệm và sử dụng tiền tiết kiệm được vào sản xuất, kinh doanh, thiếu những chế định chặt chẽ để chống lãng phí của công mà thực chất là của dân.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn là một cuộc vận động chính trị sâu rộng, bao gồm yêu cầu giác ngộ sâu sắc chủ nghĩa yêu nước với nội dung mới, trước hết đó là ý thức lo cho vận mệnh tương lai của đất nước, tinh thần tự trọng dân tộc, ý chí chiến thắng cái nghèo, khắc phục tâm lý ỷ lại trông chờ vào ngân sách nhà nước, vào viện trợ nước ngoài.

Chúng ta cần làm mọi việc để phổ cập trong nhân dân ý thức tự trau dồi kiến thức, sự ham mê hiểu biết kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa nghệ thuật; nâng cao tinh thần giữ gìn luật pháp và trật tự kỷ cương, bảo vệ môi trường, sự hiểu biết và ý thức tự giác tham gia sự nghiệp phát triển toàn diện đất nước. Không một quốc gia nào trên thế giới có thể tiến hành công nghiệp hóa trong tình trạng văn hóa, dân trí và tinh thần dân tộc thấp kém, kỷ cương Nhà nước và trật tự xã hội thiếu hiệu lực.



Đại hội VIII đề ra mục tiêu năm 2020 đưa nước ta trở thành nước công nghiệp. Để thực hiện được mục tiêu dài hạn đó, chúng ta cần xác định rõ nhiệm vụ đặt ra cho kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội 5 năm 1996 - 2000 và kế hoạch năm 1997, và phải thực hiện thắng lợi nhiệm vụ này. Những giải pháp cho những vấn đề lớn Chính phủ trình Quốc hội được xây dựng với ý chí phát huy sức mạnh toàn dân đầy mạnh sự nghiệp xây dựng đất nước vì lợi ích của nhân dân.

Xin Quốc hội cho ý kiến và xin cảm ơn sự chú ý của Quốc hội.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

Văn kiện Quốc hội toàn tập, Sđd, t.8, q.3, tr.1288-1317.

PHÁT BIỂU

TẠI KỲ HỌP THỨ 11, QUỐC HỘI KHÓA IX

Báo cáo công tác của Chính phủ nhiệm kỳ 1992 - 1997

Ngày 02 tháng 4 năm 1997

Kính thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Kính thưa các vị khách quý,

Sau 5 năm hoạt động, trong bối cảnh đất nước ta đã trải qua 10 năm đổi mới đầy thách thức với những thành tựu to lớn về mọi mặt, Quốc hội khóa IX và Chính phủ đi gần tới thời điểm kết thúc một nhiệm kỳ rất có ý nghĩa. Nhìn lại 5 năm qua, có thể rút ra nhiều kinh nghiệm bổ ích và bài học phong phú trong việc duy trì ổn định và phát triển của đất nước cũng như trong công tác điều hành của Chính phủ.

Hằng năm, Chính phủ đều đã có báo cáo trình Quốc hội tình hình phát triển kinh tế - xã hội và công tác của Chính phủ. Trong báo cáo này, tôi xin trình bày một số nét rất khái quát tình hình nước ta 5 năm qua, qua đó đánh giá công tác của Chính phủ trong nhiệm kỳ này.

I- KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG 5 NĂM QUA

Bước vào nhiệm kỳ Quốc hội khóa IX, công cuộc đổi mới trải qua 5 năm đầu tiên vừa làm vừa tìm tòi, thử nghiệm. Chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần hành



theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã bước đầu khơi dậy động lực phát triển sản xuất, rõ rệt nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp và lưu thông hàng hóa.

Tuy nhiên, vào thời điểm này, đất nước ta vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng. Tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 1991 mới đạt 6% và chỉ giành được 10% GDP cho tích lũy. Lạm phát còn ở mức 67,5%. Đất nước còn bị bao vây, cấm vận. Những biến động tại Liên Xô cũ và các nước Đông Âu làm mất nguồn chi viện thường chiếm 1/5 đến 1/3 ngân sách nhà nước và thị trường truyền thống cho hàng xuất khẩu vốn kém khả năng cạnh tranh của chúng ta.

Từ năm 1992 đến năm 1996, tốc độ tăng trưởng GDP được nâng lên và duy trì ở mức bình quân hằng năm gần 9% so với 5,5% trong nhiệm kỳ trước. Đầu tư phát triển từ tích lũy trong nước được nâng lên xấp xỉ 20% GDP. Kim ngạch xuất khẩu tăng trung bình 28%; lạm phát được kiềm chế ở mức trên dưới 10%, riêng năm 1996 là 4,5%. Mặc dù bị thiên tai thường xuyên, nông nghiệp vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng cao, khoảng 5%; công nghiệp tăng 14%/năm, dịch vụ tăng 9,5%/năm. Sau 5 năm, sản lượng của nhiều sản phẩm quan trọng như dầu thô, điện, thép cán, ximăng, giấy, xà phòng, bia, cà phê, cao su, tăng gấp đôi. Nhiều chỉ tiêu phát triển đề ra cho năm 2000 như sản lượng lương thực, điện..., đã đạt ngay từ năm 1996. Cơ cấu kinh tế sau 15 năm gần như không thay đổi, từ năm 1992 đã bắt đầu có bước chuyển dịch rõ nét theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Năm 1991, giá trị sản lượng công nghiệp chỉ bằng 58,8% so với nông nghiệp, thì đến năm 1996 đã bằng 113%.

Trên trường quốc tế, chúng ta đã phá vỡ được thế bị bao vây, cấm vận. Từ chỗ bị cô lập, Việt Nam đã thực sự hội nhập khu vực



và quốc tế, trở thành thành viên chính thức của ASEAN và đang tích cực chuẩn bị gia nhập Tổ chức Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Tới nay, chúng ta đã có quan hệ ngoại giao với trên 150 nước gồm tất cả các cường quốc, các trung tâm kinh tế lớn trên thế giới; là bạn hàng của trên 100 nước và vùng lãnh thổ. Kim ngạch xuất, nhập khẩu năm 1996 đạt 18,4 tỉ USD. Đến hết năm 1996, đã thu hút gần 28 tỉ USD vốn đầu tư trực tiếp và 8,5 tỉ USD viện trợ phát triển (ODA), chưa kể viện trợ từ các tổ chức phi chính phủ.

Quốc phòng, an ninh được củng cố, giữ vững được ổn định chính trị, xã hội. Trình độ công nghệ và tiềm năng khoa học, công nghệ được nâng cao một bước. Cùng với tăng trưởng kinh tế - các mặt xã hội cũng có những tiến bộ đáng kể. Sau mấy năm giảm sút, từ năm 1992, số học sinh đến trường đã bắt đầu tăng. Hiện nay, nước ta đã có gần 20 triệu học sinh, sinh viên ở tất cả các bậc học. Hoạt động thể dục thể thao, nhất là thể thao quần chúng, phát triển mạnh và đã giành được những vị trí cao trong khu vực ở một số bộ môn. Công tác phòng bệnh, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân, đặc biệt là sức khỏe trẻ em có những bước tiến bộ. Thông tin, văn hóa được mở rộng, phong phú hơn. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân có bước cải thiện rõ, tỷ lệ hộ nghèo giảm được một nửa. Các gia đình và những người có công với nước, những người tàn tật, không nơi nương tựa được xã hội và Nhà nước quan tâm chăm sóc tốt hơn.

Những thành tựu đạt được trong 5 năm qua là rất to lớn. Kể từ khi bắt tay vào xây dựng đất nước trong thời bình, chưa khi nào nền kinh tế nước ta tăng trưởng liên tục và ở mức độ cao như vậy. Có thể nói *nhiệm kỳ này thật sự mang ý nghĩa một thời đoạn bắn lề, đánh dấu một bước ngoặt của nền kinh tế, đưa đất nước ra*



khỏi khủng hoảng và chuyển sang thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đầy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ chỗ được thế giới biết đến như một đất nước thiểu đói, kiệt quệ do chiến tranh, Việt Nam đã trở thành một nền kinh tế năng động, một thị trường nhiều tiềm năng, trở thành một trong số ít nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới, góp tiếng nói có trọng lượng trong nhiều diễn đàn quốc tế. Những thành tựu có sức thuyết phục đó đã chứng minh công cuộc đổi mới do Đảng lãnh đạo đáp ứng nguyện vọng của nhân dân, phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước và xu thế của thời đại.

Bên cạnh những thành tựu đó, cũng như tất cả các nước trong thời kỳ bắt đầu phát triển, nền kinh tế - xã hội nước ta cũng còn nhiều vấn đề, khó khăn cần giải quyết:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao nhưng hiệu quả và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Nhiều yếu tố của nền kinh tế thị trường, nhất là thị trường tài chính, tiền tệ mới ở trong giai đoạn bắt đầu hình thành, chưa đồng bộ. Bước vào thời kỳ công nghiệp hóa nhưng cơ sở vật chất - kỹ thuật, kết cấu hạ tầng còn yếu kém, công nghệ trong nhiều ngành sản xuất chưa được đổi mới, còn lạc hậu.

Tình hình xã hội còn nhiều vấn đề gay gắt. Chênh lệch giàu nghèo, lao động chưa có việc làm, chất lượng giáo dục, khám chữa bệnh, tệ nạn xã hội, nạn tham nhũng, quan liêu, lăng phí, v.v., tiếp tục là những vấn đề nhức nhối, được Đảng, Nhà nước và nhân dân hết sức quan tâm, cố gắng giải quyết, ngăn chặn bằng nhiều biện pháp.

Những mặt yếu kém trên đây có phần do những nguyên nhân khách quan, song nếu sự quản lý, điều hành của Chính phủ kịp thời và có hiệu lực hơn thì có thể tránh hoặc hạn chế được.



Dù sao thì những yếu kém, hạn chế đó đã và đang là trở lực trên con đường phát triển của đất nước, nhất là trước xu hướng quốc tế hóa nền kinh tế thế giới và cuộc cách mạng khoa học, công nghệ - đặc biệt là công nghệ thông tin - đang có những tác động sâu sắc đến nhiều mối quan hệ chính trị, kinh tế, xã hội của tất cả các quốc gia.

II- NHÌN LẠI SỰ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA CHÍNH PHỦ

Những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội và những mặt còn hạn chế như đã trình bày ở trên đây cũng đã phản ánh kết quả và những mặt còn yếu kém trong công tác điều hành của Chính phủ. Trên tinh thần đánh giá những gì đã làm được và thăng thắn nhìn nhận những gì chưa làm được, tôi xin phép tập trung vào một số nội dung chủ yếu, qua đó đánh giá tổng quát sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ trong nhiệm kỳ này như sau:

1. Đẩy mạnh quá trình chuyển từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế quản lý kinh tế bằng luật pháp, phát huy lợi thế của nền kinh tế nhiều thành phần

Chính phủ đã cố gắng tiến thêm những bước mới trong việc cụ thể hóa và hướng dẫn thực hiện chủ trương xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, xây dựng và phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, giải phóng và phát huy tiềm năng của tất cả các thành phần kinh tế, tạo điều kiện và hướng dẫn các thành phần kinh tế phát triển đúng hướng.

Một trong những mặt công tác trọng tâm của Chính phủ là tập trung xây dựng hệ thống pháp luật nhằm một mặt phát huy



tính năng động của các thành phần kinh tế, mặt khác, hạn chế các tác động tiêu cực của cơ chế thị trường. Mặc dù hệ thống văn bản pháp luật chưa đồng bộ, cần được tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, nhưng về cơ bản, đã hình thành được khuôn khổ pháp lý để thực hiện quản lý nhà nước bằng luật pháp, phát huy quyền tự chủ của doanh nghiệp, tháo gỡ những cấm đoán, ràng buộc của cơ chế cũ, bước đầu giải phóng các nguồn lực, khơi dậy những động lực phát triển ở trong nước và từ bên ngoài.

Việc ban hành các văn bản pháp quy, văn bản hướng dẫn thực hiện luật, pháp lệnh nói chung còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế và của toàn xã hội. Trong những nguyên nhân của tình trạng này, có một phần đáng kể do sự chỉ đạo của Chính phủ, do năng lực cán bộ của các cơ quan nhà nước còn hạn chế và do chưa huy động được các chuyên gia về pháp luật trong nước, chưa tranh thủ được kinh nghiệm và tư vấn quốc tế về luật pháp.

Sự hướng dẫn, điều hành thường xuyên của Chính phủ đã tạo điều kiện cho hàng chục triệu hộ kinh doanh ở nông thôn và thành thị, hàng vạn doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phát triển, góp phần đáng kể vào tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm, góp phần tạo động lực thúc đẩy thành phần kinh tế quốc doanh đổi mới cung cách làm ăn, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh trên thị trường. Hàng hóa được lưu thông suốt trong cả nước, các ngành dịch vụ phát triển mạnh, tổng sản lượng và kim ngạch xuất khẩu lương thực, thủy hải sản, hàng thủ công, v.v. tăng nhanh và liên tục có phần đóng góp đáng kể của các thành phần kinh tế này.

Về thể chế kinh tế, tuy đã hình thành được khuôn khổ pháp lý - dù còn chưa đồng bộ - để các loại hình doanh nghiệp ra đời



và hoạt động, song chưa tạo lập được môi trường để các doanh nghiệp cạnh tranh bình đẳng theo cơ chế thị trường và phát triển theo đúng pháp luật; chưa tháo gỡ kịp thời các vướng mắc và chưa giải phóng hoàn toàn được nguồn lực của các thành phần kinh tế; chưa xóa được tâm lýỷ lại, chờ đợi nhà nước “*ban cho, cấp phát*”. Việc đổi mới cơ chế quản lý, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tiến hành chậm. Tình trạng độc quyền đi đôi với cửa quyền vẫn còn tồn tại ở một số ngành, nếp suy nghĩ và thói quen làm việc “*cha chung không ai khóc*” vẫn còn phổ biến ở nhiều doanh nghiệp nhà nước.

Bên cạnh việc tạo điều kiện để tất cả các thành phần kinh tế phát triển, Chính phủ đã rất chú trọng và cố gắng chỉ đạo, quản lý nhằm chấn chỉnh và nâng cao năng lực, hiệu quả, khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước.

Chính phủ cũng đã có những công trình và giải pháp nhằm phân định chức năng quản lý nhà nước, chức năng chủ sở hữu với chức năng điều hành sản xuất, kinh doanh thông qua việc sáp xếp lại và thành lập mới các tổng công ty lớn, thực hiện thí điểm cổ phần hóa một số doanh nghiệp nhà nước. Quy trình, phương thức xây dựng, giao và chỉ đạo thực hiện kế hoạch được cải tiến cho sát hơn với khả năng và yêu cầu phát triển của từng ngành và từng địa phương.

Các chính sách của Chính phủ cũng chưa đủ cụ thể và rõ ràng để đảm bảo quyền làm chủ thực sự của dân. Do vậy, chưa đưa ra được những hình thức, phương pháp có hiệu quả để phát huy nguồn lực trong dân, bảo đảm cho dân quyền được thông tin, bàn bạc, giám sát việc sử dụng vốn và tài sản của nhà nước.

Nhìn chung, cùng với việc chỉ đạo sản xuất, Chính phủ đã chú trọng việc phát triển quan hệ sản xuất mới. Tuy nhiên, trong



thời gian tới, cần tiếp tục hoàn thiện và khắc phục những yếu kém về cơ chế, chính sách một cách tập trung và đồng bộ hơn, nhằm phát huy tốt hơn nữa tiềm năng của các thành phần kinh tế, tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước.

Bên cạnh việc giải phóng sức dân, khuyến khích nhân dân làm giàu chính đáng, Chính phủ cũng đã nhận thức rõ và chỉ đạo việc huy động sức dân. Thực hiện chủ trương “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, nhiều địa phương đã tổ chức tốt để nhân dân góp công, góp của làm các công trình phúc lợi xã hội, cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường, làm đường giao thông, thủy lợi...

Đóng góp của nhân dân rất to lớn, làm thay đổi bộ mặt nông thôn nhiều vùng. Tính bình quân Nhà nước đầu tư một thì nhân dân đóng góp tới 2 - 3 hoặc hơn nữa. Chính phủ đã và đang chỉ đạo khẩn trương hoàn thành các văn bản quy định việc thực hiện chủ trương xã hội hóa một số hoạt động kinh tế - xã hội nhằm phát huy trí tuệ, sức lao động và tiềm của nhân dân, đẩy mạnh công nghiệp hóa đất nước.

Có thể nói việc phát huy sức mạnh của dân là bài học lớn nhất và là kinh nghiệm quan trọng nhất trong công tác của Chính phủ 5 năm qua. Chính phủ nhận thức rõ rằng: *Quản lý nhà nước phải nhằm không ngừng bồi dưỡng sức dân, phát huy sức mạnh của toàn xã hội*. Tuy nhiên, nguyên tắc này chưa được cụ thể hóa bằng những thiết chế đầy đủ, chưa được tổ chức thực hiện có hiệu quả. Cần nghiên cứu, vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm dựa vào dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân như chúng ta đã làm trong hai cuộc kháng chiến, và quán triệt lời dạy của Bác Hồ: “*Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong*”.



2. Thúc đẩy tiến trình hội nhập quốc tế, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài

Chính phủ bắt đầu nhiệm kỳ của mình trong bối cảnh quốc tế đang có nhiều diễn biến phức tạp, nhiều thời cơ mới xuất hiện cùng những thách thức lớn đòi hỏi sự nhanh nhạy và quyết đoán trong công tác đổi ngoại. Sự kiện Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu không chỉ tác động lớn tới ngân sách và kinh tế, mà còn ảnh hưởng không nhỏ tới vị thế chính trị của nước ta trên trường quốc tế. Chính phủ đã chỉ đạo thực hiện tốt đường lối đổi ngoại đa phương của Đảng và thực hiện với quyết tâm cao tiến trình hội nhập khu vực thông qua việc cải thiện quan hệ với các nước ASEAN, đi tới gia nhập tổ chức này. Chính phủ cũng đã chỉ đạo thực hiện việc phối hợp giữa ngoại giao với kinh tế, tranh thủ sự hợp tác, ủng hộ của các nước, các tổ chức quốc tế và của cộng đồng doanh nghiệp nước ngoài để từng bước phá thế bị bao vây, cấm vận.

Chính phủ đã chỉ đạo thực hiện chủ trương mở rộng hợp tác quốc tế, thông qua đó thu nhận, phân tích kinh nghiệm của các nước, khuyến nghị của các tổ chức quốc tế và vận dụng một cách linh hoạt phù hợp với điều kiện trong nước, đẩy nhanh công cuộc đổi mới. Quá trình hợp tác và hội nhập quốc tế giúp chúng ta thấy rõ hơn nhiều tiềm năng, lợi thế của đất nước cũng như nhiều khiếm khuyết, hạn chế trong hệ thống chính sách, phương pháp điều hành. Một ví dụ là việc tham gia tiến trình thiết lập Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) đã đặt ra cho chúng ta nhiều yêu cầu phù hợp với đường lối đổi mới như cải tiến, hoàn thiện hệ thống chính sách thuế, thương mại, công nghiệp..., tạo điều kiện để chúng ta thực hiện nhanh hơn công cuộc đổi mới.



Tiến trình hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới theo hướng tự do hóa thương mại và mở rộng dần tự do hóa sang các lĩnh vực đầu tư, dịch vụ, lao động..., tạo ra những thuận lợi mới để phát huy lợi thế của đất nước, đồng thời, đòi hỏi Chính phủ phát triển có những giải pháp cụ thể hơn đối với từng lĩnh vực để vượt qua được những thách thức đặt ra trong tình hình vừa hợp tác vừa cạnh tranh gay gắt, phải nỗ lực vượt bực để thu hẹp khoảng cách tụt hậu về kinh tế và công nghệ, trước hết là so với các nước trong khu vực.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ đã triển khai toàn diện các hoạt động ngoại giao và kinh tế đối ngoại; chủ động phối hợp giữa công tác đối ngoại của Nhà nước với hoạt động đối ngoại nhân dân, nhằm củng cố môi trường hòa bình, ổn định và tạo điều kiện quốc tế thuận lợi hơn cho sự phát triển kinh tế, xã hội trong nước. Ngày nay, trên các diễn đàn quốc tế song phương và đa phương, Việt Nam đã được thừa nhận là một thành viên tích cực của hòa bình, hữu nghị và hợp tác.

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Chính phủ đã chú ý chính sách phát triển ngoại thương có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế dưới sự quản lý của Nhà nước. Chính sách đó cùng với các biện pháp đẩy mạnh sản xuất và đầu tư phát triển, khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu đã làm tăng nhanh kim ngạch ngoại thương, từ chỗ bằng 50% GDP năm 1992 lên 78% năm 1996. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu biện pháp đồng bộ khuyến khích sản xuất và lưu thông hàng xuất khẩu, làm ảnh hưởng tới việc thực hiện chủ trương hướng mạnh về xuất khẩu. Mặt khác, chính sách bảo hộ sản xuất trong nước còn thiếu hợp lý. Vẫn còn những biện pháp bảo hộ cứng nhắc, không cần thiết và chưa phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế, trong khi vẫn có những ngành cần và có thể



bảo hộ được thì lại bị hàng nước ngoài, nhất là hàng nhập lậu, đẩy vào tình trạng khó khăn. Cơ chế quản lý xuất, nhập khẩu còn nặng về sử dụng các biện pháp hành chính kém hiệu quả, và có nhiều kẽ hở dẫn đến tình trạng một số mặt hàng quan trọng khi thừa, khi thiếu. Cân cân thương mại bị thâm hụt khá lớn...

Phát huy những thuận lợi mới trong quan hệ quốc tế, Chính phủ đã coi trọng việc xây dựng và hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư để tranh thủ nguồn tài trợ phát triển (ODA) và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), góp phần đáng kể vào việc thay đổi bộ mặt đất nước và tăng cường nội lực của nền kinh tế. So với các nước đang phát triển khác, tốc độ và tổng số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong 5 năm qua khá cao. Tới nay, Việt Nam cũng là một trong số ít nước được các tổ chức tài chính quốc tế và nhiều nước tài trợ ưu tiên ở châu Á.

Tuy nhiên, việc cải tiến các chính sách và tháo bỏ những vướng mắc về thủ tục hành chính trong tất cả các khâu từ lập, duyệt dự án tới giải ngân, quyết toán tài chính, v.v. còn chưa được thực hiện đồng bộ và triệt để làm giảm tính hấp dẫn của môi trường đầu tư. Mặt khác, việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài đã đi vào hoạt động còn thiếu chặt chẽ, nhất là về xuất, nhập khẩu, chế độ đối với công nhân Việt Nam và vấn đề sử dụng công nghệ tiên tiến, bảo vệ môi trường.

Chính phủ cũng rất chú trọng chỉ đạo và đã có nhiều văn bản hướng dẫn quản lý, sử dụng các khoản vốn vay, nguồn tài trợ. Hiệu quả sử dụng các nguồn vốn này đã được nâng cao một bước đáng kể và có tác dụng hỗ trợ, thúc đẩy việc huy động vốn trong nước, phát huy nội lực để phát triển. Tuy nhiên, cũng vẫn còn tình trạng vốn viện trợ được sử dụng một cách “dễ dãi” hơn



vốn trong nước với tâm lý coi đó là “*của cho không*”. Việc quản lý và chỉ đạo xử lý nợ nước ngoài, kể cả nợ thương mại, còn phân tán. Đó là những vấn đề cần được quan tâm khắc phục; trong đó có nhiều vấn đề có thể giải quyết được thông qua sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, nhưng cũng có vấn đề còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khách quan trong nước và quốc tế.

Một điểm nữa cũng cần nói tới là mặc dù Chính phủ đã rất cố gắng trong việc chỉ đạo phối hợp chặt chẽ giữa ngoại giao với kinh tế đối ngoại, nhưng đây vẫn còn là một điểm yếu trong công tác ngoại giao của nước ta. Các cơ quan ngoại giao chưa thực sự là chỗ dựa tin cậy cho các doanh nghiệp trong việc tìm hiểu bạn hàng, vươn ra các thị trường mới. Để khắc phục điểm này phải có phương án tổ chức thực hiện đồng bộ hơn về tổ chức bộ máy, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước liên quan.

3. Kết hợp tăng trưởng kinh tế với phát triển và thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội

Đi đôi với sự chỉ đạo, điều hành kinh tế và dựa trên kết quả tăng trưởng kinh tế, trong nhiệm kỳ này, Chính phủ dành sự quan tâm nhiều hơn trước cho các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường. Điều đó thể hiện qua việc bổ sung chính sách, thể chế, bố trí kế hoạch đầu tư, phân bổ ngân sách nhà nước và nguồn tài trợ từ bên ngoài đi đôi với việc tiến hành xã hội hóa từng bước các lĩnh vực đó. Song song với việc tạo điều kiện thuận lợi và hướng dẫn nhân dân làm giàu chính đáng cho mình và cho đất nước, Chính phủ chú trọng phát huy sức mạnh của người dân trên mọi mặt hoạt động văn hóa, xã hội, cổ vũ những nhân tố mới của một xã hội công nghiệp, hiện đại, có trật tự, kỷ cương, phát huy truyền thống và giữ vững bản sắc dân tộc; đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội.



Trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, đã có một số mặt đạt được chuyển biến rõ rệt thông qua việc thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ, sắp xếp lại các trường đại học và cao đẳng, mở rộng diện phủ sóng và thời lượng phát thanh, truyền hình, v.v.. Chính phủ quan tâm chỉ đạo công tác giáo dục, văn hóa, thông tin, chú trọng việc vun đắp những giá trị đạo đức truyền thống, hun đúc chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, xây dựng tư tưởng xã hội chủ nghĩa, tạo lập nếp sống văn minh, nhất là trong các lứa tuổi thanh, thiếu nhi.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện một bước đáng kể. Tuy nhiên, mặc dù Chính phủ đã có nhiều cố gắng đổi mới cơ chế, chính sách và tăng cường chỉ đạo, nhưng những chuyển biến về quản lý nhà nước và về chất lượng các hoạt động văn hóa, xã hội còn chậm. Một trong những nguyên nhân là chưa nhận thức đầy đủ những vấn đề mới và tầm quan trọng của các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực văn hóa, xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường đối với sự phát triển bền vững và lâu dài của đất nước, chưa tổng kết kịp thời để nhân rộng những điển hình dựa vào sáng kiến và sức của dân.

Mặc dù Chính phủ đã tập trung chỉ đạo việc ngăn chặn các tệ nạn xã hội, đặc biệt là ma túy; bài trừ văn hóa độc hại và lối sống sa đọa; chống mê tín dị đoan và các hủ tục; khắc phục tình trạng phô trương, lãng phí..., nhưng các tệ nạn này vẫn còn tiếp diễn và có chiều hướng phát triển. Chính phủ nhận thức được một trong những nguyên nhân là chưa hình thành được một cuộc vận động sâu rộng trong toàn xã hội, thông qua các đoàn thể quần chúng, để giải quyết được tận gốc căn nguyên của các



tệ nạn này. Mặt khác, mức độ xử lý vi phạm còn chưa đủ nghiêm và chưa thống nhất.

Về thực hiện công bằng xã hội, điều đáng chú ý hiện nay là còn một số khá đông người đến tuổi lao động chưa có việc làm; chênh lệch về thu nhập giữa các tầng lớp dân cư và giữa các vùng đang có chiều hướng mở rộng. Đây là khó khăn mà tất cả các nền kinh tế chuyển đổi đều gặp phải và phải giải quyết trong nhiều năm. Chính phủ đã tập trung chỉ đạo việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách thuế như một công cụ bảo đảm sự công bằng xã hội nhưng kết quả vẫn còn hạn chế. Chính phủ đã dành sự quan tâm chỉ đạo và đầu tư cho các vùng khó khăn có thêm điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất ngay tại địa phương thông qua nhiều chương trình, dự án có vốn ngân sách và vốn viện trợ nước ngoài để khuyến khích các doanh nghiệp và nhân dân cùng tham gia. Tuy nhiên, kết quả thực hiện chưa cao, có trường hợp vốn đầu tư của Nhà nước không được sử dụng đúng mục đích, thậm chí còn bị thất thoát không nhỏ.

Chính phủ đã đề ra và cố gắng thực hiện nhiều chính sách phân phối và phân phối lại hợp lý thu nhập của các tầng lớp nhân dân bằng nhiều hình thức song chưa đạt được kết quả thiết thực. Trong xã hội, và ngay trong bộ máy nhà nước vẫn còn sự bất hợp lý rất lớn về thu nhập (ví dụ, giữa một cán bộ quản lý nhà nước với một cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước, người lao động giản đơn và lao động trí óc); thanh niên trong độ tuổi nghĩa vụ quân sự không nhận ngũ cung không phải thực hiện nghĩa vụ gì thay thế, là những ví dụ chứng tỏ còn nhiều vấn đề chưa đảm bảo được công bằng xã hội. Đây là những vấn đề không thể giải quyết được ngay một lúc, và được Chính phủ coi là một nhiệm vụ thường xuyên, phải kiên trì thực hiện.



4. Điều hành, xử lý công việc thường xuyên, giải quyết các vấn đề cấp bách, đồng thời chú trọng các vấn đề cơ bản, lâu dài đối với sự phát triển đất nước

Một điểm nổi bật trong công tác của Chính phủ nhiệm kỳ này là đã chú ý tăng tính chủ động hơn trong điều hành công việc thường xuyên, bước đầu thay đổi được nếp làm việc kinh niên “đầu năm đủng đỉnh, cuối năm chạy nước rứt”, đồng thời, dành sự quan tâm nhiều hơn cho việc giải quyết các vấn đề có tầm cơ bản, lâu dài của sự phát triển.

Hằng năm, Chính phủ đều rút kinh nghiệm và sửa đổi, bổ sung quy chế điều hành, hình thành được nếp chỉ đạo trực tiếp, kiên quyết, kịp thời hơn đối với những vấn đề cấp bách, phát sinh trong sản xuất, xây dựng, lưu thông hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu...

Chính từ những vấn đề cấp bách đó, Chính phủ đã thấy rõ hơn và tập trung chỉ đạo tốt hơn việc hình thành những chính sách, và quan trọng hơn là các giải pháp đối với những vấn đề mang tính cơ bản, lâu dài như tài chính, tiền tệ, thuế, quy hoạch phát triển vùng, v.v. và việc hình thành các dự án lớn vừa phục vụ nhu cầu trước mắt, vừa tạo điều kiện cho cả tiến trình công nghiệp hóa.

Từ thực tế phải cân đối thu chi ngân sách, kiềm chế được mức bội chi sau nhiều năm ngân sách nhà nước phải dựa một phần quan trọng vào nguồn tài trợ bên ngoài và phát hành tiền để chi tiêu, Chính phủ đã từng bước đổi mới cơ chế, chính sách tài chính, trước hết là hệ thống thuế, nhằm bồi dưỡng và khai thác các nguồn lực của đất nước. Tuy nhiên, thực tế cho thấy quản lý nhà nước về thuế còn nhiều yếu kém, khuyết điểm, thể hiện



ở ngay trong các sắc thuế cũng như trong tổ chức hệ thống thu thuế, v.v. cần phải được tiếp tục khắc phục và hoàn thiện.

Chính phủ đã xây dựng, trình Quốc hội ban hành Luật ngân sách bảo đảm sự quản lý có hiệu quả hơn của Nhà nước đối với nền tài chính quốc gia. Trong tình hình ngân sách nhà nước còn hạn hẹp, nhu cầu chi lại rất lớn, Chính phủ thực hiện nhiều đổi mới trong cơ chế phân bổ và điều hành ngân sách, thực hiện việc phân cấp quản lý ngân sách với sự ổn định nhiệm vụ thu chi cho địa phương nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của các cấp chính quyền trong công tác tài chính, khai thác tốt hơn các nguồn thu của địa phương cho đầu tư phát triển.

Trong lĩnh vực tiền tệ, Chính phủ đã thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình, từng bước giải quyết mục tiêu bức xúc suốt nhiệm kỳ là đẩy lùi và kiểm soát lạm phát. Tuy nhiên, công tác của Chính phủ trong lĩnh vực tiền tệ, tín dụng vẫn chưa tiến kịp yêu cầu của nền kinh tế. Thị trường vốn phát triển chậm, cơ chế tín dụng còn nhiều nhược điểm, dẫn tới tình trạng có lúc ngân hàng thừa vốn mà doanh nghiệp lại thiếu vốn. Cũng chưa có cơ chế đủ chặt chẽ để vừa bảo đảm vốn cần thiết cho hoạt động của các doanh nghiệp, vừa giảm rủi ro, tránh mất vốn trong hệ thống ngân hàng.

Chính phủ đã dành một phần quan trọng thời gian và công sức cho các vấn đề cơ bản, lâu dài đối với sự phát triển đất nước; đó là công tác xây dựng thể chế, công tác quy hoạch, kế hoạch, xây dựng các công trình lớn...

Đi đôi với việc hoạch định chiến lược phát triển, công tác quy hoạch đã được quan tâm đẩy mạnh nhằm định hướng cho sự bố trí hợp lý lực lượng sản xuất và các địa bàn dân cư, tránh xu hướng tự phát của kinh tế thị trường gây nên mất cân đối và



những tổn thất khó khắc phục. Đến nay, hầu hết các tỉnh, thành phố và nhiều ngành đã xây dựng được quy hoạch phát triển đến năm 2000 và 2010. Chính phủ đã xây dựng quy hoạch phát triển ba vùng kinh tế trọng điểm, các khu công nghiệp tập trung; chỉ đạo quy hoạch ba vùng giàu tiềm năng nhưng hiện còn khó khăn là đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên và miền núi phía Bắc.

Quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch phát triển vùng đã có sự kết hợp, tạo cơ sở cho việc xây dựng chương trình đầu tư công cộng và lập danh mục các dự án thu hút vốn bên ngoài. Chính phủ xác định cần tiếp tục chú ý bổ sung, hoàn chỉnh, nâng cao chất lượng các quy hoạch sao cho mỗi địa phương đều phát huy được lợi thế của mình, hỗ trợ, bổ sung cho các địa phương khác; các ngành sản xuất, kinh doanh được nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm được Chính phủ xác định trong suốt cả nhiệm kỳ này là thực hiện công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn. Chính phủ đã chú trọng chỉ đạo bằng nhiều biện pháp, kết hợp các nguồn vốn, trong đó vốn do nhân dân đóng góp chiếm phần quan trọng, để xây dựng kết cấu hạ tầng và các công trình phúc lợi xã hội ở nông thôn như đường giao thông, trường học, bệnh xá... Nhiều mô hình tốt đã và đang được tổng kết, đánh giá để nhân rộng. Tuy nhiên, phần do công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ còn chưa sâu sát, phần do hạn chế về nguồn lực và vẫn còn tư tưởng trông chờ ngân sách, vốn nước ngoài nên vùng nông thôn vẫn chưa đổi mới được cơ cấu sản xuất nông nghiệp, phát triển thêm ngành, nghề. Cuộc sống của một bộ phận lớn nông dân còn bị lệ thuộc vào thiên nhiên, sự dao động của thị trường nông sản..., đòi hỏi phải tiếp tục có những giải pháp hiệu quả, thiết thực hơn trong thời gian tới.



Chính phủ cũng đã tập trung chỉ đạo, kịp thời giải quyết khó khăn về vốn và công nghệ, hoàn thành nhiều công trình, dự án lớn, có ý nghĩa then chốt đối với nền kinh tế. Nổi bật là đầu tư cho các ngành kết cấu hạ tầng như giao thông, viễn thông, điện lực. Nhiều công trình sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường quốc lộ; làm cầu mới với hàng chục ngàn tỷ đồng vốn đầu tư của Nhà nước đã và đang được tiến hành, chưa kể hàng ngàn kilômét đường cấp huyện, xã do nhân dân cùng góp vốn. Hệ thống viễn thông ở nước ta đạt trình độ công nghệ không thua kém nhiều nước trong khu vực. Năm 1992, mới có khoảng 10% số xã có máy điện thoại, tới nay, con số này đã lên tới hơn 60%. Các công trình đầu tư cho ngành Điện, kể cả các nhà máy điện, đường dây tải điện Bắc - Nam 500 kV và mạng lưới phân phối điện ở thành thị và nông thôn đã nâng công suất điện lên gấp gần hai lần từ 1992 đến năm 1996; số xã có điện lưới được nâng từ 40% lên trên 60%.

Những bài học thu được trong thời gian qua về việc phát huy sức lao động sáng tạo của cán bộ kỹ thuật trong nước, huy động nguồn vốn trong nhân dân và sự chỉ đạo điều hành đối với các công trình trọng điểm cần được tiếp tục phát huy trong việc chuẩn bị và xây dựng các công trình lớn phục vụ tiến trình công nghiệp hóa trong thời gian tới.

Một trong những thế mạnh đồng thời là nhân tố cơ bản đối với sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước là con người. Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đi đôi với nâng cao trình độ khoa học - công nghệ là mối quan tâm thường xuyên của Chính phủ. Việc hoạch định chiến lược phát triển khoa học - công nghệ được xúc tiến song song với việc sáp xếp tổ chức, tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất - kỹ thuật và đổi mới



cơ chế quản lý. Những kết quả đạt được trong việc nghiên cứu, triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và tiếp nhận làm chủ công nghệ nhập cùng với một số công trình nghiên cứu về xã hội và nhân văn trong thời gian qua là đáng khích lệ. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu của tiến trình công nghiệp hóa, để triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 2 về Khoa học - Công nghệ và về Giáo dục - Đào tạo, công tác phát triển nguồn nhân lực và khoa học - công nghệ cần được chỉ đạo sâu sát và tăng cường đầu tư hơn nữa.

Nhận thức rõ bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc, bảo vệ chế độ, giữ vững ổn định xã hội là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là điều kiện không thể thiếu để phát triển kinh tế - xã hội, Chính phủ đã cố gắng kết hợp tốt giữa kinh tế với quốc phòng, an ninh; đáp ứng những yêu cầu củng cố an ninh - quốc phòng trong điều kiện mới; thực hiện tốt công tác hậu phương quân đội, cải tiến và nâng cao một bước chế độ đai ngộ đói với lực lượng vũ trang và những người đã có cống hiến trong các cuộc kháng chiến. Việc lập lại trật tự, kỷ cương trong đời sống kinh tế, xã hội cũng được chú ý và có những chuyển biến tích cực thông qua nhiều đợt vận động sâu rộng trong nhân dân để thực hiện các chủ trương về thiết lập trật tự giao thông; xử lý các vi phạm Pháp lệnh bảo vệ đê điề; không sản xuất, lưu thông và đốt pháo nổ; xóa bỏ cây thuốc phiện, cai nghiện ma túy; làm lành mạnh sinh hoạt văn hóa... Được nhân dân đồng tình ủng hộ, các chủ trương đó một mặt giải quyết được một số yêu cầu bức xúc của xã hội, mặt khác làm tăng thêm lòng tin của nhân dân vào kỷ cương, phép nước, đồng thời, cho phép rút ra nhiều kinh nghiệm để áp dụng vào các lĩnh vực khác, dần hình thành nền nếp tôn trọng pháp luật trong đời sống xã hội.



Bên cạnh đó cũng còn những vấn đề lớn, không kém phần bức xúc nhưng Chính phủ chưa đủ cương quyết để xử lý cho được như vấn đề ngăn chặn nạn phá rừng, cấm xuất khẩu lậu gỗ. Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong việc trồng rừng, hạn chế xuất khẩu gỗ, nhưng độ bao phủ của rừng vẫn giảm, rừng vẫn bị tàn phá đến mức báo động. Trước tình hình đó, gầy đây, Chính phủ đã chủ trương tăng cường trồng mới, khoanh nuôi và bảo vệ rừng, tiết kiệm sử dụng gỗ và cấm xuất khẩu gỗ (trừ hàng thủ công mỹ nghệ). Hằng năm, Chính phủ sẽ công bố danh mục cụ thể khu rừng nào không được khai thác gỗ, khu rừng nào chỉ được khai thác để phục vụ nhu cầu gỗ tại địa phương, khu rừng nào được khai thác để cung cấp gỗ cho cả nước, v.v. và có chính sách khuyến khích sử dụng các vật liệu, nhiên liệu thay gỗ. Nếu cần thì nhập khẩu gỗ phục vụ tiêu dùng trong nước và để gia công xuất khẩu.

5. Cải cách nền hành chính nhà nước đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển đất nước

Từ thực tiễn điều hành, Chính phủ đã sớm nhận thấy nhu cầu bức xúc phải cải cách nền hành chính nhà nước, tức là phải thực sự đổi mới bản thân mình thì mới chỉ đạo được công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế, xã hội.

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Chính phủ đã tập trung vào việc xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, từng bước bảo đảm chức năng quản lý nhà nước phù hợp với kinh tế thị trường. Bộ máy hành chính được điều chỉnh, thu gọn cơ cấu Chính phủ, cải cách chế độ tiền lương theo quy chế ngạch, bậc mới; đẩy mạnh đào tạo và đào tạo lại công chức... Nhờ đó, trong nhiệm kỳ này, Chính phủ và bộ máy hành chính đã vừa làm vừa tích lũy thêm được



kiến thức và kinh nghiệm về quản lý nhà nước, về sử dụng các công cụ điều tiết để ổn định kinh tế vĩ mô, về thiết lập trật tự, kỷ cương theo pháp luật... Tuy nhiên, nền hành chính nói chung còn nhiều mặt yếu kém, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới và phát triển đất nước như đã trình bày ở trên.

Các thiết chế nhà nước nói chung và hệ thống hành chính nói riêng còn nhiều bất hợp lý. Thẩm quyền trong nội bộ nền hành chính chưa được phân định rành mạch, chưa có sự ràng buộc, gắn quyền hạn với trách nhiệm; kỷ cương hành chính chưa được thiết lập chặt chẽ. Bên cạnh sự tập trung quan liêu chưa được đẩy lùi triệt để, đã xuất hiện những biểu hiện phân tán, cục bộ, làm giảm hiệu lực điều hành tập trung thống nhất của Chính phủ. Lê lối làm việc tản mạn, tùy tiện còn khá phổ biến. Đội ngũ cán bộ, công chức vừa thừa, vừa thiếu, một bộ phận suy thoái, tham ô, cửa quyền, sách nhiễu nhân dân. Tình trạng chi tiêu lãng phí, phô trương, hình thức còn chưa được ngăn chặn; tài sản công chưa được quản lý chặt chẽ, đang bị sử dụng rất lãng phí, kém hiệu quả. Điều này đang gây bất bình chính đáng trong nhân dân, đòi hỏi những biện pháp quyết liệt hơn nữa trong chỉ đạo điều hành của Chính phủ và các cấp chính quyền. Do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan, trong đó có chính sách quản lý và sử dụng cán bộ chưa thật hợp lý nên các giải pháp của Chính phủ để chỉnh đốn, đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức và cán bộ quản lý nhà nước còn chưa thực sự có hiệu quả. Việc xử lý cán bộ, công chức vi phạm pháp luật, kỷ luật hành chính còn thiếu nghiêm minh.

Cải cách hành chính vừa qua chưa đáp ứng được yêu cầu của nhân dân cũng như của công tác quản lý nhà nước. Chính phủ nhận rõ những thiếu sót và trách nhiệm của mình trong



việc tiến hành cải cách hành chính, nhất là cải cách về thủ tục hành chính.

Sự khởi đầu một nhiệm kỳ mới của Quốc hội và Chính phủ là thời điểm thích hợp để chúng ta đẩy tới một bước mạnh hơn nữa cải cách hành chính. Hoạt động Nhà nước nói chung, hành chính nói riêng phải hướng vào mục tiêu phục vụ nhân dân và tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp, tăng cường hội nhập quốc tế phục vụ phát triển trong nước. Muốn vậy, cần soát xét lại toàn bộ thiết chế tổ chức và vận hành của bộ máy hành chính, phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của từng cấp chính quyền, từng cơ quan trong bộ máy nhà nước.

Bài học thực tiễn vừa qua cho thấy, nhiệm vụ đó chỉ có thể được thực hiện thành công với một quyết tâm cao và ý chí cải cách mạnh mẽ, được tiến hành một cách đồng bộ trong tổng thể bộ máy nhà nước.

Kính thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Kính thưa các vị khách quý,

Năm năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã đạt được những thắng lợi đáng tự hào trong công cuộc đổi mới và phát triển đất nước, mở ra những khả năng và triển vọng to lớn cho thời kỳ phát triển mới. Với ý thức trách nhiệm trước nhân dân, thực hiện sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, sự hướng dẫn và giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, có sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng, đặc biệt là được sự ủng hộ và tham gia của nhân dân, Chính phủ và các cấp chính quyền đã nỗ lực thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, góp phần tích cực vào những thắng lợi và chuyển biến của đất nước. Bên cạnh những nhiệm vụ được thực hiện tốt, cũng còn



không ít việc chưa đạt được kết quả mong muốn, còn nhiều vấn đề chưa giải quyết tốt.

Quốc hội và Chính phủ khóa mới sẽ đứng trước những đòi hỏi cao hơn của thời kỳ đầy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phải đi kịp tiến trình hội nhập quốc tế, đặc biệt là hội nhập với khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) sẽ được hình thành vào đầu thế kỷ XXI. Chúng ta không có sự lựa chọn nào khác là phải phát triển vừa nhanh vừa bền vững, dần dần đuổi kịp các nước chung quanh. Chúng ta hoàn toàn có thể làm được việc đó, nếu phát huy được sức mạnh to lớn và đầy sáng tạo của toàn dân. Đó cũng là nhân tố quyết định việc khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài. Trách nhiệm lịch sử của Đảng và Nhà nước ta là phải phát huy đến mức cao nhất sức mạnh đó, tạo ra động lực mới thúc đẩy sự phát triển của đất nước ta trong thời kỳ mới.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:
Văn kiện Quốc hội toàn tập, Sđd, t.8, q.4, tr.42-63.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Ngày 09 tháng 4 năm 1997

**Ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc
với tỉnh Gia Lai ngày 09/4/1997**

Kính gửi: Đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai

Về các đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai nêu trong
báo cáo làm việc với Thủ tướng chiều 09/4/1997, Thủ tướng
Võ Văn Kiệt có ý kiến như sau:

1. Về dự kiến tách thêm một số huyện, xã và nâng thị xã
Plâycu lên thành phố loại 3 để tới năm 2005 toàn tỉnh có 20 đơn
vị hành chính cấp huyện: Đây là ý hướng phù hợp với tình hình
Gia Lai. Nhưng Bộ Chính trị đã quyết định từ nay tới năm 2000
nên ổn định, không chia tách, vì vậy tỉnh có thể chuẩn bị dần để
xin thực hiện sau năm 2000.

2. Về Giao thông vận tải: Thủ tướng đã có ý kiến trực tiếp
với đồng chí Tuyến - Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải, là phải
cố gắng hoàn thành cầu Lê Bắc vào cuối năm 1997, chậm nhất
là quý I/1998. Thủ tướng đồng ý về nguyên tắc việc chế biến gỗ
30.000 m³ nhập từ Campuchia rồi xuất khẩu để giải quyết
kinh phí trại nhựa nốt 20 km đường 19. Tỉnh cần phối hợp với
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có đề án tính toán kỹ
loại sản phẩm xuất khẩu và số lượng gỗ cần thiết để đủ làm
đoạn đường này.



3. Về kinh tế mới: Thủ tướng thấy nên tạm ngưng lại để có sự chuẩn bị chu đáo hơn từ nay tới năm 2000, sau đó phải có những biện pháp thật chặt chẽ. Trước mắt tinh nên tập trung bố trí, điều chỉnh sắp xếp cho bộ phận đồng bào dân tộc chưa ổn định, đang ở rải rác trong vùng sâu, xa giao thông, không có đất sản xuất ổn định. Tỉnh cần tập trung sức trong 4 - 5 năm lo cho số đồng bào này thật ổn, sau đó căn cứ nhu cầu lao động sẽ tiếp nhận số lao động từ tỉnh khác tới nhưng phải có chất lượng.

Đối với đồng bào di cư tự do, về nguyên tắc là không chấp nhận. Đối với đồng bào người Kinh thì trả lại tinh gốc. Đối với số đồng bào thiểu số đến từ vùng núi phía Bắc thì kịp thời phát hiện, đưa tới những khu nhất định, đồng thời báo ngay cho tinh gốc tới bàn việc nhận trở về. Thủ tướng Chính phủ sẽ có chỉ thị cho tất cả các tinh biết để quản lý, chỉ đạo việc này. Tỉnh tiếp tục ổn định số đồng bào đã tới từ mấy năm trước, Thủ tướng sẽ giao các bộ, ngành chức năng giải quyết đề nghị nêu trong báo cáo của tinh.

4. Việc xây dựng các trung tâm cụm xã cũng phải hình thành từng bước. Cần chú ý ưu tiên cho đồng bào dân tộc để đồng bào tiếp cận, dần hòa nhập với cộng đồng. Tuyệt đối tránh tình trạng hình thành các cụm xã, thị tứ gồm toàn đồng bào Kinh từ nơi khác đến. Tỉnh cần chỉ đạo làm thí điểm cho thật tốt.

5. Về Công trình Thủy điện Ayun hạ: Trung ương đã đầu tư lớn, công trình thủy lợi đã phát huy tác dụng. Địa phương cần huy động vốn của nhân dân và ngân sách địa phương để lo kênh nội đồng. Về việc đầu tư nhà máy thủy điện, từ đầu năm 1996, Thủ tướng đã cho chủ trương cần làm sớm, tới nay kiểm tra lại thấy tinh và Tổng Công ty Điện vẫn chưa triển khai. Thủ tướng



đã trực tiếp giao đồng chí Thái Phụng Nê sớm có phương án đầu tư, thực hiện.

6. Về bệnh viện tỉnh: Xây dựng bệnh viện là rất cần thiết, đề nghị tỉnh đưa vào kế hoạch năm 1998.

7. Thủ tướng sẽ cho kiểm tra lại việc xây dựng Nhà máy MDF tại An Khê vì nhà máy này liên quan tới gỗ, và đề nghị liên doanh với Pháp mở rộng Nhà máy đường Ayun Pa.

8. Về tình hình các doanh nghiệp chế biến gỗ: Thủ tướng rất chú trọng vấn đề này và đã giải thích rất rõ.

Xin kính báo để các đồng chí kịp triển khai. Văn phòng Chính phủ sẽ có thông báo chính thức sau.

Kính,

Nguyễn Tôn

PHÓ CHỦ NHIỆM VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Văn phòng Chính phủ, hồ sơ số 1568.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Ngày 13 tháng 4 năm 1997

**Ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Võ Văn Kiệt sau buổi làm việc
với tỉnh Đăk Lăk ngày 13/4/1997**

Kính gửi: Đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Lăk

Sau khi đi kiểm tra và làm việc tại một số huyện trong tỉnh; sau khi nghe tỉnh Đăk Lăk báo cáo trong buổi làm việc với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Lăk chiều ngày 13/4/1997, Thủ tướng Võ Văn Kiệt có ý kiến như sau:

Ghi nhận các đề nghị cụ thể của tỉnh nêu trong báo cáo, Thủ tướng sẽ có ý kiến để các bộ, ngành liên quan xử lý trên tinh thần chung là bám sát kế hoạch năm 1997 đã được giao. Chính phủ sẽ xem xét và có các biện pháp cần thiết trợ giúp tỉnh khắc phục những khó khăn mới phát sinh. Cần tập trung bàn giải quyết hai vấn đề lớn, có liên quan với nhau là:

1. Bảo vệ rừng

- Theo thống kê, mật độ rừng bao phủ ở nước ta thấp hơn các nước trong lưu vực sông Mê Kông (Mianma, Thái Lan, Lào, Campuchia), trong đó Tây Nguyên có diện tích rừng lớn nhất. Tuy nhiên, qua kiểm tra thực tế tại Gia Lai, Kon Tum và Đăk Lăk thấy rừng, kể cả rừng già lâu năm, rừng nguyên sinh, đã và đang đã bị phá quá nhiều. Thực tế rừng còn lại có khả năng



thấp hơn nhiều so với số liệu đã thống kê. Tình hình rất nghiêm trọng, cần có các biện pháp ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng còn lại, trồng mới và thay thế rừng nghèo bằng cây công nghiệp; thực hiện nghiêm chỉnh chủ trương cấm xuất khẩu gỗ, khai thác sử dụng gỗ tiết kiệm trong nhiều năm tới. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần phối hợp với các tỉnh sớm tiến hành tổng điều tra, đánh giá, phân loại rừng.

- Chính quyền địa phương, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, phải thực hiện đầy đủ chức năng quản lý nhà nước một cách toàn diện trên địa bàn của mình. Tỉnh cần chỉ đạo chặt chẽ các lâm trường, hệ thống kiểm lâm và chính quyền huyện, xã khắc phục và chấm dứt ngay tình trạng để dân phá rừng bừa bãi như rừng vô chủ, đất vô chủ, gỗ rừng bị phá ngổn ngang cũng vô chủ. Phải dựa vào dân để bảo vệ rừng. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần khẩn trương hướng dẫn các tỉnh giao rừng cho dân bảo vệ thông qua các cam kết đảm bảo trách nhiệm của người dân, của cộng đồng dân cư, đồng thời đảm bảo quyền lợi của dân trên diện tích rừng được giao bảo vệ tỷ lệ với giá trị khu rừng khi khai thác. Mặt khác, cần giao đất cho dân trồng rừng cây nguyên liệu công nghiệp, cao su, cà phê... Không sử dụng vốn ngân sách nhà nước cấp theo Chương trình 327 để trồng rừng mà tập trung nguồn vốn này cùng với vốn cấp theo các chương trình xóa đói, giảm nghèo, định canh, định cư... giúp đồng bào, trong đó ưu tiên hàng đầu là đồng bào dân tộc địa phương, phát triển kinh tế vườn rừng, ổn định cuộc sống.

- Tỉnh cần phối hợp chặt chẽ với các đơn vị làm kinh tế của quân đội đóng trên địa bàn để trồng rừng cao su, cây nguyên liệu dọc tuyến biên giới, kết hợp tuyển dụng công nhân quốc phòng bố trí dân cư được chọn lựa trên khu vực này.



2. Vấn đề ổn định dân cư

- Cần tập trung lo ổn định cuộc sống cho đồng bào các dân tộc địa phương. Tỉnh cần chỉ đạo huyện, xã nắm chắc, phân loại đồng bào có kinh tế khá và đồng bào nghèo, thiếu đói. Một mặt tích cực tổ chức thực hiện công tác khuyến nông, hướng dẫn đồng bào học tập kinh nghiệm của các hộ gia đình khá, mặt khác có biện pháp trợ giúp vốn để đồng bào đầu tư sản xuất. Ngoài các nguồn vốn ngân sách cấp như nói ở trên, Thủ tướng sẽ có ý kiến chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giải quyết vốn vay trung hạn cho các hộ gia đình có sức và cần cù lao động nhưng còn thiếu đói do không có vốn sản xuất.

- Cần tạo điều kiện, kể cả điều chỉnh lại dân cư, để đồng bào các dân tộc địa phương có vị trí thuận lợi nhất, gần đường, điện, nước và có đất tốt để canh tác. Tránh tình trạng càng ngày đồng bào càng bị đẩy vào sâu, xa, nhường chỗ cho những người từ nơi khác tới. Có quy định không cho phép người nơi khác tới mua đất của đồng bào. Đối tượng cần ưu tiên sau đồng bào dân tộc địa phương là đồng bào kinh tế mới đi theo kế hoạch, đáp ứng yêu cầu lao động của tỉnh từ những năm 80.

- Trước mắt tạm ngưng không tiếp nhận dân các tỉnh khác tới vùng kinh tế mới. Phải kiên quyết ngăn chặn đồng bào tự do di cư. Tỉnh phải chỉ đạo nắm kịp thời tình hình dân di cư tự do đến, xác định nơi ở gốc của đồng bào. Đối với số đồng bào di cư tự do ra đi từ sau 11/4, cần tập trung lại một nơi nhất định, một mặt báo cáo ngay với Thủ tướng, mặt khác yêu cầu tỉnh để dân tự do ra đi vào tận nơi đón đồng bào trở về.

- Đối với số đồng bào di cư tự do đã tạm ổn định, Thủ tướng sẽ có ý kiến chỉ đạo để tinh gốc của đồng bào tăng cường gấp



cán bộ phù hợp vào giúp tinh quản lý cho được số đồng bào này. Trước hết cần quản lý chặt chẽ về nhân khẩu, hộ khẩu, đất đai. Thu gom hết số gỗ rừng bị phá. Mọi hành vi mua bán gỗ do dân di cư tự do phá rừng đều coi là vi phạm pháp luật. Cần có quy định cấm đồng bào di cư tự do mua bán, chuyển nhượng đất và cấm ngặt việc tiếp tục phá rừng. Những trường hợp tiếp tục phá rừng coi là tái phạm pháp luật nghiêm trọng, phải được xử lý nghiêm khắc. Cần phối hợp tốt giữa các lực lượng trên địa bàn, kết hợp tốt các biện pháp tuyên truyền, vận động. Xác định và xử lý những phần tử cố ý không tuân thủ các quy định, xúi giục đồng bào vi phạm.

Xin kính báo để các đồng chí kịp triển khai. Văn phòng Chính phủ sẽ có thông báo chính thức sau.

Kính,

Nguyễn Tôn

PHÓ CHỦ NHIỆM VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Văn phòng Chính phủ, hồ sơ số 1568.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 100/TB, ngày 19 tháng 8 năm 1997

**Ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt về quy hoạch
phát triển, xây dựng chuỗi đô thị Miếu Môn - Xuân Mai -
Hòa Lạc - Sơn Tây, tỉnh Hà Tây**

Ngày 10/8/1997, tại Hòa Lạc, tỉnh Hà Tây, Thủ tướng Võ Văn Kiệt và các Phó Thủ tướng Phan Văn Khải, Trần Đức Lương, Nguyễn Khánh đã nghe báo cáo về quy hoạch chung xây dựng chuỗi đô thị Miếu Môn - Xuân Mai - Hòa Lạc - Sơn Tây và các dự án Làng văn hóa - du lịch các dân tộc Việt Nam, khu Đại học Quốc gia, khu công nghệ cao Hòa Lạc, khu công nghiệp tập trung Phú Cát, v.v. thuộc tỉnh Hà Tây. Cùng dự buổi làm việc có lãnh đạo của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Giao thông vận tải, Văn hóa và Thông tin, Công nghiệp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Quốc phòng, Tổng cục Địa chính, Tổng cục Du lịch, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội, Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Hà Tây, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây, đại diện Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, Chủ tịch Hội đồng Tư vấn kiến trúc của Thủ tướng Chính phủ.

Sau khi nghe báo cáo của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quy hoạch chung xây dựng chuỗi đô thị Miếu Môn - Xuân Mai - Hòa Lạc - Sơn Tây và các báo cáo của Bộ trưởng Bộ Văn hóa -



Thông tin về dự án Làng văn hóa - du lịch các dân tộc Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về dự án khu công nghệ cao Hòa Lạc, đại diện Đại học Quốc gia Hà Nội về quy hoạch khu Đại học Quốc gia, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây về khu công nghiệp tập trung Phú Cát, các ý kiến phát biểu của lãnh đạo các bộ, tổng cục, hội đồng tư vấn kiến trúc, của các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây, ý kiến của các Phó Thủ tướng Phan Văn Khải, Trần Đức Lương, Nguyễn Khánh, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã có ý kiến kết luận như sau:

1. Quy hoạch chung chuỗi đô thị Miếu Môn - Xuân Mai - Hòa Lạc - Sơn Tây thuộc tỉnh Hà Tây đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 372/Ttg ngày 02/6/1997. Đây là chuỗi đô thị mới cách Hà Nội 30 km về phía Tây, dọc hai bên quốc lộ 21A trên chiều dài 30 km, có diện tích 30.000 ha, là chuỗi đô thị vệ tinh của Thủ đô Hà Nội, là một trung tâm đào tạo cán bộ, nghiên cứu khoa học lớn của nước ta. Với điều kiện thiên nhiên ưu đãi rất tốt, tại đây sẽ xây dựng khu trung tâm văn hóa các dân tộc Việt Nam, khu du lịch, vui chơi nghỉ dưỡng có giá trị cao. Cần bổ sung khu vực Ba Vì vào quy hoạch chung của chuỗi đô thị này để tạo thêm tính đa dạng và hiệu quả về môi trường sinh thái của khu đô thị.

2. Quy hoạch chung xây dựng chuỗi đô thị Miếu Môn - Xuân Mai - Hòa Lạc - Sơn Tây phải gắn kết với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tây và đồng thời gắn kết chặt chẽ với quy hoạch phát triển khu vực phía tây Hà Nội. Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây với sự phối hợp của Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cho phù hợp với quy hoạch chuỗi đô thị Miếu Môn - Xuân Mai - Hòa Lạc - Sơn Tây. Ủy ban nhân dân



Thành phố Hà Nội cũng phải nắm vững quy hoạch chung của chuỗi đô thị này để có điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô cho phù hợp.

Các bộ chỉ đạo các chủ dự án, tính toán các điều kiện và giai đoạn phát triển để lập quy hoạch chi tiết cho từng khu. Trước mắt, Bộ Văn hóa - Thông tin sớm hoàn thành quy hoạch chi tiết Làng văn hóa - du lịch các dân tộc Việt Nam để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Để đảm bảo tính đồng bộ trong quy hoạch phát triển chung của chuỗi đô thị, các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây cần phối hợp chặt chẽ lập đề án xây dựng các cơ sở hạ tầng như giao thông, điện, cấp thoát nước, các khu dân cư, đề án tôn tạo và nâng cấp các di tích lịch sử, đề án trồng cây xanh, v.v..

Đối với khu công nghiệp Phú Cát: cần phải tính toán kỹ hơn về khả năng thu hút đầu tư lập xí nghiệp trong khu công nghiệp này. Trong điều kiện tỉnh Hà Tây, không nhất thiết đưa các xí nghiệp công nghiệp vào khu công nghiệp tập trung.

Cần công bố các quy hoạch, đề án đã được duyệt cho nhân dân biết và làm cơ sở pháp lý cho chính quyền địa phương thực hiện công tác quản lý đất đai và quản lý xây dựng ngay từ đầu, mặt khác tạo điều kiện cho các chủ dự án huy động các nguồn vốn trong nước, ngoài nước, của các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng các công trình trong các khu này.

3. Vấn đề đất đai và dân cư cần phải được giải quyết tốt không chỉ đối với từng dự án, mà cả đối với toàn chuỗi đô thị.

Về các khu dân cư, cần phải điều chỉnh, bố trí lại cho hợp lý, phù hợp với quy hoạch chung của chuỗi đô thị, từng khu đô thị và các tuyến giao thông. Các khu dân cư phải được thiết kế, bố trí phù hợp với điều kiện thiên nhiên tại đây, có các kiểu kiến trúc



nhà ở phù hợp với địa hình, nhu cầu sử dụng của các đối tượng khác nhau.

Về quản lý, sử dụng đất đai, Ủy ban nhân dân tỉnh, các huyện, xã có trách nhiệm quản lý đất đai trên địa bàn của mình theo quy định của pháp luật. Các công trình cần xây dựng đến đâu, thì giao đất đến đó, phần đất trong quy hoạch chưa sử dụng, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây quản lý, để tạm giao và hướng dẫn dân khai thác sử dụng cho tới khi cần đưa vào xây dựng.

Bộ Giao thông vận tải công bố rộng rãi quy hoạch và chỉ giới tuyến đường Láng - Hòa Lạc và các tuyến đường khác trong chuỗi đô thị cho nhân dân biết. Bộ Xây dựng phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây và Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội sớm công bố quy hoạch xây dựng dọc theo các tuyến đường này để nhân dân và các cơ quan biết thực hiện, tránh tình trạng xây dựng tùy tiện và lộn xộn.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây, Tổng cục Địa chính và các bộ liên quan có trách nhiệm quản lý đất đai chặt chẽ, chống lấn chiếm và mua bán đất đai trái phép. Không cho phép hợp thức hóa việc chuyển quyền sử dụng đất trái phép trong chuỗi đô thị đã được quy hoạch. Xử lý nghiêm những tổ chức và cá nhân vi phạm.

Về các vấn đề cụ thể:

- Đối với nông trường 1A: Đại học Quốc gia chỉ trực tiếp quản lý số diện tích cần thiết để xây dựng, phần còn lại giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây quản lý để giao cho dân tổ chức sản xuất nông nghiệp, không sử dụng vào mục đích khác.

- Đối với Trung tâm hướng nghiệp Ba Vì cũ: Đại học Quốc gia chỉ giữ lại một diện tích cần thiết phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, còn lại giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây có trách nhiệm quản lý.



- Đối với Vườn Quốc gia Ba Vì: Giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu chung các loại vườn quốc gia (liên tỉnh, liên huyện và nằm gọn trong phạm vi tỉnh, huyện) để đề xuất cách quản lý phù hợp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. Trước mắt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây và các bộ, ngành ở Trung ương để tổ chức quản lý tốt tài nguyên động, thực vật của Vườn Quốc gia, đồng thời sớm lập quy hoạch Vườn Quốc gia Ba Vì gắn với quy hoạch tổng thể chuỗi đô thị.

4. Phải đặc biệt lưu ý việc giữ gìn cảnh quan thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái. Khi thiết kế xây dựng các dự án phát triển và các quy hoạch chi tiết, phải nghiên cứu kỹ về cảnh quan môi trường để có quy hoạch, kiến trúc hoàn chỉnh, phù hợp với phát triển trong tương lai.

Về bảo vệ môi trường sinh thái, trước hết tăng cường bảo vệ vốn rừng nguyên sinh của Vườn Quốc gia Ba Vì, đồng thời cần phải xây dựng đề án trồng cây xanh và xây dựng các hồ chứa trong toàn chuỗi đô thị, nhằm tạo dựng cảnh quan môi trường tốt cho khu đô thị mới.

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Xây dựng và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải chỉ đạo các chủ dự án phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây trong quá trình lập các quy hoạch chi tiết liên quan đến môi trường sinh thái và cảnh quan đô thị.

5. Về cơ chế, chính sách đầu tư xây dựng chuỗi đô thị mới

- Giao Bộ Xây dựng chủ trì cùng các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây xây dựng quy chế quản lý quy hoạch và xây dựng toàn chuỗi đô thị, định rõ trách nhiệm của từng ngành và chính quyền địa phương.



- Giao Bộ Xây dựng chủ trì nghiên cứu thành lập Ban quản lý đầu tư và xây dựng của từng khu: Làng văn hóa du lịch các dân tộc Việt Nam, Khu công nghệ cao, Khu Đại học Quốc gia, v.v.. Trong Ban quản lý đầu tư và xây dựng khu, phải có sự tham gia của các bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện. Đối với Ban quản lý đầu tư và xây dựng khu Đại học Quốc gia thì do Bộ Giáo dục và Đào tạo phụ trách, có đại diện Đại học Quốc gia, chính quyền địa phương tham gia.

- Giao Bộ Tài chính chủ trì cùng với các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây xây dựng đề án huy động các nguồn tài chính trong và ngoài nước, tham gia đầu tư xây dựng các công trình, có chính sách ưu đãi phù hợp với đặc thù của từng khu đô thị.

6. Việc xây dựng và phát triển chuỗi đô thị Miếu Môn - Xuân Mai - Hòa Lạc - Sơn Tây là việc làm lâu dài, còn rất mới mẻ và chưa có kinh nghiệm ở nước ta. Vì vậy, yêu cầu các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cần phải nâng cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm, có sự phối hợp chặt chẽ ngay từ giai đoạn đầu để đảm bảo quá trình xây dựng và phát triển được đồng bộ, hiệu quả, tránh được lãng phí.

Văn phòng Chính phủ xin thông báo để Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, các bộ, ngành có liên quan biết và thực hiện.

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ**

Lại Văn Cử

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Văn phòng Chính phủ, hồ sơ số 7805.

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Số 789/Ttg, ngày 24 tháng 9 năm 1997

Phê duyệt quy hoạch tổng thể xa lộ Bắc Nam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

*Căn cứ Thông báo số 99/TB ngày 21 tháng 12 năm 1996
của Văn phòng Chính phủ về việc lập dự án quy hoạch xa lộ
Bắc Nam;*

*Xét đề nghị của Bộ Giao thông vận tải (Tờ trình số 723/KHĐT
ngày 17 tháng 3 năm 1997), ý kiến của Hội đồng thẩm định Nhà
nước về các dự án đầu tư (Công văn số 2967/HĐTĐ ngày 21 tháng
5 năm 1997) và báo cáo kết luận của Ban Chỉ đạo Nhà nước về
công trình xa lộ Bắc Nam tại phiên họp thứ ba (Công văn số
1956/BCĐ ngày 07 tháng 7 năm 1997),*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch tổng thể xa lộ Bắc Nam với các
nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xa lộ Bắc Nam.

2. Hướng tuyến:

- Điểm đầu: Tại Hòa Lạc - Hà Tây (điểm cuối đường cao tốc
Láng - Hòa Lạc).



- Điểm cuối: Ngã tư Bình Phước - Thành phố Hồ Chí Minh (điểm giao cắt quốc lộ 13 với xa lộ Đại Hàn).

- Tổng chiều dài của xa lộ Bắc Nam dài xấp xỉ 1.800 km, cơ bản bám theo hướng tuyến của quốc lộ 21A, 15A, 14B, 14 và 13, qua các điểm khống chế chủ yếu: Cầu Sỏi, Xóm Kho, Ngọc Lạc, Tân Kỳ, Phố Châu, Tân Ấp, Khe Rinh, Bùng, Cam Lộ, phà Tuần, hầm Hải Vân, Hà Nha, Thạnh Mỹ, đèo Lò Xo, Ngọc Hồi, Kon Tum, Buôn Ma Thuột, Đăk Nông, Chơn Thành.

- Cùng với việc xây dựng xa lộ Bắc Nam, cần lập dự án và tiến hành đầu tư xây dựng đoạn tuyến phía Tây từ Troóc (Quảng Bình) đến Thạnh Mỹ theo hướng tuyến Bộ Quốc phòng đề nghị.

- Bộ giao thông vận tải phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn... để chính xác hóa vị trí tuyến đi qua các khu vực có yêu cầu đặc biệt về bảo vệ an ninh - quốc phòng, các công trình thủy lợi về các khu rừng quốc gia có liên quan.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Mặt đất ngang được quy hoạch theo từng đoạn với quy mô 2 đến 8 làn xe và thực hiện theo từng giai đoạn.

Quy hoạch mặt đất cắt ngang xa lộ Bắc Nam

Đoạn	Chiều dài (km)	Mặt cắt ngang quy hoạch (làn xe)	Cấp tốc độ thiết kế (km/h)
Hòa Lạc - Xóm Kho	90	2	60 - 100
Xóm Kho - Làng Tra	145	6	60 - 80
Làng Tra - Tân Kỳ	60	6	100
Tân Kỳ - Bùng	277	4	60



Đoạn	Chiều dài (km)	Mặt cắt ngang quy hoạch (làn xe)	Cấp tốc độ thiết kế (km/h)
Bùng - Cam Lộ	133	4	100
Cam Lộ - km 858, QL 1A	101	6	80 - 100
Km 858 - Hà Nha	109	4	80
Hà Nha - Thạnh Mỹ	29	4	60
Thạnh Mỹ - Đăk Glei	126	2	40 - 60
Đăk Glei - Ngọc Hồi	53	2	80
Ngọc Hồi - Buôn Ma Thuột	287	6	100
Buôn Ma Thuột - Đăk Nông	126	6	60 - 80
Đăk Nông - Bù Đăng	58	6	80
Bù Đăng - Chơn Thành	94	6	100
Chơn Thành - Bình Phước	79	8	100

Cấp tốc được chuẩn xác trong giai đoạn nghiên cứu khả thi.

Đoạn Hòa Lạc - Xóm Kho, giai đoạn 1 có mặt cắt ngang 2 làn xe; về quy hoạch lâu dài cần nghiên cứu hướng tuyến phù hợp đảm bảo xây dựng với quy mô 6 làn xe.

Giai đoạn 1 từ 1998 - 2002 toàn bộ tuyến được xây dựng với quy mô 2 làn xe.

4. Về hệ thống đường ngang

Để nối 2 trực dọc Xuyên Việt (quốc lộ 1A và xa lộ Bắc Nam); nối các cửa khẩu phía Tây với các hải cảng và đường liên tiểu vùng cần thiết phải xác định hệ thống các đường ngang gồm 20 đường ngang



với tổng chiều dài gần 1.700 km (trong đó có các tuyến đường đặc biệt quan trọng như quốc lộ 6, 7, 8, 9, 19, 24, 25, 26, 27, 29, 40, 47, 48, 49...). Quy hoạch về các hệ thống đường ngang này cần được lập và xem xét trong tổng thể hoàn chỉnh của mạng lưới giao thông đường bộ Việt Nam ở các dự án riêng.

5. Phân kỳ đầu tư

Việc xây dựng xa lộ Bắc Nam được chia thành ba giai đoạn:

- Giai đoạn 1 (1998 - 2002):

+ Mở rộng, nâng cấp kết hợp với xây dựng mới đường hai làn xe trên cơ sở các quốc lộ 21A, 15, 14B, 14, 13.

+ Những đoạn tuyến có địa hình thuận lợi thì thiết kế ngay theo các tiêu chuẩn bình diện, trắc đạc đã được xác định trong quy hoạch. Xác định chỉ giới quy hoạch và giao cho các địa phương quản lý.

+ Trong ba năm đầu (1998 - 2000) tập trung đầu tư vào đoạn Xóm Kho - Ngọc Hồi (bao gồm việc nâng cấp cải tạo đoạn đường ngang từ Xóm Kho ra quốc lộ 1A để phát huy sự hỗ trợ của xa lộ Bắc Nam cho quốc lộ 1A trong mùa mưa lũ); nâng cấp mặt đường hiện tại đoạn Ngọc Hồi - Buôn Ma Thuột.

+ Một số việc cũng sẽ hoàn thành vào giai đoạn 1 gồm: nâng cấp cải tạo đoạn Hòa Lạc - Xóm Kho và đoạn tuyến tránh Hải Vân qua đèo Mũi Trâu.

- Giai đoạn 2 (2002 - 2010):

Tùy thuộc điều kiện kinh tế của đất nước, tiếp tục hoàn thành việc xây dựng xa lộ Bắc Nam với mặt cắt ngang và quy mô được nêu trong quy hoạch. Ưu tiên đầu tư xây dựng các đoạn có nhu cầu vận tải lớn, phát huy được hiệu quả đầu tư và có tác dụng lớn tới sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng.



+ Giai đoạn 3 (sau năm 2010):

Tiếp tục kéo dài xa lộ Bắc Nam: ở phía Bắc lên Cao Bằng (biên giới Việt - Trung); ở phía Nam xuống Cà Mau, Năm Căn để tạo thành một trục Xuyên Việt hoàn chỉnh thứ hai.

6. Tổng mức đầu tư và phương thức huy động vốn xây dựng giai đoạn 1

Tổng mức đầu tư ước tính cho giai đoạn 1 là 10.220 tỉ đồng (không kể kinh phí xây dựng hầm Hải Vân, vốn vay OECF). Tổng mức đầu tư được chuẩn xác trong giai đoạn lập dự án nghiên cứu khả thi.

Dùng nhiều biện pháp để huy động vốn xây dựng xa lộ Bắc Nam từ các nguồn:

- Vốn trong nước: Kết hợp việc cân đối bố trí ngân sách với các biện pháp tuyên truyền động viên tinh thần yêu nước trong nhân dân, đóng góp sức người sức của tham gia xây dựng tuyến đường bằng các hình thức khác nhau.

- Vốn nước ngoài: Khuyến khích và kêu gọi đầu tư nước ngoài dưới các hình thức: viện trợ không hoàn lại, cho vay, BOT,... đối với một số công trình riêng biệt có tổng mức đầu tư lớn (hầm Hải Vân, các cầu lớn v.v.) và các đoạn tuyến có hiệu quả đầu tư cao.

7. Tổ chức và huy động lực lượng tham gia xây dựng

Các lực lượng tham gia xây dựng xa lộ Bắc Nam gồm:

- Các lực lượng chuyên nghiệp.
- Các lực lượng quốc phòng.
- Các lực lượng thanh niên xung phong.
- Các lực lượng địa phương, nông nhàn.

Các tổng công ty xây dựng của ngành giao thông vận tải và các bộ, ngành (bao gồm cả các đơn vị của Bộ Quốc phòng, Trung ương Đoàn) là lực lượng chủ công, kết hợp với các lực lượng lao động địa phương và nông nhàn.



Điều 2. Phân giao nhiệm vụ

- Các bộ, ngành có liên quan cùng với Bộ Giao thông vận tải tiến hành các thủ tục xây dựng cơ bản, trong đó bao gồm việc lập dự án nghiên cứu khả thi giai đoạn 1 xa lộ Bắc Nam để công trình khởi công vào đầu năm 1998.

- Ban Chỉ đạo Nhà nước về công trình xa lộ Bắc Nam phối hợp với các bộ, ngành chức năng nghiên cứu, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt những vấn đề có liên quan đến cơ chế, chính sách đặc biệt áp dụng cho dự án.

Điều 3. Trưởng Ban chỉ đạo Nhà nước về công trình xa lộ Bắc Nam, Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng thẩm định Nhà nước về các dự án đầu tư trách nhiệm thi hành Quyết định.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Võ Văn Kiệt

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Văn phòng Chính phủ, hồ sơ số 560.

THƯ CỦA ĐỒNG CHÍ VÕ VĂN KIỆT

Số 89/NH, ngày 19 tháng 7 năm 1999

Kính gửi: - Anh Phan Văn Khải,

- Anh Nguyễn Tân Dũng,

Qua trao đổi với một số anh em am hiểu về tài chính, ngân hàng, tôi thấy có một số vấn đề cụ thể muốn được góp ý để hai anh quan tâm chỉ đạo như sau:

- Tuy chưa hoàn toàn đầy đủ nhưng các luật, pháp lệnh hiện có về ngân hàng, tín dụng cũng tạo được hành lang khá rõ và thông thoáng. Điều đáng lưu ý là có không ít quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước khiến việc thực hiện luật, pháp lệnh dường như bị bó lại (ví dụ quy định thời hạn thanh toán séc có 15 ngày; quy định lãi suất huy động vốn của ngân hàng không cao hơn lãi suất trái phiếu Chính phủ, lãi suất Kho bạc Nhà nước...).

- Với mục tiêu ổn định tỷ giá, ngân hàng hạn chế các nhà xuất khẩu vay trực tiếp bằng ngoại tệ (lãi suất thấp hơn đáng kể so với vay nội tệ) đã làm giảm khả năng cạnh tranh của hàng Việt Nam, trái với chủ trương nâng cao khả năng cạnh tranh, khuyến khích xuất khẩu mà Chính phủ đang cố gắng thúc đẩy.

- Có nhiều quy định thiếu hợp lý hoặc thận trọng quá mức cần thiết đối với ngân hàng nước ngoài góp sức làm giảm sức hấp dẫn của môi trường đầu tư, như không cho nhận thế chấp bằng đất, cổ phần, tài sản mua bằng vốn vay ngân hàng; không được



mở tài khoản ngoại tệ cho người Việt Nam; chi nhánh tại Việt Nam phải có Ban giám đốc, vốn riêng và phải tuân theo hệ thống kế toán của Việt Nam...

- Có dư luận Chính phủ sẽ cho sáp nhập một số ngân hàng thương mại quốc doanh. Vấn đề này nên được xem xét thận trọng vì năng lực quản lý, điều hành của các ngân hàng hiện nay còn yếu. Nếu sáp nhập lại, tạo ra những ngân hàng lớn hơn, có tầm hoạt động rộng hơn thì khả năng quản lý, điều hành càng bát cập, trừ khi mạnh dạn cho áp dụng cơ chế thuê người, công ty nước ngoài quản lý, điều hành.

- Cần xem xét lại việc chỉ đạo sáp nhập các ngân hàng thương mại cổ phần. Có ý kiến cho rằng ngay khi mới có chủ trương này, một số ngân hàng đã tự nguyện bàn với nhau để sáp nhập nhưng chính do sự chỉ đạo mang tính áp đặt, “ép duyên” của Ngân hàng Nhà nước nên tới nay chưa triển khai được. Sự chỉ đạo cứng nhắc đó có phần liên quan tới việc sử dụng quỹ hỗ trợ.

- Nhiều công trình xây dựng lớn bị ách tắc trong nhiều năm do khâu thỏa thuận về vốn (như dự án Điện đập Phú Mỹ đã 5 năm chưa xong; Ximăng Hà Tiên mất 5 năm; Ximăng Hoàng Mai 4 năm...). Sự chậm trễ (cũng là sự lãng phí) quá đáng đó, ngoài nguyên nhân tiêu cực, đùn đẩy trách nhiệm của các cơ quan chức năng còn có phần do thiếu những quy định, chính sách cụ thể về tư vấn tài chính.

Tôi xin đề nghị các anh dành thời gian xem xét, trực tiếp chỉ đạo vì công tác ngân hàng có ý nghĩa rất sâu rộng, nhất là trong bối cảnh hiện nay. Riêng với sự chậm trễ của các công trình lớn nói trên (trước đây cũng đã có không ít công trình quan trọng phải chậm trễ vì những lý do không đáng) tôi xin đề nghị các anh chỉ đạo quyết liệt, làm rõ trách nhiệm của các cơ quan hữu



quan để có biện pháp chấn chỉnh. Tôi thấy thực sự bức xúc vì đã nói quá nhiều tới cải cách hành chính mà những khâu, những cơ quan mình được biết trực tiếp vẫn chẳng có chuyển biến.

Để tiếp thêm sức với các anh, tôi dự định sẽ có ý kiến phát biểu với Thường vụ Bộ Chính trị, Bộ Chính trị về những tồn tại, yếu kém nổi cộm của ngành ngân hàng và đề nghị có sự chỉ đạo tập trung việc rà soát, chấn chỉnh bộ máy, đội ngũ cán bộ ngành ngân hàng như một trọng điểm trong đợt vận động thực hiện Nghị quyết Trung ương về Xây dựng Đảng và Nghị quyết 7 tới đây.

...

Xin phát biểu để các anh cân nhắc.

Võ Văn Kiệt

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Văn phòng Chính phủ, hồ sơ số 10096.

**THƯ
CỦA ĐỒNG CHÍ VÕ VĂN KIỆT**

Số 74/TS, ngày 27 tháng 8 năm 2000

Kính gửi: Thường trực Chính phủ,

Đồng kính gửi: Đồng chí Bộ trưởng Bộ Thủy sản,

Hôm 24/8 vừa qua, tôi có làm việc với các đồng chí lãnh đạo Bộ Thủy sản về quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản. Nhìn chung, bản quy hoạch được chuẩn bị tốt, làm rõ được thực trạng, tiềm năng, và hướng phát triển của ngành. Tại buổi làm việc, tôi đã trực tiếp phát biểu một số ý kiến. Tôi thấy có mấy điểm cần được thông tin lại để các đồng chí quan tâm chỉ đạo như sau:

1. Trong những năm qua, ngành thủy sản đã có bước phát triển đáng mừng. Quy hoạch cũng đưa ra mấy phương án phấn đấu, đều xác định tiếp tục phát triển với nhịp độ khá cao. Tôi thấy hướng phát triển đề ra là rất đúng, tuy nhiên mức phấn đấu đặt ra vẫn chưa ngang với tiềm năng và tính chất một ngành kinh tế mũi nhọn. Điều thuận lợi cơ bản nhất mà chúng ta phải tận dụng là thị trường. Khác với các mặt hàng khác (cả nông sản và hàng công nghiệp) thị trường tiêu thụ hải sản thế giới tiếp tục tăng và mặc dù cạnh tranh gay gắt với những đòi hỏi khắt khe về vệ sinh an toàn thực phẩm nhưng cung vẫn không đủ cầu.



Tôi cho rằng, phải đặt ra mức phấn đấu cao hơn và cần tính toán nghiêm túc mục tiêu bằng mức Thái Lan hiện nay sau 5 năm, bắt kịp sau 10 năm. Điều đó không chỉ là mong muốn, duy ý chí mà cần xem xét đủ cơ sở nếu chúng ta có mức tập trung chỉ đạo, ưu tiên đầu tư; có cơ chế tháo gỡ hết mọi vướng mắc thì có thể tăng được sản lượng và đáp ứng được yêu cầu chất lượng của thị trường hay không? Nói cách khác, mục tiêu đặt ra phải là mức đòi hỏi nỗ lực, cố gắng cao nhất và phải kèm theo những chính sách cụ thể như những điều kiện để thực hiện mục tiêu. Chúng ta đã xác định thủy sản là một ngành mũi nhọn thì mục tiêu, cơ chế và sự điều hành cũng phải đúng nghĩa mũi nhọn. Tôi xin được phát biểu thêm là qua các dịp làm việc với một số ngành, địa phương cũng như qua ý kiến nhận xét của một số ngành về quy hoạch ngành thủy sản, tôi thấy bên cạnh những ý kiến xác đáng cũng có những ý kiến thể hiện sự hiểu biết còn chưa đủ sâu sát về ngành này.

Tôi xin được đề nghị, dựa trên nền quy hoạch hiện có nên giao cho một nhóm (nên có thủy sản, nông nghiệp, địa chính) rà soát, đánh giá lại tiềm năng khai thác cũng như nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là hoạch định diện tích mặt nước (ngọt, lợ cũng như mặn) phù hợp với từng loài thủy, hải sản và diện tích đất nên chuyển từ trồng lúa sang nuôi thủy sản ở từng vùng, từng địa phương. Đồng thời, Thủ tướng cùng với Phó Thủ tướng phụ trách ngành, lãnh đạo các bộ, ngành liên quan (kế hoạch, tài chính, ngân hàng, nông nghiệp, địa chính) nên trực tiếp làm việc với Bộ Thủy sản để quyết định những vấn đề còn vướng mắc. Qua đó, có thể đưa ra mức phấn đấu cao hơn, sát hơn với ngành trọng điểm này và có mức điều chỉnh chỉ tiêu 5 năm, 10 năm.



2. Quy hoạch đã xác định đúng hướng tập trung đẩy mạnh nuôi trồng. Trong đó chú trọng mở rộng diện tích nuôi tôm thâm canh và bán thâm canh vùng ven bờ biển. Thực tế cho thấy nuôi tôm quảng canh, tự phát gây tác hại nghiêm trọng tới môi trường nhưng nếu nuôi chuyên canh tôm hoặc kết hợp một tôm một lúa theo kiểu công nghiệp, có hệ thống đê, điều tiết nước chủ động thì không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường (đã có mô hình ở nhiều tỉnh).

Tôi cho rằng, để đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản nói chung và nuôi tôm nói riêng một cách chủ động, hiệu quả thì phải hết sức chú trọng tới khâu giống và đặc biệt là thức ăn. Tương tự như đối với thức ăn gia súc, tôi thấy cần có cơ chế khuyến khích ưu đãi thật mạnh gắn kết với chính sách quản lý nhập khẩu chặt chẽ để sớm tự chủ được thức ăn nuôi thủy sản. Tôi không nghĩ là công nghệ sản xuất thức ăn (cho chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản) lại quá cao, bí mật tới mức ta không thể tự sản xuất trong nước mà cứ phải nhập khẩu hoặc để cho nước ngoài đầu tư hết (ta chỉ có đất). Nguyên liệu chính để làm thức ăn cũng không thiếu, lao động lại dư thừa. Không phải chỉ riêng với thức ăn cho tôm cá mà nhiều lĩnh vực khác (từ men gạch cho tới các trang thiết bị công nghiệp) cũng vẫn tiếp tục còn tình trạng vì lợi ích rất cục bộ, trước mắt nên cứ nhập khẩu, cứ gọi nước ngoài đầu tư cho dù ta dư sức làm. Đây là vấn đề rất nhức nhối và có thể nói gần như bị buông lỏng quản lý.

Tôi xin đề nghị cần bàn rất kỹ về vấn đề này để có giải pháp thúc đẩy đủ quyết liệt, không nên để mục tiêu tới năm 2005 vẫn còn phải nhập khẩu 40% và tới năm 2010 vẫn phải nhập khẩu 20% như trong quy hoạch được.



3. Tôi đã một số lần có phát biểu về phát triển nguồn lợi thủy sản nước ngọt. Diện tích ao hồ, sông ngòi, ruộng trũng tự nhiên cũng như các hồ chứa thủy điện, thủy lợi đã và đang đầu tư xây dựng rất lớn nhưng hầu như chưa được sử dụng vào nuôi thủy sản. Cần có định hướng rõ và các biện pháp khuyến khích đủ mạnh để đưa vào nuôi thâm canh (ít ra cũng bán thâm canh) đáp ứng yêu cầu tiêu dùng tươi sống trong nước, đồng thời tạo nguồn nguyên liệu đủ quy mô, ổn định cho công nghiệp chế biến và chế biến xuất khẩu. Vấn đề này cũng liên quan trực tiếp tới chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp (nuôi trồng thủy sản cũng là một thứ chăn nuôi) và thực sự nâng cao hiệu quả sử dụng đất và mặt nước.

Có thể nói, đây là mảng lớn, chưa được chú trọng phát triển đúng mức. Tôi cho rằng, cần tăng cường năng lực quản lý, điều hành cho mảng công việc này. Giảm đầu mối, giảm biên chế là những yêu cầu được đặt ra trong cải cách hành chính. Tuy nhiên, mục tiêu bao trùm nhất của cải cách hành chính là nâng cao năng lực bộ máy. Vì vậy, không nên cào bùng. Đối với ngành thủy sản, tôi thấy nên tổ chức một đầu mối tinh gọn, đủ mạnh lo mảng nuôi trồng nói chung và mảng nuôi trồng nước ngọt nói riêng. Có thể chỉ cần ở Trung ương mà không nhất thiết phải tổ chức theo chiều dọc xuống tỉnh, huyện.

Khai thác các vùng nước sâu, nông cũng như nuôi trồng nước mặn, nước lợ, nước ngọt đều là những mảng công việc cần có một đội ngũ cán bộ khoa học, công nhân có tay nghề mới đáp ứng được yêu cầu sử dụng có hiệu quả và bảo vệ được nguồn tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững ngành kinh tế mũi nhọn này. Vì vậy, rất cần tăng cường năng lực đào tạo từ bậc công nhân



trở lên tới đại học, trên đại học. Theo tôi, nên có một trường đại học chuyên ngành thủy sản và các cơ sở đào tạo chuyên ngành nên giao cho Bộ Thủy sản quản lý (đương nhiên là vẫn chịu sự quản lý chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tổng cục Dạy nghề).

Xin phát biếu để các anh xem xét.

Võ Văn Kiệt

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Văn phòng Chính phủ (giai đoạn 1960 - 2002),
hồ sơ số 6856.

Phần II

**DÂU ÂM
VÕ VĂN KIỆT**
**TRONG LĨNH VỰC
VĂN HÓA - XÃ HỘI**



BÁO CÁO

VỀ HỘI NGHỊ PHÂN BỐ LAO ĐỘNG VÀ DÂN CƯ CÁC TỈNH NAM BỘ

Số 248/Pg, ngày 15, 16 tháng 02 năm 1986

Kính gửi: Các anh trong Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng

Ngày 15 và 16/02/1986, tôi đã chủ trì cuộc họp về phân bố lao động và dân cư các tỉnh Nam Bộ tại Mỹ Tho (Tiền Giang).

Dự hội nghị này có các đồng chí Bộ trưởng Thủy lợi, Lâm nghiệp, Văn hóa; các đồng chí Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Khoa học - Kỹ thuật Nhà nước, Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng, các đồng chí Thứ trưởng Tài chính, Lao động, Nông nghiệp, Lương thực, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng cục Phó Tổng cục Cao su, đại diện Quân khu 9. Về phía địa phương, có các đồng chí chủ tịch tỉnh Tiền Giang, Sông Bé, các đồng chí phó chủ tịch hoặc ủy viên thư ký các tỉnh: Đồng Nai, Tây Ninh, Long An, Cửu Long, Đồng Tháp, Bến Tre, An Giang, Kiên Giang, Minh Hải, Thành phố Hồ Chí Minh và phó chủ tịch 3 tỉnh có dân đi: Hà Nam Ninh, Hải Hưng và Thái Bình. Ngoài ra, còn có đại diện một số huyện có dân đến.

Tại Hội nghị, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước đã trình bày bản báo cáo về kế hoạch phân bố lao động và dân cư 5 năm 1986 - 1990 và năm 1986 các tỉnh Nam Bộ; Bộ Lao động đã trình bày dự thảo các



chính sách liên quan đến sử dụng lao động và phân bổ lao động ở Nam Bộ. Các đồng chí Bộ trưởng Thủy lợi, Lâm nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh Tiền Giang, Sông Bé và đại diện một số ngành, địa phương đã phát biểu ý kiến về biện pháp thực hiện và nhiệm vụ, biện pháp của ngành mình để phục vụ cho kế hoạch phân bổ lao động và dân cư; đặc biệt báo cáo của đồng chí Chủ tịch tỉnh Tiền Giang và đồng chí Phó Chủ tịch tỉnh Long An đã nêu được một số kinh nghiệm tốt về chỉ đạo thực hiện công tác này trong nội tỉnh. Về chính sách do Bộ Lao động soạn và trình bày tại hội nghị, chưa được cụ thể, còn phải làm tiếp để chính sách có tác dụng khuyến khích đẩy mạnh công tác phân bổ lao động và dân cư.

Các tỉnh đồng bằng sông Hồng: Hà Nam Ninh, Hải Hưng, Thái Bình có dân đi và một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long: Kiên Giang, Long An, Minh Hải còn phân vân, chưa được chuẩn bị nhận dân đến, do còn vuông mắc về vốn đầu tư, do cách làm trước đây có khuyết điểm...

Về phân bổ lao động trong nội tỉnh, nội huyện, các tỉnh Nam Bộ đã nhận thức rõ hơn, thấy sự cần thiết và một số nơi đã làm tốt, như Tiền Giang, Long An.

Tôi đã chỉ đạo các ngành và địa phương tiếp tục xử lý các vấn đề để bảo đảm triển khai kế hoạch, như:

1. Bộ Lao động xúc tiến hoàn chỉnh văn bản về các chính sách để trình Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng xét và ban hành.
2. Các địa phương nhận dân đến cùng các ngành xúc tiến việc quy hoạch địa bàn sẽ nhận dân.
3. Các tỉnh Minh Hải, Kiên Giang, Long An cùng các tỉnh Thái Bình, Hà Nam Ninh, Hải Hưng tiếp tục làm việc với nhau



để xác định địa bàn, bàn kế hoạch và biện pháp để triển khai kế hoạch đưa dân và đón dân, tích cực chuẩn bị cho mùa khô 1986 - 1987. Năm 1986, tỉnh Hải Hưng đưa ngay lao động vào để khai hoang ngay 10.000 ha mà tỉnh Long An đã được chuẩn bị tương đối tốt. Trong năm 1986, các tỉnh Minh Hải, Kiên Giang phải tăng thêm chỉ tiêu phân bổ lao động trong nội tỉnh để bù lại số dân đón từ các tỉnh miền Bắc vào, đồng thời cùng tỉnh liên quan chuẩn bị tích cực để mùa khô năm 1986 - 1987 nhận được dân đến theo kế hoạch phân bổ.

4. Tôi đã truyền đạt tinh thần của Thường trực Hội đồng Bộ trưởng về việc tổ chức hội đồng phân bổ lao động và dân cư ở Trung ương và các địa phương; hội nghị hoan nghênh và thấy cần thiết phải có tổ chức mạnh, có hiệu lực mới bảo đảm thực hiện được công tác quan trọng này.

Sau hội nghị này, tôi sẽ chỉ đạo các ngành, địa phương để tiếp tục tổ chức hội nghị phân bổ lao động và dân cư các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc (dự kiến họp vào giữa tháng 3/1986) gắn với các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ.

Kính

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phông Thủ tướng Võ Văn Kiệt, hồ sơ số 25.

THƯ GỬI ỦY BAN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC VỀ VẤN ĐỀ PHÊ BÌNH, TỰ PHÊ BÌNH

Ngày 04 tháng 6 năm 1986

Kính gửi: Các anh trong Ủy ban,

Trong dịp tiến hành tự phê bình và phê bình hiện nay, tôi muốn đề nghị Ủy ban phân tích sâu sắc về tình hình công tác kế hoạch, trách nhiệm của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước với tư cách là tổng tham mưu về kinh tế, để từ kinh nghiệm, bài học của thời gian qua, chấn chỉnh một bước công tác của chúng ta. Như các anh đều biết, trong nhiều năm nay, đã nhiều lần đề nghị tổng kết công tác kế hoạch hóa, chúng ta vẫn chưa làm được như ý muốn.

Lần này, tôi muốn đề nghị Ủy ban dành thời giờ thích đáng, để xem xét hai vấn đề chủ yếu:

- Trách nhiệm của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, kinh nghiệm về bài học rút ra từ việc xác định cơ cấu kinh tế thời gian qua; đó cũng là phương hướng để khắc phục trong thời gian tới;

- Phân trách nhiệm của cơ quan kế hoạch trong cơ chế quản lý hành chính quan liêu, bao cấp; và cụ thể là bệnh này biểu hiện trong kế hoạch như thế nào; cần sửa ra sao?

Tôi nghĩ rằng và khẩn thiết đề nghị được kiểm điểm sâu sắc, để rút ra được bài học kinh nghiệm, điều đó chỉ có ích cho việc đổi mới thật sự công tác kế hoạch hóa trong thời gian tới, hoàn toàn không có gì đáng nể nang, e ngại, trên cơ sở đặt lợi ích chung trên hết, đừng để ảnh hưởng bởi bất cứ một sự tình cảm riêng tư nào trong chúng ta.



Với tinh thần ấy, tôi đã giao một số anh em dự thảo trên cơ sở tổng hợp ý kiến các anh trong Ủy ban bản kiểm điểm kèm theo đây - Bản này cũng mới chỉ thể hiện được một mức lòng mong muốn đó - Tôi thiết tha đề nghị các anh dành thời giờ xem kỹ, góp thẳng vào bản kiểm điểm, gửi lại tôi, anh em sẽ tổng hợp lại trình ra Ủy ban thông qua. Sau đó, sẽ hoàn chỉnh bản kiểm điểm, đưa ra cấp vụ thảo luận bổ sung thêm.

Làm được tốt việc kiểm điểm lần này, chắc chắn chúng ta sẽ nêu ra được phương hướng, biện pháp củng cố Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, xây dựng một cơ quan đúng tầm với yêu cầu của chức năng, nhiệm vụ tổng tham mưu về kinh tế, đáp ứng được đòi hỏi của Đảng và Nhà nước.

Rất mong các anh quan tâm và cùng đóng góp tích cực và thẳng thắn.

Thân ái

Sáu Dân

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phông Thủ tướng Võ Văn Kiệt, hồ sơ số 25.

**THƯ GỬI ÔNG HOÀNG QUY,
ỦY BAN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC VỀ CUNG CẤP
VẬT TƯ, GIẢI QUYẾT KHẮC PHỤC HẬU QUẢ
LŨ LỤT TẠI TỈNH LẠNG SƠN**

Ngày 02 tháng 8 năm 1986

Kính gửi: Anh Hoàng Quy, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước

Sáng nay, tôi đã làm việc với Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Tình hình lũ lụt đã gây thiệt hại rất lớn cho tỉnh. Tỉnh ủy và Ủy ban tỉnh đang tập trung chỉ đạo để khắc phục khó khăn, nhằm ổn định sinh hoạt và chuẩn bị cho sản xuất. Sau khi nghe báo cáo, tôi đã trao đổi với anh Lập, anh Hiến (Vụ phó Vụ Vật tư) thấy cần thiết phải giải quyết ngay một số nhu cầu bức bách nhất. Các đồng chí ở địa phương sẽ mang thư này cho anh và trình bày kỹ thêm để anh rõ. Đề nghị anh chỉ đạo các vụ của ta đôn đốc các cơ quan cung ứng, ưu tiên giải quyết kịp thời, khẩn trương các loại vật tư hàng hóa mà Ủy ban Kế hoạch Nhà nước giao cho tỉnh trong kế hoạch 1986. Đồng thời giải quyết thêm cho tỉnh các loại vật tư sau đây:

1. Xe ôtô vận tải: 15 chiếc.
2. Than mỏ: 100 tấn.
3. Tôn lợp: 30 tấn.
4. Xăng ôtô: 200 tấn.
5. Điesel: 200 tấn.
6. Cáp nhôm: 5 tấn.



Đề nghị anh Nhuồng trao đổi ngay với Bộ Tài chính để giải quyết cho tỉnh 25 triệu đồng tiền mặt (trong tổng số yêu cầu của tỉnh là 75 triệu). Trước mắt là để trợ cấp cho hơn 2.000 hộ gia đình bị mất hết tài sản, nhà cửa. Đồng thời bàn với Bộ Nội thương cấp ngay cho tỉnh các hàng hóa như: giấy dầu, bát ăn cơm, nồi, chǎn màn, chiếu và giấy học sinh, đặc biệt là tỉnh có đề nghị nếu cho phép tỉnh mua thịt lợn hơi với giá bình quân 90 đồng/kg thì khả năng mua trên 1.000 tấn để cấp cho bộ đội, cán bộ trên địa bàn.

Những vấn đề trên tôi đã có điện báo cáo anh Năm Công, anh Đồng Sỹ Nguyên và anh Truyền.

Sau khi nghe các đồng chí Lạng Sơn báo cáo, nếu anh đồng ý với những ý kiến trên của chúng tôi, đề nghị anh cho ra ngay văn bản của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và đôn đốc Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng ra quyết định sớm để địa phương và các ngành triển khai.

Thân ái

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phông Thủ tướng Võ Văn Kiệt, hồ sơ số 25.

BÁO CÁO

VỀ TÌNH HÌNH LŨ LỤT TẠI CÁC TỈNH LẠNG SƠN, CAO BẰNG VÀ BẮC THÁI

Ngày 06 tháng 8 năm 1986

Kính gửi: - Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng,

Tôi đi thăm và nghiên cứu tình hình thực tế lũ lụt tại ba tỉnh: Lạng Sơn, Cao Bằng và Bắc Thái từ ngày 02 đến ngày 05/8/1986; nghe Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân báo cáo cũng như phản ánh của các ngành trong tỉnh về diễn biến của lũ lụt, về tổn thất của địa phương, về hướng khắc phục của tỉnh và xem xét thực tế các điểm thiệt hại. Tôi đã tham gia ý kiến với hai tỉnh để khắc phục hậu quả sau lũ lụt cũng như quyết định giải quyết những nhu cầu bức bách để hai tỉnh sớm ổn định đời sống và ổn định sản xuất đã tham gia với từng tỉnh về các định hướng phát triển kinh tế lâu dài và các biện pháp kết hợp kinh tế với quốc phòng trên địa bàn từng tỉnh.

Để Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng trong việc chỉ đạo cụ thể, tôi phản ánh một số nét cơ bản về đợt đi công tác thực tế ở ba tỉnh lũ lụt trên.

1. Tỉnh Lạng Sơn

11 huyện đều bị ảnh hưởng của lũ lụt, 76 xã, phường, thị trấn bị ngập úng, điển hình là thị xã Lạng Sơn ngập 30 giờ, thị trấn



Thất Khê, Tràng Định ngập 72 giờ, lượng mưa trong ngày 21 đến ngày 23/7 tới 360 ly. Mực nước chưa từng có, vượt mực nước lụt năm 1914 đến 1,5 m nước.

- Số người chết 24 người, ngoài ra số bộ đội trôi dạt, vắng mặt 40 người chưa xác định được.

- Số người bị thương 4 người.

- Nhà cửa hư hỏng hoàn toàn 1.152 cái (sập đổ, nước cuốn trôi nhà ở, trụ sở các cơ quan), kho tàng hư hỏng hoàn toàn 9.722 m², tường rào bị đổ gần 1.000 m, sách giáo khoa trôi,...

Về nông nghiệp:

+ Diện tích lúa bị ngập úng: 6.810 ha.

Trong đó: + Lúa xuân chưa kịp thu hoạch: 1.710 ha.

 + Lúa mùa đã cấy: 5.100 ha (mất trắng 2.929 ha).

- Ngô chưa thu hoạch: 149,6 ha.

- Hoa màu đỗ các loại: 283,0 ha.

Nước cuốn trôi 170 tấn thóc giống, 14 con trâu bò.

Về lâm nghiệp: Xí nghiệp chế biến lâm sản gỗ bị trôi 350 m³, số vùi lấp ở bãi 1 và bãi 2 đang thống kê.

Về thủy lợi: Các hồ chứa lớn đều vượt mức lũ thiết kế.

- Hồ Tà Keo nước vượt qua tràn 3 m; vượt qua đập đất 0,2 m.

- Hồ Nà Cáy: Nước vượt qua tràn 1,9 m cao hơn mức lũ thiết kế 0,7 m phá hủy 1 tràn bêtông cốt thép.

- Đập xây Gia Cát trên sông Kỳ Cùng bị trôi đứt 20 m.

- Đập Lầu Xá Cao Lộc nước tràn làm đổ đập 15.000 m³, đất đắp.

- Kênh mương bị sạt lở 5 km so với toàn bộ có 100 km.

- Các trạm bơm và thủy điện đều bị ngâm nước.

Về giao thông: Nhiều đoạn bị lở, có nơi mất hẳn đoạn đường dài 40 m sâu tới 4 m có nơi nứt sâu vào đường nhựa tới 1 m và dài tới 200 m, đất sụt lở hàng 10.000 m³, cầu Kỳ Cùng bị trôi để lại mố cầu.



Về vật tư hàng hóa: Thống kê chưa đầy đủ số thiệt hại đã lên tới 74 triệu đồng.

Nhin chung lũ lụt đã gây thiệt hại nặng nề về người và của cho nhân dân tỉnh Lạng Sơn: hàng nghìn hộ chưa có nhà ở, giá cả tăng: gạo trên 20 đồng/kg, thịt lợn trên 200 đồng/kg. Sản xuất công nghiệp hầu hết phải ngừng hoạt động tới nay vì chưa kịp phục hồi lại thiết bị máy móc và chưa chuẩn bị kịp nguyên liệu. Dự trữ lương thực hết, đang phụ thuộc lớn vào vận chuyển của Trung ương lên. Đã có nhiều đoàn đại biểu của Đảng và Nhà nước lên thăm tỉnh và bàn biện pháp khắc phục hậu quả của lũ lụt.

Lãnh đạo của tỉnh đã cùng quân và dân trong tỉnh có nhiều cố gắng cứu người, cứu của trong lúc lũ lụt và đang từng bước chỉ đạo khắc phục hậu quả.

- Bộ Giao thông vận tải đã cấp 2 triệu đồng, 20 tấn nhựa đường, 30 tấn xăng, 30 tấn dầu để sửa chữa cầu đường, đã triển khai bắc cầu cáp tại vị trí cầu Kỳ Cùng cho nhân dân đi lại.

- Bộ Nông nghiệp đã giải quyết cho mua 100 tấn giống lúa và 150 tấn phân đạm.

- Bộ Nội thương đã cấp lệnh phân phối 100.000 m giấy dầu, 10 tấn đinh, 4.000 đôi pin đèn.

- Bộ Y tế đã cấp 30 kg thuốc khử trùng nước uống, 49 cơ sở thuốc chữa bệnh.

- Ủy ban nhân dân Hà Nội đã chi viện: 3 tấn dầu hỏa, 5 tấn muối, 5 tấn gạo, 5 cơ sở thuốc chữa bệnh.

- Nông trường Hữu Lũng đã quyên góp giúp nhân dân Lạng Sơn 2 tấn thóc.

Tỉnh yêu cầu Trung ương giải quyết tiếp các nhu cầu vật chất cho tỉnh để khắc phục hậu quả lũ lụt; tất cả nhu cầu tỉnh đề xuất



còn phụ thuộc vào khả năng cân đối chung của Nhà nước. Tôi đã chỉ thị cho các đơn vị hữu quan nghiên cứu giải quyết tiếp theo; xét sự cần thiết bức bách về vật tư phục vụ sản xuất, tôi đã quyết định bổ sung ngay cho Lạng Sơn.

- Xe ôtô vận tải 4 - 6 tấn: 15 cái.
- Xăng ôtô: 200 tấn.
- Điesel: 100 tấn.
- Cáp nhôm: 5 tấn.
- Than mỏ: 100 tấn.
- Tôn lợp: 20 tấn.

Các vật tư khác được ưu tiên lấy trong chỉ tiêu kế hoạch đã ghi.

2. Tỉnh Cao Bằng

Nếu lấy năm lũ lụt cao nhất trước đây so sánh thì năm 1950 là 19,7 m; năm 1971 là 17,9 m; lũ kỷ này 18,3 m. Như vậy, lũ chỉ cao hơn năm 1971 có 0,4 m và có thấp hơn năm 1950 tới 1,4 m. Tuy vậy, vấn đề thiệt hại ở Cao Bằng chủ yếu do nước lên quá nhanh và lên vào ban đêm.

Tỉnh xác định số thiệt hại (không kể phần diện tích cây trồng bị ngập lụt) tới 12.396.975 đồng.

Trong đó:

- Khu vực quốc doanh: 7.845.975 đồng.
- Khu vực tập thể: 1.065.000 đồng.

Về nông nghiệp:

Diện tích cây trồng bị ngập: 2.302,4 ha.

Trong đó: Lúa: 1.747,4 ha.

Ngô: 76 ha.

Đỗ các loại: 387 ha.

Hoa màu: 40 ha.

*Giao thông vận tải:*

- Đường sạt lở: 30.000 m³.
- Sập 4 cầu chiềng dài toàn bộ: 190 m.
- Đường địa phương
 - + Đất sụt lở: 70.000 m³.
 - + Sập 7 cầu tổng chiềng dài: 97 m.
 - Đường dây bị đổ: 400 m.
 - Số hộ bị ngập: 1.450 hộ.
 - Số hộ bị mất trăng: 31 hộ.
 - Người bị chết: 5 người.
 - Lợn trôi: 21 con của nhân dân và nông trường trên 100 con.
 - Trâu chết: 2 con.

Ở Cao Bằng do thực tế năm 1950 mực nước tối 19,7 m nên quy hoạch nhà cửa kho tàng chủ yếu được bố trí ở địa hình cao nên mức tổn thất so với Lạng Sơn không lớn.

Tỉnh đã kịp thời thông báo cho cán bộ, nhân dân và huy động kịp thời phương tiện để chống lũ lụt nên hạn chế nhiều thiệt hại về người và của.

Sau lũ lụt, tỉnh đã triển khai lực lượng lo cứu trợ các gia đình thiệt hại nặng và gia đình thương binh, liệt sĩ, tăng cường cán bộ các ngành xuống cơ sở để xử lý các hậu quả và ổn định tổ chức, chỉ đạo sản xuất. Đang tập trung lực lượng để khai thông việc thông tin liên lạc và giao thông.

Chỉ đạo hợp tác xã thu hoạch vụ đông xuân và chăm sóc cây trồng vụ mùa.

Về Cao Bằng, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước sẽ bổ sung nhu cầu cho tỉnh trong điều chỉnh tối, trước mắt để giúp tỉnh sớm ổn định



sản xuất, tôi đã quyết định giải quyết ngay cho tỉnh một số vật tư thiết yếu:

- | | |
|-------------------------|---|
| 1. Xe tải 4 - 6 tấn: | 1 cái. |
| 2. Máy ủi 75 cv: | 1 cái. |
| 3. Xe uoat tải 1,5 tấn: | 1 cái. |
| 4. Tôn lợp: | 30 tấn. |
| 5. Cáp nhôm: | 15 tấn (số này đã ghi chỉ tiêu thanh toán quyền sử dụng ngoại tệ nay cho thanh toán bằng tiếng Việt). |

3. Tỉnh Bắc Thái

- Lũ gây ngập lụt lớn, ngập 8.400 ha lúa trong đó bị mất trăng 3.000 ha, người chết 24 người, các tuyến đê chính đều được giữ vững, lãnh đạo tỉnh đã tập trung lực lượng với mức cao bảo vệ được cống số 1 đê Phổ Yên, Bắc Thái không bị vỡ bảo đảm bảo vệ được tài sản của Nhà nước và nhân dân.

Ở xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn nước chảy mạnh, cây que đất trôi về lấp mất đường hầm xuyên qua núi đá dẫn nước xuống hồ Ba Bể, làm nước dâng lên cao ngập một vùng rộng lớn 100 km², hiện nay 50 - 60 nóc nhà đang chìm dưới nước. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đang triển khai công tác khắc phục hậu quả lũ lụt.

Tôi cùng Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh dành nhiều thời giờ thảo luận về lương thực thực phẩm - công tác lâm nghiệp và định canh, định cư.

- Về vấn đề lương thực thực hằng năm tỉnh xin Trung ương 6 vạn tấn chủ yếu cung cấp cho nhu cầu của Trung ương trên lãnh thổ, riêng nhu cầu của tỉnh 2 vạn tấn đã tự cân đối được với bình quân lương thực thực đầu người trên địa bàn 250 kg/năm. Mấy năm vừa qua,



tốc độ sản lượng lương thực tăng bình quân hằng năm là 6%, xét điều kiện cụ thể và tiềm năng của Bắc Thái dự kiến tới năm 1990 phấn đấu bình quân đầu người trên địa bàn trên 350 kg/năm. Thâm canh tăng năng suất và tăng vụ là chủ yếu, giải quyết lương thực nói chung là cả loại hoa màu có chất bột. Các cây có chất bột ở trung du miền núi khá phong phú.

Đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp, các lâm sản phát huy thế mạnh tạo ra nhiều nông lâm sản xuất khẩu để cân đối thêm lương thực.

Cải tiến cơ cấu lương thực bữa ăn ở Bắc Thái cần được tiến hành sớm và có ý nghĩa rất lớn để cân đối lương thực. Với những phương hướng trên đều tư và cung ứng vật tư thỏa đáng đẩy mạnh sản xuất thì tỉnh Bắc Thái có khả năng tự cân đối được lương thực tại chỗ trên địa bàn tỉnh. Cụ thể cần đủ đạm, lân, kali và thuốc trừ sâu theo tỷ lệ. Đi sâu vào khai thác từng cánh đồng, từng đồi nương sản xuất có hiệu quả.

- Vấn đề thực phẩm hàng năm Bắc Thái vẫn xin Trung ương cấp 1.500 tấn thịt hơi, sau khi tính toán Bắc Thái đủ điều kiện đẩy mạnh chăn nuôi tự lo được thực phẩm trên địa bàn, Nhà nước tạo điều kiện hỗ trợ cho tỉnh cân đối đủ thức ăn gia súc để gia công cho cán bộ, công nhân viên chăn nuôi và cung ứng cho lực lượng vũ trang tự chăn nuôi.

Ngoài ra thu mua thịt hàng hóa với người chăn nuôi lấy giá thóc làm chuẩn để tính toán thu mua có thể khoảng 6 kg thóc/1 kg thịt hơi là phù hợp. Những phí lưu thông về vận tải trước đây Trung ương phải chuyển thịt cho Bắc Thái thì Trung ương giao số đó cho tỉnh để thúc đẩy chăn nuôi.

Trong năm 1986 này, đề nghị Trung ương hỗ trợ cho tỉnh 6.000 tấn thức ăn để chăn nuôi giải quyết thịt tại chỗ làm đà và tạo cơ sở để đẩy mạnh trong năm 1987.



Mía đường khẳng định tự sản xuất trong tỉnh không xin Trung ương mỗi huyện bố trí từ 250 - 300 ha để tự cân đối, tỉnh tập trung xây dựng vùng mía đường hàng hóa của tỉnh ở Võ Nhai - Đồng Hỷ.

- Về vấn đề lâm nghiệp và định canh, định cư.

Diện tích rừng 404 nghìn ha, trên 650 nghìn ha diện tích tự nhiên, rừng gỗ 124 nghìn ha, rừng vầu 16 nghìn ha, rừng nứa 14 nghìn ha, rừng cọ 4.700 ha, rừng đang kinh doanh 220 nghìn ha trữ lượng 1 triệu m³.

Đất trống đồi trọc phải trồng cây còn rất lớn khoảng 250 nghìn ha trong những năm trước mắt tới năm 1990 chủ trương của tỉnh là ngăn chặn phá rừng, bảo vệ tái sinh rừng, một phần trồng rừng - trồng cây đặc sản, khai thác hợp lý hàng năm khoảng 2 vạn 5 m³ gỗ.

Để giải quyết vấn đề này phải sử dụng tốt kinh tế quốc doanh, tập thể và đặc biệt là kinh tế gia đình vào bảo vệ, chăm sóc và trồng rừng bằng cách giao đất giao rừng. Đặc biệt trước mắt là gắn công tác định canh, định cư với công tác lâm nghiệp, chuyển đồng bào làm nghề rừng.

Bắc Thái hiện còn 11.000 người du canh, du cư ở trên 6 huyện 66 xã và 77 điểm. Năm 1987 tỉnh chủ trương hoàn thành dứt điểm để ổn định đồng bào.

Đây là hai mục tiêu quan trọng nhất của Bắc Thái, cụ thể sẽ được xây dựng trong kế hoạch 5 năm 1986 - 1990, có những việc sẽ triển khai ngay trong kế hoạch năm 1987.

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phông Thủ tướng Võ Văn Kiệt, hồ sơ số 25.

PHÁT BIỂU
TẠI HỘI NGHỊ VÙNG CAO VÀ DÂN TỘC MÔNG
CÁC TỈNH PHÍA BẮC

Ngày 28 tháng 12 năm 1991

(Trích)

Hội nghị đã nghe báo cáo của Văn phòng Miền núi và Dân tộc, của Bộ Lâm nghiệp và của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước; Hội nghị cũng đã nghe phát biểu ý kiến của đồng chí Nông Đức Mạnh và ý kiến của các đồng chí đại diện các tỉnh phía Bắc có vùng cao và dân tộc Mông.

Tôi muốn nhấn mạnh thêm về ý nghĩa của hội nghị này: Tiếp theo các cuộc hội nghị về các chính sách đối với dân tộc Khmer, các dân tộc Tây Nguyên và dân tộc Chăm, *cuộc hội nghị này tập trung bàn về các chính sách đối với các dân tộc vùng cao và dân tộc Mông* là nhằm tiếp tục thể hiện quan điểm, đường lối của Đảng trong vấn đề dân tộc, một nội dung rất quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên Tổ quốc ta.

Với ý nghĩa ấy, tôi nghĩ rằng các vấn đề được nêu lên trong Hội nghị này cần được bàn kỹ và khi đã kết luận, cần được tổ chức thực hiện một cách chặt chẽ và đạt kết quả thiết thực.

Tôi xin phát biểu một số ý kiến sau đây nhằm nhấn mạnh thêm các nội dung đã thảo luận.



1. Về cách đặt vấn đề vùng cao phía Bắc và dân tộc Mông trong tình hình hiện nay

Vùng núi cao phía Bắc (tỉnh từ Nghệ An trở ra đến Lạng Sơn) có số dân trên 2 triệu người, gồm 30 dân tộc anh em, trong đó đông nhất là dân tộc Mông có khoảng 53 vạn người, dân tộc Dao có khoảng 15 vạn người. Đây là một vùng có vị trí rất quan trọng của nước ta, trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội cũng như về quốc phòng và an ninh.

Khác với trước đây, lần này, chúng ta bàn về các chính sách đối với vùng cao và dân tộc Mông trong tình hình có hai điểm cần đặc biệt chú trọng sau đây:

Thứ nhất, trải qua quá trình đổi mới theo đường lối Đại hội VI và được cụ thể hóa bằng các nghị quyết hội nghị trung ương, nền kinh tế - xã hội nước ta đã đạt được những tiến bộ bước đầu rất quan trọng, mà nổi bật là cả ba mặt chính trị, kinh tế, xã hội vẫn giữ được ổn định về cơ bản. Cơ chế thị trường đang được vận dụng ngày càng phù hợp với điều kiện nước ta và đang được triển khai trên toàn bộ các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội ở tất cả các vùng, các dân tộc, với những mức độ khác nhau. Phát triển kinh tế - xã hội ở vùng cao phía Bắc, trong các dân tộc vùng cao cũng phải đặt trong bối cảnh cơ chế mới: đó là phát huy mọi khả năng, thế mạnh của các dân tộc vùng cao khắc phục tính tự túc, tự cấp, phát triển mạnh mẽ nền kinh tế hàng hóa, mở rộng giao lưu hàng hóa giữa các vùng trong cả nước.

Thứ hai, các tỉnh miền núi phía Bắc có biên giới dài với các tỉnh Trung Quốc, có quan hệ lâu đời về kinh tế, xã hội với nhân dân bên kia biên giới. Đồng bào dân tộc Mông có nhiều quan hệ về dòng họ, về hôn nhân với phía Trung Quốc.



Ngày nay, quan hệ Trung Quốc - Việt Nam đã được bình thường hóa; quá trình bình thường hóa này sẽ mở ra những điều kiện thuận lợi mới đồng thời cũng thúc đẩy, chúng ta phải đặc biệt quan tâm phát triển kinh tế - văn hóa các tỉnh miền núi phía Bắc với một tốc độ nhanh hơn.

Điều có ý nghĩa lớn là việc khôi phục quan hệ giữa nhân dân biên giới sẽ tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất hàng hóa của các tỉnh phía Bắc, từ đó góp phần nâng cao đời sống nhân dân các dân tộc vùng cao.

Để có căn cứ xác định nhiệm vụ trong các năm tới, mỗi tỉnh đều phải đánh giá cụ thể sự phát triển trong mấy năm qua, có những thay đổi gì trong tỉnh, trong các dân tộc, thậm chí có vùng chưa có thay đổi gì cả cũng cần đánh giá cho rõ, nói cho rõ mức độ khác nhau. Tôi muốn nhấn mạnh rằng mỗi tỉnh đều phải theo dõi, nắm chắc tình hình hơn nữa, toàn diện, khách quan hơn. Tôi nghĩ rằng mấy năm gần đây, cùng với sự phát triển của cả nước, các vùng dân tộc của nước ta cũng đã có mức phát triển, có thể ít, nhiều khác nhau, không phải một chiều tốt cả, nhưng chắc cũng không phải là không có gì thay đổi.

2. Một số điểm về phát triển sản xuất

a) Trước hết là về phương hướng, cơ cấu sản xuất của các tỉnh vùng cao phía Bắc

Cần khẳng định rằng các tỉnh vùng cao phía Bắc có tiềm năng lớn về lâm nghiệp, nông nghiệp và một số khoáng sản quý. Về kế hoạch 1991 - 1995 các tỉnh đã làm việc với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước; rồi đây, Chính phủ sẽ giao kế hoạch năm 1992 cho các tỉnh, thể hiện mức phát triển của năm 1992 theo các định hướng của chiến lược kinh tế - xã hội đến năm 2000 của nước ta



và kế hoạch 5 năm 1991 - 1995 (nay chỉ còn 3 năm 1992 - 1995). Điều tôi muốn nhấn mạnh là:

Một là, phải nhầm đạt được một bước phát triển có ý nghĩa, rút ngắn khoảng cách chênh lệch về trình độ kinh tế, văn hóa, xã hội giữa các dân tộc, cụ thể là phải giải quyết dứt điểm vấn đề du canh, du cư, di dịch cư tự do, thực hiện xong định canh, định cư; xóa nạn đói giáp hạt; bảo đảm nước sinh hoạt; đẩy lùi và tiến tới xóa bỏ một số dịch bệnh. Những mục tiêu đó phải được xác định rất cụ thể ở từng vùng, từng dân tộc, dứt điểm từng việc trong từng thời gian. Việc gì dứt điểm được trước thì tập trung sức làm trước, không thể để kéo dài, năm nào cũng nhắc lại những vấn đề cũ mà không có bước tiến triển nào.

Hai là, trong việc xác định cơ cấu sản xuất, không nên mây móc, cứng nhắc, ví dụ như lâm - nông - công nghiệp hay nông - lâm - công nghiệp, v.v. phải vận dụng rất cụ thể, thiết thực cho từng vùng, thậm chí từng xã cụ thể.

Tôi hoan nghênh kinh nghiệm của Hòa Bình: đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cho biết có xã đã căn cứ vào đặc điểm xã mình, thay cây độc canh (lúa) sang đa canh, làm nhiều cây, con phù hợp, chuyển ruộng lúa 1 vụ sang trồng mía, đỗ, khoai... do đó đã cải thiện rõ rệt đời sống nhân dân (70% số hộ thuộc loại trung bình, thu nhập 5 - 6 triệu đồng một năm) lấy tiền bán các loại sản phẩm này để mua lương thực và còn lãi khá lớn. Thế mà, có lúc, huyện đã định kỷ luật xã này vì không chấp hành đúng cơ cấu do tỉnh và huyện đã xác định! Theo tôi, nên giải quyết ngược lại: tuyên dương sáng tạo của xã này.

Có thể khẳng định: cơ cấu sản xuất là do yêu cầu của thị trường quyết định, vì cái mà chúng ta khuyến khích là phát triển kinh tế hàng hóa, không nên chủ quan áp đặt! Ngày nay, cả nước



ta đã đạt được một bước tiến rõ rệt về lương thực, vấn đề lương thực có thể được giải quyết bằng việc trao đổi hàng hóa, vì vậy, không nên đặt vấn đề tự giải quyết lương thực theo lối cũ, tự túc, tự cấp.

b) Để giải quyết các vấn đề kinh tế, nhiệm vụ số một hiện nay là phải thực hiện có hiệu quả *công tác định canh, định cư*. Trong tổng số 1,2 triệu người trong vùng cao còn du canh, du cư, phải có kế hoạch để từng năm định canh, định cư một số, đặc biệt là người Mông, nếu không thì rừng vẫn tiếp tục bị phá, đồng bào vẫn tiếp tục sống khổ, bệnh tật, không được học hành.

Đây là một vấn đề lớn, chúng ta đã làm từ nhiều năm nay song kết quả vẫn chưa được như ý muốn. Dựa trên thực tế các năm qua, lần này, chúng ta nhấn mạnh cách làm chủ yếu là lấy kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện *làm chương trình đầu tư và chỉ đạo*. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cùng Bộ Tài chính bố trí một số vốn cho các huyện có đồng bào Mông để thực hiện cho được chương trình này.

Tôi xin nhấn mạnh: lâu nay, đồng bào du canh, du cư chủ yếu là do hai vấn đề: lương thực và nước; có ăn, có nước là định cư được, mà định cư được thì có sản xuất hàng hóa, có thu nhập, từ đó giải quyết các nhu cầu khác. Phải tập trung sức giải quyết cho được hai vấn đề đó (về nhà ở, cũng có khó khăn, nhưng điều này cũng dễ giải quyết, vì đã săn vật liệu làm nhà, mà nhà ở cũng chỉ mới ở mức khiêm tốn thôi). Từng tỉnh nếu có điều kiện thì tự điều hòa trong địa phương, nếu thiếu thì Trung ương phải bổ sung đủ lương thực cho đồng bào. Việc giải quyết nước cũng cần tập trung, làm dứt điểm. Hai việc này có thể dùng các nguồn vốn như vốn trồng rừng, vốn định canh, định cư và các vốn khác mà làm. Cần làm dứt điểm sớm hơn, không nên kéo dài đến tận



năm 2000. Tôi đồng ý ở Trung ương nên có *bộ phận phụ trách* các chương trình cho vùng cao, để điều hòa, phối hợp các ngành, vì vấn đề này cần có sự chỉ đạo rất toàn diện.

Về vấn đề một số đồng bào còn trồng cây anh túc, lâu nay, Đảng và Nhà nước đã có chủ trương, nhưng vẫn chưa đủ dứt khoát; nay phải dứt khoát tất cả các vùng đều thôi không trồng nữa, chuyển sang cây khác, như: chè, dâu tằm, mía, đậu tương, các cây làm thuốc và cây ăn quả. Đất trồng cây anh túc được thì trồng các cây khác đều tốt, có giá trị cao. Điều quyết định là phải làm cho thu nhập của đồng bào, trong một số năm đầu, ít nhất cũng bằng hoặc xấp xỉ thu nhập khi trồng cây anh túc. Muốn vậy, phải thực hiện nhiều chính sách như: cấp lương thực, ứng vốn trước không lấy lãi (coi như cho mượn vốn) hoặc mua sản phẩm với giá cao có bù lỗ, v.v. để đồng bào có thêm điều kiện sản xuất.

Tôi muốn nhấn mạnh thêm rằng toàn bộ vấn đề cây anh túc và vấn đề cai nghiện hút phải được đặt thành một chương trình lớn, vì không chỉ thực hiện ở miền núi mà còn cả ở miền xuôi hiện nay đang có tình trạng người nghiện hút tăng lên.

c) Về lâm nghiệp: Bộ Lâm nghiệp có trách nhiệm chỉ đạo chặt chẽ các ủy ban nhân dân tỉnh làm xong trong năm 1992 việc giao đất, giao rừng cho từng hộ gia đình đồng bào dân tộc và các đơn vị kinh tế cơ sở, các cơ quan, trường học, đơn vị quân đội. Phải thực hiện đầy đủ các chính sách khuyến khích việc khoanh nuôi, bảo vệ, thu hái lâm sản (kể cả gỗ và các loại thú quý hiếm).

d) Về giao thông vận tải và bưu điện, đây cũng là một loại việc hết sức bức xúc đối với vùng cao, bởi vì nếu không có giao thông thì không thể có sản xuất hàng hóa, không thể cải thiện được đời sống đồng bào. Lần này, phải chú trọng hơn nữa, phải làm dứt điểm một số đường trực, phát triển tất cả các loại



phương tiện vận tải có phân cấp rõ cho từng loại đường và tính bước đi phù hợp.

3. Một số vấn đề về văn hóa, xã hội và đời sống

Điều mọi người chúng ta day dứt là so với đồng bào miền xuôi, vùng thấp thì đời sống văn hóa, tinh thần của đồng bào vùng cao, đồng bào Mông còn quá thấp kém, kể cả việc ăn, ở đến các phúc lợi văn hóa, phúc lợi xã hội; tình hình mê tín dị đoan, nghiện hút cũng đang có khuynh hướng phát triển.

Cần nhấn mạnh rằng trong cơ chế mới, chúng ta *hoàn toàn không coi nhẹ các vấn đề xã hội*, các vấn đề liên quan đến cuộc sống vật chất và văn hóa tinh thần; ngược lại, luôn luôn gắn chặt kinh tế với văn hóa, xã hội. Riêng đối với đồng bào vùng cao, đồng bào Mông, thì đây lại là một vấn đề xã hội, hơn nữa, vấn đề *chính trị* rất lớn (gần đây, có các hiện tượng xưng vua, đón vua, đi theo đạo Thiên Chúa... rất đáng quan tâm).

Tôi xin nhấn mạnh thêm một số điểm:

Một là, giải quyết *nước sinh hoạt* trong mùa khô cho đồng bào vùng cao. Miền núi vùng cao còn 25 vạn người chưa có nước sạch và chưa đủ nước, dân phải đi xa để lấy nước về. Cần phải tích cực giải quyết bằng nhiều hình thức, như làm đường dẫn nước về hồ chứa, làm giếng lấy nước ngầm và xây bể gia đình để chứa nước. Phải phân công rõ trách nhiệm giữa Bộ Thủy lợi và Bộ Xây dựng về việc này; năm 1992 - 1995 giải quyết cho xong.

Hai là, bảo đảm cho nhân dân vùng cao các mặt hàng tiêu dùng ở mức cao hơn và thực hiện chính sách hỗ trợ giá cả: muối iốt, dầu hỏa, vải mặc, giấy viết. Riêng về muối iốt, các Bộ Thương mại và Du lịch, Tài chính, Y tế và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cần bàn, xác định rõ trách nhiệm của mỗi cơ quan, nhằm giải quyết



cho được vấn đề này theo hướng: Bộ Thương mại và Du lịch bảo đảm hàng đủ cho các huyện; Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm vận chuyển từ tỉnh về huyện; Bộ Tài chính tính toán cấp bù kinh phí cho đến huyện và các huyện vận động các xã đến huyện về để phân phối đến người dân. Đồng thời cũng chú ý đóng gói muối iốt vào các túi nhỏ để thuận tiện cho việc sử dụng của dân.

Gắn với việc bảo đảm các mặt hàng thiết yếu là việc tổ chức các chợ, kể cả chợ ở các vùng nội địa và chợ cửa khẩu biên giới. Bộ Thương mại và Du lịch cần nghiên cứu đề án tổ chức và quản lý cụ thể hơn để cùng các tỉnh thực hiện. Chú ý quán triệt đầy đủ các chủ trương, biện pháp về trao đổi hàng hóa tiểu ngạch qua biên giới giữa cư dân hai bên.

Ba là, giải quyết dứt điểm một số bệnh tật, như buốt cổ, sốt rét, bệnh đường ruột. Ngoài các biện pháp về giải quyết nước sinh hoạt, cung cấp muối iốt như nói ở trên, Bộ Y tế và các tỉnh cần lập đề án giải quyết dứt điểm một số bệnh, ở một số vùng, ngay từ năm 1992, bệnh nào dứt trước, bệnh nào dứt sau và ở đâu (xã nào, bản nào), cần làm cho được. Phân định rõ việc nào Trung ương chịu trách nhiệm, việc nào các tỉnh chịu trách nhiệm.

Đồng thời đặc biệt quan tâm vấn đề hướng dẫn sinh đẻ có kế hoạch, đặc biệt là chăm sóc sức khỏe các bà mẹ, trẻ em.

Bốn là, thực hiện các chủ trương về phát triển giáo dục, văn hóa, nghệ thuật như các đề án đã trình bày. Chú ý các vấn đề như xóa nạn mù chữ, củng cố các trường nội trú, có kế hoạch đào tạo lâu dài cán bộ người dân tộc (Bộ Giáo dục và Đào tạo phải có đề án và nghiên cứu các chính sách phù hợp); chính sách đối với cán bộ các vùng khác đến công tác ở vùng dân tộc; chính sách đối với các loại cán bộ đương chức và nghỉ hưu.



Các ngành báo chí, xuất bản, ca múa nhạc, điện ảnh, truyền hình, v.v. phải có kế hoạch phục vụ đồng bào vùng cao một cách thiết thực hơn; khắc phục khuynh hướng kinh doanh đơn thuần; Nhà nước sẽ có hỗ trợ, bù giá, bù lỗ thỏa đáng: Bộ Tài chính phải tính kinh phí cho các đội của tỉnh và cả các đội chiếu bóng, chiếu video của Trung ương xuống phục vụ đến tận các xã vùng cao. Điều quan trọng là có các loại hình phim đèn chiếu, phim ảnh, video phải tập trung hơn nữa về những vấn đề gần gũi với đời sống đồng bào, tuyên truyền nếp sống vệ sinh, văn minh, dùng các bài hát, điệu múa dân tộc và dùng tiếng dân tộc ở những nơi đồng bào chưa hiểu tiếng phổ thông.

4. Về vấn đề tổ chức thực hiện

Đây là một khâu yếu nhất trong công tác lâu nay của Đảng và Nhà nước ta. Có nhiều trường hợp họp xong hoặc ra được văn bản thì coi là xong việc, không tổ chức đôn đốc việc thực hiện đến nơi, đến chốn. Từ nay, phải xác định cho rõ việc gì đã đưa ra thì nhất thiết phải có theo dõi, kiểm tra thực hiện.

Tôi xin nhấn mạnh mấy điểm sau đây:

Một là, các cấp ủy đảng và chính quyền các tỉnh, huyện, đặc biệt là cấp tỉnh, phải nâng cao hơn nữa trách nhiệm của mình đối với vùng cao, vùng dân tộc Mông. Không thể là ai khác, không có ai thay được các đồng chí trong việc chăm lo mọi mặt đời sống cho dân, có mức tập trung trong từng việc, từng thời gian, cho từng đối tượng cụ thể.

Ở những tỉnh vùng cao, không thể chỉ phân công một, hai đồng chí phó chủ tịch phụ trách vấn đề dân tộc, mà tất cả ủy ban nhân dân phải lo, từ đồng chí chủ tịch đến các phó chủ tịch và toàn bộ bộ máy - nếu không thì không rõ các đồng chí lo vấn đề



gì mà không lo các vấn đề của đồng bào dân tộc? Điều này phải dứt khoát.

Với các huyện, xã vùng cao phải bảo đảm đủ người, đủ điều kiện làm việc cho cán bộ. Ngành nào cần có cán bộ để phụ trách ngành ấy ở huyện, xã thì phải đề ra yêu cầu và phải có trợ cấp cho cán bộ ngành đó.

Hai là, nơi nào có khó khăn thì các đồng chí cán bộ lãnh đạo chủ chốt của tỉnh phải đích thân đi xuống và giải quyết tại chỗ các yêu cầu của nhân dân các dân tộc, hơn là chỉ ngồi ở thị xã mà hội họp hết hội nghị này đến hội nghị khác, trong khi ở bên dưới, có biết bao nhiêu vấn đề nóng bỏng không được giải quyết kịp thời. Các đồng chí giám đốc các sở của tỉnh phải luân phiên đi về huyện, về xã, có bộ máy đi theo để giải quyết tại chỗ công việc của ngành mình. Đồng chí Chủ tịch tỉnh Hòa Bình có kinh nghiệm tổ chức 3 loại cán bộ cùng xuống cơ sở: lãnh đạo, kỹ thuật, vật chất (cán bộ cung ứng vật tư, cho vay vốn) giải quyết tại chỗ được đồng bào hoan nghênh, đồng thời các cán bộ này cũng được chia phần lãi khi công việc đạt kết quả tốt. Đó là một kinh nghiệm để tránh cho dân phải đi xa, phiền hà, lại gánh được trách nhiệm của cán bộ với dân.

Vấn đề phụ cấp đi đường, phụ cấp lưu trú cũng cần được nghiên cứu để khuyến khích cán bộ lên vùng cao; nếu kiêm chế thì chỉ khuyến khích các hội nghị ở tỉnh! Phải chăng, có thể cắt bớt các kinh phí hội nghị ở tỉnh để bảo đảm đủ công tác phí cho cán bộ đi công tác ở xã.

Ba là, do từ nay, sự chỉ đạo phải đi vào các chương trình, cho nên ở Trung ương, tôi đồng ý với đề xuất của các đồng chí là mỗi chương trình cần có người có đủ năng lực, trình độ của các ngành cùng phối hợp chặt chẽ với tỉnh để phụ trách theo chức năng của



ngành. Nhất thiết phải làm thật sự, làm có hiệu quả, làm đến nơi đến chốn, khắc phục cho được tình trạng mà đồng bào dân tộc miền núi lâu nay thường nói “no cái tai mà đói cái bụng”!

Phụ trách chung các chương trình phải có một đầu mối, có thể là một Ban Chủ nhiệm các chương trình của miền núi và dân tộc có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, phôi kết hợp các chương trình để thực hiện cho có kết quả các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội miền núi và dân tộc. Hội đồng Bộ trưởng và riêng cá nhân tôi sẽ phải rất coi trọng chỉ đạo chặt chẽ và dứt khoát deo đuổi sự nghiệp này cho đến thành công.

*

* * *

Tóm lại, tôi đã nhấn mạnh thêm một số điểm cần thiết. Sau Hội nghị này, Văn phòng Miền núi và Dân tộc cần làm việc thêm với các bộ, hoàn chỉnh bản quyết định các vấn đề cụ thể để thực hiện ngay từ đầu năm 1992.

Hội nghị Trung ương lần thứ hai và Quốc hội vừa qua đều đã khẳng định: trước mắt, chúng ta còn nhiều khó khăn, nhưng đất nước ta đang đứng trước những khả năng và cơ hội mới rất quan trọng. Đồng bào các dân tộc vùng cao cần nỗ lực vượt bậc, tạo ra những bước tiến bộ có ý nghĩa về kinh tế, xã hội của *từng dân tộc* ngay trong năm 1992 và trong các năm tới.

Xin chúc sức khỏe và xin cảm ơn tất cả các đồng chí.

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Văn phòng Chính phủ, hồ sơ số 5972.

**LƯỢC GHI Ý KIẾN
CỦA ĐỒNG CHÍ VÕ VĂN KIỆT
TẠI BUỔI THĂM VÀ LÀM VIỆC
VỚI VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM**

Ngày 26 tháng 6 năm 1992

Chiều 26/6/1992, đồng chí Võ Văn Kiệt - Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã đến thăm và làm việc tại Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, nghe báo cáo của Viện Dân tộc học, Viện Khảo cổ học, Viện Sử học.

Sau lời giới thiệu của GS.TS. Nguyễn Duy Quý, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, GS. Bế Viết Đặng, Viện trưởng Viện Dân tộc học, GS. Hà Văn Tấn, Viện trưởng Viện Khảo cổ học, GS. Hồng Phong, Viện trưởng Viện Sử học đã báo cáo với Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về quá trình phát triển, những thành tựu khoa học đã đạt được, nhiệm vụ nghiên cứu hiện nay, những thuận lợi và khó khăn trong hoạt động của mỗi viện.

Sau khi lắng nghe ý kiến của các nhà khoa học, trong lời phát biểu thân mật của mình, Chủ tịch Võ Văn Kiệt đã đề cập về những vấn đề vừa cơ bản, vừa cấp bách của đất nước trong bối cảnh quốc tế hiện nay, mà khoa học xã hội nói chung, các ngành Dân tộc học, Khảo cổ học, Sử học nói riêng cần gop phần giải đáp.

Chủ tịch nhấn mạnh: Bề dày lịch sử, nền văn hóa và văn minh của dân tộc Việt Nam và những con người gắn với lịch sử



văn hóa và văn minh ấy là yếu tố vô cùng quan trọng đem lại cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, cũng như sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc những động lực bên trong hết sức to lớn. Mở cửa tăng cường giao lưu hợp tác quốc tế để phát triển là một xu thế khách quan và cần thiết. Song mở cửa, giao lưu quốc tế mà không giữ được bản gốc văn hóa dân tộc, không kế thừa và phát huy được sức mạnh truyền thống lịch sử của ông cha thì, không thể có sự phát triển thực sự bền vững và có hiệu quả nào. Điều đó khẳng định vai trò và vị trí quan trọng của việc nghiên cứu dân tộc học, khảo cổ học, sử học. Các Viện Dân tộc học, Khảo cổ học, Sử học thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam cần được củng cố và tăng cường về mọi mặt để đáp ứng nhu cầu của sự phát triển đất nước hôm nay và ngày mai.

Trước hết, cần chú trọng kiện toàn về tổ chức, cán bộ, làm cho các viện nói trên đủ sức hoàn thành nhiệm vụ và chức năng của mình. Ở đây cần khắc phục sự nhầm lẫn trong nhận thức về việc tinh giảm biên chế. Tỷ lệ giảm 20% biên chế là tỷ lệ chung đối với bộ máy hành chính sự nghiệp, không thể máy móc đem áp dụng đồng loạt trong các lĩnh vực khoa học, y tế, giáo dục. Giảm biên chế là để hợp lý hóa tổ chức, đảm bảo hoạt động có chất lượng và hiệu quả cao hơn. Có những nơi, bộ phận hoạt động kém hiệu quả thì cần giảm; đồng thời những nơi nào cần thiết và hoạt động có hiệu quả thì phải tăng cường.

Để cập đến vấn đề tổ chức của Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Chủ tịch Võ Văn Kiệt chỉ ra rằng cần tiến hành sắp xếp lại các viện, các trung tâm nghiên cứu cho hợp lý, tránh sự trùng lặp, chồng chéo. Căn cứ vào đề nghị của Hội đồng Chính sách Khoa học và Công nghệ quốc gia, Hội đồng Bộ trưởng sẽ ra quyết định về việc thành lập hai trung tâm quốc gia lớn về khoa học của cả nước:



Trung tâm quốc gia về khoa học và công nghệ và Trung tâm quốc gia về khoa học xã hội và khoa học nhân văn. Còn cơ cấu tổ chức bên trong của mỗi trung tâm sẽ do từng trung tâm bàn bạc một cách dân chủ và nghiêm túc, xây dựng đề án, trình Hội đồng Chính phủ xem xét quyết định.

Về điều kiện ăn ở và làm việc của cán bộ khoa học xã hội, sau khi nghe lãnh đạo Viện Khoa học Xã hội Việt Nam báo cáo về thực trạng hiện nay, Chủ tịch Võ Văn Kiệt đã khẳng định: mặc dù đất nước hiện nay còn gặp nhiều khó khăn nhưng Chính phủ sẽ xem xét và tạo thêm điều kiện cần thiết về kinh phí hoạt động, nhà ở, trụ sở để cán bộ khoa học xã hội Việt Nam có thể cải thiện một bước điều kiện làm việc và sinh hoạt của mình.

GS.TS. Nguyễn Duy Quý thay mặt Viện Khoa học Xã hội Việt Nam chân thành cảm ơn sự quan tâm của Chủ tịch Võ Văn Kiệt và hứa sẽ thực hiện tốt nhất những nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao cho Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

Cán bộ Khoa học Xã hội Việt Nam rất xúc động và phấn khởi trước sự quan tâm của Chủ tịch Võ Văn Kiệt, xem đây là biểu hiện tập trung sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với Viện Khoa học Xã hội Việt Nam nói riêng và toàn ngành Khoa học Xã hội Việt Nam nói chung.

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Văn phòng Chính phủ, hồ sơ số 572.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 30/TB, ngày 29 tháng 12 năm 1992

Về cuộc họp của Thủ tướng Võ Văn Kiệt với lãnh đạo các cơ quan bảo vệ pháp luật bàn việc xét xử các vụ án quan trọng về tham nhũng, buôn lậu ngày 23/12/1992

Ngày 23/12/1992, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã chủ trì cuộc họp với các đồng chí Phạm Hưng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Nguyễn Kỳ Cẩm, Tổng Thanh tra Nhà nước, Nguyễn Đình Lộc, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Trương Quang Được, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Nguyễn Văn Thìn, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Phạm Tâm Long, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Nguyễn Quốc Mậu, Phó Ban Nội chính Trung ương, Vũ Trọng Nam, Trưởng ban Chỉ đạo Quản lý thị trường Trung ương và đồng chí Trần Xuân Thắng, Cục phó Cục thuế (Bộ Tài chính).

Sau khi nghe đồng chí đại diện các cơ quan nội chính báo cáo hoạt động điều tra, truy tố, xét xử về các vụ án quan trọng của trung ương, địa phương trong thời gian qua và ý kiến các cơ quan có liên quan, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã có ý kiến như sau:

I- VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

Thời gian gần đây, thực hiện chương trình hành động của Chính phủ báo cáo trước Quốc hội, tiếp đó là chỉ thị của Bộ Chính trị và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, các ngành nội chính



đều có nhiều cỗ gánh, tình hình xét xử các vụ án tham nhũng, buôn lậu đã có chuyển biến bước đầu. Yêu cầu trong thời gian tới là phải tiếp tục triển khai mạnh mẽ hơn, tập trung chỉ đạo thực hiện cho được kế hoạch và tiến độ giải quyết các vụ án đã đề ra.

1. Các cơ quan nội chính, nhất là các cơ quan thanh tra, nội vụ, kiểm sát, tòa án phải thường xuyên phối hợp đồng bộ để giải quyết nhanh các vụ án ngay từ các khâu ban đầu. Bằng nhiều hình thức, cần huy động thêm lực lượng cán bộ làm án cho mỗi cơ quan (như có thể sử dụng số cán bộ đã nghỉ hưu nhưng có trình độ, còn sức khỏe, hoặc điều động lực lượng ở các đơn vị khác cho các đơn vị, địa bàn trọng điểm, vào một số khâu công tác thích hợp).

2. Về chủ trương xử lý

- Xét xử nghiêm về hình sự phải kết hợp chặt chẽ, đồng bộ với xử lý kỷ luật hành chính, kỷ luật của Đảng. Phải xử lý thật nghiêm theo đúng pháp luật và kỷ luật của Đảng đối với tất cả mọi người có vi phạm, dù người đó ở bất kỳ cơ quan nào, giữ cương vị công tác nào. Công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng những trường hợp xử lý hành chính.

- Trong các trường hợp sử dụng phương tiện giao thông vận tải của cơ quan nhà nước để hoạt động buôn lậu, tùy theo lỗi nặng nhẹ, các cán bộ, nhân viên quản lý và điều khiển phương tiện phải buộc đình chỉ công tác ngay và bị truy tố trước pháp luật về tội danh tiếp tay cho buôn lậu. Phương tiện giao thông vận tải đó thuộc ngành nào, địa phương nào thì người quản lý trực tiếp và lãnh đạo cấp trên phải kiểm điểm nghiêm khắc về trách nhiệm quản lý và chịu hình thức kỷ luật tương xứng.

Đối với phương tiện vận tải, nếu là của Nhà nước, thì không tịch thu, nhưng có thể phải chuyển sang cho đơn vị khác sử dụng.



Nếu là của tư nhân hoặc các công ty ngoài quốc doanh, thì phải tịch thu.

- Đôi với tang vật là các chất ma túy trong các vụ án sau khi xét xử, cần tổ chức tiêu hủy công khai một số lượng theo quy định của pháp luật để có tác dụng giáo dục, thể hiện sự quyết tâm của Nhà nước.

3. Nghiêm cấm việc tùy tiện hoãn, tạm đình chỉ thi hành án phạt tù đang có hiệu lực pháp luật. Đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi trách nhiệm của mình kháng nghị đưa ra xét xử lại các vụ án về tham nhũng, buôn lậu đã xét xử nhưng mức án không thỏa đáng, dư luận nhân dân không đồng tình. Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ đạo kiểm điểm nghiêm túc và có hình thức kỷ luật tương xứng đối với các kiểm sát viên, thẩm phán vi phạm quy chế của ngành, xét xử không đúng các vụ án trên.

4. Giao Bộ trưởng Bộ Tài chính trong tháng 01/1993 bàn với các cơ quan Thanh tra Nhà nước, Bộ Nội vụ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp về việc lập dự trù và kịp thời cấp bổ sung kinh phí cho những cuộc thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử những vụ án quan trọng của Trung ương và địa phương năm 1993, bảo đảm các phương tiện làm việc cần thiết, chú ý phụ cấp đặc biệt cho các lực lượng làm trực tiếp.

II- VỀ VIỆC XỬ CÁC VỤ ÁN QUAN TRỌNG

Trên cơ sở báo cáo của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và ý kiến của các đồng chí dự họp, Thủ tướng đã xác định các vụ án quan trọng do Trung ương xử:



1. Vụ A Quý và đồng bọn buôn lậu vàng, đồng hồ, ngoại tệ (xử theo thủ tục sơ thẩm đồng thời chung thẩm vào đầu tháng 01/1993).

2. Vụ Nguyễn Lê Cường, nhân viên Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam lừa đảo chiếm đoạt 3,2 tỉ đồng (xử theo thủ tục sơ thẩm đồng thời chung thẩm vào đầu tháng 01/1993).

3. Vụ Nguyễn Xuân Tá, nguyên Trưởng phòng Thương binh và Xã hội thị xã Đông Hà, Quảng Trị tham ô, cố ý làm trái, thiếu trách nhiệm (xử theo thủ tục sơ thẩm đồng thời chung thẩm vào tháng 02/1993).

4. Vụ 4.000 tấn thép đường dây dẫn điện 500 kV.

5. Các vụ xuất trái phép 1.389 ôtô du lịch các loại sang Trung Quốc.

6. Vụ một số cán bộ các ngành pháp luật phạm tội trong việc bị can Đỗ Minh Lý được xuất cảnh trái phép.

7. Vụ Phan Anh Tuấn, nguyên Giám đốc Sở Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh nhận hối lộ.

8. Vụ Henry Long Tài và đồng bọn buôn lậu đồng hồ, ngoại tệ.

9. Các vụ tàu biển Seaprodex, Vân Đồn, Hoa Sen Trắng, Đông Đô... chở hàng nhập lậu (thành một chuyên án có nhiều vụ buôn lậu trên các tàu thủy).

10. Các vụ buôn lậu thuốc phiện và ma túy (tòa án địa phương đã xử, nay xử lại).

- Các vụ án do địa phương xử, các ngành trung ương hướng dẫn:

1. Vụ Trần Thị Hồng, nguyên Trạm trưởng kinh doanh lương thực Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Vụ làm giả các loại dấu và giấy tờ (tỉnh Vĩnh Long).

3. Vụ một số tên tổ chức ăn chơi sa đọa, truyền bá lối sống đồi trụy ở Thành phố Hồ Chí Minh.



4. Vụ một số cán bộ liên doanh dầu khí Việt Xô (Bà Rịa - Vũng Tàu) làm thất thoát nghiêm trọng tài sản Nhà nước trong việc hợp đồng mua vật tư thiết bị với nước ngoài.
5. Vụ lô hàng nhập lậu của Công ty Thiên Hà (tại Lai Châu).
6. Vụ lô hàng nhập lậu của Liên hiệp khoa học sản xuất bán dẫn Sao Mai (tại Tuyên Quang).

Các vụ án quan trọng trên cần phải được tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm trong quý II/1993.

Đề nghị Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Nội vụ phối hợp chặt chẽ với các chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp tục chỉ đạo xử lý các vụ án điểm của địa phương theo tinh thần Điện số 261 ngày 17/11/1992 của Thủ tướng Chính phủ.

Văn phòng Chính phủ thông báo để các cơ quan biết và thực hiện.

Chúc các đồng chí đại biểu sức khỏe, thắng lợi.

Xin cảm ơn các đồng chí!

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Lê Xuân Trinh

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Ủy ban Pháp chế, Bộ Tư pháp, hồ sơ số 1436.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 03/TB, ngày 06 tháng 01 năm 1994

Kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt về công tác bảo tồn, bảo tàng

Chiều ngày 27/12/1993, tại Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt, Phó Thủ tướng Nguyễn Khánh đã làm việc với lãnh đạo Bộ Văn hóa - Thông tin về công tác bảo tồn - bảo tàng. Cùng dự buổi làm việc có các đồng chí: Hà Đăng, Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương; Trần Xuân Giá, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước; Tào Hữu Phùng, Thứ trưởng Bộ Tài chính.

Sau khi nghe báo cáo của lãnh đạo Bộ Văn hóa - Thông tin, ý kiến của các đồng chí lãnh đạo các bộ, ban, ngành có mặt, Phó Thủ tướng Nguyễn Khánh đã phát biểu. Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt đã kết luận:

1. Các di tích lịch sử phản ánh truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước anh hùng của nhân dân ta, là những biểu hiện cụ thể bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam, đồng thời là một bộ phận di sản văn hóa của nhân loại. Từ khi Đảng ta ra đời, lãnh đạo nhân dân tiến hành các cuộc cách mạng, có thêm các di tích cách mạng và di tích kháng chiến. Chính vì vậy, việc bảo tồn, bảo tàng các di tích là sự nghiệp chung của Nhà nước và của toàn xã hội, từ thế hệ này qua thế hệ khác.



2. Công tác bảo tồn, bảo tàng các di tích lịch sử và văn hóa trong cả nước phải được triển khai một cách toàn diện, có kế hoạch cụ thể và bố trí ngân sách phù hợp. Trước mắt, thực hiện ngay một số nhiệm vụ sau đây:

Bộ Văn hóa - Thông tin chịu trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ của từng di tích, xây dựng quy hoạch bảo tồn, tôn tạo các di tích và xếp hạng. Bộ phải lập các hội đồng khoa học chuyên môn gồm các chuyên gia giỏi trong các lĩnh vực có liên quan để thẩm định quy hoạch, xây dựng luận chứng kinh tế - kỹ thuật bảo tồn, tôn tạo cho từng di tích.

Trên cơ sở các quy hoạch đã được thẩm định, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính xem xét, từng bước thực hiện kế hoạch đầu tư bảo tồn, tôn tạo các di tích. Trước hết, cần cấp kinh phí cho việc hoàn chỉnh hồ sơ di tích và xây dựng quy hoạch bảo tồn, tôn tạo các di tích.

Việc thực hiện bảo tồn, tôn tạo các di tích phải căn cứ vào hồ sơ, luận chứng kinh tế - kỹ thuật của từng di tích. Phải làm có trọng điểm, làm từng bước căn cứ vào khả năng thực tế. Hằng năm phải có kế hoạch tập trung hoàn thành việc bảo tồn, tôn tạo các di tích được duyệt.

Kinh phí cho công việc này được khai thác từ nhiều nguồn như ngân sách nhà nước, các khoản thu từ các dịch vụ tham quan di tích, sự đóng góp của nhân dân, sự tài trợ của quốc tế, của người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

3. Bộ Văn hóa - Thông tin quản lý nội dung, kiểm tra, cấp giấy phép cho các công việc bảo tồn, tôn tạo di tích trong cả nước.

Các địa phương có trách nhiệm cùng Trung ương quản lý bảo vệ, bảo tồn, tôn tạo di tích trên địa phương mình bằng sức người, sức của tại địa phương.



Ngành bảo tồn - bảo tàng cần có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho các cán bộ làm công tác chuyên môn, nhất là đối với các cán bộ trực tiếp quản lý, khai thác di tích. Những cán bộ này nên là người địa phương, có tấm lòng, có tâm huyết với sự nghiệp bảo tồn - bảo tàng.

4. Đồng ý với đề nghị của Bộ Văn hóa - Thông tin về xây dựng kho giữ gìn hiện vật đặc biệt của Viện Bảo tàng lịch sử; ban hành “Huy chương về sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa dân tộc”, thành lập “Hội bảo vệ di tích Việt Nam”; chuyển Vụ Bảo tồn - Bảo tàng hiện nay của Bộ Văn hóa - Thông tin thành Cục Bảo tồn - Bảo tàng.

Văn phòng Chính phủ xin thông báo để các cơ quan biết và thực hiện.

K/T BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
PHÓ CHỦ NHIỆM

Vũ Đình Thuân

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Bộ Văn hóa - Thông tin, hồ sơ số 3524.

THÔNG BÁO
CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 32/TB, ngày 14 tháng 3 năm 1994

**Kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt
về xây dựng và phát triển hai ngành Phát thanh
và Truyền hình Việt Nam ngày 01/3/1994**

Ngày 01/3/1994, Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt đã làm việc với lãnh đạo hai ngành Phát thanh và Truyền hình về việc xây dựng và phát triển hai ngành này trong những năm tới. Các Phó Thủ tướng Phan Văn Khải, Nguyễn Khánh cùng dự buổi làm việc. Tham dự làm việc còn có các đồng chí: Hà Học Hợi, Phó Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương; Trần Xuân Giá, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước; Tào Hữu Phùng, Thứ trưởng Bộ Tài chính; Nguyễn Khoa Điềm, Thứ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

Sau khi nghe báo cáo của lãnh đạo hai ngành Phát thanh và Truyền hình và ý kiến của lãnh đạo các ban, ngành có mặt, các Phó Thủ tướng Phan Văn Khải, Nguyễn Khánh đã phát biểu ý kiến, Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt đã kết luận như sau:

1. Phát thanh và truyền hình ngày càng có vai trò hết sức quan trọng trong việc cung cấp thông tin nhanh chóng và chính xác đến mọi người dân ở bất cứ vùng nào của đất nước. Đây là phương tiện giúp nhân dân kịp thời nắm được đường lối, chính sách và pháp luật, góp phần nâng cao dân trí, trình độ thẩm mỹ



của nhân dân, là công cụ quan trọng tuyên truyền đối ngoại, đấu tranh chống các âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch đối với chế độ ta, đất nước ta.

2. Phát triển, hiện đại hóa hai ngành Phát thanh và Truyền hình là một nhiệm vụ cấp bách, không thể chậm trễ.

Trong năm 1994, cần làm xong quy hoạch phát triển dài hạn phát thanh và truyền hình, trước mắt tới năm 2000. Trên cơ sở quy hoạch được xây dựng phù hợp với yêu cầu của tình hình mới và có căn cứ vững chắc, phải làm luận chứng kinh tế kỹ thuật cho từng công trình lớn, cần xây dựng mới, đồng thời tận dụng khai thác các cơ sở kỹ thuật hiện có. Chính phủ sẽ bố trí ngân sách bảo đảm cho các yêu cầu phát triển sự nghiệp phát thanh - truyền hình.

Về phát thanh, đến năm 2000 phải đạt cho được mục tiêu 95% số dân trong cả nước nghe được tốt các chương trình phát thanh của Đài Tiếng nói Việt Nam. Phải đưa tiếng nói của Đảng và Nhà nước đến đủ 14 triệu hộ gia đình, cung ứng đủ máy thu thanh cho 14 triệu gia đình. Tăng cường sóng phát thanh đối ngoại đủ mạnh để Tiếng nói Việt Nam tới được các khu vực quan trọng trên thế giới. Chương trình phát thanh phải được thường xuyên cải tiến, nâng cao chất lượng, phong phú về thể loại, để thính giả có thể lựa chọn nghe các chương trình phù hợp (thông tin, giáo dục, khoa học, văn nghệ...).

Về truyền hình, cần phấn đấu sớm đạt trình độ của các nước trong khu vực Đông Nam Á, phát triển mạng lưới phát sóng truyền hình toàn quốc để đến năm 2000 ít nhất 80% số dân trong cả nước xem được chương trình truyền hình quốc gia. Từng bước hiện đại hóa công nghệ truyền hình; nâng cấp và xây dựng mới các cơ sở phát sóng và sản xuất chương trình truyền hình của



Đài Quốc gia cũng như các đài truyền hình địa phương theo quy hoạch chung như nói ở trên. Phải rất chú ý tới sự phát triển rất nhanh về khoa học và công nghệ phát thanh, truyền hình trên thế giới. Cải tiến nội dung, nâng cao chất lượng các chương trình truyền hình cho có sức hấp dẫn hơn, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của người xem. Đồng ý đề nghị của Đài Truyền hình Việt Nam mở thêm chương trình 3 về văn nghệ, thể thao và quảng cáo.

3. Phải gấp rút tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phát thanh, truyền hình, cả biên tập và kỹ thuật, theo kịp yêu cầu phát triển của ngành. Lãnh đạo hai Đài cùng các bộ liên quan nghiên cứu xây dựng các chính sách cụ thể khuyến khích các cán bộ chuyên môn có tài năng. Cần có văn bản của Chính phủ quy định trách nhiệm và nghĩa vụ của những cán bộ được Nhà nước đào tạo phải làm việc cho Nhà nước. Đồng ý xây dựng một trung tâm nghiên cứu khoa học về phát thanh - truyền hình.

4. Cần ban hành các quy định, chế độ quản lý bảo đảm tính thống nhất toàn ngành Phát thanh - Truyền hình trong cả nước. Chương trình thời sự của Đài Trung ương phải được phát lại ở tất cả các địa phương. Các đài phát thanh - truyền hình địa phương không được tự tiện thu và phát tin, hình từ các đài của nước ngoài.

5. Cần phải mở rộng hợp tác quốc tế về phát thanh, truyền hình với các nước và các tổ chức quốc tế, chủ yếu là về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, về kỹ thuật và công nghệ. Có thể áp dụng hình thức liên doanh với nước ngoài trong một số công việc về phát thanh và truyền hình, nhưng phải chọn việc cho đúng, không được để ảnh hưởng xấu đến nội dung phát thanh, truyền hình. Trong vấn đề này, cần có các đề án cụ thể để xem xét.



Đồng ý việc thu lệ phí truyền hình với những đối tượng thích hợp để có thêm vốn phát triển ngành.

Các cơ quan kế hoạch, tài chính, văn hóa thông tin, khoa học công nghệ và môi trường, bưu chính viễn thông cần phối hợp chặt chẽ với hai Đài, hỗ trợ hai ngành Phát thanh và Truyền hình thực hiện tốt các nhiệm vụ nói trên.

Văn phòng Chính phủ xin thông báo để các cơ quan biết và thực hiện.

K/T BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
PHÓ CHỦ NHIỆM

Đoàn Mạnh Giao

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Thủ tướng, hồ sơ số 9251.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 04/TB, ngày 06 tháng 01 năm 1995

**Ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt trong buổi làm việc
với lãnh đạo Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn
quốc gia ngày 25/12/1994**

Ngày 25/12/1994, tại Hà Nội, Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt đã làm việc với lãnh đạo Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia.

Sau khi nghe Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Duy Quý - Giám đốc, cùng một số cán bộ của Trung tâm báo cáo về kết quả thực hiện những nhiệm vụ Thủ tướng giao khi đến thăm và làm việc với Trung tâm ngày 26/6/1992 và một số kiến nghị trình Thủ tướng xem xét nhằm nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu của Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia trong thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ đã có ý kiến như sau:

1. Thủ tướng khen ngợi những cố gắng và kết quả phong phú mà Trung tâm đã đạt được trên các lĩnh vực hoạt động của mình trong 2 năm qua, đặc biệt là những kết quả khai quật khảo cổ tại quần đảo Trường Sa, Nam Bộ và Tây Nguyên mới đây, coi đó là những đóng góp thiết thực của Trung tâm vào việc giải quyết một số nhiệm vụ rất cơ bản và nóng bỏng của Đảng và Nhà nước.

2. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia là cơ quan trực thuộc Chính phủ. Để tránh chồng chéo trong công tác



quản lý, Thủ tướng giao cho Ủy ban Kế hoạch Nhà nước chủ trì và sớm tổ chức việc thảo luận với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, để làm rõ và thống nhất quan hệ phối hợp công tác giữa 3 cơ quan trong quá trình thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Về việc tiếp tục công tác điều tra khai quật khảo cổ tại Trường Sa, Nam Bộ và Tây Nguyên.

Tại Trường Sa: Cần củng cố và hoàn chỉnh tư liệu đã có, nếu cần phải thực hiện tiếp thì Trung tâm chuẩn bị và trình phương án dài hạn.

Tại Nam Bộ: Tiếp tục triển khai như kế hoạch của Viện Khảo cổ học đã dự kiến, song lưu ý rằng: Cần tiến hành điều tra, khảo sát, khai quật làm sao để có được những kết luận có căn cứ khoa học cơ bản, vững chắc. Vì vậy phải xây dựng phương án thực hiện cụ thể từng bước và sớm hoàn thành (chậm nhất là năm 2000).

Tại Tây Nguyên: Tiếp tục thực hiện như kế hoạch dự kiến của Viện Khảo cổ học để năm 1995 hoàn thành.

4. Về điều tra dân tộc học và giải quyết kinh phí thu thập hiện vật trưng bày cho Bảo tàng Dân tộc học.

- Viện Dân tộc học và Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia phải cung cấp cho Đảng và Nhà nước các căn cứ khoa học trong việc hoạch định chính sách dân tộc và miền núi. Vì vậy, việc tiến hành điều tra tình hình kinh tế - văn hóa, xã hội về dân tộc và miền núi rất cần thiết. Viện Dân tộc học cần xây dựng phương án điều tra cụ thể từ nay đến năm 2000, báo cáo Thường trực Chính phủ xem xét và phê duyệt.

- Giao cho Ủy ban Kế hoạch Nhà nước đưa vào kế hoạch cấp kinh phí thu thập hiện vật của Bảo tàng Dân tộc học theo dự án



mà Viện Dân tộc học đã trình để bảo đảm đến cuối năm 1997 có thể mở cửa Bảo tàng Dân tộc học.

- Giao Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia bàn với Hà Nội việc làm đường đi vào Viện Bảo tàng Dân tộc học.

5. Về xuất bản các tác phẩm có giá trị lớn trong di sản văn hóa dân tộc như: *Tổng tập văn học*, *Toàn tập Lê Quý Đôn*, *Toàn tập Nguyễn Trãi*, v.v.. Đây là việc làm rất cần thiết, Trung tâm cần có kế hoạch phân bổ xuất bản từng năm để Nhà nước có thể bố trí kinh phí xuất bản.

6. Về việc xây dựng cơ sở nghiên cứu của Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia tại Đầm Sen (phường Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội): Thủ tướng đồng ý phải xây dựng cơ sở nghiên cứu của Trung tâm tại Đầm Sen như luận chứng kinh tế - kỹ thuật của Trung tâm đã được Hội đồng thẩm định quốc gia thông qua tháng 11 vừa qua. Việc phân quá trình đầu tư ra làm 2 giai đoạn, trong đó giai đoạn I từ 1995 đến 1997, và giai đoạn II từ 1998 đến 1999 là hợp lý. Thủ tướng cũng cho rằng nên hoàn thành việc xây dựng công trình vào cuối năm 1999, chậm nhất là năm 2000.

7. Về xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học

- Việc quy định tuổi về hưu: 60 tuổi đối với nam và 55 tuổi đối với nữ là chính sách chung đối với viên chức nhà nước. Riêng đối với các cán bộ khoa học, nhất là với các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, nếu ai còn đủ sức khỏe, khả năng nghiên cứu còn tốt và có yêu cầu của cơ quan ở lại làm công tác khoa học (không phải công tác quản lý) thì không nhất thiết phải áp dụng chế độ nghỉ hưu theo độ tuổi quy định chung. Những nhà khoa học làm công tác quản lý đến độ tuổi 60 (đối với nam) và 55 (đối với nữ) thì nên nghỉ quản lý để tập trung trí tuệ cho công tác nghiên cứu. Việc quy định độ tuổi làm công tác quản lý còn có ý nghĩa quan trọng là các



đồng chí đang làm công tác quản lý phải chuẩn bị và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế cận bảo đảm cho công tác quản lý được liên tục.

- Về biên chế: Trung tâm cần xây dựng phương án cụ thể bổ sung lực lượng trẻ và làm việc với Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ để bảo đảm cho Trung tâm có đủ người làm việc và có đội ngũ cán bộ khoa học kế tiếp nhau liên tục, có chất lượng, tránh sự hăng hikut có thể xảy ra trong những năm sắp tới, đủ sức đảm đương nhiệm vụ nghiên cứu ngày càng lớn, phục vụ ngày càng có hiệu quả hơn những yêu cầu của Đảng và Nhà nước.

Văn phòng Chính phủ xin thông báo để Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, các cơ quan liên quan biết và thực hiện.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Lê Xuân Trinh

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Văn phòng Chính phủ, hồ sơ số 581.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 10/TB, ngày 08 tháng 02 năm 1995

Ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt về công tác quản lý nhà nước đối với báo chí và xuất bản

Ngày 28/12/1994, tại Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt và Phó Thủ tướng Nguyễn Khánh đã làm việc với lãnh đạo Bộ Văn hóa - Thông tin về công tác quản lý nhà nước đối với báo chí và xuất bản. Cùng dự buổi làm việc có các đồng chí: Phạm Quang Nghị, Phó Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương; Phạm Gia Khiêm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước; Tào Hữu Phùng, Thứ trưởng Bộ Tài chính; Đoàn Mạnh Giao, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

Sau khi nghe báo cáo của lãnh đạo Bộ Văn hóa - Thông tin, ý kiến phát biểu của đại diện các bộ, ban về tình hình và công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực này, những nhận xét và đánh giá của Phó Thủ tướng Nguyễn Khánh, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã kết luận như sau:

1. Báo chí đã có những đóng góp tích cực vào công cuộc đổi mới, tuyên truyền, phổ biến chính sách của Đảng và Nhà nước, thúc đẩy những nhân tố mới, phê phán những hiện tượng tiêu cực, những biểu hiện sai trái với luật pháp của Nhà nước, gop phần hỗ trợ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ.

Bên cạnh đó, cũng còn những thiếu sót: Một số trường hợp thông tin thiếu thận trọng, thiếu khách quan, sai sự thật, gây



bất lợi cho dư luận xã hội. Việc quảng cáo là cần, nhưng nhiều báo sử dụng quảng cáo chỉ nhằm mục đích lợi nhuận đơn thuần. Tới đây có Nghị định của Chính phủ về quảng cáo, Bộ Văn hóa - Thông tin và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố phải tổ chức thực hiện nghiêm Nghị định này.

2. Về mặt quản lý nhà nước, các cơ quan có trách nhiệm đã có những cố gắng xây dựng, kiến nghị các chế độ, chính sách hỗ trợ hoạt động báo chí trong điều kiện cơ chế thị trường. Một số lách lạc trong hoạt động báo chí đã được xử lý.

Song, nhìn chung các cơ quan nhà nước trong quản lý còn nể nang né tránh, xử lý chưa nghiêm, chưa kịp thời những vi phạm của báo chí đối với luật pháp của Nhà nước. Việc cấp phép ra báo còn chưa được xem xét kỹ lưỡng, đầy đủ về yêu cầu đối với tôn chỉ mục đích của tờ báo.

3. Để giúp hoạt động báo chí phát triển tốt hơn, các cơ quan quản lý cần xem xét lại các văn bản pháp quy đã được ban hành, có kiến nghị điều chỉnh, bổ sung những nội dung cần thiết phù hợp với yêu cầu và sự phát triển của báo chí.

Mặt khác, để tăng cường năng lực quản lý, các cơ quan này cần được củng cố bộ máy tổ chức từ Trung ương đến cơ sở cả về số lượng và chất lượng.

Bộ Văn hóa - Thông tin cần phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành có liên quan về quản lý báo chí, cùng các cơ quan chủ quản báo chí rà soát lại hệ thống báo chí; bớt đi những tờ báo, tạp chí, bản tin không cần thiết, không có điều kiện về cán bộ và về quản lý đảm bảo chất lượng nội dung; chấn chỉnh việc cấp phép ra báo, tạp chí, bản tin; xử lý kịp thời, đúng mức, những việc làm vi phạm luật pháp, tạo điều kiện cho báo chí phát triển vững chắc với chất lượng ngày một cao hơn.



4. Về hoạt động xuất bản, các cơ quan quản lý cũng cần xem xét lại các văn bản pháp quy đã ban hành để có kiến nghị sửa đổi, điều chỉnh thích hợp nhằm làm cho ngành xuất bản có điều kiện phát triển tốt hơn.

Các cơ quan này cần nghiên cứu, đề xuất chế độ, chính sách cho các nhà xuất bản, các cơ sở phát hành sách của Nhà nước để có đủ cơ sở vật chất - tài chính cần thiết thực hiện đúng tôn chỉ mục đích của mình. Cần khắc phục tình trạng quản lý lỏng lẻo, để tư nhân lợi dụng giấy phép chi phối nội dung xuất bản, trốn tránh nghĩa vụ thuế với Nhà nước ở các nhà xuất bản, các cơ sở phát hành của Nhà nước. Các nhà xuất bản phải chịu trách nhiệm cuối cùng về sản phẩm xuất bản, kiểm tra chặt chẽ và nâng cao chất lượng công tác biên tập.

Cần kiểm tra chặt chẽ các cơ sở in ấn trong việc chấp hành các luật lệ của Nhà nước, xử lý nghiêm những người vi phạm.

Tóm lại, các cơ quan quản lý báo chí và xuất bản cần thực hiện nhiệm vụ quản lý của mình trên phạm vi cả nước với tinh thần trách nhiệm cao và thường xuyên cải tiến công tác nhằm làm cho hoạt động báo chí - xuất bản phát huy hiệu quả, đóng góp tốt hơn vào sự nghiệp đổi mới của đất nước.

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ**

Lê Xuân Trinh

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Văn phòng Chính phủ, hồ sơ số 1742.

PHÁT BIỂU

TẠI HỘI NGHỊ CHÍNH PHỦ VỚI LÃNH ĐẠO CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ

Ngày 15 tháng 01 năm 1997

Kính thưa các đồng chí,

Qua ba ngày làm việc, Hội nghị đã được nghe những báo cáo và nhiều ý kiến phát biểu có trách nhiệm, tâm huyết và nhiều đề xuất sáng tạo. Các ý kiến phát biểu của các đồng chí chính là những tổng kết cõi đọng, có ý nghĩa thiết thực được đúc kết từ thực tiễn sinh động và phong phú của mỗi địa phương trong cả nước.

Các địa phương có những thuận lợi và khó khăn riêng, thậm chí rất khác nhau, nhưng ở đâu các đồng chí cũng đã quán triệt và khẳng định đường lối đổi mới của Đảng qua thực tiễn đưa các mặt kinh tế - xã hội đi lên. Nhiều địa phương như Nam Hà¹, Thái Bình, Hà Giang, Nghệ An, Trà Vinh... đã phát huy được sức dân để kiến thiết quê hương mình. Tôi nhiệt liệt hoan nghênh và biểu dương các địa phương đã biết dựa vào dân, phát huy được lợi thế của mình, sáng tạo vượt khó giành được thắng lợi trong năm 1996, và mong rằng tất cả các địa phương trong cả nước phát huy những gì đã đạt được để tiến xa hơn trong năm 1997.

Tôi thật sự cảm ơn các đồng chí đã chia sẻ kịp thời những kinh nghiệm thực tiễn của tỉnh mình. Chính những kinh nghiệm

1. Nay là Hà Nam và Nam Định (B.T).



đó góp phần quan trọng để hội nghị thành công. Tôi xin ghi nhận những kiến nghị, đề xuất của các đồng chí về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính; về mối quan hệ trách nhiệm giữa các ngành và địa phương... Nhiều kiến nghị các đồng chí nêu lên là có cơ sở.

Phát biểu của Phó Thủ tướng Phan Văn Khải đã tổng hợp khá đầy đủ nội dung của Hội nghị, trong đó đã nêu nhiệm vụ và phương hướng thực hiện các nhiệm vụ đó cho giai đoạn tới và cho năm 1997. Vấn đề còn lại là việc vận dụng sáng tạo các kinh nghiệm, khai thác lợi thế của từng địa phương để thực hiện tốt những nhiệm vụ đó, đạt được những kết quả lớn hơn so với năm 1996. Đó chính là điều quan trọng nhất, là ý nghĩa lớn nhất của hội nghị này. Với suy nghĩ đó, trong khoảng thời gian còn lại, tôi xin không tổng kết hội nghị mà muốn phát biểu thêm với các đồng chí về một số vấn đề.

1. Bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, chúng ta phải thiết lập lại kỷ cương, tăng cường, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước ở tất cả các cấp để quản lý toàn bộ công việc một cách chặt chẽ, khoa học bằng công cụ pháp lý. Các chủ trương, đường lối của Đảng ta được thể chế hóa bằng các văn bản pháp luật, quy định của Nhà nước. Trong khi đó, tình trạng bản thân cán bộ không hiểu luật, không nắm vững các quy định của Nhà nước còn khá phổ biến ở cấp xã, cấp huyện, thậm chí ở cả cấp tỉnh. Các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền cần rà soát lại các văn bản này để tổ chức cho đảng viên, cán bộ trong bộ máy nhà nước học tập, quán triệt và tổ chức phổ biến, hướng dẫn để “dân biết, dân làm, dân kiểm tra” theo pháp luật.

Chính quyền tỉnh là bộ máy quản lý nhà nước ở địa phương. Mỗi tỉnh đều có Đoàn đại biểu Quốc hội, có Hội đồng nhân dân, có Viện Kiểm sát, Tòa án, đủ các ban, ngành và các đoàn thể,



tổ chức quần chúng. Ủy ban nhân dân tỉnh mà người đại diện là Chủ tịch phải phát huy đầy đủ vai trò của mình và chịu trách nhiệm trước Chính phủ, trước Thủ tướng Chính phủ quản lý nhà nước trên địa bàn của tỉnh và có trách nhiệm ngăn chặn kịp thời mọi hành vi trái với các quy định của Nhà nước trong địa bàn tỉnh, kể cả đối tượng vi phạm là cơ quan trung ương hay tổ chức, cá nhân nước ngoài. Trường hợp vi phạm pháp luật thì phải đề nghị xử lý theo pháp luật.

Các bộ, ngành trung ương có trách nhiệm quản lý nhà nước xuyên suốt từ Trung ương tới địa phương trong lĩnh vực của mình, và phải phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ chính quyền địa phương, đồng thời kiểm tra, phát hiện và có thái độ rõ ràng đối với các quyết định, quy định của địa phương trái với các quy định quản lý nhà nước theo lĩnh vực.

Địa phương cũng như các bộ, ngành phải làm đúng, làm đủ, làm tốt chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của mình, không đùn đẩy cho nhau và đùn đẩy lên trên. Sự phối hợp dựa trên các quy định của pháp luật, đặt lợi ích chung lên trên hết là sự phối hợp trong sáng, hiệu quả nhất.

Tình trạng không hiểu biết pháp luật, kết hợp với tình trạng đùn đẩy trách nhiệm là những nguyên nhân chính dẫn tới tình trạng nhân dân khi có việc thì không biết yêu cầu cấp nào, ngành nào giải quyết; khi bị oan ức thì không biết kêu với cơ quan nào cho đúng cửa, phải chạy lòng vòng và nhiều khi phải cầu cứu tới các đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước. Riêng trong năm 1996, Thủ tướng nhận được 3.940 khiếu nại, tố cáo của công dân, trong đó chỉ có 172 vụ việc là các tỉnh, các ngành không đủ thẩm quyền giải quyết.



Tất cả các cấp, các ngành cần soát xét để cải tiến hoặc loại bỏ các quy định, thủ tục rườm rà, phiền hà, tạo điều kiện cho các hành vi nhũng nhiễu với nhau trong bộ máy chính quyền và nhũng nhiễu với nhân dân. Một mặt, cần có biện pháp uốn nắn, xử lý thật nghiêm khắc các cán bộ vi phạm. Mặt khác, phải bảo vệ cán bộ và nhân dân phát hiện những hành vi nhũng nhiễu đối với nhân dân của một số cán bộ trong bộ máy nhà nước.

2. Trong quý I năm 1997, Chính phủ sẽ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành 3 pháp lệnh về chống tham nhũng, chống lãng phí, thực hành tiết kiệm; nghĩa vụ lao động công ích và phát huy nguồn lực xây dựng đất nước. Mọi văn bản không tự nó giải quyết được vấn đề. Các pháp lệnh này chỉ thực sự có hiệu lực một khi mỗi đảng viên, mỗi cán bộ, mỗi người dân ý thức được trách nhiệm của mình. Ngay từ bây giờ, chúng ta phải tích cực chuẩn bị, tập trung tuyên truyền sâu rộng trong cả nước để ba pháp lệnh này đi vào cuộc sống và thật sự có hiệu lực. Ví dụ như Nghị định số 36/CP, Chỉ thị cấm sản xuất, lưu thông và đốt pháo được tuyên truyền, giải thích, vận động đến từng người dân nên được thực hiện có hiệu quả.

Tham nhũng, quan liêu, lãng phí của công là tệ nạn gắn liền với cơ quan nhà nước, liên quan trực tiếp tới cán bộ có chức, có quyền, làm thoái hóa một bộ phận cán bộ trong bộ máy của Đảng và Nhà nước. Để có thể đẩy lùi các tệ nạn này trong phạm vi cả nước, thì trước hết phải làm tốt ngay trong từng cơ quan, đơn vị, từng địa phương. Tất cả các cấp chính quyền đều phải đặt nhiệm vụ chống mọi hành vi nhũng nhiễu để vụ lợi một cách quyết liệt, và phải chịu trách nhiệm trước nhân dân, trước Đảng, trước Nhà nước về tình trạng tham nhũng trong địa phương, ngành mình.



Qua các thời kỳ cách mạng khác nhau, khi nào chúng ta biết dựa vào dân, phát huy được sức mạnh toàn dân thì cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vượt qua được muôn trùng khó khăn và những thách thức hiểm nghèo, giành được thắng lợi. Thực tiễn trong những năm đổi mới và cả những kinh nghiệm qua các ý kiến phát biểu tại hội nghị này cũng chứng minh điều đó.

Sức lao động nhàn rỗi trong nhân dân còn rất lớn. Ngày nay, những điều kiện chủ quan và khách quan đều thuận lợi gấp nhiều lần so với những thời kỳ trước. Chúng ta đã có thể lo được cái ăn, cái mặc; có phương tiện kỹ thuật và kiến thức khoa học, trong khi phải gấp rút khắc phục nhiều yếu kém, nhất là về kết cấu hạ tầng để đưa đất nước đi lên công nghiệp hóa. Nhu cầu xây dựng kết cấu hạ tầng như điện, nước, thủy lợi, viễn thông... và các công trình phúc lợi như trường học, bệnh xá... rất lớn, nhưng quan trọng hàng đầu là hệ thống giao thông.

Giao thông là điều kiện cần thiết cho mọi yêu cầu phát triển. Khi đất nước đi lên công nghiệp hóa, bước vào thế kỷ XXI thì nhu cầu phát triển giao thông lại càng bức thiết hơn. Giải quyết được giao thông là điểm nút mở ra những khả năng mới để từng vùng khai thác lợi thế của mình; rút ngắn khoảng cách và tăng cường giao lưu kinh tế, văn hóa với các vùng khác; góp phần giảm chênh lệch về trình độ phát triển giữa các địa phương trong cả nước. Giao thông cũng là chìa khóa để phát triển kinh tế hàng hóa, để hình thành các vùng kinh tế trọng điểm, thực hiện định canh, định cư, xóa đói, giảm nghèo, và kể cả để đảm bảo an ninh, quốc phòng. Các nhà đầu tư nước ngoài cũng chọn lựa nơi nào giao thông thuận tiện để đầu tư. Có thể nói, hệ thống giao thông của một quốc gia như mạch máu trong cơ thể con người.



Phải coi việc xây dựng các tuyến giao thông là nhiệm vụ hàng đầu, là khâu đột phá để chuẩn bị điều kiện cho tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhu cầu làm đường giao thông ở khắp mọi nơi, từ đường liên thôn, liên xã tới các tỉnh lộ, liên tỉnh lộ, xa lộ và các tuyến đường xuyên quốc gia trong khu vực. Nhu cầu vốn để làm đường giao thông cũng rất lớn. Chúng ta không thể chỉ trông chờ vào ngân sách; không thể cứ đợi vốn vay, vốn viện trợ nước ngoài một cách thụ động, và cũng phải tính tới khả năng trả nợ. Nhà nước sẽ cân đối, hợp lý hóa các khoản chi ngân sách, kết hợp với các nguồn vốn vay và viện trợ bên ngoài, nhưng nguồn vốn lớn nhất mà chúng ta có sẵn trong tay chính là sức lao động to lớn của nhân dân, nhất là lực lượng trẻ, và cả lực lượng lao động có chuyên môn, có tổ chức ở trung ương và địa phương. Kiến thức và kinh nghiệm rút ra từ những công trình sửa chữa, nâng cấp và làm mới các tuyến đường; những điển hình huy động sức dân ở các địa phương như đã nói ở trên, cùng với những bài học phong phú qua những công trình không kém vĩ đại do ông cha ta để lại và qua hai cuộc kháng chiến cũng là những nguồn vốn quý báu cần được phát huy.

Ngoài giao thông, tôi xin nói thêm một lĩnh vực cũng rất quan trọng là cần sớm phủ xanh gần 10 triệu ha đất đồi, núi còn trống bằng các cây công nghiệp có giá trị và rừng lâu năm. Rừng bị tàn phá, đất trống đồi trọc là một trong những nguyên nhân gây ra lũ lụt, làm mất cân bằng sinh thái. Ngay từ năm 1997 này, đi đôi với việc huy động trồng rừng, chúng ta phải kiên quyết hơn trong việc bảo vệ rừng. Nhà nước kêu gọi tiết kiệm sử dụng gỗ, và sẽ cấm xuất khẩu gỗ trong một thời gian 10 - 15 năm, đồng thời khuyến khích nhập khẩu gỗ để đáp ứng nhu cầu trong nước. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần làm việc với các tỉnh



có rừng, rà soát lại một cách nghiêm túc và kiên quyết đóng cửa những khu rừng cần bảo vệ. Không thể chỉ vì lợi ích trước mắt mà khai thác rừng một cách bừa bãi, làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường sinh thái, gây ra những hậu quả hết sức nặng nề và di hại lâu dài về sau.

3. Các cấp, các ngành, các đoàn thể quần chúng, đoàn thanh niên cần tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân, nhất là lớp trẻ bằng tất cả các phương tiện thông tin đại chúng để phát động được phong trào thực sự sôi động làm đường giao thông, trồng rừng và làm các công trình kết cấu hạ tầng ở khắp mọi miền đất nước. Cần làm mỗi người dân nhận thức được rằng, sự nghiệp xây dựng đất nước, đi lên công nghiệp hóa là sự nghiệp của toàn dân. Vì vậy, mọi người dân Việt Nam đều có trách nhiệm tham gia thực hiện sự nghiệp chung này. Chúng ta phải đưa đất nước đi lên, giữ vững độc lập, tự chủ, xứng đáng với lớp lớp cha anh đi trước đã hy sinh xương máu vì độc lập, tự do của dân tộc. Hợp tác quốc tế cũng rất cần thiết, nhưng không có bất cứ ai xây dựng đất nước thay cho chúng ta, mà chính dân tộc ta, trong đó thanh niên là lực lượng nòng cốt, phải làm việc đó. Chúng ta phải phát huy hết những lợi thế của dân tộc, của đất nước mình mà sức lao động và trí sáng tạo của nhân dân đang là lợi thế lớn, rõ nhất. Dân tộc ta đứng trước một sự chọn lựa: Hoặc là bằng sức mạnh của cả dân tộc để đi lên hoặc sẽ tụt hậu, nếu không thì cũng chịu lụy thuộc.

Chúng ta cũng cần phát huy các sáng kiến tổ chức lao động một cách năng suất, hiệu quả, với khí thế sôi động và các hoạt động văn hóa lành mạnh. Có thể kết hợp nhiều hình thức khác nhau, tương tự như chúng ta đã làm trong kháng chiến, đã mở đường Trường Sơn, kể cả hình thức thanh niên xung phong... Đây là một vấn đề rất sâu sắc, sinh động và phong phú, đòi hỏi phải rất sáng tạo.



Kính thưa các đồng chí,

Những nhiệm vụ trên đây rất to lớn, không ít khó khăn và phải tiến hành liên tục trong nhiều năm mà năm 1997 là năm đầu tiên. Thêm vào đó, chúng ta vẫn phải hoàn thành những nhiệm vụ vốn đã nặng nề của năm 1997, khắc phục hậu quả thiên tai năm 1996 để lại, đồng thời tiếp tục thực hiện các nghị định về an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường sông, các nghị định về chống các tệ nạn văn hóa - xã hội. Nhất là đối với Chỉ thị cấm sản xuất, kinh doanh và đốt pháo, cân xử lý thật nghiêm những hành vi vi phạm, coi như tái phạm. Năm 1997 phải là năm triển khai thực hiện các nghị định, chỉ thị này một cách kiên quyết, đủ bài bản và liên tục. Không để diễn lại tình trạng như một chiến dịch ào lên rồi lại lặng dần đi kiểu “đầu voi đuôi chuột”, “đánh trống bỏ dùi”.

Một điểm tôi muốn nhấn mạnh thêm với các đồng chí mà trong hội nghị này chưa thấy đề cập là công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình. Đây là vấn đề liên quan trực tiếp tới xóa đói, giảm nghèo và có quan hệ chặt chẽ tới phát triển kinh tế - xã hội, tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh.

Chúc tất cả các đồng chí sức khỏe, chúc tất cả các địa phương, các ngành giành được thắng lợi cao nhất trong năm 1997.

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hồ sơ số 1370.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 38/TB, ngày 08 tháng 4 năm 1997

Ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt

tại buổi làm việc với Bộ Văn hóa - Thông tin ngày 20/3/1997

Ngày 20/3/1997, Thủ tướng Võ Văn Kiệt và Phó Thủ tướng Nguyễn Khánh đã làm việc với lãnh đạo Bộ Văn hóa - Thông tin. Sau khi nghe Bộ trưởng Nguyễn Khoa Điềm báo cáo về tình hình công tác và một số nhiệm vụ chính của Bộ trong thời gian tới, những kiến nghị của Bộ với Chính phủ; ý kiến phát biểu của Phó Thủ tướng Nguyễn Khánh; Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã có ý kiến chỉ đạo như sau:

Về công tác quản lý nhà nước:

Quản lý nhà nước về văn hóa, thông tin là một nhiệm vụ to lớn và phức tạp, liên quan đến đời sống nhân dân và toàn xã hội. Những năm qua, Bộ Văn hóa - Thông tin đã có nhiều cố gắng thực hiện nhiệm vụ của mình; tuy nhiên, cần phải tiếp tục nâng cao năng lực quản lý nhà nước của Bộ. Trước mắt, cần rà soát lại các văn bản pháp quy, cơ chế và chính sách, nhằm điều chỉnh, bổ sung và xây dựng thêm để hình thành một hệ thống văn bản pháp quy, cơ chế, chính sách đồng bộ, phù hợp với điều kiện thực tế hoạt động văn hóa, thông tin đang phát triển ở nước ta. Đồng thời, phải nhanh chóng hoàn thành công tác



nghiên cứu, hoạch định chiến lược văn hóa, thông tin, làm rõ các mục tiêu mà ngành văn hóa - thông tin cần thực hiện đến năm 2000 và 2020.

Về quản lý báo chí:

- Báo chí là công cụ thông tin quan trọng giúp Chính phủ trong việc điều hành xã hội. Vừa qua, trong hoạt động báo chí, bên cạnh những đóng góp và tiến bộ về nhiều mặt, cũng có những vi phạm Luật báo chí: Một số báo dành cho quảng cáo quá tỷ lệ quy định, ít chú ý, quảng cáo các mặt hàng nội địa, mà chỉ tập trung quảng cáo hàng ngoại, thậm chí cả những mặt hàng cấm quảng cáo như rượu, thuốc lá,... Một số báo chuyên ngành còn chưa tập trung vào nhiệm vụ của ngành mình.

- Việc quản lý phóng viên nước ngoài và hoạt động báo chí nước ngoài tại Việt Nam về lâu dài thuộc trách nhiệm của Bộ Văn hóa - Thông tin. Hiện nay, Chính phủ tạm giao việc này cho Bộ Ngoại giao, trong tương lai cần xem xét giao lại việc này cho Bộ Văn hóa - Thông tin đảm nhiệm, có kết hợp với Bộ Ngoại giao. Đã đến lúc bờ nào, ngành nào cũng phải thực hiện quản lý cả hoạt động đối nội và đối ngoại của ngành mình.

Về quản lý văn hóa:

- Cần phải có những giải pháp để nhanh chóng phát triển văn hóa, đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa và vui chơi giải trí lành mạnh của nhân dân. Những năm gần đây, nhân dân đã đóng góp nhiều cho các hoạt động văn hóa và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Song, cũng còn nhiều biểu hiện lệch lạc, nhiều hủ tục, thương mại hóa trong ma chay, cưới xin, lễ hội;



hoạt động mê tín dị đoan, buôn thần, bán thánh, đồng bóng, bói toán vẫn diễn ra, làm xói mòn nhiều phong tục, tập quán tốt đẹp của nhân dân ta.

Bộ Văn hóa - Thông tin cần tăng cường chỉ đạo xây dựng nếp sống văn hóa, xây dựng lối sống lành mạnh, văn minh ở mọi cơ sở.

- Quần thể di tích phố cổ, thành nội của Thủ đô Hà Nội là di tích lịch sử quý, cần sớm có phương án bảo tồn, tu bổ để giới thiệu rộng rãi trong nhân dân, góp phần giáo dục truyền thống dân tộc.

Về tổ chức ngành:

Bộ Văn hóa - Thông tin cần có bộ máy tổ chức mạnh, đủ năng lực quản lý nhà nước về các hoạt động văn hóa, thông tin; xây dựng phương án cung cố ngành, phân định rõ nội dung hoạt động của từng khối văn hóa, thông tin. Có thể thành lập Cục Báo chí hoặc Tổng cục Thông tin trong Bộ. Cũng có thể nghiên cứu thành lập 2 bộ: Bộ Văn hóa và Bộ Thông tin. Nhưng trước tiên, cần đánh giá có căn cứ khoa học về kết quả hoạt động của Bộ từ khi nhập hai Bộ lại.

- Đồng ý đề nghị của Bộ bổ sung 2 thứ trưởng, song cần chú ý tăng cường lãnh đạo quản lý công tác thông tin.

- Ở cơ sở (xã, phường, thị trấn) cần có cán bộ chuyên trách kiêm nhiệm nhiều việc, trong đó có công tác văn hóa - thông tin.

Về một số công trình văn hóa:

Khi xây dựng quy hoạch chung, các tỉnh, thành phố, nhất là Thủ đô Hà Nội, phải chú ý xây dựng các công trình văn hóa và dành những vị trí thích hợp cho các công trình này.

- Cần khẩn trương tiến hành xây dựng Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam. Bộ Văn hóa - Thông tin phải phối hợp



với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và tỉnh Hà Tây tìm phương án về mực nước hồ Đồng Mô - Ngải Sơn sao cho vừa bảo đảm yêu cầu của Làng Văn hóa - Du lịch, vừa không ảnh hưởng đến yêu cầu phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân trong khu vực.

- Công trình tu bổ, nâng cấp Nhà hát lớn nên coi là một dự án riêng để cấp ngân sách, không tính vào vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Bộ Văn hóa - Thông tin.

- Công trình Nhà hát Ca Múa Nhạc chỉ nên có quy mô vừa phải để hòa nhập với cách quan chung của khu vực. Nếu cần có một Nhà hát Ca Múa Nhạc với quy mô lớn hơn thì chọn ở vị trí khác.

Về đào tạo:

Bộ Văn hóa - Thông tin phải lập quy hoạch dài hạn, kế hoạch cụ thể về đào tạo tài năng các loại hình nghệ thuật ở trong và ngoài nước. Trên cơ sở đó, Chính phủ xem xét bố trí ngân sách phù hợp, cũng có thể dành một khoản viện trợ không hoàn lại của các nước cho nhu cầu này.

Về ngân sách:

- Bộ cần triển khai thực hiện ngay phần kinh phí năm 1997 đã được duyệt. Còn một số nhu cầu chưa đưa được vào kế hoạch ngân sách, Bộ cần tiếp tục trình để Chính phủ xem xét tạo cơ chế để bổ sung. Văn phòng Chính phủ sẽ có trách nhiệm thông báo về việc này.

- Chính phủ sẽ điều chỉnh dần để trong những năm tới, ngân sách dành cho văn hóa đạt tỷ lệ 2% trên tổng ngân sách chi của Nhà nước.



- Bộ cần chuẩn bị kỹ những vấn đề đã đặt ra về chiến lược phát triển, về tổ chức, về chính sách và một số giải pháp đối với ngành văn hóa - thông tin để Thủ tướng Chính phủ sẽ làm việc lại với Bộ vào tháng 5/1997.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Lại Văn Cử

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Bộ Văn hóa - Thông tin, hồ sơ số 1600.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 78/TB, ngày 16 tháng 7 năm 1997

**Ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt
tại buổi làm việc với Bộ Văn hóa - Thông tin
về việc quản lý các di tích lịch sử - văn hóa ngày 27/7/1997**

Ngày 02/7/1997, tại Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã làm việc với lãnh đạo Bộ Văn hóa - Thông tin. Cùng dự buổi làm việc với Thủ tướng có: Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Phan Quang Trung, Thứ trưởng Bộ Tài chính Lê Thị Băng Tâm.

Sau khi nghe các đồng chí Nguyễn Khoa Điềm - Bộ trưởng Lưu Trần Tiêu - Thứ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin báo cáo và kiến nghị các biện pháp nhằm tăng cường và phát huy hiệu quả của các hoạt động quản lý, bảo tồn, tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam, thăng cảnh; sưu tầm, chỉnh lý, phổ biến, lưu giữ các giá trị thuộc di sản văn hóa phi vật thể, Thủ tướng Chính phủ đã có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Nước ta có nhiều di tích lịch sử - văn hóa, danh lam, thăng cảnh và những giá trị văn hóa phi vật thể quý báu, cần được giữ gìn, kế thừa, phát huy. Đây không chỉ là nhiệm vụ của ngành văn hóa - thông tin mà là sự nghiệp của toàn dân.

Để nhân dân có thể trực tiếp thực hiện nghĩa vụ của mình trong việc bảo tồn, tu bổ, tôn tạo và phát huy các di tích lịch sử -



văn hóa, danh lam, thăng cảnh và các giá trị văn hóa phi vật thể, Bộ Văn hóa - Thông tin có trách nhiệm tiến hành nghiên cứu, đánh giá và phân loại tất cả các di tích, danh lam, thăng cảnh hiện có trong toàn quốc.

Trên cơ sở phân loại, tiến hành lập quy hoạch tổng thể đầu tư bảo tồn, tu bổ, tôn tạo, phát huy các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam, thăng cảnh, trong đó có các di tích lịch sử - văn hóa từ thời tiền sử, trải qua mấy ngàn năm đến trước cách mạng và các di tích lịch sử cách mạng, từ khi Đảng ta ra đời, trải qua đấu tranh cách mạng và kháng chiến vĩ đại giành chính quyền, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong quy hoạch cần xác định rõ các trọng điểm, các thứ tự ưu tiên đối với từng loại di tích, đồng thời phân cấp quản lý cho các cấp chính quyền và nhân dân sở tại đối với các di tích này, quy định rõ trách nhiệm và mối quan hệ giữa bộ, sở quản lý ngành với từng cấp chính quyền nhằm đảm bảo, không chỉ thể chế hóa cao trong quản lý nhà nước, mà còn có sự chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ đối với từng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam, thăng cảnh. Song song với việc tăng cường trách nhiệm quản lý của tất cả các cấp chính quyền từ tỉnh, thành phố, huyện, quận, đến xã, phường, làng, bản, cần phát huy ý thức làm chủ của mọi người dân tại địa bàn có di tích, để đồng bào trực tiếp góp phần bảo tồn, tu bổ, tôn tạo có hiệu quả đối với các di tích, danh lam, thăng cảnh và những giá trị văn hóa phi vật thể của quê hương mình.

2. Việc xây dựng quy hoạch tổng thể, dự án về bảo tồn, tu bổ, tôn tạo, phát huy các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam, thăng cảnh, các giá trị văn hóa phi vật thể, cần gắn với những định hướng, mục tiêu, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Trên cơ sở quy hoạch tổng thể, Bộ Văn hóa - Thông tin lập đề án quản lý, bảo tồn, tu bổ, tôn tạo và phát huy một



số di tích lịch sử - văn hóa, danh lam, thăng cảnh và các giá trị văn hóa phi vật thể trọng điểm, để triển khai thực hiện từ năm 1996 đến năm 2000. Để thực hiện đề án này, cần huy động mọi nguồn vốn, trong đó có nguồn vốn ngân sách (kinh phí sự nghiệp và kinh phí xây dựng cơ bản), nguồn vốn ODA, sự đóng góp của nhân dân. Chú ý tập trung vốn đầu tư cho những công trình trọng điểm đã được tuyển chọn, theo danh mục thứ tự ưu tiên. Các cấp chính quyền phải sử dụng có hiệu quả kinh phí Nhà nước cấp cho việc bảo tồn, tu bổ, tôn tạo các di tích, đồng thời phải tạo điều kiện và có các biện pháp thu hút các nguồn vốn đầu tư cho các di tích trên địa bàn của mình.

3. Giao Bộ Văn hóa - Thông tin thành lập Hội đồng Khoa học giúp Thủ tướng Chính phủ xét chọn, phân loại, xác định các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam, thăng cảnh và các giá trị văn hóa phi vật thể trọng điểm, xếp theo thứ tự ưu tiên, để lập quy hoạch tổng thể bảo tồn, tu bổ, tôn tạo, sưu tầm, phát huy và khai thác.

4. Giao Bộ Tài chính hướng dẫn việc cấp trả lại các nguồn thu từ dịch vụ tham quan, du lịch ở các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam, thăng cảnh để sử dụng vào việc tu bổ, tôn tạo các di tích.

5. Bộ Văn hóa - Thông tin cần khẩn trương xây dựng án quy hoạch tổng thể về quản lý, bảo tồn, tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phát huy, khai thác các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam, thăng cảnh, các hiện vật bảo tồn, bảo tàng, khảo cổ. Bên cạnh việc sưu tầm, kế thừa, chỉnh lý, cải biên, nâng cao, lưu truyền, phổ biến, phát huy và khai thác các giá trị văn hóa phi vật thể trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định, cần sớm dự thảo Luật bảo vệ di sản văn hóa dân tộc, để trình Quốc hội xem xét.

6. Trong toàn bộ di tích lịch sử - văn hóa của dân tộc ta, Chiến khu Việt Bắc là nơi từng diễn ra các sự kiện lịch sử trọng



đại của cách mạng Việt Nam, kể từ khi lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc từ nước ngoài về đây lập căn cứ địa, tiếp đến là sự ra đời của Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân, tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam, Quốc dân Đại hội Tân Trào, Đại hội lần thứ II của Đảng... Suốt chín năm trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, tất cả các cơ quan đầu não của Đảng, Chính phủ, Mặt trận, các đoàn thể, các bộ, ngành, giới đều đóng trụ sở ở đây. Căn cứ địa Việt Bắc thực sự là Thủ đô kháng chiến của cả nước trong cuộc trường kỳ chống đế quốc Pháp của nhân dân ta. Đây là một quần thể di tích quan trọng bậc nhất của dân tộc ta ở thế kỷ XX, một công trình có ý nghĩa lớn lao, có giá trị lịch sử lâu dài. Vì vậy, cần xây dựng Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo, phát huy và khai thác toàn diện khu di tích lịch sử cách mạng “Chiến khu Việt Bắc” cả về văn hóa vật thể và phi vật thể, với 3 vùng di tích trọng điểm là: Pác Bó (Cao Bằng), Tân Trào (Tuyên Quang), ATK - Định Hóa, Hương Hóa và Sơn Dương (Thái Nguyên, Tuyên Quang). Cần sưu tầm, phát hiện, tìm tòi, thu thập đầy đủ những tài liệu, chứng cứ lịch sử, các địa danh chính xác, thông qua các cuộc hội thảo khoa học nghiêm túc, để bước đầu lập một sa bàn tổng thể - chi tiết - toàn cảnh Chiến khu Việt Bắc. Sau đó, dựa vào tài liệu sưu tầm được và sa bàn cụ thể, xây dựng Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phục hồi các di tích lịch sử của Chiến khu Việt Bắc có chọn lọc, có trọng điểm và theo thứ tự ưu tiên; trong đó nên có dự án xây dựng một Chiến khu Việt Bắc thu nhỏ, tại một vùng đất thuận tiện giao thông, có rừng, có núi, thuộc một trong những tỉnh của Chiến khu Việt Bắc. Bộ Văn hóa - Thông tin chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, đoàn thể, cơ quan có liên quan抓紧 trương triển khai công việc này.



Việc xây dựng một khu di tích lịch sử - cách mạng vĩnh cửu có giá trị tiêu biểu như Chiến khu Việt Bắc nhất định sẽ huy động được sự tham gia tích cực của nhiều cơ quan, bộ, ngành, đoàn thể, địa phương và nhân dân.

K/T BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
PHÓ CHỦ NHIỆM

Đoàn Mạnh Giao

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phông Bộ Văn hóa - Thông tin, hồ sơ số 1600.

THÔNG BÁO

CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số 80/TB, ngày 17 tháng 7 năm 1997

Ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi đến thăm và làm việc với Nhạc viện Hà Nội ngày 10/7/1997

Sáng ngày 10/7/1997, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã đến thăm Nhạc viện Hà Nội. Sau khi nghe lãnh đạo Bộ Văn hóa - Thông tin và Giám đốc Nhạc viện Hà Nội báo cáo quá trình hình thành, phát triển của Nhạc viện và đề xuất một số kiến nghị; Thủ tướng Võ Văn Kiệt có một số ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Hơn 40 năm qua, Nhạc viện Hà Nội đã cố gắng rất nhiều để góp phần nâng cao uy tín của nền âm nhạc Việt Nam.

Trong công tác đào tạo, Nhạc viện Hà Nội đã biết kết hợp chặt chẽ giữa các nhân tố dân tộc, hiện đại và quốc tế, giữa tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học và thực hành biểu diễn. Cách làm này đúng với định hướng, cần phát huy toàn diện và sâu sắc hơn, không ngừng đổi mới phương pháp đào tạo, chương trình, giáo trình, điều kiện, môi trường đào tạo, nâng cao chất lượng, đẩy mạnh dân tộc hóa, hiện đại hóa đào tạo trên lĩnh vực này và hòa nhập với thế giới.

2. Bộ Văn hóa - Thông tin kết hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thường xuyên chăm lo xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ giảng dạy âm nhạc, không những cho các nhạc viện, các trung tâm hoạt động âm nhạc, các trường văn hóa - nghệ thuật ở các tỉnh,



thành phố; mà còn cho cả các trường phổ thông cơ sở của nước ta. Đồng ý hằng năm, Bộ Văn hóa - Thông tin tuyển chọn nhân tài từng chuyên ngành hẹp của âm nhạc gửi đi đào tạo ở nước ngoài theo những cấp học khác nhau, trong đó có cả hệ bổ túc ngắn ngày; đồng thời, Nhà nước tạo điều kiện và cho phép mời các chuyên gia âm nhạc nước ngoài vào giảng dạy tại các nhạc viện và trung tâm hoạt động âm nhạc của nước ta. Để làm tốt việc này, Bộ Văn hóa - Thông tin cần sớm có quy hoạch đào tạo nhân tài âm nhạc và cán bộ giảng dạy âm nhạc, có sự thống nhất ý kiến với Bộ Giáo dục và Đào tạo và bộ, ngành có liên quan.

3. Nhạc viện Hà Nội thường xuyên tuyển chọn và đào tạo các cháu bị khuyết tật, nhưng có năng khiếu âm nhạc đặc biệt, là một sáng kiến, một việc làm nhân đạo, nhạy bén, thực tế và khoa học, cần phát huy. Đây là loại đối tượng đào tạo không bình thường, đòi hỏi Nhạc viện phải chú trọng nghiên cứu, rút kinh nghiệm toàn diện, để chất lượng đào tạo loại đối tượng đặc biệt này ngày càng hoàn thiện ở những tầm cao mới. Đồng thời, Bộ Văn hóa - Thông tin cần phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức cho họ hoạt động phục vụ xã hội bằng chính nghệ thuật mà họ đã được Nhạc viện đào tạo. Việc cấp chứng chỉ, bằng tốt nghiệp cho loại đối tượng đào tạo này như thế nào, yêu cầu Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin nghiên cứu, đề xuất và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Bộ Văn hóa - Thông tin phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính xây dựng quy hoạch về hệ thống giáo dục âm nhạc trong cả nước, từ các nhạc viện quốc gia, các cơ sở đào tạo âm nhạc thuộc các tỉnh, thành phố cũng như giáo dục phổ cập âm nhạc và một số loại hình nghệ thuật truyền thống dân tộc trong các trường phổ thông. Trên cơ sở đó, có kiến nghị cơ chế,



chính sách cho học sinh, sinh viên, giảng viên, nghệ nhân được mời giảng dạy ở các trường nghệ thuật, kể cả cơ chế, chính sách riêng đối với các em bị tật nguyền mà có năng khiếu nghệ thuật và những tài năng nghệ thuật đặc biệt xuất sắc. Bộ Giáo dục và Đào tạo cố gắng giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền; những vấn đề quá thẩm quyền, Bộ trinh Thủ tướng Chính phủ xem xét.

5. Việc tu bổ, cải tạo, nâng cấp và xây dựng thêm những công trình mới của Nhạc viện Hà Nội, phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu phát triển đào tạo của Nhạc viện, phù hợp với yêu cầu của xã hội, cảnh quan kiến trúc, môi trường văn hóa và quy hoạch xây dựng của Thành phố.

6. Bộ Văn hóa - Thông tin phối hợp với ngành thể dục - thể thao nghiên cứu một số môn thể dục, thể thao thích hợp cho học sinh, sinh viên và những người hoạt động âm nhạc chuyên nghiệp ở nước ta áp dụng rèn luyện thể lực để giữ gìn và tăng cường sức khỏe.

7. Thành phố Hà Nội cần xây dựng một công trình dành riêng cho hoạt động trình diễn các tác phẩm nhạc giao hưởng, hợp xướng, nhạc kịch (opera và operette), kịch múa (ballete). Bộ Văn hóa - Thông tin làm việc với Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, để sớm triển khai lập dự án tiền khả thi công trình này và trình duyệt theo quy định hiện hành.

K/T BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
PHÓ CHỦ NHIỆM

Đoàn Mạnh Giao

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phông Bộ Văn hóa - Thông tin, hồ sơ số 1600.

ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC - CỘI NGUỒN SỨC MẠNH CỦA CHÚNG TA*

Mấy hôm nay, Thủ đô Hà Nội đang chuẩn bị Lễ kỷ niệm 60 năm Quốc khánh. Đi qua Quảng trường Ba Đình lịch sử, tôi thấy anh em đang dựng một khẩu hiệu rất lớn: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”. Với hơn 60 năm tham gia chiến đấu và xây dựng, tôi không nhìn khẩu hiệu đó như một vật trang trí bằng gỗ, bằng giấy, bằng vải... Tôi bồi hồi xúc động với nhận thức rằng nó là một tư tưởng lớn của Bác Hồ, một đạo lý lớn của dân tộc. Từ 60 năm trước, nó đã thể hiện ở chính nơi đây, nó vẫn thấm trong tim của Người đã yên nghỉ trong Lăng kia.

Nhân những ngày này, ngẫm lại, tôi càng thấy thấm thía tư tưởng lớn đó của Bác: Đoàn kết là bản năng của nhiều loài sinh vật (đàn chim, bầy kiến, bầy ong,...). Ở loài người, bản năng đó đã phát triển thành một nhu cầu có ý thức. Tùy nơi, tùy lúc, ý thức đó có thể đậm hay nhạt. Mà nghiêm trọng lịch sử Việt Nam và lịch sử các dân tộc trên thế giới, thấy sự đậm nhạt này có quan hệ mật thiết với sức mạnh của quốc gia, với sự hưng thịnh của các nền văn minh.

Ngay từ năm 1941, trong bài *Kính cáo đồng bào*, Bác viết: “Hiện thời muốn đánh Pháp, Nhật, ta chỉ cần một điều: *Toàn dân*

* Bài viết của đồng chí Võ Văn Kiệt nhân kỷ niệm 60 năm Ngày Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1945 - 2005). Bài đăng trên báo *Nhân Dân*, ngày 19/8/2005.



*đoàn kết... Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại... Việc cứu quốc là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kề vai gánh vác một phần trách nhiệm..."*¹.

Trong tác phẩm *Nên học sử ta*, viết vào đầu năm 1942, Bác đã viết: “Sử ta dạy cho ta bài học này: Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn. Vậy nay ta phải biết đoàn kết, đoàn kết mau, đoàn kết chắc chắn thêm lên mãi...”².

Cách mạng Tháng Tám là một kết quả rực rỡ của tư tưởng đó. Không chỉ có sĩ, nông, công, thương, binh, mà cả vua quan triều Nguyễn cũng ngả theo cách mạng. Nhờ đó, kẻ xâm lược mất đi chỗ dựa ban đầu. Kẻ thù trong nước bị tê liệt. Còn những người có tâm huyết với nước với dân thì được thu phục và tận tụy đến cùng với cách mạng và kháng chiến.

Đoàn kết đồng thời có nghĩa là phải khoan dung. Chính phủ Hồ Chí Minh chủ trương xóa bỏ mọi hận thù và chia rẽ do chế độ cũ để lại, sẵn sàng thu dụng những người có tài, có năng lực, có tâm huyết, mà không kể đến quá khứ. Bác đã tuyên bố: “Chính phủ Cộng hòa ta cũng tổ một độ lượng không để tâm moi ra những tội cũ đem làm án mới làm gì”³.

Ở Bác, đại đoàn kết không chỉ đóng khung trong phạm vi quốc gia, mà được thể hiện cả trên phạm vi quốc tế. Ngay từ trước cách mạng, Bác đã ra sức tìm kiếm những quan hệ với bất cứ nước nào có thể đóng góp cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Trong hoàn cảnh lịch sử lúc đó, tư tưởng này không phải lúc nào cũng đem lại kết quả như ý, nhưng ít nhất thì tấm lòng chân thành

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.230, 256 (B.T).

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.49 (B.T).



của Bác cũng đã có sức mạnh kiềm chế kẻ thù, giảm thiểu được khả năng đối đầu, trì hoãn những xung đột bất lợi, bảo vệ những thành quả đầu tiên của cách mạng...

Đến Đại hội Đảng lần thứ II đầu năm 1951, vấn đề đại đoàn kết được đặt ra và nhìn nhận trong những hoàn cảnh khác. Đã có không ít ý kiến xung quanh vấn đề này. Bác kết luận: “Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam”¹. Lời giải thích đó của Bác đã có sức thuyết phục mạnh mẽ trong Đại hội Đảng.

Về phần mình, trải qua bao năm tháng suốt từ trước Cách mạng Tháng Tám đến ngày nay, từ những phút gian nguy giữa sống và chết, đến những ngày chia ngọt sẻ bùi từng thăng lợi, tôi đã bao lần được đồng bào che chở cưu mang, đã chứng kiến bao tấm gương hy sinh của những người thuộc mọi tầng lớp và lứa tuổi... Tôi càng thầm thía những bài học lớn đó của Hồ Chí Minh.

Tiếc rằng, một số năm sau đó, tư tưởng đại đoàn kết đã bị coi nhẹ, quan điểm giai cấp đã được vận dụng một cách máy móc, một chiều.

Trong các chiến dịch cải cách ruộng đất và cải tạo công thương nghiệp, nhiều nhân sĩ yêu nước, nhiều nhà kinh doanh có công với cách mạng đã bị đối xử không còn như bạn bè, gây những tổn thất lớn về chính trị và kinh tế.

Tư tưởng thành phần chủ nghĩa đã dẫn tới hai kết quả: Làm mất đi nhiều tài năng của một bộ phận đáng kể trong dân tộc, đồng thời đưa một cách gượng ép những nhân tố tuy rất cơ bản về chính trị nhưng lại không đủ chất lượng trong quản lý và xây dựng.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t.12, tr.38 (B.T).



Bước vào sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tư tưởng đại đoàn kết của Bác lại một lần nữa bừng lên như một sức mạnh vĩ đại của cả dân tộc. Nhiều thành phần khác nhau trong xã hội miền Nam, kể cả các nhân sĩ, các nhà tư sản, thậm chí cả những sĩ quan cao cấp trong quân đội chính quyền Sài Gòn cũng đã hình thành nhiều tổ chức, nhiều khuynh hướng khác nhau chống lại chế độ độc tài sai của Mỹ (Ngô Đình Diệm, Nguyễn Văn Thiệu). Có một số là thành viên bí mật của Mặt trận dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam và Mặt trận Sài Gòn - Gia Định. Do đó, chính quyền tay sai đã bị cô lập càng bị cô lập hơn, đã suy yếu càng suy yếu hơn. Lực lượng cách mạng đã lớn mạnh càng lớn mạnh hơn.

Trong thời gian này, tôi có may mắn được sống và chiến đấu cùng đồng bào các giới trong lòng Sài Gòn - Gia Định, sau đó hơn 15 năm tiếp theo tại miền Tây Nam Bộ. Sài Gòn là thành phố lớn, có đủ mọi tầng lớp dân cư đô thị khác nhau. Còn Tây Nam Bộ suốt kháng chiến chống Pháp và nhiều năm kháng chiến chống Mỹ là một vùng có những nhà địa chủ giàu có nhất nước ta, những nhà trí thức từng du học ở Pháp, những quan chức cao cấp của chính quyền đương thời, những nhà tu hành và tín đồ của nhiều tôn giáo, những người thuộc những dân tộc khác nhau, như Khmer, Chăm, Hoa... Nhưng, ở cả hai địa bàn ấy, chúng tôi vẫn tồn tại và hoạt động được là nhờ được sống giữa lòng dân, thuộc đủ các tầng lớp xã hội. Bài học về sức mạnh dân tộc càng thấm sâu trong máu thịt tôi.

Trên lĩnh vực quốc tế, tinh thần đoàn kết cũng đã đạt được nhiều kết quả thật ngoạn mục. Phong trào phản chiến ở Mỹ, ở Pháp và phong trào phản đối chiến tranh xâm lược Việt Nam ở nhiều nước trên thế giới, đã làm cho kẻ thù xâm lược Việt Nam



càng ngày càng bị cô lập. Trong các nước xã hội chủ nghĩa, tư tưởng đoàn kết quốc tế của Bác Hồ đã làm cho những người bạn lớn của chúng ta dù còn mến lòng với nhau nhưng vẫn luôn luôn nhất trí ủng hộ sự nghiệp kháng chiến của chúng ta.

Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, rất nhiều vận hội đã mở ra cho cả nước:

- Đất nước đã được hòa bình, thống nhất. Giang sơn đã thu về một mối. Lòng người cũng quy về một mối.

- Toàn dân, vui mừng được yên ổn làm ăn, kiến tạo lại đất nước, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển chung của cả dân tộc.

- Một đội ngũ đông đảo công thương gia và trí thức miền Nam, có những khả năng và kinh nghiệm trên nhiều lĩnh vực khác nhau, là một vốn quý, có thể đóng góp vào việc xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, giàu mạnh.

- Hầu hết quân đội, sĩ quan và những viên chức trong chính quyền cũ cũng đều mong mỏi được sống trong hòa bình, hòa hợp, có cơ hội làm lại một cuộc sống yên ổn.

- Trên bình diện quốc tế, cả những nước đã từng đem quân tham gia vào cuộc chiến ở Việt Nam cũng thấy cần xóa đi những ám ảnh của quá khứ và bày tỏ thiện chí với Việt Nam. Kể cả trong chính quyền Mỹ cũng thấy có những dấu hiệu muốn sớm đi tới bình thường hóa quan hệ với Việt Nam, như một cách để làm dịu vết thương nhức nhối của cuộc chiến...

Rất tiếc là ý thức đoàn kết dân tộc lại một lần nữa bị phân náo xao nhãng bởi bệnh chủ quan và say sưa vì chiến thắng, bởi những cách nhìn hẹp hòi, biệt phái, bởi chuyện phân biệt thắng - thua, bởi những kỳ thị ta - ngụy...



Tiếp đó, cuộc cải tạo công thương nghiệp tư nhân ở miền Nam và việc hợp tác hóa nông nghiệp một cách rập khuôn, mà sau này Đại hội Đảng lần thứ VI đã rút kinh nghiệm, là vừa đụng chạm tới cả những người đã từng có công đóng góp cho cách mạng, vừa triệt tiêu đi một nguồn lực kinh tế rất quan trọng.

Kinh tế khó khăn, đời sống bế tắc, cộng với những phương thức quản lý xã hội quá cứng nhắc và tình trạng kỳ thị thành phần... đã làm cho cả một số người yêu nước, muốn đóng góp cho đất nước cũng đành dứt áo ra đi.

Những tổn thất kể trên ít nhiều đã trực tiếp liên quan đến nhiệm vụ của tôi, một người lãnh đạo thành phố mang tên Bác. Tôi đã chứng kiến nhiều nhà trí thức, nhà công thương trước khi rời quê hương vẫn trăn trở cân nhắc, rồi cũng phải “liều mình nhắm mắt đưa chân”. Mặc dù trong phạm vi khả năng và quyền hạn của mình, Thành ủy chúng tôi cũng đã chân tình giúp đỡ và động viên nhiều anh chị em, nhưng tôi vẫn thấy lúc bấy giờ Thành ủy vẫn có nhiều bất lực và có phần trách nhiệm về tình hình đó.

Trên bình diện quốc tế, một số chủ trương cứng rắn quá mức cần thiết đã làm cho Việt Nam lâm vào tình cảnh thêm thù bớt bạn, mà thực ra không phải là hoàn toàn không tránh được.

Kết quả là Việt Nam bỏ lỡ rất nhiều vận hội. Tiếp đó là những năm tháng đầy khó khăn, với những khủng hoảng kéo dài. Đó chính là một bài học lớn của lịch sử.

Từ ngày Đảng ta có chủ trương đổi mới, tư tưởng hòa hợp dân tộc lại được phục hưng và ứng nghiệm với nhiều kết quả khả quan. Quan điểm kinh tế nhiều thành phần, quan điểm kinh tế mở, tư tưởng Việt Nam là bạn với tất cả các nước trên thế giới, khép lại quá khứ, hướng tới tương lai... đã giúp cho nước ta khai



thác được cả nội lực và ngoại lực để vượt khỏi khủng hoảng, liên tiếp thu được những thành quả về mọi mặt.

Từ khi làm nhiệm vụ quản lý ở địa phương cũng như ở tầm quốc gia, tôi đã có dịp tìm hiểu nhiều nước và tiếp xúc với nhiều chính khách lớn trên thế giới. Qua đó, tôi kiểm nghiệm lại nhiều điều và rút ra một bài học: thời bình cũng không khác trong thời chiến về một chân lý muôn thuở: quốc gia nào khắc phục được những mâu thuẫn nội tại để cùng tìm thấy niềm tự hào chung, lợi ích chung thì có thể tạo ra sức mạnh nội lực và do đó càng có uy tín quốc tế. Kể cả những nước nhỏ, nếu có những yếu tố đó thì cũng vẫn tạo ra thế mạnh. Ngược lại, nơi nào mà dân tộc chia rẽ, đối địch với nhau, thì dù có tài nguyên quốc gia phong phú, có dân số đông đúc, vẫn không tạo ra sức mạnh, vị thế quốc tế, do đó cũng không thể vững vàng.

Ngày nay, chúng ta đã có một nước Việt Nam độc lập, thống nhất và đang trên đường tiến tới thực hiện lý tưởng dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Chúng ta đã từng bước nâng cao uy tín quốc tế. Do đó, chúng ta càng có sức cảm hóa nhiều hơn. Những kinh nghiệm quốc tế vừa qua càng chỉ rõ thêm rằng, nếu chỉ dùng đối đầu và bạo lực để giải quyết những thù hận thì chỉ để ra thù hận. Nếu dùng cách cảm hóa để giải quyết thù hận thì có thể triệt tiêu được thù hận và tạo ra sức mạnh càng ngày càng dồi dào hơn.

Nếu cứ còn chia rẽ do hận vì bại, kiêu vì thắng, thì có ích gì cho bản thân, cho đất nước, cho hình ảnh Việt Nam trên trường quốc tế?

Nhìn ra thế giới, càng nghiệm thấy rằng tài nguyên lớn nhất cho mọi quốc gia chính là tài nguyên con người. Nếu quy tụ được sức người, thì nhiều nguồn lực khác cũng có thể được quy tụ. Con người mà không quy tụ, thì mọi nguồn lực khác cũng rơi rụng.



Trong thế giới ngày nay, nguồn lực hàng đầu là trí thức. Nói như thế không có nghĩa là đề cao những con người trí thức cụ thể, mà nói đến một điều kiện không thể thiếu cho sự phát triển: Trong cuộc đua tranh để phát triển, không thể chỉ dựa vào nhiệt tình và ý chí, mà phải dựa vào kiến thức, học vấn, sự nhận thức các quy luật của thiên nhiên và của xã hội. Theo kinh nghiệm lịch sử của thế giới và bản thân nước ta, nhất là qua những kinh nghiệm của Bác Hồ, thấy rằng, trí thức tận tụy hay không là tùy thuộc vào chúng ta có tin dùng trí thức hay không, có giao cho họ đảm nhiệm những trọng trách mà họ xứng đáng được đảm nhiệm hay không. Điều đó không tùy thuộc vào bản thân trí thức, mà vào lanh đạo có đủ khả năng thu phục nhân tâm và nhân tài hay không. Thu hút được nhân tài cũng là một tài năng.

Ngày nay, nước ta không còn những kẻ xâm lược. Nhưng kẻ thù vẫn còn. Kẻ thù đó là sự nghèo nàn, lạc hậu. Lạc hậu thì sẽ tụt hậu. Tụt hậu thì khó thoát khỏi vòng lây thuộc. Tất cả những ai có thể góp một phần vào việc chống kẻ thù đó đều nên và có thể có mặt trong hàng ngũ của chúng ta.

Muốn thế, cần ngồi lại với nhau. Bằng thiện chí, bằng tấm lòng chân thật, hãy cùng nhau xem lại một cách sòng phẳng những chỗ hay, chỗ dở, chỗ nào đã khắc phục được rồi, chỗ nào còn phải hoàn thiện tiếp...

Đến nay, 30 năm rồi, những điểm có thể gặp nhau là rất cơ bản, đó là đất nước Việt Nam, là dân tộc Việt Nam, là phát triển, là phồn vinh, là độc lập, tự do, hạnh phúc.

Những điểm gặp thì đã có. Nhưng người đến gặp thì vẫn chưa được đong đúc lắm.

Nhân kỷ niệm 60 năm Cách mạng Tháng Tám, chúng ta hãy cùng nhau nhớ lại không khí hào hùng và sôi nổi của những ngày



tháng đó. Ngọn lửa tạo nên không khí đó chính là tinh thần yêu nước và đại đoàn kết dân tộc, mà người thấp nêu ngọn lửa đó chính là Bác Hồ. Khi đó, tất cả mọi người Việt Nam đều như một. Khi đó, yêu nước là cách tốt nhất để yêu mình.

Để ngọn lửa đó còn sáng mãi, chúng ta hãy cùng ôn lại mấy bài học lớn của Bác:

- Đất nước Việt Nam, giang sơn Việt Nam cùng mọi thành quả của nền văn hóa Việt Nam không phải là của riêng ai, của một giai cấp hay đảng phái nào, mà là tài sản chung của mọi người Việt Nam, của cả dân tộc Việt Nam.

- Đã thế thì mọi người Việt Nam đều có trách nhiệm và có quyền được đóng góp vào việc tô điểm cho giang sơn đó, làm giàu thêm và đẹp thêm cho nền văn hóa đó.

- Lại vì thế nên phải làm sao để cho mọi người Việt Nam đều được sống với giang sơn gấm vóc này, được hưởng mọi giá trị vật chất và tinh thần của nền văn hóa này.

Nếu thực hiện tốt những tư tưởng đó, với kỷ niệm 60 năm Quốc khánh, tôi hoàn toàn tin tưởng rằng dòng chữ “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công” trên Quảng trường Ba Đình sẽ không chỉ là một khẩu hiệu bằng sắt, bằng gỗ, bằng vải màu..., mà sẽ là sức mạnh giúp chúng ta vượt qua bao thách thức trước mắt. Từ tinh thần của Ba Đình ngày ấy, nó sẽ trở lại với dân tộc, nó sẽ đem lại cả sức sống, niềm tin, niềm vui, nghĩa tình và hạnh phúc cho hàng triệu và hàng triệu người Việt Nam chúng ta.

Nhiều tác giả: *Võ Văn Kiệt - người thấp lửa*,
Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2010, tr.475-483.

ĐÙNG ĐÈ NGƯỜI NGHÈO BỊ GẠT RA BÊN LÊ*

Kinh tế mấy năm qua vẫn tăng trưởng khá, nhưng sau những bão lụt - thiên tai, cuộc sống của người dân lại đang phải trải qua những đợt giá cả thiết yếu bất ổn liên tục. Người nghèo - những hộ thu nhập thấp, những người phải chạy ăn từng bữa - trên thực tế chỉ được thụ hưởng rất ít các kết quả tăng trưởng, trong khi chính họ phải gần như lãnh trọn những hậu quả do lạm phát đang diễn ra. Muốn đất nước có được sự phát triển bền vững, tôi cho rằng chúng ta không thể thiếu những chính sách cốt lõi để giải quyết căn cơ vấn đề dân nghèo.

CAM KẾT LỊCH SỬ

Trong suốt hai thập niên đổi mới, Đảng và Nhà nước đã có nhiều nỗ lực để xóa đói giảm nghèo. Tỷ lệ người nghèo, tính theo chuẩn mực quốc tế (có mức sống dưới 1 USD/ngày), đã giảm từ 58% năm 1993 xuống 14,7% năm 2007. Một số viên chức quốc tế đã đánh giá cao những nỗ lực của Việt Nam. Nhưng những đánh giá ấy chủ yếu dựa trên các báo cáo trong nước và chúng ta hiểu khoảng cách giữa thực tế và báo cáo là còn đáng kể.

Tôi nhớ cách đây không lâu, báo chí phát hiện thêm rất nhiều nhà tranh vách đất ở một số địa phương mà theo báo cáo trước đó đã “100% ngói hóa”. Mặt khác, dù phần lớn dân chúng đã “thoát nghèo” nhưng chỉ cần sau một mùa bão lụt, sau một đợt rét hại,

* Bài đăng trên báo *Tuổi trẻ*, ngày 12/4/2008.



những thành quả kinh tế mà những người dân này tần tảo để có lại gần như bị xóa sạch. Tôi vừa đến một số vùng như vậy và không khó lầm để thấy người nghèo đang chiếm một tỷ lệ lớn thế nào, đang phải sống vất vả ra sao.

Chăm lo cho người nghèo hiện nay không đơn giản chỉ là thực hiện một cam kết có tính lịch sử, mà còn là bảo vệ tôn chỉ, mục đích của một đảng cách mạng luôn nhận mình đứng về phía nhân dân. Thực hiện cam kết đó không chỉ căn cứ vào những chính sách trực tiếp, mà trước khi ban hành những chính sách lớn cần phải phân tích, đánh giá sâu sắc những tác động của chúng lên các tầng lớp dân nghèo.

Chúng ta chưa có những đánh giá đầy đủ về tiến trình công nghiệp hóa xảy ra ở các vùng nông thôn và đặc biệt là nông thôn miền núi. Tiến trình này đúng là đã góp phần làm tăng trưởng kinh tế, đưa được một số nông dân vào lao động trong các công xưởng sử dụng lao động đơn giản. Nhưng mức tiền công quá thấp mà những nông dân này được trả không đủ tạo lập vị trí kinh tế cho họ, nói chi đến địa vị chính trị vinh dự mà chúng ta thường đề cập của giai cấp công nhân.

Người nông dân chịu thiệt một cách trực tiếp trong quá trình công nghiệp hóa. Mỗi khi có những nhà máy, những khu công nghiệp, đô thị mọc lên, những phúc lợi xã hội mà sự phát triển mang lại cho nông dân chỉ chiếm một giá trị rất nhỏ so với lợi nhuận mà đât đai của nông dân đem lại cho những tầng lớp khác.

“Công nghiệp hóa” theo kiểu tiếp nhận những đầu tư, chủ yếu khai thác lao động giá rẻ, tuy có giải quyết được công ăn việc làm có tính nhất thời cho một số lao động thiếu việc làm, về lâu dài không thể nào thay đổi địa vị nghèo khổ của nông dân.



Trong khi đó, sự trả giá về mặt tinh thần là rất lớn vì đa số những nông dân này đang phải ly hương, ly gia để có việc làm. Công nghiệp hóa, đô thị hóa của chế độ ta mà không nhất quán quan điểm, không xuất phát từ người nghèo (số đông người nghèo) thì chúng ta không tránh khỏi càng làm sâu sắc thêm khoảng cách giữa hai tầng lớp giàu, nghèo.

Công nghiệp hóa, đô thị hóa là một hướng đi cần thiết nhưng phải cân nhắc lợi ích lâu dài. Khi trở lại một số địa phương, thăm một số công trình, trong đó có những công trình được bắt đầu từ khi tôi còn công tác ở Chính phủ, tôi rút ra bài học rằng: nếu đô thị hóa hay công nghiệp hóa mà không cân nhắc đầy đủ sẽ dễ dẫn đến tình trạng các ngôi nhà, làng bản, thị trấn đặc trưng của các vùng cao dần được thay thế bằng những ngôi nhà, phố xá chen chúc, hình ảnh vẫn thường thấy ở vùng xuôi. Khi đó, chúng ta không chỉ gây ra những tổn thất về văn hóa mà còn đánh mất cả lợi ích kinh tế lâu dài.

Đầu tư phát triển, một mặt không thể thiếu những giải pháp bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, gìn giữ bản sắc văn hóa; mặt khác phải có chính sách để người nghèo, đặc biệt là nông dân, bà con các vùng nông thôn, vùng dân tộc... không bị gạt ra bên lề tiến trình phát triển, nhất là tiến trình xây dựng các khu đô thị, nhà máy trên làng bản, ruộng đất lâu đời của họ.

TƯ THIỆN KHÔNG THỂ THAY CHÍNH SÁCH

Chúng ta nghiên cứu và giảng dạy khá đầy đủ về sự dã man của tư bản trong giai đoạn “tích lũy tư bản hoang dã”. Nhưng chúng ta đã chưa cập nhật để thấy khả năng tự điều chỉnh ở các quốc gia này. Phúc lợi cho người lao động, người nghèo ở nhiều nước tư bản hiện cao đến mức mà tôi nghĩ các nhà lý luận rất cần



tham khảo. Kinh nghiệm sau hơn hai thập niên đổi mới cho thấy không thể có “công bằng” đúng nghĩa trong một xã hội mà tất cả đều nghèo (như chúng ta thời bao cấp).

Cũng không thể cào bằng bằng cách điệu tiết hết lợi ích của người giàu để chia cho người nghèo. Xã hội sẽ không phát triển nếu không có chính sách kích thích một bộ phận dân chúng vươn lên làm giàu chính đáng. Nhưng, nếu không có chính sách hợp lý và không chống được tham nhũng để quá trình “tích lũy tư bản” diễn ra như thời “hoang dã” (nhờ hối mại quyền lực và có được đặc quyền khai thác tài nguyên, đặc biệt là tài nguyên đất đai), thì không bao giờ tạo ra được công bằng và sự phát triển bền vững.

Có lẽ chưa có một quốc gia nào bày tỏ sự quan tâm đến người nghèo một cách thường xuyên như ta. Thậm chí với nhiều người, nó đã dần trở thành một thứ khẩu hiệu. Sự quan tâm đến người nghèo bằng các phương tiện truyền thông, qua các bài phát biểu, cuộc nói chuyện hay bài viết, tôi nghĩ là đã quá đủ. Nhưng chúng ta hãy nhìn vào các số liệu điều tra sau đây của UNDP để thấy chúng ta đã thật sự làm được những gì: nhóm 20% những người giàu nhất ở Việt Nam hiện đang hưởng tới 40% lợi ích từ các chính sách an sinh xã hội của Nhà nước; trong khi nhóm 20% những người nghèo nhất chỉ nhận được 7% lợi ích từ nguồn này.

Gần như thường xuyên chúng ta chứng kiến những hoạt động quyên góp, đấu giá... được tổ chức rầm rộ trên truyền hình, phần lớn những hoạt động ấy do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức. Tôi không phản đối cách làm đó, nhưng tôi nghĩ công việc ấy để các nhà hoạt động từ thiện chuyên nghiệp hoặc bán chuyên nghiệp, các nhà hảo tâm làm thay thì tốt hơn rất nhiều.



Theo kinh nghiệm của tôi, những người có nguyện vọng từ thiện đúng nghĩa thường chọn cách làm từ thiện trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức từ thiện chuyên nghiệp, vì họ tin đồng tiền đi qua các tổ chức như thế sẽ không bị xà xéo trên đường đến với người nghèo. Những người muốn giúp đỡ người nghèo thay vì dùng tiền bạc để mua danh và khoa trương, thường không chọn cách làm từ thiện theo kiểu “đầu giá” ôn ào trên các phương tiện thông tin đại chúng. Có tạo được những nền tảng pháp lý, để những tổ chức từ thiện đúng nghĩa có thể xuất hiện thì tình cảm cộng đồng mới thức dậy một cách chân thành, người nghèo từ đó mới được phần nào chia sẻ.

Tuy nhiên, các hoạt động từ thiện chỉ có thể khơi gợi một nguồn lực khác của xã hội chứ không thể thay thế các chính sách của Nhà nước. Sứ mệnh chính trị của những tổ chức như Mặt trận, vì vậy lớn hơn là việc quyên góp, xin - cho rất nhiều. Mặt trận có thể tham gia xóa đói giảm nghèo một cách hiệu quả hơn, thông qua việc đề xuất và phân tích chính sách, sao cho: lợi ích từ các nguồn tài nguyên quốc gia được phân phối hợp lý cho các chủ nhân của nó; người nghèo được hỗ trợ để có thể tiếp cận được với những quyền lợi căn bản nhất.

Đầu tư của Nhà nước vào các công trình phúc lợi y tế, giáo dục, văn hóa... không nên tập trung ở các đô thị, nơi mà các nguồn lực khác của xã hội có thể tham gia. Nhà nước cũng cần sớm hoàn thiện các thiết chế như: bảo hiểm y tế, quỹ trợ cấp, tín dụng giáo dục... cho người nghèo ở cả đô thị và nông thôn.

Tạo điều kiện cho người có năng lực, có khát vọng có thể làm giàu tối đa nhưng cũng không bỏ mặc những người không có khả năng tự bươn chải. Chấp nhận một khoảng cách không thể tránh khỏi giữa tầng lớp những người giàu và nghèo, nhưng phải nâng



được mặt bằng mức sống của người nghèo lên để họ có thể tiếp cận được những phúc lợi tối thiểu về nhà ở, y tế, giáo dục; để không có người dân nào không được chữa bệnh, không được đi học chỉ bởi họ nghèo.

Nhiều tác giả: *Võ Văn Kiệt - người thấp lửa*,
Sđd, tr.509-513.

Phần III

**DÂU ÂM
VÕ VĂN KIỆT
TRONG HOẠT ĐỘNG NGOẠI GIAO**



PHÁT BIỂU
TẠI HỘI ĐÀM GIỮA HAI ĐOÀN ĐẠI BIỂU
ỦY BAN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
VÀ LÀO TẠI HÀ NỘI

Ngày 10 tháng 10 năm 1983

Tiếp tục những ý kiến đã trao đổi giữa hai đoàn đại biểu Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Việt Nam - Lào lần trước tại Viêng Chăn, lần này chúng ta có dịp đi sâu hơn về nội dung kế hoạch hợp tác kinh tế - xã hội giữa hai nước. Lần trước, trong chuyến đi công tác tại Lào, chúng ta đã sơ bộ trao đổi với nhau về phương hướng phối hợp kế hoạch và quan hệ phối hợp kế hoạch giữa hai nước. Lần này đồng chí Xaly, đồng chí Khâm Phết và các đồng chí trong Bộ Kế hoạch Nhà nước Lào sang làm việc với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Việt Nam để tiếp tục trao đổi kinh nghiệm trong công tác kế hoạch hóa và tiếp tục trao đổi về những nội dung, phối hợp kế hoạch 1984 - 1985 giữa hai nước. Những cuộc trao đổi như vậy là bổ ích. Mặc dù công việc của hai cơ quan kế hoạch của chúng ta rất bận, nhưng các đồng chí cũng như chúng tôi đều thấy cần thiết phải làm, chắc là phải thường xuyên trao đổi thêm, đi sâu vào từng việc cụ thể hơn để phối hợp kế hoạch được thiết thực và có hiệu quả hơn (như bức thư tôi đã gửi cho đồng chí Xaly và chúng ta đã thỏa thuận với nhau trước đó).

Thay mặt Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, đồng chí Đậu Ngọc Xuân đã giới thiệu về tình hình và những kinh nghiệm về công tác



kế hoạch hóa của Việt Nam. Các đồng chí đã đi nghiên cứu ở Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Long An. Chúng tôi tuy có những mặt làm được, nhưng cũng còn nhiều tồn tại, còn nhiều vấn đề phải cải tiến và đổi mới. Trên lĩnh vực này, chúng tôi nghĩ rằng chúng ta nên thường xuyên thông báo cho nhau những kinh nghiệm.

Tôi xin có một số ý kiến về những vấn đề đồng chí Xaly đã nêu ra:

1. Về hợp tác giúp nhau giải quyết vấn đề lương thực

Giải quyết lương thực là mục tiêu hàng đầu, là trọng điểm số một của mỗi nước chúng ta. Việt Nam phấn đấu tự giải quyết lương thực. Năm nay điều kiện thời tiết rất không thuận lợi nhưng mặt trận nông nghiệp vẫn đạt chỉ tiêu, vẫn thực hiện được yêu cầu lương thực. Ở Lào đất đai còn nhiều, khả năng thâm canh còn rất lớn. Đặc biệt đối với đồng bằng Viêng Chăn, có nhiều thuận lợi về mặt phát triển xuất lương thực: có gần 10 vạn ha đất canh tác, chỉ mới làm 1 vụ, săn có điện, điều kiện làm thủy lợi cũng thuận lợi. Ngoài ra một số tỉnh khác như Champasắc, Saravan, Xavănnakhêt, Khăm Muộn... khả năng phát triển sản xuất lương thực còn rất lớn. Sản xuất lương thực trong nước để trang trải các nhu cầu trong nước và có dự trữ là mục tiêu của Lào đang phấn đấu. Chúng tôi tin tưởng rằng mỗi nước chúng ta có điều kiện và hoàn toàn có khả năng giải quyết vấn đề lương thực bằng cách tự lực sản xuất trong nước.

Chúng tôi sẵn sàng hợp tác giúp các đồng chí xây dựng vùng lúa cao sản ở đồng bằng Viêng Chăn và ở một số tỉnh trọng điểm. Nếu trong năm 1984 - 1985, chúng ta tập trung sức xây dựng vùng lúa cao sản ở đồng bằng Viêng Chăn độ 1 vạn ha,



có thể thu thêm được 3 - 4 vạn tấn đáp ứng được nhu cầu cho Thủ đô Viêng Chăn.

Để thực hiện theo hướng đó, chúng tôi có thể tham gia hợp tác với các đồng chí trong các khâu:

- Cử chuyên gia và giúp kinh nghiệm thâm canh lúa.
- Tham gia giúp xây dựng các trạm giống lúa mới.
- Tham gia hợp tác xây dựng công trình thủy lợi, trạm bơm nếu các đồng chí thấy cần.
- Cung ứng một số giống lúa mới có năng suất cao và một số thiết bị vật tư do Việt Nam sản xuất được mà các đồng chí có nhu cầu.

Trước mắt nếu phía bắc Lào còn khó khăn về lương thực, chúng tôi đề nghị: phía Việt Nam sẽ cố gắng giúp đỡ lương thực cho bắc Lào, sau đó các đồng chí trả cho Việt Nam ở phía nam Lào cấp bộ đội tình nguyện Việt Nam.

2. Về hợp tác sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu

Chúng tôi hoàn toàn nhất trí với ý kiến của đồng chí Xaly nêu ra, đây cũng là một trong những hướng lớn mà hai cơ quan ta phải tính đến. Vấn đề là hai cơ quan nhà nước phải tính toán, cân nhắc lựa chọn phương án xây dựng và sản xuất sao cho phù hợp và có hiệu quả.

Với khả năng ngành cơ khí của Việt Nam, có thể hợp tác giúp các đồng chí xây dựng một số cơ sở công nghiệp nhỏ với thiết bị do Việt Nam chế tạo như: cơ khí nhỏ, thủy điện nhỏ (công suất khoảng trên dưới 100 - 200 - 300 kW), sản xuất gạch ngói, cửa xẻ gỗ và chế biến nông lâm khác như: đường, giấy...

Lào có nhiều khả năng lâm sản quý như: sa nhân, cánh kiến trắng, cánh kiến đỏ, nhựa thông, song mây, dược liệu... Hai bên



cần nghiên cứu và cùng hợp tác giúp nhau trong việc phát triển, tổ chức bằng nhiều cách: hợp tác lập phương án, cử chuyên gia hướng dẫn kỹ thuật hợp tác, bảo quản xuất khẩu, có thể hợp tác lao động, có thể hợp tác chế biến.

Riêng về sản xuất ximăng, Lào muốn dựng cơ sở sản xuất ximăng 1 vạn tấn/năm. Để sản xuất ximăng phải có đá vôi, có đất sét, có thạch cao, có điện, có than và lao động kỹ thuật. Việc này phải có chuyên gia tính toán lập phương án. Về mặt kỹ thuật, chúng tôi đảm nhận được, những cơ sở ximăng này chỉ sản xuất được loại ximăng mác 300 để xây dựng được loại nhà 1 - 2 tầng, sân phơi, chuồng trại, không sản xuất được loại ximăng tiêu chuẩn 400, 500.

Về việc xây dựng cơ sở nghiên Clanke ở Viêng Chăn 10.000 tấn/năm hiện nay đang làm, phai tiếp tục hoàn thành và đưa vào sản xuất thử. Nếu có kết quả và hiệu quả tốt, chúng ta sẽ tính đến việc xây dựng cơ sở nghiên mới sau.

Việt Nam đang xây dựng và sẽ đưa vào sản xuất 2 nhà máy ximăng lớn là Hoàng Thạch và Bỉm Sơn, với công suất trên 2 triệu tấn/năm, có khả năng đáp ứng nhu cầu ximăng cho Lào.

Ngoài việc hợp tác giúp các đồng chí xây dựng một số cơ sở công nghiệp nhỏ, như các đồng chí đã biết, năng lực sản xuất hàng tiêu dùng của Việt Nam hiện nay chưa huy động hết công suất, do khó khăn về nguyên liệu. Việt Nam có thể nhận gia công bằng nguyên liệu khai thác ở Lào, hoặc do Lào nhập khẩu và giao trả lại cho Lào bằng sản phẩm tiêu dùng. Dần dần đẩy lùi hàng hóa nhập khẩu từ Thái Lan.

Nếu hai cơ quan nhà nước chúng ta đồng ý theo hướng đó, các ngành có liên quan của Lào cần cử cán bộ, chuyên viên sang các cơ sở sản xuất của Việt Nam nghiên cứu, lựa chọn và đặt hàng



để đảm bảo quy cách, phẩm chất, phù hợp với thị hiếu của Lào. Trước mắt nghiên cứu xúc tiến làm thử một số mặt hàng để rút kinh nghiệm. Nếu thấy kết quả sẽ mở rộng quan hệ hợp tác trong các năm sau.

3. Hợp tác mở rộng buôn bán giữa hai nước

Chúng tôi hoàn toàn nhất trí với ý kiến của đồng chí Xaly là chúng ta cần hợp tác mở rộng buôn bán giao lưu hàng hóa giữa hai nước.

Muốn cho việc mở rộng buôn bán giữa hai nước có kết quả, cũng phải dựa trên cơ sở hợp tác đẩy mạnh phát triển sản xuất. Giữa các tỉnh kết nghĩa cần đi vào hợp tác giúp khai thác nguồn hàng, tổ chức chế biến để xuất khẩu, trao đổi cho nhau dựa trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi.

Việc hợp tác giúp nhau xây dựng giữa các tỉnh kết nghĩa cần được đưa vào kế hoạch nhà nước hai bên, để đảm bảo các mặt cân đối và có hiệu quả.

Hai nước cần tăng cường việc trao đổi các đoàn chuyên viên giữa các ngành hữu quan để tìm hiểu thị trường, nghiên cứu các nhu cầu và khả năng của từng nước, để xác định danh mục hàng hóa trao đổi cho nhau.

4. Về hợp tác phát triển giao thông vận tải

Hoàn toàn nhất trí với đồng chí Xaly trong vấn đề hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là Liên Xô, cần tập trung dứt điểm một số công trình trọng điểm như đường 9, đường ống dẫn dầu Vĩnh Cửu, xây dựng đội vận tải quá cảnh (kể cả cơ sở sửa chữa), và một số cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, công trình đang làm dở đang cần tập trung dứt điểm, công trình chưa khởi công phải tính toán hiệu quả.



- Về việc xây dựng đường 9 và đường ống dẫn dầu Vịnh Cửu cần tiếp tục tranh thủ sự viện trợ của Liên Xô kể cả vốn xây lắp... Thông thường vốn xây lắp trong việc làm đường bộ, đường ống dẫn dầu chiếm tới 60 - 70% trong tổng vốn đầu tư của công trình. Nếu Liên Xô chỉ nhận giúp một số đội làm đường, làm đá, đường ống dẫn dầu, máy bơm dầu và một số nguyên vật liệu khác như xăng dầu, nhựa đường, v.v. mà không viện trợ vốn xây lắp một chừng mực nào đó thì Lào và kể cả Việt Nam đều gặp khó khăn trong việc xây dựng.

- Về *xây dựng đường 8*: toàn tuyến trên 200 km, riêng phía Lào 133 km, trong đó có 67 km chưa có đường, vốn đầu tư xây dựng toàn tuyến đường tương đối lớn, riêng phía trên đất Việt Nam ước tính cũng đã trên dưới 600 triệu đồng. Chúng tôi sẽ nhận đầu tư xây dựng đoạn đường trên đất Việt Nam trong kế hoạch 1986 - 1990. Còn 133 km trên phía đất Lào, hai bên sẽ tiếp tục nghiên cứu việc hợp tác sao cho phù hợp để làm tốt và có hiệu quả.

- Về xây dựng đường 18 (Áttapú - Tân Cảnh, Kon Tum): Trước mắt cần tiếp tục hoàn thành khảo sát thiết kế trên 60 km còn lại và nghiên cứu đưa vào kế hoạch hợp tác xây dựng các năm tới.

- Về *việc khai thác và sử dụng năng lực vận tải sông Mê Kông và sửa chữa, đảm bảo rằng tuyến đường 13 là rất cần thiết*. Đây cũng là tuyến vận tải quan trọng nhất. Nếu chúng ta có phương án sử dụng vận tải trên sông Mê Kông, có thể vận tải suốt từ thượng Lào, qua Trung, Hạ Lào, Campuchia, xuống Thành phố Hồ Chí Minh và ra biển.

Đồng ý với đồng chí Xaly cần được nghiên cứu đưa vào phối kế hoạch giữa ba nước, và với điều kiện của mỗi nước sẽ tính toán



tham gia ở mức độ cần thiết và phù hợp. Chúng ta cần cử chuyên viên nghiên cứu trước và sau đó họp chủ nhiệm kế hoạch ba nước Việt, Lào - Campuchia để sớm có chương trình và kế hoạch xúc tiến.

- Về việc xây dựng đường xe lửa, giữa hai nước cần tiếp tục phối hợp khảo sát, thiết kế lập luận chứng kinh tế - kỹ thuật và chuẩn bị xây dựng khi có điều kiện.

Còn việc thí điểm làm đường ray 40 km dùng dầu xe tăng củ kéo để chở đá làm sân bay quân sự ở Xiêng Khoảng như ý kiến đồng chí Xaly đã nêu ra. Đây là ý kiến cần được tính toán. Nếu làm được như vậy thì tốt, nhưng cần phải nghiên cứu lập phương án. Phối hợp kế hoạch năm 1984 nên ghi để cử chuyên viên Việt Nam sang Lào nghiên cứu vấn đề này.

5. Về việc giúp đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật

Chúng tôi hoàn toàn nhất trí với ý kiến đồng chí Xaly đã nêu là giúp đào tạo đồng bộ bằng nhiều hình thức khác nhau như: mở lớp huấn luyện, kèm cặp tại chỗ, gửi đi thực tập tại nhà máy, xí nghiệp, công trường để khi trở về có thể quản lý và vận hành máy móc thiết bị.

Nhưng muốn việc đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật đồng bộ có hiệu quả, tránh tình trạng đào tạo ra rồi không sử dụng, hoặc có ngành thừa, có ngành lại thiếu. Cho nên trước mắt cần phối hợp nghiên cứu xây dựng quy hoạch đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật dựa trên cơ sở dự đoán sự phát triển các ngành kinh tế quốc dân trong tương lai, ít nhất là 5 năm, 10 năm tới. Bởi vì muốn đào tạo một cán bộ và công nhân kỹ thuật có tay nghề giỏi phải mất 5 - 7 năm.



6. Vấn đề giúp chuyên gia cho 30 bộ, ngành ở Trung ương, 16 tỉnh, thành phố và 28 huyện trọng điểm

Để đáp ứng yêu cầu chuyên gia nói trên, theo ý kiến của đồng chí Xaly nêu ra, chúng tôi nhẩm tính có đến từ 500 - 700 chuyên gia (chưa kể chuyên gia kỹ thuật ngắn hạn giúp ở các công trình).

Về vấn đề này giữa hai đồng chí tổng bí thư hai đảng đã được thỏa thuận: Chúng tôi nghĩ rằng giữa 2 Ủy ban Kế hoạch Nhà nước chúng ta và Ủy ban hợp tác kinh tế, văn hóa với Lào - Campuchia có trách nhiệm bàn bạc và phối hợp thực hiện sao cho có hiệu quả.

Riêng về phần chuyên gia kế hoạch, các đồng chí đề nghị xin 7 chuyên gia (không kể 3 chuyên gia thống kê) chúng tôi xin ghi nhận ý kiến của các đồng chí và cùng với Ủy ban hợp tác bàn bạc thêm cần cử bao nhiêu chuyên gia là vừa, loại chuyên gia gì thích hợp.

7. Giúp nghiên cứu sử dụng viện trợ quốc tế

Các tổ chức và các nước tư bản hứa cho vay mỗi năm 50 triệu đôla với lãi suất hằng năm 0,75% và trả trong 50 năm. Các đồng chí đang tính việc vay đó để làm việc gì và có nên vay hay không. Theo kinh nghiệm của Việt Nam trong bước đi đầu tiên của việc xây dựng và phát triển kinh tế, phải có sự vay vốn của nước ngoài. Đúng như ý kiến Xaly là vay vốn cho mục tiêu gì và hiệu quả của việc vay sẽ ra sao. Vì vậy phải có phương án của từng mục tiêu. Nếu các đồng chí yêu cầu Việt Nam tham gia ý kiến vào phương án, chúng tôi xin cử chuyên gia tham gia nghiên cứu.

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 18758.

**BẢN GHI NHỚ
VỀ CUỘC TRAO ĐỔI Ý KIẾN
GIỮA ĐỒNG CHÍ VÕ VĂN KIỆT,
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
VỚI ĐỒNG CHÍ X. BÔNHÉP, PHÓ CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG BUNGARI**

Ngày 11 tháng 4 năm 1984

Từ ngày 06/4/1984 đến ngày 12/4/1984 tại Xôphia đã tiến hành các cuộc trao đổi ý kiến giữa đồng chí Võ Văn Kiệt, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và đồng chí X. Bônhép, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước nước Cộng hòa nhân dân Bungari.

Phù hợp với những thỏa thuận đã được các đồng chí đứng đầu Chính phủ hai nước thông qua trong thời gian hội đàm tại Hà Nội vào tháng 01/1984, các đồng chí chủ nhiệm cơ quan kế hoạch trung ương hai nước đã thảo luận những vấn đề sau đây:

1. Thông báo cho nhau về sự phát triển kinh tế - xã hội của hai nước và những nhiệm vụ sắp tới trong lĩnh vực này.
2. Trao đổi ý kiến về kinh nghiệm của nước Cộng hòa nhân dân Bungari trong công tác kế hoạch hóa và quản lý nền kinh tế quốc dân.



3. Những vấn đề chung về phối hợp kế hoạch giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Bungari cho thời kỳ 1986 - 1990. Thông qua chương trình công tác.

Về mục 1

Hai đồng chí chủ nhiệm đã thông báo cho nhau về sự phát triển kinh tế - xã hội của hai nước và về những nhiệm vụ sắp tới trong lĩnh vực này. Theo tinh thần của cuộc hội đàm giữa đồng chí Phạm Văn Đồng, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và đồng chí G. Philipốp, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa nhân dân Bungari tiến hành vào tháng 01/1984, hai bên khẳng định rằng tình hình chính trị và kinh tế cảng thẳng và phức tạp hiện nay trên thế giới đòi hỏi những nỗ lực chung các hai nước nhằm động viên hơn nữa tiềm năng kinh tế, những nguồn dự trữ nội bộ bằng cách tiếp tục phát triển và tăng cường hợp tác giữa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa nhân dân Bungari trên cơ sở “Chương trình dài hạn” đã được các đồng chí đứng đầu chính phủ hai nước ký kết.

Về mục 2

Phía Bungari đã thông báo kinh nghiệm của mình trong lĩnh vực xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa sau khi cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi ở Bungari ngày 09/9/1984. Kinh nghiệm phát triển và hoàn thiện kế hoạch hóa và quản lý nền kinh tế quốc dân đã được đặc biệt chú trọng.

Hai đồng chí chủ nhiệm đã đồng ý rằng việc trao đổi kinh nghiệm kế hoạch hóa và quản lý nền kinh tế quốc dân sẽ được tiếp tục tiến hành theo các thủ tục được thông qua phù hợp với



đường lối của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Bungari.

Về mục 3

- Hai bên đã thảo luận vấn đề chung phối hợp kế hoạch cho thời kỳ 1986 - 1990.
- Hai bên đánh giá tốt công tác do các cơ quan kế hoạch hai nước đã tiến hành cho đến nay.
- Hai bên nhất trí nhấn mạnh rằng nhiệm vụ quan trọng nhất hiện nay là tập trung những nỗ lực của các cơ quan kế hoạch trung ương, các bộ, các tổ chức kinh tế vào việc thực hiện “Chương trình dài hạn...”.

Phù hợp với những thỏa thuận đã được hai Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng của hai nước thông qua vào tháng 01/1984, trên cơ sở “Chương trình hợp tác dài hạn...” các bộ và các tổ chức kinh tế sẽ cụ thể hóa những hình thức và điều kiện trong các lĩnh vực mới như cơ khí và điện tử. Sẽ nghiên cứu khả năng mở rộng hợp tác sản xuất thuốc lá.

Trên cơ sở những nghiên cứu và đề nghị của các bộ và các tổ chức kinh tế, cơ quan kế hoạch trung ương của hai nước sẽ thỏa thuận những lĩnh vực hợp tác ưu tiên cho thời kỳ 1986 - 1990.

Về các lĩnh vực hợp tác đã thỏa thuận, sẽ xây dựng các hiệp định cụ thể. Nhằm mục đích đảm bảo điều kiện thực hiện các hiệp định được ký kết, trách nhiệm của mỗi bên nêu trong các hiệp định được ký kết, sẽ được thể hiện trong kế hoạch quốc gia của thời kỳ kế hoạch tương ứng.

Trong quá trình phối hợp kế hoạch sẽ quyết định những khả năng phát triển và mở rộng mặt hàng trao đổi giữa Việt Nam và Bungari cho thời kỳ 1986 - 1990; đồng thời phù hợp



với sự ủy nhiệm của các đồng chí lãnh đạo Chính phủ đã được ghi trong biên bản hội đàm tháng 01/1984, tất cả những vấn đề liên quan đến việc thanh toán tín dụng thời kỳ 1986 - 1990 sẽ được giải quyết cụ thể.

Về việc tổ chức công tác chung của các cơ quan kế hoạch trung ương nhằm phối hợp kế hoạch, hai bên đã thông qua chương trình công tác (phụ lục) và đã thỏa thuận rằng việc thảo luận sơ bộ tất cả các vấn đề sẽ được tiến hành giữa các đồng chí Phó Chủ nhiệm trong khuôn khổ tổ công tác tổng hợp.

Ký ngày 11 tháng 4 năm 1984 tại Xôphia.

Võ Văn Kiệt

Xtanit Bônnhép

CHỦ NHIỆM

CHỦ NHIỆM

ỦY BAN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC

ỦY BAN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC

NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI

NUỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN

CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BUNGARI



Phụ lục

CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC TRONG NĂM 1984 VÀ NĂM 1985 VỀ PHỐI HỢP KẾ HOẠCH KINH TẾ QUỐC DÂN THỜI KỲ 1986 - 1990

Nhiệm vụ	Cấp gấp gỡ	Thời gian và chố gấp
<p>1. a) Thông báo cho nhau về một số vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của hai nước thời kỳ 1986 - 1990</p> <p>b) Xem xét những đề nghị của các bộ, các cơ quan kinh tế, xác định các lĩnh vực ưu tiên trong hợp tác kinh tế</p> <p>c) Trên cơ sở những đề nghị sơ bộ về nhập các mặt hàng đã được trao đổi trong tháng 1 năm 1984, thảo luận về việc giao hàng cho nhau</p> <p>d) Giải quyết các vấn đề liên quan đến trả nợ trong giai đoạn 1986 - 1990 phù hợp với biên bản hội đàm giữa hai Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng tháng 1 năm 1984</p>	Phó Chủ nhiệm	Quý IV/1984, Xôphia
<p>2. a) Thông báo cho nhau về một số vấn đề chính sách kinh tế trong kế hoạch kinh tế quốc dân thời kỳ 1986 - 1990</p>	Phó Chủ nhiệm	Quý II/1985, Hà Nội



Nhiệm vụ	Cấp gấp gỡ	Thời gian và chố gấp
b) Thảo luận tiếp theo về trao đổi hàng hóa, trong đó kể cả những hiệp định về chuyên môn hóa, hợp tác hóa và các hiệp định khác đã quá hạn. c) Chuẩn bị dự thảo biên bản cuối cùng về phối hợp kế hoạch thời kỳ 1986 - 1990 3. a) Thông báo cho nhau các vấn đề cấp bách trong phát triển kinh tế hai nước b) Đánh giá về các công tác phối hợp kế hoạch đã tiến hành c) Xác định các vấn đề cơ bản trong hợp tác kinh tế thời kỳ 1986 - 1990 d) Xem xét, thông qua biên bản cuối cùng về phối hợp kế hoạch thời kỳ 1986 - 1990	Chủ nhiệm	Quý II/1985

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Phủ Thủ tướng, mục lục 3, hồ sơ số 13078.

**THƯ GỬI NGÀI ALI OUBOUZAR,
BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ QUY HOẠCH
LÃNH THỔ NƯỚC CỘNG HÒA ANGIÊRI
DÂN CHỦ VÀ NHÂN DÂN**

Ngày 22 tháng 02 năm 1985

Ngài Bộ trưởng thân mến,

Tháng 10/1984 vừa qua, tôi đã có dịp đi thăm chính thức và làm việc tại nước Cộng hòa Angiêri dân chủ và nhân dân anh em.

Trong chuyến đi thăm này, tôi đã có hân hạnh được tiếp xúc với các nhà lãnh đạo cấp cao của Angiêri cũng như đã có dịp trao đổi ý kiến với nhiều bộ trưởng, trưởng ban trực thuộc Ban Chấp hành Mặt trận Dân tộc giải phóng FNL. Tôi cũng đã có điều kiện đi thăm một số địa phương và những cơ sở kinh tế quan trọng về nông nghiệp và công nghiệp trong đó có công nghiệp dầu lửa - khí đốt.

Về chuyến đi thăm đất nước Angiêri đã để lại cho tôi những kỷ niệm đáng nhớ, đặc biệt là những buổi tiếp xúc thân mật, thăm tình hữu nghị với các vị lãnh đạo của Angiêri. Xin nhờ Bộ trưởng chuyển lời thăm hỏi, chúc sức khỏe và lời cảm ơn tới các vị lãnh đạo của Angiêri mà tôi đã có dịp tiếp xúc và làm việc.

Ngài Bộ trưởng thân mến,

Lịch sử hai dân tộc chúng ta có những nét giống nhau khiến chúng ta dễ thông cảm và gắn bó với nhau. Trong quá khứ,



tình hữu nghị và tình đoàn kết chiến đấu đã được thể hiện rõ nét mà đến nay chúng ta vẫn tự hào. Qua chuyến đi thăm Angieri vừa qua, tôi cho rằng có những lĩnh vực kinh tế - xã hội mà chúng ta có thể xem xét khả năng hợp tác nhằm bổ sung, hỗ trợ cho nhau, trên cơ sở hai bên cần hiểu đầy đủ về các đặc điểm, tiềm năng của nền kinh tế mỗi nước.

Vì lẽ trên, tôi thành thật cảm ơn Bộ trưởng đã tạo cho tôi nhiều thuận lợi trong chuyến đi thăm tìm hiểu kinh tế Angieri. Gần đây tôi có nhận được đề nghị của Angieri về việc cử lao động sang xây dựng trường đại học ở Oran.

Để giải quyết việc này nói riêng và mở rộng quan hệ hợp tác giữa hai nước nói chung, tôi chính thức mời Bộ trưởng dẫn đầu một đoàn đại biểu (trong đó có đại diện Bộ Xây dựng, Bộ Ngoại thương...) sang thăm và tìm hiểu kinh tế Việt Nam vào tháng III, IV năm 1985, tạo điều kiện phát triển hơn nữa sự hợp tác nhiều mặt giữa hai nước chúng ta.

Xin gửi Bộ trưởng lời chào thân ái.

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG,
CHỦ NHIỆM ỦY BAN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Võ Văn Kiệt

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 18847.

THƯ GỬI
CÁC ĐỒNG CHÍ TỐ HỮU VÀ ĐỖ MUỜI
VỀ GIẢI QUYẾT VÀ QUẢN LÝ LAO ĐỘNG
Ở TIỆP KHẮC

Ngày 28 tháng 5 năm 1985

Kính gửi: - Anh Lành,

- Anh Mười,

Về vấn đề hợp tác lao động, trước đây đã có mấy lần tôi viết thư gửi các anh, trong đó tôi rất băn khoăn về tình trạng tiêu cực tràn lan, diễn biến ngày càng phức tạp gây những ảnh hưởng xấu về chính trị cả trong và ngoài nước. Tôi mong muốn tìm ra một giải pháp sớm chấm dứt tình trạng tiêu cực nói trên và tìm ra những hình thức hợp tác thích hợp lợi cho cả bạn và ta.

Trong dịp đi họp Hội đồng Tương trợ kinh tế ở Liên Xô, tôi có tranh thủ gặp anh Hiếu, Thứ trưởng Bộ Lao động, phụ trách về hợp tác lao động, các cán bộ đại sứ quán và một số cán bộ khác để tìm hiểu tình hình; và cũng đã viết thư gửi các anh.

Nhân dịp dự lễ Quốc khánh của Tiệp Khắc, tôi có dành thời gian nghe anh Xưa phụ trách hợp tác lao động ở Tiệp Khắc, nghe Đại sứ quán và gặp các cháu đã đi học nghề để tìm hiểu thêm về vấn đề này. Xin báo cáo với các anh một số ý kiến của tôi:

1. Tiệp Khắc có thể nói là nơi mà vấn đề hợp tác lao động xảy ra nhiều sự kiện phức tạp nhất và qua đó toát lên một điều là có



rất nhiều vấn đề không được đặt ra một cách rõ ràng. Mục đích của việc hợp tác lao động này nhằm giải quyết việc làm, nhằm thu ngân sách, nhằm đào tạo một đội ngũ lao động có tay nghề, nhằm giúp đỡ bạn? Do những vấn đề trên không được đặt ra một cách rõ ràng nên toàn bộ mọi khâu từ đầu đến cuối đều có rất nhiều sơ hở: từ việc tuyển chọn lao động, cơ cấu việc làm, thời hạn lao động cho đến lợi ích của người lao động, trách nhiệm của bộ máy quản lý và cuối cùng là bố trí việc làm cho họ sau khi hết hạn lao động trở về nước. Riêng ở Tiệp Khắc, ta đã đưa sang hàng vạn người, nhưng khi họ trở về thì làm gì, ở đâu hoàn toàn không rõ, không có ai chuẩn bị, hình như chẳng ai lo việc này. Ở Tiệp Khắc phần lớn hết hạn lao động không muốn về nước chỉ vì một lý do đơn giản là về không có việc làm. Một số nước xã hội chủ nghĩa khác (Cuba, Ba Lan, Bungari,...) cũng có tổ chức đưa người lao động đi nước ngoài, nhưng khi ký kết thì các điều khoản về lợi ích và trách nhiệm của cả hai bên được quy định rất cụ thể và chặt chẽ.

2. Số người đưa đi lao động rất đông, lại không được tuyển chọn cẩn thận, bên cạnh đó bộ máy quản lý lại quá yếu nên phát sinh tiêu cực là một hậu quả tất nhiên. Ta đưa đi hàng vạn lao động mà bộ phận quản lý chỉ có hơn 10 người, hơn nữa nhiều cán bộ quản lý chưa hề kinh qua công tác này, hầu như cái vốn của họ chỉ là biết tiếng Tiệp. Nếu không có sự tổng kết rút kinh nghiệm thì khó có thể khắc phục được tình trạng hiện nay.

3. Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng đã nhiều lần bàn vấn đề này. Cái mà chúng ta quan tâm là chất lượng con người lao động trong thời gian ở nước bạn cũng như sau này trở về nước. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để trong thời gian lao động ở nước bạn họ phát huy được những bản chất tốt đẹp của nhân dân ta, góp phần



làm cho quan hệ hai nước thêm tốt đẹp, tiếp thu được tay nghề và tác phong lao động công nghiệp, sau này về đóng góp cho đất nước. Mục đích của việc chấn chỉnh chủ yếu nhằm vào đó. Tiếc rằng các cơ quan thực hiện công tác này không làm cho bạn hiểu ta đúng như thế. Qua tiếp xúc với đồng chí Baibacốp (Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Liên Xô) cũng như các đồng chí Tiệp Khắc, bạn có thể nghĩ rằng ta nêu lên vấn đề tiêu cực chỉ là cái cớ để thay đổi cam kết và đòi thêm quyền lợi. Vì vậy, hầu như nước nào cũng trả lời ta, coi vấn đề tiêu cực là không đáng kể. Vì vậy, bạn lại muốn mở rộng mạnh việc hợp tác dạy nghề mà thực chất chỉ là dạy nghề trong thời gian rất ngắn, sau đó chủ yếu là lao động “không lương” (chỉ hưởng phụ cấp như học sinh) rất bất lợi cho ta.

Vì những lẽ trên, nên tôi thấy việc hợp tác lao động và học nghề nên nghiên cứu thống nhất vào một đầu mối quản lý do Bộ Lao động đảm nhiệm. Còn việc hợp tác lao động thì nên tổ chức theo từng ngành. Mỗi ngành căn cứ vào quy hoạch của ngành mình mà từng bước đào tạo đội ngũ lao động của mình thông qua hợp tác lao động. Khi hết hạn lao động trở về nước họ được bố trí công việc đúng với tay nghề của họ. Việc tuyển chọn có mục đích kết hợp với việc đề cao trách nhiệm và bảo đảm lợi ích như trên chắc chắn sẽ đem lại nhiều hiệu quả thiết thực.

4. Nhân đây tôi muốn nói đôi điều về đội ngũ cán bộ công tác ở nước ngoài nói chung (cán bộ ngoại giao, khối SEV,...). Tuy việc tuyển chọn không đến nỗi quá tệ như tuyển chọn lao động, nhưng phổ biến lại là một sự phân chia lợi ích và giải quyết chính sách. Không ít cán bộ ngoại giao, kể cả đại sứ, yếu về ngoại giao và rất kém về kinh tế, nên việc tham mưu về kinh tế cho các cơ quan trong nước của các đại sứ quán bị hạn chế rất nhiều; bỏ qua rất



nhiều thông tin có giá trị mà lẽ ra họ có thể khai thác và cung cấp cho các cơ quan trong nước.

Bên cạnh đó, sau khi cử đi, hầu như các cơ quan cũ cũng không quan tâm gì đến, việc quản lý hoàn toàn khoán trống cho cơ quan đang sử dụng. Khi hết nhiệm kỳ trở về nước, tiện việc gì sử dụng việc đó không hề quan tâm đến việc làm thế nào để sử dụng một cách có hiệu quả nhất những kiến thức và kinh nghiệm mà họ đã tiếp thu được trong thời gian công tác ở nước ngoài.

Tôi thấy rằng cũng nên có sự bàn bạc rút kinh nghiệm về việc quản lý các cán bộ này. Cần có một phương án quy hoạch lâu dài và sự quản lý thống nhất từ khâu lựa chọn, đào tạo và chuẩn bị cho họ trước khi cử đi công tác ở nước ngoài không những chỉ về ngoại ngữ mà cả về nội dung và phương thức công tác để họ sớm tiếp cận và đảm đương công việc; theo dõi quá trình làm việc, khai thác và tận dụng các nguồn thông tin để tham mưu cho các cơ quan trong nước và cuối cùng tận dụng họ đúng với khả năng sau khi trở về nước.

Trên đây là một số ý kiến để hai anh tham khảo và có dịp nào anh cho bàn bạc thêm về những vấn đề này, hiện nay gần như không có đầu mối tập trung.

Sáu Dân

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Phủ Thủ tướng, mục lục 3, hồ sơ số 13624.

THÔNG BÁO CỦA VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Số 1746/TH, ngày 21 tháng 10 năm 1988

Về kết quả hợp tác kinh tế, khoa học - kỹ thuật giữa
Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Đức*

Ngày 06/10/1988 tại Béclin, đồng chí Phó Chủ tịch thứ nhất Võ Văn Kiệt đã trao đổi với đồng chí Phó Chủ tịch thứ nhất Cộng hòa Dân chủ Đức Schiirer về hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật giữa 2 nước. Hai đồng chí đánh giá việc hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật giữa 2 nước được tiến triển theo hiệp định đã được ký kết, phù hợp với lợi ích của cả 2 bên và đang phát triển với chiều hướng tốt. Việc hợp tác lao động trong hai năm gần đây đã thực hiện được một khối lượng lớn với sự nỗ lực cố gắng của các ngành hữu quan hai nước. Tuy vậy, trong từng lĩnh vực có một số vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu để đưa vào nội dung phối hợp kế hoạch hai nước vào giữa quý I/1989 và khóa họp Ủy ban Liên Chính phủ vào quý II/1989.

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng chỉ thị cho các ngành có liên quan thực hiện những vấn đề sau đây:

1. Về các công trình hợp tác có mục tiêu

Đối với việc thực hiện các hiệp định đã ký kết trong kế hoạch 1986 - 1990 về cao su, cà phê, dầu dừa, hồ tiêu phải được soát xét

* Đầu đề do chúng tôi đặt (BT).



lại với tinh thần là tôn trọng những điều đã cam kết. Riêng đối với cây cao su, tỉnh Đăk Lăk nhận thực hiện một vạn hécta, cần được xem xét lại khả năng đảm nhận được bao nhiêu trong năm 1988 và 2 năm sau (1989 - 1990). Những mặt hàng đã ký kết cho cây cao su nếu cần điều chỉnh hợp lý thì tỉnh làm việc với Tổng cục Cao su và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước trên nguyên tắc là chỉ điều chỉnh trong phạm vi mà bạn có khả năng đáp ứng được. Về diện tích cây trồng thì cần coi trọng *đầu tư thâm canh* diện tích đã có để có sản lượng cao, bảo đảm được giao nộp sản phẩm cho bạn, không chạy theo mở rộng diện tích mà không có hiệu quả. Đồng thời, cần chuẩn bị diện tích để mở rộng việc hợp tác các loại cây trên cho kế hoạch 1991 - 1995. Riêng đối với hồ tiêu cần nghiên cứu thỏa mãn nhu cầu của bạn.

2. Về các công trình thiết bị toàn bộ

Bộ Năng lượng bảo đảm tiến độ xây dựng xong tổ máy I của Thủy điện Dray H'linh vào tháng 01/1989. Bộ Xây dựng với tư cách là cơ quan quản lý xây dựng cần cử người kiểm tra tại chỗ có biện pháp giúp lực lượng xây lắp thực hiện tiến độ và báo cáo kết quả với Phó Chủ tịch Đồng Sỹ Nguyên. Đối với các công trình khác: xưởng in đặc biệt của Bộ Nội vụ, Tổng đài tự động 11.000 số ở Hà Nội, xưởng in bản đồ địa chất thì chuyển sang đơn hàng mậu dịch hằng năm và dùng vốn hợp tác lao động để thanh toán. Bộ Kinh tế đối ngoại và các ngành hữu quan có đơn hàng làm việc với bạn.

Về hợp tác gia công

Bộ Công nghiệp nhẹ cần triển khai hợp tác gia công may mặc theo hợp đồng đã cam kết với bạn. Nghiên cứu mở rộng hợp tác gia công may giữa các cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh với Cộng hòa Dân chủ Đức theo yêu cầu của bạn.



Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Kinh tế đổi ngoại tiếp tục trao đổi với bạn về hợp tác gia công phụ tùng và lắp ráp xe đạp, xe máy tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về việc thanh toán tiền vận tải

Bộ Kinh tế đổi ngoại và Bộ Giao thông vận tải đã có biện pháp giải quyết thanh toán tiền nợ vận tải và đã ký kết với bạn. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cần *chú ý cân đối thanh toán số tiền nợ này* theo biên bản đã cam kết.

4. Về sử dụng tiền lao động

Tiền lao động do nước bạn thanh toán cho Nhà nước ta được xử lý theo 4 yêu cầu:

- Dùng trả nợ đến hạn các khoản đã cam kết phải trả cho bạn trong năm 1986 - 1990.

- Nhập phụ tùng, thiết bị cho các cơ sở xuất khẩu cho Cộng hòa Dân chủ Đức.

- Nhập thiết bị cho văn hóa, y tế, thể dục thể thao, thông tin kỹ thuật của Bộ Nội vụ, thiết bị giao thông, thiết bị sản xuất môtô, xe đạp Thành phố Hồ Chí Minh...

- Nhập vật tư, xe vận tải mà bạn có khả năng đáp ứng.

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Kinh tế đổi ngoại hướng dẫn các bộ lập đơn hàng để đưa vào đàm phán hằng năm.

5. Quản lý lao động

Cuối tháng 9/1988 ta có 4,4 vạn lao động đang làm việc ở các cơ sở của bạn, từ nay đến năm 1989 sẽ tăng thêm 1 vạn lao động. Bạn đánh giá tốt lao động của ta. Tuy nhiên, số lao động của ta



đưa sang tập trung trong 2 năm nay mặc dầu được chú trọng của cả hai phía ta và bạn, vẫn bộc lộ nhiều nhược điểm và thiếu sót cần được chấn chỉnh.

- Về phía bạn: việc cân đối hàng hóa cho lao động, việc gửi hàng của người lao động, việc mang hàng đi theo người lao động vào đất bạn, việc sử dụng người lao động theo đúng nghề đang là những vấn đề cần phải được kiểm tra, xem xét và có biện pháp giải quyết. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Hải quan, Bộ Nội vụ, Bộ Kinh tế đối ngoại có trách nhiệm nghiên cứu và đề xuất ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

- Về phía ta: việc quản lý lao động tại đất bạn không phải chỉ là trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, mà phải là trách nhiệm của các bộ có chức năng tham mưu của Hội đồng Bộ trưởng. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giao trách nhiệm cho các bộ sau đây:

- + Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
- + Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.
- + Bộ Kinh tế đối ngoại.
- + Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước.

Các bộ trên phải cử một đồng chí *Thứ trưởng chuyên trách* về hợp tác lao động với Cộng hòa Dân chủ Đức và các nước khác, chủ trì là Thứ trưởng Bộ Lao động. Nhóm này lập phương án chấn chỉnh lại việc quản lý lao động ở Cộng hòa Dân chủ Đức và lấy đó làm mô hình quản lý lao động ở nước ngoài, với những nội dung như sau:

- Chấn chỉnh lại Ban Quản lý lao động, có đủ tư cách quan hệ tốt với cơ quan chức năng của bạn và có năng lực quản lý được 5 vạn lao động.



- Chấn chỉnh lại đội trưởng, xác định lại chức năng của đội trưởng.
- Có biện pháp bảo đảm đời sống tinh thần văn hóa cho lao động của ta.
- Có biện pháp giải quyết mức tối thiểu nhu cầu thực phẩm cho lao động Việt Nam mà phía bạn không thể đáp ứng được.

Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng xin thông báo các nội dung trên đây để các ngành tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả lên Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

CHỦ NHIỆM VĂN PHÒNG
HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Hồ Ngọc Nhường

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Bộ Ngoại thương, hồ sơ số 3915.

BÁO CÁO

SỐ 832-PG NGÀY 25/5/1990

Về chuyến đi thăm làm việc tại Bắc Âu

I

Như chương trình đã định, tôi, anh Võ Đông Giang và 4 cán bộ giúp việc đến thăm và làm việc tại Thụy Điển ba ngày (13 - 16/5) và Phần Lan hai ngày (17 - 18/5). Tại Thụy Điển, chúng tôi có cuộc tiếp xúc với Đại sứ Đan Mạch và một số công ty Đan Mạch.

Yêu cầu của chuyến đi như đã đặt ra là:

1. Khai thông để khởi đầu giai đoạn hợp tác giữa Việt Nam với các nước Bắc Âu nhằm kết quả đổi mới của Việt Nam và vấn đề Campuchia đang đi vào giải pháp.
2. Đề xuất với bạn để thăm dò sơ bộ khả năng hợp tác đầu tư một số công trình năng lượng, viễn thông, công nghiệp.
3. Tranh thủ ngoại giao xung quanh vấn đề Campuchia.

Phía Bạn và ta đã thỏa thuận chương trình làm việc sau đây:

Tại Thụy Điển

- Chào xã giao Phó Thủ tướng Odd Engstrom.
- Hội đàm chính thức với Bộ trưởng Thương mại Annite Gradin.
- Làm việc với Bộ Viện trợ phát triển, các tổ chức SIDA (cơ quan điều hành quỹ viện trợ phát triển), IMPOD (cơ quan xúc tiến nhập khẩu từ các nước đang phát triển vào Thụy Điển), BITS (cơ quan lo việc đào tạo).



- Gặp Ủy ban Thụy Điển ủng hộ Việt Nam - Lào - Campuchia.
- Gặp Ban Đổi ngoại của Đảng Xã hội dân chủ Thụy Điển.
- Thăm Liên hiệp ABB (Asea Brown Boveri) một tập đoàn công nghiệp cơ khí lớn của Thụy Điển sản xuất thiết bị năng lượng, đầu máy xe lửa, động cơ điệnzen, thiết bị giàn khoan, luyện kim, người máy và điện tử viễn thông.
 - Thăm công ty Eriksson, chế tạo thiết bị điện tử viễn thông.
 - Thăm hãng hàng không SAS.
 - Hội thảo với Hiệp hội thương mại và một số nhà kinh doanh Thụy Điển đang quan tâm tới Việt Nam.
 - Hội thảo với Trường Đại học Kinh tế Stockholm.

Chiều chủ nhật (13/5) tờ báo hàng ngày lớn nhất Thụy Điển xin gặp phỏng vấn tôi. Sáng thứ hai (14/5) đã đăng bài tường thuật phỏng vấn này mở đầu không khí thuận lợi cho chuyến viếng thăm làm việc của Đoàn.

Tại Phần Lan

- Gặp Bộ trưởng Thương mại và Công nghiệp Ilkka Suominen.
- Gặp Tổng giám đốc cơ quan viện trợ phát triển Finida David Juhansson.
- Gặp Bộ trưởng Ngoại giao Pertti Paasio.
- Thăm công ty Nokia sản xuất thiết bị làm giấy, thiết bị điện tử viễn thông, máy tính.
- Thăm công ty xuất nhập khẩu Kaukomarkkinat.
- Thăm công ty Kemira sản xuất phân bón, công nghệ sinh học, sơn, oxyt titan...
- Gặp gỡ Hiệp hội thương mại và một số nhà kinh doanh Phần Lan.

Trong ngày đầu tiên, báo chí Phần Lan đưa tin, bình luận và nêu bật mục đích cuộc thăm làm việc của Đoàn.



Trong tất cả các cuộc tiếp xúc làm việc tại Thụy Điển, Phần Lan, tôi đã tranh thủ trình bày vấn tắt những vấn đề về:

- Nội dung đổi mới toàn diện ở Việt Nam và xu thế không thể đảo ngược của đổi mới.

- Những thành quả về kinh tế, an sinh của đổi mới.

- Thành quả ổn định chính trị trên cơ sở của các kết quả kinh tế và của quá trình dân chủ hóa từng bước mọi mặt đời sống xã hội theo chiến lược đổi mới nhất quán của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam.

- Giới thiệu những lợi điểm kinh tế Việt Nam, những cơ hội thị trường do đổi mới đem lại cho các nhà kinh doanh trong, ngoài nước. Những khó khăn mới đang gặp phải và hướng khắc phục.

- Cảm ơn Chính phủ và nhân dân hai nước Thụy Điển, Phần Lan đã giúp đỡ Việt Nam về tinh thần, vật chất với tình anh em vô tư, quý báu.

- Đề nghị hai Nhà nước phối hợp chính sách tạo cơ hội và thúc đẩy doanh nghiệp hai bên hợp tác kinh doanh.

- Anh Võ Đông Giang giới thiệu vấn tắt Luật đầu tư của Việt Nam, các dự án ưu tiên của ta và trả lời những vấn đề các nhà kinh doanh quan tâm.

- Tôi nói rõ quan điểm và việc làm nhân đạo của Việt Nam đối với yêu cầu khẩn thiết của nhân dân Campuchia trước họa diệt chủng và Việt Nam đã rút hết quân, đang tích cực tham gia vào một giải pháp chính trị công bằng khi nhân dân Campuchia đã tự mình giải quyết được các vấn đề nội bộ của họ.

II

Các nhân vật và cơ quan mà tôi đã gặp ở Thụy Điển, Phần Lan đều đã biết và có ấn tượng sâu sắc về những kết quả đổi mới



kinh tế ở Việt Nam. Điều người ta nóng lòng muốn biết là nội dung cũng như chiêu hướng đổi mới mọi mặt ở Việt Nam. Sau khi được làm sáng tỏ nội dung và triển vọng tiến trình đổi mới, việc chúng ta tạo ra liên tục các nhân tố tương tác giữa ổn định chính trị và phát triển kinh tế, Bạn tỏ ra vui mừng và nhất trí với chúng ta coi đây là cơ hội mở ra giai đoạn mới, hợp tác cùng có lợi trên căn bản quan hệ thị trường, dưới các hình thức thương mại, đầu tư. Bạn cũng cho rằng, nhờ đổi mới viện trợ của Bạn sẽ được đặt đúng chỗ và sử dụng có hiệu quả hơn trước.

Phó Thủ tướng Thụy Điển Engstrom nói "... chúng ta đang bước vào quy mô mới của sự hợp tác Việt Nam - Thụy Điển... chúng tôi có vinh dự là những người của thế hệ mở ra quan hệ đặc biệt Thụy Điển - Việt Nam... hy vọng sự hợp tác mới sẽ được thúc đẩy".

Bạn đánh giá chuyến thăm làm việc của chúng tôi là kịp thời, mang tới cho Bạn nhiều thông tin chính thức quý báu, khai thông những thắc mắc do dự của các công ty muốn vào làm ăn tại Việt Nam. Bà quyền Ngoại trưởng LenaWalen còn cho rằng, Thụy Điển có ấn tượng sâu sắc về chuyến thăm của chúng tôi cũng như ấn tượng đã có đối với bản thân công cuộc đổi mới của Việt Nam.

Đại sứ Đan Mạch tại Thụy Điển cho rằng, cuộc gặp gỡ làm việc của Đại sứ và các công ty với Đoàn tuy ngắn nhưng bổ ích, thiết thực hơn nhiều cuộc tiếp xúc khác.

Thụy Điển đã dành cho Đoàn những nghi thức như cuộc thăm chính thức. Phần Lan đón tiếp trọng thị, báo đưa tin là cuộc thăm chính thức.

Quá trình tiếp xúc phát triển thuận lợi, các vấn đề hai bên đặt ra mỗi lúc càng được khơi sâu, cả chủ lãnh khách đều lấy làm tiếc cuộc thăm viếng quá ngắn, không đủ thời gian đáp ứng nhu cầu hiểu biết lẫn nhau trên những chi tiết.



Phía Bạn quan tâm tới chúng ta những vấn đề:

1. Triển vọng giải tỏa quan hệ Việt Nam - IMF và WB. Chính phủ cũng như các công ty coi việc giải tỏa quan hệ này là điều kiện mở đường thực hiện những khoản tín dụng lớn cho các công trình hợp tác đầu tư. Thụy Điển và một số nước khác đang hỗ trợ quá trình giải tỏa và lưu ý chúng ta, vật cản trở không phải do luật lệ hay chính sách IMF và WB, mà ở một số chính giới Mỹ còn có cách nhìn cảm tính không công bằng đối với Việt Nam. Mặt khác, cần đấu tranh với IMF cho sự trong sáng của nguyên tắc quan hệ đa phương của tổ chức này.

Bà quyền Ngoại trưởng đã gợi ra với tôi là Việt Nam đã đạt được những bước phát triển đột biến nhanh nhưng cũng còn những trở ngại: người tị nạn, nhà tù, vấn đề ân xá, giúp người tị nạn trở về. Những ý kiến gợi ra của bà Lena, một mặt lưu tâm với chúng ta những vấn đề đó theo quan điểm của họ, nhưng còn có dụng ý khác, muốn nhắc chúng ta dè chừng việc Mỹ có thể sử dụng chúng như những nguyên cớ, tiếp tục làm khó dễ Việt Nam.

Trước mắt, quan hệ giữa Việt Nam với IMF và WB chưa được giải tỏa, công ty hai bên tranh thủ thời gian xúc tiến công việc chuẩn bị và hợp tác trên những quy mô phù hợp với khả năng và phương thức thanh toán do hai bên thỏa thuận lựa chọn.

2. Nhiều công ty e ngại những thủ tục hành chính quan liêu của chúng ta, chẳng hạn như chỉ cấp visa vào Việt Nam từng lần một, làm việc với nhiều cơ quan nhưng không biết ai quyết định cuối cùng, ngại buôn bán với những tổ chức thương nghiệp quy mô lớn của Nhà nước cách bức với cơ sở sản xuất hàng hóa... Bạn mong muốn phía ta sớm cải tiến cùng với tiến trình đổi mới.

3. Bạn quan tâm đề nghị của phía ta phối hợp chính sách, cùng tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hai bên trong



hoạt động buôn bán hợp tác, đầu tư. Trước mắt cần chuẩn bị cho việc ký kết một số hiệp định tránh đánh thuế hai lần, hiệp định hỗ trợ hợp tác đầu tư, ưu đãi thuế quan...

4. Các công ty đã nhìn thấy Việt Nam là thị trường buôn bán đầu tư có triển vọng, là bàn đạp có lợi cho việc gây ảnh hưởng ra khu vực đang phát triển năng động. Việt Nam, với những lợi thế nhân công tay nghề, nếu phối hợp có kết quả sẽ bù đắp những khó khăn về lao động, tiền lương đang cảng thẳng của họ để khôi phục lại thế đứng cho một số ngành công nghiệp truyền thống của Thụy Điển đang bị Nam Triều Tiên cạnh tranh chèn ép. Một số công ty của các ngành công nghiệp đang lên cũng có nhu cầu mở rộng cơ sở sản xuất ra nước ngoài, trong đó có nhắm tới Việt Nam.

Các công ty quan tâm tới Luật đầu tư của Việt Nam không chỉ những nét chính, còn muốn tìm hiểu sâu vào chính sách lao động, tiền lương, quyền tự do chọn chỗ làm việc (về lĩnh vực mà họ thường quan niệm là thị trường lao động), thuế khóa, chuyển tiền lãi về nước, được hay không được liên kết với bên thứ ba, v.v. và các lệ luật khác quy định “luật chơi” tại Việt Nam.

Hiệp hội thương mại và nhiều công ty cho rằng những vấn đề lớn đã được khai thông, tuy nhiên mục tiêu kinh doanh là lợi nhuận, họ muốn được nhanh chóng vào Việt Nam đối thoại trực tiếp với các công ty Việt Nam để cùng thỏa thuận phương thức hợp tác đầu tư, trao đổi hàng hóa, giá cả, cách thức thanh toán. Trước mắt, tìm cách đáp ứng một số công trình cụ thể và xuất nhập khẩu hàng hóa ta đã đưa ra.

Một số công ty sẽ vào Việt Nam trong vài tháng tới, theo họ dự kiến như sau: Phía Thụy Điển: ABB, Eriksson, Hiệp hội thương mại Thụy Điển cùng với một số công ty. Phía Đan Mạch:



công ty chế tạo thiết bị đường, công ty bia, công ty buôn bán Đông Á. Phía Phần Lan: Nokia, Kemira, Kaukomar - kinat, Hiệp hội thương mại Phần Lan cùng một số công ty khác.

5. Đối với vấn đề Campuchia, Bạn đặt thẳng câu hỏi: Quan điểm của Việt Nam thế nào về sáng kiến của Ôxtrâylia, về vai trò Trung Quốc, vai trò Mỹ? Chúng tôi nói rõ quan điểm của mình và cho biết dấu hiệu tích cực gần đây của Trung Quốc. Bạn coi đó là bước phát triển có ý nghĩa của Trung Quốc và mong muốn vấn đề Campuchia được giải quyết sẽ có lợi cho Việt Nam xây dựng lại kinh tế và “ông Xihanúc cũng được trở lại quê hương ông ta” (lời bà Bộ trưởng Gradin trong phần 2 cuộc hội đàm).

III

Kết quả mới đã đem lại cho nền kinh tế nước ta vào đồng bộ với cơ chế kinh tế quốc tế để từng bước chúng ta hội nhập với các nền kinh tế bên ngoài, mặc dù trước mắt còn bị hạn chế bởi chính sách cấm vận của Mỹ. Đó là cơ sở cho sự nhất trí cao giữa ta với Bạn và phía Bạn hưởng ứng nhạy bén nhiệt tình nhân chuyến đi thăm làm việc của chúng tôi khai thông một giai đoạn hợp tác mới.

Tôi thấy cần triển khai tiếp một số việc dưới đây:

1. Ăn tượng đầu tiên của tôi là phía Bạn rất thiếu những thông tin cần thiết về sự chuyển đổi của nền kinh tế nước ta, một số thành kiến của Bạn hình thành từ thời chúng ta còn tập trung bao cấp chưa được giải tỏa. Phía ta cũng thiếu thông tin về Bạn, nhất là những thông tin về các công ty. Cho nên việc trước tiên là cần đổi mới cơ quan thường vụ, bổ sung cán bộ kinh tế có năng lực thăm dò và tư duy kinh doanh cho Sứ quán. Tăng cường việc truyền bá thông tin kinh tế xuất phát từ ngân hàng trung ương,



từ Bộ Thông tin và từ Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư ra thế giới, đặc biệt với các khu vực trọng điểm như Bắc Âu.

Hình thành một số tổ chức kinh doanh có khả năng đáp ứng dịch vụ nhiều mặt cho các công ty nước ngoài muốn đầu tư vào Việt Nam.

2. Giao các bộ hữu quan chuẩn bị để Chính phủ hai bên ký các hiệp định, trước mắt là Hiệp định thúc đẩy và bảo hộ đầu tư, tránh đánh thuế hai lần, ưu đãi thuế quan. Phía Thụy Điển đã trao dự thảo cho ta và mong sớm ký kết với ta các hiệp định này nhân dịp Bộ trưởng Hợp tác phát triển quốc tế sẽ sang thăm ta vào giữa tháng 6/1990.

Tổ chức tốt hội thảo quốc tế về đầu tư vào Việt Nam sắp tới. Các công ty Thụy Điển, Đan Mạch, Phần Lan đều mong mỏi tham dự hội thảo này.

Cải tiến việc cấp visa, cấp giấy phép đi lại trong lãnh thổ Việt Nam cho các cơ quan đại diện thương mại, nhà kinh doanh nước ngoài phù hợp với chính sách hữu nghị, mở cửa.

3. Chấn chỉnh công tác đàm phán, tiếp nhận, phân phối, sử dụng các loại viện trợ. Dành một khoản viện trợ của Thụy Điển cho việc đào tạo cán bộ kinh tế các loại, phát triển cơ sở nghiên cứu pháp lý - có tác dụng thúc đẩy quá trình đổi mới.

4. Giao trách nhiệm Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư và một số bộ chỉ định một số công ty, chuẩn bị cho họ một số hiểu biết cần thiết để họ có khả năng đón tiếp, đàm phán với công ty Bạn, thỏa thuận cho được một số công trình hợp tác đầu tư và trao đổi buôn bán hàng hóa làm bước thúc đẩy ban đầu.

Những công ty Bắc Âu đã trải qua quá trình kinh doanh lâu đời, có quá trình sáp nhập tích tụ cao, là những công ty phức hợp lớn, làm ăn có chiến lược, có triết lý riêng. Vì vậy, việc chuẩn bị lực lượng đối tác của phía chúng ta phải thật kỹ lưỡng.



5. Cần chủ động tiếp cận một số chính giới Mỹ và một số nước có thiện chí tìm cách rút ngắn thời gian trong việc khai thông quan hệ với IMF, WB. Chúng ta sẽ rất khó tìm những khoản tín dụng lớn ở các ngân hàng phương Tây cho các công trình hợp tác đầu tư, thanh toán quốc tế, nếu quan hệ này còn bị phong tỏa.

Tìm cách tăng nhanh năng lực nghiệp vụ cho hệ thống ngân hàng, đáp ứng kịp thời các nghiệp vụ tín dụng và thanh toán quốc tế sẽ có yêu cầu mở rộng, tăng cao.

6. Trên cơ sở chiến lược kinh tế - xã hội chung, phát triển cụ thể hóa mảng kinh tế đối ngoại thành “chiến lược kinh tế đối ngoại” trên căn bản đổi mới. Đặt quan hệ kinh tế đối ngoại với khu vực Bắc Âu như một trong những trọng điểm của chiến lược kinh tế đối ngoại.

Võ Văn Kiệt

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 19158.

THÔNG BÁO

KẾT QUẢ CHUYẾN THĂM MALAIXIA

CỦA ĐỒNG CHÍ VÕ VĂN KIỆT

Từ ngày 20 đến ngày 23 tháng 01 năm 1992

Nhận lời mời của Thủ tướng Malaixia Mahathir, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt đã đi thăm chính thức Malaixia từ ngày 20 đến ngày 23/01/1992.

Trong thời gian ở thăm Malaixia, Chủ tịch Võ Văn Kiệt đã yết kiến nhà Vua, hội đàm hẹp với Thủ tướng Mahathir, hội đàm chung giữa hai đoàn, sau đó các bộ, Thứ trưởng trong đoàn đã gặp và làm việc với các ngành tương ứng. Chủ tịch Võ Văn Kiệt đã gặp gần một ngàn nhà kinh doanh hàng đầu của Malaixia, thăm khu kinh tế mới FELDA, Trung tâm du lịch MATIC, Nhà máy ôtô Proton và Công ty Dầu khí quốc gia Petronas. Hai bên đã ký Hiệp định bảo đảm và khuyến khích đầu tư. Cuối chuyến thăm, Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Cầm đã họp báo về kết quả chuyến thăm.

I- VỀ NỘI DUNG HỘI ĐÀM VÀ CÁC THỎA THUẬN

Qua các cuộc hội đàm nêu lên các vấn đề sau:

1. Về quan hệ chính trị, hai bên nhất trí cho rằng hiện nay là thời điểm thuận lợi nhất để đưa quan hệ hai nước sang thời kỳ mới của sự hợp tác trên nhiều lĩnh vực với tinh thần tin cậy, thông cảm và giúp đỡ lẫn nhau phát triển đất nước phồn vinh và



thúc đẩy hợp tác khu vực. Phía Malaixia nhấn mạnh lợi ích của bạn muốn các nước láng giềng phồn vinh thì mới có ổn định và mới có đối tác tương xứng; được như vậy Malaixia mới có lợi. Hai bên đều cho rằng quan hệ hai nước gần đây, nhất là trong năm qua đã phát triển nhanh và tốt, song tiềm lực hợp tác còn lớn cần tích cực khai thác.

Hai bên thỏa thuận tăng cường trao đổi đoàn các cấp, các ngành. Trước bước phát triển mới của quan hệ hai nước, phía Malaixia đề nghị nâng Lãnh sự quán tại Thành phố Hồ Chí Minh lên thành Tổng Lãnh sự quán; việc ta chấp nhận làm cho bạn rất hài lòng.

Ta nhắc lại lời Thủ tướng Mahathir sang thăm Việt Nam, bạn dự kiến sẽ thăm vào đầu tháng 4/1992 hoặc tháng 6/1992.

2. Về quan hệ kinh tế thì rõ ràng phía Malaixia quan tâm rất lớn tới sự hợp tác với ta. Trên dưới một nghìn nhà kinh doanh đã dự cuộc đối thoại với đoàn, ngoài ra hai tổ chức ngân hàng lớn của Malaixia đã tổ chức chiêu đãi làm việc để tiếp xúc với đoàn ta.

Mặc dầu thời gian gấp, Bạn đã cố gắng thu xếp mọi thủ tục nội bộ để ký Hiệp định bảo đảm và khuyến khích đầu tư, đồng thời chủ động gợi ý sớm hoàn tất Hiệp định hàng hải và đàm phán để ký Hiệp định bưu điện và Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần.

Còn về sự hợp tác cụ thể thì do hai nước đang triển khai thỏa thuận ngày 30/3/1991 về hợp tác trên nhiều lĩnh vực như dầu khí, cao su, dầu cọ, liên doanh trồng lúa, khai khoáng, du lịch, cho nên lần này không đi sâu thảo luận các dự án mà chỉ nhấn mạnh một số vấn đề:

- Bạn quan tâm nhiều về vấn đề thuê đất tương đối dài hạn để liên doanh trồng lúa, cây công nghiệp, khai khoáng, trong đó gồm có sắt Thạch Khê, bôxít, vàng (có chrysocolla Úc).



- Về hợp tác tài chính - ngân hàng, Malaixia hài lòng việc ta đồng ý cho Ngân hàng công cộng liên doanh với Ngân hàng đầu tư của ta, ngỏ ý muốn lập chi nhánh ngân hàng vì bạn cho rằng chỉ có như vậy mới huy động vốn vào đầu tư ở Việt Nam được. Đồng thời bạn muốn ký sớm hiệp định thanh toán ngân hàng (bạn đã ký với 11 nước), coi đây là điều then chốt để gia tăng trao đổi buôn bán. Tuy nhiên, ta chưa thể ký được do bạn còn nhập siêu của ta, nếu dùng phương thức ghi sổ (clearing) thì khó cho ta vì ta đang thiếu tiền, không thể ghi sổ được. Hai bên thỏa thuận bàn tiếp.

- Về hàng không, Bạn hài lòng về việc ta đồng ý mở đường bay trực tiếp Cuala Lampo - Hồ Chí Minh - Hà Nội và Cuala Lampo - Hà Nội bắt đầu từ ngày 01/4/1992. Để có thể vận chuyển trực tiếp không qua trung gian lòng vòng, cả bạn và ta đều muốn sớm ký hiệp định hàng hải (hai bên đã trao đổi dự thảo). Bạn mời ta cử chuyên viên sang ngày 15/02 để hoàn tất rồi ký. Bạn cũng đồng ý sớm ký hiệp định bưu điện.

- Bạn tán thành việc lập Ủy ban hợp tác liên chính phủ; phía bạn cử Bộ trưởng Ngạo giao làm đồng Chủ tịch; đề nghị Ủy ban này họp thường niên và luân phiên giữa hai nước.

3. Việc giáo dục, đào tạo, Thủ tướng Mahathir chủ động nêu vấn đề viện trợ kỹ thuật cho ta để đào tạo cán bộ và sẵn sàng rút kinh nghiệm. Bạn sẵn sàng đào tạo sinh viên, chuyên gia, nhất là về ngân hàng, tài chính, giáo dục. Bộ Giáo dục Malaixia cũng xác nhận như vậy, đồng thời chấp nhận cử đoàn sang nghiên cứu về giáo dục học, về hệ thống giáo dục. Phó Thủ tướng Ghapha Baba đề nghị ta cử vài ba giáo viên sang dạy tiếng Việt tại các trường đại học của bạn.



Về văn hóa, thể dục thể thao, bạn đang chuẩn bị hiệp định hợp tác văn hóa và sẽ sớm bàn với ta.

4. Về những vấn đề tồn tại

- Về vấn đề di tản, bạn không nêu gay gắt, chỉ giải thích là bạn không thể chấp nhận thêm (ngoài 12 vạn người Việt Nam còn có công dân các nước khác, lên tới 78 vạn), không nêu vấn đề ép họ về nước. Bạn với ta thống nhất cách đặt vấn đề của ta từng bước giải quyết hợp lý. Ngoại trưởng Badawi cho biết, Malaixia có kế hoạch đào tạo một số di tản tôn trọng để sau này đưa về Việt Nam tham gia các dự án hợp doanh với ta, nhất là về trồng trọt.

- Về vùng biển chồng lấn riêng giữa 2 nước, bạn nhất trí sớm giao cho chuyên viên xem xét bản chất vấn đề rồi bàn việc phân định, thăm dò và hợp tác khai thác.

Về Trường Sa, bạn đồng ý không làm gì phức tạp thêm và giải quyết qua thương lượng. Tuy nhiên, trong trả lời phỏng vấn, Ngoại trưởng Badawi nêu khả năng khai thác chung, do đó một số nước liên quan hiểu lầm.

Bạn thỏa thuận không để các vấn đề tồn tại ảnh hưởng đến sự hợp tác giữa hai nước.

5. Về hợp tác khu vực, Bạn trình bày nhiều về sáng kiến lập Diễn đàn Kinh tế Đông Á (EABC), trước gọi là nhóm (group), nhấn mạnh rằng đây không phải là một “khối” kinh tế mà chỉ là diễn đàn trao đổi ý kiến; bên trong Bạn nói là để đối phó với chính sách bảo hộ mậu dịch của phương Tây. Ta đồng tình với quan niệm đây chỉ là tổ chức diễn đàn, không ảnh hưởng đến quan hệ với các nước và các khu vực khác. Bạn tỏ ra hài lòng việc ta tỏ ý đồng tình.

Bạn hoàn toàn ủng hộ việc ta ký Hiệp ước Bali và ghi nhận ý kiến của ta về việc tham gia cơ chế đối thoại với ASEAN với tư



cách quan sát viên. Bạn đánh giá cao lập trường của ta về vấn đề Campuchia và hoan nghênh việc bình thường hóa quan hệ Việt Nam và Trung Quốc.

6. Bạn giới thiệu một số kinh nghiệm phát triển đất nước như:

- Phải có một trung tâm thông tin theo dõi chặt chẽ tất cả hoạt động kinh tế trong toàn quốc, chỉ đạo rất chặt chẽ và khẩn trương công việc hằng ngày như một bộ chỉ huy tác chiến; có như vậy mới có hiệu quả cao trong sự điều hành.

- Giữ vững độc lập, tự chủ nhưng không nên cứng nhắc. Malaixia không quốc hữu hóa mà mua dần cổ phần các xí nghiệp và đồn điền của thực dân Anh; chỉ sau một số năm, khi nền kinh tế phát triển đủ mạnh mới mua hết, sau đó không cho nước ngoài đầu tư vào đồn điền và ngành khai khoáng nữa.

- Trong trao đổi ý kiến riêng với Thủ tướng và Phó Thủ tướng Malaixia, Bạn rất quan tâm về ổn định chính trị và ổn định xã hội để xây dựng đất nước, bạn cũng khẳng định đó như là mục tiêu hàng đầu, từ thực tiễn của bạn nên bạn đánh giá cao và giống nhau về mục tiêu ổn định của ta. Bạn cũng phê phán sự thất bại của Goócbachốp và kể cả sự thất bại không tránh khỏi của Ensin.

- Cần có chính sách ưu tiên từng thời kỳ: Năm 1989, Malaixia thất nghiệp cao, đã mạnh dạn thay đổi luật sở hữu; cho nước ngoài sở hữu 100% các xí nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, do đó đã thu hút được nhiều vốn đầu tư, giải quyết hết thất nghiệp. Nay Malaixia thiếu lao động, do đó chuyển sự ưu tiên vào các ngành kỹ thuật cao, sử dụng ít lao động, đồng thời ra sức phát triển du lịch (7 triệu lượt khách/năm).

- Phát triển mạnh các vùng kinh tế mới do Nhà nước đầu tư cho vay với lãi suất thấp, phát triển cả kinh tế gia đình và



đồn điền lấn công nghiệp chế biến. Nhà nước lo toàn bộ kết cấu hạ tầng (điện, nước, đường sá, trường học, bệnh viện) rồi mới đưa dân đến. Dân được sở hữu đất để làm kinh tế gia đình và mua cổ phần đồn điền. Do đó, Nhà nước thu hồi được vốn.

Bạn tỏ ra rất sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm xây dựng kinh tế với ta.

II- NHẬN XÉT CHUNG

1. Chuyến đi đã đạt được những yêu cầu đề ra là tăng cường sự hiểu biết, tin cậy và hợp tác giữa hai nước, thúc đẩy việc hợp tác trên một số lĩnh vực cụ thể (nông - lâm nghiệp, khai khoáng, chế biến, dịch vụ...), tìm kiếm kinh nghiệm của Malaixia về vùng kinh tế mới, quản lý tài chính, dầu khí và tranh thủ Malaixia ủng hộ ta tham gia Hiệp ước Bali và cơ chế đối thoại ASEAN. Trên một số lĩnh vực, kết quả đạt được vượt dự kiến như: Bạn sẵn sàng viện trợ kỹ thuật để đào tạo; một số vấn đề khúc mắc trong quan hệ, nhất là vấn đề người tị nạn, bạn đề cập nhẹ nhàng, giải quyết theo hướng tích cực; thái độ của bạn về vấn đề Trường Sa, vùng chồng lấn cũng tỏ ra thuận lợi; ký được Hiệp định bảo đảm và khuyến khích đầu tư; mặc dù Bạn có khó khăn thu xếp thủ tục nội bộ. Giới kinh doanh Malaixia với sự khuyến khích của Chính phủ tỏ ra rất quan tâm tới sự hợp tác với Việt Nam. Tuy nhiên, họ thắc mắc về thời hạn sử dụng đất và giá đất, mức thuế ưu đãi, cơ chế quản lý, hệ thống pháp luật của ta.

Nhờ kết quả trên, quan hệ hai nước bước vào một thời kỳ mới, mở ra triển vọng hợp tác nhiều mặt cùng có lợi.

Thái độ đón tiếp của bạn rất thân tình, có việc bỏ cả thủ tục lễ tân (theo quy định không có lãnh đạo cấp cao tiễn ở sân bay, tuy nhiên Phó Thủ tướng bạn đã chủ động ra sân bay sau khi xuống tận địa phương dự chiêu đãi và xem văn công ta cùng với đoàn).



2. Đạt được kết quả là do

- Chuyến đi diễn ra trong tình hình khu vực có nhiều chuyến biển tích cực, nhất là sau khi ký Hiệp định Paris về Campuchia và sau các chuyến đi của Chủ tịch Võ Văn Kiệt đến Indônêxia, Thái Lan, Xingapo và chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Thái Lan Anand và tướng Suchinda, sau khi ta bình thường hóa với Trung Quốc.

- Là một nước phát triển khá nhanh, Malaixia có nhu cầu mở rộng thị trường, cạnh tranh với các nước khác trong việc hợp tác kinh tế với ta. Mặt khác, Malaixia không vừa lòng với Mỹ về một số vấn đề, nhất là về thái độ của Mỹ đối với các sáng kiến của Malaixia về EAEC (Diễn đàn Kinh tế Đông Á), việc Mỹ hạn chế dành cho Malaixia quy chế thuế ưu đãi... Malaixia cũng tranh chấp vài trò với Indônêxia và Thái Lan trong ASEAN. Vì những lẽ đó, Malaixia cần có quan hệ hữu nghị với ta.

- Ta đáp ứng thỏa đáng các yêu cầu chính đáng của bạn, như mở rộng hàng không, lập chi nhánh ngân hàng, nâng cấp Tổng Lãnh sự quán Malaixia ở Thành phố Hồ Chí Minh mà Bạn coi là “cơ sở hạ tầng” cho việc tăng cường hợp tác kinh tế, đầu tư và kinh doanh ở Việt Nam. Đối với sáng kiến của Bạn về EAEC, ta tỏ đồng tình trên cơ sở các giải thích của Bạn, làm Bạn rất hài lòng. Trong việc chuẩn bị, ta tích cực chủ động; trong chuyến thăm, ta có thái độ cởi mở, thân tình.

III- NHỮNG VIỆC CẦN LÀM TIẾP

1. Bộ Giao thông vận tải - Bưu điện hoàn thiện Hiệp định hàng hải và bưu điện để ký sớm; Bộ Tài chính xúc tiến đàm phán về Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần; Bộ Thương mại và Du lịch phải rà soát, tiếp tục đề xuất các dự án hợp tác; Bộ Ngoại giao



cùng các ngành hữu quan (Ban Biên giới, Bộ Công nghiệp nặng, Quốc phòng, Nội vụ) triển khai việc đàm phán khai thác chung trong vùng chồng lấn riêng giữa hai nước.

2. Bộ Ngoại giao cùng Bộ Giáo dục và Đào tạo tích cực tranh thủ viện trợ kỹ thuật để đào tạo cán bộ.

3. Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư tích cực cùng các bộ liên quan nghiên cứu các chính sách về giá cả và thời hạn thuê đất, giá lao động, tập trung đầu mối và các thủ tục đi lại của các tổ chức kinh doanh... để tạo thêm sức cạnh tranh.

4. Bộ Ngoại giao và Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng bàn với các cơ quan hữu quan để sớm hình thành Ủy ban hỗn hợp 2 nước và cùng các ngành hữu quan theo dõi việc thực hiện thỏa thuận ngày 30/3/1991 về hợp tác trên các lĩnh vực.

5. Hội đồng Trung ương lâm thời các doanh nghiệp ngoài quốc doanh bàn với Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư, Bộ Thương mại và Du lịch nghiên cứu xúc tiến việc thành lập một tổ chức như kiểu “Hiệp hội công thương” để mở rộng các quan hệ hợp tác với bên ngoài, trong đó có các đối tác Malaixia.

6. Bộ Ngoại giao và Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng chủ trì xúc tiến việc chuẩn bị cho chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Mahathir (dự kiến vào đầu tháng 4/1992).

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Bộ Thương mại/Bộ Thương mại và Du lịch,
hồ sơ số 576.

THÔNG BÁO

KẾT QUẢ CHUYẾN THĂM CHÍNH THỨC

NUỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

CỦA ĐỒNG CHÍ VÕ VĂN KIỆT

Ngày 17 tháng 02 năm 1992

Nhận lời mời của đồng chí Khămtày Xiphandòn, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Thủ tướng nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, đồng chí Võ Văn Kiệt, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đã thăm chính thức Lào từ ngày 13 đến ngày 15/02/1992.

I- CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Trong thời gian ở thăm Lào, đồng chí Chủ tịch và Đoàn đã có các hoạt động:

- Hội đàm hai buổi với đoàn Chính phủ Lào, do đồng chí Khămtày Xiphandòn dẫn đầu.
- Chào đồng chí Cayxòn Phômviản, đồng chí Nuhắc, thăm sức khoẻ đồng chí Cố vấn Xuphanuvông; Thứ trưởng thứ nhất Bộ Ngoại giao Trần Quang Cơ đã đến chào Bộ trưởng Ngoại giao Lào Phunsipasốt.
- Ký Hiệp định khung về hợp tác kinh tế - văn hóa - khoa học - kỹ thuật 1992 - 1995; ký Hiệp định hợp tác 1992 (Nghị định thư



thương mại đã ký tắt, nhưng bạn Lào đề nghị chưa ký chính thức trong dịp này vì còn một số vấn đề cụ thể bạn muốn xem thêm).

- Dự chiêu đãi của Thủ tướng Lào; đặt vòng hoa tại đài liệt sĩ; thăm xí nghiệp thô cẩm tại Viêng Chăn.

- Thứ trưởng Ngoại giao hai nước họp báo công bố thông cáo chung và đánh giá kết quả chuyến thăm.

- Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và Đoàn đã đến thăm và nói chuyện với cán bộ Đại sứ quán và Hội Việt kiều tại Viêng Chăn.

- Đồng chí Khămтày Xiphăndon, Thủ tướng Lào và nhiều cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước Lào đã đón và tiễn Đoàn tại sân bay.

Trước khi Đoàn chính thức sang, đoàn chuyên viên đã sang làm việc với Bạn từ ngày 06/02 để hoàn tất các văn bản hiệp định chuẩn bị cho ký kết.

II- CÁC NỘI DUNG CHÍNH TRAO ĐỔI VÀ THỎA THUẬN

1. Về tình hình thế giới và khu vực

- Hai bên đã điểm lại những chuyển biến có tính chất đột biến trên thế giới và khu vực từ sau cuộc gặp giữa hai Bộ Chính trị tháng 10/1991 đến nay, đặc biệt là ý đồ của Mỹ sau sự sụp đổ của Liên Xô và chiến thắng trong cuộc chiến tranh vùng Vịnh đang muốn vươn lên một mình khống chế thế giới; những phát triển tích cực ở Đông Nam Á theo hướng hòa bình, ổn định hợp tác và phát triển. Hai bên cho rằng tuy gặp nhiều khó khăn, nhưng cuộc đấu tranh của các lực lượng tiến bộ của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội sẽ được củng cố và từng bước đi lên. Mặt khác, chủ nghĩa tư bản cũng bị phân hóa và có không ít khó khăn trong nội bộ, không chỉ về chính trị



mà cả về kinh tế - xã hội. Vì vậy, Mỹ cũng không thể dễ dàng làm theo ý muốn của mình.

- Phía Lào tỏ lo ngại trước những diễn biến phức tạp gần đây ở Campuchia và có thể tác động trực tiếp đến Lào và Việt Nam. Trong tình hình đó, Bạn cho rằng hai nước cần tăng cường phối hợp chiến lược và sách lược để ngăn chặn những tác động tiêu cực có thể nảy sinh.

- Phía Lào thông báo cho ta về việc Bộ Chính trị Lào quyết định Lào sẽ gia nhập Hiệp ước Bali và làm quan sát viên của tổ chức ASEAN. Bạn đề nghị ta có sự phối hợp trong quan hệ mới này. Bạn cũng thông báo Thủ tướng Lào sẽ đi thăm Thái từ 17/02 để ký Hiệp ước hòa bình và hợp tác. Bạn nhắc lại lập trường cho rằng quan hệ với Thái Lan là mối quan hệ vừa đấu tranh vừa tranh thủ, cần phải thường xuyên cảnh giác với âm mưu của chủ nghĩa đại Thái.

- Bạn coi mối quan hệ giữa Lào - Việt Nam, Lào - Trung Quốc là mối quan hệ của những người có cùng chung một mục tiêu và lý tưởng. Trong tình hình mới, mối quan hệ đó cần được tăng cường và phát triển vì lợi ích của ba nước và vì sự nghiệp hòa bình và phát triển trong khu vực và trên thế giới.

2. Hai bên đã thông báo cho nhau về tình hình chính trị, kinh tế - xã hội, các hoạt động đối ngoại lớn của mỗi bên trong thời gian qua. Phía Lào bày tỏ sự tin tưởng vững chắc đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam quyết tâm đi theo con đường xã hội chủ nghĩa.

3. Về quan hệ hai nước

a) Về chính trị

Hai bên hoàn toàn nhất trí cho rằng trong tình hình hiện nay, việc củng cố, đổi mới và không ngừng phát triển mối quan



hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước là điều có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Phía Lào cho đây là vấn đề sống còn đối với Lào.

Đồng chí Cayxòn Phômvihản cho rằng mối quan hệ đoàn kết đặc biệt Việt - Lào đã trở thành mối quan hệ quốc tế trong sáng; trong tình hình quốc tế mới, khi hai nước đang thực hiện đường lối đổi mới phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của mỗi nước, càng phải tiếp tục củng cố và phát triển mối quan hệ đặc biệt đó.

- Phía Lào cho biết, từ sau cuộc gặp hai Bộ Chính trị, Lào đã tiến hành một đợt sinh hoạt chính trị, tư tưởng để tăng cường, vun đắp mối quan hệ đoàn kết đặc biệt Lào - Việt, đã tổ chức Ban Chỉ đạo Trung ương và lập bộ máy giúp việc để bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất đối với sự hợp tác hai bên. Bạn hài lòng nhận thấy sự phôi hợp, hợp tác giữa các ngành, các cấp và địa phương, thời gian qua đã tốt hơn nhiều. Tuy nhiên, kết quả hợp tác chưa mĩ mãn và còn nhiều việc triển khai chậm, phôi hợp chưa tốt, gây ảnh hưởng xấu về tư tưởng, tình cảm trong một bộ phận cán bộ và nhân dân hai nước đối với mối quan hệ đặc biệt Lào - Việt.

b) Về các vấn đề cụ thể

Về cảng Hòn La và đường 12: Phía ta khẳng định tiếp tục tạo thuận lợi cho phía Lào có đường ra biển, đáp ứng nhu cầu của Lào về xuất và nhập hàng hóa qua các cảng biển của Việt Nam. Ta đồng ý nguyên tắc trong việc sửa chữa các đường từ Lào ra các cảng biển hiện có của ta là đường thuộc lãnh thổ bên nào, bên ấy sửa. Nhưng một vài tuyến đường có nhu cầu của Lào lớn hơn, đề nghị phía Lào xem xét tài trợ hoặc có hình thức đóng góp thích hợp. Việc này giao cho Bộ Giao thông vận tải hai nước bàn cụ thể để trình hai Chính phủ xem xét. Ta đồng ý nghiên cứu việc



hợp tác xây dựng và sử dụng cảng Hòn La và đường 12 phù hợp với luật pháp của mỗi nước và luật pháp quốc tế, theo nguyên tắc cùng có lợi, đồng thời có tính đến ưu tiên, ưu đãi cho Lào trên cơ sở quan hệ đặc biệt giữa hai nước. Ta nói rõ đây là dự án lớn, có lợi ích lâu dài cho Lào, Việt Nam và khu vực, cho nên cần cùng nhau nghiên cứu, điều tra nhu cầu, nghiên cứu các hình thức và cơ chế hợp tác và tìm nguồn tài trợ.

Ta đề nghị: trong tháng 3/1992, lập nhóm nghiên cứu chung gồm các chuyên gia có trình độ của các ngành hữu quan của hai nước (có thể mời chuyên gia của nước thứ ba). Nhóm nghiên cứu đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của hai Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng; cuối năm 1992, lập xong báo cáo tiền khả thi, cuối năm 1992 hoặc năm 1993, trình hai Bộ Chính trị xem xét quyết định những điểm chính yếu của báo cáo tiền khả thi, như: hình thức hợp tác (có thể thêm nước thứ ba), nguồn tài trợ và cách thức trả nợ, cơ chế quản lý, kế hoạch các bước tiếp theo... chi phí nghiên cứu do hai bên đóng góp hoặc tìm nguồn của nước thứ ba.

Phía Lào tỏ ra an tâm, vui mừng và hoan nghênh lập trường của ta và nhất trí cùng phối hợp triển khai như đề nghị của ta.

Về quan hệ thương mại và hợp tác đầu tư:

- Hai bên nhất trí tuy hai nước là anh em nhưng không thể dẽ dãi để các địa phương, cơ sở tùy tiện quan hệ làm ăn với nhau trái pháp luật của mỗi nước và sự thỏa thuận giữa hai nước. Hai Chính phủ cùng xây dựng chiến lược hợp tác lâu dài giữa hai nước; trước mắt, thỏa thuận một số dự án hợp tác đầu tư, kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng hóa; bàn các biện pháp tổ chức và quản lý trong hoạt động xuất, nhập khẩu, đặc biệt đối với buôn bán tiểu ngạch ở vùng biên giới.



Ta gợi ý lập các chợ biên giới để giải quyết các dịch vụ buôn bán dân gian, cương quyết xử lý các trường hợp buôn lậu, vi phạm luật pháp hai nước.

- Hai bên nhất trí giao cho hai Bộ Thương mại phối hợp với nhau rà soát lại quan hệ xuất, nhập khẩu giữa hai nước, làm rõ nguyên nhân của những tồn tại và đề ra biện pháp khắc phục để trình hai Chính phủ ký sớm Nghị định thư Thương mại năm 1992.

Về việc Lào mua điện của ta:

- Phía Lào gợi ý mua của ta một phần sản lượng điện tương đương 1 tỉ kWh/năm.

Ta nói rõ: trước mắt ta tạm dư thừa điện ở miền Bắc, nhưng ở miền Nam đang thiếu điện gay gắt. Ta đã có chủ trương xây dựng đường dây siêu cao áp 500 kV để đưa điện từ miền Bắc vào Nam và xây dựng một số nhà máy nhiệt điện, thủy điện ở phía Nam để đáp ứng nhu cầu điện cho sản xuất và sinh hoạt. Do vậy, ta chưa tính tới khả năng bán điện cho nước ngoài.

Tuy nhiên, Việt Nam sẵn sàng giúp Lào làm luận chứng, thiết kế, thi công một số công trình thủy điện nhỏ hoặc thi công nhanh một số nhà máy nhiệt điện loại vừa và khi hoàn thành công trình tải điện Bắc - Nam, Việt Nam sẽ xem xét việc cung ứng điện cho một số nhu cầu của Bạn ở một số điểm biên giới Lào - Việt.

Về hợp tác nông nghiệp:

Bạn có chủ trương xây dựng một số vùng thí điểm về sản xuất thâm canh nông nghiệp và xây dựng cụm kinh tế - xã hội. Trước mắt Bạn dự kiến xây dựng Champasắc theo mô hình của Trung tâm Đại học Công nghiệp Cần Thơ. Phía ta cam kết sẽ thúc đẩy trung tâm Cần Thơ và một số tổ chức khác của Việt Nam hỗ trợ và giúp đỡ Bạn.



Về hợp tác đào tạo và chuyên gia:

- Ta đồng ý với Lào sẽ cử chuyên gia theo từng lĩnh vực, vụ việc và thời gian theo yêu cầu của phía Lào, không cử chuyên gia thường xuyên như trước đây. Chính sách đổi mới với chuyên gia sẽ được thực hiện như hai bên đã thỏa thuận.

- Việt Nam nhận đào tạo sinh viên, học sinh cho Lào theo số lượng và ngành học theo yêu cầu của Lào. Phía Lào đề nghị ta mỗi năm đào tạo 1.000 học sinh Lào (kể cả hiện có và bổ sung). Ta đồng ý.

Về vấn đề xây dựng cơ sở hạ tầng của Lào:

- Lào cho biết Bạn có chủ trương xây dựng tuyến đường Bắc - Nam và Đông - Tây, mở rộng mạng lưới giao thông tới các khu vực miền núi hẻo lánh. Bạn đề nghị ta hợp tác giúp bạn về kỹ thuật và lao động xây dựng các công trình đường sá.

- Ta đồng ý giao Bộ Giao thông - Bưu điện Việt Nam tham gia đấu thầu những dự án lớn, những trục đường chính của Bạn. Đề nghị bạn Lào có ưu tiên cho Việt Nam hơn các tổ chức dự thầu nước ngoài. Riêng các trục đường lên miền núi, hẻo lánh Bạn dựa hẳn vào ta. Các đơn vị thi công Việt Nam sẽ chịu trách nhiệm thiết kế, thi công cho Lào trên cơ sở ký kết các hợp đồng cụ thể.

Về vấn đề an ninh, quốc phòng:

Hai bên cho rằng, sự phối hợp, hợp tác giữa hai nước trong vấn đề này là tốt. Đề nghị hai bên càn tiếp tục thúc đẩy.

Về các vấn đề khác:

- Ta nói rõ lập trường của ta về vấn đề Việt kiều và đề nghị Lào tạo điều kiện thuận lợi cho Việt kiều được vào quốc tịch Lào; giúp đỡ con em Việt kiều được giáo dục, đào tạo kể cả ở bậc đại học... như ta đã nêu trong hội đàm giữa hai Bộ Chính trị tháng 10/1991.



- Ta nói rõ lập trường về những người Việt Nam vượt biên trái phép sang Lào, những người dân tộc thiểu số di cư sang Lào và đề nghị hai bên có sự phối hợp chặt chẽ, áp dụng các biện pháp đồng bộ, kết hợp giáo dục, vận động, hành chính, kinh tế để giải quyết các vấn đề trên và quản lý tốt biên giới.

- Hai bên thỏa thuận giao cho hai Bộ Ngoại giao, Ban Biên giới và các ngành hữu quan của hai nước sớm gặp nhau để bàn bạc thực hiện các thỏa thuận đã có hoặc ký kết các thỏa thuận mới về các vấn đề biên giới, kiều dân, hôn nhân... tạo điều kiện cho việc thực hiện chương trình hợp tác giữa hai nước như đã thỏa thuận giữa hai Bộ Chính trị.

c) *Về tổ chức thực hiện*

Hai bên nhất trí:

- Cần có cơ chế phối hợp giữa hai Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng để giải quyết nhanh điều hành việc thực hiện thỏa thuận giữa hai Bộ Chính trị. Hai Chủ tịch có thể gặp gỡ nhau thường xuyên hơn; tính tới khả năng lập đường dây liên lạc trực tiếp với nhau.

Hai Chủ tịch sẽ trực tiếp chỉ đạo một số dự án thí điểm.

Giữa hai Bộ Ngoại giao đã thỏa thuận: hai Bộ trưởng gặp nhau tối thiểu một năm một lần, các thứ trưởng gặp nhau bất kỳ lúc nào cần thiết, cấp vụ thường xuyên trao đổi với nhau. Đại sứ quán hai nước sẽ là kênh trao đổi thường xuyên và nêu yêu cầu gặp gỡ của mỗi bên.

- Củng cố và kiện toàn Ủy ban liên Chính phủ của hai bên. Về phía Đảng có các ban giúp Bộ Chính trị chỉ đạo sự hợp tác toàn diện về vấn đề chính trị, kinh tế, ngoại giao, an ninh, quốc phòng. Chính phủ chịu trách nhiệm triển khai các thỏa thuận của Bộ Chính trị.



III- SO BỘ NHẬN XÉT

1. Chuyến thăm đã đạt được những yêu cầu đề ra và phần nào vượt dự kiến. Hai bên đã đạt nhất trí cao về phương hướng xây dựng chiến lược hợp tác lâu dài, về việc thực hiện thỏa thuận giữa hai Bộ Chính trị về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật giữa hai nước. Hai bên đã ký được Hiệp định khung cho năm 1992 - 1995 và Hiệp định hợp tác cho năm 1992, đã nhất trí kiện toàn, củng cố bộ máy quản lý hợp tác giữa hai nước, nhất trí các biện pháp nhằm thúc đẩy nhanh chóng hơn nữa việc hợp tác toàn diện giữa hai nước theo phương châm coi trọng hiệu quả, chất lượng, cùng có lợi, dành sự ưu tiên, ưu đãi cho nhau vì lợi ích và sự phát triển của hai nước. Tất cả những đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước Lào trong tiếp xúc với Đoàn đều bày tỏ sự vui mừng trước kết quả hội đàm của hai Chính phủ, bày tỏ lòng biết ơn đối với sự hỗ trợ và giúp đỡ của Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam đối với Lào. Ta cũng đã thỏa thuận được với Bạn các biện pháp nhằm giải quyết các vấn đề nổi lên trong quan hệ hai nước, nhất là vấn đề cảng Hòn La, đường 12 và các biện pháp quản lý xuất nhập khẩu tiểu ngạch qua biên giới.

Kết quả của chuyến đi thăm đã thắt chặt hơn nữa mối quan hệ đoàn kết đặc biệt Việt - Lào. Bạn thấy rõ sự chân tình, thủy chung của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam. Thái độ đón tiếp của Bạn rất trọng thị, hữu nghị và thông cảm lẫn nhau.

2. Đạt được kết quả trên là do:

- Chuyến đi diễn ra trong tình hình thế giới và khu vực đang có những chuyển biến mạnh mẽ vừa có mặt thuận lợi nhưng cũng rất phức tạp. Cả ta và Bạn đều đang trong quá trình triển khai chiến lược đối ngoại mới và đều có nhu cầu củng cố và tăng cường mối quan hệ Việt - Lào.



- Ta đã nói rõ lập trường của ta trong quan hệ với Lào, đồng thời khẳng định quyết tâm của ta trong việc giải quyết các vấn đề vướng mắc, đưa ra các đề nghị cụ thể có lý, có tình, thực hiện triệt để thỏa thuận của hai Bộ Chính trị. Điều đó làm cho Bạn hiểu và tin tưởng ta hơn (trước khi Đoàn sang, Bạn có nhiều thắc mắc do tiến trình thực hiện thỏa thuận chậm và phần nào Bạn lo ngại ta trong khi triển khai quan hệ với các đối tượng khác có thể xem nhẹ quan hệ với Lào).

IV- NHỮNG VIỆC CẦN LÀM TIẾP

1. Phân ban hợp tác liên Chính phủ Việt - Lào cần rà soát lại các chương trình hợp tác giữa hai nước, vạch kế hoạch cụ thể cho các bước tới.

2. Bộ Thương mại và Du lịch sớm gấp Bạn để kiểm điểm lại việc hợp tác xuất nhập khẩu và thỏa thuận chương trình hợp tác giữa hai nước về lĩnh vực này để trình hai Chính phủ trong tháng 3/1992.

- Xúc tiến việc lập nhóm chuyên gia nghiên cứu luận chứng kinh tế, kỹ thuật, để xuất hình thức và cơ chế hợp tác cảng Hòn La và đường 12 trong tháng 3/1992 để có thể sớm triển khai công việc.

- Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Ban Biên giới và các ngành liên quan sớm gấp Bạn để trao đổi và thỏa thuận về các vấn đề kiều dân, vấn đề lãnh sự, qua lại biên giới.

- Cuộc gặp (không chính thức) giữa hai Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng để xem xét việc triển khai và thúc đẩy thực hiện các thỏa thuận đã được hai Chủ tịch thỏa thuận trong ngày gần đây.

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Bộ Thương mại, hồ sơ số 569.

PHÁT BIỂU
TẠI CUỘC GẶP GIỚI KINH DOANH
Ở ÔXTRÂYLIA

Ngày 29 tháng 5 năm 1993

Thưa quý vị,

Hôm nay, tôi rất vui mừng được gặp mặt đông đảo các vị đại diện của giới kinh doanh Ôxtrâylia tại Sydney - một trung tâm kinh tế - thương mại nổi tiếng của Ôxtrâylia và thế giới. Tôi xin chân thành cảm ơn Hội đồng doanh nghiệp Ôxtrâylia đã tạo cho tôi cơ hội quý báu này để gặp gỡ các bạn. Sự có mặt của quý vị chứng tỏ mối quan tâm thực sự của giới kinh doanh Ôxtrâylia đối với Việt Nam; đồng thời cũng cho thấy vai trò to lớn của Hội kinh doanh thương mại Ôxtrâylia - Việt Nam trong việc thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế. Cuộc tiếp xúc và làm việc của tôi với ngài Thủ tướng và các vị bộ trưởng trong những ngày qua đã có sự nhất trí với nhau trên những vấn đề, mở ra một giai đoạn mới trong quan hệ giữa hai nước chúng ta.

Hôm nay tôi xin trình bày với các vị về ba loại vấn đề: *một là*, tình hình thực hiện công cuộc đổi mới ở Việt Nam; *hai là*, chính sách mở rộng hợp tác kinh tế với nước ngoài; và *ba là*, quan hệ kinh tế giữa Việt Nam với Ôxtrâylia

Thưa quý vị,

Trong những năm qua, Việt Nam đã tiến hành chính sách đổi mới về mọi mặt, trước hết là về kinh tế. Nội dung cơ bản của



chính sách đổi mới trong lĩnh vực kinh tế là phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, chuyển từ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước ở tầm vĩ mô, mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài theo phương châm đa dạng hóa và đa phương hóa.

Chính sách đó nhằm mục tiêu khơi dậy tiềm năng của mọi thành phần kinh tế, năng lực sáng tạo của mọi người dân, từ đó phát triển sản xuất, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, đưa đất nước ra khỏi sự khủng hoảng về kinh tế - xã hội và có những bước phát triển tiếp theo, đổi phó với thách thức mới và đón bắt vận hội mới.

Chúng tôi tiến hành chính sách đổi mới trong hoàn cảnh rất khó khăn do trình độ phát triển kinh tế của đất nước quá thấp, Việt Nam là nước duy nhất trên thế giới trải qua gần 1/2 thế kỷ chiến tranh liên miên và vô cùng ác liệt, hàng chục năm trời bị bao vây, cấm vận. Những sai lầm của bản thân chúng tôi về kinh tế cũng để lại những hậu quả không nhỏ; những sự đảo lộn trên chính trường và thị trường thế giới đặt đất nước chúng tôi trước những thử thách rất nghiêm trọng.

Mặc dầu vậy, nhân dân chúng tôi đã phát huy ý chí tự lực tự cường và tinh thần sáng tạo vốn có, vượt qua khó khăn, giành những thành tựu bước đầu rất quan trọng, tạo ra cục diện mới về kinh tế - xã hội.

Tôi hài lòng thông báo với quý vị rằng, năm 1992 Việt Nam không những đã đứng vững trong cơn thử thách mà còn giành những thành công rất đáng tự hào; sản xuất gia tăng đáng kể, lạm phát bị đẩy lùi, quan hệ kinh tế đối ngoại được mở rộng.

So với năm 1991, tổng sản phẩm nội địa (GDP) tăng 8,0%, sản lượng công nghiệp tăng 14,5%, sản lượng nông nghiệp tăng 4,4%,



trong đó lương thực tăng 9%, đầu tư cơ bản của Nhà nước tăng 25%. Thành tựu này tạo đà mới cho sự phát triển vào những năm tiếp theo.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, từ tình trạng mẩy chục năm trời thường xuyên thiếu lương thực, hằng năm phải nhập khẩu từ nửa triệu tới 1 triệu tấn lương thực, từ năm 1989 Việt Nam không những đã tự túc được lương thực, tăng được dự trữ mà còn xuất khẩu được một lượng lớn. Nếu như sản lượng bình quân năm 1981 - 1985 chỉ đạt 17 triệu tấn thì 1986 - 1990 đã đạt bình quân 19,7 triệu tấn/năm, riêng năm 1991 đạt 21,5 triệu tấn và 1992 đạt tới 24 triệu tấn. Từ năm 1989, hằng năm Việt Nam xuất khẩu từ 1 đến 1,5 triệu tấn gạo và riêng năm 1992 đã xuất tới 2 triệu tấn gạo. Trở thành nước xuất khẩu gạo lớn thứ ba sau Mỹ và Thái Lan.

Sản xuất công nghiệp sau mấy năm giảm sút, từ năm 1990 bắt đầu tăng trưởng, đạt 4,5%, năm 1991 là 5,3% và năm 1992 tăng tới 14,5%. Những ngành gia tăng sản lượng nhiều là điện, dầu khí, ximăng, than, hàng tiêu dùng. Nét nổi bật là năm 1992 cả công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương, khu vực quốc doanh và khu vực tư nhân đều tăng trưởng khá.

Mặc dù Việt Nam tiếp tục bị bao vây, cấm vận các thể chế tài chính tiền tệ quốc tế không những không cho vay mà Quỹ Tiền tệ quốc tế còn đòi trả nợ. Viện trợ từ bên ngoài giảm mạnh, Việt Nam đã đẩy lùi được nạn lạm phát phi mã. Đó là một thành tựu rất đáng kể. Từ mức lạm phát 774% trong năm 1986 và gần 400% năm 1988, chúng tôi đã đưa xuống mức 34,7% năm 1989 và 14% năm 1992. Tất nhiên mức lạm phát này còn cao so với nhiều nước, nhưng đối với chúng tôi đó là con số đáng khích lệ. Giá trị đồng tiền Việt Nam đang được nâng cao, tỷ giá hối đoái ổn định.



Quan hệ kinh tế đối ngoại của Việt Nam cũng có bước phát triển mạnh mẽ mới. Tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam trong những năm 1981 - 1985 trung bình năm chỉ đạt 578 triệu USD, thì 1968 - 1990 trung bình năm đã đạt 1.370 triệu USD, riêng năm 1992 đạt gần 2,5 tỉ USD. Tất nhiên con số 2,5 tỉ còn quá nhỏ, nhưng là một bước chuyển biến quan trọng, tốc độ gia tăng xuất khẩu khá cao: năm 1992 so với 1991 là 19%. Khoảng cách giữa xuất và nhập thu hẹp dần: nếu như năm 1986 xuất khẩu chỉ bằng 1/3 nhập khẩu thì đến năm 1991 xuất khẩu đã cân bằng với nhập khẩu và năm 1992 thậm chí còn xuất siêu một chút.

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt Nam tăng với tốc độ nhanh. Từ khi Luật đầu tư [nước ngoài tại Việt Nam]¹ được thông qua vào năm 1987 đến nay đã có khoảng 40 nước đầu tư trực tiếp vào Việt Nam với 560 dự án, đưa tổng số vốn đầu tư đăng ký lên 5,2 tỉ USD. Riêng năm 1992 vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tăng gấp hơn 2 lần năm 1991, trong khi năm 1991 bằng cả 3 năm trước đó cộng lại.

Đặc biệt là năm 1992 đã kết thúc với những thành công tương đối toàn diện: lần đầu tiên trong lịch sử, Việt Nam thực hiện thành công vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu đã được Quốc hội thông qua. So với năm 1991 tổng sản phẩm nội địa (GDP) tăng 8,0%, sản lượng công nghiệp tăng 14,5%, sản lượng nông nghiệp tăng 4,4%, trong đó lương thực tăng 9%, đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước tăng 25%; chấm dứt thời kỳ suy thoái trong một số ngành và khu vực kinh tế. Thành tựu này đã tạo đà mới cho sự phát triển vào những năm tiếp theo.

Bên cạnh sự đổi mới về kinh tế, chúng tôi đồng thời quan tâm tới sự đổi mới về chính trị - xã hội. Xuất phát từ đặc điểm của

1. Những từ trong [] do chúng tôi thêm vào (B.T).



đất nước và rút kinh nghiệm cải cách ở một số nước khác, chúng tôi dành ưu tiên cho sự đổi mới về kinh tế trên cơ sở bảo đảm ổn định về chính trị - xã hội, đồng thời có bước đi thích hợp để xúc tiến sự cải cách hệ thống chính trị, giải quyết các vấn đề xã hội. Thực tiễn chứng tỏ rằng, sự lựa chọn đó là hoàn toàn đúng, củng cố niềm tin của nhân dân, tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển và mở rộng hợp tác quốc tế, giữ vững bản sắc văn hóa của dân tộc mình.

Những thành tựu bước đầu chúng tôi đã đạt được là hết sức quan trọng, song những thách thức mới còn ở phía trước, chúng tôi còn đứng trước những nhiệm vụ nặng nề.

Hiện nay Việt Nam vẫn còn là nước nông nghiệp lạc hậu, tổng sản phẩm quốc dân tính theo đầu người chỉ khoảng 200 USD, trong khi đó nhờ hoàn cảnh khách quan thuận lợi hơn, nhiều nước trong khu vực đã có sự phát triển nhanh chóng, một số nước đã trở thành nước công nghiệp mới (NIC).

Tình hình đó đặt ra cho Việt Nam sự thách thức không nhỏ. Trong bối cảnh như vậy, chúng tôi đặt ra cho mình mục tiêu tổng quát đến năm 2000 là ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế - xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, cải thiện đời sống nhân dân, tạo điều kiện cho đất nước phát triển nhanh hơn vào đầu thế kỷ XXI. Chúng tôi dự kiến phấn đấu đưa tổng sản phẩm trong nước (GDP) tới năm 2000 tăng khoảng gấp đôi so với hiện nay. Đó cũng sẽ là quá trình chuyển hóa từ nước nông nghiệp chuyển dần thành nước công nghiệp.

Để đạt được mục tiêu này chúng tôi kiên trì chính sách đổi mới, phát huy đến mức cao nhất tinh thần tự lực, tự cường của nhân dân, với khẩu hiệu “dân giàu, nước mạnh”, đồng thời ra sức mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.



Thưa quý vị,

Cũng như đối với bất kỳ nước nào khác, để phát triển Việt Nam cần có môi trường quốc tế ổn định, bên cạnh việc phát huy tinh thần lao động cần cù và tính sáng tạo của nhân dân mình, Việt Nam cần có vốn kỹ thuật, công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến của các nước trên thế giới.

Phù hợp với nguyên vọng tạo môi trường quốc tế hòa bình, ổn định để phát triển, phù hợp với xu thế chung của thế giới và khu vực trong hoàn cảnh xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa gia tăng, Việt Nam thực hiện chính sách đổi ngoại rộng mở theo tinh thần “Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế phấn đấu cho hòa bình và phát triển”.

Theo chính sách đó, đã đậm bông kết trái. Quan hệ giữa Việt Nam với nhiều nước trên thế giới đã được cải thiện và mở rộng mạnh mẽ. Quan hệ giữa Việt Nam và các nước Đông Nam Á chưa bao giờ tốt như hiện nay, lần đầu tiên trong lịch sử, Việt Nam đã có quan hệ đầy đủ với tất cả các nước trong khu vực Đông Nam Á, đã tham gia Hiệp ước Bali và là quan sát viên của ASEAN và sẵn sàng gia nhập ASEAN vào thời gian thích hợp. Các nước Đông Nam Á đều gia tăng nhanh chóng quan hệ buôn bán và đầu tư vào Việt Nam. Quan hệ giữa Việt Nam và các nước Tây Bắc Âu đã bước sang giai đoạn mới; hầu hết các nước này mở lại quan hệ bình thường với Việt Nam, dành cho Việt Nam viện trợ phát triển chiếm khoảng 1/2 tổng số vốn đầu tư của nước ngoài ở Việt Nam, nhất là về dầu khí, viễn thông. Quan hệ giữa Việt Nam với EC, kể cả về kinh tế - thương mại cũng đang được mở rộng. Việc Tổng thống Pháp Mitterrand thăm Việt Nam và tuyên bố tăng gấp đôi viện trợ cho Việt Nam năm 1993 là một



bằng chứng sinh động nói lên điều đó. Việt Nam đã bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, sự giao lưu về kinh tế thương mại gia tăng nhanh chóng. Quan hệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ cũng đang được cải thiện từng bước, nhiều nhà kinh doanh Hoa Kỳ đang vào Việt Nam để tìm hiểu tình hình, lập văn phòng đại diện, ký hợp đồng. Chúng tôi hy vọng Chính phủ Hoa Kỳ sớm bình thường hóa quan hệ với Việt Nam. Các tổ chức tài chính tiền tệ lớn trên thế giới như IMF, WB, ADB đánh giá cao chính sách về thành tựu đổi mới của Việt Nam và đã cử nhiều đoàn chuyên gia vào giúp Việt Nam làm chương trình cơ cấu lại nền kinh tế và chuẩn bị các dự án giúp. Các tổ chức quốc tế trong hệ thống Liên hợp quốc như UNDP, UNICEF, UNFPA, PAM, FAO... đều có những chương trình dài hạn giúp đỡ Việt Nam. Quan hệ giữa Việt Nam với nhiều nước khác trong cộng đồng quốc tế cũng đang được mở rộng và phát triển.

Trong quan hệ quốc tế, chúng tôi đặc biệt coi trọng việc mở rộng sự hợp tác kinh tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi. Bên cạnh việc tranh thủ viện trợ phát triển, chúng tôi cho rằng đầu tư trực tiếp là hình thức quan trọng bậc nhất vì nó đem lại lợi ích cho cả hai bên, tạo cơ sở cho sự hợp tác lâu dài.

Chính vì vậy mà năm 1987, Quốc hội nước chúng tôi đã thông qua Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Các nhà kinh doanh nước ngoài đánh giá đạo luật của Việt Nam là một trong những đạo luật tạo thuận lợi bậc nhất cho nhà đầu tư nước ngoài. Điều đó thể hiện trên nhiều điều khoản, trong đó nổi bật nhất là:

- Chính phủ Việt Nam đảm bảo xí nghiệp vốn đầu tư nước ngoài không bị quốc hữu hóa.
- Người nước ngoài có thể là tổng giám đốc.



- Không quy định hạn chế mức cao nhất phần góp vốn của bên nước ngoài; thậm chí Việt Nam chấp nhận và khuyến khích cả hình thức xí nghiệp 100% vốn nước ngoài;

- Xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng chỉ phải nộp thuế lợi tức từ 15% đến 25% lợi nhuận thu được; khi chuyển lợi nhuận ra nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài chỉ phải nộp một khoản thuế từ 5% đến 10%...

- Từ sau năm 1987 đến nay, Quốc hội Việt Nam đã 2 lần sửa đổi, bổ sung Luật đầu tư [nước ngoài tại Việt Nam]¹ nhằm tạo nhiều thuận lợi hơn nữa cho các nhà đầu tư như cho phép mọi thành phần kinh tế, kể cả tư nhân được liên doanh với nước ngoài, cho phép xây dựng các khu chế xuất và hình thức xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT). Kéo dài thời gian hoạt động của xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có thể tới 50 - 70 năm, v.v.. Việt Nam cũng cho phép các ngân hàng nước ngoài mở chi nhánh, liên doanh ở Việt Nam.

- Chính chính sách rộng mở như vậy đã tạo ra sức hút đáng kể đối với giới kinh doanh nước ngoài; số lượng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam gia tăng nhanh chóng như trên đã nói. Bên cạnh Luật đầu tư [nước ngoài tại Việt Nam]² có sức hấp dẫn cao. Việt Nam có những thuận lợi cơ bản là:

- Việt Nam là một thị trường khá lớn với hơn 70 triệu dân;
- Việt Nam có vị trí địa lý thuận lợi, nằm ở khu vực phát triển năng động nhất của thế giới, trên trực đường giao thông quốc tế quan trọng;
- Việt Nam có tài nguyên đa dạng như than, dầu khí, quặng sắt, bôxít, apatit, kim loại màu, đá quý...

1, 2. Những từ trong [] do chúng tôi thêm vào (B.T).



- Tình hình chính trị, xã hội ổn định;
- Và điều quan trọng nhất Việt Nam có lực lượng lao động đông đảo, cần cù, khéo tay, có trình độ văn hóa cao, giá rẻ.

Về lĩnh vực đầu tư, Nhà nước chúng tôi khuyến khích việc đầu tư vào các lĩnh vực như: sản xuất hàng xuất khẩu và thay thế hàng nhập khẩu, đầu tư chi tiêu sâu tận dụng các cơ sở hiện có, sử dụng nhiều lao động và tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam cũng như áp dụng kỹ thuật cao, các công trình kết cấu hạ tầng và dịch vụ. Ủy ban Hợp tác và Đầu tư của Việt Nam sẵn sàng cung cấp cho các vị danh mục các công trình cụ thể.

Về khu vực địa lý, chúng tôi khuyến khích đầu tư vào các tỉnh miền Bắc và miền Trung cũng như miền núi giàu tài nguyên.

Đương nhiên, Việt Nam còn gặp không ít khó khăn như kết cấu hạ tầng chưa phát triển, nhất là các tỉnh miền Bắc và miền Trung, hệ thống luật pháp chưa hoàn chỉnh; hệ thống tài chính, ngân hàng chưa hoàn thiện; cơ chế quản lý có nơi, có khâu còn quan liêu; cán bộ chưa quen làm ăn với nước ngoài. Đó là những khó khăn tạm thời, khó tránh khỏi trong giai đoạn đầu và chúng tôi đang tích cực, chủ động khắc phục một cách có kết quả.

Thưa quý vị,

Việt Nam và Ôxtrâylia cùng nằm trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương - một khu vực phát triển rất năng động, một trung tâm kinh tế đang được cả thế giới quan tâm. Kể từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao với nhau (26/02/1973), nhân dân hai nước đã có sự hiểu biết và thông cảm lẫn nhau. Mỗi quan hệ hợp tác giữa hai nước đã ngày càng được củng cố và mở rộng trên mọi lĩnh vực. Các cuộc tiếp xúc thăm viếng lẫn nhau của đại diện hai nước, nhất là trên lĩnh vực kinh doanh, thương mại,



đã trở thành thường xuyên hơn. Quan hệ buôn bán không ngừng được gia tăng. Nhiều công ty Ôxtrâylia đã vào thăm, tìm hiểu và thiết lập được mối quan hệ hợp tác lâu dài với Việt Nam. Không ít dự án liên doanh đã được ký kết. Ôxtrâylia hiện là nước đứng hàng thứ 4 trong lĩnh vực đầu tư vào Việt Nam. Cầu hàng không hai nước đã được thiết lập.

Ngày nay, môi trường khu vực đang tạo điều kiện thuận lợi cho hai nước chúng ta tăng cường và phát triển hữu nghị và sự hợp tác bình đẳng cùng có lợi. Chúng tôi hy vọng rằng chuyến đi thăm Ôxtrâylia của chúng tôi và đặc biệt cuộc gặp gỡ trao đổi thân tình với các vị hôm nay, sẽ là một mốc mới theo hướng đó.

Theo chúng tôi, hai nền kinh tế của chúng ta có thể bổ sung cho nhau: Việt Nam có tài nguyên đa dạng, lao động cần cù, Ôxtrâylia có vốn và công nghệ tiên tiến. Sự kết hợp lợi thế tương đối giữa hai nước sẽ là một đóng góp quan trọng cho sự phồn vinh của hai nước cũng như sự phồn vinh của cả khu vực.

Nhân gặp gỡ các vị ở đây, tôi xin nhấn mạnh một số điểm:

Một là, mục tiêu phấn đấu của chúng tôi đến năm 2000 là tăng gấp đôi sản phẩm xã hội, để thực hiện được điều đó, ngoài việc động viên vốn trong nước chúng tôi coi trọng việc huy động vốn của nước ngoài, chí ít là khoảng 2 tỉ/năm. Chúng tôi mong rằng Ôxtrâylia nói chung và các nhà kinh doanh Ôxtrâylia nói riêng với tiềm năng dồi dào có thể đóng góp phần đáng kể vào việc đáp ứng nhu cầu này.

Hai là, quan hệ kinh tế thương mại giữa hai nước trong thời gian qua đã tăng đáng kể (năm 1990: 50 triệu USD, năm 1991: 70 triệu USD và năm 1992 là 100 triệu USD). Chúng ta đều phấn khởi về chiều hướng này, nhưng đồng thời cũng phải thấy khôi lượng buôn bán đó còn quá nhỏ so với tiềm năng của hai nước.



Chúng tôi cho rằng cả hai bên cùng nhau cố gắng và có những biện pháp tích cực để khắc phục tình hình trên. Việc Ôxtrâylia lập quỹ hỗ trợ xuất khẩu của Việt Nam, đẩy mạnh việc nhập các mặt hàng thích hợp của Việt Nam và tăng cường đầu tư trực tiếp để gia tăng khả năng xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang Ôxtrâylia, chẳng những thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa của Việt Nam mà còn giúp Việt Nam gia tăng xuất khẩu. Điều đó cũng hoàn toàn phù hợp với chính sách của Ôxtrâylia muốn đẩy mạnh hơn nữa sự liên kết kinh tế khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Ba là, trong việc đầu tư vào Việt Nam lúc này, chúng tôi hy vọng quý vị quan tâm tới những công trình ưu tiên của chúng tôi về kết cấu hạ tầng, công nghiệp chế tạo và về những ngành mà các vị có thế mạnh như khai khoáng, môi trường và chế biến nông, hải sản, rừng... ở cả 3 vùng Bắc, Trung, Nam của Việt Nam.

Bốn là, bên cạnh sự hợp tác với các công ty và tập đoàn lớn của Ôxtrâylia, chúng tôi đánh giá cao sự hợp tác với các công ty nhỏ và vừa với những hình thức thích hợp có hiệu quả và phù hợp với trình độ phát triển của Việt Nam.

Chúng tôi tin rằng, chuyến thăm Ôxtrâylia của chúng tôi, những thỏa thuận giữa chúng tôi với Chính phủ Ôxtrâylia sẽ mở ra cơ hội thuận lợi mới cho các vị vào kinh doanh ở Việt Nam. Chính phủ Việt Nam hoan nghênh các công ty Ôxtrâylia vào làm ăn ở Việt Nam và sẽ tạo thêm nhiều điều kiện tốt hơn nữa cho các công ty của quý vị. Cánh cửa hợp tác của Việt Nam đang rộng mở đón chờ đón quý vị.

Xin cảm ơn sự chú ý của quý vị.

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 19495.

THƯ GỬI
NGÀI V. S. CHERNOMUĐIN,
CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ LIÊN BANG NGA
VỀ VẤN ĐỀ TRẢ LƯƠNG CHO CHUYÊN GIA NGA
TRONG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH DẦU KHÍ
VIETSOVPETRO NĂM 1997

Ngài Chủ tịch Chính phủ thân mến,

Trong 15 năm qua Xí nghiệp liên doanh về thăm dò và khai thác dầu khí tại thềm lục địa phía Nam Việt Nam (Vietsovpetro) đã có nhiều đóng góp đáng kể cho sự phát triển kinh tế Việt Nam, phát triển sự hợp tác Việt - Nga và trở thành xí nghiệp chủ chốt của ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam. Trong sự nghiệp này có công sức quan trọng của các chuyên gia Nga.

Dánh giá tâm quan trọng của các chuyên gia Nga trong Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro, phía Việt Nam đã và đang dành nhiều ưu đãi cho các chuyên gia Nga, phù hợp với quy chế về cán bộ công nhân viên của Xí nghiệp liên doanh đã được hai phía thông qua.

Hai phía tham gia Xí nghiệp liên doanh không ngừng thúc đẩy quá trình hoàn thiện và nâng cao kết quả hoạt động của Xí nghiệp liên doanh và gắn bó với nó là nâng cao thu nhập của cán bộ, công nhân viên người Nga và người Việt Nam. Việc xem xét tiền lương cho chuyên gia Nga trong Xí nghiệp liên doanh



Vietsovpetro cần xuất phát từ thu nhập thực tế của chuyên gia Nga, bao gồm các khoản ưu đãi dành cho chuyên gia Nga mà chuyên gia dầu khí của các xí nghiệp liên doanh với các nước khác không được hưởng.

Cũng trong thời gian qua đã và đang diễn ra quá trình dần dần thay thế chuyên gia Nga bằng các chuyên gia Việt Nam, phù hợp với thỏa thuận của hai phía. Riêng trong năm 1996 các chuyên gia Việt Nam đã thay thế 186 chức danh của chuyên gia Nga và theo kế hoạch năm 1997 sẽ có 202 chức danh của chuyên gia Nga được thay thế bằng các chuyên gia Việt Nam. Điều này giải thích một phần việc các chuyên gia Nga làm việc trong Xí nghiệp liên doanh về nước trước thời hạn. Hai phía tham gia Xí nghiệp liên doanh cũng đang thực hiện những thỏa thuận về khuyến khích vật chất đối với các chuyên gia Nga mà phía Việt Nam chưa thay thế được.

Ngài Chủ tịch Chính phủ kính mến,

Tôi tin tưởng sâu sắc rằng với sự quan tâm và hỗ trợ của hai Chính phủ hai nước và đặc biệt của Ngài, các vấn đề nêu trên sẽ được giải quyết một cách tích cực, vì lợi ích của hai nước và phát triển mạnh mẽ sự hợp tác giữa hai nước chúng ta.

Xin gửi Ngài lời chào kính trọng sâu sắc.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Võ Văn Kiệt

Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng Văn phòng Chính phủ, hồ sơ số 11307.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- <i>Lời nói đầu</i>	5
Phân I	
DẤU ẤN VÕ VĂN KIỆT	
TRONG LĨNH VỰC KINH TẾ	9
- Phát biểu kết luận Hội nghị bàn việc thực hiện Nghị quyết số 31-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 31/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng với các tỉnh Nam Bộ, ngày 30, 31 tháng 3 năm 1986	11
- Phát biểu kết luận Hội nghị bàn việc thực hiện Nghị quyết số 31-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 31/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng với các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, họp tại Hà Nội, ngày 09, 10 tháng 4 năm 1986	25
- Phát biểu kết luận Hội nghị các tỉnh duyên hải miền Trung và Tây Nguyên về triển khai thực hiện Nghị quyết số 31-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 31/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, họp tại Nghĩa Bình, ngày 11, 12 tháng 4 năm 1986	36
- Phát biểu kết luận Hội nghị các tỉnh Nam Bộ bàn việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 31/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng tại Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01, 02 tháng 5 năm 1986	47



- Phát biểu tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng về phương hướng, mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm 1986 - 1990, ngày 15 tháng 12 năm 1986	61
- Báo cáo tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa VIII về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1986 - 1990 và năm 1988, ngày 23 tháng 12 năm 1987	118
- Phát biểu tại Hội nghị xét duyệt sơ đồ phát triển và phân bố lực lượng sản xuất tỉnh Phú Khánh giai đoạn 1986 - 2000, (<i>Lược ghi</i>) ngày 06, 07 tháng 02 năm 1988	174
- Báo cáo tại Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa VIII những vấn đề chủ yếu về kinh tế - xã hội năm 1989, ngày 13 tháng 12 năm 1988	189
- Thông báo của Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng số 712/TB, ngày 28 tháng 4 năm 1989 kết luận của Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt về một số vấn đề thuộc quận Côn Đảo, Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo	230
- Thư gửi ông Hoàng Ngọc Diêu, Tổng Cục trưởng Tổng cục Hàng không Dân dụng và gửi Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng, ngày 30 tháng 6 năm 1989	233
- Công văn số 1167/PPLT, ngày 01 tháng 7 năm 1989 về vấn đề sản xuất, tiêu thụ, xuất khẩu bột củ mì (sắn)	235
- Báo cáo về tình hình xuất khẩu, dự trữ và trả nợ lương thực bảy tháng đầu năm 1989, ngày 12 tháng 8 năm 1989	237
- Công văn số 2003/Pg, ngày 21 tháng 11 năm 1989 về kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1990	246



- Trả lời phỏng vấn báo <i>Tuổi trẻ</i> về công cuộc đổi mới năm 1990 và mũi đột phá đổi mới ngân hàng, tháng 12 năm 1989	250
- Trả lời phỏng vấn Đài Tiếng nói Việt Nam về kết quả Khóa họp 45 Hội đồng Tương trợ kinh tế, ngày 23 tháng 01 năm 1990	255
- Phát biểu tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa VIII về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1991, ngày 05 tháng 12 năm 1990	261
- Báo cáo của Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng số 254/QT, ngày 26 tháng 01 năm 1991 kết luận của Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt tại Hội nghị với chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu phía Nam ngày 18/01/1991	287
- Báo cáo tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa VIII về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 1995 và năm 1992, ngày 10 tháng 12 năm 1991	295
- Thông báo của Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng số 02/TB, ngày 13 tháng 01 năm 1992 kết luận của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt tại Hội nghị vùng cao và dân tộc Mông các tỉnh phía Bắc	320
- Thông báo của Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng số 28/TB, ngày 03 tháng 4 năm 1992 kết luận của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt tại Hội nghị bàn về đẩy mạnh khai thác Đồng Tháp Mười	327
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 52/TB, ngày 02 tháng 3 năm 1993 kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt về kế hoạch và ngân sách năm 1993 của Thành phố Hà Nội	333



- Ngành tư pháp phấn đấu vươn lên về mọi mặt, hoàn thành tốt trách nhiệm trong cơ chế mới, ngày 03 tháng 3 năm 1993	341
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 185/TB, ngày 22 tháng 6 năm 1993 kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc với lãnh đạo Bộ Công nghiệp nhẹ ngày 08/5/1993	349
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 219/TB, ngày 21 tháng 8 năm 1993 ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc với Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ngày 13/8/1993	352
- Báo cáo tại Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa IX đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế, ổn định chính trị, xã hội, đưa đất nước vào thời kỳ mới của sự phát triển, ngày 06 tháng 12 năm 1993	356
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 31/TB, ngày 11 tháng 3 năm 1994 kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt về một số vấn đề kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh trong hai năm 1993 - 1994, ngày 14/02/1994	390
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 34/TB, ngày 15 tháng 3 năm 1994 kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ngày 15/02/1994	399
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 42/TB, ngày 23 tháng 3 năm 1994 ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Hà Giang ngày 21/3/1994	402



- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 58/TB, ngày 21 tháng 4 năm 1994 kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Quảng Trị ngày 13/4/1994 409
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 102/TB, ngày 08 tháng 8 năm 1994 kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt về xây dựng các công trình lưới điện trong các năm 1994 - 1995 414
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 109/TB, ngày 25 tháng 8 năm 1994 kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Hà Bắc ngày 09, 10/8/1994 418
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 115/TB, ngày 05 tháng 9 năm 1994 ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ngày 19/8/1994 426
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 116/TB, ngày 12 tháng 9 năm 1994 ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại cuộc họp với lãnh đạo tỉnh Hải Hưng ngày 12/8/1994 429
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 117/TB, ngày 12 tháng 9 năm 1994 ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại cuộc họp với lãnh đạo tỉnh Ninh Bình ngày 17/8/1994 434
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 122/TB, ngày 17 tháng 9 năm 1994 kết luận của Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Lạng Sơn ngày 10/9/1994 439



- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 123/TB, ngày 21 tháng 9 năm 1994 ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Thanh Hóa ngày 20/8/1994	444
- Phát biểu tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa IX tiến vào thời kỳ phát triển mới của đất nước, ngày 20 tháng 10 năm 1994	452
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 152/TB, ngày 21 tháng 11 năm 1994 ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại cuộc họp với ngành dầu khí Việt Nam ngày 05/11/1994	488
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 163/TB, ngày 01 tháng 12 năm 1994 ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc với tỉnh Đăk Lăk ngày 18/11/1994	492
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 07/TB, ngày 23 tháng 01 năm 1995 kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1995 của Thành phố Hồ Chí Minh	496
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 28/TB, ngày 27 tháng 02 năm 1995 ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ngày 14/02/1995	505
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 33/TB, ngày 03 tháng 3 năm 1995 kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Hà Giang ngày 21/02/1995	509



- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 43/TB, ngày 20 tháng 3 năm 1995 kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Hòa Bình ngày 25/02/1995 515
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 45/TB, ngày 01 tháng 4 năm 1995 kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc với tỉnh Hà Tây ngày 14/3/1995 520
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 49/TB, ngày 06 tháng 4 năm 1995 kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc với tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng ngày 23/3/1995 526
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 60/TB, ngày 25 tháng 4 năm 1995 kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc với tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 07/4/1995 533
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 95/TB, ngày 18 tháng 7 năm 1995 kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt về việc sử dụng đất nông nghiệp cho phát triển công nghiệp và đô thị đến năm 2000 và 2010 của Thủ đô Hà Nội 538
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 105/TB, ngày 17 tháng 8 năm 1995 ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt về kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng 541
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 144/TB, ngày 22 tháng 8 năm 1995 ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi 547



- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 137/TB, ngày 09 tháng 10 năm 1995 kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt về việc Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam thực hiện chức năng kinh doanh xuất, nhập khẩu các sản phẩm dầu khí	553
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 143/TB, ngày 25 tháng 10 năm 1995 về buổi làm việc của Thủ tướng Võ Văn Kiệt với tỉnh Bắc Thái, ngày 18/9/1995	555
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 160/TB, ngày 23 tháng 12 năm 1995 ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc với tỉnh Bình Định ngày 24/11/1995	557
- Phát biểu tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa IX, ngày 12 tháng 3 năm 1996	561
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 54/TB, ngày 15 tháng 6 năm 1996 kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt về Báo cáo Dự án tiền khả thi Nhà máy Thủy điện Sơn La	575
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 60/TB, ngày 25 tháng 7 năm 1996 ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt về những việc phải làm gấp để thực hiện chính sách tiền lương	579
- Phát biểu tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa IX phát huy sức mạnh toàn dân, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo tinh thần đổi mới, (Trích) ngày 15 tháng 10 năm 1996	582
- Phát biểu tại Kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa IX báo cáo công tác của Chính phủ nhiệm kỳ 1992 - 1997, ngày 02 tháng 4 năm 1997	613



- Thông báo của Văn phòng Chính phủ, ngày 09 tháng 4 năm 1997 ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc với tỉnh Gia Lai ngày 09/4/1997 636
- Hồ sơ của Văn phòng Chính phủ, ngày 13 tháng 4 năm 1997 ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Võ Văn Kiệt sau buổi làm việc với tỉnh Đăk Lăk ngày 13/4/1997 639
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 100/TB, ngày 19 tháng 8 năm 1997 ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt về quy hoạch phát triển, xây dựng chuỗi đô thị Miếu Môn - Xuân Mai - Hòa Lạc - Sơn Tây, tỉnh Hà Tây 643
- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 789/TTg, ngày 24 tháng 9 năm 1997 phê duyệt quy hoạch tổng thể xa lộ Bắc Nam 649
- Thư của đồng chí Võ Văn Kiệt số 89/NH, ngày 19 tháng 7 năm 1999 655
- Thư của đồng chí Võ Văn Kiệt số 74/TS, ngày 27 tháng 8 năm 2000 658

Phần II
**DẤU ẨN VÕ VĂN KIỆT
TRONG LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI** 663

- Báo cáo về Hội nghị phân bổ lao động và dân cư các tỉnh Nam Bộ số 248/Pg, ngày 15, 16 tháng 02 năm 1986 665
- Thư gửi Ủy ban Kế hoạch Nhà nước về vấn đề phê bình, tự phê bình, ngày 04 tháng 6 năm 1986 668
- Thư gửi ông Hoàng Quy, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước về cung cấp vật tư, giải quyết khắc phục hậu quả lũ lụt tại tỉnh Lạng Sơn, ngày 02 tháng 8 năm 1986 670



- Báo cáo về tình hình lũ lụt tại các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng và Bắc Thái, ngày 06 tháng 8 năm 1986	672
- Phát biểu tại Hội nghị vùng cao và dân tộc Mông các tỉnh phía Bắc, ngày 28 tháng 12 năm 1991 (<i>Trích</i>)	680
- Lược ghi ý kiến của đồng chí Võ Văn Kiệt tại buổi thăm và làm việc với Viện Khoa học xã hội Việt Nam, ngày 26 tháng 6 năm 1992	691
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 30/TB, ngày 29 tháng 12 năm 1992 về cuộc họp của Thủ tướng Võ Văn Kiệt với lãnh đạo các cơ quan bảo vệ pháp luật bàn việc xét xử các vụ án quan trọng về tham nhũng, buôn lậu ngày 23/12/1992	694
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 03/TB, ngày 06 tháng 01 năm 1994 kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt về công tác bảo tồn, bảo tàng	699
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 32/TB, ngày 14 tháng 3 năm 1994 kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt về xây dựng và phát triển hai ngành Phát thanh và Truyền hình Việt Nam ngày 01/3/1994	702
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 04/TB, ngày 06 tháng 01 năm 1995 ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt trong buổi làm việc với lãnh đạo Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia ngày 25/12/1994	706
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 10/TB, ngày 08 tháng 02 năm 1995 ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt về công tác quản lý nhà nước đối với báo chí và xuất bản	710
- Phát biểu tại Hội nghị Chính phủ với lãnh đạo các tỉnh, thành phố, ngày 15 tháng 01 năm 1997	713



- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 38/TB, ngày 08 tháng 4 năm 1997 ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc với Bộ Văn hóa - Thông tin ngày 20/3/1997 721
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 78/TB, ngày 16 tháng 7 năm 1997 ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi làm việc với Bộ Văn hóa - Thông tin về việc quản lý các di tích lịch sử - văn hóa ngày 27/7/1997 726
- Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 80/TB, ngày 17 tháng 7 năm 1997 ý kiến của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại buổi đến thăm và làm việc với Nhạc viện Hà Nội ngày 10/7/1997 731
- Đại đoàn kết dân tộc - cội nguồn sức mạnh của chúng ta 734
- Đừng để người nghèo bị gạt ra bên lề 743

Phân III
DẤU ẨN VÕ VĂN KIỆT
TRONG HOẠT ĐỘNG NGOẠI GIAO 749

- Phát biểu tại Hội đàm giữa hai đoàn đại biểu Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Việt Nam và Lào tại Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 1983 751
- Bản ghi nhớ về cuộc trao đổi ý kiến giữa đồng chí Võ Văn Kiệt, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng với đồng chí X. Bônhép, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Bungari, ngày 11 tháng 4 năm 1984 759
- Thư gửi ngài Ali Oubouzar, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Quy hoạch lãnh thổ nước Cộng hòa Angiêri dân chủ và nhân dân, ngày 22 tháng 02 năm 1985 765



- Thư gửi các đồng chí Tố Hữu và Đỗ Mười về giải quyết và quản lý lao động ở Tiệp Khắc, ngày 28 tháng 5 năm 1985	767
- Thông báo của Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng số 1746/TH, ngày 21 tháng 10 năm 1988 về kết quả hợp tác kinh tế, khoa học - kỹ thuật giữa Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Đức	771
- Báo cáo số 832-PG, ngày 25 tháng 5 năm 1990 về chuyến đi thăm làm việc tại Bắc Âu	776
- Thông báo kết quả chuyến thăm Malaixia của đồng chí Võ Văn Kiệt từ ngày 20 đến ngày 23/01/1992	785
- Thông báo kết quả chuyến thăm chính thức nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào của đồng chí Võ Văn Kiệt, ngày 17 tháng 02 năm 1992	793
- Phát biểu tại cuộc gặp giới kinh doanh ở Ôxtrâylia, ngày 29 tháng 5 năm 1993	803
- Thư gửi ngài V.S. Chernomuđin, Chủ tịch Chính phủ Liên bang Nga về vấn đề trả lương cho chuyên gia Nga trong Xí nghiệp liên doanh dầu khí Vietsovpetro năm 1997	814

Dấu ấn Võ Văn Kiệt Thời kỳ đổi mới

(Tuyển chọn tài liệu lưu trữ)

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

CHƯƠNG TRÌNH SUÙ TÀM TÀI LIỆU, VIẾT TIỂU SỬ
CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO TIỀN BÓI
CỦA ĐẢNG VÀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

. Võ Văn Kiệt - Tiểu sử

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH -
THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - TỈNH ỦY VĨNH LONG

. Đồng chí Võ Văn Kiệt với cách mạng Việt Nam

. Võ Văn Kiệt - Một nhân cách lớn, nhà lãnh đạo tài năng, suốt đời vì nước vì dân (hồi ký)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội, ĐT: 080 49221, Fax: 080 49222, Email: suthat@nxbcqg.vn,
Website: www.nxbctqg.org.vn, Sách điện tử: www.stbook.vn, www.thuvicoso.vn



MÃ ĐỊNH DANH
CUỐN SÁCH